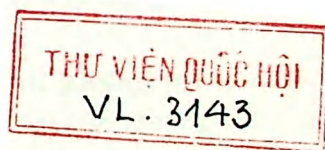


NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

Bản sao lưu trữ

**CHIẾN DỊCH
HỒ CHÍ MINH
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC**



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2005

Chỉ đạo nội dung:

Đại tá PHẠM QUANG ĐỊNH

Đại tá PHẠM BÁ TOÀN

Đại tá ĐẶNG VĂN LÂM

Biên soạn:

Đại tá LÊ HẢI TRIỀU (Chủ biên)

Thượng tá NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Đại tá VÕ TÁ TAO

Thượng tá TRẦN VĂN QUANG

Trung tá ĐẶNG VIỆT THỦY

Trung tá ĐINH VĂN THIÊN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chiến dịch Hồ Chí Minh là một trong ba đòn tiến công chiến lược trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Sau hai đòn tiến công và bằng hai chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh là đòn quyết chiến chiến lược cuối cùng, kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là một chiến dịch tiến công có ý nghĩa chiến lược, đánh dấu bước phát triển tới đỉnh cao của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong 20 năm kháng chiến chống Mỹ.

Thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh là thắng lợi vĩ đại nhất, trọn vẹn nhất, kết thúc 30 năm chiến tranh lâu dài, gian khổ, chống ngoại xâm của dân tộc ta, mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Nếu trước đây chiến dịch Điện Biên Phủ đã đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ của đế quốc Pháp, thì thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh ngày nay đã đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã giành được thắng lợi trong thời gian ngắn, ta đã thu được hầu như toàn bộ vũ khí kỹ thuật hiện đại, căn cứ, kho tàng của địch. Nhân dân trong khu vực chiến dịch hầu như không bị tổn thất, thành phố hầu như còn nguyên vẹn, hầu hết cơ sở vật chất về quân sự, kinh tế, xã hội có tác dụng hết sức to lớn cho công cuộc xây dựng đất nước, trang bị cho quân đội sau này.

Cuốn sách Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, giới thiệu cho người đọc thấy được con đường dẫn tới Chiến dịch Hồ Chí Minh; Diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh; các Đơn vị Anh hùng và Anh hùng được tuyên dương trong chiến dịch Hồ Chí Minh... Qua đó thấy được sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, quyết tâm chiến đấu của quân và dân ta để đi tới toàn thắng.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

PHẦN THỨ NHẤT

**CON ĐƯỜNG DẪN TỚI
CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH**

Bản sao lưu trữ

I. CÁCH MẠNG MIỀN NAM TỪ THẾ ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ TIẾN LÊN KHỞI NGHĨA VŨ TRANG TỪNG PHẦN, MỞ ĐẦU BẰNG PHONG TRÀO “ĐỒNG KHỞI”

Ngày 15 đến 18-7-1954: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 6. Trong khi cuộc kháng chiến chống Pháp sắp kết thúc, trên chiến trường ta liên tiếp thu được nhiều thắng lợi, trong lúc cuộc hội đàm tại Giơ-ne-vơ đã gần tới ngày ký kết Hiệp định.

Tại hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc báo cáo chính trị về tình hình mới và nhiệm vụ mới.

Phân tích tình hình trong nước và thế giới, hội nghị nhận định: “Đế quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương” và “đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương”.

Hội nghị quyết định phương châm, sách lược đấu tranh của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn trước mắt là: “Chĩa mũi nhọn đấu tranh vào đế quốc Mỹ và hiếu chiến Pháp, dựa trên cơ sở thắng lợi đã đạt được và tranh thủ thực hiện hòa bình ở Đông Dương, phá tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, củng cố và phát triển những thành tích đã đạt được để thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và thực hiện dân chủ trong toàn quốc”.

Xác định sớm đế quốc Mỹ là đối tượng cách mạng Việt Nam là một vấn đề rất cơ bản trong đường lối của Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa hết sức quan trọng, nói lên lập trường giai cấp, sự nhạy bén về chính trị của Đảng ta nhằm tập trung lực lượng cách mạng đánh đúng kẻ thù, thực hiện mục tiêu cơ bản của cách mạng.

Ngày 20-7-1954: Ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương. Hiệp định và bản tuyên bố chung của các nước tham gia hội nghị thừa nhận: tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào, quy định quân đội Pháp phải rút khỏi các nước Đông Dương và mỗi nước ở Đông Dương sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước.

Về Việt Nam, bản tuyên bố chung ghi rõ: “Đường ranh giới về quân sự chỉ có tính chất tạm thời, không thể coi như là một biên giới chính trị hoặc lãnh thổ” và quy định thời hạn tổ chức tổng tuyển cử để thống nhất nước Việt Nam vào tháng 7 năm 1956.

Hội nghị Giơ-ne-vơ thành công là một thắng lợi to lớn của quân và dân cả nước ta sau 9 năm kháng chiến lâu dài, gian khổ nhưng vô cùng anh dũng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đó cũng là thắng lợi to lớn chung của nhân dân ba nước ở Đông Dương và nhân dân thế giới đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Hiệp định Giơ-ne-vơ là một đòn giáng mạnh vào âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh Đông Dương của đế quốc Mỹ. Chính tên đế quốc đầu sỏ này đã coi Hội nghị Giơ-ne-vơ là “một thảm họa”, là “một bước tiến quan trọng của chủ nghĩa cộng sản có thể dẫn tới việc mất cả Đông Nam Á” (Trích Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ).

Với một sự tính toán hết sức nham hiểm, đế quốc Mỹ đã không chịu ký kết vào bản tuyên bố chung của Hội nghị Giơ-ne-vơ. Cùng ngày 20 tháng 7 năm 1954, tổng thống Mỹ Ai-xen-hao tuyên bố trắng trợn: “Mỹ không ký Hiệp định Giơ-ne-vơ nên không bị ràng buộc bởi hiệp định”.

Ngày 22-7-1954: Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi nhân Hội nghị Giơ-ne-vơ thành công. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”.

Người khẳng định công lao to lớn của đồng bào miền Nam “đi trước, về sau” trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Người chỉ rõ: “Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích của cả nước lên trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài lên trên lợi ích trước mắt mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc; Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi sự cố gắng của đồng bào và tin chắc đồng bào sẽ thắng lợi”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên nhiệm vụ và tính chất lâu dài gian khổ của quá trình cách mạng tiếp theo: “Đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ. Để giành lấy thắng lợi, toàn thể nhân dân, quân đội và

cán bộ ta từ Bắc đến Nam cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất, hành động phải nhất trí”.

Người kêu gọi nhân dân cả nước đoàn kết phấn đấu vì sự nghiệp thống nhất đất nước: “Tôi thiết tha kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đã đứng về phía nào, chúng ta hãy thật thà cộng tác, vì dân vì nước mà phấn đấu để thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong nước Việt Nam yêu quý của chúng ta.

Cả nước đồng lòng, muôn người như một, chúng ta nhất định thắng lợi”.

Từ ngày 5 đến 7-9-1954: Bộ Chính trị ra Nghị quyết về “Tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng”. Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp nhận định cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã bước vào một giai đoạn mới với những đặc điểm mới:

- Đặc điểm thứ nhất là từ chiến tranh chuyển sang hòa bình: “Tám năm nay, hết thấy sự hy sinh, cố gắng của nhân dân Việt Nam đều nhằm giành thắng lợi cho cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc... Nay đã đình chiến, chúng ta công tác và phấn đấu trong hòa bình. Đó là một biến đổi rất lớn, ảnh hưởng tới toàn bộ công tác của chúng ta...”.

- Đặc điểm thứ hai là Bắc, Nam tạm thời chia làm hai miền, miền Bắc thuộc về ta, miền Nam tạm thời do đối phương kiểm soát, không còn trong tình trạng chiến tranh đối chọi nhau. Đó cũng là một biến đổi rất lớn và phức tạp.

- Đặc điểm thứ ba là từ nông thôn chuyển vào thành thị, ở miền Bắc ta có đủ những điều kiện cần thiết để kiến thiết theo quy mô một quốc gia. Đó cũng là một biến đổi lớn.

- Đặc điểm thứ tư là từ phân tán chuyển sang tập trung. Trước kia mang nặng tính chất chiến tranh du kích nay tình hình đã biến đổi, yêu cầu ta phải tập trung thống nhất lãnh đạo xây dựng kiến thiết miền Bắc, chỉ đạo công tác miền Nam. “Đó là một biến đổi lớn, đồng thời cũng là một cuộc đấu tranh gian khổ”.

- Đặc điểm thứ năm là mối quan hệ giữa ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia cũng đã thay đổi..., mối quan hệ giữa ba nước cần đặt trên cơ sở mới.

Về nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Nghị quyết xác định: “Nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta chưa phải đã hoàn thành, cuộc đấu tranh ái quốc không vì đình chiến mà kết thúc; cuộc đấu tranh đó còn đang tiếp tục nhưng phương thức đấu tranh cần phải thay đổi.

Chúng ta cần hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc trong hình thức đấu tranh mới.

Vì vậy, từ nay trong một thời gian nhất định, nhiệm vụ chung của Đảng ta là: “Đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình; ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc; giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam nhằm củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc”.

Nghị quyết cũng nhận định: “Hiện nay, tuy đã đình chiến nhưng hòa bình chưa được củng cố, sự uy hiếp của chiến tranh vẫn còn, nửa nước ta ở miền Nam vẫn còn do đối phương kiểm soát... Đặc biệt là thế lực phản động quốc tế do bọn xâm lược Mỹ cầm đầu đang ráo riết tổ chức khối xâm lược Đông Nam Á âm mưu phá hoại hiệp định đình chiến ở Đông Dương, hòng gây chiến tranh xâm lược mới... Cho nên tăng cường quân đội nhân dân là nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng, Chính phủ và của toàn thể nhân dân ta...”.

Về công tác ở miền Nam, Nghị quyết xác định: “Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn hiện tại là: lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời, phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quần chúng cách mạng, chống những hành động tiến công của địch, giữ lấy quyền lợi quần chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là ở vùng căn cứ địa và du kích cũ của ta...”.

“Phương châm của ta lúc này là tranh thủ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp, kết hợp công tác hợp pháp và công tác không hợp pháp. Đối với các tổ chức quần chúng và tổ chức Đảng thì cố tranh thủ cho được tồn tại hợp pháp và hoạt động hợp pháp...”.

Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9 năm 1954 là một văn kiện có ý nghĩa quan trọng. Hiệp định Giơ-ne-vơ vừa ký kết, Bộ Chính trị đã kịp thời đề ra phương hướng nhiệm vụ và công tác cụ thể cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong giai đoạn mới, đặt cơ sở cho việc xác định một cách hoàn chỉnh đường lối cách mạng của Đảng sau này.

Ngày 10-10-1954: Thủ đô Hà Nội được giải phóng. Theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ, ngày 10 tháng 10 năm 1954, Quân đội nhân dân Việt Nam vào tiếp quản Thủ đô.

Thủ đô Hà Nội đã được giải phóng trong không khí tung bừng của ngày hội chiến thắng sau hơn 7 năm sống dưới sự kiểm soát của thực dân Pháp. Các hoạt động phục vụ lợi ích công cộng như điện, nước, vệ sinh, xe lửa, xe điện, v.v. vẫn duy trì được bình thường. Sinh hoạt của nhân dân được ổn định mau chóng. Đó là do sự đấu tranh kiên quyết của đoàn đại biểu quân sự ta tại Ủy ban liên hiệp đình chiến và nhờ tinh thần đấu tranh kiên cường chống địch phá hoại của nhân dân Hà Nội, trong đó giai cấp công nhân giữ vai trò tiên phong.

Thủ đô Hà Nội đã được giải phóng sau thắng lợi của cuộc đấu tranh gần một trăm năm và sau cuộc kháng chiến quyết liệt gần mười năm của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 1 tháng 1 năm 1955, nhân dịp đầu năm mới, nhân dân Thủ đô Hà Nội mít tinh hân hoan chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Thủ đô sau 8 năm ở khu căn cứ Việt Bắc lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong diễn văn đọc trước cuộc mít tinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nam - Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được. Chúng ta phải thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa miền Nam và miền Bắc”, “Chúng ta phải đoàn kết rộng rãi và chặt chẽ từ Bắc đến Nam, phải ủng hộ đồng bào miền Nam đấu tranh giành tự do dân chủ theo đúng Hiệp định Giơ-ne-vơ”.

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về lại Thủ đô, Hà Nội lại trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và trái tim của cả nước với hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam - Bắc.

Ngày 6-8-1954: Ngừng bắn ở Lào. Theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, từ ngày 6 tháng 8 năm 1954, ngừng bắn trên chiến trường Lào. Cuối tháng 8 năm 1954, bộ đội Pa-thét Lào từ khắp nơi trong cả nước chuyển quân tập kết về hai tỉnh Sầm Nưa và Phong Sa Ly.

Giữa tháng 11 năm 1954, bộ đội tình nguyện Việt Nam hoạt động trên đất Lào trong cuộc kháng chiến chống Pháp hoàn thành việc rút quân về nước.

Ngay từ những ngày cuối tháng 11 năm 1954, bọn phản động Lào đã huy động quân tiến công vùng tập kết của Pa-thét Lào, mở đầu bằng cuộc tiến công Mường Pơn, tỉnh Sầm Nưa, Cuộc đấu tranh giữa lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng ở Lào tiếp diễn trong hoàn cảnh mới với những hình thái mới. Lực lượng cách mạng Lào từ chỗ chỉ có những đơn vị nhỏ đứng chân tại những căn cứ hẹp rải rác ở nhiều nơi nay đã có một vùng giải phóng hoàn chỉnh gồm hai tỉnh nối liền tiếp giáp với phe xã hội chủ nghĩa, dựa lưng

vào nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ở vùng giải phóng có cơ quan Trung ương lãnh đạo cách mạng cả nước Lào, có chính quyền cách mạng từ tỉnh đến xã; bộ đội Pa-thét Lào tiến lên xây dựng các đơn vị tập trung tới cấp tiểu đoàn, tạo điều kiện cho những thắng lợi về sau của cách mạng Lào.

Từ nay, trong cuộc đấu tranh tiến lên hoàn thành nhiệm vụ nặng nề của cách mạng mỗi nước, cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam càng hỗ trợ cho nhau chặt chẽ, cùng giúp đỡ nhau phát triển và cùng chung sức đánh bại kẻ thù chung là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Ngày 2-12-1954: Đế quốc Mỹ hất cẳng Pháp để nhảy vào miền Nam Việt Nam. Sau khi thất bại, không phá hoại được việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, âm mưu cơ bản của Mỹ đối với Việt Nam là: tiêu diệt bằng được phong trào yêu nước của nhân dân ta, thôn tính miền Nam Việt Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, lập phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa xã hội lan xuống Đông Nam châu Á, đồng thời lấy miền Nam Việt Nam làm căn cứ để tiến công miền Bắc nước ta, tiền đồn của hệ thống xã hội chủ nghĩa, hồng đê bẹp và đẩy lùi chủ nghĩa xã hội ở vùng này, bao vây và uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Âm mưu cụ thể của Mỹ trong giai đoạn này là:

- Nhanh chóng hất cẳng Pháp, độc chiếm quyền thống trị ở miền Nam Việt Nam và Đông Dương.
- Đàn áp phong trào cách mạng và áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam và Đông Dương.
- Phá Hiệp định Giơ-ne-vơ, chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành một pháo đài của Mỹ ở Đông Nam Á.

Ngày 8 tháng 9 năm 1954, Mỹ đã lôi kéo Anh, Pháp và một số nước chư hầu lập khối Đông Nam Á (SEATO), đặt Nam Việt Nam, Lào và Campuchia vào khu vực bảo hộ của khối đó.

Ngày 17 tháng 11 năm 1954, tướng Cô-lin, đại sứ Mỹ ở Nam Việt Nam đến Sài Gòn mang theo một kế hoạch của Mỹ gồm 6 điểm:

- Chỉ ủng hộ Ngô Đình Diệm và viện trợ thẳng cho Diệm, không qua Pháp.
- Thành lập quân đội "quốc gia" cho Diệm (15 vạn) do Mỹ huấn luyện và cung cấp vũ khí.
- Lập "quốc hội", thực hiện "độc lập".
- Thi hành "cải cách điền địa", thực hiện định cư cho số người miền Bắc di cư vào.
- Thay đổi các thứ thuế, dành ưu tiên cho hàng hóa và tư bản Mỹ.

- Đào tạo cán bộ hành chính cho Diệm.

Trước sức ép của Mỹ, ngày 2 tháng 12 năm 1954, Pháp đã phải ký với Mỹ một hiệp ước về việc rút quân Pháp khỏi miền Nam Việt Nam và ngày 10 tháng 12, thỏa thuận một kế hoạch tổ chức, huấn luyện quân nguy theo phương hướng của Mỹ.

Ngày 22 tháng 12 năm 1954, Rát-pho, chủ tịch hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ đến Sài Gòn hứa viện trợ thẳng cho Diệm 300 triệu đô-la trong năm 1955.

Từ ngày 3 đến 12-3-1955: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 7. Trước tình hình ở miền Nam có những biến chuyển mới về phía địch cũng như trong phong trào cách mạng của quần chúng, ở miền Bắc, hậu quả do địch để lại trong các vùng mới giải phóng rất nghiêm trọng, nạn đói nặng nề, bọn tay sai do địch cài lại ra sức hoạt động chống phá, Trung ương Đảng ta họp hội nghị mở rộng để nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ mới cho cả nước.

Hội nghị nhận định: “Đế quốc Mỹ đang trực tiếp can thiệp vào Việt Nam ngày càng sâu, đẩy dân thực dân Pháp xuống địa vị phụ thuộc. Chúng cấu kết với phái thực dân Pháp phản hiệp định và dựa vào bọn địa chủ phong kiến và tư sản mại bản phản động nhất ở nước ta do Ngô Đình Diệm đứng đầu hòng phá hoại hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của nước ta, cụ thể là phá hoại kết quả của hiệp định đình chiến, phá hoại thống nhất của Việt Nam, chuẩn bị gây lại chiến tranh Đông Dương”.

Hội nghị xác định: “Kẻ thù cụ thể trước mắt của toàn dân ta hiện nay là đế quốc Mỹ, phái thực dân Pháp phản hiệp định và bọn Ngô Đình Diệm, đế quốc Mỹ là kẻ thù đầu sỏ và nguy hại nhất”.

- “Mục tiêu đấu tranh trước mắt của nhân dân ta trong giai đoạn này là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ”.

Do đó, ta đánh đế quốc Mỹ, “kẻ thù trực tiếp trước mắt của ta” đồng thời là “kẻ thù chính của nhân dân thế giới”, bằng sức mạnh tổng hợp của hai cuộc cách mạng của thời đại là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- “Khẩu hiệu chung của cuộc đấu tranh ái quốc của ta hiện nay là củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc; củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất là khẩu hiệu máu chốt”.

- “Tính chất cuộc đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, của ta là lâu dài, gian khổ, phức tạp, nhưng nhất định thắng lợi”.

Hội nghị cũng vạch ra sách lược của ta là chia mũi nhọn đấu tranh vào đế quốc Mỹ, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, đoàn kết và tranh thủ tất cả các lực lượng có thể đoàn kết và tranh thủ được.

Về mối quan hệ giữa miền Bắc và miền Nam, Nghị quyết của Hội nghị xác định: “Miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc và bè lũ tay sai để giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói tại hội nghị: “Miền Bắc là cái gốc”.

Hội nghị đề ra 5 nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân:

1. Tiếp tục đấu tranh để thi hành hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình và tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà.
2. Củng cố miền Bắc về mọi mặt.
3. Giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam.
4. Thực hiện mở rộng và củng cố mặt trận dân tộc thống nhất trong toàn quốc.
5. Đẩy mạnh công tác ngoại giao, tăng cường đoàn kết hữu nghị với các nước bạn và tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới.

Ý nghĩa quan trọng của Hội nghị Trung ương lần thứ 7 là trên cơ sở Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 9 năm 1954 đã khẳng định và vạch rõ đế quốc Mỹ đã trở thành kẻ thù đầu sỏ và nguy hại nhất của nhân dân ta, đề ra đường lối của cách mạng cả nước cũng như của từng miền, mối quan hệ giữa hai miền, đồng thời đề ra những chủ trương để giải quyết những vấn đề cấp bách ở miền Nam cũng như ở miền Bắc. Nghị quyết hội nghị là một sự phát triển đúng đắn, sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng ta trong giai đoạn mới.

Từ 20 đến 26-3-1955: Kỳ họp thứ tư của Quốc hội khóa I. Đây là kỳ họp đầu tiên của Quốc hội tại Thủ đô sau cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi.

Quốc hội đề ra 3 nhiệm vụ của toàn dân ta trong giai đoạn mới:

1. Tiếp tục đấu tranh để thi hành triệt để hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình và tiến tới thực hiện thống nhất đất nước bằng tổng tuyển cử.
2. Củng cố miền Bắc bằng cách đẩy mạnh và hoàn thành cải cách ruộng đất, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, ra sức củng cố quốc phòng, củng cố chính quyền nhân dân, tăng cường công tác ngoại giao.
3. Mở rộng và củng cố đoàn kết nhân dân trong nước, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới. Nghị quyết của Quốc hội thể hiện sự đoàn kết, nhất trí và quyết tâm sắt đá của nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, tiếp tục đấu tranh để thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước.

Tháng 4-1955: Mỹ - Diệm tiêu diệt lực lượng vũ trang giáo phái. Đảng ta chủ trương lôi kéo các giáo phái chống lại Mỹ - Diệm. Từ đầu năm 1955, cùng với việc đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng, để thanh toán ảnh hưởng và thế lực của Pháp ở miền Nam, Mỹ - Diệm liên tiếp tổ chức các chiến dịch để tiêu diệt lực lượng vũ trang của các giáo phái thân Pháp như Hòa Hảo, Cao Đài, Bình Xuyên.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam Bộ chủ trương sử dụng và lợi dụng giáo phái chống lại Mỹ - Diệm, tranh thủ tập hợp lực lượng, xây dựng lực lượng vũ trang ta.

Tháng 10 năm 1955, Trung ương Đảng gửi chỉ thị cho miền Nam, nêu rõ: “Đối với bọn đương chống Diệm hiện nay như Hòa Hảo, Bình Xuyên, Cao Đài ở Nam Bộ, Đại Việt ở Quảng Trị, Quốc dân đảng ở Quảng Nam, chúng ta cần nhận rõ tính chất của chúng chống Diệm là vì quyền lợi, địa vị bản thân của chúng, nhưng chúng cũng đều chống lại ta và bọn nào cũng có nhiều hành động tàn ác đối với nhân dân. Nhưng hiện nay bọn chúng đều chống Diệm, nên chúng ta phải triệt để lợi dụng mâu thuẫn mà lôi kéo chúng. Nhưng lôi kéo chúng cũng phải đứng trên lập trường nhất định; dựa trên những yêu cầu cấp thiết nhất của dân tộc ta hiện nay là hòa bình, thống nhất mà ta đặt vấn đề lôi kéo hợp tác với chúng, không phải hợp tác vô nguyên tắc, không lập trường. Nhưng do tính chất của chúng như trên nên việc lôi kéo hợp tác với chúng phải rất thận trọng và khéo léo. Phải đánh giá tính chất và mâu thuẫn của chúng *đối với Diệm cho đúng mức và luôn luôn đề cao cảnh giác để phòng mọi âm mưu của chúng*. Việc lôi kéo hợp tác với chúng, *chủ yếu là để tranh thủ lôi kéo hạ tầng*; đồng thời tiến hành liên lạc, lôi kéo đối với những bọn bên trên nào có thể lôi kéo, liên lạc. Không nên lôi kéo, liên lạc với bọn đầu sỏ, có rất nhiều tội ác đối với nhân dân”.

Nghị quyết Xứ ủy Nam Bộ tháng 12 năm 1956 viết:

“... Tranh thủ vận động cải tạo, tập hợp các lực lượng giáo phái bị Mỹ - Diệm đánh tan đứng vào hàng ngũ nhân dân, lợi dụng danh nghĩa giáo phái ly khai để diệt ác ôn”.

Chủ trương kịp thời này đã thu được một số kết quả: số tàn quân của Hòa Hảo chạy về với cách mạng mang theo gần 1.000 súng, một đơn vị lực lượng vũ trang Bình Xuyên gồm 200 người có đầy đủ trang bị theo ta vào Đồng Tháp Mười, 500 quân Cao Đài kéo vào chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh).

Năm 1956, lực lượng vũ trang của các giáo phái chạy theo cách mạng đã độc lập tác chiến hoặc phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng đánh một số trận như ở Cái Sắn, Bến Củi và vũ trang tuyên truyền ở lộ 13, lộ 14, Dầu Tiếng.

Tuy vậy, do bản chất giai cấp của họ và trước sự đầu hàng của thực dân Pháp, sự chống trả của các giáo phái yếu ớt và cuối cùng tan vỡ nhanh chóng, một bộ phận nhỏ chạy về với ta, phần lớn đầu hàng chính quyền Ngô Đình Diệm hoặc bị tiêu diệt.

Tháng 5-1955: Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Ngày 13 tháng 5, quân đội thực dân Pháp rút khỏi Hải Phòng; ngày 22 tháng 5 chúng rút khỏi đảo Cát Bà. Một nửa nước ta, từ vĩ tuyến 17 trở ra, đã không còn bóng quân xâm lược.

Chúng ta đã có cả miền Bắc hoàn chỉnh có quy mô quốc gia với sức mạnh của một dân tộc vừa chiến thắng, có tài nguyên phong phú, có sức lao động dồi dào để phát triển kinh tế, giải quyết hậu quả của chiến tranh, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh việc củng cố quốc phòng, bảo vệ trật tự trị an, phát triển văn hóa, kinh tế đồng thời phát huy vai trò của miền Bắc “cái gốc cho cả nước” để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc đã ra sức phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, nhất là công nhân và nông dân lao động, phát huy sáng kiến, lập được những thành tích quan trọng. Nhiệt tình và năng lực cách mạng của quần chúng đã được phát huy cao độ trong sự nghiệp xây dựng kinh tế, khắc phục nạn đói, tiêu diệt bọn gián điệp biệt kích thổ phỉ, xây dựng cuộc sống lành mạnh và hạnh phúc của nhân dân.

Công tác ngoại giao cũng được đẩy mạnh; sau khi trao đổi cơ quan ngoại giao với Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc, Pháp và Trung Quốc trong năm 1954, năm 1955 ta tiếp tục trao đổi cơ quan ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa khác, với nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và đã tranh thủ được sự viện trợ tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa anh em để xây dựng đất nước.

Tháng 7-1955: Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương để hòa bình thống nhất Tổ quốc. Ngày 6 tháng 6 năm 1955, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ra tuyên bố sẵn sàng mở hội nghị hiệp thương với những nhà đương cục ở miền Nam bắt đầu từ ngày 20 tháng 7 năm 1955 để bàn việc tổ chức tổng tuyển cử tự do nhằm hòa bình thống nhất đất nước vào tháng 7 năm 1956 như Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định.

Ngày 19 tháng 7 năm 1955, Chính phủ ta lại gửi công hàm cho chính quyền miền Nam đề nghị cử đại biểu tham dự Hội nghị hiệp thương bắt đầu từ ngày 20 tháng 7 năm 1955.

Ngay từ khi Hiệp định Giơ-ne-vơ ký chưa ráo mực, Mỹ - Diệm đã nhiều lần tuyên bố không thừa nhận Hiệp định này. Ngày 28 tháng 2 năm 1955, đài Sài Gòn lên tiếng: “Trong thực tế, không thể nào có cuộc tổng tuyển cử năm 1956”. Ngày 6 tháng 7 năm 1955, phó tổng thống Mỹ Ních-xơn nói: “Mỹ

hoàn toàn ủng hộ chủ trương của chính phủ Diệm không tham gia tổng tuyển cử thống nhất đất nước”.

Được chủ Mỹ khuyến khích, ngày 16 tháng 7 năm 1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố: “Không có hiệp thương tổng tuyển cử, chúng ta không ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, bất cứ phương diện nào, chúng ta cũng không bị ràng buộc bởi Hiệp định đó”.

Ngày 20 tháng 7 năm 1955, Diệm còn cho bọn tay chân tập trung bọn lưu manh bày trò biểu tình chống Hiệp định Giơ-ne-vơ và đập phá trụ sở Ủy ban quốc tế ở Sài Gòn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngày 3 tháng 7, công nhân và nhân dân lao động Sài Gòn tổ chức hai cuộc biểu tình lớn đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất Tổ quốc và đòi trả lại tự do cho những người trong “Ủy ban cứu trợ nạn nhân chiến tranh”.

Chính quyền Diệm đã huy động quân đội, cảnh sát để chống quần chúng biểu tình. Bất chấp mọi sự ngăn cản, đàn áp của kẻ thù, ở khắp miền Nam có từ 60% đến 90% đồng bào tham gia bãi công, bãi thị. Ở Sài Gòn, cuộc tổng bãi công, bãi thị bao gồm 80% nhân dân, làm tê liệt hoạt động của thành phố trong 10 giờ. Ở Mỹ Tho, cùng ngày 10 tháng 7, các cuộc bãi công, bãi thị cũng đã làm cho thành phố phải ngừng hoạt động hoàn toàn trong một ngày.

Ở Đà Nẵng, trước sự khủng bố của kẻ địch, quần chúng nổi dậy đốt đồn Võ Tánh, phá kho bạc.

Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, hòa bình thống nhất Tổ quốc từ đầu tháng 7 năm 1955 kéo dài nhiều tháng và lan rộng ra nhiều địa phương như Sa Đéc, Châu Đốc, Vĩnh Long, Thừa Thiên, Huế, Bình Định, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết, Quảng Nam, Quảng Trị.

Từ 13 đến 20-8-1955: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 8. Từ sau Hội nghị lần thứ 7 (mở rộng) của Trung ương Đảng tháng 3 năm 1955, tình hình thế giới, tình hình trong nước đã có những phát triển mới. Tình hình thế giới nói chung có dấu đi phần nào nhưng tình hình Viễn Đông vẫn căng thẳng. Trong nước, đã kết thúc thời kỳ tập kết chuyển quân, hoàn toàn giải phóng miền Bắc; ở miền Nam, đế quốc Mỹ càng tăng cường can thiệp và chống lại Hiệp định Giơ-ne-vơ, cự tuyệt hiệp thương, ra sức hất cẳng Pháp. Mâu thuẫn giữa Mỹ với Pháp và giữa bọn thân Mỹ với bọn thân Pháp càng sâu sắc.

Cả nước đứng trước hai nhiệm vụ lớn: ra sức củng cố miền Bắc và kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình tiến tới thống nhất nước nhà. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 8 (mở rộng) đề ra nhiệm vụ: *“Đoàn kết nhân dân toàn quốc đấu tranh để thực hiện thống nhất Việt Nam trên cơ sở độc lập và dân chủ”*.

Hội nghị tiếp tục khẳng định: “Kẻ thù cụ thể trước mắt của chúng ta hiện nay là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng (bao gồm bọn bù nhìn thân Mỹ và phái thực dân Pháp thân Mỹ, làm tay sai cho đế quốc Mỹ). Đế quốc Mỹ là kẻ thù đầu sỏ nguy hại nhất”.

Về nhiệm vụ trước mắt của Đảng, Nghị quyết đề ra là phải “ra sức tập hợp lực lượng của toàn dân thành một mặt trận thống nhất rộng rãi, có một cương lĩnh chung thích hợp để đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập, dân chủ và bằng phương pháp hòa bình, đồng thời đấu tranh để củng cố hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh trở lại ở Đông Dương. Muốn thu được thắng lợi trong cuộc đấu tranh đó, phải đẩy mạnh việc củng cố miền Bắc, và muốn củng cố miền Bắc phải tăng cường chỉ đạo công tác kinh tế, tài chính và ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, củng cố quốc phòng, tăng cường công tác trị an, v.v.”.

Về đấu tranh thống nhất nước nhà, ta chủ trương thống nhất dần từng bước nhưng cần nhận rõ rằng mỗi bước là một quá trình đấu tranh gay go. Muốn giành thắng lợi cần phải mở rộng mặt trận thống nhất trong toàn quốc, tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình từ Bắc chí Nam, tranh thủ bất cứ người nào ta có thể tranh thủ, trung lập bất cứ người nào ta có thể trung lập, phân hóa Mỹ, Pháp, phân hóa bọn thân Mỹ và bọn thân Pháp, cô lập đế quốc Mỹ và bọn thân Mỹ ngoan cố, khắc phục mọi trở lực trong nước và ngoài nước.

Để thực hiện thống nhất nước nhà, phải mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Hội nghị đã thông qua cương lĩnh chung của Mặt trận dân tộc thống nhất làm cơ sở để tập hợp mọi lực lượng, dân tộc dân chủ và hòa bình trong cả nước để đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, giành thống nhất nước nhà, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Hội nghị nhấn mạnh: “Muốn thống nhất nước nhà, điều cốt yếu là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam”.

“Củng cố miền Bắc tức là bồi dưỡng lực lượng cơ bản của ta, xây dựng chỗ dựa vững chắc cho nhân dân cả nước giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất”.

Đường lối củng cố miền Bắc của ta là “củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến dần từng bước vững chắc đến chủ nghĩa xã hội”.

Nghị quyết đã nhấn mạnh rằng: “Trước nhiệm vụ do Đảng đề ra, cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng dân tộc đều bước vào một thời kỳ gay go hơn trước cho nên cần *tăng cường lãnh đạo tư tưởng, củng cố Đảng, tích cực kiện toàn tổ chức và sửa đổi lề lối làm việc của Đảng*”.

Trung ương kêu gọi tất cả cán bộ, đảng viên nâng cao ý chí phấn đấu, thông suốt tư tưởng, đường lối chính sách của Đảng, tin tưởng ở tiền đồ thắng lợi nhất định về ta, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, quyết tâm vượt mọi khó khăn, ra sức làm tròn nhiệm vụ nặng nề nhưng vô cùng vẻ vang của Đảng.

Ngày 10-9-1955: Thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc họp từ 5 tháng 9 đến 10 tháng 9 tại Thủ đô Hà Nội quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục sự nghiệp đoàn kết toàn dân của Mặt trận Liên Việt.

Cương lĩnh tóm tắt của Mặt trận Tổ quốc gồm 10 điểm:

1. Hoàn thành độc lập dân tộc;
2. Thực hiện thống nhất nước nhà;
3. Xây dựng chế độ dân chủ;
4. Phát triển kinh tế, nâng cao sản xuất;
5. Cải cách ruộng đất;
6. Thi hành chính sách xã hội hợp lý;
7. Phát triển văn hóa giáo dục;
8. Củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc;
9. Thi hành chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập;
10. Đoàn kết nhân dân toàn quốc.

Đại hội bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch danh dự của mặt trận, Cụ Tôn Đức Thắng là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương và 98 ủy viên trong Ủy ban Trung ương Mặt trận đại diện cho tất cả các đoàn thể thuộc nhiều xu hướng chính trị, tôn giáo, thành phần giai cấp khác nhau.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập đánh dấu một bước phát triển về đoàn kết dân tộc trong giai đoạn cách mạng mới, nhằm tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình trong cả nước để đấu tranh chống đế quốc Mỹ, củng cố hòa bình thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ tiến tới xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Từ 19 đến 24-4-1956: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 9 (mở rộng). Hội nghị đã nghe đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam đi dự Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô về báo cáo.

Trong khi nghiên cứu các luận điểm về khả năng ngăn ngừa chiến tranh, về chung sống hòa bình, quá độ hòa bình... của Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 20, Trung ương Đảng ta đã nêu quan điểm đúng đắn: "Khi chúng ta nhận định có khả năng ngăn ngừa chiến tranh, chúng ta

không quên rằng: còn chủ nghĩa đế quốc thì cơ sở kinh tế của chiến tranh vẫn còn, cho nên nhân dân thế giới phải luôn luôn tăng cường cuộc đấu tranh cho hòa bình và phải rất cảnh giác đối với âm mưu của bọn gây chiến tranh. Khi chúng ta nhận định một số nước có khả năng tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường hòa bình, chúng ta phải nhớ rằng: trong trường hợp giai cấp tư sản còn nắm bộ máy quân sự và cảnh sát mạnh mẽ và kiên quyết dùng vũ lực đàn áp phong trào cách mạng thì cuộc đấu tranh vũ trang quyết liệt để giành chính quyền sẽ không tránh khỏi, cho nên giai cấp vô sản phải có sự chuẩn bị trước”.

Do đó, đối với cách mạng nước ta, “Đảng ta càng tin tưởng sâu sắc thêm rằng đường lối củng cố miền Bắc, chiếu cố miền Nam và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình là rất đúng. Tuy vậy, các lực lượng phản động còn tồn tại trên nửa nước ta và đang có âm mưu gây chiến cho nên chúng ta cần phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, ra sức củng cố quốc phòng, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế”.

Những quan điểm đúng đắn trên đây nói lên sự trung thành của Đảng ta đối với chủ nghĩa Mác-Lênin, tinh thần độc lập, sáng tạo phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta.

Từ 8 đến 9-6-1956: Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết về “Tình hình và nhiệm vụ cách mạng miền Nam”. Sau hai năm kể từ ngày ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam nhằm thực hiện thống nhất Việt Nam ngày càng quyết liệt; địch càng ra sức phá hoại Hiệp định, phá hoại hiệp thương tổng tuyển cử, dùng vũ trang phản cách mạng đàn áp, khủng bố phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Phong trào cách mạng đòi hỏi có sự chỉ đạo phù hợp với tình hình phát triển mới.

Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết về “Tình hình và nhiệm vụ cách mạng miền Nam”, vạch rõ “Chế độ miền Nam là một chế độ độc tài, phát xít của bọn tư sản mại bản và phong kiến thân Mỹ phản động nhất... miền Nam đang trở thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ”.

Do đó, “tính chất của cách mạng của ta ở miền Nam là dân tộc và dân chủ. Nhiệm vụ cách mạng miền Nam là phản đế và phản phong kiến”.

Trên cơ sở đường lối đã được xác định trong các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị thấy rằng: “Vấn đề hết sức quan trọng là phải tranh thủ xây dựng lực lượng cách mạng”. Tuy “hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải là đấu tranh vũ trang” nhưng “như thế không có nghĩa là không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định”, Bộ Chính trị nêu rõ sự cần thiết phải “củng cố các lực

lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng các căn cứ làm chỗ dựa. Đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang”.

Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ đấu tranh nhằm thành lập một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống Mỹ - Diệm, đấu tranh đòi lập một Chính phủ liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam. Bộ Chính trị coi việc “củng cố Đảng ở miền Nam là một trọng tâm công tác có tính chất quyết định”.

Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị lần này đã có những vấn đề chỉ đạo mới, trong đó quan trọng nhất là đã đề cập đến các vấn đề: đấu tranh vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa. Đây là một sự chuyển hướng có tính chất đường lối trong phương pháp cách mạng ở miền Nam, đồng thời trên cơ sở thực tiễn cách mạng của hai năm qua, Đảng đã nêu rõ chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất rộng rãi chống Mỹ - Diệm, lập Chính phủ liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam.

Tháng 7-1956: Hoàn thành cải cách ruộng đất ở miền Bắc. Tiếp theo các đợt cải cách ruộng đất ở các vùng tự do cũ, trong năm 1955, cải cách ruộng đất đợt 3 và đợt 4 được tiến hành và mở rộng đến các địa phương mới giải phóng.

Tháng 1 năm 1956, bắt đầu cải cách ruộng đất đợt 5, đây là đợt cuối cùng và lớn nhất được tiến hành trong hơn 1.600 xã bao gồm 6 triệu dân, phần lớn ở những vùng bị địch tạm chiếm đóng trước đây.

Mùa hè năm 1956, cuộc vận động cải cách ruộng đất đã hoàn thành ở đồng bằng, trung du và trong hơn 200 xã ở miền núi. Những xã ở miền núi còn lại đã qua vận động giảm tô hoặc những cuộc vận động khác có tính chất dân chủ dưới mức độ khác nhau.

Trung tuần tháng 7, Ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương báo cáo tổng kết đợt cuối cùng lên Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ.

Cải cách ruộng đất và cải cách dân chủ đã đạt được những kết quả to lớn:

Về chính trị, nông dân đã vùng dậy đấu tranh đánh đổ giai cấp địa chủ, một đối tượng chủ yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nông dân lao động hoàn toàn thoát khỏi ách địa chủ phong kiến có hàng nghìn năm ở nước ta, đã thực sự trở thành người chủ ở nông thôn.

Về kinh tế, cải cách ruộng đất đã vĩnh viễn xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất và quyền chiếm hữu ruộng đất của bọn đế quốc cướp nước, đem 810.000 héc-ta ruộng đất do địa chủ và đế quốc chiếm giữ chia cho 2.220.000 hộ nông dân lao động và dân nghèo ở nông thôn, bao gồm 9 triệu người.

Về tư tưởng và tổ chức, cải cách ruộng đất đã vạch rõ ranh giới giữa lao động và bóc lột, đã phát triển lực lượng của Đảng và của các tổ chức quần chúng.

Trong quá trình thực hiện, bên cạnh những thắng lợi căn bản, chúng ta đã phạm một số sai lầm, đó là những sai lầm trong phương pháp đấu tranh chống kẻ thù giai cấp, trong việc chỉnh đốn tổ chức. Những sai lầm ấy đã vi phạm đường lối chung của Đảng ở nông thôn, vi phạm chính sách, nguyên tắc và điều lệ Đảng, vi phạm chế độ pháp trị dân chủ.

Ngày 18 tháng 8 năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào nông thôn và cán bộ khẳng định những thành tích đã giành được trong cải cách ruộng đất, khen ngợi cán bộ, nông dân và quân đội đã góp phần vào thắng lợi chung đồng thời kêu gọi mọi người đoàn kết, kiên quyết sửa chữa sai lầm.

Với thắng lợi của cải cách ruộng đất, cuộc cách mạng chống phong kiến đã căn bản hoàn thành ở miền Bắc. Đó là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử, mở đường cho nông thôn miền Bắc theo con đường hợp tác hóa mà tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

Tháng 8-1956: Đồng chí Lê Duẩn viết tài liệu về đường lối cách mạng miền Nam. Tình hình cách mạng miền Nam trong hai năm qua cho thấy rằng, con đường cơ bản để giành thắng lợi là con đường bạo lực, pháp lý Giơ-ne-vơ không thể thay thế pháp lý của nhân dân; “Khi giai cấp tư sản còn nắm bộ máy quân sự và cảnh sát mạnh mẽ và kiên quyết dùng lực lượng đàn áp phong trào cách mạng thì cuộc đấu tranh vũ trang quyết liệt để giành chính quyền sẽ không tránh khỏi, cho nên giai cấp vô sản phải có chuẩn bị trước” (Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 9 mở rộng tháng 4 năm 1956).

Tháng 8 năm 1956, đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng đang công tác ở miền Nam, căn cứ vào sự phân tích khoa học tình hình xã hội, tình hình địch, ta ở miền Nam cũng như cả trong nước và trên thế giới, căn cứ vào quy luật đấu tranh cách mạng và thực tiễn diễn ra ở miền Nam hai năm qua, đã thảo ra tài liệu “Đường lối cách mạng miền Nam” để làm phương hướng chỉ đạo cho phong trào cách mạng miền Nam lúc này.

Tài liệu quan trọng này đã xác định rõ tính chất của xã hội miền Nam, đề ra con đường cách mạng là con đường duy nhất đúng đắn của nhân dân ta ở miền Nam tiến tới giành chính quyền.

Thực tiễn ngày càng chứng tỏ nguy quyền miền Nam là chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ xâm lược đang điên cuồng đàn áp xóa bỏ cách mạng miền Nam, thực hiện chính sách thực dân kiểu mới. Dưới chính quyền ấy, nhân dân ta ở miền Nam không chỉ nằm trong tình cảnh đất nước bị chia cắt, chiến tranh hăm dọa mà hàng ngày đương bị chính sách độc tài phát xít Mỹ - Diệm áp bức, bóc lột, tù tội, chém giết ghê rợn. Tình hình ấy nhất định

sẽ thúc đẩy nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác là đứng lên làm cách mạng để cứu nước, cứu mình. Do đó, mục đích cách mạng miền Nam là: *phải đánh đổ chính quyền độc tài phát xít Mỹ - Diệm và đánh đổ bằng con đường cách mạng.*

Tài liệu này đã góp phần soi sáng con đường cho đảng viên, cán bộ và nhân dân miền Nam đang vượt qua những chặng đường đấu tranh cực kỳ ác liệt, đồng thời là một đóng góp quan trọng đặt ra những luận điểm cơ bản để xây dựng đường lối cách mạng miền Nam của Đảng ta.

Tháng 9-1956: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 10. Miền Bắc đã hoàn thành cuộc cách mạng chống phong kiến, thực hiện cải cách ruộng đất thắng lợi nhưng trong việc tiến hành đã phạm những sai lầm nghiêm trọng, do đó Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 10.

Về công tác cải cách ruộng đất, Hội nghị khẳng định “thắng lợi của cải cách ruộng đất là to lớn và căn bản”, “cuộc cách mạng chống phong kiến đã căn bản hoàn thành ở miền Bắc, đó là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử” và đề ra nhiệm vụ kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã đạt được.

Hội nghị Trung ương lần thứ 10 thể hiện thái độ trung thực, nghiêm chỉnh, sẵn sàng chịu trách nhiệm trước lịch sử, trước nhân dân của Đảng ta và cương quyết sửa chữa sai lầm nhằm đưa cách mạng tiến lên.

Hội nghị đã nghiêm khắc phê phán những quan điểm lập trường sai trái, chủ yếu là chủ nghĩa kinh nghiệm, giáo điều, thiếu độc lập, sáng tạo.

Sau khi nghiêm khắc phê phán và thi hành kỷ luật đối với một số đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Hội nghị nhất trí đề nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng kiêm Tổng bí thư Trung ương Đảng.

Nghị quyết của Hội nghị đã tạo nên sự thống nhất tư tưởng, nhận thức về đường lối và tổ chức trong Đảng, do đó, mặc dầu đã có những sai lầm trong việc tiến hành cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức nhưng Đảng ta đã kịp thời khắc phục, nhanh chóng củng cố tổ chức, xây dựng được lòng tin tưởng vững chắc trong quần chúng, toàn Đảng, toàn dân và đoàn kết chặt chẽ xung quanh Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyết tâm phấn đấu vượt qua những chặng đường gay go khúc khuỷu của cách mạng. Đó cũng là một bài học lịch sử rất lớn của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng.

Về vấn đề thực hiện thống nhất nước nhà, sau khi đánh giá những ưu điểm, khuyết điểm của phong trào, Hội nghị kết luận: “Sự nghiệp đấu tranh thống nhất là một nhiệm vụ cách mạng. Đó là sự nghiệp tiếp tục và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, là sự nghiệp cách mạng, công cuộc đấu tranh thống nhất là lâu dài, gian khổ và phức tạp

nhưng nhất định thắng lợi”, với phương châm “Vẫn là giữ gìn và tích trữ lực lượng, đấu tranh bền bỉ và lâu dài, chống phiêu lưu mạo hiểm đồng thời chống thủ tiêu đấu tranh”.

Đó là những quan điểm và phương pháp cách mạng vừa có tính nguyên tắc vừa có tính linh hoạt làm phương hướng đúng đắn cho phong trào đấu tranh cách mạng miền Nam tiến lên.

Tháng 12-1956: Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ. Chấp hành Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 6 năm 1956 và dựa theo tài liệu “Đường lối cách mạng miền Nam”, tháng 12 năm 1956, Xứ ủy Nam Bộ họp và nhận định: “Chính quyền miền Nam Việt Nam dựa vào bạo lực và viện trợ của đế quốc Mỹ để tồn tại. Chúng quyết định cách mạng trong máu lửa. Do nhu cầu của phong trào cách mạng miền Nam, trong một chừng mực nào đó, cần phải có lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó để làm cách mạng đánh đổ Mỹ - Diệm” và “Con đường tiến lên của cách mạng miền Nam phải dùng bạo lực tổng khởi nghĩa giành chính quyền”.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ: “Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ ở rừng núi, tranh thủ vận động, cải tạo, tập hợp các lực lượng giáo phái bị Mỹ - Diệm đánh tan đứng vào hàng ngũ nhân dân, lợi dụng danh nghĩa giáo phái ly khai để diệt ác ôn”.

Tháng 3-1957: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 12. Hội nghị đã thảo luận và ra Nghị quyết về hai vấn đề: kế hoạch Nhà nước năm 1957 và xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.

1. Về kế hoạch Nhà nước năm 1957, Hội nghị đề ra mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế (ngang với mức sản xuất năm 1939) tạo ra điều kiện tốt để có cơ sở chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn phát triển kinh tế.

2. Về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, Hội nghị đã thảo luận về nhiệm vụ và phương châm xây dựng quân đội, về sự chỉ đạo công tác xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng trong thời gian tới và những công tác quan trọng cần chú ý ngay, đồng thời đã bàn về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đẩy mạnh công tác xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.

Hội nghị nêu rõ: trước những âm mưu gây chiến của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ và bọn tay sai, nhân dân và quân đội ta phải luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, luôn luôn giữ vững và tăng cường chí khí chiến đấu. “Chúng ta phải tích cực xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, đó là một trong những nhiệm vụ chủ yếu hiện nay của toàn Đảng và toàn dân ta”.

Hội nghị đề ra phương châm xây dựng quân đội của chúng ta là: “Tích cực xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh tiến dần từng bước đến chính quy hóa và hiện đại hóa” và “không những có một lực lượng thường trực mạnh mà lại phải có một lực lượng hậu bị mạnh”.

Nhiệm vụ trước mắt và trong một thời gian nhất định của chúng ta là “Tích cực phấn đấu để tiếp tục thực hiện và hoàn thành thắng lợi kế hoạch xây dựng Quân đội nhân dân, làm cho quân đội ta trở thành một lực lượng cách mạng chính quy và tương đối hiện đại, đồng thời đặt cơ sở cho các quân chủng và binh chủng khác”.

Trong mọi mặt công tác của Nhà nước, trong kế hoạch chung của Nhà nước, cũng như trong kế hoạch từng ngành, cần quán triệt ý thức xây dựng và củng cố hậu phương, kết hợp nhu cầu kinh tế và văn hóa với nhu cầu quốc phòng, kết hợp nhu cầu thời bình với nhu cầu thời chiến, bản thân quân đội cũng cần tích cực tham gia công cuộc củng cố hậu phương.

Cần đặt nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng thành nhiệm vụ chung của toàn Đảng và toàn dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, động viên toàn quân tích cực học tập và công tác, phát huy khả năng của nhân dân tham gia vào việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng.

Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa rất quan trọng về vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin đối với việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và quốc phòng toàn dân trong điều kiện thực tiễn nước ta. Nghị quyết Hội nghị là một văn kiện có tính lý luận quan trọng về đường lối quân sự của Đảng ta, vạch ra phương hướng xây dựng một quân đội chính quy và hiện đại, một nền quốc phòng vững chắc trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng, dựa vào sức mình là chính đồng thời tranh thủ nền kinh tế phát triển và những thành tựu khoa học, kỹ thuật hiện đại của các nước anh em... tạo điều kiện cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Tháng 10-1957: Thành lập đơn vị 250, đơn vị tập trung đầu tiên cỡ tiểu đoàn ở Nam Bộ. Chấp hành Nghị quyết tháng 6 năm 1956 của Bộ Chính trị và Nghị quyết tháng 12 năm 1956 của Xứ ủy Nam Bộ, cuối năm 1956, với một số cán bộ và chiến sĩ còn để lại cùng với lực lượng quân chủng vũ trang trong đấu tranh tự vệ và vũ trang tuyên truyền, những người thuộc lực lượng của các giáo phái ly khai, ta đã tổ chức được 37 đại đội vũ trang hoạt động bí mật.

- Tây Nam Bộ: 30 đại đội.
- Trung Nam Bộ: 5 đại đội.
- Đông Nam Bộ: 2 đại đội (ở Tây Ninh và Thủ Dầu Một).

Trong năm 1957, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương sử dụng các đội vũ trang đi tuyên truyền và hỗ trợ đấu tranh chính trị; vận động quần chúng tham gia

cách mạng, diệt ác ôn, thu vũ khí, vật chất để nuôi dưỡng bộ đội, nhưng phải bảo tồn được cơ sở chính trị.

Từ chủ trương này đã có một số cuộc tiến công với quy mô thích hợp như:

- Ngày 10 tháng 8 năm 1957, lực lượng tỉnh Thủ Dầu Một tiến hành vũ trang tuyên truyền ở thị trấn Minh Thanh diệt 20 tên cảnh sát ác ôn, thu 40 súng và 10 xe ô tô.

- Ngày 18 tháng 9 năm 1957, lực lượng tỉnh Biên Hòa đột nhập tuyên truyền công nhân ở trại khai thác gỗ Trại Be diệt ác ôn, thu 30 súng và một số xe.

- Tháng 10 năm 1957, tại căn cứ chiến khu Đ cũ, thành lập đơn vị 250, đơn vị tập trung đầu tiên cơ tiểu đoàn của lực lượng vũ trang cách mạng miền Đông Nam Bộ.

Sự trưởng thành của lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang đánh dấu một sự chuyển biến có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong phát triển đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam.

Từ 31-10 đến 7-12-1957: Đoàn đại biểu Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đi Mátxcova. Đoàn đã dự lễ kỷ niệm 40 năm Cách mạng tháng Mười, dự Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa (14 đến 16-11) và Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân thế giới (16 đến 19-11).

Đối với Việt Nam, những văn kiện của các hội nghị nói trên đã giúp chúng ta soi sáng hơn nữa con đường cách mạng của nước ta. Hội nghị bất thường của Trung ương Đảng họp cuối tháng 12 năm 1959 đã quyết định toàn Đảng phải nghiên cứu các văn kiện đó. Trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng ta cũng luôn luôn nêu cao tinh thần sáng tạo trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Tháng 11-1957: Thành lập Chính phủ liên hiệp lần thứ nhất ở Lào. Từ cuối năm 1954, sau khi lực lượng vũ trang Pa-thét Lào tập kết về hai tỉnh Sầm Nưa và Phong Sa Lý, lập chính quyền cách mạng ở hai tỉnh này, quân đội phái hữu Lào nhiều lần mở các cuộc tiến công vào vùng tập kết của Pa-thét Lào, nhưng đều bị đánh lui.

Tháng 12 năm 1956, Hoàng thân Xu-va-na Phu-ma; Thủ tướng Chính phủ Vương quốc Lào và Hoàng thân Xu-pha-nu-vông, đại diện Các lực lượng chiến đấu Pa-thét Lào, đã ký tuyên bố chung quy định việc thành lập Chính phủ liên hiệp có Pa-thét Lào tham gia.

Ngày 2 tháng 11 năm 1957, phái đoàn Chính phủ Vương quốc Lào và phái đoàn Các lực lượng chiến đấu Pa-thét Lào ký hiệp định về thành lập Chính phủ liên hiệp và vấn đề Các lực lượng Pa-thét Lào sáp nhập vào tập

thể quốc gia và hiệp định về tổ chức chính quyền Vương quốc ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phong Sa Lý.

Ngày 19 tháng 11 năm 1957, Quốc hội Lào thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp do Hoàng thân Xu-va-na Phu-ma làm Thủ tướng, Pa-thét Lào giữ hai ghế bộ trưởng: Hoàng thân Xu-pha-nu-vông làm Bộ trưởng Bộ Kinh tế - kế hoạch, ông Phu-mi Vông-vi-chít làm Bộ trưởng Bộ lễ nghi.

Ngày 8 tháng 12 năm 1957 và ngày 18 tháng 12 năm 1957, tại Sầm Nưa và Phong Sa Lý, Pa-thét Lào làm lễ chuyển giao tỉnh Sầm Nưa và tỉnh Phong Sa Lý cho Chính phủ Vương quốc Lào.

Ngày 15 tháng 12 năm 1957, hai tiểu đoàn Pa-thét Lào về Cánh Đồng Chum để sáp nhập vào quân đội Vương quốc Lào.

Trong cuộc tổng tuyển cử bổ sung tháng 5 năm 1958, Pa-thét Lào giành được 9 ghế nghị sĩ Quốc hội Lào.

Tình hình cách mạng Lào tiếp tục diễn biến phức tạp, do những âm mưu và chiến lược chung của đế quốc Mỹ trên khu vực Đông Nam Á và bán đảo Đông Dương.

Cũng như ở miền Nam Việt Nam, Mỹ và tay sai ra sức phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, chỉ thực hiện những điều khoản có lợi cho chúng và chỉ chịu nhượng bộ trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng.

Giữa năm 1958: Thành lập Bộ tư lệnh miền Đông Nam Bộ. Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 1957, giữa năm 1958, Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập Bộ tư lệnh miền Đông Nam Bộ (sau đổi là Ban quân sự Miền) và tập trung một số lực lượng của các tỉnh miền Đông tổ chức thành 4 đại đội trực thuộc Bộ tư lệnh miền Đông (3 đại đội bộ binh, mỗi đại đội từ 75 đến 100 đồng chí, 1 đại đội đặc công có 65 đồng chí).

Riêng tỉnh Tây Ninh là căn cứ của Xứ ủy nên tổ chức 1 liên đại đội lấy phiên hiệu là C.1000.

Xứ ủy quyết định xây dựng hai căn cứ địa cách mạng: một căn cứ ở tây - bắc Sài Gòn là khu B thuộc huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; một căn cứ ở đông - bắc Sài Gòn là khu A từ Mã Đà đến Bù Cháp, tỉnh Thủ Dầu Một.

Việc thành lập Bộ tư lệnh miền Đông có ý nghĩa quan trọng nhằm giúp Xứ ủy lúc đó thống nhất tập trung lãnh đạo chỉ huy lực lượng vũ trang Nam Bộ và chuẩn bị tiến lên đấu tranh vũ trang.

Cuối năm 1958, Ban quân sự Miền phục hồi được một binh công xưởng sản xuất mìn.

Về tác chiến, đã có những trận tiến công vào đồn bốt, căn cứ địch, kết hợp đánh viện với quy mô lớn hơn trước, như:

- Ngày 10 tháng 8 năm 1958, liên đại đội tỉnh Tây Ninh tiến công quận lỵ Dầu Tiếng, diệt 200 tên, bắt 30 tên, thu trên 200 súng tự động, sau đó đánh lui một tiểu đoàn địch đến tiếp viện cho Dầu Tiếng.

- Ngày 20 tháng 10 năm 1958, đại đội đặc công tiến công trụ sở phái đoàn MAAG Mỹ ở Biên Hòa, diệt và làm bị thương 19 tên.

Mùa hè năm 1958: Liên khu ủy Liên khu 5 ra nghị quyết về xây dựng căn cứ địa cách mạng và bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang. Từ đầu năm 1956, lợi dụng lúc địch còn tập trung đánh phá vùng đồng bằng, Liên khu ủy phát huy tinh thần đoàn kết Kinh - Thượng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chủ trương vận động quần chúng chống địch lập tề nguy, giữ vững quyền làm chủ ở miền núi.

Hè 1958, tiếp thụ kinh nghiệm của Nam Bộ, quán triệt các nghị quyết của Trung ương và tài liệu “Đường lối cách mạng miền Nam” của đồng chí Lê Duẩn, Liên khu ủy đề ra nhiệm vụ xây dựng miền tây các tỉnh đồng bằng Khu 5 và Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng, bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi với nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ.

“Cần củng cố lực lượng vũ trang và nửa vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ địa làm chỗ dựa, đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang. Tổ chức tự vệ trong quần chúng nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng và giải thoát cán bộ khi cần thiết”.

“Xét lại tình hình trong Liên khu và thêm kinh nghiệm vừa qua ở Nam Bộ, chúng ta có thể kết hợp đấu tranh vũ trang bộ phận với đấu tranh chính trị... phải biết kết hợp đấu tranh vũ trang tự vệ hay đấu tranh vũ trang bộ phận trong những hoàn cảnh nhất định, mức độ nhất định nhằm mục đích hạn chế phát xít, mở rộng cơ sở chính trị...”

Hiện nay địch đang đi sâu vào con đường phát xít, ta không thể đơn thuần chính trị mà bắt buộc phải dùng vũ trang bộ phận để phối hợp với đấu tranh chính trị, nhằm tiêu diệt bọn Mỹ để khơi động tinh thần dân tộc và phong trào chống Mỹ, diệt bọn phản động để tranh thủ bọn lừng chừng, diệt bọn đầu sỏ bên trên để lay bọn dưới, diệt bọn biệt kích để mở rộng sự hoạt động của ta. Nói chung là nhằm hạn chế phát xít, hạ uy thế của địch, nâng uy thế của phong trào, mở rộng cơ sở chính trị.

Ở những vùng rừng núi, có địa thế tốt, có điều kiện xây dựng căn cứ, ta có thể hoạt động du kích kết hợp với việc mở rộng hoạt động ở trung châu và phối hợp với hoạt động vũ trang ở Nam Bộ để làm cho tình hình địch không

ổn định, có tác dụng rất lớn đối với phong trào chung làm cho tình hình chính trị phát triển có lợi cho ta”.

Nghị quyết mùa Hè 1958 của Liên khu ủy Liên khu 5 đã tạo ra một bước chuyển biến quan trọng trong vùng núi Liên khu, từ những hành động tự vệ lẻ tẻ có tính chất tự phát của quần chúng đã bắt đầu hình thành các tổ chức lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và vũ trang tự vệ dưới sự lãnh đạo tập trung của Đảng.

Do đó, sau này khi có Nghị quyết Trung ương lần thứ 15, phong trào quần chúng nổi dậy khởi nghĩa vũ trang ở Tây Nguyên và một số nơi ở đồng bằng đã lan ra nhanh chóng, tiến công địch rộng khắp trên toàn chiến trường miền Nam.

Năm 1958: Cuộc nổi dậy của nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận. Bác Ái là một huyện miền núi tỉnh Ninh Thuận, quê hương của anh hùng Bi Năng Tắc, vùng căn cứ cũ của thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Do đó, trong các chiến dịch tổ cộng, dồn dân thành lập các khu đồn, đây là một trong các trọng điểm đánh phá của địch ở cực nam Trung Bộ.

Tháng 10 năm 1957, địch đã dồn được 2.500 dân 7 xã ở đông Bác Ái vào khu đồn Bồ Rao và 2.000 dân ở tây Bác Ái vào khu đồn Tâm Ngân. Nhân dân chống lại, địch đã phải càn quét, đóng đồn để khống chế.

Nhưng đến đầu năm 1958, trong hai đêm, nhân dân trong khu đồn Bồ Rao đã bỏ khu đồn trở về làng cũ, và đến cuối năm 1958, nhân dân trong khu đồn Tâm Ngân do không thể sống được trong khu đồn, cũng tiếp tục bỏ về làng cũ.

Phá tan hai khu đồn Bồ Rao và Tâm Ngân (huyện Bác Ái) là một cuộc nổi dậy quyết liệt của quần chúng chống lại kìm kẹp của địch, kết hợp chính trị và binh vận, có sự lãnh đạo của cán bộ cách mạng.

Cuộc đấu tranh của quần chúng để phá khu đồn diễn ra dai dẳng trong suốt hai năm 1959-1960. Năm 1959, có lần địch đã huy động 6 tiểu đoàn lên càn nhưng đều bị thất bại. Đến tháng 10 năm 1960, hai khu đồn này bị phá hoàn toàn cùng với sự nổi dậy của toàn miền, có lực lượng vũ trang phối hợp với nhân dân phá đồn, tiêu diệt, bức rút nhiều đồn, giải phóng miền núi.

Cuộc nổi dậy của nhân dân Bác Ái thực chất là một cuộc khởi nghĩa từng phần, phá kìm kẹp, giữ vững quyền làm chủ, bằng cả sức mạnh chính trị có vũ trang tự vệ của quần chúng, có ý nghĩa thúc đẩy phong trào nổi dậy rộng rãi của quần chúng Khu 5 nói riêng cũng như cho phong trào đồng khởi sau này.

Ngày 19-4-1958: Thành lập binh chủng hóa học của Quân đội nhân dân Việt Nam. Thi hành Nghị quyết Trung ương lần thứ 12 về xây dựng quân

đội ta tiến lên chính quy hiện đại có nhiều binh chủng, quân chủng, việc thành lập binh chủng hóa học của Quân đội nhân dân Việt Nam là một sự phát triển tất yếu.

Trong thời kỳ chuẩn bị xây dựng binh chủng, năm 1956, ta đã thành lập tổ nghiên cứu tác chiến dưới điều kiện vũ khí nguyên tử hóa học, thành lập khoa hóa học ở Trường sĩ quan Lục quân Việt Nam và tháng 3 năm 1956, mở khóa đào tạo sĩ quan hóa học đầu tiên tại Trường sĩ quan Lục quân.

Ngày 19 tháng 4 năm 1958, Bộ Quốc phòng ra nghị định số 098 thành lập Phòng hóa học trong Cục huấn luyện chiến đấu thuộc Tổng cục Quân huấn, với nhiệm vụ chủ yếu giúp Tổng cục Quân huấn chỉ đạo phòng, chống chiến tranh hóa học, nguyên tử và xây dựng binh chủng hóa học. Ngày 19 tháng 4 năm 1958 được coi là ngày thành lập binh chủng hóa học của quân đội ta. Phòng hóa học sau phát triển thành Cục hóa học trực thuộc Bộ Tổng tham mưu, tiếp đó các cơ quan tham mưu hóa học và phân đội hóa học được lần lượt tổ chức trong toàn quân, trang bị càng ngày càng được cải tiến và hiện đại.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, bộ đội hóa học đã khéo léo sử dụng màn khói ngụy trang bảo vệ tốt các mục tiêu quan trọng chống lại có hiệu quả các thủ đoạn đánh phá thâm hiểm của địch bằng nhiều vũ khí hiện đại.

Trên các chiến trường miền Nam, bộ đội hóa học phối hợp chặt chẽ với bộ binh và các binh chủng bạn đánh bại thủ đoạn đánh phá của địch bằng vũ khí hóa học; tăng cường sức mạnh tiến công, bảo đảm an toàn cho bộ đội ta chiến đấu và vận chuyển thắng lợi.

Tháng 12-1958: Nhân dân cả nước đấu tranh phản đối Mỹ - Diệm gây ra vụ thảm sát ở Phú Lợi. Ở miền Nam, Mỹ - Diệm ra sức duy trì một chế độ độc tài phát xít cực kỳ tàn bạo. Đi đôi với các đợt "tố cộng" rất ác liệt ở nông thôn và thành thị, chúng đã huy động hàng sư đoàn quân đội chính quy mở những cuộc càn quét rộng lớn và dài ngày ở nhiều nơi, đặc biệt là các khu căn cứ kháng chiến cũ, triệt hạ nhà cửa, đốt phá thóc lúa, hoa màu, hãm hiếp phụ nữ, tra tấn và giết chóc nhân dân vô cùng dã man. Trên khắp miền Nam, bọn tay chân của Mỹ - Diệm điên cuồng trả thù, cướp của, tống tiền, bắt người không cần xét xử, không cần luật pháp và giết người bừa bãi theo kiểu "thà giết oan còn hơn bỏ sót".

Một hệ thống trại giam dày đặc từ thôn xã đến tỉnh, trung ương, giam chặt ních cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng và mọi người dân lương thiện.

Trại giam Phú Lợi thuộc tỉnh Thủ Dầu Một, cách Sài Gòn 33 km, có một chế độ nhà giam vô cùng độc ác, nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và quần

chúng cách mạng bị giam cầm chết dần chết mòn. Mặc dù thế, những người bị giam vẫn kiên quyết giữ vững ý chí bất khuất, không ngừng nâng cao tinh thần đoàn kết đấu tranh. Thấy không làm lung lay được chí khí của những người yêu nước, bọn Mỹ - Diệm âm mưu giết chết hàng loạt.

Ngày 1 tháng 12 năm 1958, chúng bỏ thuốc độc vào thức ăn của 6.000 tù chính trị trong trại. Ngay hôm đó, trên 1.000 người trúng độc đã chết một cách rất thê thảm, những người còn sống tìm cách kêu cứu thì bị chúng xả súng bắn và cho vòi phun nước vào.

Nghe tin này, đồng bào cả nước đều xúc động mạnh mẽ, sôi sục căm thù.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lập Ủy ban đấu tranh chống vụ thảm sát ở Phú Lợi. Trên miền Bắc, chỉ tính từ 20 đến 23 tháng 1 năm 1959 đã có gần 500.000 người tham gia biểu tình phản đối Mỹ - Diệm gây ra vụ thảm sát. Riêng Hà Nội có 412 cuộc mít tinh biểu tình với 297.000 người tham gia.

Đồng bào miền Nam, kể cả một số binh sĩ trong quân đội Diệm, hết sức căm phẫn trước hành vi điên cuồng của Mỹ - Diệm ở Phú Lợi. Đồng bào kéo đến trại giam Phú Lợi đòi được cứu chữa những người bị nạn. Anh chị em còn sống sót trong trại giam thì tuyệt thực để phản đối bọn Ngô Đình Diệm và đòi chúng phải cấp cứu.

Ở các tỉnh miền Nam, nhất là Nam Bộ, đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh vạch tội ác của Mỹ - Diệm ở Phú Lợi; tất cả các chùa chiền, thánh thất ở Bến Tre đều tổ chức lễ cầu siêu cho những chiến sĩ cách mạng bị giết hại ở Phú Lợi.

Cuộc đấu tranh phản đối vụ thảm sát Phú Lợi vạch tội ác của Mỹ - Diệm trong cả nước kéo dài tới tháng 3 năm 1959 mới kết thúc.

Tháng 3-1959: Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị về nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng ở Tây Nguyên. Trước sự chuyển mình của phong trào cách mạng miền Nam, tháng 3 năm 1959, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra chỉ thị về nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng ở Tây Nguyên.

Bộ Chính trị xác định Tây Nguyên (kể cả miền núi Liên khu 5 và vùng rừng núi đông bắc Nam Bộ) là vị trí chiến lược rất quan trọng đối với kẻ địch cũng như đối với ta.

Mỹ - Diệm đang ra sức xây dựng Tây Nguyên thành trung tâm căn cứ quân sự cơ động ở miền Nam. Trước phong trào cách mạng trên thế giới, trước sự lớn mạnh của miền Bắc và phong trào cách mạng ở miền Nam, chúng càng cố bám Tây Nguyên, nhưng chúng có nhiều nhược điểm lớn, nhược điểm căn bản nhất là mâu thuẫn giữa Mỹ - Diệm và nhân dân các dân

tộc, lực lượng phản động địa phương, chỗ dựa của Mỹ - Diệm còn yếu và ít nên chúng khó kiểm soát dân.

Ý thức dân tộc của các dân tộc ít người lên cao, tình đoàn kết giữa các dân tộc tiến bộ. Cơ sở cách mạng và phong trào đấu tranh phát triển tương đối đều; về chính quyền, nhìn chung là chính quyền của địch, nhưng ta tranh thủ nắm phần lớn ở thôn xã, nhiều nơi biến thành chính quyền hai mặt (hình thức là của địch, nội dung là của ta); nơi chưa có chính quyền địch, nhân dân tổ chức tự quản theo tập tục của mình. Nhân dân có truyền thống vũ trang tự vệ, dựa vào địa thế hiểm trở. Về kinh tế, Tây Nguyên có khả năng tiềm tàng, nhân dân có kinh nghiệm sản xuất tự túc. Ảnh hưởng của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh tương đối sâu rộng trong nhân dân; lãnh đạo của Đảng liên tục; cán bộ hy sinh tận tụy, bám sát cơ sở. Đó là những *thuận lợi căn bản* đồng thời là những *điều kiện chủ yếu* để xây dựng căn cứ cách mạng, nhưng ta cũng có những khó khăn và nhược điểm về trình độ hiểu biết và kinh nghiệm cách mạng của nhân dân, về kinh tế, về số lượng và chất lượng cán bộ, v.v.

Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ “*Nỗ lực xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng chính ở miền Nam*”, mặt khác tích cực phá kế hoạch xây dựng trung tâm căn cứ của Mỹ - Diệm, tạo thế mạnh cho cách mạng ở miền Nam, tiến lên tiến công địch, góp phần tích cực bảo vệ miền Bắc.

Chỉ thị của Bộ Chính trị nhấn mạnh nội dung xây dựng căn cứ phải gồm nhiều mặt: chính trị (dân vận, đoàn kết dân tộc, xây dựng cơ sở chính quyền ta), kinh tế tự túc, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vận động binh lính địch; mọi việc đều do Đảng lãnh đạo nên cần đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, *chống tư tưởng thuần túy quân sự nhưng cũng đề phòng lối chỉ đạo dàn đều không nắm công tác mấu chốt* từng lúc để đẩy mạnh xây dựng và củng cố căn cứ.

Về mục đích xây dựng và sử dụng lực lượng vũ trang, Bộ Chính trị nêu rõ: trước mắt là hỗ trợ cho đấu tranh chính trị tiến lên thực hiện du kích cục bộ, bảo vệ căn cứ, uy hiếp địch, mở rộng thế chủ động của ta, lâu dài là tăng cường lực lượng cách mạng, chuẩn bị điều kiện chủ quan tiến lên đánh đổ Mỹ - Diệm và trở thành chủ lực giữ vững chính quyền cách mạng sau này. Vì vậy, trong chỉ đạo, cần coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang, có lực lượng vũ trang vững mạnh mới bảo vệ được căn cứ và đưa cách mạng tiến lên.

Tháng 5-1959: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15. Hội nghị đã kiểm điểm tình hình trong nước từ khi ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ và đề ra đường lối cách mạng của cả nước và của miền Nam.

Hội nghị đã phân tích những đặc điểm của tình hình và xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là: “Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện dân tộc độc lập và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”.

Nghị quyết xác định: *“Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực, theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì đường lối dùng bạo lực là: lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang hoặc nhiều hoặc ít, tùy tình hình, để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.*

... Muốn giành được mục tiêu đó cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ và anh dũng, tích cực củng cố và phát triển lực lượng chu đáo thì mới có điều kiện để có thể nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng”.

Về hình thức đấu tranh, Nghị quyết đã phân tích: “Trong quá trình đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp đó, *hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu* song vì quân thù quyết đìm cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu phong trào cách mạng của miền Nam nên trong một chừng mực nhất định sẽ xuất hiện những lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị... Tuy nhiên, khi sử dụng lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền cần phải thấu suốt *nguyên tắc phục vụ cho đấu tranh chính trị và phục tùng đấu tranh chính trị...*

... Nhưng do đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành một cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ”.

Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng đã cấm một cái móc quan trọng và có một ý nghĩa vô cùng lớn lao trong sự phát triển mới của tình hình, đáp ứng nguyện vọng bức thiết của đông đảo quần chúng cách mạng. Hội nghị không những đã đề ra được đường lối có tính nguyên tắc cho cách mạng miền Nam mà còn đặt cơ sở để tiến tới đề ra nhiệm vụ chiến lược một cách chính xác và toàn diện.

Nghị quyết của Hội nghị đã động viên mạnh mẽ tinh thần cách mạng của toàn dân, tăng cường hơn nữa sự nhất trí trong Đảng về đường lối cách mạng miền Nam, tạo nên một chuyển biến căn bản và nhạy vọt của phong trào cách mạng miền Nam trong những năm 1959-1960 mà đỉnh cao là phong trào đồng khởi.

Tháng 5-1959: Thành lập đoàn 559. Cuối tháng 5 năm 1959, Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết chính thức thành lập đoàn 559 với nhiệm vụ là cùng với đường dây của Ủy ban thống nhất, tạo nên tuyến đi bộ đầu tiên nối liền Bắc - Nam, tổ chức đưa người và vũ khí tiếp tế cho cách mạng miền Nam, trước mắt là cho Liên khu 5.

Trải qua 16 năm hoạt động, từ chỗ chỉ có vài trăm người làm nhiệm vụ gùi thô là chính, vận chuyển trên những con đường mòn nhỏ hẹp, đoàn 559 đã trở thành một lực lượng gồm nhiều binh chủng hợp thành: bộ đội vận tải, công binh, bộ binh, pháo cao xạ, bộ đội xăng dầu, thông tin, v.v. với hàng vạn người, hàng nghìn xe ô tô vận tải tổ chức thành nhiều sư đoàn, trung đoàn, binh trạm, xưởng, trạm, v.v. xây dựng nên tuyến chiến lược mang tên Bác Hồ vĩ đại, xẻ dọc Trường Sơn, nối liền chiến trường, hình thành một mạng đường bộ, đường ống, đường sông tương đối hoàn chỉnh.

Đoàn 559 còn có tên gọi là bộ đội Trường Sơn, lấy vận tải cơ giới làm chủ yếu, vận tải thô sơ làm bổ trợ, đã phục vụ đắc lực cho việc chi viện trên nhiều hướng chiến trường và nhiều chiến dịch lớn của các lực lượng vũ trang, đưa vào và ra hàng chục vạn người, chuyển hàng triệu tấn hàng dưới bom đạn ác liệt và những cuộc tiến công trên mặt đất của quân thù.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đoàn 559 đã nhanh chóng tổ chức vận chuyển từng binh đoàn lớn, đưa một khối lượng lớn cơ sở vật chất - kỹ thuật tới chiến trường, đặc biệt là bảo đảm cho các binh đoàn chiến lược hành quân thần tốc, kịp thời tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Trong hội nghị tổng kết hoạt động năm 1966-1967 của đoàn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gửi thư khen, động viên cán bộ và chiến sĩ của đoàn phấn đấu để trở thành:

- Một đội quân hậu cần chiến lược rất giỏi;
- Một đội quân chiến đấu rất giỏi;
- Một đội quân sản xuất rất giỏi;
- Một đội quân quốc tế giúp bạn rất giỏi.

Trong đó nhiệm vụ hậu cần chiến lược là nhiệm vụ chủ yếu.

Đồng chí Lê Duẩn, khi đến thăm đoàn 559, đã nói: 'Đường Trường Sơn là một chiến công chói lọi trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Đường Trường Sơn là con đường của ý chí quyết thắng, của lòng dũng cảm, của khí phách anh hùng. Đó là con đường nối liền Nam - Bắc thống nhất nước nhà, là con đường tương lai giàu có của Tổ quốc ta.

... Quang vinh thay Bộ đội Trường Sơn anh hùng đã chiến đấu và chiến thắng trên con đường mang tên Bác Hồ vĩ đại...”.

Đoàn 559 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao. Ngày 31 tháng 5 năm 1976, Đoàn đã được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Trong đoàn còn có 55 đơn vị, 34 cán bộ và chiến sĩ cùng được tặng danh hiệu vẻ vang Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Tháng 7-1959: Thành lập đoàn 759. Để tích cực chi viện cho cuộc đấu tranh ở miền Nam, ngoài việc tổ chức đoàn 559, Quân ủy Trung ương thấy cần mở một đường vận chuyển trên biển tiếp tế vũ khí, đạn dược, trang bị cho miền Nam.

Tháng 7 năm 1959, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập đoàn 759, lúc đầu chỉ là một nhóm cán bộ trực thuộc Bộ Tổng tham mưu làm nhiệm vụ nghiên cứu về vấn đề này.

Đầu năm 1961, Bộ Chính trị chỉ thị cho các tỉnh ven biển Nam Bộ cử đơn vị tàu thuyền ra miền Bắc lấy vũ khí, đồng thời trao đổi kinh nghiệm về đường vượt biển vào Nam.

Tháng 6 năm 1961, chiếc thuyền gắn máy trọng tải 4 tấn của tỉnh Bến Tre đã đến miền Bắc đầu tiên, sau đó thuyền của các tỉnh Cà Mau, Trà Vinh, v.v. lần lượt đến tiếp.

Ngày 14 tháng 9 năm 1962, tàu Phương Đông 1 của đoàn 759 lên đường chuyển đầu tiên vào Cà Mau đã đưa hàng tới đích an toàn.

Trong 10 tháng đầu, có 5 tàu trọng tải 50 - 60 tấn đưa được 21 chuyến hàng vào các tỉnh ven biển miền Nam.

Cuối năm 1964, đoàn 759 đã có hàng chục tàu sắt trọng điểm từ 50 - 100 tấn trang bị tương đối hiện tại. Bộ Quốc phòng quyết định chuyển đoàn 759 trực thuộc Bộ tư lệnh Hải quân và đổi phiên hiệu là đoàn 125. Đoàn không những đưa hàng vào Nam Bộ mà còn chuyển vũ khí cho cả các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ.

Tháng 2 năm 1965, địch phát hiện ta ở Vũng Rô thuộc tỉnh Phú Yên; đến khi ấy, ta đã chuyển được gần 5.000 tấn vũ khí vào Nam, nhiều nhất là vào Nam Bộ.

Mỹ - ngụy liên tăng cường lực lượng hải quân, không quân kiểm soát chặt ven biển miền Nam, việc vận chuyển từ đó rất gian khổ và quyết liệt. Tuy vậy, đoàn 125 vẫn phát huy sáng kiến, khắc phục khó khăn tiếp tục tiến hành công việc, có lúc phải đi vòng rất xa, theo đường biển quốc tế về phía In-đô-nê-xi-a hoặc Xin-ga-po rồi mới trở lại miền Nam.

Mười ba năm hoạt động của đơn vị vận tải trên biển (1962-1975) đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng, chiến đấu và chiến thắng của quân

và dân ta ở miền Nam, trong đó việc phục vụ cho chiến dịch Bình Giã cuối năm 1964, một cách kịp thời đã có ý nghĩa rất quan trọng.

Ngày 20-7-1959: “Ngày Việt Nam”, một biểu hiện mạnh mẽ của tinh thần đoàn kết Á - Phi chống Mỹ. Hội đồng đoàn kết nhân dân Á - Phi họp ở Cai-rô đã kêu gọi các Ủy ban đoàn kết Á - Phi của các nước và toàn thể nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới lấy ngày 20 tháng 7 năm 1959 làm “Ngày Việt Nam”, đòi Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, đòi phải bỏ những căn cứ quân sự của chúng ở Nam Việt Nam, đòi xúc tiến mở cuộc thương lượng giữa hai miền Bắc và Nam Việt Nam để đi tới thực hiện tuyến cử tự do trong cả nước, đòi chính quyền miền Nam phải chấm dứt ngay mọi hành vi hãm hại nhân dân, phải hủy bỏ tất cả những luật phát xít...

Ngày 20 tháng 7 năm 1959, “Ngày Việt Nam” đầu tiên được các tổ chức của trên 20 nước tổ chức trọng thể; trong nhiều năm sau, “Ngày Việt Nam” vẫn được nhân dân nhiều nước trên thế giới tổ chức vào ngày 20 tháng 7 để ủng hộ nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược.

“Ngày Việt Nam” có một ý nghĩa tốt đẹp và quan trọng. Đó là biểu hiện của tình đoàn kết thắm thiết và sự ủng hộ nhiệt liệt của nhân dân Á - Phi đối với nhân dân ta đang đấu tranh để thực hiện thống nhất đất nước. Nó càng chứng tỏ cuộc đấu tranh cho độc lập, thống nhất của nhân dân Việt Nam gắn liền với phong trào độc lập dân tộc và bảo vệ hòa bình của nhân dân Á - Phi và thế giới. Nó càng làm cho nhân dân ta tin tưởng rằng sự nghiệp cách mạng của chúng ta nhất định thành công.

Tháng 9-1959: Thành lập đoàn 959. Năm 1959, trước yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ cách mạng ở Lào, trên cơ sở sự gắn bó keo sơn, chung thủy và tình đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung chống xâm lược, vì độc lập, tự do của hai dân tộc Việt - Lào, kết hợp tinh thần yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã thỏa thuận tổ chức một đoàn chuyên gia quân sự Việt Nam bên cạnh Quân ủy Trung ương và Bộ chỉ huy tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Lào.

Tháng 9 năm 1959, đoàn 959 được thành lập với nhiệm vụ làm chuyên gia cho Quân ủy Trung ương và Bộ chỉ huy tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Lào về quân sự, tổ chức thực hiện việc chi viện vật chất của Việt Nam cho cách mạng Lào và trực tiếp chỉ huy các đơn vị tình nguyện Việt Nam hoạt động ở khu vực Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, Viêng Chăn.

Qua 14 năm hoạt động, đoàn 959, đã kết thúc nhiệm vụ sau Hiệp định Viêng Chăn năm 1973. Được Quân ủy Trung ương và Bộ chỉ huy tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Lào tin cậy, với sự ủng hộ chí tình của cán

bộ và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cách mạng Lào, đoàn 959 đã hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt đẹp. Các đồng chí chuyên gia quân sự và bộ đội tình nguyện Việt Nam đã cùng với lực lượng vũ trang cách mạng Lào anh em đánh bại lực lượng vũ trang phản cách mạng, tiến lên giải phóng cả nước Lào, góp phần tích cực vào việc củng cố tình đoàn kết mẫu mực hiếm có giữa nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng hai nước Việt - Lào, góp phần thúc đẩy cuộc chiến tranh cách mạng nước ta phát triển thuận lợi.

Năm 1959: Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và phong trào nổi dậy của nhân dân ta ở miền Nam cuối năm 1959. Tuy đến tháng 12 năm 1959, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng mới được phổ biến tới các tỉnh ở Nam Bộ và Liên khu 5, nhưng tinh thần chuyển thể cách mạng từng bước của Trung ương và Bộ Chính trị đã được Đảng bộ và nhân dân ta ở miền Nam tiếp nhận nhanh chóng, nhạy bén và biến thành hành động cách mạng.

Nhiều địa phương ở miền Nam đã vũ trang tự vệ, bố phòng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, phá các khu tập trung dân và chống các cuộc càn quét dồn dân của địch, trong đó nổi lên hơn cả vào những tháng cuối năm 1959 là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, một huyện miền núi phía tây tỉnh Quảng Ngãi.

Đến giữa năm 1959, Trà Bồng đã có tổ chức Đảng ở cơ sở và huyện, có thực lực chính trị mạnh, có tự vệ du kích rộng khắp, có bộ đội địa phương, đã qua tập dượt trong đấu tranh chính trị hợp pháp và không hợp pháp, đã có kế hoạch sẵn sàng khởi nghĩa.

Ngày 28 tháng 8 năm 1959, nhân việc tẩy chay cuộc bầu cử quốc hội bù nhìn của Mỹ - Diệm, 16.000 đồng bào các dân tộc huyện Trà Bồng có sự lãnh đạo kịp thời của huyện ủy và tỉnh ủy, được trung đội 339 của tỉnh hỗ trợ, đã nổi dậy quét sạch ngụy quyền ở 16 xã, bức rút 7 đồn, diệt 161 tên, trưng trị 61 tên tề ngụy ác ôn, lập chính quyền cách mạng ở thôn xã, xóa bỏ tề ở cả 6 xã vùng thấp. Trong toàn huyện, quân địch chỉ còn 1 đồn ở quận lỵ bị bao vây, tên quận trưởng và tên quận phó đều trốn về tỉnh.

Cuộc khởi nghĩa toàn dân với khí thế mạnh mẽ đã lập tức lan sang một số xã lân cận thuộc ba huyện Sơn Trà, Ba Tơ, Minh Long.

Địch đối phó quyết liệt bằng các cuộc càn quét kết hợp với bao vây kinh tế. Nhưng được sự chỉ đạo chặt chẽ của Khu ủy và Tỉnh ủy, có các huyện xung quanh thuộc Quảng Ngãi, Quảng Nam và lực lượng vũ trang tỉnh, khu chi viện, Trà Bồng vẫn giữ vững và mở rộng căn cứ địa liên hoàn với các huyện ở gần.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng được coi như một trong những cuộc khởi nghĩa từng phần đầu tiên trong giai đoạn chuyển mình của cách mạng miền

Nam vào cuối năm 1959. Nó có tác dụng thúc đẩy phong trào chung tiến lên mạnh mẽ.

Một số cuộc nổi dậy ở các địa phương khác trong thời gian này là:

- Nhân dân ba làng Tà Lốc, Tà Lét, Hà Ri thuộc huyện Vĩnh Thạch (tây Bình Định) có cán bộ Đảng lãnh đạo đấu tranh chống địch gom dân lập ấp, tháng 2 năm 1959 chuyển vào rừng công khai chống lại địch, tổ chức lực lượng tự vệ, nhiều lần đánh thắng các cuộc càn quét của địch, giữ vững được phong trào, và tới năm 1960 thì phong trào lan ra toàn huyện. Phát huy thắng lợi ở Vĩnh Thạch, nhân dân đã mở rộng vùng căn cứ ra 4 huyện trong tỉnh, lập được nhiều đội du kích.

- Nhân dân vùng Thổ Lô huyện Vân Canh (tây Phú Yên) liên tục chống địch suốt từ năm 1957 không để chúng tập trung dân lập ấp. Tháng 5 năm 1959, nhân dân ta công khai diệt tế trừ ác; tháng 9 năm 1959, ta tổ chức 1 trung đội bộ đội địa phương, mở được một mảng giải phóng nối liền 7 xã trong huyện Tuy Hòa 1, nhiều lần đánh địch đóng đồn, càn quét, giữ vững và mở rộng phong trào cho tới năm 1961 giải phóng hoàn toàn miền núi tỉnh Phú Yên.

- Vùng căn cứ ở Tây Nguyên vẫn được giữ vững. Các tỉnh Gia Lai, Công Tum, Đắc Lắc, mỗi tỉnh đều có từ 1 đến 2 trung đội thoát ly công khai chống lại địch như nhân dân làng Ta Boóc, quận Đắc Pét (Công Tum), tháng 11 năm 1959 giết 1 tên trung úy và 4 lính vào làng bắt phu, rồi đốt làng vào rừng ở; như du kích xã A3, huyện 7 (Gia Lai) diệt gọn 1 tiểu đội thám báo địch giả đi phun thuốc DDT trừ sốt rét, giết cả 7 tên, thu 7 súng.

Ở Nam Bộ, từ tháng 10 năm 1959, nhân dân trong một số vùng kháng chiến cũ và vũ trang chống càn, nổi dậy phá các “khu trù mật”, phá thế kìm kẹp, làm tan rã chính quyền cơ sở của địch. Đặc biệt là cuộc nổi dậy của nhân dân các huyện Chơn Thành, Dương Minh Châu, Bến Cầu diệt ác phá kìm từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1959. Hai tỉnh Kiến Tường, Kiến Phong đã xây dựng được lực lượng vũ trang khá mạnh, tháng 10 năm 1959 đánh lui một trận càn của 1 sư đoàn địch tại gò Quảng Cung, diệt nhiều địch, thu trên 100 súng, có tiếng vang khắp các tỉnh Nam Bộ.

Ngày 5-10-1959: Thành lập Binh chủng Thiết giáp Quân đội nhân dân Việt Nam. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 12 về xây dựng Quân đội nhân dân tiến dần từng bước lên chính quy hiện đại có đủ quân chủng và binh chủng kỹ thuật, binh chủng thiết giáp được thành lập và trở thành một binh chủng kỹ thuật hiện đại của quân đội ta.

Ngày 5 tháng 10 năm 1959, ngày thành lập trung đoàn xe tăng đầu tiên, được lấy làm ngày truyền thống của binh chủng.

Ngày 24 tháng 1 năm 1968, tiểu đoàn 198 trung đoàn 203 đã đại diện cho toàn binh chủng, lần đầu tiên tham gia chiến đấu trong trận tiêu diệt cứ điểm Ta Mây trên đường số 9, trận mở đường tiến vào cứ điểm Làng Vây, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Với tinh thần “phải đánh thắng trận đầu, một xe cũng quyết đánh, một người cũng quyết đánh, ban ngày cũng đánh, đánh cho đến khi giành thắng lợi” trong hoàn cảnh khó khăn lúc xung phong, một đại đội của tiểu đoàn đã dũng cảm vượt qua cửa mở, phát huy hết sức mạnh của mình, tung hoành trong cứ điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ binh hoàn thành nhiệm vụ của trận đánh. Liên sau đó, ngày 7 tháng 2 năm 1968, tiểu đoàn 198 lại giành thắng lợi giòn giã trong trận tiêu diệt cứ điểm Làng Vây.

Những năm sau, trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào năm 1971 và trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên chiến trường miền Nam cũng như trên các chiến trường nước bạn ở Lào và Cam-pu-chia, binh chủng thiết giáp luôn luôn phát huy truyền thống chiến đấu, hoàn thành mọi nhiệm vụ trên giao.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, các đơn vị thiết giáp đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của các chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và ngày 30 tháng 4 năm 1975, 2 chiếc xe tăng số 390 và số 843 đã dẫn đầu lữ đoàn 203 trong đội hình Quân đoàn 2 dũng mãnh thọc nhanh vào dinh tổng thống ngụy quyền Sài Gòn. Đồng chí đại đội trưởng xe tăng Bùi Quang Thận đã hạ lá cờ “ba sọc” của ngụy quyền xuống, vinh dự kéo lá cờ cách mạng lên, báo hiệu chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, binh chủng thiết giáp đã được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân với truyền thống vẻ vang “Đã ra quân là đánh thắng”, đã xung trận là đập tan sức đề kháng của địch, cùng bộ binh tiêu diệt địch làm chủ chiến trường, đã có đóng góp xứng đáng cho sự toàn thắng của nhân dân và lực lượng vũ trang trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Năm 1959: Chính phủ Liên hiệp Lào lần thứ nhất tan vỡ. Âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ là thôn tính Đông Dương, thực hiện chính sách thực dân mới của chúng. Do đó chúng phải tìm cách tiến công, thủ tiêu những thành quả cách mạng mà nhân dân Lào đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Ngày 11 tháng 5 năm 1959, Chính phủ Vương quốc Lào ra lệnh bao vây hai tiểu đoàn Pa-thét Lào ở Cánh Đồng Chum, đòi hai tiểu đoàn này phải hạ khí giới trong 24 giờ.

Đêm 18 tháng 5 năm 1959, tiểu đoàn 2 Pa-thét Lào rút khỏi Cánh Đồng Chum về khu căn cứ. Ngày 12 tháng 6 năm 1959, tiểu đoàn 2 Pa-thét Lào ra tuyên bố nêu rõ ý chí cương quyết chiến đấu bảo vệ nhân dân; ngày 1 tháng 7 năm 1959 lại ra tuyên bố gửi đồng bào cả nước về sự can thiệp của Mỹ vào Lào, kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh thực hiện đúng Hiệp định Giơ-ne-vơ về Lào.

Ngày 23 tháng 7 năm 1959, Chính phủ Phủi Xa-na-ni-con ra lệnh bắt giam các lãnh tụ Pa-thét Lào đang có mặt ở Viêng Chăn, trong đó có Hoàng thân Xu-pha-nu-vông, và ra thông cáo sẽ kết tội nặng các đồng chí.

Trước đó, từ đầu năm 1959, trong lúc quân đội phái hữu liên tiếp vi phạm biên giới nước ta tại vùng Hướng Lập, bọn phản động Lào nhiều lần vu cáo nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tập trung quân tại biên giới Việt - Lào. Chúng còn tuyên bố tình trạng khẩn cấp ở 5 tỉnh giáp biên giới Việt Nam, điều quân đội lên tăng cường ở tỉnh Sầm Nưa. Đó là những âm mưu địch đã có từ lâu.

Do âm mưu của Mỹ và hành động trở mặt của bọn tay sai phản động Lào, Chính phủ liên hợp Lào lần thứ nhất tan vỡ, nhân dân Lào lại phải đứng lên tiến hành một cuộc đấu tranh lâu dài để giành thắng lợi.

Ngày 1-1-1960: Công bố hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở nước ta. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, miền Bắc hoàn toàn giải phóng đã chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 1946, hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta không còn thích hợp nữa. Ngày 23 tháng 1 năm 1957, Quốc hội nước ta đã quyết định sửa đổi hiến pháp và thành lập Ban sửa đổi hiến pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trưởng ban. Từ tháng 7 năm 1958, bản dự thảo đầu tiên đã được đưa ra thảo luận trong cán bộ các cấp và toàn dân, thu thập được nhiều ý kiến, kể cả của đồng bào ở miền Nam và kiều bào ở nước ngoài.

Ngày 31 tháng 12 năm 1959, bản hiến pháp mới đã được Quốc hội khóa I thông qua trong kỳ họp thứ 11.

Ngày 1 tháng 1 năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh chính thức công bố hiến pháp mới, hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở nước ta.

Tính chất của nhà nước là vấn đề cơ bản của hiến pháp đã được ghi rõ trong lời nói đầu của hiến pháp: “Nhà nước của ta là nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Điều 1 của hiến pháp quy định: “Đất nước Việt Nam là một khối Bắc - Nam thống nhất không thể chia cắt”.

Hiến pháp mới xác nhận con đường phát triển của cách mạng miền Bắc: “Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội

chủ nghĩa với nông nghiệp và công nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến...”.

Hiến pháp mới quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của công dân Việt Nam thể hiện nguyên tắc của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Bản hiến pháp mới, tính chất ưu việt của chính thể nhà nước Việt Nam, đã vạch ra mục tiêu để động viên nhân dân cả nước tiến lên phấn đấu giành thắng lợi trong giai đoạn cách mạng mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Bản hiến pháp mới của chúng ta đã khuyến khích hơn nữa đồng bào miền Bắc thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội, khuyến khích đồng bào miền Nam đấu tranh bên bờ biển hơn nữa để đòi tự do dân chủ và thống nhất nước nhà”.

Ngày 17-1-1960: Cuộc đồng khởi ở Bến Tre và ở nhiều tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên. Những tháng cuối năm 1959 và đầu năm 1960, trước tình thế cách mạng sôi sục và được Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 soi sáng, các cấp ủy Đảng ở miền Nam đã nhanh chóng chuyển hướng phương châm đấu tranh, phát động cao trào quần chúng nổi dậy có sự hỗ trợ tích cực của đấu tranh vũ trang, đưa phong trào cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công giành quyền làm chủ ở nông thôn.

Một số cuộc nổi dậy của đồng bào đã nổ ra ở một số tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và miền núi các tỉnh đồng bằng Liên khu 5. Đây là một sự vùng dậy lớn của cách mạng, đánh dấu mở đầu sự khủng hoảng chính trị nghiêm trọng và triển miên của chế độ Mỹ - Diệm và cũng mở đầu thời kỳ cách mạng chuyển sang thế tiến công trên toàn miền Nam. Cuộc nổi dậy có tính chất điển hình là cuộc đồng khởi của nhân dân tỉnh Bến Tre; ở đây, quần chúng khởi nghĩa đã sáng tạo ra những hình thức đấu tranh hết sức phong phú theo tinh thần: *chính trị là chủ yếu, vũ trang là đòn xeo và giữ thế hợp pháp* của quần chúng.

Bắt đầu từ ngày 17 tháng 1 năm 1960, chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân các huyện Mỏ Cà, Minh Tân, Thạnh Phú, dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, nhất loạt nổi dậy phá vỡ hoặc làm tê liệt chính quyền thôn xã của địch, thành lập Ủy ban nhân dân tự quản, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ gian ác chia cho nông dân nghèo, tổ chức và phát triển lực lượng vũ trang chống lại các cuộc phản kích của địch, giữ vững quyền làm chủ của nhân dân.

Sau đó, phong trào đồng khởi đã nhanh chóng lan rộng ra nhiều tỉnh ở Nam Bộ, Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh đồng bằng Liên khu 5. Cách mạng đã làm chủ được một vùng căn cứ rộng lớn có ý nghĩa chiến lược nối liền từ Tây Nguyên xuống miền Đông, miền Tây Nam Bộ và các tỉnh đồng bằng Khu 5, đồng thời cũng đã thúc đẩy quần chúng ở các đô thị, thành phố,

đặc biệt là ở Sài Gòn - Chợ Lớn đứng lên đấu tranh mạnh mẽ. Đi đôi với việc đập tan hệ thống kìm kẹp của tề nguỵ, quần chúng đã xây dựng chính quyền tự quản và lực lượng vũ trang của mình. Nhiều đơn vị dân quân du kích, tự vệ và bộ đội địa phương tỉnh, huyện phát triển rất nhanh; vũ trang quần chúng, xây dựng và phát triển các đơn vị tập trung trở thành một yêu cầu cấp bách của phong trào để phát triển cuộc tiến công và đánh trả các cuộc phản kích của địch.

Phong trào đồng khởi đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công mạnh mẽ, liên tục, hình thành một cao trào cách mạng khởi nghĩa vũ trang của quần chúng trên những vùng nông thôn rộng lớn.

“Cao trào cách mạng ấy, thực chất là một phong trào khởi nghĩa của quần chúng, một cuộc khởi nghĩa từng phần, từng bước của phong trào cách mạng của nhân dân để giành lấy thế lực chính trị, xây dựng một hình thức chính quyền cách mạng của nhân dân trong thôn xã, xây dựng một tổ chức đầu tiên của quân đội nhân dân trong xã, trong huyện, trong tỉnh...” (Thư đồng chí Lê Duẩn gửi Xứ ủy Nam Bộ ngày 28 tháng 4 năm 1961).

Vì thế, đồng khởi là một bước thắng lợi đầu tiên rất cơ bản trong quá trình đấu tranh lâu dài của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Với phong trào đồng khởi, Đảng ta cũng rút ra được nhiều bài học lớn về chỉ đạo cách mạng như đánh giá đúng địch và ta, quán triệt quan điểm bạo lực, quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, vận dụng nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa vũ trang, v.v.

Ngày 26-1-1960: Trận Tua Hai, một trong những trận đánh lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam. Đầu năm 1960, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương đánh một trận tiêu diệt lớn để thúc đẩy phong trào chung, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, giải phóng nông thôn và lấy vũ khí của địch trang bị cho lực lượng vũ trang cách mạng.

Ban quân sự miền Nam chọn mục tiêu là Tua Hai, căn cứ của trung đoàn 7, sư đoàn 5 nguỵ, ở cách thị xã Tây Ninh 7 km. Quyết tâm này đã được Xứ ủy duyệt.

Tuy với một lực lượng nhỏ, nhưng ta đã chọn Tua Hai là một căn cứ lớn làm mục tiêu, vì ta đã nắm chắc tình hình địch, có cơ sở cốt cán trong hàng ngũ địch và đã vận động được số đông binh sĩ địch có cảm tình, không chống lại cách mạng.

Lực lượng sử dụng gồm cả ba đại đội bộ binh, một đại đội đặc công trực thuộc Ban quân sự Miền lúc đó. Ta dùng cách đánh bất ngờ kết hợp với binh vận, có đưa một lực lượng đặc công vào bên trong trước khi nổ súng.

Thời gian tiến công là đêm 26 tháng 1 năm 1960, tức là đêm 27 rạng ngày 28 Tết âm lịch, khi địch rất sơ hở.

Do đã nắm chắc tình hình, chuẩn bị kỹ càng và có kế hoạch chính xác nên chỉ sau 20 phút chiến đấu, bộ đội ta đã làm chủ hoàn toàn căn cứ Tua Hai, diệt và làm bị thương 400 tên, trên 1.000 sĩ quan và binh lính địch đầu hàng, ta đã phá hủy 1 tiểu đoàn pháo 105 mm và 1 tiểu đoàn xe tăng hạng nhẹ, thu trên 5.000 súng, 3 xe đạn dược.

Trận Tua Hai là một trong những trận đánh lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam, tiêu diệt được nhiều địch, thu được nhiều vũ khí nhất, đồng thời cũng là trận mở đầu cho thời kỳ đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang ở miền Đông Nam Bộ.

Ngày 1-3-1960: Điều tra dân số toàn miền Bắc lần thứ nhất. Để phục vụ nhiệm vụ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đáp ứng yêu cầu củng cố quốc phòng, chi viện cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng miền Nam, năm 1960, Đảng và Chính phủ ta chủ trương tiến hành việc điều tra dân số toàn miền Bắc lần thứ nhất.

Đây là lần đầu tiên, việc điều tra dân số được tiến hành một cách khoa học nhằm xác định với mức độ chính xác nhất tình hình dân số miền Bắc.

Kết quả điều tra cho biết, tính đến ngày 1 tháng 3 năm 1960, trong 32 tỉnh, thành phố và khu vực trực thuộc Trung ương trên miền Bắc có 15.916.955 người, trong đó 7.687.814 nam và 8.229.141 nữ. Tỉnh có dân số nhiều nhất là Thanh Hóa, với 1.598.261 người.

Việc nắm được chính xác tình hình dân số có ý nghĩa rất quan trọng. Nó giúp cho Đảng và Chính phủ có căn cứ vững chắc để xây dựng các kế hoạch về phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, giải quyết các vấn đề về chính sách, văn hóa và xã hội trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước.

Tháng 4-1960: Công bố Luật Nghĩa vụ quân sự. Từ khi thành lập quân đội ta và trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, việc tòng quân vẫn theo chế độ tình nguyện, dựa trên tinh thần tự nguyện của mọi công dân yêu nước.

“Cách làm trước đây, như vậy là hoàn toàn cần thiết và hợp tình hợp lý”.

Ngày nay, “tình hình đã thay đổi, hòa bình đã được lập lại, miền Bắc giải phóng đã bước đầu được củng cố, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành. Trước tình hình đó, chế độ tình nguyện tòng quân cần được thay thế bằng chế độ nghĩa vụ quân sự” (Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương lần thứ 12).

Qua một thời gian nghiên cứu, cuối năm 1957, Hội đồng Chính phủ giao cho Bộ Quốc phòng phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thí điểm việc áp dụng chế độ nghĩa vụ quân sự trong tỉnh Vĩnh Phúc.

- Năm 1958, mở rộng thí điểm ra ba tỉnh Hải Dương, Nghệ An, Hà Nam, và huyện Phù Yên tỉnh Sơn La.

- Năm 1959, hầu hết các tỉnh ở miền Bắc, mỗi tỉnh đều tổ chức thí điểm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự trong một hoặc hai huyện.

Sau khi đã được chỉnh lý bổ sung qua các lần thí điểm, Luật nghĩa vụ quân sự đã được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chính thức thông qua và tháng 4 năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký lệnh ban bố đạo luật này.

“Thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự còn nâng cao được ý thức quốc phòng của toàn dân, làm cho mọi người công dân có điều kiện tham gia quân đội làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc” (Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương lần thứ 12). Thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự mới có thể có một lực lượng hậu bị lớn mạnh đã trải qua huấn luyện, đồng thời giảm bớt được số quân thường trực, tiết kiệm được nhân lực, vật lực để tăng cường kiến thiết đất nước; thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự mới có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chế độ chính quy trong quân đội, khắc phục được những chỗ chưa hợp lý và còn hạn chế do chế độ tình nguyện tòng quân lâu ngày để ra.

Luật Nghĩa vụ quân sự được ban hành và thực hiện đã góp phần quan trọng vào công tác động viên tuyển quân xây dựng lực lượng vũ trang đánh thắng đế quốc Mỹ trên cả hai miền Nam - Bắc.

Ngày 8-5-1960: Bầu cử Quốc hội khóa II. Do điều kiện chiến tranh, Quốc hội khóa I đã phải kéo dài nhiệm kỳ từ năm 1946 đến năm 1960.

Chiến tranh đã kết thúc, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, Hiến pháp mới đã được ban hành, ngày 8 tháng 5 năm 1960, 97,52% cử tri trên toàn miền Bắc đã đi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội khóa II.

Có 362 người trúng cử đại biểu Quốc hội, trong đó người trúng cử với số phiếu nhiều nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh, ứng cử tại khu Ba Đình, Hà Nội, được 99,91% số phiếu bầu. Trong thành phần của đại biểu Quốc hội khóa II có 65 người thuộc các dân tộc ít người, 49 nữ, 40 thanh niên từ 21 đến 30 tuổi, 46 nông dân, 20 bộ đội, 65 đại biểu làm công tác khoa học, nghệ thuật, giáo dục, 2 đại biểu tư sản dân tộc, 3 linh mục, 2 hòa thượng.

Trong kỳ họp đầu tiên, Quốc hội khóa II đã bầu:

- Chủ tịch nước: đồng chí Hồ Chí Minh.
- Phó chủ tịch: đồng chí Tôn Đức Thắng.

- Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội: đồng chí Trường Chinh.
- Thủ tướng Chính phủ: đồng chí Phạm Văn Đồng.

Trong phiên họp này, Quốc hội cũng đã bầu Hội đồng Quốc phòng, cử Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Việc kiện toàn và củng cố các cơ quan lập pháp và hành pháp Trung ương phù hợp với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới đã tăng cường sức mạnh của Nhà nước chuyên chính vô sản, vừa xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa ra sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Từ ngày 5 đến 10-9-1960: Đại hội lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam. Đây là lần đầu tiên sau 30 năm đấu tranh gian khổ và anh dũng, Đảng ta họp Đại hội tại Thủ đô của Tổ quốc.

Tham dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết thay mặt 50 vạn đảng viên trong toàn quốc. Gần 20 đoàn đại biểu các Đảng Cộng sản anh em đã đến dự Đại hội.

Đại hội kiểm điểm công tác từ Đại hội lần thứ II (2-1951) và vạch ra cương lĩnh cho đường lối cách mạng cả nước ta và cho từng miền. “Nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam hiện nay là: Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam; thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới”.

Đại hội quyết định sửa đổi điều lệ Đảng và bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương; bầu Bộ Chính trị gồm 11 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết, bầu Ban bí thư Trung ương Đảng gồm 7 đồng chí.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng là một sự kiện rất trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Căn cứ vào sự phát triển của thực tiễn cách mạng ở cả hai miền nước ta và chiều hướng chung của cách mạng trên thế giới, Đại hội đã vạch ra đường lối chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo nhằm đẩy mạnh cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, phát huy sức mạnh tổng hợp của hai cuộc cách mạng lớn của thời đại ở trong nước ta và trên thế giới để đánh thắng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng.

Đại hội đã phân tích và đề ra một cách khoa học, sáng tạo hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng của cả nước ta, mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược đó, vạch ra triển vọng thắng lợi tất yếu của cách mạng và phương thức hoạt động giành thắng lợi cho từng miền.

Đường lối do Đại hội vạch ra đã soi sáng con đường của nhân dân ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh để thực hiện thống nhất Tổ quốc. Đại hội đánh dấu một sự trưởng thành mới về lãnh đạo của Đảng ta, làm cơ sở cho mọi thắng lợi sau này.

Ngày 20-10-1960: Nổi dậy đồng loạt của nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Tây Nguyên. Trong năm 1960, phong trào nổi dậy của nhân dân đã nhanh chóng lan rộng hầu khắp các tỉnh Nam Bộ và miền Tây các tỉnh ven biển Liên khu 5.

Ở Tây Nguyên, cuộc đồng khởi bắt đầu từ cuộc tiến công và nổi dậy ở Đắc Tả, đã dấy lên thành một cao trào cách mạng của quần chúng đều khắp cả ba tỉnh ở Tây Nguyên.

Đắc Tả nằm trên đường chiến lược 14 ở phía bắc Công Tum. Ngày 20 tháng 10 năm 1960, quân và dân ở đây đã đồng loạt tiến công vào các đồn Đắc Rú, Đắc Lay, Đắc Tả, Đắc Bun, v.v. Ta diệt đồn Đắc Rú và Đắc Lay, địch ở Đắc Tả hốt hoảng bỏ chạy; đồn Đắc Bun ra hàng. Ta tiêu diệt và bắt sống 300 tên địch, thu 50 súng. Ở phía đông Công Tum, ta tiến công tiêu diệt đồn Măng Bút, Măng Đen và đánh trên đường 5 diệt 7 xe địch. Cùng thời gian này, nhân dân Gia Lai đã tiến công tiêu diệt đồn Kanak (gần An Khê) và đồn Lệ Thanh (Gia Lai); ở Đắc Lắc, diệt đồn Plây Cốc và Ai Nủ hỗ trợ cho đồng bào Buôn Ma Thuột nổi dậy đấu tranh. Cùng với đòn tiến công quân sự, nhân dân đã nổi dậy phá tan hàng loạt áp chiến lược, giải phóng 538.000 người.

Ngày 20 tháng 10 năm 1960 mở đầu cho cao trào đồng khởi ở Tây Nguyên; phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên đã bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ cách mạng tiến công.

Cao trào đồng khởi ở Tây Nguyên đã cùng với cuộc nổi dậy đồng loạt ở các tỉnh Nam Bộ và miền Tây các tỉnh đồng bằng Khu 5 làm thay đổi cục diện ở miền Nam, phá vỡ một mảng lớn hệ thống chính quyền cơ sở của địch. Chúng ta đã làm chủ được một vùng rộng lớn có ý nghĩa chiến lược, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Đông và miền Tây Nam Bộ và từ Tây Nguyên xuống đồng bằng Khu 5.

Từ ngày 2-11 đến 6-12-1960: Đoàn đại biểu Đảng ta tham dự lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười và hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân thế giới. Từ ngày 2 tháng 11 đến ngày 6 tháng 12 năm 1960, đoàn đại

biểu Đảng Lao động Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đã đi Mátxcova dự lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười và hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân thế giới.

Tháng 1 năm 1961, Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương Đảng nhận định hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân thế giới là một thành công lớn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ta ra sức phấn đấu để thực hiện nghiêm chỉnh những nguyên tắc cách mạng của bản tuyên bố của hội nghị kết hợp với việc thực hiện những nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã vạch ra.

Ngày 20-12-1960: Thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Theo chủ trương của Đảng, trong cao trào cách mạng năm 1960, ngày 20 tháng 12 năm 1960, tại một vùng giải phóng miền Đông Nam Bộ, Đại hội đại biểu nhân dân toàn miền Nam đã họp nghiên cứu tình hình miền Nam và tuyên bố thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Mặt trận chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, nhân sĩ dân chủ, thân sĩ yêu nước không phân biệt xu hướng chính trị nhằm đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm. Xuất phát từ thực tiễn cách mạng miền Nam, Mặt trận đề ra chương trình 10 điểm mà nội dung cơ bản là đánh đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm nhằm xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, thống nhất.

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được thành lập là kết quả tất yếu của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam chống ách thống trị thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và tay sai. Kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc, Mặt trận giương cao ngọn cờ đoàn kết chống Mỹ, cứu nước trong điều kiện mới của lịch sử. Chương trình 10 điểm của Mặt trận giải quyết một cách đúng đắn những vấn đề cơ bản của cách mạng miền Nam Việt Nam, đặc biệt là các vấn đề dân tộc độc lập, dân chủ và chính sách hòa bình trung lập.

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời đánh dấu một sự kiện quan trọng của cách mạng miền Nam. Cương lĩnh của Mặt trận, theo đường lối Đảng ta đề ra, đã có tác dụng tập hợp rộng rãi hơn nữa mọi tầng lớp nhân dân yêu nước chống Mỹ - Diệm, cô lập và phân hóa hơn nữa kẻ thù, đấu tranh cho độc lập dân tộc và dân chủ.

Ngày 26-9-1960: Quân và dân Lào giải phóng Sầm Nưa. Ngày 23 tháng 5 năm 1960, với sự giúp đỡ của một số binh sĩ yêu nước trong quân đội phái hữu và nhân dân địa phương, các lãnh tụ Pa-thét Lào, trong đó có Chủ tịch

Xu-pha-nu-vông, bị bọn phản động Lào bắt giam ở gần Viêng Chăn đã thoát khỏi trại giam và trở về vùng căn cứ an toàn.

Ngày 26 tháng 9 năm 1960, lực lượng vũ trang Pa-thét Lào, với sự phối hợp của bộ đội tình nguyện Việt Nam, đã giải phóng thị xã Sầm Nưa và hầu hết tỉnh Sầm Nưa.

Giải phóng Sầm Nưa là một thắng lợi lịch sử, một thắng lợi quan trọng của cách mạng Lào, mở đầu cho những thắng lợi liên tiếp về sau. Với việc giải phóng Sầm Nưa, cách mạng Lào đã có một khu căn cứ vững chắc tương đối rộng có điều kiện phát triển cả về ba phía Bắc, Nam và Tây, lại dựa lưng vào miền Bắc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là một thuận lợi lớn để tổ chức việc lãnh đạo cách mạng trong cả nước Lào cho đến ngày toàn thắng.

Bản sao lưu trữ

II. CÁCH MẠNG MIỀN NAM TỪ KHỞI NGHĨA TỪNG PHẦN TIẾN LÊN ĐÁNH BẠI “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

Tháng 1-1961: Bộ Chính trị ra Nghị quyết (thành chỉ thị ngày 31-1-1961) về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng Việt Nam. Trước những thắng lợi dồn dập của cách mạng miền Nam từ sau ngày đồng khởi, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam.

Miền Bắc ngày càng xây dựng vững mạnh hơn về mọi mặt và cùng với các nước xã hội chủ nghĩa trở thành một khối vững chắc, ta càng có điều kiện giữ gìn hòa bình và phòng thủ miền Bắc vững vàng hơn, miền Bắc ngày càng trở nên chỗ dựa và là căn cứ địa vững chắc cho cách mạng giải phóng miền Nam và càng có tác dụng quyết định đối với sự nghiệp hòa bình thống nhất nước nhà.

Về tình hình miền Nam, Bộ Chính trị nhận định rằng: *“Thời kỳ tạm ổn của chế độ Mỹ - Diệm đã chấm dứt và thời kỳ khủng hoảng triển miên đã bắt đầu, các hình thái du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần đã xuất hiện mở đầu cho một cao trào cách mạng ở miền Nam”* vì đến nay *“Cách mạng miền Nam phát triển theo con đường tổng khởi nghĩa với những đặc điểm mới và khả năng hòa bình phát triển của cách mạng thì gần như không còn nữa”* và *“Cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa của nhân dân sẽ bùng nổ để lật đổ chính quyền Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam”*.

Về hình thức và phương châm đấu tranh, Bộ Chính trị vạch rõ: *“... Đến nay, do lực lượng so sánh đã thay đổi, cần phải chuyển phương châm đấu tranh: **Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự**”*.

Do tình hình so sánh lực lượng và đặc điểm địa hình trong từng vùng có khác nhau nên Bộ Chính trị đề ra phương châm công tác ba vùng: *Ở các vùng rừng núi, lấy đấu tranh quân sự làm chủ yếu. Ở các vùng đồng bằng,*

đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị có thể ngang nhau. Ở các vùng đô thị, lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu.

Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ trước mắt cho cách mạng miền Nam là: “Ra sức xây dựng mau chóng lực lượng ta về cả hai mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận giải phóng, phát động phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo tồn và phát triển lực lượng ta, làm tan rã chính quyền và lực lượng địch trên một phạm vi ngày càng rộng lớn, tiến lên làm chủ rừng núi, giành lại toàn bộ đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở đô thị, tạo mọi điều kiện và nắm mọi thời cơ thuận lợi để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam”.

Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị ngày 31 tháng 1 năm 1961 là sự chỉ đạo chiến lược rất quan trọng đối với cách mạng miền Nam. Đó là sự vận dụng các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 15 và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng một cách sáng tạo trong những điều kiện mới, đề ra những vấn đề cơ bản về đường lối và phương pháp cách mạng cho miền Nam trong giai đoạn mới, tiếp tục đưa cách mạng tiến lên.

Ngày 15-2-1961: Thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam. Từ những đội vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền nhỏ bé thành lập năm 1957-1958, đến đầu năm 1961, lực lượng vũ trang cách mạng đã phát triển rất nhanh ở khắp miền Nam, bắt đầu hình thành ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Tuy vậy, về hình thức tổ chức và tên gọi thì mỗi địa phương một khác, hệ thống chỉ huy chỉ đạo cũng chưa thật chặt chẽ.

Trước tình hình đó, ngày 15 tháng 2 năm 1961, tại chiến khu Đ, một hội nghị quân sự được tổ chức đã quyết định thống nhất tất cả các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam thành “Quân giải phóng miền Nam Việt Nam” và chuyển Ban quân sự Miền thành Bộ chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 1961, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân khu 5 được thành lập và trước yêu cầu phát triển của chiến tranh cách mạng, ngày 2 tháng 8 năm 1961, trung đoàn chủ lực đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam ra đời ở miền Đông Nam Bộ, lấy phiên hiệu là Q.761.

Việc thống nhất các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam nói lên sự trưởng thành của lực lượng vũ trang ta ở miền Nam và bước chuyển biến của cách mạng sang giai đoạn mới, giai đoạn tiến hành chiến tranh cách mạng.

Tháng 1 đến tháng 5-1961: Quân và dân Lào giải phóng Cảnh Đôn Chum và nhiều địa phương khác ở Lào. Ngày 1 tháng 1 năm 1961, bộ đội

Pa-thét Lào và các lực lượng yêu nước khác, có sự phối hợp của bộ đội tình nguyện Việt Nam, giải phóng Cảnh Đồng Chum và vùng Noong Hét thuộc tỉnh Xiêng Khoảng. Cùng ngày, thị xã Phong Sa Lý cũng được giải phóng.

Phát huy thắng lợi, bộ đội Pa-thét Lào cùng bộ đội tình nguyện Việt Nam liên tiếp giải phóng nhiều địa phương khác như: Nậm Bạc và Bản Ban (4 tháng 1), Tha Viêng (12 tháng 1), Vang Viêng và Tha Thơm (18 tháng 1), Mường Hiêm (29 tháng 1), Pa Thí (31 tháng 1), Xa-la Phu-khun (7 tháng 3), Cam Cốt - Lát Sao - Na Pê (11 tháng 3), Pha Tạng (19 tháng 3).

Bị thất bại nặng nề, phái hữu phản động Phu-mi Nô-sa-văn đề nghị ngừng bắn. Pa-thét Lào chấp nhận đề nghị này, đại diện ba phái đã gặp nhau ở Hin Hợp, sau đó ở Na Mon và trong tháng 5 năm 1961 đã thỏa thuận về ngừng bắn.

Tuy nhiên, thỏa thuận này đã bị bọn phản động phá hoại ngay sau khi vừa ký nên chiến sự vẫn tiếp diễn và ngày càng gay gắt hơn.

Thắng lợi trong những tháng đầu năm 1961 ở Lào cùng những thắng lợi của cách mạng miền Nam nước ta từ đồng khởi đến nay, làm cho so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng thay đổi có lợi cho cách mạng của hai nước. Thế và lực của cách mạng Lào đều phát triển; vùng giải phóng được mở rộng, lực lượng vũ trang mạnh thêm, uy tín của Neo Lào Hắc-xạt ngày càng ăn sâu trong quần chúng nhân dân Lào, đồng thời đây cũng là một sự hỗ trợ mạnh mẽ đối với cách mạng miền Nam nước ta.

Năm 1961: Đế quốc Mỹ bước vào cuộc “chiến tranh đặc biệt”, dùng thủ đoạn chiến tranh để thực hiện mục đích xâm lược. Vào những tháng đầu năm 1961, sau cuộc “đồng khởi” thắng lợi ở miền Nam, cách mạng phát triển trên thế tiến công, liên tiếp giành nhiều thắng lợi to lớn. Ngụy quân ngụy quyền đã đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn.

Đế quốc Mỹ không cam tâm chịu thất bại. Tháng 1 năm 1961, Ken-nơ-đi thay Ai-xen-hao làm tổng thống Mỹ, đã ngoan cố dấn thêm vào con đường xâm lược vũ trang với quy mô lớn hơn.

Trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng, bị mất ưu thế về vũ khí hạt nhân và trước sự lớn mạnh của phong trào độc lập dân tộc theo xu thế xã hội chủ nghĩa, Ken-nơ-đi phải đề ra chiến lược quân sự mới “phản ứng linh hoạt” với ba loại chiến tranh: “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ” và “chiến tranh thế giới”. Mục đích là để hòa hoãn với Liên Xô, đàn áp phong trào độc lập dân tộc, lấy Việt Nam làm thí điểm đầu tiên cho chiến lược quân sự mới này.

Mỹ âm mưu cứu vãn sự suy sụp nghiêm trọng của chế độ Diệm và đánh bại lực lượng cách mạng, khắc phục những nhược điểm của quân đội Diệm

về số lượng, trang bị và tính cơ động, giành lại thế chủ động và chiếm lại những vùng đã mất, đồng thời chuẩn bị cơ sở vật chất và kỹ thuật để Mỹ có thể can thiệp vũ trang với quy mô lớn hơn vào miền Nam Việt Nam khi tình hình cho phép.

Ngày 11 tháng 5 năm 1961, Ken-nơ-đi lệnh đưa thêm 400 binh sĩ thuộc lực lượng đặc biệt Mỹ và 100 cố vấn sang Nam Việt Nam, đồng thời ra lệnh tổ chức các chiến dịch bí mật phá hoại và quấy rối miền Bắc Việt Nam, phát triển quân nguy lên 20 vạn quân chính quy, 6,8 vạn bảo an, xây dựng và mở rộng quân địa phương.

Tháng 6 năm 1961, Ken-nơ-đi cử phái đoàn Xta-lây sang Nam Việt Nam cùng Tay-lo xây dựng một kế hoạch nhằm “bình định” miền Nam trong 18 tháng, mở đầu cho chiến lược mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam: chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

Thực hiện “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã tiến hành một loại chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam, sử dụng lực lượng tay sai nguy quân, nguy quyền với vũ khí trang bị, phương tiện chiến tranh với viện trợ tài chính của Mỹ, do Mỹ chỉ huy và có lực lượng Mỹ yểm trợ, để thực hiện kế hoạch của Mỹ. Quân chiến đấu Mỹ được sử dụng hạn chế và khi cần thiết.

Tháng 12 năm 1961, Ken-nơ-đi và Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ chuẩn y đề nghị của Tay-lo mở rộng phái đoàn cố vấn Mỹ và đưa quân Mỹ đóng vai trò hỗ trợ trong các trận đánh, một quyết định mà Giôn-xơn (khi đó là phó tổng thống Mỹ) sau này cho rằng: “Ken-nơ-đi đã có một quyết định cơ bản về Việt Nam, tức là chính thức lao vào cuộc chiến tranh đặc biệt”.

Việc đế quốc Mỹ ngoan cố và hiếu chiến lao vào cuộc “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam đã làm cho chiến tranh mở rộng và kéo dài. Cách mạng Việt Nam gặp thêm nhiều khó khăn. Nhưng chân tướng cướp nước và bán nước của đế quốc Mỹ và bọn tay sai đã bị phơi bày. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” không cứu vãn được thế nguy khốn của chúng mà lại làm cho thất bại sau của chúng lớn hơn thất bại trước, trước tinh thần quật cường của dân tộc Việt Nam quyết chiến đấu vì độc lập, tự do.

Từ tháng 2-1962 và 12-1962: Bộ Chính trị ra Nghị quyết về công tác trước mắt của cách mạng miền Nam. Từ sau Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 và chỉ thị của Bộ Chính trị tháng 1 năm 1961, phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam được giữ vững và ngày càng phát triển rộng rãi, đánh bại các cuộc phản kích của địch, đẩy địch vào thế bị động ngày càng suy yếu. Để cứu vãn bọn tay sai, đế quốc Mỹ thực tế đã nắm quyền chỉ huy quân sự ở miền Nam, tăng cường viện trợ trang bị và đã đưa một số lực lượng vũ trang hỗ trợ bọn tay sai tiếp tục cuộc chiến tranh xâm

lược miền Nam, tiến thêm một bước trong chính sách can thiệp, bước đầu bằng lực lượng vũ trang của Mỹ.

Trước tình hình đó, tháng 2 năm 1962, Bộ Chính trị đã họp bàn về công tác trước mắt của cách mạng miền Nam.

Bộ Chính trị nhận định sự can thiệp mạnh hơn của đế quốc Mỹ có gây thêm nhiều khó khăn cho cách mạng miền Nam, làm cho cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt, nhưng về thực tế, so sánh lực lượng giữa ta và địch và đối tượng của cách mạng miền Nam căn bản chưa có gì thay đổi. Đế quốc Mỹ không những không ngăn chặn được phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam ngày càng phát triển mà trái lại càng làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ sâu sắc thêm.

Bộ Chính trị đề ra chủ trương trước mắt của ta là: “Kiên quyết đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự, giành và giữ thế chủ động, đẩy địch vào thế bị động hơn nữa, tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, ra sức phá kế hoạch Xta-lây - Tay-lo, mở rộng hơn nữa phong trào giải phóng dân tộc, tăng cường chặt chẽ hơn nữa khối đoàn kết dân tộc, khơi sâu hơn nữa mâu thuẫn nội bộ của địch, tranh thủ mạnh mẽ sự ủng hộ và đồng tình của lực lượng hòa bình, dân chủ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên thế giới chống sự can thiệp vũ trang quy mô của đế quốc Mỹ vào miền Nam Việt Nam, tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa”.

Bộ Chính trị cũng đã nhấn mạnh việc “Củng cố và mở rộng căn cứ địa, ra sức bồi dưỡng lực lượng của nhân dân về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa để tiến lên xây dựng một lực lượng vũ trang lớn mạnh cùng với toàn dân đánh bại quân thù, giành lấy thắng lợi cuối cùng”.

Sau Nghị quyết tháng 2 năm 1962 của Bộ Chính trị, đến cuối năm 1962, ta thu được nhiều thắng lợi to lớn, kế hoạch của địch “binh định” miền Nam trong 18 tháng căn bản đã bị thất bại; ta đã tiêu diệt và làm tan rã hàng chục vạn quân địch, diệt hàng nghìn đồn bốt, phá gần 3.000 ấp chiến lược; lực lượng của ta, như tổ chức cơ sở Đảng, lực lượng vũ trang và lực lượng quần chúng, đều mạnh hơn trước nhiều, vùng giải phóng được giữ vững và có nơi mở rộng. Về phía địch, tuy bị những thất bại nặng nề nhưng vẫn ngoan cố tiếp tục tăng cường lực lượng, tiến hành cuộc “chiến tranh đặc biệt” chống nhân dân ta ở miền Nam ngày càng quyết liệt.

Trước tình hình đó, ngày 10 tháng 12, Bộ Chính trị lại họp ra nghị quyết về tình hình, phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam.

Bộ Chính trị nhận định rằng những thắng lợi to lớn về đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch hơn trước

cùng với những thắng lợi về phá ấp chiến lược, giữ vững và phát triển phong trào, làm cho dân số vùng ta kiểm soát được tăng thêm, có một tầm quan trọng rất lớn trong tình hình địch đưa toàn bộ lực lượng để ra sức “bình định” miền Nam trong 18 tháng. Thực tiễn của những thắng lợi đó chứng tỏ ta có khả năng giữ vững và phát triển được phong trào.

“Cuộc đấu tranh giữa ta và địch ở miền Nam *đã thực sự là một cuộc chiến tranh; vị trí, lực lượng và yêu cầu của đấu tranh vũ trang cần phải được nâng cao lên hơn nữa*”, và “cuộc chiến tranh ở miền Nam vừa có tính chất nội chiến, vừa có tính chất chống xâm lược nhưng thực chất là một cuộc chiến tranh chống xâm lược”.

Bộ Chính trị cũng đề ra những nét cụ thể về nhiệm vụ đẩy mạnh đấu tranh chính trị là ưu thế tuyệt đối của ta và phát động toàn Đảng, toàn dân xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển chiến tranh du kích mạnh mẽ, rộng khắp, ra sức phá “ấp chiến lược” của địch, trước mắt làm thất bại kế hoạch tiến công của địch năm 1963. Tổ chức từng đợt hoạt động có phối hợp chủ lực, bộ đội địa phương, du kích, đặc công để phá “ấp chiến lược” của địch từng mảng trên từng vùng nhất định hoặc từng đợt đánh phá làm tê liệt giao thông địch, mở rộng căn cứ, chống càn, chống lấn chiếm là những phương thức tiến tới các chiến dịch du kích sau này. Quy mô phổ biến từng tiểu đoàn, tiêu diệt từng đại đội địch; khi có điều kiện thuận lợi thì tập trung phối hợp 2 - 3 tiểu đoàn.

Những Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 2 năm 1962 và tháng 12 năm 1962 đã có những kết luận quan trọng về tính chất cuộc đấu tranh giữa ta với địch và vạch ra phương hướng phát triển của cuộc đấu tranh đó làm cơ sở chỉ đạo mọi hoạt động của ta, đẩy cuộc “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy lún sâu vào tình thế thất bại.

Từ ngày 16-2 và 3-3-1962: Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần thứ nhất. Ngay từ sau khi ra đời cuối năm 1960, do có chương trình hành động đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo quần chúng, Mặt trận dân tộc giải phóng đã có ảnh hưởng rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân ở miền Nam.

Trước những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam, Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã họp để vạch ra nhiệm vụ của Mặt trận trong tình hình mới và bầu ra Ủy ban Trung ương chính thức, để thúc đẩy cuộc cách mạng tiến lên giành thắng lợi mới.

Ngày 16 tháng 2 năm 1962, Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam lần thứ nhất đã khai mạc và làm việc tới ngày 3 tháng 3 năm 1962, với sự tham gia của hơn 100 đại biểu gồm đủ mọi tầng lớp xã hội, tôn giáo, dân tộc thuộc nhiều xu hướng chính trị khác nhau.

Đại hội đã thông qua nghị quyết về nhiệm vụ của Mặt trận trong tình hình mới, các chính sách lớn của Mặt trận về các vấn đề hòa bình, trung lập, vấn đề dân tộc, ruộng đất, các chính sách đối với giai cấp tư sản, đối với trí thức, ngoại kiều, tôn giáo, binh sĩ và nhân viên ngụy quyền miền Nam.

Đại hội đã bầu ra Ủy ban Trung ương chính thức của Mặt trận do luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm chủ tịch.

Đại hội ra một bản tuyên bố quan trọng, trong đó khẳng định nhiệm vụ chung của Mặt trận là: “Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hòa bình, thi hành chính sách trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới”.

Sau đại hội, Mặt trận công bố 4 chủ trương cứu nước khẩn cấp trước tình hình đế quốc Mỹ ngày càng leo thang vũ trang xâm lược nước ta:

1. Đế quốc Mỹ phải đình chỉ chiến tranh xâm lược ở miền Nam.
2. Giải tán các “ấp chiến lược”.
3. Thành lập ở miền Nam một chính phủ liên hiệp dân tộc.
4. Thi hành đường lối ngoại giao hòa bình, trung lập.

Đại hội đã làm cho uy tín của Mặt trận được tăng lên. Nó có ý nghĩa lớn trong việc tập hợp lực lượng trong hàng ngũ Mặt trận chống đế quốc Mỹ xâm lược, trong quan hệ đối ngoại để tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân yêu chuộng chính nghĩa và hòa bình trên toàn thế giới.

Năm 1962: Thành lập Quân chủng Phòng không - Không quân. Sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, chấp hành Nghị quyết Trung ương lần thứ 12 (3-1957), năm 1962, theo chủ trương của Quân ủy Trung ương, lực lượng không quân ra đời, lực lượng phòng không cũng tách khỏi tổ chức chung với pháo binh mặt đất.

Quân ủy Trung ương lại quyết định hợp nhất hai lực lượng phòng không và không quân thành một quân chủng thống nhất: Quân chủng Phòng không - Không quân. Đây là một bước phát triển mới của Quân đội nhân dân Việt Nam trên đường tiến lên chính quy hiện đại có nhiều binh chủng, quân chủng kỹ thuật.

Trong điều kiện lực lượng ta còn ít, cơ sở vật chất thiếu thốn, việc đưa hai lực lượng vào một quân chủng, dưới sự chỉ huy thống nhất của một Bộ tư lệnh đã có ý nghĩa rất tích cực. Nó làm cho sự hiệp đồng chiến đấu bảo vệ vùng trời giữa hai lực lượng được chặt chẽ hơn. Việc sử dụng hệ thống ra-đa

và bảo đảm vật chất - kỹ thuật phục vụ cho cả hai lực lượng được tiết kiệm và thuận lợi hơn, góp phần lớn lao vào kết quả bảo vệ vùng trời của Tổ quốc, hai lần đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tháng 5-1962: Thành lập khối chủ lực đầu tiên của Quân khu 5. Giữa năm 1962, lực lượng vũ trang cách mạng của Quân khu 5 đã khá lớn mạnh. Bộ đội địa phương các tỉnh, dân quân du kích thôn xã đều phát triển, bộ đội cơ động đã có hàng chục tiểu đoàn. Trước yêu cầu đưa quy mô tác chiến tập trung ở Quân khu 5 lên cao hơn nữa, tạo nên quả đấm mạnh của chủ lực thực hiện nhiệm vụ tiêu diệt địch lớn hơn nữa, tháng 5 năm 1962, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân khu 5 quyết định thành lập 3 trung đoàn đầu tiên của Quân khu (lúc ấy gọi là các công trường).

- Trung đoàn 1 hoạt động ở Quảng Nam gồm 2 tiểu đoàn bộ binh 60 và 91.

- Trung đoàn 2 hoạt động trong phạm vi hai tỉnh Quảng Ngãi và Công Tum, gồm 3 tiểu đoàn 90, 95, 80 và 1 khung trợ chiến.

- Trung đoàn 3 hoạt động trong phạm vi 3 tỉnh: Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, gồm 3 tiểu đoàn 50, 30, 32 và 1 khung trợ chiến.

Tuy lúc đầu, về tác chiến vẫn sử dụng từng tiểu đoàn là chính nhưng các trung đoàn đã dần dần trưởng thành cả về xây dựng và chiến đấu tập trung, thực hiện chủ trương đưa chiến trường Tây Nguyên thành chiến trường tiêu diệt địch, chiến trường tác chiến của chủ lực.

Năm 1962: Quân và dân Lào chiến thắng ở Nậm Thà. Thành lập Chính phủ liên hiệp ở Lào lần thứ hai và ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Lào. Sang đầu năm 1962, cách mạng Lào liên tiếp thu nhiều thắng lợi, đặc biệt là ở chiến trường Thượng Lào. Từ tháng 1 năm 1962 đến tháng 4 năm 1962, bộ đội Pa-thét Lào giải phóng hầu hết phía bắc tỉnh Luông Pha Bông.

Ngày 8 tháng 5, sau một đợt hoạt động dài ngày, quy mô khá lớn có sự phối hợp của quân tình nguyện Việt Nam, Pa-thét Lào đã giải phóng tỉnh Nậm Thà, một tỉnh có vị trí rất quan trọng ở cực Bắc nước Lào, tiếp giáp với Trung Quốc, Miến Điện và Thái Lan. Địch bị thất bại nặng nề chưa từng thấy ở Lào, trên 1.600 tên thuộc lực lượng cơ động chiến lược nguy Lào bị tiêu diệt (GM.11 bị diệt và tan rã hết, GM.18 và GM.15 bị thiệt hại nặng). Vùng giải phóng Bắc Lào mở rộng thêm 8.000 km², gồm trên 76.000 dân.

Những thắng lợi trên chiến trường Lào, nhất là chiến thắng Nậm Thà, đã làm cho Mỹ và bọn tay sai rất bối rối. Đế quốc Mỹ phải chấp nhận một bước lùi ở Lào để tập trung khả năng đối phó với tình hình miền Nam Việt Nam.

Ngày 7 tháng 6 năm 1962, hội nghị ba phái ở Lào họp tại Cánh Đồng Chum và đến 12 tháng 6, hiệp nghị về việc thành lập một chính phủ liên hiệp đã được ký kết.

Chính phủ liên hiệp đã quyết định lấy ngày 24 tháng 6 làm ngày ngừng bắn toàn quốc Lào.

Trong Chính phủ liên hiệp lần thứ hai, Hoàng thân Xu-pha-nu-vông giữ chức Phó thủ tướng, Pa-thét Lào còn giữ thêm hai ghế: Bộ trưởng Bộ Kinh tế Kế hoạch, Bộ trưởng Bộ thông tin Tuyên truyền Du lịch, và hai ghế Thứ trưởng.

Ngày 2 tháng 7 năm 1962, Hội nghị Giơ-ne-vơ về Lào họp lại có 14 nước tham gia; ngày 23 tháng 7 năm 1962, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Lào được ký kết. Lần đầu tiên trong lịch sử của mình, nước Lào được quốc tế cam kết “tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ”.

Ngày 17 tháng 9, lính Mỹ trước đây hoạt động hỗ trợ cho quân đội phái hữu bắt đầu rút khỏi Lào và đến ngày 6 tháng 10 thì rút hết 666 tên.

Thắng lợi năm 1962 của cách mạng Lào rất lớn, chẳng những đối với cách mạng Lào mà đối với cả cách mạng thế giới. Bài học cách mạng Lào có một tầm quan trọng đặc biệt đối với cách mạng miền Nam. Nó cho phép ta đánh giá đế quốc Mỹ đối với cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, cho thấy rõ hơn những khó khăn của đế quốc Mỹ trong khi giải quyết những vấn đề quốc tế phức tạp, đồng thời góp phần làm sáng tỏ thêm triển vọng của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân hai nước Việt - Lào, khả năng giải quyết các vấn đề như chính phủ liên hiệp, biện pháp vừa đánh vừa đàm, khả năng kiểm chế và thắng địch từng bước, v.v.

Ngày 2-1-1963: Chiến thắng Ấp Bắc. Đến cuối năm 1962, tuy địch đã bị thất bại nặng nề, nhưng đế quốc Mỹ vẫn tin vào sức mạnh trang bị kỹ thuật mà chúng đã tăng cường cho quân ngụy. Ta tuy giành được nhiều thắng lợi, nhưng vẫn chưa làm thất bại được thủ đoạn chiến thuật cơ động bằng thiết giáp và máy bay lên thẳng của địch; chúng vẫn gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất. Đánh bại chiến thuật “thiết xa vận”, “trục thẳng vận” thành một yêu cầu cấp bách của lực lượng vũ trang ta để đưa hoạt động vũ trang và lực lượng vũ trang ta phát triển. Chấp hành chủ trương của Đảng, nhiều đơn vị địa phương ra sức chuẩn bị, nghiên cứu để thực hiện yêu cầu đó.

Được tin có một đơn vị lực lượng vũ trang cách mạng mới về Ấp Bắc, một ấp nhỏ thuộc xã Tân Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, cách thị xã Mỹ Tho 20 km, Mỹ - ngụy liền huy động một lực lượng lớn có máy bay, xe lội nước, pháo binh chi viện càn vào Ấp Bắc, hy vọng tiêu diệt đơn vị này của ta, và nhằm khích lệ tinh thần đang sa sút của quân ngụy.

Địch sử dụng 3 tiểu đoàn của sư đoàn 7, tiểu đoàn 8 dù, 2 đại đội biệt động, 8 đại đội bảo an, 3 đại đội dân vệ biệt kích, tổng cộng 25 đại đội bộ binh gồm trên 2.000 tên, cùng với 13 xe M.113, 13 tàu các loại, 8 máy bay khu trục, 20 máy bay lên thẳng, 11 máy bay vận tải quan sát, 6 pháo 105, 6 cối 106,7 do tên tư lệnh sư đoàn 7 kiêm tư lệnh khu chiến thuật trực tiếp chỉ huy, có cố vấn Mỹ đi kèm.

Lực lượng ta có 1 đại đội tăng cường thuộc tiểu đoàn 261 chủ lực Khu 8, 1 đại đội địa phương tỉnh, 1 trung đội trợ chiến, 1 trung đội địa phương huyện Châu Thành cùng các lực lượng dân quân du kích tại chỗ do một đồng chí tiểu đoàn trưởng chỉ huy thống nhất.

Trận chiến đấu kéo dài từ 6 giờ đến 17 giờ ngày 2 tháng 1 năm 1963. Địch tiến công 5 đợt có tàu thủy, máy bay lên thẳng, xe M.113 chở quân, có máy bay, pháo binh chi viện nhưng tất cả các đợt xung phong của chúng đều bị ta bẻ gãy. Bị thiệt hại nặng nề, địch phải chịu thất bại, rút bỏ cuộc hành quân.

Kết quả, ta đã giết và làm bị thương 450 tên (có 19 tên Mỹ, bắn hỏng 8 máy bay lên thẳng, 3 xe M.113 và 1 tàu) làm thất bại hoàn toàn cuộc càn quét của địch.

Ấp Bắc là một trận chống càn tốt, phối hợp ba thứ quân, phối hợp lực lượng ở khu vực chống càn quét với lực lượng các xã xung quanh, phối hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị.

Chiến thắng Ấp Bắc có một ý nghĩa lịch sử quan trọng. Nó đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng mới miền Nam. Nó mở đầu cho sự phá sản của chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”, các con chủ bài của Mỹ - ngụy trong “chiến tranh đặc biệt”, đồng thời đánh sụp lòng tin của quân ngụy vào trang bị và kỹ thuật hiện đại tối tân, lực lượng yểm trợ cơ động và hỏa lực của Mỹ; lòng tin của Mỹ vào khả năng chống đỡ của quân ngụy trước sức tiến công của quân ta.

Đánh giá trận Ấp Bắc, đồng chí Lê Duẩn nói: “Sau trận Ấp Bắc, địch thấy khó thắng ta”.

Trận Ấp Bắc chứng tỏ quân và dân ta ở miền Nam hoàn toàn có khả năng thắng Mỹ về quân sự trong “chiến tranh đặc biệt”.

Thắng lợi Ấp Bắc cổ vũ các lực lượng vũ trang và nhân dân ta ở miền Nam và đẩy lên phong trào học tập và vượt Ấp Bắc, tiến lên lập những chiến công rực rỡ hơn nữa.

Tháng 4-1963: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 8. Tiếp theo Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (tháng 7 năm 1961) về phát triển sản xuất nông nghiệp và Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (tháng 6 năm 1962)

về xây dựng và phát triển công nghiệp, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp vào tháng 4 năm 1963 để bàn về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Hội nghị đi sâu phân tích tình hình đặc điểm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đánh giá đầy đủ hơn những thuận lợi và khó khăn.

Hội nghị đã phê phán những khuynh hướng sai lầm đối với chủ trương của Đảng xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa độc lập tự chủ ở nước ta nhằm phát huy và tận dụng khả năng sẵn có và tiềm tàng của nước ta, dựa vào sức mình là chính đồng thời có sự hợp tác quốc tế. Trong sự nghiệp đó, nếu chỉ ỷ lại vào sự giúp đỡ của các nước anh em là hoàn toàn trái với những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Khi thông qua những chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, hội nghị phân tích rõ đường lối, bước đi, tốc độ của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đồng thời phát triển, cụ thể hóa và làm phong phú thêm một số vấn đề về phương hướng xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội như quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng, giữa tích lũy và tiêu dùng, phương hướng đầu tư, xây dựng cơ bản... Kế hoạch Nhà nước được vạch ra trên cơ sở phát huy tinh thần dựa vào sức mình là chính, cần kiệm xây dựng nước nhà, ra sức khai thác những khả năng tiềm tàng để khắc phục những chỗ còn non yếu trong nền kinh tế của nước ta nhằm “phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa”.

Các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 5, thứ 7 và thứ 8 có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc. Thực hiện các chủ trương đúng đắn của Đảng, nhân dân ta đã không ngừng làm cho nền sản xuất phát triển, đời sống ổn định và có mặt cải thiện, tăng cường khả năng của miền Bắc chi viện đắc lực cho tiền tuyến lớn miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế.

Tháng 12-1963: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 9 bàn về một số vấn đề quốc tế và về tình hình, nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam Việt Nam.

Về cách mạng miền Nam, Hội nghị phân tích, so sánh lực lượng và khả năng phát triển cũng như triển vọng của phong trào và cụ thể hóa những vấn đề phương châm chiến lược, phương châm hoạt động mà các Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 1 năm 1961, tháng 2 năm 1962 và tháng 12 năm 1962 đã đề ra.

Nghị quyết đặt nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải “Nỗ lực phấn đấu tiến lên giành thắng lợi mới”, nêu rõ hướng phát triển tất yếu của cách mạng miền Nam để giành thắng lợi cuối cùng là từ “giành thắng lợi từng phần, đẩy lên từng bước, tiến tới tổng công kích - tổng khởi nghĩa...”.

Trên cơ sở phân tích cuộc “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, nghị quyết đề ra: “Cần phải và có khả năng kiềm chế địch trong “chiến tranh đặc biệt” và thắng địch trong loại chiến tranh ấy” và cần phải “quán triệt phương châm đánh lâu dài đồng thời tranh thủ thời cơ giành thắng lợi trong thời gian tương đối ngắn”, biết “kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang một cách linh hoạt, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều đóng vai trò rất cơ bản và rất quyết định” nhưng “đấu tranh quân sự đóng vai trò quyết định trực tiếp” trong việc đánh tan lực lượng quân sự của địch, chỗ dựa của nền thống trị của chúng, làm cho cách mạng thắng lợi”. Để thực hiện yêu cầu đó “điều quan trọng nhất, quyết định nhất trong bất cứ trường hợp nào vẫn phải nỗ lực tăng cường lực lượng của ta về mọi mặt, đặc biệt là lực lượng quân sự”.

Ngày 31-12-1963: Trận tiêu diệt tiểu đoàn biệt động 32 “Cọp đen” ở Đường Long - Bến Cát. Đường Long là một ấp thuộc xã Thanh Tuyên, quận Bến Cát, tỉnh Thủ Dầu Một, cách thị trấn Bến Súc khoảng 10 km.

Ngày 31 tháng 12 năm 1963, Mỹ - ngụy mở một cuộc càn lớn lấy tên là “Đại Phong 35” đánh vào các tỉnh Tây Ninh - Thủ Dầu Một.

Tiểu đoàn biệt động 32 “Cọp đen” là một tiểu đoàn thuộc sư đoàn 5 ngụy, lựa chọn trong số ác ôn lưu manh trong các trung đoàn bộ binh của sư này chuyên đánh biệt kích, sục sạo các căn cứ du kích, do cố vấn Mỹ chỉ huy, được giao một mũi trong cuộc càn tiến theo đường Bến Súc - Đường Long.

Lực lượng của ta ở khu vực Đường Long có 1 trung đoàn bộ binh thiếu gồm 2 tiểu đoàn và 1 đại đội bộ binh.

Mặc dù địch dùng máy bay ném bom bắn phá mạnh, dùng cả bom na-pan, tiểu đoàn “Cọp đen” vẫn bị thiệt hại nặng phải rút lui. Chúng đã bị bộ đội ta vừa truy kích vừa bao vây chặn đầu đánh dồn dập nên chỉ có 30 tên chạy thoát. Bọn cố vấn Mỹ cùng tên tiểu đoàn trưởng bị thương phải dùng máy bay lên thẳng hạ cánh mang đi khi rút lui. Ta thu nhiều vũ khí đạn dược.

Trận Đường Long - Bến Cát là một trận chống càn trong đó bộ đội ta đã giữ thế chủ động, kiên quyết tiến công địch, có cách đánh tốt và đã giành thắng lợi giòn giã.

Đây là trận *tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn ngụy đầu tiên trên chiến trường miền Nam* từ sau ngày đồng khởi, kết thúc thắng lợi năm 1963, mở đầu cho những trận tiêu diệt địch quy mô ngày càng lớn hơn.

Ngày 9-1-1964: Hội nghị phòng không nhân dân toàn miền Bắc lần thứ nhất. Cuối năm 1963, trước những thất bại nghiêm trọng của Mỹ - ngụy ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ chủ trương tăng cường đánh phá miền Bắc Việt Nam, phá sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

Trước tình hình đó, để chủ động bảo vệ miền Bắc, tiếp tục chi viện tích cực cho miền Nam, theo chủ trương của Đảng, Bộ Tổng tham mưu đã triệu tập hội nghị phòng không nhân dân lần thứ nhất bàn các biện pháp cụ thể đánh bại các cuộc tập kích bằng máy bay của địch.

Dự hội nghị có đại diện chính quyền, cơ quan quân sự và một số cơ quan của các địa phương, đại diện một số bộ trong Chính phủ, đại diện một số cơ quan và quân chủng, binh chủng trong quân đội.

Sau hội nghị, tổ chức phòng không nhân dân đã được thành lập ở khắp các địa phương do đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch ủy ban hành chính phụ trách; một số thành phố, thị xã trọng điểm có nhiều cơ sở vật chất, kỹ thuật và đông dân đã triển khai các đài quan sát máy bay, tiến hành sơ tán những kho vật tư quý và dễ gây nguy hiểm, tổ chức đào và xây nhiều hầm hào trú ẩn, tổ chức thực tập báo động phòng không, v.v.

Bộ đội phòng không đã triển khai bảo vệ các thành phố lớn, khu công nghiệp và sử dụng một số ít đơn vị cơ động phục kích đánh các máy bay trinh sát, thả dù biệt kích của Mỹ - ngụy. Lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện cách bắn máy bay bằng vũ khí bộ binh có trong biên chế và bố trí thành nhiều cụm hỏa lực bắn ở tầm thấp.

Công tác phòng tránh, sơ tán, phân tán được triển khai từng bước có kế hoạch vừa bảo đảm sản xuất, công tác, vừa bảo đảm an toàn tốt cho nhân dân và cơ quan, kho tàng.

Việc sớm triệu tập một cuộc hội nghị phòng không nhân dân toàn miền Bắc chứng tỏ Đảng ta đã nhận định rất chính xác, kịp thời về âm mưu hành động phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, có sự vận dụng sáng tạo quan điểm chiến tranh nhân dân, chống lại một cuộc chiến tranh phá hoại chủ yếu bằng không quân của kẻ địch. Do đó, quân và dân ta ở miền Bắc đã chủ động và kịp thời trừng trị đích đáng không quân Mỹ từ trận đầu chúng xâm phạm miền Bắc và hạn chế được những thiệt hại do các cuộc bắn phá của chúng gây ra.

Ngày 27-3-1964: Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập hội nghị chính trị đặc biệt. Vào năm 1964, cuộc cách mạng Việt Nam đang đứng trước tình hình vô cùng phức tạp và khấn trương. Cuộc "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta đang phát triển đến mức cao, đồng thời Mỹ tiếp tục leo

thang, mở rộng chiến tranh với quy mô ngày càng lớn. Trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế xảy ra tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng, và đế quốc Mỹ đã tìm mọi cách lợi dụng để chống lại cách mạng Việt Nam.

Trước tình hình ấy, theo hiến pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngày 27 tháng 3 năm 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập hội nghị chính trị đặc biệt bao gồm 325 đại biểu chính thức của các đảng phái, các đoàn thể, các dân tộc, các tôn giáo, đồng bào miền Nam tập kết và kiều bào về nước. Ngoài ra, còn có trên 500 đại biểu dự thỉnh thuộc các tầng lớp nhân dân rộng rãi ở Thủ đô.

Tại hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc một bản báo cáo quan trọng. Sau khi điểm lại những sự kiện lớn trong 10 năm qua ở nước ta và trên thế giới, Người đã tỏ rõ thái độ của nhân dân ta đối với âm mưu xâm phạm miền Bắc của đế quốc Mỹ và bọn tay sai. “Nếu chúng liều lĩnh động đến miền Bắc thì chúng nhất định sẽ bị thất bại thảm hại. Vì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đánh bại chúng; vì nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân tiến bộ toàn thế giới sẽ hết lòng ủng hộ chúng ta; vì nhân dân Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ cũng sẽ phản đối chúng”.

Người cũng nói: “Vì lợi ích chung của phong trào cách mạng thế giới và sự nghiệp chống chủ nghĩa đế quốc, chúng ta luôn luôn ra sức góp phần vào việc bảo vệ và tăng cường tình đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào cộng sản quốc tế”.

Người kêu gọi: “Mỗi người phải làm việc bằng hai để đền đáp cho đồng bào miền Nam ruột thịt”.

Hội nghị chính trị đặc biệt do Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập đã biểu thị ý chí sắt đá đoàn kết và chiến đấu của nhân dân ta ở miền Bắc, phát huy truyền thống cả nước một lòng của dân tộc để bảo vệ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, bảo vệ thành quả cách mạng và lao động hòa bình, ra sức chi viện cho đồng bào miền Nam ruột thịt đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai để giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, giữ gìn và phát triển tình hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, hết lòng ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, đoàn kết với giai cấp công nhân và nhân dân toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc do đế quốc Mỹ cầm đầu.

Ngày 27-5-1964: Chính phủ liên hiệp Lào lần thứ hai tan vỡ. Bộ đội Pa-thét Lào và Quân tình nguyện Việt Nam tiến công giải phóng Cánh Đồng Chum. Sau khi Chính phủ liên hiệp lần thứ hai ở Lào được thành lập, cách mạng Lào đề ra khẩu hiệu đấu tranh cho hòa bình, trung lập, hòa hợp dân tộc, thống nhất quốc gia.

Đế quốc Mỹ và bọn tay sai Phu-mi Nô-xa-văn không cam chịu thất bại, chúng tìm mọi cách để phá chính phủ liên hiệp ba phái, từ chỗ làm tê liệt đến gây đảo chính, lật đổ. Mặt khác, Mỹ ra sức chèn ép, lôi kéo, mua chuộc Coong-le, cho bọn tay chân vào lũng đoạn, ám sát, bắt bớ những người trung lập tiến bộ.

Do những hành động phá hoại của địch, ngày 14 tháng 4 năm 1963, các Bộ trưởng Pa-thét Lào trong chính phủ liên hiệp đã buộc phải rút về Khang Khay (Xiêng Khoảng), một số bộ trưởng trung lập phải bỏ trốn. Chính phủ liên hiệp Lào lần thứ hai coi như tan vỡ. Coong-le ngày càng ngả theo bọn phái hữu phản động.

Tháng 12 năm 1963, Mỹ và Phu-mi Nô-xa-văn tập trung 5 tiểu đoàn và lực lượng phỉ Vàng Pao lấn chiếm nam Cánh Đồng Chum rồi tổ chức những GM hỗn hợp quân Phu-mi - Coong-le, lấn chiếm trận địa phòng ngự của Pa-thét Lào ở bắc Cánh Đồng Chum.

Ngày 19 tháng 4 năm 1964, Mỹ giật dây Cu-pra-xít gây ra đảo chính, nhằm gạt hẳn Pa-thét Lào ra khỏi chính phủ liên hiệp, biến chính phủ Phu-ma thành công cụ hoàn toàn của Mỹ.

Đầu năm 1964, sau một tháng hoạt động có sự phối hợp chiến đấu của lực lượng tình nguyện Việt Nam, bộ đội Pa-thét Lào đã tiêu diệt, bắt sống, đánh tan rã một bộ phận quan trọng sinh lực địch (diệt và bắt 899 tên) giải phóng toàn bộ khu vực Na Xay - Nậm Thon đến bắc Pa-khin-bun, đập tan hoàn toàn âm mưu chiếm lâu dài Trung Lào, chia cắt nước Lào và biến Nam Lào thành căn cứ quân sự của Mỹ.

Tháng 2 năm 1964, Quân ủy Trung ương ta thống nhất với Quân ủy Trung ương Lào chủ trương tiếp tục đẩy mạnh hoạt động mùa khô trên toàn Lào, trọng tâm là ở Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, nhằm cải thiện một bước tình hình quân sự, chính trị ở Lào; ở Cánh Đồng Chum, tập trung lực lượng tiêu diệt GM13 và GM18 của Phu-mi Nô-xa-văn, sau đó tiêu diệt GM17 của Coong-le.

Nhân trong lúc lực lượng của Phu-mi Nô-xa-văn và Coong-le ở Cánh Đồng Chum nghi ngờ lẫn nhau, trong hàng ngũ của Coong-le cũng có sự phân hóa, trung tuần tháng 5 năm 1964, bạn và ta đã kết hợp tiến công quân sự với địch vận, gây binh biến ở tiểu đoàn dù 4, tiểu đoàn dù 6, nhanh chóng giải phóng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng - Mường Sủi, Tha Thơm trên một khu vực rộng lớn 3.000 km², nối liền Cánh Đồng Chum với căn cứ địa Sầm Nưa, Bắc Lào và Trung Lào, mở thông đường 7 với Việt Nam, tiêu diệt một bộ phận rất quan trọng sinh lực địch, 2.500 tên bị loại khỏi vòng chiến đấu.

Thắng lợi ở Cánh Đồng Chum đã làm cho lực lượng phản bội giả danh trung lập của Coong-lee bị loại trừ, quân đội phái hữu thêm suy yếu, tranh thủ được lực lượng trung lập tiến bộ của đại tá Đươn đi theo Pa-thét Lào. Cách mạng đã làm chủ một vùng chiến lược rất quan trọng, một chiến trường thu hút, giam chân và tiêu diệt sinh lực của địch trong các năm về sau, chiến trường có ý nghĩa quyết định thắng lợi của chiến tranh cách mạng ở Lào.

Ngày 2-8-1964: Những hành động gây rối và xâm lược dẫn đến “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” của đế quốc Mỹ. Giữa năm 1964, trước những thất bại ngày càng nặng nề ở miền Nam Việt Nam, âm mưu của đế quốc Mỹ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc đã trắng trợn hơn, các hoạt động trinh sát trên không, tung biệt kích vào phá hoại nhiều hơn trước.

Tháng 3 năm 1964, Giôn-xơn phê chuẩn kế hoạch Đê-xô-tô dùng tàu khu trục Mỹ tuần tiễu ở Vịnh Bắc Bộ để ngăn chặn tiếp tế đường biển của ta, đồng thời quấy rối trinh sát vùng ven biển, yểm hộ cho hoạt động của các tàu biệt kích nguy hiểm vây bắt nhân dân ta đánh cá ngoài biển để khai thác tin tức. Trung tuần tháng 4 năm 1964, Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ đã vạch kế hoạch ném bom miền Bắc, thông qua danh sách 94 mục tiêu sẽ bị đánh phá khi được lệnh hoạt động.

Ngày 12 tháng 6, biệt kích nguy hiểm phá cầu Hang (Thanh Hóa); ngày 30 tháng 6 chúng lại phá nhà máy nước Đồng Hới.

Từ 30 tháng 7, tàu chiến Mỹ đã xâm phạm ven biển của ta, bắn phá các đảo Hòn Ngư (Nghệ Tĩnh) cách bờ biển 4 km và Hòn Mê (Thanh Hóa) cách bờ biển 12 km.

Ngày 31 tháng 7, tàu khu trục Ma-đốc của Mỹ vào khu vực phía nam đảo Cồn Cỏ, bắt đầu “hải trình” do thám và uy hiếp dọc bờ biển của ta.

Ngày 31 tháng 7 và 1 tháng 8, máy bay Mỹ từ phía Lào sang bắn phá đồn biên phòng Nậm Cắn và làng Nọng Dẻ (Nghệ Tĩnh) nằm sâu trong lãnh thổ ta, cách biên giới Việt - Lào 7 đến 20 km.

Trước tình hình đó, lực lượng hải quân ta chủ trương đánh trả và trừng trị bọn cướp biển xâm phạm vùng biển và an ninh của nhân dân ta.

Trưa chủ nhật 2 tháng 8 năm 1964, phân đội 3 gồm 3 tàu phóng lôi của hải quân nhận lệnh xuất kích, kiên quyết trừng trị “hành động cướp biển” của đế quốc Mỹ, tiến công tàu khu trục Ma-đốc đang vào sâu hải phận của ta ở vùng biển giữa đảo Hòn Mê và Lạch Trường (Thanh Hóa).

Tàu của ta vừa phóng ngư lôi, vừa dùng súng trên tàu quét vào đài chỉ huy trên mặt boong tàu Ma-đốc làm tàu này hoảng sợ, phải quay mũi vừa dùng súng đại bác trên tàu bắn chặn, vừa gọi máy bay đến yểm trợ và cuối cùng đã phải tháo chạy khỏi vùng biển nước ta.

Nhưng đến đêm 4 tháng 8 năm 1964, chính quyền Giôn-xơn lại dựng lên câu chuyện tàu chiến Mỹ bị hải quân ta tiến công lần thứ hai ở ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ, thuộc hải phận quốc tế để lấy cớ ném bom bốn căn cứ hải quân và một kho dầu của ta ở miền Bắc trong ngày 5 tháng 8 năm 1964.

Đến ngày 7 tháng 8 năm 1964, Quốc hội Mỹ thông qua “Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ”, một nghị quyết mà báo chí Mỹ coi là “tương đương một lời tuyên chiến” và Oét-mo-len cho là “một bước ngoặt có tính chất quyết định về mặt tinh thần và đường lối chiến tranh ở Việt Nam”, cho phép Giôn-xơn được “áp dụng mọi biện pháp cần thiết đẩy lùi bất cứ một cuộc tiến công vũ trang nào chống lại các lực lượng Mỹ, v.v. kể cả dùng lực lượng vũ trang để giúp đỡ bất kỳ một nước đồng minh nào cần đến sự giúp đỡ để bảo vệ nền tự do của mình”.

Với “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, đế quốc Mỹ mong gỡ thế bí, thế sa lầy của chúng ở miền Nam Việt Nam, nhưng thực tiễn những năm sau đã chứng tỏ cuộc phiêu lưu mới đó đã không cứu vãn được những thất bại ngày càng nặng nề của chúng.

Ngày 5-8-1964: Trận đầu tiên của quân và dân miền Bắc trừng trị đích đáng không quân Mỹ xâm phạm đánh phá miền Bắc. Dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, Giôn-xơn lấy cớ để dùng không quân đánh trả miền Bắc nước ta.

Trưa và chiều ngày 5 tháng 8, từ hai tàu sân bay lớn Ti-côn-đê-rô-ga và Con-xơ-lê-xơn thuộc hạm đội 7 Mỹ đậu ở ngoài khơi Đà Nẵng, 64 lần chiếc máy bay chiến đấu gồm các loại máy bay cánh quạt A-1 “Giặc trời”, A-4 “Điều hâu” và máy bay phản lực F-4 “Con ma”, F-8 “Thập tự quân” đã bay tới đánh phá nhiều nơi trên miền Bắc nước ta: Vinh, Bến Thủy, cửa sông Gianh, thị xã Hòn Gai, Lạch Trường (Thanh Hóa).

Quân và dân ta đã chuẩn bị sẵn và đã chiến đấu rất dũng cảm. 8 máy bay hiện đại của Mỹ bị bắn rơi, nhiều giặc lái bị chết; ta bắt sống tên giặc lái đầu tiên Ê-vơ-rét An-va-rê ở Hòn Gai.

Ngày 6 tháng 8, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra tuyên bố: “Đế quốc Mỹ đang bị thất bại và sa lầy trong cuộc chiến tranh Việt Nam; để gỡ thế thất bại và sa lầy ở đó, một mặt đế quốc Mỹ ra sức tăng cường cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, mặt khác chúng ráo riết hoạt động khiêu khích và phá hoại nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, hăm dọa mở rộng chiến tranh ra miền Bắc”.

Ngày 7 tháng 8, Bộ Tổng tư lệnh tổ chức lễ tuyên dương công trạng các lực lượng vũ trang nhân dân đã lập công xuất sắc trong ngày 2 tháng 8 và ngày 5 tháng 8 năm 1964. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự, Người căn dặn: “Các chú đã thu được thắng lợi vẻ vang nhưng chớ vì thắng lợi mà tự mãn, chủ quan khinh địch. Chúng ta phải biết rằng đế quốc Mỹ và tay sai “chết thì chết, nết không chữa”, chúng còn nhiều âm mưu hung ác”.

Ngày 5-8-1964: Hải quân nhân dân Việt Nam lấy ngày lập công đầu đánh thắng hải quân và không quân Mỹ trên miền Bắc làm ngày truyền thống. Tiếp sau ngày 2 tháng 8 năm 1964, một phân đội tàu phóng lôi ta đã đánh đuổi tàu khu trục Ma-đốc ra khỏi vùng biển nước ta, ghi chiến công đầu đánh thắng hải quân Mỹ, ngày 5 tháng 8 năm 1964, Hải quân nhân dân ta đã cùng lực lượng phòng không và nhân dân các địa phương sông Gianh, Cửa Hội, Lạch Trường, Hòn Gai đánh thắng không quân Mỹ một trận rất oanh liệt, hạ nhiều máy bay, bắt giặc lái, đánh bại đợt oanh tạc đầu tiên của không quân Mỹ trên miền Bắc nước ta.

Từ đó, ngày 5 tháng 8 năm 1964 được coi là ngày truyền thống của Hải quân nhân dân Việt Nam.

Trong hai mươi năm (1955-1975), từ ngày thành lập (7-5-1955), Hải quân nhân dân đã chiến đấu hàng nghìn trận với hải quân, không quân và bộ binh của Mỹ - ngụy, đánh chìm 353 tàu xuống chiến đấu, vận tải quân sự của địch, diệt 2.000 tên, phá hủy hàng chục vạn tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh của địch; đánh bị thương nặng 45 tàu các loại trong đó có nhiều tàu lớn như tàu tuần dương Niu-po Niu, tàu khu trục Oa-sinh-tơn, v.v. bắn rơi 118 máy bay, diệt 34 xe tăng, tháo gỡ và phá nổ hàng nghìn quả thủy lôi và bom các loại của địch. Riêng trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Ních-xơn (1972), đã rà phá gần 900 quả thủy lôi, bảo đảm giao thông thông suốt trên các luồng lạch chính. Vận chuyển gần 300.000 tấn hàng các loại tới các chiến trường.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Hải quân nhân dân đã chiến đấu độc lập và hiệp đồng với các đơn vị bạn giải phóng các đảo và quần đảo từ Trường Sa đến Phú Quốc, lập chiến công rất xuất sắc, hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển chiến dịch, chiến đấu, tiếp quản các căn cứ hải quân địch, tuần tiễu, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các vùng biển giải phóng.

Trong thư gửi cán bộ và chiến sĩ hải quân nhân dịp quân chủng tròn 10 tuổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi: "Hải quân ta đã anh dũng chiến đấu, tích cực diệt địch, bắn rơi máy bay và đánh đuổi tàu chiến Mỹ, đoàn kết lập công, bảo vệ nhân dân, bảo vệ vùng trời và vùng biển của Tổ quốc".

Toàn quân chủng được tặng thưởng 2.305 huân chương các loại, trong đó có 1 Huân chương Độc lập hạng nhì và 42 Huân chương Quân công; có 15 đơn vị, 13 cán bộ và chiến sĩ được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Tháng 9-1964: Thành lập Mặt trận Tây Nguyên. Tây Nguyên là một chiến trường có vị trí chiến lược hết sức quan trọng đối với cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam cũng như đối với cả khu vực Nam Đông Dương.

Trong báo cáo của Tổng Quân ủy trước Bộ Chính trị ngày 27 tháng 11 năm 1953 có đoạn nói: “Có phát triển vào Tây Nguyên thì mới giành được thế chiến lược quan trọng nhất ở miền Nam. Nếu khu chiến lược đó ở trong tay địch thì cục diện miền Nam rất khó cải biến...”.

Năm 1961, Trung ương Đảng ra chỉ thị: “Căn cứ địa lâu dài chung cho toàn miền Nam là khu vực rừng núi Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ” và xác định phương châm ba vùng trong đó nêu rõ: “Ở các rừng núi lấy đấu tranh quân sự làm chủ yếu và phải có nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch và xây dựng lực lượng của ta”.

Trên chiến trường Tây Nguyên vào giữa năm 1964, chiến tranh du kích đã được mở rộng, yêu cầu phải từng bước phát triển chiến tranh chính quy để giữ vững thế tiến công, tiêu diệt lực lượng lớn của địch, giải phóng đất đai.

Trước những yêu cầu cấp bách đó, ngày 1 tháng 5 năm 1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định thành lập Phân khu miền Tây của Quân khu 5 và đến tháng 9 năm 1964 thì đổi thành Mặt trận Tây Nguyên (B3).

Khi mới thành lập và trong thời gian đầu, Bộ tư lệnh cũng như cơ quan đều là một bộ phận của Quân khu 5 phái ra phụ trách. Về sau, được Bộ bổ sung dần, đến năm 1966 thì Bộ tư lệnh Mặt trận đã tổ chức tương đối hoàn chỉnh.

Lực lượng vũ trang của Mặt trận hình thành và phát triển từ hai nguồn: lực lượng vũ trang địa phương trưởng thành từ phong trào đấu tranh của quần chúng địa phương mà ra, còn bộ đội chủ lực đều do Bộ tổ chức đưa từ hậu phương lớn vào.

Sự ra đời của Mặt trận Tây Nguyên là một yêu cầu khách quan do điều kiện địa lý, nhân văn, kinh tế của Tây Nguyên và do vị trí quan trọng của nó đối với miền Nam và khu vực Nam Đông Dương. Đây là một sự phát triển tất yếu của cuộc chiến tranh giải phóng chống Mỹ, cứu nước nhằm đáp ứng yêu cầu đánh tiêu diệt lớn, đẩy mạnh chiến tranh chính quy phát triển.

Qua 11 năm chiến đấu và chiến thắng, có nhiều lần lực lượng biến động rất lớn, có những thời gian đối khổ ác liệt tưởng chừng như không thể vượt qua được, nhưng với bản chất của một quân đội anh hùng gắn bó mật thiết với nhân dân các dân tộc địa phương, Mặt trận Tây Nguyên vẫn giữ vững và ngày càng lớn mạnh, đã có những nỗ lực phi thường và đã hoàn thành tốt đẹp những nhiệm vụ mà Trung ương Đảng giao cho, với những chiến thắng Plây Me, I-a-đrăng, Đắc Tô, Công Tum, Plây Cu, Buôn Ma Thuột mãi mãi đi vào lịch sử.

Mùa Xuân 1975, Tây Nguyên đã mở đầu cuộc Tổng tiến công chiến lược đại thắng lịch sử, kết thúc cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngày 18-11-1964: Khẩu lệnh “Nhằm thẳng quân thù, bắn! và tám gương của Anh hùng Nguyễn Viết Xuân cổ vũ cao trào hạ máy bay Mỹ trong toàn quân, toàn dân. Sau đòn thất bại đầu tiên ngày 5 tháng 8, giặc Mỹ vẫn liên tiếp cho máy bay hoạt động do thám và đánh phá một số nơi ở Khu 4, cho tàu biệt kích và tàu chiến hoạt động ở ngoài khơi Vịnh Bắc Bộ.

Ngày 18 tháng 11, chúng cho máy bay bắn phá ở miền Tây Quảng Bình. Trong trận này, đại đội 3 pháo cao xạ đã bắn rơi 1 chiếc RF.101 và 2 chiếc T.28. Trong trận chiến đấu này, giữa trận địa đầy khói lửa và bom đạn địch, đồng chí chính trị viên đại đội Nguyễn Viết Xuân đã hô to khẩu lệnh: “Nhằm thẳng quân thù, bắn!”. Bị thương, một chân bị giập nát, đồng chí nhờ đồng đội cất hộ cho khỏi vướng, tiếp tục động viên đơn vị chiến đấu, biểu hiện lòng trung thành vô hạn đối với Tổ quốc, căm thù địch sâu sắc và ý chí kiên quyết tiêu diệt địch đến cùng. Trong những phút cuối cùng của đời mình, đồng chí vẫn dành hết mọi suy nghĩ và tình cảm cho đơn vị, cho đồng đội, cho việc hoàn thành nhiệm vụ chức trách của mình.

“Nhằm thẳng quân thù, bắn!” vừa là khẩu hiệu tiến công, khí phách cách mạng, cổ vũ mọi người quyết đánh và quyết thắng bọn giặc trời Mỹ, vừa là sự khái quát cách đánh máy bay địch có hiệu quả nhất, đã mở đầu cao trào thi đua hạ máy bay địch trong tất cả các lực lượng vũ trang nhân dân và trong nhân dân ta, nhằm đánh thắng không quân của đế quốc Mỹ.

Ngày 7 và 8-12-1964: Chiến thắng An Lão. An Lão là một huyện của tỉnh Bình Định, cách tỉnh lỵ Bình Định 96 km về phía tây - bắc, là một huyện trung du chạy dài trong một thung lũng rộng 4 km, dài 22 km.

Địch cho đây là vùng an toàn của chúng nên chỉ có lực lượng bảo an dân vệ bố trí ở quận lỵ với công sự khá kiên cố, có một điểm cao, hai đồn cùng với 13 trung đội dân vệ trong 18 ấp chiến lược, dọc theo địa hình của huyện.

Về phần ta, đợt hoạt động tháng 7 năm 1964 đã thu được kết quả tốt đẹp. Trong đó, có ý nghĩa hơn cả là trận Kỳ Sanh ngày 8 tháng 7 năm 1964 ở Nam Tam Kỳ (Quảng Nam), lần đầu tiên bộ đội chủ lực Quân khu 5 tập trung tiểu đoàn tăng cường do trung đoàn chỉ huy chiến đấu giữa ban ngày với 1 tiểu đoàn chủ lực và một chi đoàn M.113 của quân ngụy có máy bay và pháo binh yểm hộ, đã giành được thắng lợi giòn giã, đánh dấu một bước ngoặt tiến lên của bộ đội chủ lực Khu 5. Tiếp sau đó, Bộ tư lệnh Quân khu chủ trương sử dụng 1 trung đoàn bộ binh (đủ) phối hợp với bộ đội địa phương huyện và dân quân du kích mở đợt tiến công vào chi khu An Lão nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một khu vực đất đai để nối liền khu du kích Bình Ngãi làm bàn đạp xuống đồng bằng và phối hợp với chiến trường Nam Bộ.

Trong đêm 6 tháng 12, ta diệt gọn địch đóng ở điểm cao và hai đồn dân vệ. Nhân dân các ấp nổi dậy bắt ác ôn, phá tan 18 ấp chiến lược, giải tán 13

trung đội dân vệ, nhưng ở quận lỵ chỉ tiêu hao nặng quân địch, đến sáng 7 tháng 12 ta chuyển sang bao vây sẵn sàng đánh quân tiếp viện.

Trong hai ngày 7 và 8 tháng 12, ta tiếp tục đánh viện diệt 6 xe M.113 và một số tên, giữ vững các nơi đã chiếm được, tuyên truyền chính sách trong nhân dân, gây cơ sở du kích trong vùng mới giải phóng. Bị thất bại nặng nề, đến 15 tháng 12, địch hoàn toàn rút khỏi vùng này.

Kết quả: ta diệt và bắt sống 618 tên địch, thu 300 súng (trong đó có 2 khẩu cối 106,7 mm), diệt 6 xe M.113, phá 18 ấp chiến lược, giải tán 13 trung đội dân vệ, giải phóng cả một vùng có 15.000 dân.

Chiến thắng An Lão đã phối hợp kịp thời với chiến trường Nam Bộ, cùng với chiến dịch Bình Giã và phong trào du kích chiến tranh toàn Miền đẩy nguy quân nguy quyền vào nguy cơ tan rã trong Đông - Xuân 1964-1965, đưa khí thế quần chúng tiến lên một bước mạnh mẽ.

Đối với Liên khu 5, chiến thắng An Lão đánh dấu bước chuyển biến mới của phong trào du kích chiến tranh tiến lên đánh vận động, "lần đầu tiên ở Khu 5 xuất hiện phương thức tác chiến mới của chủ lực kết hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích dưới hình thức chiến dịch với quy mô trung đoàn" (Trích tổng kết chiến dịch của Quân khu 5).

Ngày 5-12-1964 đến 8-3-1965: Chiến dịch Bình Giã. Cuối năm 1964, ta đang đứng trước thời cơ thuận lợi lớn: địch không còn nắm chắc được quân đội như trước, mâu thuẫn nội bộ nghiêm trọng, tinh thần của quân đội tay sai ngày càng hoang mang tan rã. Nhưng địch còn tạm thời đứng được, chủ yếu vì chúng còn giữ được các lực lượng tập trung, đồng thời vì ta chưa đủ mạnh, nhất là về mặt quân sự ta chưa sử dụng tốt các lực lượng vũ trang tập trung nên chưa tiêu diệt được một bộ phận đáng kể quân chủ lực địch.

Để giành chủ động chiến lược và thắng lợi quyết định, mở đầu cho những hoạt động mạnh mẽ của ta trong năm 1965, Quân ủy Trung ương chủ trương mở một đợt hoạt động trên khắp chiến trường miền Nam vào khoảng đầu năm 1965.

Trung ương Cục miền Nam triển khai một đợt hoạt động trên toàn Miền. Khu vực hoạt động chính, nơi tập trung chủ lực của Miền là khu vực tiếp giáp bốn tỉnh miền Đông Nam Bộ: Biên Hòa, Phước Tuy, Long Khánh, Bình Tuy rộng gần 500 km², cách Sài Gòn và Biên Hòa về phía nam và đông nam khoảng 60 km, nối liền Nam Bộ với Trung Bộ.

Chủ trương của Quân ủy Miền là: "Tập trung chủ lực của Miền, cùng với nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương mở một đợt hoạt động đánh vận động quy mô tương đối lớn đầu tiên của Miền trong Đông - Xuân 1964-1965 tại vùng rừng núi ven biển miền Đông Nam Bộ".

Mục đích của đợt hoạt động là tiêu diệt một bộ phận sinh lực trọng yếu của địch: củng cố và mở rộng khu căn cứ và khu du kích ven biển, đẩy mạnh phong trào phá thế kìm kẹp, phá kế hoạch bình định có trọng điểm của địch, rút kinh nghiệm về mọi mặt để chỉ đạo tác chiến sau này và xây dựng tác phong chiến đấu tập trung của chủ lực.

Đây là một đợt hoạt động dài ngày, vận dụng nhiều hình thức tác chiến, chủ yếu là đánh vận động, binh vận, phối hợp chiến trường rộng.

Lực lượng sử dụng gồm hai trung đoàn bộ binh 1 và 2 chủ lực Miền, phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích tại chỗ.

Chiến dịch mở màn đêm 5 tháng 12 năm 1964 và kết thúc ngày 8 tháng 3 năm 1965, chia làm 3 đợt, trong đó có những trận tiến công vào ấp chiến lược Bình Giã, chi khu Đất Đỏ, cứ điểm Lô Ô, Rừng Lá, nhiều trận phục kích đánh quân tiếp viện và vận chuyển trên đường Đức Thạnh - Bà Rịa, hai trận đánh quân đổ bộ bằng máy bay lên thẳng xuống quanh Bình Giã.

Kết quả: bộ đội ta đã diệt 1.731 tên (có 52 tên Mỹ chết và 4 tên Mỹ bị thương), bắt 300 tên (có 3 tên Mỹ), diệt gọn 2 tiểu đoàn: tiểu đoàn 4 lính thủy đánh bộ và tiểu đoàn biệt động 33, 2 chi đoàn thiết giáp, 2 đại đội bảo an, 2 trung đội biệt kích và một số bảo an dân vệ, thanh niên chiến đấu, làm tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn (tiểu đoàn 1 trung đoàn 37 và tiểu đoàn biệt động 35).

Bắn rơi 35 máy bay lên thẳng, 1 L.19, 2 Skyraider.

Phá hỏng 22 xe M.113, 5 xe tăng, 2 xe AM, 18 xe GMC, 2 xe jeep.

Thu 2 GMC, 611 súng các loại, trên 5 vạn viên đạn, phá hủy nhiều vũ khí.

Sau đợt này, địch rút bỏ Hoài Đức, Tánh Linh, Võ Đắc, ta mở rộng khu căn cứ phía đông nam quốc lộ 20 có trên hai vạn dân, nối liền được các khu căn cứ và du kích Bà Rịa - Long Khánh, Bình Tuy.

Chiến thắng Bình Giã có ý nghĩa lớn không những về mặt quân sự, đánh dấu bước trưởng thành nhảy vọt về khả năng đánh tập trung của chủ lực ta mà còn có tác động quan trọng đến toàn bộ cuộc chiến tranh ở miền Nam.

Đồng chí Lê Duẩn nói: "... Trong quá trình phát triển của chiến tranh giải phóng ở miền Nam, đã diễn ra những bước nhảy vọt như thế với chiến dịch Bình Giã vào Đông - Xuân 1964-1965" và "Sau trận Ấp Bắc 1963, địch thấy khó thắng ta", "Sau Bình Giã, địch thấy có thể thua ta".

Đồng chí Võ Nguyên Giáp cũng nhận định: "Chiến thắng Bình Giã đánh dấu sự thất bại căn bản của chiến lược chiến tranh đặc biệt".

Đợt hoạt động Đông - Xuân 1964-1965, trong đó có chiến dịch Bình Giã là chiến thắng lớn nhất, đã cùng với chiến thắng An Lão, Sông Bé,

Đồng Xoài..., và phong trào chiến tranh du kích toàn miền tạo thời cơ hết sức thuận lợi cho cách mạng miền Nam vào cuối năm 1964, đầu năm 1965. Những thắng lợi dồn dập của ta đã buộc Mỹ phải bị động đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam, bị động chuyển từ chiến lược “chiến tranh đặc biệt” sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” để hòng cứu vãn nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của chúng.

Năm 1964: Những trận diệt Mỹ đầu tiên. Trong khi Mỹ tăng cường lực lượng vào miền Nam nhiều cuộc tập kích của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã đánh thẳng vào hang ổ của Mỹ, nhằm vào bọn cố vấn, lực lượng kỹ thuật trong các thành phố, nhất là ở Sài Gòn. Đáng chú ý hơn cả là những trận sau đây:

- Ngày 16 tháng 2, tập kích rạp chiếu bóng Kinh Đô, diệt 150 tên Mỹ.
- Ngày 2 tháng 5, đánh chìm tàu sân bay Ca-đơ trọng tải 15.000 tấn tại bến Sài Gòn, diệt 55 tên Mỹ và 19 máy bay.
- Ngày 3 tháng 7, tập kích đồn Plây Mơ Rông, tiêu diệt một tiểu đoàn biệt kích đầu tiên ở Tây Nguyên, giết 500 tên, có 9 cố vấn Mỹ.
- Ngày 25 tháng 8, đánh sập tầng gác thứ 5 khách sạn Ca-ra-ven, diệt 100 tên Mỹ.
- Ngày 7 tháng 10, đánh 3 tàu chở xăng của Mỹ trên sông Nhà Bè, thiêu hủy 70 vạn lít xăng.
- Ngày 1 tháng 11, bắn súng cối vào sân bay Biên Hòa, giết 4 tên Mỹ, phá hủy và làm hỏng 13 máy bay B.57.
- Ngày 18 tháng 11, đánh mìn ở cầu lạc bộ hàng không trong sân bay Tân Sơn Nhất, diệt 77 tên Mỹ.

Cuối năm 1964, có trận đánh vào khách sạn Brinh, một tòa nhà 6 tầng ở ngay trung tâm thành phố Sài Gòn ngày 25 tháng 12 năm 1964. Trong trận này, theo Oét-mo-len: 2 tên Mỹ bị chết, trên 100 tên bị thương, trong đó có 66 tên Mỹ.

Ngày 7-2-1965: Miền Bắc bước vào cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Đầu năm 1965, sau khi thắng cử tổng thống Mỹ, trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của nguy quyền miền Nam, Giôn-xơn đã lao sâu thêm vào bước đường trực tiếp xâm lược nước ta. Một mặt đế quốc Mỹ tăng cường lực lượng Mỹ ở miền Nam, mặt khác tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, coi đó là một bộ phận không thể thiếu được, một “biện pháp bổ sung chứ không phải là biện pháp thay thế cho cuộc chiến tranh trên bộ của Mỹ ở miền Nam” (lời Mac-na-ma-ra). Mục tiêu cụ thể của Mỹ là:

- Ngăn chặn mọi sự chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam.

- Phá hủy tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc.

- Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Đạt được những mục tiêu cụ thể trên đây, Mỹ sẽ củng cố được nguy quân nguy quyền đồng thời đánh một đòn vào phe xã hội chủ nghĩa và uy hiếp phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển.

Ngày 7 tháng 2 năm 1965, lấy cớ đánh trả đũa vụ ta tiến công vào doanh trại quân Mỹ ở Plây Cu, Giôn-xơn ra lệnh cho không quân Mỹ mở chiến dịch “Mũi lao lửa” ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới rồi tiếp đó ngày 8 tháng 2 ném bom bắn phá khu vực Cháp Lễ ở phía bắc Đồng Hới; ngày 11 tháng 2, lại lấy cớ đánh trả đũa vụ ta tiến công vào khu nhà lính Mỹ ở Quy Nhơn, địch tiếp tục ném bom các doanh trại bộ đội ta ở Chánh Hòa, Cháp Lễ.

Ngày 13 tháng 2, Giôn-xơn quyết định mở rộng các hoạt động đánh phá miền Bắc thành cuộc chiến tranh phá hoại vì “những hành động trả đũa từng thời kỳ dựa trên cơ sở một trả một sẽ thiếu sức thuyết phục của một sức ép liên tục”.

Để chống lại cuộc chiến tranh phá hoại quy mô lớn bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân miền Bắc đã tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân dựa trên sức mạnh toàn diện của chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt. Nhiều đơn vị phòng không được xây dựng gấp. Các loại pháo cao xạ và không quân, tên lửa phòng không hiện đại, các tổ đội bắn máy bay tầm thấp của dân quân tự vệ triển khai rộng khắp, với quyết tâm địch đến là diệt, đánh thật mưu trí và đánh thắng ngay từ trận đầu.

Việc chuyển hướng nền kinh tế đã được thực hiện, nhiều cơ sở công nghiệp đã sơ tán bớt các máy móc quý và vật tư quan trọng; nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải đã được tập trung giải quyết; công tác phòng không nhân dân ở các thành phố, khu công nghiệp được tiến hành khẩn trương bao gồm nhiều biện pháp liên hoàn như sơ tán, phân tán, làm thêm hầm hào trú ẩn, tổ chức canh gác báo động phòng không, v.v.

Dưới sự lãnh đạo kiên quyết, kịp thời của Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương, nhân dân ta đã đánh trả và đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, rất bình tĩnh, anh dũng và mưu trí, đã thắng giòn già, giảm bớt thiệt hại đến mức ít nhất.

Mặc dầu lực lượng không quân và hải quân của địch có ưu thế hơn hẳn ta về số lượng cũng như về trình độ hiện đại, nhưng chỉ trong ba tháng đầu trong bước dịch leo thang đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 17 đến vĩ

tuyến 20, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi trên 300 máy bay Mỹ, bắt sống nhiều giặc lái, bắn chìm, bắn cháy 7 tàu chiến và tàu biệt kích của địch. Hai ngày mở đầu 7 và 8 tháng 2 năm 1965, Quảng Bình và Vĩnh Linh bắn rơi 9 máy bay Mỹ; ngày 11 tháng 2, bắn rơi 3 máy bay, bắn bị thương 4 chiếc khác, bắt sống tên thiếu tá giặc lái “phi công vũ trụ” Su-méch-cơ; ngày 15 tháng 3 năm 1965, dân quân xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, Nghệ An dùng súng bộ binh bắn rơi 1 máy bay A.4 của Mỹ, mở đầu phong trào dùng súng bộ binh bắn rơi máy bay phản lực Mỹ trong các lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Khi mới tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, đế quốc Mỹ đã bộc lộ rõ sự chủ quan về sức mạnh không quân và sự tàn bạo của chúng, như tên tướng không quân Lơ-mai đã nói: “Không quân là quyết định, không quân là công cụ chiến thắng; bằng không quân, chúng ta có thể đạt được bất cứ mục tiêu nào trên thế giới này; Bắc Việt Nam hãy sờ lên gáy, nếu không chúng ta sẽ ném bom tàn phá tan hoang, đẩy lùi Bắc Việt Nam về thời đại đồ đá. Dưới bom đạn Mỹ, Bắc Việt Nam không chịu nổi vài tuần”.

Nhưng kết quả cuối cùng đã hoàn toàn khác với tham vọng của chúng; tất cả các mục tiêu chúng đề ra đều không thực hiện được, đặc biệt là không những không cứu vãn được sự nguy khốn của chúng trên chiến trường miền Nam mà còn làm cho nhân dân ta thêm căm thù và quyết tâm kháng chiến, làm suy yếu nhanh chóng tiềm lực chiến tranh của đế quốc Mỹ. Lực lượng không quân Mỹ bị tổn thất rất lớn, cái huyền thoại về “sức mạnh không thể tưởng tượng được” của không lực Hoa Kỳ đã bị đập tan, sự giới hạn và những nhược điểm của không quân Mỹ đã bộc lộ rõ trước nhân dân toàn thế giới.

Về ta, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tuy có gây cho cuộc kháng chiến của dân tộc ta nói chung, cho quân và dân miền Bắc nói riêng nhiều khó khăn tổn thất, nhưng chúng ta đã chiến thắng một cách anh dũng, vẻ vang, như đồng chí Lê Duẩn đã nói: “Chúng ta sẽ ra khỏi cuộc chiến tranh này không phải với hoang tàn mà mạnh hơn, vững chắc hơn. Một đội ngũ công nhân sẽ hình thành, khoa học, kỹ thuật, cơ khí sẽ được xây dựng, ở nông thôn với chủ trương sơ tán của chúng ta, vì không phải sơ tán, phân tán để đi trốn mà để sản xuất, để đánh địch”.

Từ ngày 25 đến 27-3-1965: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 2. Đầu năm 1965, cuộc chiến tranh yêu nước của đồng bào ta ở miền Nam đã thu được nhiều thắng lợi to lớn.

Để hòng thoát khỏi tình thế có thể bị thất bại hoàn toàn, đế quốc Mỹ ngoan cố đã từng bước đưa lực lượng chiến đấu của Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam, đồng thời mở rộng hoạt động không quân, ném bom bắn phá

miền Bắc, đẩy cuộc “chiến tranh đặc biệt” lên đến trình độ cao, với những yếu tố của một cuộc “chiến tranh cục bộ”.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11 và ra nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt.

Hội nghị nhận định: “... Với những âm mưu và hoạt động mới của đế quốc Mỹ, tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình đã biến thành *tình hình cả nước có chiến tranh* với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền; trong cuộc chiến tranh cách mạng yêu nước của nhân dân cả nước chống đế quốc Mỹ, miền Nam vẫn là *tiền tuyến lớn*, miền Bắc vẫn là *hậu phương lớn*, nhưng nhiệm vụ của miền Bắc là vừa xây dựng, vừa trực tiếp chiến đấu, vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam...”

... Những âm mưu và hành động mới của địch trước mắt là nhằm cứu vãn tình hình nguy ngập của chúng ở miền Nam; vì vậy, về phần ta, *cách tích cực nhất để làm thất bại âm mưu và hành động ấy của địch là tập trung lực lượng của cả nước, tiến công địch và đánh bại địch ở miền Nam...*”

Nghị quyết xác định “*nhiệm vụ cơ bản của ta là tích cực kiềm chế và thắng địch trong cuộc “chiến tranh đặc biệt” ở mức cao nhất ở miền Nam, ra sức tranh thủ thời cơ, tập trung lực lượng của cả nước giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong thời gian tương đối ngắn, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam nếu địch gây ra, tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân của địch, chuẩn bị sẵn sàng để đánh bại địch trong trường hợp chúng đưa cuộc chiến tranh phá hoại hiện nay đến một trình độ ác liệt gấp bội hoặc chuyển nó thành một cuộc chiến tranh cục bộ cả ở miền Nam lẫn miền Bắc, ra sức động viên lực lượng của miền Bắc chi viện cho miền Nam; ra sức giúp đỡ cách mạng Lào, đem toàn lực tiến công địch ở miền Nam, bảo vệ miền Bắc, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc trong cả nước*”.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương Đảng có những quyết định rất quan trọng. Vừa quyết tâm kiềm chế và thắng địch trong cuộc chiến tranh cục bộ, vừa chuẩn bị đất nước bước vào một cuộc chiến tranh quy mô lớn với đội quân viễn chinh Mỹ, vạch ra nhiệm vụ cơ bản và nhiệm vụ cụ thể của cả nước và riêng của từng miền, giữ vững thế chủ động của quân và dân cả nước ta, sẵn sàng đánh và thắng địch khi chúng chuyển cuộc chiến tranh xâm lược thành chiến tranh cục bộ ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại trên miền Bắc.

Từ ngày 1 đến 9-3-1965: Hội nghị nhân dân Đông Dương biểu thị tinh thần đoàn kết chống Mỹ. Để biểu thị tinh thần đoàn kết chống Mỹ, chống

âm mưu của đế quốc Mỹ chia rẽ nhân dân ba nước ở Đông Dương, hội nghị nhân dân Đông Dương đã họp tại Phnôm Pênh, thủ đô Cam-pu-chia, từ ngày 1 tháng 3 đến ngày 9 tháng 3 năm 1965.

Hội nghị có sự tham gia của đoàn đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Cộng đồng xã hội bình dân Cam-pu-chia, Neo Lào Hắc Xạt, lực lượng trung lập yêu nước Lào và các đoàn thể, tổ chức khác thuộc ba nước. Hội nghị đã thông qua một nghị quyết chung nói rõ tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ và ba nghị quyết riêng về Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào nhiệt liệt ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập, quyền tự quyết và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ba nước, cực lực lên án đế quốc Mỹ chà đạp lên các Hiệp định Giơ-ne-vơ, gây ra cuộc chiến tranh xâm lược đầy tội ác chống nhân dân Việt Nam, can thiệp vũ trang vào Lào và tiến công khiêu khích, âm mưu xâm lược Cam-pu-chia. Hội nghị đã nhấn mạnh “sự cần thiết phải củng cố tình đoàn kết chân thành và bền vững của các dân tộc Đông Dương” trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược.

Hội nghị nhân dân Đông Dương là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị và trong cuộc chiến đấu vì độc lập, tự do của nhân dân ba nước Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào. Thắng lợi của hội nghị là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương. Hội nghị đã đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ba nước Đông Dương, đồng thời đánh dấu một thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ trong âm mưu của chúng chia rẽ các dân tộc Đông Dương để dễ thôn tính từng nước.

Ngày 3-4-1965: Không quân nhân dân Việt Nam lấy ngày xuất trận đầu tiên làm ngày truyền thống. Thực hiện chủ trương xây dựng quân đội ta tiến dần từng bước lên chính quy hiện đại, không quân là một binh chủng hiện đại, trẻ tuổi của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập để đáp ứng nhiệm vụ chiến lược bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam.

Ngày 3 tháng 4 năm 1965, trong trận đánh trả máy bay Mỹ trên vùng trời Đồ Lèn - Hàm Rồng, không quân đã phối hợp với các lực lượng cao xạ hạ 10 máy bay địch, trong đó biên đội máy bay Phạm Ngọc Lan đã bắn rơi 2 chiếc F-8 trong lần xuất trận đầu tiên của không quân ta.

Tiếp đó, ngày 4 tháng 4, biên đội máy bay Trần Hanh đã bắn rơi 2 chiếc F-105 cũng trong khu vực này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen các đơn vị không quân nhân dân lập chiến công đầu.

Ngày 3 tháng 4 năm 1965 trở thành ngày truyền thống của Không quân nhân dân Việt Nam.

Mười năm đọ sức với không quân và hải quân hiện đại của đế quốc Mỹ, Không quân nhân dân ta đã xây dựng nên truyền thống vẻ vang: “Trung thành vô hạn, tiến công kiên quyết, đoàn kết hiệp đồng, lập công tập thể” đánh hơn 300 trận, bắn rơi 320 máy bay Mỹ, gồm 19 loại (có 2 B-52), phá hủy 24 chiếc, đánh chìm và bắn cháy 6 tàu chiến và tàu biệt kích, đánh thiệt hại nặng 3 căn cứ quân sự địch, góp phần xứng đáng đập tan uy thế của “không lực Hoa Kỳ” cùng quân và dân cả nước đánh thắng hai lần chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của chúng đối với miền Nam. Có trung đoàn bắn rơi hơn 100 máy bay, có đại đội bắn rơi trên 60 chiếc, nhiều chiến sĩ lái đã lập công xuất sắc. Nổi bật là chiến công đêm 27 và 28 tháng 12 năm 1972, Không quân nhân dân đã hạ 5 máy bay địch (trong đó có 2 B-52 bị bắn rơi tại chỗ)¹ góp phần đập tan cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn bằng không quân của địch vào Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Không quân nhân dân đã khắc phục nhiều khó khăn, vận chuyển một khối lượng lớn vũ khí và hàng quân sự vào chiến trường kịp thời phục vụ chiến đấu; đã nhanh chóng quản lý, nghiên cứu, sửa chữa phục hồi và sử dụng các máy bay, thiết bị kỹ thuật của địch.

Ngày 28 tháng 4 năm 1975, phi đội Quyết Thắng với 5 chiếc A-37 đã táo bạo bất ngờ đánh trúng khu vực để máy bay của địch ở sân bay Tân Sơn Nhất, phá hủy 24 máy bay, góp phần giành toàn thắng cho chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; đã yểm hộ đặc lực cho các đơn vị bộ binh và hải quân chiến đấu giải phóng các hải đảo trên biển Đông.

Không quân nhân dân Việt Nam đã được Quốc hội và Chính phủ tuyên dương đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 3 tháng 6 năm 1976. Trong không quân còn có 10 đơn vị, 22 cán bộ và chiến sĩ được tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày 22-3 và 8-4-1965: Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam công bố lập trường 5 điểm và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa công bố lập trường 4 điểm. Đầu năm 1965, cùng với việc bắt đầu đưa quân viễn chinh Mỹ vào Nam Việt Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, Giôn-xơn mở rộng cuộc “tiến công hòa bình” vừa để che giấu tội ác xâm lược trắng trợn của Mỹ, tung hỏa mù bịp bợm về “thái độ thiện chí” của chúng để đánh lừa dư luận thế giới, vừa để đe dọa nhân dân ta.

1. Theo dự thảo “Tổng kết cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại” của Học viện Quân sự cao cấp.

Giôn-xơn luôn nói đến “thương lượng không điều kiện tiên quyết”, “Mỹ vẫn không muốn một cuộc chiến tranh mở rộng... Chúng ta đã và sẽ tiếp tục hoạt động để giảm bớt tình hình căng thẳng”.

Ngày 7 tháng 4 năm 1965, Giôn-xơn lại đọc diễn văn ở Ban-ti-mo, nói: “Chúng ta sẽ tìm cách giữ sao cho cuộc xung đột không lan rộng... Chúng ta sẽ làm mọi việc cần thiết để đạt mục tiêu đó”. Trong diễn văn này, y vừa giở giọng đe dọa miền Bắc, vừa kêu gọi thương lượng, đồng thời đưa ra lời mua chuộc bằng viện trợ một tỉ đô-la nếu chiến tranh kết thúc, thực chất là kết thúc theo điều kiện của Mỹ.

Trước tình hình đó, ngày 22 tháng 3 năm 1965, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã ra một bản tuyên bố quan trọng. Sau khi vạch trần luận điệu bịp bợm “thương lượng không điều kiện tiên quyết” của Mỹ, Mặt trận đã đưa ra lập trường chính nghĩa 5 điểm của nhân dân miền Nam Việt Nam:

1. Đế quốc Mỹ là kẻ phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, là kẻ gây chiến và xâm lược cực kỳ thô bạo, là kẻ thù không đội trời chung của nhân dân Việt Nam.

2. Nhân dân miền Nam Việt Nam anh hùng quyết đánh đuổi đế quốc Mỹ để giải phóng miền Nam, thực hiện một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất đất nước.

3. Nhân dân miền Nam Việt Nam và Quân giải phóng miền Nam anh hùng quyết hoàn thành đầy đủ nhất nghĩa vụ thiêng liêng của mình là đánh đuổi đế quốc Mỹ để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc.

4. Nhân dân miền Nam Việt Nam tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới và tuyên bố sẵn sàng tiếp nhận mọi sự giúp đỡ kể cả vũ khí và mọi dụng cụ chiến tranh khác của bạn bè khắp năm châu.

5. Toàn dân đoàn kết, toàn dân vũ trang, tiếp tục anh dũng xông lên, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ và bọn việt gian bán nước.

Tiếp đó, ngày 8 tháng 4 năm 1965, Thủ tướng Phạm Văn Đồng lại công bố lập trường 4 điểm của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa:

1. Mỹ là kẻ xâm lược, Mỹ phải rút khỏi miền Nam Việt Nam.

2. Mỹ phải tôn trọng Hiệp định Giơ-ne-vơ.

3. Công việc miền Nam là do nhân dân miền Nam tự giải quyết, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam.

4. Việc thực hiện hòa bình thống nhất của nước Việt Nam do nhân dân hai miền tự giải quyết.

Bản tuyên bố lập trường 5 điểm của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và bản tuyên bố lập trường 4 điểm của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa là những câu trả lời kiên quyết và đầy chính nghĩa của nhân dân ta vạch trần những luận điệu phản động và xảo quyệt trong lập trường của đế quốc Mỹ về vấn đề Việt Nam.

Nó khẳng định ý chí sắt đá chống Mỹ, cứu nước của nhân dân hai miền Nam - Bắc Việt Nam. Chúng ta không khuất phục trước sức mạnh của kẻ thù xâm lược, không thể chấp nhận một cuộc thương lượng theo điều kiện của Mỹ.

Hai bản tuyên bố đã được quân và dân hai miền Nam - Bắc nhiệt liệt hưởng ứng trước hết bằng những đòn sấm sét đánh thẳng vào kẻ thù. Nó cũng được sự đồng tình rộng rãi của dư luận tiến bộ thế giới, coi lập trường của ta biểu thị thái độ yêu nước và anh hùng nhất, phù hợp với chân lý của thời đại.

Ngày 10 và 11-5-1965: Đánh chiếm thị xã Sông Bé, tỉnh lỵ tỉnh Phước Long. Thị xã Sông Bé, còn có tên gọi là Bà Rá, là tỉnh lỵ tỉnh Phước Long ở Đông Nam Bộ.

Dựa vào địa hình thuận lợi của núi Bà Rá và con sông Bé, Mỹ - ngụy đã xây dựng một hệ thống phòng ngự vững chắc từ núi Bà Rá, qua tỉnh lỵ ra sân bay, xuống chi khu quân sự Phước Bình, dài hơn chục ki-lô-mét, hình thành một tập đoàn cứ điểm khá mạnh.

Đêm 10 rạng 11 tháng 5, lực lượng chủ lực của Nam Bộ phối hợp với bộ đội địa phương mở cuộc tiến công vào hệ thống phòng thủ Sông Bé, chủ yếu vào thị xã Bà Rá, sân bay và chi khu quân sự Phước Bình. Trong đêm 10 và 11 tháng 5, bộ đội ta đã phá vỡ hệ thống phòng thủ của địch trên tuyến Sông Bé, tiêu diệt sở chỉ huy quân sự Phước Bình và tiểu khu quân sự Phước Long, diệt 1.389 tên địch, trong đó có 30 tên Mỹ và tên tỉnh trưởng ngụy, bắn rơi 14 máy bay, thu 700 súng.

Chiến thắng Sông Bé là trận đầu tiên của chiến dịch Sông Bé - Đồng Xoài. Đây là lần thứ nhất ta đánh chiếm được một thị xã do địch chiếm đóng ở miền Nam, làm cho Mỹ - ngụy hết sức hốt hoảng và mở đầu cho những thắng lợi to lớn của toàn chiến dịch.

Ngày 28-5-1965: Chiến thắng Núi Thành. Từ cuối tháng 3 năm 1965, quân Mỹ vào chiếm đóng Đà Nẵng - Chu Lai, bắt đầu đưa lính thủy đánh bộ Mỹ vào đặt căn cứ bàn đạp ở Khu 5 để chuẩn bị cho quân Mỹ mở rộng phạm vi tác chiến trên bộ.

Ngày 7 tháng 5, một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ về chiếm vùng An Tân, quận Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.



Từ ngày 18 tháng 12 năm 1974 đến 8 tháng 1 năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp Hội nghị để đánh giá tình hình hai năm 1973-1974 và trên cơ sở phân tích một cách chính xác lực lượng so sánh giữa ta và địch, đã hạ quyết tâm lịch sử: giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976, đồng thời dự kiến một phương hướng hành động cực kỳ quan trọng là: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".

Trong ảnh: Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975



▲
Chủ tịch Hồ Chí Minh phổ biến Nghị quyết Trung ương lần thứ 12 về củng cố quốc phòng xây dựng quân đội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh xem diễn tập trung đoàn chiến đấu tấn công, cùng đi có Đại tướng Võ Nguyên Giáp. ▼



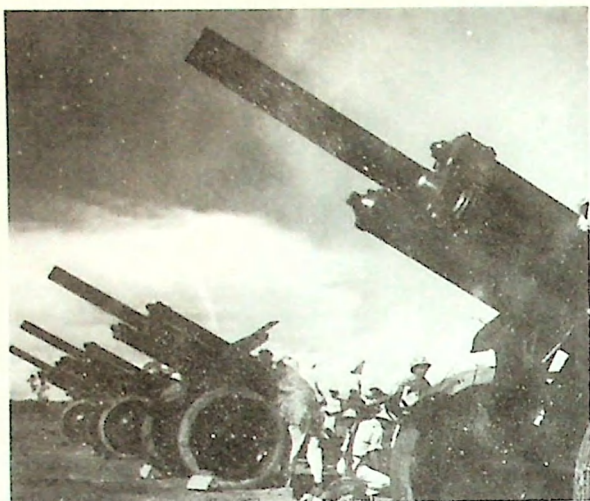


▲
Huấn luyện chiến thuật
và kỹ thuật cho bộ đội.

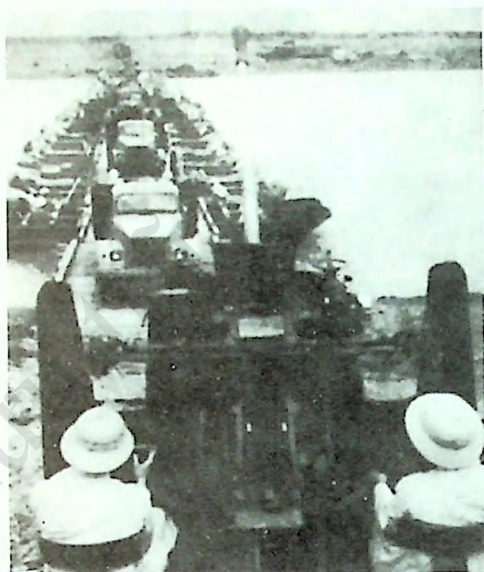


Trường sĩ quan
Lục quân khóa XI.





◀ Bộ đội Pháo binh.



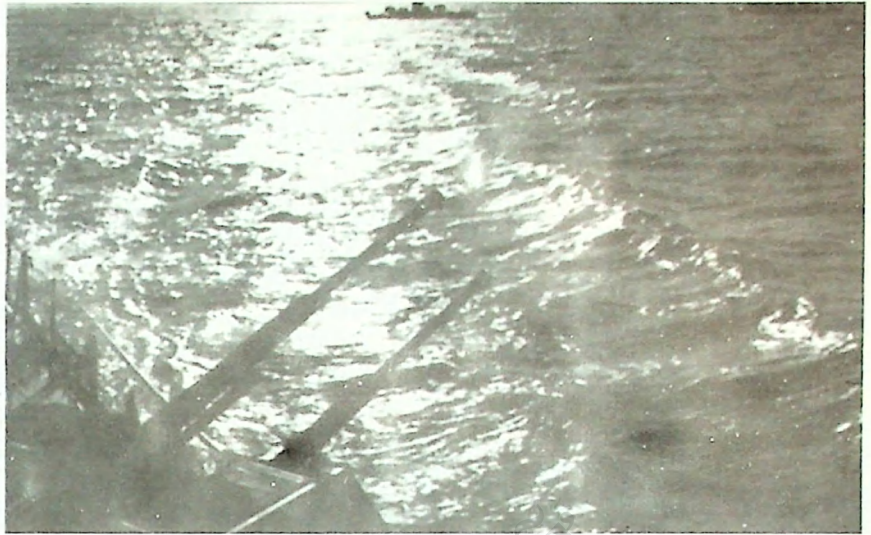
Bộ đội Công binh.



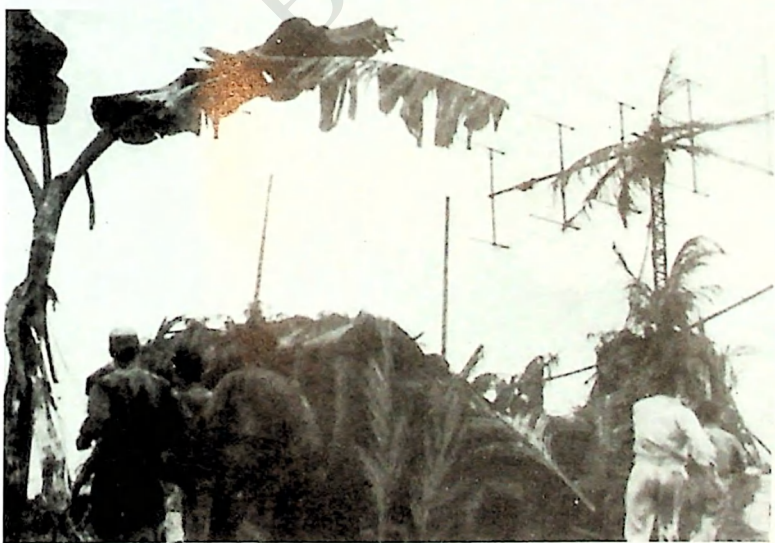
Bộ đội Thông tin.



Bộ đội Hóa học. ▶



Bộ đội Hải quân. ▶



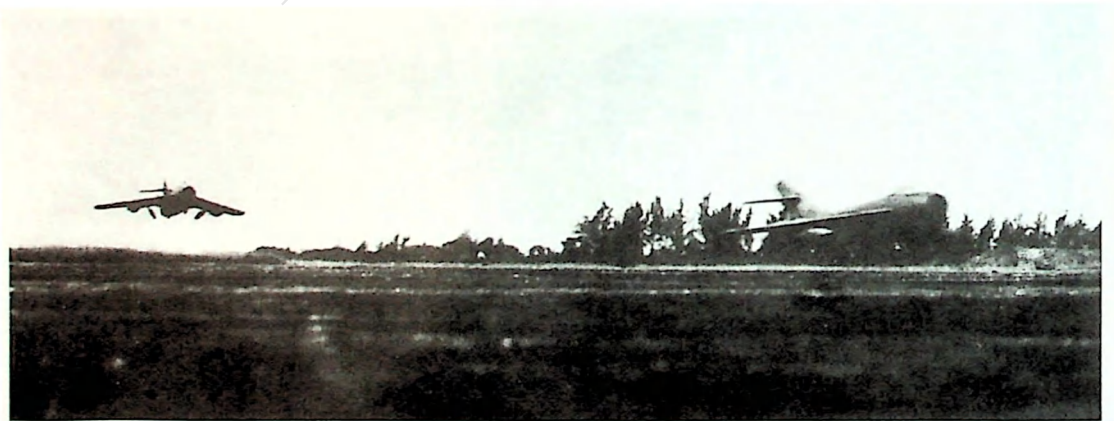
◀ **Bộ đội Ra-đa.**



Bộ đội Pháo cao xạ.



Bộ đội Tên lửa.



Bộ đội Không quân.

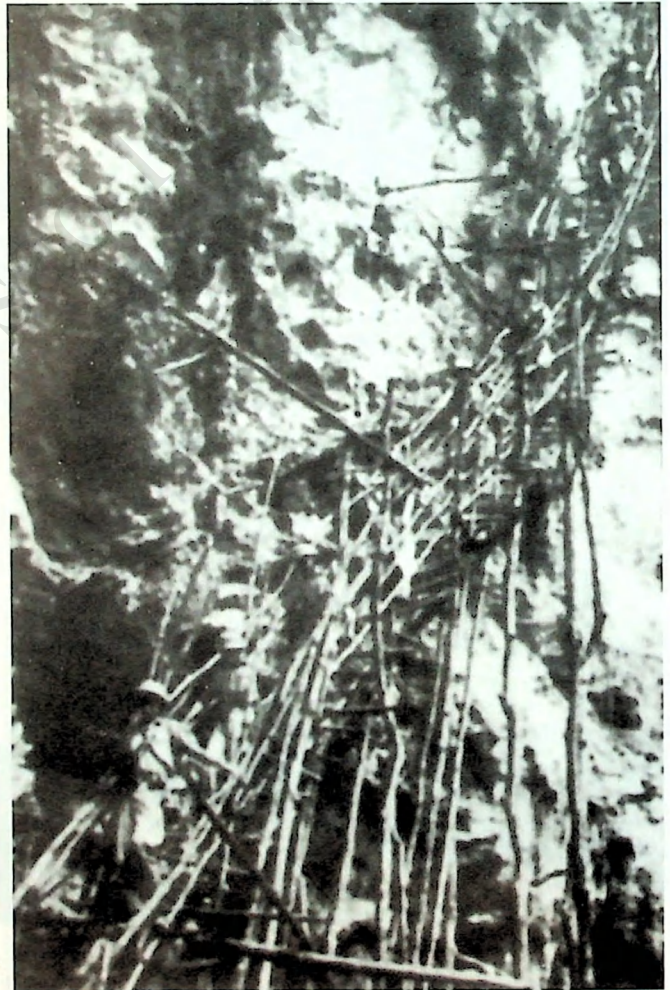


"... Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực..."

Trích: Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 tháng 1 năm 1959.



▲
*Đường Hồ Chí Minh
thở ban đầu.*



*Những đơn vị đầu tiên từ miền
Bắc chi viện vào miền Nam.* ▶



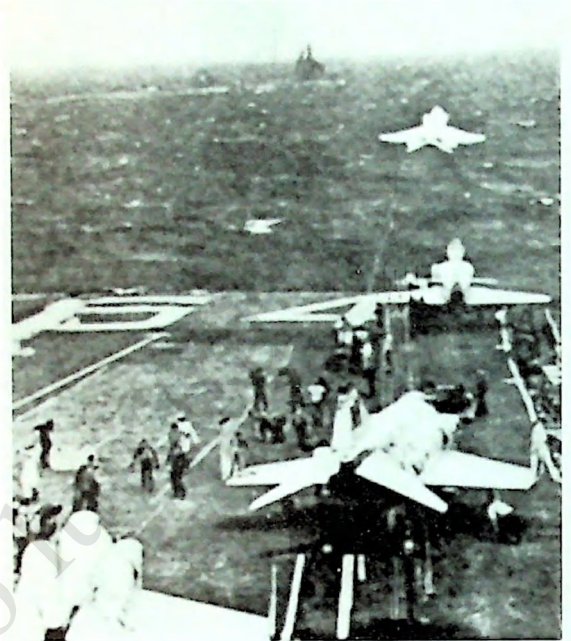
▲
Chiến thuật "Trực thăng vận"
và "Thiết xa vận".
▼



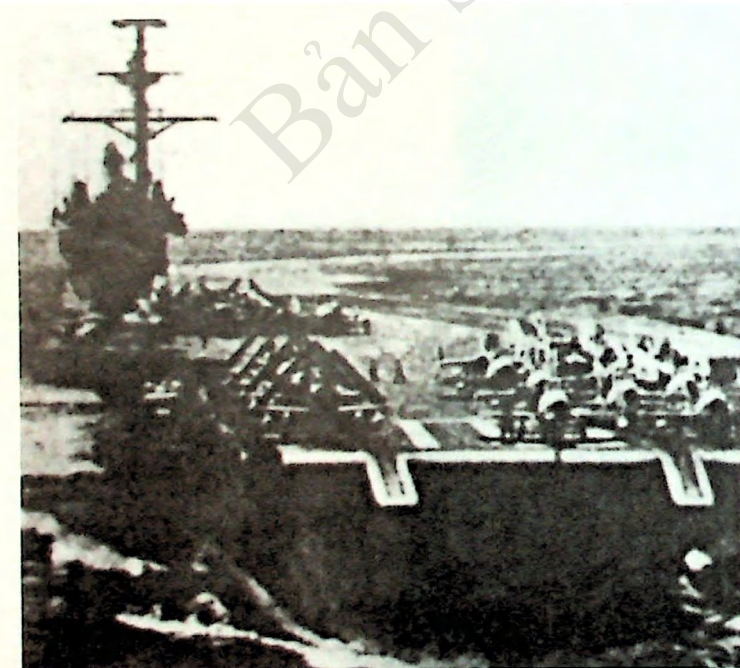


Kein Erfolg durch Hubschrauber-Taktik:
Die Trümmer einer bei Ap Bac abgestürzten
Maschine. Präsident Kennedy ordnete

*Máy bay lên thẳng Mỹ bị bắn
rơi ở Ấp Bắc.*



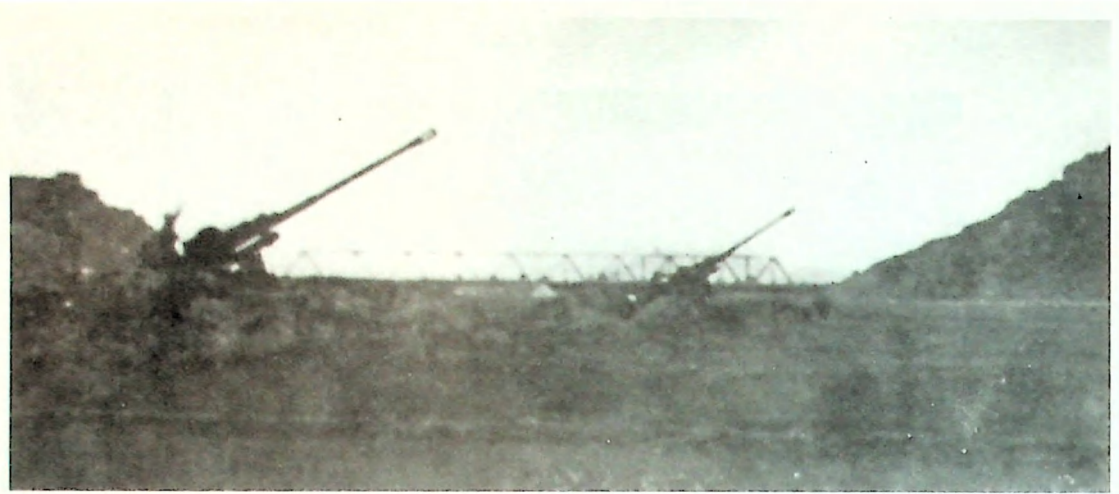
▲
*Đề quốc Mỹ sử dụng một
lực lượng lớn máy bay,
tàu chiến để đánh phá
miền Bắc.*





Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ, cứu nước 17-7-1966:

"Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ, không có gì quý hơn độc lập, tự do...!"



*Những người bắn rơi
nhiều máy bay Mỹ.*



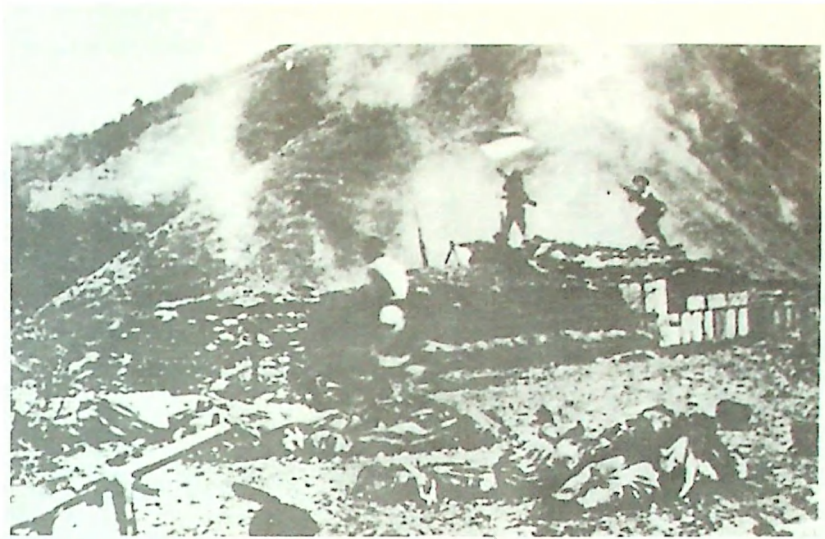


*Dân quân Hương Khê (Hà Tĩnh),
dân quân dân tộc Mường (Hòa
Bình) bắt sống giặc Mỹ.*





*Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với cán bộ cấp cao quân đội
ngày 14 tháng 5 năm 1969.*



Đánh chiếm căn cứ ▲
Đầu Mâu (Quảng Trị).



Quân giải phóng tiến
◀ vào thị xã Quảng Trị
(1972).

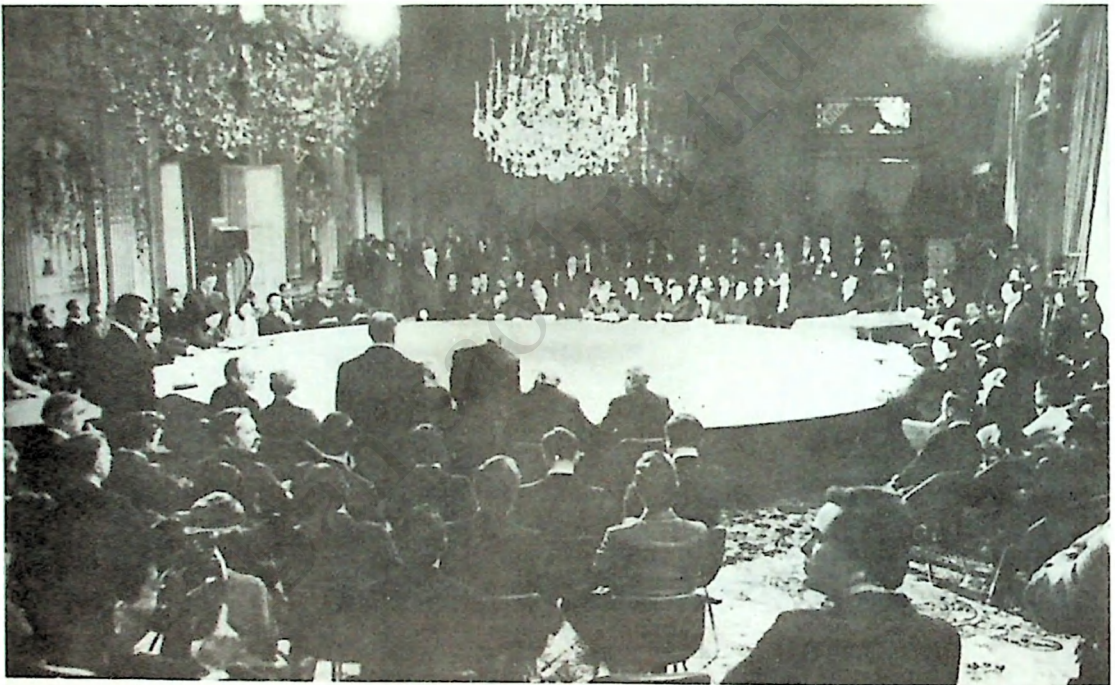
Đánh chiếm căn cứ
Đắc Tô - Tân Cảnh
(4-1972). ▼





◀ *Đánh chiếm sân bay
An Lộc.*

*Lễ ký Hiệp định
Pa-ri về Việt Nam
năm 1973.*



*Trao trả giặc lái Mỹ bị bắt ở
miền Bắc.*



*Quân đội Mỹ rút khỏi miền
Nam Việt Nam.*

Đêm 27 rạng 28 tháng 5, 2 tiểu đoàn thuộc Quân khu 5 có một bộ phận đặc công phối hợp tổ chức tiến công tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ.

Trong trận này, ở Núi Thành, 1 đại đội lính thủy Mỹ bị tiêu diệt gọn, 180 tên Mỹ chết và bị thương.

Chiến thắng Núi Thành là trận đầu tiên lực lượng vũ trang cách mạng của ta tiêu diệt gọn 1 đại đội Mỹ trên chiến trường miền Nam. Quân khu 5 vinh dự được Đảng và Chính phủ tuyên dương với 8 chữ: *Anh dũng kiên cường đi đầu diệt Mỹ*. Tiếp đó là chiến thắng Vạn Tường, Plây Me, những trận phủ đầu nặng nề đối với quân Mỹ.

Ngày 29 đến 31-5-1965: Chiến thắng Ba Gia. Ba Gia là một thị trấn nhỏ, thuộc huyện Sơn Tịnh trên đường 5, cách thị xã Quảng Ngãi trên 10 km.

Chiến thắng Ba Gia nằm trong đợt hoạt động hè 1965 của Quân khu 5 với mục đích nhằm nơi sơ hở của địch, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, hỗ trợ đắc lực cho nhân dân, đẩy mạnh hơn nữa phong trào đấu tranh chính trị, phát triển chiến tranh du kích, tiếp tục phá thế kìm kẹp của địch, củng cố và mở rộng vùng giải phóng.

Ta sử dụng 1 trung đoàn bộ binh, 1 đại đội sơn pháo 75, 1 đại đội phòng không, tiến đánh 1 chiến đoàn ngụy đông hơn gồm trung đoàn 51 sư đoàn 2, 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 3 tiểu đoàn biệt động.

Bộ đội ta liên tục tiến công địch từ 1 giờ ngày 29 tháng 5 năm 1965 đến 4 giờ ngày 31 tháng 5, gồm nhiều trận phục kích, tập kích cả ban ngày và ban đêm, đánh đồn để diệt viện, diệt viện để đánh viện lớn hơn.

Kết quả: quân ta đã diệt gọn 4 tiểu đoàn địch (tiểu đoàn 1, tiểu đoàn 2 trung đoàn 51, 1 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, tiểu đoàn 39 biệt động quân), diệt và làm bị thương 915 tên (có 6 tên Mỹ), bắt sống 270 tên, thu 307 súng các loại, bắn rơi 2 máy bay, phá hủy 2 pháo 105mm, 14 xe vận tải.

Ba Gia là một trận đánh tiêu diệt nhanh gọn. Đây là một bước trưởng thành mới của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam về trình độ tác chiến tập trung, vận động quy mô tương đối lớn, trong thời kỳ chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch đang đi đến chỗ phá sản, khi quân ngụy trước những đòn dồn dập của bộ đội chủ lực ta như Bình Giã, An Lão, Đồng Xoài - Sông Bé, đang đứng trước nguy cơ sụp đổ, tan rã.

Đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã viết về trận Ba Gia: “... Lần đầu tiên trên một địa hình không được thuận lợi và đặc biệt là bên địch thì chiếm ưu thế binh lực hỏa lực so với ta, thế mà ta đã không những dám đánh mà còn đánh tiêu diệt gọn toàn bộ quân địch, bắt được nhiều tù binh, lấy được nhiều vũ khí và quân trang quân dụng, còn bên ta chỉ thương vong rất ít...”, “Chiến thắng Ba Gia không những có ý nghĩa thông thường của bất cứ một chiến

thắng nào của chúng ta mà còn có một ý nghĩa quan trọng khác, là nó có tính chất điển hình của một trận tiêu diệt chiến...”.

Chiến thắng Ba Gia mở đầu cho khả năng bộ đội ta tiêu diệt từng chiến đoàn quân ngụy và đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy. Chính tổng thống Mỹ Giôn-xơn, ngày 1 tháng 6 năm 1965, đã phải cay đắng thú nhận rằng: “Đó là một thất bại nghiêm trọng” của hắn và bè lũ.

Tháng 6-1965: Thành lập “Đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước”. Giữa năm 1965, chiến tranh đã lan rộng ra cả nước.

Để tăng cường sức mạnh của lực lượng vũ trang, tháng 6 năm 1965, Thủ tướng Chính phủ đã ra nghị định thành lập “Đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước”, huy động hàng chục vạn nam nữ thanh niên lên đường làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, trong đó số lớn nhất hoạt động trong các đơn vị giao thông vận tải, thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tháng 10 năm 1965: “Bảo đảm giao thông vận tải thông suốt trong tình hình hiện nay là nhiệm vụ trung tâm đột xuất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân”.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên các chiến trường trọng điểm, chủ yếu là ở Quân khu 4 và trên tuyến hành lang chiến lược Bắc - Nam, đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước đã đóng một vai trò tích cực trong nhiệm vụ chiến đấu và bảo đảm chiến đấu bên cạnh các lực lượng vũ trang thường trực. Những thành tích đạt được nói lên truyền thống yêu nước của thanh niên ta khi Tổ quốc kêu gọi thì thanh niên có thể đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì, khó khăn nào cũng có thể vượt qua.

Từ ngày 11-5 đến 22-7-1965: Chiến dịch Đồng Xoài - Sông Bé. Trong Đông - Xuân 1964-1965, ta đã giành thắng lợi lớn và cần tranh thủ đánh nhanh đánh mạnh để không cho địch kịp hồi phục.

Quân ủy Miền chủ trương mở một chiến dịch nhằm mục đích:

- Tiêu diệt một bộ phận sinh lực thuộc quân chủ lực tinh nhuệ của địch (chỉ tiêu đề ra là tiêu diệt gọn 4 tiểu đoàn và 8 đại đội).
- Đánh phá, làm gián đoạn trong một thời gian nhất định các đường giao thông chiến lược của địch: số 13, 14, 20, 1, 15, đường xe lửa.
- Đẩy mạnh chiến tranh du kích, tiêu hao và tiêu diệt nhỏ kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Nhiệm vụ chủ yếu là tiêu diệt sinh lực địch.

Đây là lần đầu tiên ta tập trung lực lượng chủ lực tương đối lớn (4 trung đoàn và 2 tiểu đoàn) phối hợp với các lực lượng địa phương tiến hành tác chiến trên một khu vực rộng, hướng chính gồm 2 tỉnh Bình Long và Phước

Long; hướng phối hợp gồm 5 tỉnh Lâm Đồng, Bình Tuy, Long Khánh, Biên Hòa, Bà Rịa. Trong thời gian từ 11 tháng 5 đến 22 tháng 7 năm 1965, ta đánh vào một khu vực phòng thủ khá kiên cố của địch với lực lượng tương đối lớn (9 tiểu đoàn chủ lực, 3 tiểu đoàn biệt động, 2 tiểu đoàn bảo an và 7 đại đội bảo an độc lập, 21 đại đội biệt kích, chưa tính lực lượng tổng trừ bị của ngụy).

Chiến dịch chia làm 3 đợt, trong đó ta đã đánh 16 trận cấp tiểu đoàn và trung đoàn gồm 4 trận đánh địch trong công sự vững chắc đều thắng lợi, 4 trận đánh viện (2 trận thành công), 5 trận đánh giao thông, 3 trận tập kích đều thắng lợi.

Kết quả: ta đã diệt 4 chi khu quân sự của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 4.459 tên (trong đó có 73 tên Mỹ), diệt gọn và tương đối gọn 4 tiểu đoàn (tiểu đoàn 1 và tiểu đoàn 2 trung đoàn 7, tiểu đoàn 7 dù, tiểu đoàn 4 thiết giáp), 24 đại đội, 6 chi đội cơ giới, 4 phân đội pháo binh, công binh. Ta thu 1.652 súng các loại, phá hủy 390 súng và 60 xe các loại, 6 đầu máy và 12 toa xe lửa. Bắn rơi 34 máy bay, phá hủy 3 máy bay lên thẳng.

Về các mặt đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh phá giao thông cũng thu được kết quả lớn. Đáng chú ý hơn cả là sự trưởng thành của bộ đội chủ lực, nhất là về đánh địch trong công sự vững chắc. Trình độ chỉ đạo chiến dịch được nâng cao. Tinh thần phấn khởi tin tưởng của bộ đội sau chiến dịch đã được tăng thêm.

Tiếp theo các chiến thắng Bình Giã, Ba Gia, chiến dịch Đồng Xoài chứng tỏ khả năng của bộ đội ta về đánh địch với quy mô ngày càng lớn, tiêu diệt địch ngày càng nhiều.

Chiến thắng Đồng Xoài đã đẩy quân ngụy thêm một bước vào nguy cơ sụp đổ và tan rã. Nó cũng chứng minh sự đúng đắn của nhận định: Chiến trường rừng núi là chiến trường có khả năng đánh tiêu diệt và tiêu diệt lớn, có điều kiện hạn chế được chỗ mạnh, khoét sâu được nhược điểm của địch.

III. ĐỘNG VIÊN LỰC LƯỢNG CẢ NƯỚC, THỰC HIỆN QUYẾT TÂM ĐÁNH BẠI “CHIẾN TRANH CỤC BỘ”, BUỘC ĐẾ QUỐC MỸ PHẢI XUỐNG THANG CHIẾN TRANH

Ngày 24-7-1965: Bộ đội tên lửa ra quân chiến thắng trận đầu. Binh chủng tên lửa phòng không, một binh chủng kỹ thuật hiện đại trẻ tuổi của Quân đội nhân dân Việt Nam, ra đời và lớn lên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đế quốc Mỹ, sau khi mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại trên phần lớn các tỉnh ở miền Bắc, mặc dầu đã bị tổn thất nặng nề, vẫn còn rất chủ quan, mù quáng về “sức mạnh không thể tưởng tượng được” của “không lực Hoa Kỳ”.

Trung tuần tháng 7 năm 1965, Bộ Tổng tư lệnh hạ quyết tâm cơ động 2 tiểu đoàn tên lửa kết hợp với 3 trung đoàn cao xạ thực hiện một trận đánh bất ngờ diệt máy bay địch ở vùng Bất Bạt (Hà Tây). Đây là lần ra quân đầu tiên của binh chủng tên lửa phòng không. Kết quả, trong ngày 24 tháng 7, với cách đánh mưu trí sáng tạo, dũng cảm kiên quyết, bộ đội tên lửa của ta đã chiến thắng vẻ vang, bắn rơi 1 tốp 3 chiếc máy bay F-4 của địch. Từ đó, ngày 24 tháng 7 năm 1965 được coi là ngày truyền thống của binh chủng tên lửa trong quân đội ta.

Từ năm 1965 đến năm 1972, bộ đội tên lửa đã bắn rơi hơn 800 máy bay gồm nhiều loại của không quân chiến lược và không quân chiến thuật Mỹ, trong đó có 57 máy bay B-52. Có trận chỉ bằng 1 quả đạn đã diệt 2 máy bay, có trận bắn 3 quả đạn hạ 3 máy bay, có ngày bắn rơi liên tiếp 8 máy bay chiến lược B-52.

Đặc biệt, từ ngày 18 đến 28 tháng 12 năm 1972 đã chiến đấu rất giỏi, dũng cảm và sáng tạo, liên tiếp lập công oanh liệt, giành thắng lợi rất lớn, bắn rơi 37 máy bay Mỹ, trong đó có 32 chiếc B-52, hầu hết rơi tại chỗ, góp phần rất quan trọng đánh bại cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn bằng không quân chiến lược và chiến thuật của đế quốc Mỹ vào miền Bắc.

Bộ đội tên lửa đã góp phần quan trọng cùng quân và dân ta đánh thắng hoàn toàn hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên miền Bắc.

Binh chủng tên lửa đã được Quốc hội và Chính phủ tuyên dương đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 11 tháng 1 năm 1973. Trong binh chủng có 12 đơn vị, 10 cán bộ và chiến sĩ được tặng danh hiệu vẻ vang Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Năm 1965: Đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ vào tiến hành cuộc "chiến tranh cục bộ" trực tiếp xâm lược miền Nam Việt Nam. Tháng 3 năm 1965, "cuộc chiến tranh yêu nước cách mạng của đồng bào miền Nam đã tiến bộ rất nhanh, thu được thắng lợi ngày càng lớn, cuộc "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ ngày càng bị khủng hoảng và thất bại nghiêm trọng" (Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11).

Trước nguy cơ có thể thất bại hoàn toàn, đế quốc Mỹ cố tìm mọi cách để hòng tạo ra một "thế mạnh". Chúng từng bước đưa lực lượng chiến đấu của Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam, đồng thời mở rộng hoạt động không quân, ném bom bắn phá miền Bắc để gây áp lực, hòng làm cho ta giảm sức tiến công ở miền Nam, hạn chế sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam, ép ta phải nhân nhượng chúng.

Sau khi đã đưa 1 đại đội máy bay F-105 vào Biên Hòa và 1 tiểu đoàn tên lửa phòng không "Hốc" vào Đà Nẵng, ngày 8 tháng 3 năm 1965, Mỹ cho 2 tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 9 lính thủy đánh bộ Mỹ từ Ô-ki-na-oa vào Đà Nẵng mở đầu việc đưa quân chiến đấu Mỹ vào Nam Việt Nam.

Ngày 1 tháng 4 năm 1965, Giôn-xơn lại quyết định tăng thêm từ 18.000 đến 20.000 quân yểm trợ Mỹ và đưa thêm 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ vào miền Nam Việt Nam, khẩn trương thăm dò khả năng triển khai nhanh chóng những lực lượng chiến đấu của Nam Triều Tiên, Úc, Tân Tây Lan và tiếp tục tăng cường chiến tranh phá hoại bằng không quân đánh phá miền Bắc và Lào.

Trước tình hình suy yếu của quân ngụy, ngày 26-6-1965, Oét-mo-len được chính phủ Mỹ cho phép đưa quân Mỹ ra trận "khi nào thấy cần thiết". Ngày 26 đến 30 tháng 6, lữ đoàn dù 173, 1 tiểu đoàn Úc cùng với một lực lượng ngụy tổ chức một cuộc hành quân hỗn hợp phía tây bắc Sài Gòn, cuộc hành quân đầu tiên của quân Mỹ ở miền Nam. Với quyết định trên đây của Mỹ (Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ) coi như vấn đề "chiến lược đến đây đã giải quyết xong và các cuộc hành quân về sau chỉ tập trung vào vấn đề sử dụng bao nhiêu quân và mục đích gì?".

Cho đến ngày 17 tháng 7 năm 1965, khi Giôn-xơn thông báo quyết định đưa 44 tiểu đoàn Mỹ vào Nam Việt Nam và chấp nhận chiến lược "tìm diệt" của Oét-mo-len, quyết định đã "vượt qua ngưỡng cửa bước vào cuộc chiến tranh trên bộ ở châu Á" (Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ) thì cuộc chiến

tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã bước vào một giai đoạn mới: giai đoạn chiến tranh cục bộ.

Tiến hành một cuộc chiến tranh cục bộ dần dần lên đến mức cao nhất, đế quốc Mỹ tin tưởng sẽ đè bẹp được ta, giành được thắng lợi. Nhưng diễn biến cuối cùng đã hoàn toàn trái với điều mà chúng mong muốn.

Tất nhiên, thời gian này là những năm tháng thử thách cực kỳ nghiêm trọng đối với quân và dân cả hai miền Nam - Bắc nước ta cũng như đối với sự lãnh đạo của Đảng ta. Bằng hành động dũng cảm phi thường của mình, nhân dân ta đã chứng minh rằng dân tộc ta đất không rộng, người không đông nhưng đoàn kết nhất trí, dưới sự lãnh đạo sáng suốt đúng đắn của Đảng, tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân rộng rãi, đã đánh bại cuộc chiến tranh cục bộ ác liệt, tàn bạo ấy của đế quốc Mỹ.

Năm 1965: Tổ chức các sư đoàn chủ lực ở Nam Bộ và Quân khu 5. Trong nửa cuối năm 1965, bộ đội chủ lực của ta trên chiến trường Nam Bộ và Khu 5 đã phát triển lớn mạnh cả về tổ chức và khả năng tác chiến gồm nhiều trung đoàn, hình thành các cụm chủ lực đứng chân vững chắc trên các địa bàn chiến lược quan trọng, đã mở một số chiến dịch sử dụng nhiều trung đoàn, dưới sự chỉ huy thống nhất, tác chiến trên những khu vực được lựa chọn, như Bình Giã, Đồng Xoài.

Đối tượng tác chiến của ta đã khác trước, bên cạnh quân ngụy đã xuất hiện những sư đoàn chủ lực trang bị hiện đại của quân đội Mỹ; tình hình đó đòi hỏi phải có những sư đoàn chủ lực mới đáp ứng được yêu cầu của chiến trường.

Theo Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 9 năm 1965 và chỉ thị của Quân ủy Trung ương, một số sư đoàn bộ binh chủ lực đã được thành lập:

- Ở Nam Bộ có Sư đoàn 9 (3 trung đoàn) thành lập tháng 9 năm 1965, sư đoàn 5 thành lập tháng 11 năm 1965.

- Ở Quân khu 5 có Sư đoàn 3 (3 trung đoàn) thành lập tháng 9 năm 1965, sư đoàn 2 (2 trung đoàn và 1 tiểu đoàn) thành lập tháng 11 năm 1965.

Việc thành lập các sư đoàn bộ binh chủ lực trên chiến trường miền Nam là một bước phát triển mạnh mẽ của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, là sự trưởng thành có tính nhảy vọt của lực lượng vũ trang cách mạng, có khả năng tạo nên những cú đấm mạnh có hiệu suất cao cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích làm chuyển biến cục diện của chiến tranh.

Ngày 18-8-1965: Chiến thắng Vạn Tường. Sau khi chiếm đóng vùng Chu Lai (Quảng Nam), mờ sáng ngày 18 tháng 8 năm 1965, lính thủy đánh bộ Mỹ mở cuộc hành quân mang tên "Ánh sáng sao" nhằm vào thôn Vạn Tường, xã

Bình Hải, huyện Bình Sơn ở sát bờ biển phía bắc Quảng Ngãi, cách căn cứ Chu Lai 17 km, nhằm mục đích diệt một đơn vị chủ lực ta, tìm kiếm một thắng lợi quân sự để gây uy thế cho lính thủy đánh bộ Mỹ, lấn chiếm vùng giải phóng và mở rộng vùng an toàn cho căn cứ Chu Lai.

Lực lượng địch sử dụng khoảng 9.000 tên gồm bộ chỉ huy trung đoàn 7 sư đoàn 1 lính thủy đánh bộ, 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, 2 tiểu đoàn bộ binh ngụy, 1 tiểu đoàn xe tăng và xe lội nước và một số lực lượng pháo binh, công binh và bảo đảm phục vụ khác. Chúng đã huy động 6 tàu đổ bộ, 5 tàu chi viện chiến đấu, 105 xe tăng và xe bọc thép, 100 máy bay lên thẳng và 70 máy bay chiến đấu vào cuộc càn quét này.

Ta có 1 trung đoàn đóng ở khu vực Vạn Tường, đang huấn luyện, củng cố, sẵn sàng nhận nhiệm vụ và đã có phương án đánh địch càn quét trên nhiều hướng.

Trước đó mấy ngày, địch đã có những hành động chuẩn bị của không quân, pháo binh và càn quét nhỏ để thăm dò. Ta phán đoán địch sẽ tiến công và quyết tâm ở tại chỗ đánh địch càn quét.

Quân Mỹ thực hành tiến công 4 mũi: 1 mũi tiến thẳng theo đường bộ bằng xe lội nước, 2 mũi đổ bộ bằng máy bay lên thẳng và 1 mũi đổ bộ bằng tàu vào ven biển. Chúng đã bị đánh trả quyết liệt. Sau một ngày chiến đấu, bộ đội ta đã cùng du kích và nhân dân đánh bại hoàn toàn cuộc càn quét, diệt 919 tên, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.

Vạn Tường là trận đầu tiên quân viễn chinh Mỹ trực tiếp chiến đấu với quy mô lớn trên chiến trường miền Nam Việt Nam, sử dụng cả hải, lục, không quân, nhưng đã bị đòn phủ đầu mạnh mẽ, chịu tổn thất nặng nề.

Vạn Tường có thể coi như trận Ấp Bắc đối với quân đội Mỹ, nó đã mở đầu cao trào diệt Mỹ trên toàn miền. Chiến thắng Vạn Tường còn chứng tỏ rằng quân và dân miền Nam, quyết đánh và biết cách đánh, hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ.

Đồng chí Lê Duẩn đã đánh giá trận Vạn Tường là một trận thất bại cả về chiến thuật và chiến lược của Mỹ, trên cơ sở đó, ta có thể tiếp tục tiến công thắng lợi lực lượng cơ động Mỹ. Nếu đem so sánh với tình hình khi quân Đức bắt đầu tiến công vào Liên Xô, quân Nhật tiến công vào Trung Quốc trong chiến tranh thế giới thứ hai, khi quân Mỹ đổ bộ vào Nam Triều Tiên, càng thấy rõ hơn ý nghĩa to lớn của trận đánh phủ đầu quân xâm lược này.

Từ ngày 19-10 đến 26-11-1965: Chiến dịch Plây Me. Tháng 9 năm 1965, địch hoàn thành đưa hết sư đoàn 1 kỵ binh bay lên đóng ở An Khê. Đó là đơn vị lính Mỹ đầu tiên đến chiến trường Tây Nguyên và cũng là đơn vị trang bị hiện đại tiêu biểu của lực lượng Mỹ lần đầu tiên được đem thí nghiệm tác chiến trên chiến trường miền Nam nước ta.

Lực lượng địch có sư đoàn 1 kỵ binh không vận Mỹ, 1 chiến đoàn dù và 1 chiến đoàn thiết giáp ngụy, 1 trung đoàn Nam Triều Tiên (lần duy nhất lính của Pắc Chung Hy đến Tây Nguyên).

Bộ đội ta có 3 trung đoàn bộ binh chủ lực, 1 tiểu đoàn đặc công, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn súng máy 12,7. Chiến dịch diễn ra trên khu vực Bầu Cạn, Plây Me, Đức Cơ khoảng 1.600 km², nam thị xã Plây Cu 30 km.

Từ 19 tháng 10 đến 26 tháng 11, bộ đội ta vây điểm buộc quân ngụy phải ứng cứu, tập trung diệt quân tiếp viện ngụy, buộc quân Mỹ phải vào cứu ngụy, lúc đó ta tập trung đánh trận phủ đầu diệt Mỹ thật nặng.

Kết quả: ta đã diệt 2.964 tên (có 1.700 tên Mỹ), diệt gọn 3 tiểu đoàn bộ binh, trong đó có 1 tiểu đoàn Mỹ, diệt 1 chiến đoàn thiết giáp ngụy. Bắn rơi 59 máy bay. Đánh thiệt hại nặng lữ đoàn 3 Mỹ. Phá 5 pháo 105mm, thu 73 súng, 58.000 viên đạn.

Đây là lần đầu tiên Mỹ đưa quân vào Tây Nguyên và cũng là lần phải rút chạy về chiến dịch; lần đầu tiên sư đoàn kỵ binh không vận ra quân và bị thất bại.

Bộ Tổng tư lệnh đã gửi điện khen ngợi quân và dân Tây Nguyên. Chính phủ đã quyết định tặng thưởng quân và dân Tây Nguyên 2 Huân chương Quân công hạng nhất.

Ngày 8-11-1965: Chiến thắng Đất Cuốc. Đất Cuốc cách thị xã Biên Hòa về phía bắc 30 km, thuộc phạm vi của chiến khu Đ, miền Đông Nam Bộ.

Lữ đoàn dù 173 của Mỹ sang Nam Việt Nam, đóng ở Biên Hòa từ tháng 5 năm 1965, muốn tìm một thắng lợi bằng cách đi "tìm diệt", sục vào chiến khu Đ.

Ngày 6 tháng 11, chúng đổ quân xuống Hiếu Liêm. Sau 2 ngày càn quét không gặp ta, chúng bắt đầu mệt mỏi thì lọt vào trận địa phục kích của ta. Cuộc chiến đấu kéo dài hết ngày 8 tháng 11.

Kết quả: 1 tiểu đoàn Mỹ bị diệt gọn. Đây là trận diệt Mỹ lớn đầu tiên trên chiến trường Nam Bộ.

Từ ngày 12-11 đến 27-11-1965: Chiến dịch Dầu Tiếng. Dầu Tiếng là một vùng thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Lực lượng địch có sư đoàn 1 bộ binh Mỹ và trung đoàn 7, sư đoàn 5 ngụy. Sư đoàn 9 bộ binh của ta và 1 tiểu đoàn bộ đội địa phương Thủ Dầu Một mở chiến dịch đánh liên tiếp nhiều trận trong 15 ngày đều thắng lợi, trong đó có 2 trận diệt nhiều địch, có tác động lớn: trận Bàu Bàng và trận Dầu Tiếng.

Chiến thắng Bàu Bàng. Ngày 11 tháng 11, quân Mỹ có 1 chiến đoàn gồm 2 tiểu đoàn bộ binh thuộc lữ đoàn 2 sư đoàn 1 bộ binh, 2 tiểu đoàn xe tăng

và M.113, 1 đại đội pháo, gồm khoảng hơn 2.000 tên hành quân từ Lai Khê về Bàu Bàng. Chiều 11 tháng 11, địch dừng lại ở Bàu Bàng, cách Thủ Dầu Một 25km về phía Bắc.

Ta đã theo dõi nắm chắc tình hình địch. Trong đêm 11 tháng 11, quân ta áp sát và hình thành bao vây quanh khu vực đóng quân của Mỹ.

5 giờ 30 ngày 12 tháng 11 ta nổ súng. Sau 30 phút, phần lớn quân Mỹ đã bị tiêu diệt. Sau 3 giờ chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ trận địa. Khi ta đã chuyển quân xa, B-52 mới đến ném bom xuống trận địa.

Kết quả: ta diệt gọn 2 tiểu đoàn bộ binh Mỹ, 1 chi đoàn cơ giới, khoảng 2.040 tên Mỹ chết và bị thương.

Ta phá hủy 39 xe tăng và xe M.113, 6 khẩu 105mm, 2 khẩu cối 106,7, hạ 1 máy bay L-19, 1 máy bay lên thẳng.

Đây là trận tập kích giữa ban ngày, diệt Mỹ lớn nhất từ khi chúng đưa quân vào miền Nam, diệt gọn nhiều tiểu đoàn, cả bộ binh và thiết giáp, nói lên khả năng của bộ đội ta đánh những trận tiêu diệt lớn quân Mỹ.

Chiến thắng Dầu Tiếng. Ngày 27 tháng 11, ta tập kích sở chỉ huy chiến đoàn 7 sư đoàn 5 ngụy và 2 tiểu đoàn thuộc chiến đoàn này ở làng 14 trong đồn điền cao su Mi-sơ-lanh. Cả chiến đoàn bị diệt gọn, ta giết và bắt sống hơn 700 tên, có cả tên trung tá trung đoàn trưởng.

Kết quả toàn chiến dịch Dầu Tiếng, ta đã tiêu diệt 4.250 tên địch (có gần 3.000 tên Mỹ), phá hủy 300 xe cơ giới, thu 300 súng các loại, loại khỏi vòng chiến đấu 3 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 1 bộ binh Mỹ và trung đoàn 7 sư đoàn 5 ngụy.

Thắng lợi của chiến dịch Dầu Tiếng giáng thêm một đòn nặng nề vào Mỹ - ngụy trong mùa đông 1965 làm cho sư đoàn 1 bộ binh "Anh cả đỏ" của quân đội Mỹ mà chúng tuyên truyền rùm beng là "tinh nhuệ" nhất, bị chôn vùi uy thế.

Từ ngày 8 đến 18-12-1965: Đợt tiến công ở Đồng Dương. Đồng Dương là một khu đồng bằng sát đường 1 phía nam tỉnh Quảng Ngãi, gần các căn cứ lớn của Mỹ như Đà Nẵng, Chu Lai.

Trước đợt hoạt động này, ngày 17 tháng 11 ta tiến công tiêu diệt chi khu quân sự Hiệp Đức.

Ngày 18 tháng 11, sư đoàn 2 ngụy điều 3 tiểu đoàn đổ bộ bằng máy bay lên thẳng chiếm lại Hiệp Đức.

Ta lại bao vây Hiệp Đức và Việt An, buộc Mỹ và ngụy phải đến giải tỏa và tạo điều kiện cho ta đánh viện. Quả nhiên, địch đã huy động 6 tiểu đoàn bộ binh ngụy, 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ, 2 tiểu đoàn pháo binh và 1 chi đoàn xe bọc thép, gồm khoảng 8.500 tên đến cứu nguy cho Hiệp Đức và Việt An.

Đợt chiến đấu đã diễn ra từ ngày 8 đến 18 tháng 12 năm 1965 với nhiều trận phục kích, tập kích, đánh quân đổ bộ đường không, lúc đầu chủ yếu là đánh ngụy, về sau chủ yếu là diệt Mỹ.

Kết quả: ta đã tiêu diệt được 1.800 tên (có 600 tên Mỹ), loại khỏi vòng chiến đấu 3 tiểu đoàn bộ binh ngụy, 1 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ, bắn rơi và phá hủy 21 máy bay, 6 xe M.113.

Chiến thắng Đồng Dương là một thành công lớn của lực lượng vũ trang Quân khu 5 trong việc vận dụng phương châm tranh thủ tiêu diệt quân địch đang vận động ở vùng đồng bằng, kết hợp đánh vận động với đánh du kích, kết hợp chặt chẽ giữa ba thứ quân.

Ngày 4-12-1965: Tập kích vào khách sạn Mê-tơ-rô-pôn (Sài Gòn). Trong mùa đông 1965, cùng với tác chiến tập trung của bộ đội chủ lực, ta còn sử dụng đặc công, pháo đánh vào các căn cứ hậu phương của địch ở khu vực Sài Gòn, sân bay Nước Mặn, sân bay Chu Lai, v.v. trong đó trận tập kích của bộ đội đặc công đêm 4 tháng 12 vào khách sạn Mê-tơ-rô-pôn diệt 200 tên Mỹ đã gây chấn động lớn hơn cả.

Những trận tiến công liên tiếp của quân và dân ta trong mùa thu - đông năm 1965 trong đó nổi lên các chiến thắng Vạn Tường, Plây Me, Đất Cuốc, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Đồng Dương... và các trận tập kích táo bạo của bộ đội đặc công vào tận hang ổ của quân Mỹ cùng những hoạt động mạnh mẽ của các vành đai diệt Mỹ ở Củ Chi, Lái Thiêu, Bến Cát, Chu Lai, Đà Nẵng, An Khê đã làm cho quân Mỹ bị thất bại nặng nề. Chúng hùng hổ nhả vào miền Nam với 20 vạn quân mà không gây được một sự chuyển biến đáng kể nào, không ngăn ngừa được sự suy sụp của ngụy quân, ngụy quyền, không tránh được sự đổ vỡ của kế hoạch dồn dân lập "ấp chiến lược"; hơn nữa, chính chúng lại bị hãm vào thế trận của cuộc chiến tranh nhân dân rộng khắp, bị đánh khắp nơi, bị đánh bằng nhiều cách và chúng không sao lường trước được.

Tháng 12-1965: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 12. Từ sau Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương tháng 5 năm 1965, tình hình miền Nam biến chuyển rất nhanh. Trước sự sụp đổ của "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ ngoan cố ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam. Đến tháng 9 năm 1965, lực lượng quân Mỹ và chư hầu ở miền Nam đã lên tới 20 vạn tên, chưa kể 7 vạn hải quân và không quân Mỹ trên các căn cứ của Mỹ ở Gu-am, Phi-líp-pin, Thái Lan và hạm đội 7 cũng trực tiếp tham chiến ở Việt Nam; cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đã thành một cuộc chiến tranh cục bộ.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp tháng 9 năm 1965 ra nghị quyết về những vấn đề lớn và cấp bách để lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở miền Nam.

Đến cuối năm 1965, mặc dầu liên tiếp bị thất bại và tổn thất nặng nề, với bản chất hết sức ngoan cố, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam và leo thang đánh phá miền Bắc.

Tháng 12 năm 1965, Ban Chấp hành Trung ương đã họp Hội nghị lần thứ 12, định ra nhiệm vụ, chủ trương, phương châm thích hợp với tình hình mới, động viên cả nước kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Hội nghị nhất trí với Nghị quyết tháng 9 năm 1965 của Bộ Chính trị, đồng thời qua thực tiễn nửa năm đọ sức giữa quân và dân ta với quân Mỹ, đã phân tích sâu sắc tình hình và đề ra những kết luận mới hết sức quan trọng.

Đặc điểm chủ yếu là tuy Mỹ đã đem quân vào trực tiếp xâm lược nước ta nhưng mục đích của chúng vẫn là *"tiếp tục thực hiện chính sách thực dân kiểu mới"*, tính chất cơ bản của cuộc chiến tranh của Mỹ ở miền Nam vẫn là chiến tranh xâm lược thực dân "kiểu mới", trong đó, đế quốc Mỹ "đang sử dụng 2 lực lượng: quân đội viễn chinh Mỹ và lực lượng ngụy quân, ngụy quyền", "từ chỗ trước kia hạn chế cuộc chiến tranh trong phạm vi miền Nam đã đi đến chỗ vừa tập trung lực lượng chủ yếu trên chiến trường miền Nam, vừa mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc nước ta, tạo ra tình hình cả nước có chiến tranh với Mỹ, với mức độ khác nhau".

Do vị trí quan trọng của miền Nam Việt Nam và do bản chất xâm lược cực kỳ hung ác của đế quốc Mỹ, rồi đây chúng có thể *tăng số quân Mỹ ở miền Nam* lên đến 30 - 40 vạn và tăng cường đánh phá miền Bắc, âm mưu trước mắt của chúng là "ra sức mở rộng những cuộc tiến công nhằm tiêu diệt lực lượng ta, nhất là các lực lượng vũ trang tập trung của ta, giữ vững và củng cố hoặc chiếm đóng thêm các vị trí chiến lược quan trọng rồi dựa vào đó mà đẩy mạnh công tác "bình định" có trọng điểm, đánh phá vùng giải phóng, khống chế kìm kẹp quần chúng và chiếm lại một số vùng đã mất, tìm mọi biện pháp để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc, bao vây và cô lập chiến trường miền Nam, đồng thời tăng cường chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc nước ta; chúng mong từng bước giành lại thế chủ động, tạo thế mạnh để ép ta thương lượng theo điều kiện có lợi cho chúng, đồng thời chuẩn bị cơ sở để khi cần thiết thì kéo dài và mở rộng chiến tranh xâm lược".

Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất trong phe đế quốc, có quân số đông, hỏa lực mạnh, cơ động nhanh, có các căn cứ xây dựng ở một số vị trí chiến lược quan trọng nhưng chúng có nhiều mặt yếu mà *chỗ yếu cơ bản từ trước đến nay vẫn là chính trị*.

Tiến hành một cuộc chiến tranh bị động và phi nghĩa không cho phép Mỹ sử dụng hết sức mạnh về kinh tế và quân sự của chúng, tinh thần chiến đấu

của binh lính Mỹ thấp kém. Bố trí chiến lược cũng bị giằng co giữa tiến công và phòng ngự, giữ đất và cơ động. Hậu phương xa và tiếp tế khó khăn; chiến đấu không phù hợp với huấn luyện, tổ chức, trang bị và buộc phải đánh theo cách đánh mà đối phương muốn.

Về phía ta, Trung ương Đảng khẳng định rằng: *“Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, nhân dân ta đã sáng tạo nên những lực lượng to lớn về mọi mặt và đang đứng vào một thế thuận lợi”*. Sự đánh giá đó căn cứ vào sự phân tích toàn diện, sâu sắc sự phát triển của phong trào cách mạng cả ở hai miền Nam - Bắc.

Trên thế giới, cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền ngày càng được sự ủng hộ tích cực và giúp đỡ mạnh mẽ của phe xã hội chủ nghĩa, các nước dân tộc chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình, kể cả nhân dân Mỹ.

Từ những phân tích trên đây, Trung ương Đảng đi đến kết luận:

“Mặc dầu đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn”.

Do đó, cách mạng miền Nam *“phải giữ vững và phát triển thế chiến lược tiến công”*, tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch.

Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ *“Động viên lực lượng của cả nước kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước”*. *“Nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước hiện nay rõ ràng là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc ta, của nhân dân ta từ Nam chí Bắc”*.

Trên cơ sở phương hướng và nhiệm vụ trên, Trung ương đề ra phương châm là: Ra sức *“hạn chế cuộc chiến tranh của địch và thắng địch trong cuộc chiến tranh hạn chế đó, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề, đẩy chúng ngày càng bị sa lầy và thất bại nghiêm trọng thì ta nhất định có thể giành thắng lợi quyết định ở miền Nam”*.

Phương châm chiến lược chung của ta là đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, đồng thời trên cơ sở đánh lâu dài, ta cần phải cố gắng cao độ tập trung lực lượng của cả hai miền để tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam. Đồng thời chúng ta vẫn phải ra sức chuẩn bị để thắng địch trong trường hợp chiến tranh kéo dài và mở rộng ra cả nước. *Chúng ta cũng cần hết sức tranh thủ sự*

đồng tình, ủng hộ và viện trợ quốc tế, một nhân tố góp phần quyết định vào thắng lợi của nhân dân ta, do đó cần đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao.

Về phương châm đấu tranh, nghị quyết khẳng định cần tiếp tục kiên trì đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, *triệt để vận dụng ba mũi giáp công.*

Trung ương Đảng kêu gọi: Chúng ta đang tiến hành một cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại nhất trong lịch sử nước nhà, *một cuộc chiến tranh cách mạng vừa để giải phóng dân tộc, vừa để bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa cống hiến vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.* Do đó, trong giai đoạn lịch sử quang vinh này của Tổ quốc, chúng ta phải “có tinh thần chiến đấu cao, dũng cảm phi thường, phải có chí khí anh hùng và quyết tâm dời non lấp biển, đạp bằng bất cứ trở lực nào, hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, đánh bại bất cứ kẻ thù nào”.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 12 là một văn kiện lịch sử rất quan trọng về mặt lý luận cũng như thực tiễn trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ. Với tinh thần cách mạng triệt để, Đảng ta đã đánh giá một cách rất khoa học lực lượng so sánh giữa ta và địch, đánh giá đúng những nhược điểm của đế quốc Mỹ ngay cả lúc chúng đang leo thang ồ ạt đưa quân vào miền Nam nước ta, quyết tâm nêu cao tư tưởng chiến lược tiến công, khẳng định nhân dân ta *có thể đánh bại và có cách đánh bại được tên đế quốc đầu sỏ của chủ nghĩa đế quốc thế giới.*

Nói chuyện tại hội nghị cán bộ nghiên cứu Nghị quyết Trung ương lần thứ 12, đồng chí Lê Duẩn đã đánh giá “đó là một nghị quyết lịch sử. Đó là biểu hiện tập trung của tinh thần dân tộc ta hàng ngàn năm về trước; nó là kết tinh ý chí kiên cường, trí tuệ và sức sáng tạo vĩ đại của nhân dân ta trong giai đoạn hiện nay và nó sẽ lưu lại cho con cháu chúng ta hàng nghìn năm sau một trang sử oanh liệt nhất”.

Từ ngày 3 đến 15-1-1966: Hội nghị đoàn kết nhân dân Á, Phi, Mỹ Latinh ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược. Để khẳng định sự ủng hộ kiên quyết đối với lập trường chính nghĩa và quyết tâm gang thép của nhân dân ta đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng, hội nghị đoàn kết nhân dân Á, Phi, Mỹ Latinh ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ đã họp ở La Ha-ba-na, thủ đô của Cu-ba, đất tự do của châu Mỹ, lá cờ đầu của phong trào cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc ở Tây bán cầu.

Hội nghị đã coi việc đoàn kết với Việt Nam, coi “việc bảo vệ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược cách mạng của các dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh”.

Hội nghị đã nhất trí nhận định rằng: “Bản thân cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là một sự ủng hộ trực tiếp và góp phần mạnh mẽ vào phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước ở khắp ba châu, đồng thời là một tấm gương chói lọi cổ vũ mạnh mẽ toàn thể loài người tiến bộ”.

Hội nghị đoàn kết nhân dân Á, Phi, Mỹ Latinh ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa to lớn đánh dấu sự hình thành trên thực tế của mặt trận nhân dân ba châu chống chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu, một biểu hiện sinh động của tình đoàn kết của nhân dân ba châu đối với nhân dân Việt Nam, một sự cổ vũ quý báu đối với nhân dân ta.

Đó cũng là một thắng lợi của đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng ta, tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của đông đảo nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên toàn thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc ta chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Từ tháng 3 đến 5-1966: Nhân dân các thành phố Đà Nẵng, Huế chống Thiệu - Kỳ (phong trào ly khai). Tháng 3 năm 1966, nhân cuộc khủng hoảng chính trị do mâu thuẫn giữa bọn tay sai ở vùng chiến thuật 1 với nguy quyền trung ương gây ra (Thiệu - Kỳ cách chức tư lệnh quân đoàn 1 của Nguyễn Chánh Thi), một cuộc đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân các thành thị bắt đầu từ Đà Nẵng, Huế đã nhanh chóng lan rộng ra nhiều thành thị ở miền Nam như Quảng Trị, Hội An, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Sài Gòn, và kéo dài suốt 76 ngày với nhiều hình thức rầm rộ như mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi chợ, bãi khóa.

Thiệu - Kỳ tìm mọi cách dọa dẫm, xoa dịu, lừa bịp nhưng đều không giải quyết được, cuối cùng chúng phải đưa 6 tiểu đoàn thuộc lực lượng lính thủy đánh bộ ác ôn “Trâu điên” ra Đà Nẵng, Huế để đàn áp.

Nguyên nhân sâu xa của phong trào là do những thắng lợi liên tiếp của quân và dân ta ngay từ khi Mỹ mới đặt chân đến miền Nam đã cổ vũ lòng yêu nước của nhân dân đô thị. Quân Mỹ tràn vào miền Nam đã làm đảo lộn đời sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là trong các thành phố. Thái phân biệt chủng tộc, các tệ nạn xã hội, sự đầu độc bằng văn hóa đồi trụy làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân yêu nước với đế quốc Mỹ và bọn tay sai càng thêm sâu sắc, mâu thuẫn giữa các bọn tay sai cũng thêm kịch liệt.

Sự hình thành và phát triển của phong trào đã khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ bọn cầm đầu nguy quân, nguy quyền và đã chuyển thành một cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, chống bọn tay sai bán nước, một sức mạnh của nhân dân công khai tiến công chính sách thực dân xâm lược của Mỹ và hành động bán nước của bọn Thiệu - Kỳ.

Về quân sự, chính Mac-na-ma-ra, bộ trưởng quốc phòng Mỹ đã phải thú nhận: phong trào đấu tranh của nhân dân các thành thị miền Nam trong thời gian này đã làm suy giảm từ 50% đến 70% cố gắng chiến tranh của chúng.

Đế quốc Mỹ và Thiệu - Kỳ tuy dập tắt được phong trào, nhưng sự kiện này đã mở ra khả năng hình thành một *mặt trận công nông binh liên hiệp, công nông trí thức liên hiệp* chống lại đế quốc Mỹ và tay sai, mở ra một *hình thức nổi dậy của quần chúng ở đô thị* chống lại chính sách thực dân mới của chúng.

Nói về vấn đề này, trong thư gửi các đồng chí Sài Gòn - Gia Định ngày 1 tháng 7 năm 1967, đồng chí Lê Duẩn đã nhận xét: “Cuộc nổi dậy của nhân dân Đà Nẵng chống Thiệu - Kỳ từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1966, tuy không kết thúc thắng lợi nhưng đã cho chúng ta một bài học bổ ích về việc lợi dụng mâu thuẫn nội bộ địch. Sự nổi dậy của quần chúng Đà Nẵng không phải do ta chủ động phát khởi lên, mà là do ta biết lợi dụng sự chống đối, xung đột trong nội bộ địch, khoét sâu mâu thuẫn của chúng để tập hợp lực lượng quần chúng, giành lấy quyền lãnh đạo và phát động quần chúng đấu tranh, mặc dù lực lượng Đảng có ít và cơ sở trong thành phố còn yếu, nhưng mặt khác, cũng vì chưa tập trung được lực lượng lãnh đạo đầy đủ, cho nên đã bỏ lỡ cơ hội giành thắng lợi lớn hơn”.

Chiến thắng Đông - Xuân 1965-1966, bẻ gãy cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất của Mỹ. Cuối năm 1965, khi đã tăng quân trên chiến trường miền Nam lên tới 72 vạn tên (có 18 vạn Mỹ, 2 vạn Nam Triều Tiên), bộ binh có 13 sư đoàn, 5 trung đoàn và 30 tiểu đoàn (có 4 sư đoàn, 1 trung đoàn Mỹ và 10 tiểu đoàn Nam Triều Tiên) với trên 2.000 máy bay (có 600 máy bay chiến đấu), đế quốc Mỹ bắt đầu thực hành phản công chiến lược lần thứ nhất. Mục tiêu là đánh bại chủ lực ta mà chúng huênh hoang là “bẻ gãy xương sống Việt cộng”, và củng cố nguy quyền tay sai. Mỹ - nguy ráo riết chuẩn bị từ cuối 1965, nhưng thực tế ra quân từ tháng 1 năm 1966. Chúng nhằm vào hai hướng chiến lược chính là đồng bằng Khu 5 và miền Đông Nam Bộ. Đến tháng 4 năm 1966, chúng phải chấm dứt cuộc phản công, do bị thiệt hại lớn.

Mỹ - nguy đã mở 450 cuộc hành quân lớn nhỏ, có những trận quy mô lớn, sử dụng từ 3 tiểu đoàn đến 21 tiểu đoàn, nhằm đánh vào chủ lực ta.

Địch muốn tập trung lực lượng phản công để giành quyền chủ động, tiêu diệt chủ lực ta; nhưng chúng ta đã làm cho chúng bị động đối phó, phải phân tán, phải tiếp tục phòng ngự để chịu ta tiến công. Bằng nhiều phương thức tác chiến khác nhau, chúng ta liên tiếp tiến công địch, trong đó có một số trận thắng lớn như hai lần chống càn ở Củ Chi (Gia Định) từ 9 đến 19 tháng 1 và 23 tháng 1 đến 5 tháng 2 năm 1966 ta đã diệt được 2.637 tên (có 2.371 tên

Mỹ), bắn rơi và phá hủy gần 100 máy bay; trận Phú Yên từ 19 tháng 1 đến 10 tháng 2 năm 1966; đợt chống càn ở bắc Bình Định từ 28 tháng 1 đến 7 tháng 3 năm 1966, ta tiêu diệt 9.116 tên (có 5.160 tên Mỹ, 1.255 lính Nam Triều Tiên), bắn rơi 374 máy bay; trận tập kích Nhà Đỏ - Bông Trang (Thủ Dầu Một) ngày 24 tháng 2 năm 1966, chỉ trong mấy giờ chiến đấu ta diệt gọn 2 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn xe bọc thép Mỹ gồm 2.500 tên; phá hủy hơn 40 xe tăng và xe M.113; trận Đồng Giáp (Quảng Ngãi) ngày 4 và 5 tháng 3 năm 1966, đánh liên tục 40 giờ, ta tiêu diệt gọn 2 tiểu đoàn và 4 đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ, bắn rơi 25 máy bay. Đó là những chiến công vang dội của các lực lượng vũ trang nhân dân ta kết hợp với đấu tranh chính trị trực diện của quần chúng.

Cùng với việc đánh bại các cuộc hành quân của địch, các lực lượng vũ trang nhân dân ta còn bắn pháo, tập kích vào các sân bay (Chu Lai, Tân Sơn Nhất, Phú Lợi), các căn cứ của Mỹ - ngụy tập kích khách sạn Vích-to-ri-a diệt 200 sĩ quan Mỹ ngày 1 tháng 4 năm 1966)... làm chúng bị thiệt hại rất nặng về máy bay, xăng dầu, kho tàng và sinh lực cao cấp.

Kết quả trong mùa khô 1965-1966, trên toàn miền, quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 104.000 tên (có 42.500 Mỹ, 3.500 Nam Triều Tiên), có 34 tiểu đoàn bộ binh (14 tiểu đoàn Mỹ và 20 tiểu đoàn ngụy), 4 tiểu đoàn cơ giới (3 tiểu đoàn Mỹ và 1 tiểu đoàn ngụy), 178 đại đội bộ binh lẻ (có 22 đại đội Mỹ).

Ta đã bắn rơi và phá hủy 1.430 máy bay, phá hủy 600 xe tăng và xe thiết giáp, 1.310 ô tô, 80 khẩu pháo, 27 tàu.

Đồng chí Trường Sơn viết về ý nghĩa của chiến thắng mùa khô 1965-1966: "Ý nghĩa rất quan trọng của thắng lợi lớn này là: *Chúng ta đã chiến thắng chiến tranh cục bộ của Mỹ ngay từ đầu*; quân và dân miền Nam chẳng những đã tiếp tục đánh thắng và làm tan rã quân ngụy, mà còn đánh thắng hiệp đầu quân viễn chinh Mỹ, một quân đội hùng mạnh và hiện đại nhất của thế giới tư bản. Chúng ta đã giành thắng lợi cả về chính trị và quân sự, và chủ yếu đó là thắng lợi quân sự. Ý nghĩa rất quan trọng của thắng lợi mùa khô này là, một lần nữa nó chứng minh rằng: đường lối chính trị của ta đã thắng và sẽ toàn thắng đường lối chính trị xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ; đường lối quân sự, chiến lược, chiến thuật của chúng ta đã thắng và sẽ toàn thắng chiến lược, chiến thuật chiến tranh cục bộ của Mỹ. Chiến tranh của nhân dân ta với nhiều tính ưu việt của nó đã tỏ ra là vô địch; nhân dân anh hùng và quân đội anh hùng của ta có khả năng, hoàn toàn có khả năng đánh bại chiến tranh cục bộ của địch, giành thắng lợi về phần mình, mặc dù chúng ta còn phải trải qua nhiều khó khăn gian khổ vì phải chiến đấu quyết liệt hơn"¹.

1. Tạp chí *Quân đội nhân dân*, tháng 5 năm 1966.

Từ tháng 4 đến 6-1966: Thành lập Quân khu Trị - Thiên và mở Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị. Sau chiến thắng mùa khô 1965-1966, Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhận định phong trào ở Trị - Thiên tuy có thu được một số thắng lợi nhưng mới chỉ là bước đầu và so với đà phát triển của toàn chiến trường miền Nam thì phong trào ở Trị - Thiên tiến triển chậm, trong điều kiện địch ở đây yếu hơn ở các chiến trường khác, còn lực lượng vũ trang và đội ngũ cán bộ của ta thì tương đối mạnh.

Bộ Chính trị thấy rằng, để đưa phong trào cách mạng Trị - Thiên tiến lên mạnh mẽ và vững chắc, vấn đề căn bản nhất là tiếp tục nâng cao tư tưởng tiến công địch và vận dụng đúng đắn các phương châm của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam, xác định những hình thức đánh địch về quân sự, sáng tạo ra những hình thức phong phú về đấu tranh chính trị thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của Trị - Thiên.

Về tổ chức, tháng 4 năm 1966, Bộ Chính trị quyết định thành lập Khu và Quân khu Trị - Thiên; Khu ủy Trị - Thiên đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, Quân khu ủy Trị - Thiên đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy đồng thời có nhiệm vụ báo cáo xin chỉ thị Quân ủy Trung ương về mọi công tác.

Việc lập Khu Trị - Thiên có ý nghĩa chiến lược quan trọng, nhằm “tiêu diệt và làm tan rã phần lớn quân nguy, tiêu diệt một bộ phận quân Mỹ, v.v. ra sức chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ở thành phố để phục vụ kế hoạch tổng công kích, tổng khởi nghĩa khi có điều kiện chín muồi”, “... cắt đứt các đường giao thông chiến lược của địch, xây dựng đường hành lang của ta, giành thắng lợi lớn về mọi mặt và tạo nên một tình thế mới trên chiến trường Trị - Thiên, phối hợp tốt với các chiến trường khác trong mọi tình huống (kể cả tình huống đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh trên đất liền ra Trung, Hạ Lào)” (Nghị quyết của Thường trực Quân ủy Trung ương về nhiệm vụ của chiến trường Trị - Thiên tháng 4 năm 1966).

Tháng 6 năm 1966, Quân ủy Trung ương lại quyết định mở Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị. Lúc đầu, một số đơn vị bộ đội chủ lực thuộc Quân khu 4 được đưa vào hoạt động, tạo nên một hướng chiến lược tiến công mới của ta vào nơi yếu của địch trên chiến trường miền Nam. Mặt trận này đã buộc địch phải phân tán lực lượng lên rừng để đối chọi với lực lượng chủ lực mạnh của miền Bắc, tạo điều kiện cho các chiến trường khác hoạt động, nhất là đồng bằng Trị - Thiên, ngăn chặn âm mưu địch mở rộng chiến tranh mặt đất ra miền Bắc, trước hết là ra Quân khu 4.

Ta đẩy mạnh tiến công trên chiến trường Trị - Thiên là một điều hết sức bất ngờ đối với đế quốc Mỹ. Chúng phải đảo lộn cả thế bố trí chiến lược. Hai sư đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ đưa sang để làm nhiệm vụ “bình định” đồng

bằng sông Cửu Long lại phải đưa ra vùng rừng núi; như vậy là muốn tập trung lực lượng tiến công ta ở Nam Bộ nhưng chúng lại phải phân tán phòng ngự đối phó với lực lượng chủ lực miền Bắc của ta. Phong trào chiến tranh du kích ở Trị - Thiên cũng lên mạnh, làm cho địch vốn đã bị động lại càng lúng túng bị động hơn.

Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1966, ở mặt trận này, lực lượng vũ trang ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 8.700 tên địch (có 3.000 tên Mỹ), giải phóng 40 thôn xã và 40 vạn dân, đánh bại nhiều cuộc càn quét của địch, lớn nhất là cuộc hành quân Hát-tinh vào Cam Lộ với 10.000 quân Mỹ - ngụy (từ 15 đến 26 tháng 7 năm 1966) và cuộc hành quân Po-re-ri vào tây Do Linh của 7 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ (từ 15 đến 20 tháng 9 năm 1966). Trong hai cuộc hành quân này, địch bị ta diệt gần 3.000 tên.

Việc mở Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị là một chủ trương rất đúng, một thắng lợi chiến lược của Đảng, là một đóng góp mới của miền Bắc vào việc đẩy mạnh thế tiến công của ta, làm đảo lộn thế chiến lược của địch trên chiến trường miền Nam, có tác động ngăn chặn âm mưu của đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh trên mặt đất ra Bắc, nói rõ ý chí sắt đá của quân và dân ta quyết tâm chiến đấu giành thắng lợi cuối cùng.

Tháng 7-1966 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh động viên cục bộ và ra lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ, cứu nước. Trước tình hình đế quốc Mỹ liều lĩnh ngoan cố mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam và tiến hành những bước leo thang mới hết sức nghiêm trọng mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, ném bom bắn phá Thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng, trước sự mất còn của Tổ quốc và để thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đầu tháng 7 năm 1966, Hội đồng quốc phòng tối cao nước ta đã họp dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh; tiếp đó, căn cứ vào quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố lệnh động viên cục bộ, “động viên một bộ phận sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị và một bộ phận công dân thuộc ngạch dự bị nhưng chưa phục vụ tại ngũ” để tăng cường lực lượng quốc phòng, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính nghĩa, cứu nước vĩ đại của nhân dân.

Ngày 17 tháng 7 năm 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ, cứu nước, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Người chỉ rõ: “Giôn-xơn và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam, chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được ý chí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5

năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn... Vì độc lập của Tổ quốc, vì nghĩa vụ đối với các dân tộc đang chống đế quốc Mỹ, toàn quân và toàn dân ta đoàn kết một lòng, không sợ hy sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn...”.

Lệnh động viên cục bộ của Nhà nước và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ý chí gang thép của nhân dân cả nước ta tập trung toàn lực quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà, vì độc lập và tự do của dân tộc.

“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, lời nói lịch sử ấy là chân lý sáng ngời có sức động viên mạnh mẽ quân và dân cả hai miền Nam - Bắc sôi sục lòng yêu nước, dũng khí cách mạng và chí căm thù quân địch, giục giã mọi người xông lên tiến công giặc Mỹ xâm lược. Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp cổ vũ nhân dân ta đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ hai, cuộc phản công lớn nhất của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam nước ta.

Từ tháng 10 đến 11-1966: Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định sáu phương thức tác chiến chiến lược trong chiến tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược. Thực hiện tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tháng 2 năm 1966, Quân ủy Trung ương đã đề ra sáu phương thức tác chiến chiến lược và đem thử nghiệm trên các chiến trường ở miền Nam trong mùa hè - thu 1966; đến tháng 10 và 11 năm 1966, sáu phương thức đó đã được Bộ Chính trị Trung ương Đảng chính thức thông qua.

Nội dung của sáu phương thức tác chiến chiến lược đó là:

1. Đẩy mạnh hoạt động tác chiến của bộ đội tập trung, mở những chiến dịch vừa và lớn, tiến tới đánh những trận có tác động chiến lược nhằm tranh thủ ưu thế quân sự trên một số hướng, tiêu diệt gọn tiểu đoàn, lữ đoàn Mỹ, tiêu diệt gọn chiến đoàn ngụy. Những chiến dịch có thể diễn ra dưới hình thức tiến công hoặc chủ động phản công địch.

2. Đẩy mạnh chiến tranh du kích đến trình độ cao, tiêu diệt từng bộ phận nhỏ sinh lực địch, tiêu hao và phân tán địch, đập tan các cuộc càn quét, đánh bại âm mưu “bình định”, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, uy hiếp các đô thị, các căn cứ quan trọng của địch.

3. Đánh phá các căn cứ hậu cần, kho tàng, sân bay, hải cảng, cơ quan đầu não của địch.

4. Triệt phá các đường giao thông thủy bộ quan trọng của địch, tạo ra thế chia cắt, bao vây địch, buộc chúng phải đi vào phòng ngự trên từng khu vực, từng chiến trường, từng thành phố, làm giảm khả năng chi viện lẫn nhau của chúng.

5. Đẩy mạnh hoạt động quân sự ở các đô thị, từ hình thức tác chiến nhỏ kết hợp với đấu tranh chính trị đến tác chiến lớn kết hợp tiến công và khởi nghĩa.

6. Tác chiến kết hợp với binh biến, triển khai công tác binh vận, nguy vận, nhất là nguy vận trên quy mô có tính chất chiến lược, tạo điều kiện làm tan rã, ly khai, gây binh biến.

Sáu phương thức tác chiến chiến lược là nội dung của chiến lược tiến công, là biểu hiện của sự tích cực, chủ động, kiên quyết và liên tục tiến công tiêu diệt quân địch, giữ vững và mở rộng thế làm chủ ở mọi nơi, mọi lúc, bằng các lực lượng và hình thức tác chiến thích hợp. Các phương thức đó phối hợp với nhau trong quy mô chiến lược trên toàn miền và trên từng chiến trường của cuộc chiến tranh giải phóng để đạt các mục tiêu chiến lược, tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Từ ngày 23 đến 26-1-1967: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 13 và ra Nghị quyết về đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao. Trước những thất bại liên tiếp của kẻ địch, Đảng ta chủ trương: đồng thời với các mũi tiến công quân sự và chính trị, cần mở thêm mặt trận tiến công ngoại giao, nhằm tố cáo mạnh mẽ hơn nữa những tội ác dã man của bọn xâm lược Mỹ, vạch trần thủ đoạn hòa bình bịp bợm của chúng, đề cao chính nghĩa, thế tất thắng và lập trường hợp tình hợp lý của ta (4 điểm của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và 5 điểm của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam), tranh thủ sự đồng tình, giúp đỡ mạnh mẽ hơn nữa của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, của nhân dân yêu chuộng hòa bình công lý trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ.

Tháng 1 năm 1967, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp chuyên bàn về vấn đề này.

Hội nghị nhận định rằng: thực hiện các Nghị quyết của Trung ương lần thứ 11, 12, quân và dân cả nước đã *giành được những thắng lợi to lớn về mọi mặt*. Trên mặt trận quốc tế, phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới chống chiến tranh xâm lược của Mỹ và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta ngày càng rộng rãi và mạnh mẽ. Cuộc đấu tranh ngoại giao của ta đã đạt được những kết quả bước đầu.

Chủ trương của Đảng ta là: *“Trên cơ sở nắm vững phương châm đánh lâu dài, cần phải động viên và tập trung lực lượng của cả nước, cố gắng cao độ,*

đập tan âm mưu của địch, giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn, đồng thời tích cực chuẩn bị sẵn sàng đánh thắng địch trong trường hợp chiến tranh kéo dài hoặc mở rộng ra cả nước”.

Để thực hiện quyết tâm chiến lược của ta, trên cơ sở tiếp tục phát huy những thắng lợi đã giành được, chúng ta phải ra sức đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam, đồng thời ta cần *tiến công địch về ngoại giao*, phối hợp hai mặt đấu tranh đó để giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta hiện nay, *đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường, tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường mà trong tình hình quốc tế hiện nay, với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động.*

Chúng ta tiến công địch về ngoại giao bây giờ là đúng lúc vì ta đã và đang thắng địch, thế của ta là thế mạnh.

Nghị quyết cũng vạch ra phương châm của đấu tranh ngoại giao là phát huy thế mạnh, thế thắng của ta, chủ động tiến công địch, giữ vững tính độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các nước anh em khác. Trên cơ sở kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, cần vận động sách lược ngoại giao một cách linh hoạt khôn khéo.

Trước mắt, chúng ta cần tập trung vào khẩu hiệu đòi Mỹ phải chấm dứt không điều kiện và vĩnh viễn việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thì ta mới có thể bắt đầu nói chuyện chính thức với Mỹ được.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 13, một lần nữa, biểu hiện sự lãnh đạo tài giỏi, sáng suốt, toàn diện của Đảng ta. Nghị quyết ra đời rất kịp thời đã vạch rõ ý nghĩa, mục đích, nhiệm vụ, phương châm, sách lược của đấu tranh ngoại giao một cách chính xác làm kim chỉ nam cho mọi hành động ngoại giao. Kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao có tác dụng khoét sâu mâu thuẫn giữa Mỹ và các nước đế quốc khác, phân hóa nội bộ bọn cầm quyền Mỹ, làm cho tinh thần binh lính Mỹ - ngụy và chư hầu thêm hoang mang rời rã, tranh thủ hơn nữa dư luận thế giới ủng hộ những mục tiêu phấn đấu của ta, vạch mặt ngoan cố của đế quốc Mỹ, góp phần thúc đẩy việc triệu tập Hội nghị Pa-ri về Việt Nam và thắng lợi sau này của hội nghị.

Ngày 19-3-1967: Binh chủng đặc công lấy ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh tới thăm làm ngày truyền thống. Quán triệt đường lối quân sự của Đảng, kế thừa và phát triển cách đánh dũng cảm, mưu trí của ta, từ những tổ, đội đặc công độc lập ra đời trong kháng chiến chống Pháp, bộ đội đặc công đã trưởng thành nhanh chóng và lập công xuất sắc ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đảng ta đề ra sáu phương thức tác chiến chiến lược đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, bộ đội đặc công được xác định chính thức là một binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngày 19 tháng 3 năm 1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm binh chủng đặc công. Người xem một đơn vị tập chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu và đã có những chỉ thị rất cơ bản về xây dựng và chiến đấu của binh chủng. Từ đó, ngày 19 tháng 3 năm 1967 được coi là ngày truyền thống của binh chủng đặc công.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bộ đội đặc công đã lớn mạnh vượt bậc, hoạt động trên khắp các chiến trường và trở thành một binh chủng đặc biệt tinh nhuệ có cách đánh rất dũng cảm, sáng tạo, mưu trí, độc đáo; lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng, đưa nghệ thuật đặc công phát triển đến một trình độ rất cao trong nghệ thuật quân sự của quân đội ta, dân tộc ta.

Bộ đội đặc công đã tham gia diệt ác trừ gian, đánh phá địch "bình định", bảo vệ các cơ sở chính trị và vũ trang ở địa phương, hỗ trợ đắc lực cho phong trào chiến tranh du kích và đấu tranh chính trị của quần chúng; đánh phá các cơ quan đầu não, căn cứ quân sự, kho tàng, sân bay, bến cảng, đường giao thông huyết mạch, v.v. diệt những sinh lực quan trọng của địch; tham gia các chiến dịch tiến công, phản công của bộ đội chủ lực, có lúc là những mũi tiến công sắc nhọn trong đội hình chiến đấu hiệp đồng binh chủng, có lúc tiến hành những chiến dịch độc lập, lập nên nhiều chiến công oanh liệt.

Bộ đội đặc công đã đánh hàng vạn trận lớn nhỏ, diệt hơn 3 vạn tên địch (có hàng vạn tên Mỹ, chư hầu, giặc lái và nhân viên kỹ thuật), diệt 9 sở chỉ huy sư đoàn, 17 sở chỉ huy lữ đoàn và trung đoàn, diệt gọn 10 tiểu đoàn và 100 đại đội địch; phá hủy hơn 6.000 máy bay các loại, 1.600 khẩu pháo, 30 giàn tên lửa, gần 9.000 xe quân sự (có 1.300 xe tăng, xe bọc thép), 2 triệu 70 vạn tấn bom đạn, đốt cháy hơn 600 triệu lít xăng, đánh chìm, đánh hỏng gần 400 tàu, xuống chiến đấu, phá sập hơn 100 ngôi nhà từ 3 đến 7 tầng của bọn sĩ quan Mỹ - ngụy, chư hầu và hàng trăm cầu cống.

Mùa Xuân 1968, phối hợp chặt chẽ với quân và dân ta ở miền Nam, bộ đội đặc công đã bất ngờ tập kích đồng loạt vào 64 thành phố và thị xã lớn ở miền Nam, cùng các đơn vị bạn và nhân dân làm chủ dài ngày thành phố

Huế, đánh chiếm hàng chục mục tiêu chiến lược quan trọng nhất ở Sài Gòn như tòa đại sứ Mỹ, dinh “Độc Lập”, bộ tổng tham mưu ngụy, đài phát thanh, v.v. góp phần cùng toàn quân và toàn dân giáng một đòn quyết định vào chiến lược “chiến tranh cục bộ”, làm đảo lộn thế chiến lược của Mỹ - ngụy.

Từ năm 1969 đến năm 1974, bộ đội đặc công đã khắc phục rất nhiều khó khăn, kiên cường bám trụ trên các chiến trường, đặc biệt là ở các thành phố, thị xã lớn, xây dựng cơ sở ở nội thành và vùng ven, tiến công nhiều sở chỉ huy trung đoàn, sư đoàn địch, các căn cứ kho tàng, sân bay, chi khu, quận lỵ, góp phần cùng toàn quân và toàn dân đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ và trừng trị đích đáng những hành động phá hoại Hiệp định Pa-ri của địch.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đại thắng mùa Xuân 1975, tất cả các lực lượng đặc công chủ lực, địa phương, hậu cứ, biệt động, đặc công nước đều tham gia chiến đấu từ những phút đầu cho đến khi toàn thắng, tham gia các trận chiến đấu lớn của bộ đội chủ lực, đánh chiếm nhiều cầu quan trọng, nhiều căn cứ bàn đạp, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, hỗ trợ cho các mũi đột kích thần tốc và mạnh mẽ của các binh đoàn thọc sâu tiêu diệt ở các thành phố, thị xã, giải phóng Sài Gòn và phối hợp với hải quân và bộ binh giải phóng một số hải đảo của Tổ quốc.

Trải qua chiến đấu và xây dựng, bộ đội đặc công đã nêu cao truyền thống vẻ vang của binh chủng đặc biệt tinh nhuệ “Anh dũng tuyệt vời, mưu trí táo bạo, đánh hiểm thắng lớn”.

Binh chủng đặc công đã được Quốc hội và Chính phủ tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 3 tháng 6 năm 1976. Trong binh chủng có 42 đơn vị, 58 cán bộ và chiến sĩ được tặng danh hiệu vẻ vang “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Từ tháng 10-1966 đến 4-1967: Chiến thắng Đông - Xuân 1966-1967, bẻ gãy cuộc phản công chiến lược lần thứ hai của địch. Sau khi bị thất bại nặng nề trong mùa khô 1965-1966, và liên tiếp bị thua đau ở cả hai miền nước ta trong mùa mưa 1966, đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố và chủ quan, vẫn hy vọng vào một giải pháp quân sự trên chiến trường. Vì vậy, bước vào mùa khô 1966-1967, sau khi tăng thêm quân, đẩy mạnh đánh phá miền Bắc, chúng đã tiếp tục mở cuộc phản công chiến lược mới lớn hơn. Mục tiêu chiến lược của cuộc phản công này về cơ bản vẫn giống như những mục tiêu của cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất, nhưng phương thức, thủ đoạn tiến hành và quy mô sử dụng lực lượng thì có những điểm mới hơn. Lần này, Mỹ có tham vọng lớn là cố giành những thắng lợi “tìm diệt” và “bình định” quan trọng để tạo nên một bước ngoặt, hòng tiến tới giành thắng lợi quyết định trong một thời gian ngắn.

Mùa Đông - Xuân 1966-1967 này, Mỹ - ngụy đã có một lực lượng rất lớn gồm 983.000 tên (389.000 Mỹ và 52.000 chư hầu), có 19 sư đoàn, 9 trung đoàn và 20 tiểu đoàn (6 sư đoàn, 3 trung đoàn Mỹ và 2 sư đoàn, 2 trung đoàn chư hầu), 3.702 máy bay, 2.676 xe tăng, xe thiết giáp, 1.805 khẩu pháo.

Trong cuộc phản công lần thứ hai này, địch đã mở 895 cuộc hành quân lớn nhỏ (31% đánh vào căn cứ để diệt chủ lực; 41% càn quét phục vụ "bình định"; 25% đối phó giải tỏa và phòng ngự) tập trung có trọng điểm trên một hướng là miền Đông Nam Bộ với 3 trận then chốt:

Cuộc hành quân Át-tơn-bo-rơ đánh vào chiến khu Dương Minh Châu từ đầu tháng 11 năm 1966 đến 24 tháng 11 năm 1966 với quy mô 3 lữ đoàn.

Cuộc hành quân Xê-đa-phôn đánh vào khu tam giác sắt Trảng Bàng - Bến Súc - Củ Chi từ 8 tháng 1 đến 26 tháng 1 năm 1967 với lực lượng 3 lữ đoàn Mỹ, 3 chiến đoàn ngụy (18 tiểu đoàn).

Cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ty, cuộc hành quân lớn nhất trên một hướng trong toàn cuộc chiến tranh, đánh vào chiến khu Dương Minh Châu từ tháng 2 năm 1967, đến 19 tháng 4 năm 1967, với lực lượng 7 lữ đoàn Mỹ và 2 chiến đoàn ngụy (26 tiểu đoàn) nhằm diệt cơ quan đầu não của ta, diệt chủ lực, phá kho tàng dự trữ, lấn chiếm chia cắt và triệt phá căn cứ, phong tỏa biên giới.

Trên đà thắng lợi trong mùa khô và mùa mưa trước, nắm vững quyền chủ động của mình, với cố gắng vượt bậc, quân và dân ta ở miền Nam đã liên tiếp tiến công địch khắp mọi nơi.

Mở đầu mùa khô, ở đồng bằng Cửu Long, ngày 18 tháng 10 năm 1966, ta tiến công Gò Quao (Rạch Giá); ngày 15 tháng 1 năm 1967, đập tan cuộc hành quân Đếch-hao 5 của Mỹ - ngụy ở Thạnh Phú (Bến Tre); ở Tây Nguyên, ta mở chiến dịch Sa Thầy 1 (18 tháng 10 đến 6 tháng 12 năm 1966) sau đó liên tiếp đánh địch khắp ba tỉnh nhưng vẫn tập trung chủ yếu quanh vùng sông Sa Thầy; Liên khu 5 mở chiến dịch tiến công mùa xuân ở bắc Quảng Ngãi từ 28 tháng 1 đến 14 tháng 3 năm 1967 và nhiều đợt hoạt động khác; ở Trị - Thiên, ngày 9 tháng 12 năm 1966, bộ đội ta tiêu diệt cứ điểm An Lỗ (Thừa Thiên) sau đó liên tiếp đánh địch ở An Cựu, Gio Linh, La Vang, Từ Hạ. Ngày 20 tháng 3 năm 1967, lần đầu tiên ta dùng pháo lớn từ Vĩnh Linh bắn phá dữ dội vào các căn cứ Mỹ ở Cồn Tiên, Dốc Miếu, diệt nhiều giặc Mỹ, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

Trong khi đó, trên hướng trọng điểm phản công của Mỹ, ba cuộc hành quân lớn của chúng đều lần lượt bị bẻ gãy, kể cả cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ty là lần dốc sức lớn nhất của quân đội Mỹ trong cuộc phản công chiến lược này. Trên một chiến trường chỉ rộng 400 km², chúng đã tập trung một

lực lượng 4 - 5 vạn quân với nhiều máy bay, đại bác, xe bọc thép, mong giành thắng lợi quyết định. Nhưng chúng lại bị thua to nhất (gần 14.000 tên địch, phần lớn là Mỹ bị diệt, 167 máy bay bị bắn rơi và bị phá hủy, hơn 1.000 xe quân sự có hơn 800 xe tăng và xe thiết giáp, 90 đại bác bị phá hủy).

Cùng với việc đánh địch ở vòng ngoài, lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam còn liên tiếp tiến công các hậu cứ, các cơ quan đầu não của địch, như đánh phá kho Long Bình, bắn pháo vào cuộc diễu binh của Mỹ - ngụy ở giữa Sài Gòn, tiến công các căn cứ của địch ở Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, tập kích các sân bay Tân Sơn Nhất, Plây Cu, Đà Nẵng.

Kết quả: trong mùa khô 1966-1967, trên toàn miền Nam ta đã loại khỏi chiến đấu 151.000 tên (có 68.200 Mỹ + 5.540 chư hầu), tiêu diệt 22 tiểu đoàn bộ binh (9 tiểu đoàn Mỹ + 1 tiểu đoàn Nam Triều Tiên), 4 tiểu đoàn pháo Mỹ, 12 tiểu đoàn cơ giới (10 tiểu đoàn Mỹ), 187 đại đội lẻ (59 đại đội Mỹ + 7 đại đội Nam Triều Tiên); phá hủy 1.627 xe tăng, xe thiết giáp, 2.107 ô tô, 308 pháo, bắn rơi và phá hủy 1.213 máy bay, bắn chìm bắn cháy 42 tàu xuồng.

Hành quân "tìm diệt" của Mỹ - ngụy đã thất bại, nên nhiệm vụ "bình định" mà chúng đề ra cũng chẳng có kết quả gì, mặc dầu chúng tung vào mặt trận này 90% quân ngụy, nhiều đơn vị quân Mỹ và chư hầu, hàng vạn tên tay sai ác ôn được huấn luyện đặc biệt với hàng triệu đô la, hàng trăm tấn bom đạn.

Thất bại của đế quốc Mỹ trong mùa đông - xuân này là thất bại toàn diện, cả về quân sự và chính trị. Sự thất bại không chỉ biểu hiện trong những thiệt hại to lớn của chúng trên chiến trường mà điều quan trọng là sự phá sản hoàn toàn của các mục tiêu "tìm diệt" và "bình định" mà chúng đề ra cho cuộc phản công chiến lược lớn nhất này.

Thắng lợi Đông - Xuân 1966-1967 của ta là thắng lợi có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nó biểu hiện quyết tâm cách mạng sắt đá và khả năng to lớn của quân và dân hai miền Nam - Bắc quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Thắng lợi đó là kết quả của đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn, khoa học của Đảng ta. Nó đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của chiến sĩ và đồng bào ta, và chứng tỏ rằng ta nhất định đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, dù chúng tăng quân viễn chinh Mỹ lên bao nhiêu đi nữa. Chiến thắng mùa khô 1966-1967 đã thực sự mở ra triển vọng to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Từ ngày 2 đến 13-5 và 20-11 đến 1-12-1967: Tòa án quốc tế Béc-tơ-răng Rút-xen xét xử tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ. Năm 1966, khi đế quốc

Mỹ gây ra ở Việt Nam những tội ác hết sức dã man, theo sáng kiến của nhà bác học người Anh Béc-tơ-răng Rút-xen, một tòa án quốc tế xét xử các tội ác chiến tranh của Mỹ để góp phần chặn bàn tay đẫm máu của Mỹ, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam được thành lập ngày 15 tháng 11 năm 1966 ở Luân Đôn.

Sau khi đã cử bốn đoàn của tòa án tới điều tra trực tiếp ở hai miền Nam - Bắc Việt Nam, tập hợp những nhân chứng, tài liệu, tòa án quốc tế Béc-tơ-răng Rút-xen đã họp kỳ đầu tiên tại Xtóc-khôm, thủ đô Thụy Điển từ 2 đến 13 tháng 5 năm 1967, gồm 300 nhân vật thuộc nhiều nước trên thế giới tham dự.

Tòa án nhất trí kết luận chính phủ Mỹ đã phạm tội ác xâm lược chống nước Việt Nam, các chính phủ Úc, Tân Tây Lan, Nam Triều Tiên là đồng lõa. Chính phủ Mỹ đã phạm tội ác chiến tranh, ném bom ác liệt và có hệ thống vào dân thường và các mục tiêu dân sự trên lãnh thổ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Trong phiên họp thứ hai từ 20 tháng 11 đến 1 tháng 12 năm 1967 ở Cô-pen-ha-gơ, thủ đô Đan Mạch, tòa đã kết luận: Mỹ muốn dùng những hoạt động diệt chủng ở Việt Nam không những để uy hiếp nhân dân Việt Nam mà còn để đe dọa nhân dân thế giới. Chủ trương và hành động diệt chủng của Mỹ không chỉ đánh vào nhân dân Việt Nam mà còn đánh vào cả loài người. Mỹ đã chủ tâm dùng các loại vũ khí man rợ nhất từng bị pháp luật quốc tế ngăn cấm, tàn sát trẻ em, phụ nữ và dân thường ở Việt Nam. Mỹ đã tiến hành xâm lược Lào dưới hình thức một cuộc chiến tranh thuộc địa kiểu mới và còn có dã tâm xâm lược Cam-pu-chia bằng cách thường xuyên vu cáo, khiêu khích và đe dọa.

Tòa án Béc-tơ-răng Rút-xen không đề ra những hình phạt để thi hành, vì nó không đại diện cho một nhà nước nào, nhưng kết luận của nó là một bản án, một lời kết tội về chính trị, về tinh thần, có ảnh hưởng sâu sắc trên phạm vi thế giới, góp phần làm thức tỉnh lương tri của nhân dân thế giới, đặc biệt là nhân dân Mỹ nhằm đẩy mạnh cuộc đấu tranh của người Mỹ chống tội ác xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam.

Thắng lợi của hai phiên tòa là một bằng chứng về sự cô lập của bè lũ đế quốc Mỹ. Đây là lần đầu tiên cuộc chiến tranh xâm lược cũng như mọi tội ác mà đế quốc Mỹ gây ra đã bị một tập thể đông đảo các luật gia, sử gia, các nhà bác học, nhà báo có tiếng thuộc nhiều nước, kể cả nước Mỹ, nghiêm khắc lên án một cách toàn diện và có hệ thống, có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với dư luận thế giới, nhất là dư luận các nước phương Tây.

Tháng 6-1967: Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đặt cơ quan đại diện thường trực tại Phnôm Pênh. Nước Cộng hòa Cu Ba cử đại sứ

bên cạnh Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngày 22 tháng 6 năm 1967, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã thiết lập cơ quan đại diện thường trực của Mặt trận tại Phnôm Pênh.

Liên sau đó, ngày 30 tháng 6 năm 1967, Chính phủ Cu Ba đã có hành động hết sức đặc biệt là thỏa thuận với chúng ta thành lập cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa Cu Ba do đồng chí Ra-un Van-đét Vi-vô làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền, bên cạnh Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Cho đến cuối năm 1967, đã có 41 chính phủ, 12 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức có tính chất khu vực lên tiếng ủng hộ cương lĩnh chính trị của Mặt trận, Mặt trận đã có một phái đoàn đại diện ở Hà Nội, có cơ quan thường trú ở các nước: Liên Xô, Cu Ba, Hung-ga-ri, Cộng hòa nhân dân Triều Tiên, Ba Lan, Tiệp Khắc, Trung Quốc, Cam-pu-chia, Cộng hòa A Rập thống nhất (Ai Cập), An-giê-ri, In-đô-nê-xi-a.

Những thắng lợi trên đây về ngoại giao chứng tỏ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta đã được đông đảo nhân dân tiến bộ trên thế giới đồng tình và ủng hộ. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày càng được bạn bè khắp năm châu công nhận là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân ta ở miền Nam. Mỹ - ngụy càng thêm bị cô lập.

Ngày 1-9-1967: Đại hội bất thường của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thông qua cương lĩnh chính trị của Mặt trận. Sau thắng lợi của hơn 7 năm hoạt động theo chương trình 10 điểm công bố ngày 20 tháng 12 năm 1960, trước triển vọng chiến thắng ngày càng vững chắc, theo chủ trương của Đảng, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã họp đại hội bất thường, thông qua cương lĩnh chính trị của Mặt trận, nhằm mở rộng hơn nữa khối đoàn kết dân tộc, động viên 14 triệu đồng bào miền Nam thừa thắng xông lên, quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và cũng nhằm công bố với nhân dân thế giới về toàn bộ đường lối chính sách của Mặt trận.

Nội dung chủ yếu của bản cương lĩnh gồm 4 phần:

1. Toàn dân đoàn kết, chống Mỹ, cứu nước.
2. Xây dựng miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và phần vinh.
3. Lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước Việt Nam.
4. Thi hành chính sách ngoại giao hòa bình, trung lập.

Đại hội còn đề ra 14 chính sách lớn, thể hiện đầy đủ và triệt để những nhiệm vụ lịch sử của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

Khi giới thiệu những vấn đề cơ bản của cương lĩnh, Đoàn chủ tịch của đại hội đã nhấn mạnh rằng con đường trước mắt duy nhất đúng của nhân dân miền Nam để thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập và phồn vinh tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc là tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến thần thánh chống Mỹ, cứu nước cho đến khi không còn bóng dáng quân xâm lược Mỹ trên dải đất miền Nam Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Tháng 12-1967: Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết chuyển cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định. Được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 1 năm 1968 phê chuẩn thành Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 14.

Tháng 6 năm 1967, Trung ương Đảng đã họp đánh giá thắng lợi to lớn của nhân dân ta đánh bại một bước rất cơ bản của cuộc chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ. Địch bị lúng túng cả về quân sự lẫn chính trị, khả năng tăng quân Mỹ hơn nữa gặp nhiều khó khăn nên không có nhiều. Về ta, cả về thế và lực đã có nhiều tiến bộ. Vì vậy, nhân lúc đế quốc Mỹ đang đứng trước thế tiến lui đều khó, nhân lúc nước Mỹ bầu tổng thống, cần chuẩn bị đánh cho địch một đòn quyết định, giành thắng lợi to lớn, tạo nên sự chuyển biến nhảy vọt, buộc Mỹ phải thua về quân sự.

Theo tinh thần đó của Trung ương, tháng 12 năm 1967, Bộ Chính trị đã họp và ra Nghị quyết lịch sử “Chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam của ta sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định”.

Về tình hình và nhiệm vụ trước mắt, Bộ Chính trị phân tích *“Chúng ta đứng trước những triển vọng và thời cơ chiến lược lớn, đế quốc Mỹ đang ở trong tình thế tiến thoái lưỡng nan về chiến lược. Rõ ràng, so với mục đích chính trị và quân sự nhất định của chúng ở miền Nam thì những cố gắng chiến tranh của Mỹ (cùng với những thiệt hại nặng nề của chúng) ở Việt Nam đã tới đỉnh cao”*.

Sau khi điểm lại âm mưu cơ bản và những thất bại liên tiếp của địch, Bộ Chính trị nhận định: *“Do những thất bại có tính chất chiến lược của Mỹ ở miền Nam và do những thắng lợi to lớn của ta trong Đông - Xuân này, địch khó có khả năng mở cuộc phản công lần thứ ba. Xu thế của tình hình trong cả năm 1968 là chúng sẽ càng chuyển vào phòng ngự một cách bị động hơn trước”*.

Về phía ta, Bộ Chính trị nhận định: chúng ta đã thắng địch cả về chiến lược và chiến thuật, lực lượng quân sự và chính trị của ta ở miền Nam đã lớn mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào, ta đang nắm quyền chủ động trên khắp chiến trường; nhưng ta cũng có một số nhược điểm về đánh tiêu diệt lớn, công tác đô thị, bảo đảm vật chất trang bị, công tác binh vận...

Bộ Chính trị kết luận: “Diễn biến cơ bản của tình hình là ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi, địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn. Tình hình cũng cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của ta sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định”.

Từ sự phân tích và nhận định trên đây, Bộ Chính trị đề ra: “*Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, bằng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định*” nhằm đạt tới những mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Do ta tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa trong điều kiện địch còn trên một triệu quân và có tiềm lực chiến tranh lớn, cho nên việc tiến công của các lực lượng quân sự trên các chiến trường chính và việc nổi dậy của nhân dân ở các đô thị lớn là hai mũi tiến công chính kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ lẫn nhau và thúc đẩy toàn cuộc tổng công kích và tổng khởi nghĩa khắp cả ba vùng đô thị, nông thôn đồng bằng và rừng núi.

Bộ Chính trị dự kiến ba khả năng phát triển của tình hình: một là ta giành thắng lợi lớn ở các chiến trường quan trọng, công kích và khởi nghĩa thành công ở các đô thị lớn, ý chí xâm lược của địch bị đè bẹp, bắt chúng phải chịu thương lượng đi đến kết thúc chiến tranh theo mục đích yêu cầu của ta; hai là tuy ta giành được thắng lợi lớn ở nhiều nơi nhưng địch vẫn còn nhiều lực lượng dựa vào các căn cứ lớn để tiếp tục chiến đấu với ta; ba là Mỹ tăng thêm nhiều lực lượng, mở rộng chiến tranh. Chúng ta phải nỗ lực phi thường giành được thắng lợi cao nhất theo khả năng 1, nhưng cũng sẵn sàng đối phó với khả năng 2; khả năng 3 tuy có rất ít nhưng cũng phải luôn luôn chủ động đề phòng.

Bộ Chính trị kêu gọi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả hai miền biến quyết tâm chiến lược của Đảng giành thắng lợi quyết định trên chiến trường thành hành động cách mạng. *Miền Bắc phải nâng cao hơn nữa ý chí quyết chiến, quyết thắng vì mục tiêu đánh thắng giặc Mỹ xâm lược mà dốc toàn lực ra phục vụ tiền tuyến lớn, bảo vệ và tăng cường hậu phương lớn, quyết tâm giành thắng lợi quyết định trên chiến trường chính.*

Trong lúc đế quốc Mỹ đưa cuộc chiến tranh cục bộ đến trình độ cao với hơn 1 triệu quân, trong đó có hơn 50 vạn quân viễn chinh Mỹ, Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 12 năm 1967 đã đánh giá tình hình hết sức đúng đắn, phân tích thời cơ rất khoa học, đề ra biện pháp, hình thức tiến công rất sáng tạo để giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, đưa cách mạng miền Nam chuyển sang một giai đoạn mới.

Tháng 1-1968: Quân và dân Lào mở chiến dịch giải phóng Nậm Bạc (Thượng Lào). Nậm Bạc là một huyện đã được giải phóng của Pa-thét Lào, thuộc tỉnh Luông Pha Băng và là một địa bàn chiến lược quan trọng trên chiến trường tây bắc Thượng Lào. Do đó, nó trở thành nơi tranh chấp quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng ở Lào trong nhiều năm.

Tháng 7 năm 1966, địch dùng một bộ phận chủ lực 6 tiểu đoàn gồm GM.11 và ba BV.12, 15, 36 lấn chiếm vùng Nậm Bạc với âm mưu biến khu vực này thành một căn cứ lâu dài, nối liền và che chở Luông Pha Băng, vơ vét sức người sức của tại chỗ, phục hồi và phát triển thổ phỉ, thu hẹp vùng giải phóng tây bắc Thượng Lào, uy hiếp hậu phương vùng Tây Bắc nước ta.

Từ tháng 7 năm 1966 tới tháng 7 năm 1967, bộ đội Pa-thét Lào phối hợp với bộ đội tình nguyện Việt Nam đã đánh cho địch bị thiệt hại nặng nề, tiêu diệt hầu hết địch ở những nơi chúng lấn chiếm; địch ở Nậm Bạc lâm vào thế bị bao vây cô lập.

Tháng 8 năm 1967, với ý đồ ngoan cố chiếm bằng được Nậm Bạc, bọn cầm đầu phản động Lào đã tăng cường cho Nậm Bạc thêm 2 GM.12 và 15, mong chiếm lại các vùng đã mất, xoay chuyển lại tình thế. Nhưng các cuộc tiến công của địch đều bị đánh bại.

Tới tháng 12 năm 1967, lực lượng địch ở Nậm Bạc đã có 3 GM.11, 12, 15 và 1 tiểu đoàn thuộc GM.25, 1 tiểu đoàn pháo binh, đóng thành 3 cụm cứ điểm tương đối xa nhau và bị chia cắt.

Các đồng chí lãnh đạo Lào và ta thấy rằng: địch mang một lực lượng chủ lực tương đối lớn ra Nậm Bạc là một thời cơ rất có lợi cho chúng ta tiêu diệt. Các đồng chí Lào và ta chủ trương cùng phối hợp lực lượng mở chiến dịch Nậm Bạc, tiêu diệt quân địch ở vùng này, giải phóng toàn bộ khu vực Nậm Bạc để phá tan âm mưu địch, khôi phục củng cố vùng giải phóng tây bắc Thượng Lào, bảo vệ hậu phương Tây Bắc nước ta, làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng, tạo nên một cục diện chính trị và quân sự thuận lợi cho cách mạng Lào, tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa.

Sau gần một tháng hành quân tiếp cận bao vây địch, ngày 12 tháng 1, các lực lượng vũ trang Lào - Việt nổ súng tiến công đồng loạt các cụm cứ điểm của địch ở Nậm Bạc. Tới 15 tháng 1, phần lớn quân địch đã bị tiêu diệt, số còn lại là rút chạy tán loạn. Bộ đội Lào và ta chuyển sang lùng quét địch. Đến 27 tháng 1, chiến dịch kết thúc thắng lợi hoàn toàn.

Kết quả: địch bị loại khỏi chiến đấu 3.189 tên (chết 973, bị bắt 2.122, bị thương 94), trong đó có 84 sĩ quan và 375 hạ sĩ quan, bị tiêu diệt gọn 6 tiểu đoàn, tiêu hao nặng 5 tiểu đoàn. Bọn thu được 1.349 súng các loại, phá hủy 9 pháo 105 mm, sơn pháo 75, 2 xe ô tô, 12 máy bay, bắn rơi 1 T.28, 1 máy

bay lên thẳng, giải phóng khu vực Nậm Bạc có trên 1 vạn dân, quét sạch các ổ thổ phỉ, thu hồi toàn bộ vùng bị địch lấn chiếm từ giữa năm 1966.

Chiến thắng Nậm Bạc có ý nghĩa to lớn và toàn diện cả về quân sự và chính trị, đối với nhân dân Lào cũng như đối với ta. Chỉ trong một thời gian ngắn, kẻ địch bị mất 1/3 lực lượng cơ động chiến lược gồm nhiều binh đoàn với hầu hết sĩ quan, hạ sĩ quan, làm cho so sánh lực lượng thay đổi nhanh chóng có lợi cho cách mạng Lào; giải phóng một vùng chiến lược quan trọng; đánh dấu sự trưởng thành nhanh chóng của lực lượng vũ trang bạn và ta (nhất là quân chủ lực), cổ vũ mạnh mẽ và thắt chặt thêm tinh thần đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân hai nước Việt - Lào, phối hợp nhịp nhàng với cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt trên chiến trường miền Nam diễn ra chỉ mấy ngày sau đó.

Từ ngày 30-1 đến 31-3-1968: Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân. Chấp hành Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 12 năm 1967, các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã mở đầu đòn tiến công của bộ đội chủ lực trên hướng Đường 9 - Khe Sanh. Và, trong dịp Tết Mậu Thân, nhằm lúc địch sơ hở, quân và dân ta trong toàn miền Nam đã tổ chức một cuộc tập kích chiến lược quy mô lớn trên toàn Miền, đánh vào các thành phố, thị xã, kết hợp với nổi dậy đồng loạt của quần chúng nông thôn và đô thị giành thắng lợi chưa từng có.

Sau thất bại nặng nề trong cuộc phản công lần thứ hai, Mỹ - ngụy vẫn cố gắng tăng quân Mỹ lên 52,5 vạn và chủ trương mở cuộc phản công thứ ba trong mùa Đông - Xuân 1967-1968 vào miền Đông Nam Bộ. Ngày 8 tháng 12 năm 1967, sư đoàn 25 Mỹ bắt đầu mở cuộc hành quân "Hòn đá vàng" đánh vào Cà Tum, chiến khu C, mở đầu cuộc phản công chiến lược lần thứ ba. Nhưng phát hiện lực lượng ta di chuyển lớn vào các hướng quan trọng trên chiến trường miền Nam, nên chúng buộc phải hủy bỏ kế hoạch phản công, rút toàn bộ lực lượng về giữ quanh Sài Gòn và nam, bắc vùng 1.

Để thu hút và giữ chân phần lớn lực lượng địch ở hướng bắc Quảng Trị, ta nổ súng tiến công trước vào Khe Sanh và hầu hết các vị trí địch trên đường 9 trong đêm 20 rạng ngày 21 tháng 1.

Mỹ - ngụy biết ta sẽ tiến công lớn, nhưng không phán đoán nổi hướng tiến công, quy mô, hình thức lực lượng của ta, nên chúng chỉ biết ra lệnh báo động toàn Miền, hủy bỏ lệnh ngừng bắn trong dịp Tết, chứ chưa có sự chuẩn bị đối phó gì cụ thể.

Đêm 30 rạng ngày 31 tháng 1 năm 1968, các lực lượng vũ trang và nhân dân miền Nam đã tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt trên khắp các chiến trường miền Nam, đặc biệt là ở các thành thị lớn và trên các chiến trường chính với quy mô rất lớn:

- Tiến công và nổi dậy đồng loạt ở các thành thị, trong đó hầu hết các thành phố, thị xã lớn, làm chủ nhiều nơi trong nhiều ngày, nhiều giờ. Ở Huế, ta hoàn toàn làm chủ thành phố, tổ chức chính quyền cách mạng, chiếm giữ trong 25 ngày, tổ chức đánh hàng trăm trận phản kích của địch.

- Tiến công và đánh trúng rất nhiều cơ quan đầu não chỉ huy của địch như đại sứ quán Mỹ, dinh "Độc Lập", bộ tổng tham mưu ngụy, các bộ tư lệnh quân đoàn, quân binh chủng, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn Mỹ - ngụy và chư hầu, các tiểu khu, chi khu quân sự.

- Tiến công hàng loạt các căn cứ quân sự và tuyến phòng thủ của địch, bao gồm 45 sân bay trong đó có nhiều sân bay lớn như Tân Sơn Nhất, Biên Hòa, Đà Nẵng, Chu Lai, hàng loạt kho tàng, trong đó có nhiều tổng kho và kho lớn như Long Bình, Nhà Bè, Liên Chiểu, Đà Nẵng, Chu Lai, Phú Bài, Huế, Plây Cu, Buôn Ma Thuột, Quy Nhơn, Sóc Trăng, v.v. hàng loạt bến tàu, căn cứ hải quân địch.

- Tiến công hầu hết các hệ thống giao thông thủy bộ, làm tê liệt mọi hoạt động liên lạc, vận chuyển của địch.

Trên nhiều vùng nông thôn, có hoặc không có lực lượng vũ trang hỗ trợ, quần chúng đã mạnh mẽ nổi dậy đập tan bộ máy ngụy quyền và bộ máy kìm kẹp của địch, phá vỡ hàng loạt "ấp chiến lược", đập tan, bức rút nhiều hệ thống đồn bốt, giải phóng và giành quyền làm chủ, xây dựng chính quyền cách mạng, mở rộng và củng cố hậu phương ta.

Kết quả: chỉ trong vòng hai tháng đầu xuân Mậu Thân (chủ yếu là từ đêm 30 tháng 1 đến cuối tháng 2 năm 1968), ta đã diệt và làm tan rã từng mảng lớn quân ngụy, 147.000 tên bị diệt (có 43.000 tên Mỹ), số quân ngụy đào rã ngũ là 20 vạn, số đơn vị bị diệt và bị thiệt hại nặng có 31 tiểu đoàn, 1 thiết đoàn và 5 chi đoàn thiết giáp, 195 đại đội; hiệu lực chiến đấu của quân ngụy giảm sút nghiêm trọng. Sinh lực quân Mỹ cũng bị tổn thất nặng: 5 tiểu đoàn và 69 đại đội bị giết hoặc bị thiệt hại nặng.

Một khối lượng rất lớn phương tiện chiến tranh và vật chất bị phá hủy, nhiều khu kho, sân bay bị đánh: trên 200 kho xăng, gần 250 kho bom đạn, 66 sân bay bị đánh 160 lượt, 77 khu kho bị đánh 166 lượt, 2.370 máy bay bị bắn rơi hoặc bị phá hủy, 1.700 xe tăng và thiết giáp, hàng ngàn xe ô tô, 350 khẩu pháo, 230 tàu xuồng, 1.368.000 tấn vật tư chiến tranh bị mất hoặc bị phá hủy, chiếm 34% dự trữ chiến tranh của địch.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt đầu Xuân 1968 là bước phát triển tất yếu trong chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam. Nó có ý nghĩa hết sức quan trọng vì chỉ trong một thời gian ngắn, ta đã làm thay đổi hẳn thế trận, đưa chiến tranh vào tận sào huyệt cuối cùng của địch, làm

chuyển biến nhanh chóng so sánh lực lượng giữa ta và địch, rất có lợi cho ta, mở ra cục diện mới, tạo nên một thế chiến lược mới với những khả năng mới.

“Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt mùa xuân Tết Mậu Thân đã nhằm giáng một đòn vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Thắng lợi rất oanh liệt của đòn tiến công và nổi dậy táo bạo, bất ngờ đó đã đảo lộn thế chiến lược của địch, làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ”, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri” (Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ IV của Đảng).

Ngày 31-3-1968: Giôn-xơn phải tuyên bố xuống thang chiến tranh thừa nhận sự thất bại của “chiến tranh cục bộ”. Sau gần ba năm đưa một số quân viễn chinh Mỹ rất lớn vào đất nước ta, tiến hành những cuộc phản công chiến lược ở miền Nam Việt Nam, tăng cường mở rộng chiến tranh phá hoại trên miền Bắc, Mỹ vẫn bị thất bại trên cả hai miền nước ta cũng như trên các chiến trường Cam-pu-chia và Lào. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân của ta trên toàn miền Nam lại bồi thêm một đòn bất ngờ và mạnh mẽ làm “rung chuyển nước Mỹ”, đánh dấu sự sụp đổ của chiến lược “chiến tranh cục bộ” đồng thời cũng là thất bại lớn về chiến lược của toàn cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.

Mặc dầu bọn hiếu chiến nhất trong bộ máy cầm quyền Mỹ, tiêu biểu là nhóm tướng lĩnh trong Hội đồng tham mưu trưởng liên quân và bộ tư lệnh Mỹ ở Thái Bình Dương, vẫn tìm mọi cách gây sức ép để đòi tăng cường nỗ lực chiến tranh, như xin đưa thêm 20 vạn quân sang Nam Việt Nam, vừa đánh phá bằng không quân mạnh hơn, vừa tiến công bằng cả lực lượng thủy và bộ ra miền Bắc, động viên quân trừ bị Mỹ với quy mô lớn... nhưng dư luận công chúng Mỹ và cả trong nội bộ chính quyền Giôn-xơn đã quá chán ngán và phản đối mạnh mẽ cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Nhiều nghị sĩ Mỹ lên tiếng đòi kiểm điểm lại chính sách của Mỹ đối với cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Clíp-phốt, bộ trưởng quốc phòng mới của Mỹ được giao nhiệm vụ cùng một nhóm nghiên cứu dự kiến phương hướng chiến lược mới, ngày 29 tháng 2 năm 1968 đã cho rằng “dù có thêm 20 vạn quân cũng không thể đẩy địch ra khỏi Nam Việt Nam hoặc tiêu diệt được lực lượng họ” và “nếu tiếp tục leo thang hơn nữa sẽ làm nổ ra một cuộc khủng hoảng trong nước với quy mô chưa từng có”.

Ngày 25 tháng 3 năm 1968, hội nghị các cố vấn cao cấp không chính thức gồm những người “am hiểu” trong các chính quyền cũ và cả chính quyền Giôn-xơn, phần lớn thuộc phái “điều hòa” cũng kiến nghị với Giôn-xơn nên xuống thang chiến tranh.

Ngày 27 tháng 3 năm 1968, chính cựu tổng thống Mỹ Ai-xen-hao cũng phải công nhận: "... chưa bao giờ gặp phải tình trạng đáng buồn như tình cảnh hiện nay của nước Mỹ bị chia rẽ sâu sắc về cuộc chiến tranh".

Trước tình hình đó, Giôn-xơn và bọn cầm đầu Nhà trắng Mỹ đã bị dao động một cách sâu sắc. Ngay từ ngày 22 tháng 3 năm 1968, Giôn-xơn ra lệnh cách chức Oét-mo-len và triệu hồi về Mỹ, chỉ đồng ý tăng cường một số ít quân tượng trưng sang Việt Nam chứ không phải 20 vạn như bọn tướng lĩnh đề nghị, hay 3 vạn như chính Giôn-xơn đã phê chuẩn ngày 13 tháng 3 năm 1968.

Ngày 31 tháng 3 năm 1968, Giôn-xơn thông báo quyết định hạn chế hoạt động của Mỹ ở Việt Nam bằng cách ra lệnh ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở lên, đồng thời tuyên bố không ra tranh cử tổng thống nhiệm kỳ thứ hai và cử người đàm phán với đại diện Chính phủ ta tại Pa-ri.

Trước đó, ngày 30 tháng 3 năm 1968, Oét-mo-len đã từ Mỹ trở lại Sài Gòn phổ biến chủ trương của chính phủ Mỹ:

- Bỏ chiến lược "tìm diệt" thay thế bằng chiến lược "quét và giữ".

- Quân đội Nam Việt Nam (ngụy) sẽ thay dần quân đội Mỹ trên toàn chiến trường và giữ vai trò chính. Cố gắng quân sự sẽ được thay bằng một sự nỗ lực trên nhiều mặt quân sự, kinh tế, chính trị, xã hội; tính chất chiến tranh sẽ nặng về chống du kích, hành quân quy mô lớn sẽ giảm.

Với thông báo ngày 31 tháng 3 năm 1968 của Giôn-xơn, đế quốc Mỹ đã chính thức thừa nhận sự thất bại của chiến lược "chiến tranh cục bộ", thừa nhận chúng phải xuống thang chiến tranh, buộc đến bàn thương lượng với ta, buộc phải thay đổi chiến lược.

Chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ đã bị nhân dân ta đánh bại. Đó là một thất bại lớn về chiến lược của toàn cuộc chiến tranh xâm lược của chúng ở nước ta; đồng thời đó là một bước phá sản nghiêm trọng của chiến lược toàn cầu của chúng.

Chúng ta đã thắng trong giai đoạn thử thách nghiêm trọng nhất đối với vận mệnh của dân tộc. Nhưng đế quốc Mỹ rất ngoan cố; chúng vẫn còn tiềm lực, còn âm mưu mới, thủ đoạn mới. Quân và dân ta còn phải tiếp tục chiến đấu để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

Ngày 24-4-1968: Bộ Chính trị họp Hội nghị nhận định đợt hoạt động Tết Mậu Thân và ra Nghị quyết về phương hướng nỗ lực mới, nhằm đi tới giành thắng lợi quyết định. Sau 2 tháng tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt, Bộ Chính trị đã họp để nhận định về đợt hoạt động và đề ra phương hướng cho thời gian tới.

Đánh giá đợt hoạt động, Bộ Chính trị thấy rằng bước đầu thực hiện chủ trương của Trung ương tiến hành tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt, ta đã

thu được thắng lợi to lớn và toàn diện, tạo nên một bước ngoặt mới để tiến lên giành thắng lợi quyết định cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

Phán đoán về âm mưu và chủ trương sắp tới của địch, Bộ Chính trị cho rằng mục tiêu trước mắt của chúng là tập trung lực lượng giữ các đô thị và các căn cứ, trọng điểm là Sài Gòn, Huế, vùng I. Chúng sẽ cố gắng tăng thêm quân viễn chinh Mỹ, khôi phục nguy quân nguy quyền, tăng cường đánh phá miền Bắc và hoạt động ngoại giao lừa bịp. Nhưng chúng đang gặp khó khăn lớn về nhiều mặt.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình ta và địch, để phát huy thắng lợi và dồn địch vào thế nguy khốn hơn nữa, Bộ Chính trị đề ra phương hướng nỗ lực của ta là: *“Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phát huy khí thế chiến thắng, tiếp tục phát triển tiến công toàn diện, giành thắng lợi ngày càng to lớn hơn nữa, nhanh chóng mở rộng lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của cách mạng, càng đánh càng mạnh, đẩy kẻ địch vào thế thất bại liên tiếp, ngày càng suy yếu tan rã không sao gượng được, nhằm đi tới giành thắng lợi quyết định”*.

Nghị quyết đề ra các yêu cầu cụ thể:

- Liên tục đánh vào các đô thị, siết chặt vòng vây, tạo ra một tình hình khủng hoảng thường xuyên ở đó, phát động quần chúng mạnh mẽ giành và giữ quyền làm chủ.

- Giải phóng đại bộ phận nông thôn, tiến tới giành toàn bộ nông thôn.

- Tiếp tục tiến công toàn diện vào nguy quân, nguy quyền làm cho chúng bị tiêu diệt và tan rã về tổ chức, suy sụp về tinh thần, không cứu vãn được.

- Tiếp tục tiến công vào quân Mỹ, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của chúng.

- Đánh phá liên tục các căn cứ quân sự, cơ sở hậu cần, đường giao thông trọng yếu.

- Nhanh chóng phát triển lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị cách mạng cả về chất lượng và số lượng.

- Củng cố vùng giải phóng một cách toàn diện cả về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội.

- Miền Bắc ra sức xây dựng và củng cố quốc phòng, ra sức đẩy mạnh sản xuất, kiên quyết đánh bại mọi bước leo thang mới của địch, bảo đảm giao thông vận tải.

Ngày 21-4-1968: Thành lập liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam. Sau hơn 10 năm đế quốc Mỹ tiến hành xâm lược nước ta, trong các thành thị tạm bị Mỹ - nguy chiếm đóng, đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, tinh thần của đồng bào hết sức ngột ngạt. Các đô thị

biến thành những trại lính, những nhà chứa, với một xã hội đảo điên đầy rẫy đồi phong bại tục.

Trước tình trạng đó, đồng bào thành thị đã vùng dậy đấu tranh liên tục với giặc Mỹ và bọn tay sai bán nước. Đi đầu là những cuộc đấu tranh kiên quyết và bền bỉ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, có tác dụng lôi cuốn các tầng lớp nhân dân khác. Trong các tầng lớp trên, kể cả trong công chức và sĩ quan ngụy, cũng có một số người có những chuyển biến tiến bộ về tinh thần, thái độ và bằng cách này hay cách khác, họ đã có những hành động chống Mỹ và Thiệu - Kỳ.

Đảng ta thấy cần có một hình thức tổ chức để mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ, cứu nước, có khả năng tập hợp đông đảo những người thuộc nhiều khuynh hướng, màu sắc khác nhau trong các thành thị ở miền Nam có tinh thần yêu nước, tán thành chống Mỹ và Thiệu - Kỳ nhưng vì lý do nào đó chưa muốn tham gia Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam.

Chủ trương đúng đắn đó đã được hưởng ứng. Ngày càng có thêm nhiều nhân sĩ, bác sĩ, nhà giáo, nhà văn, nhà báo, người tu hành, sinh viên, tư sản dân tộc, công chức, sĩ quan trong ngụy quân ngụy quyền tham gia cuộc đấu tranh chống Mỹ và Thiệu - Kỳ. Ngày 20 và 21 tháng 4 năm 1968, đại biểu các tầng lớp đó đã họp hội nghị thành lập Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, bầu ra Ủy ban Trung ương của Liên minh do luật sư Trịnh Đình Thảo làm chủ tịch.

Trong bản tuyên ngôn cứu nước của mình, Liên minh đã nêu rõ mục tiêu “đoàn kết mọi lực lượng và cá nhân yêu nước, kiên quyết chống ngoại xâm, đánh đổ toàn bộ chế độ bù nhìn Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc, giành độc lập, dân chủ và hòa bình”.

Sự ra đời của Liên minh dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam là một bước phát triển mới của khối đại đoàn kết toàn dân. Đó là một đáp ứng kịp thời và tích cực sau thắng lợi Tết Mậu Thân để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta trên các mặt quân sự, chính trị, ngoại giao, nhất là trên mặt trận ngoại giao, làm cho bè lũ Mỹ, Thiệu - Kỳ thêm cô lập, góp phần vào thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Ngày 13-5-1968: Phiên họp đầu tiên của Hội nghị hai bên ở Pa-ri. Trong bài diễn văn ngày 31 tháng 3 năm 1968 của Giôn-xơn, đế quốc Mỹ tuy đã thừa nhận phải xuống thang chiến tranh, nhưng trên thực tế chúng vẫn ngoan cố tiếp tục “ném bom hạn chế” ở miền Bắc nước ta.

Hành động đó của đế quốc Mỹ bị nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới kịch liệt phản đối. Ngày 3 tháng 4 năm 1968, Chính phủ ta đã ra tuyên bố nghiêm khắc tố cáo âm mưu, thủ đoạn thâm độc của Mỹ và nhắc lại lập

trường chính nghĩa, thái độ thiện chí của Chính phủ và nhân dân ta. Bản tuyên bố viết: “Rõ ràng chính phủ Mỹ chưa đáp ứng nghiêm chỉnh và đầy đủ đòi hỏi chính đáng của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, của dư luận tiến bộ Mỹ và dư luận thế giới. Tuy nhiên, về phía mình, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tuyên bố sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện Mỹ nhằm xác định với phía Mỹ việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa để có thể bắt đầu cuộc nói chuyện”.

Ngày 3 tháng 5, Bộ Ngoại giao nước ta ra tuyên bố về những vấn đề như cấp bậc đại biểu, địa điểm, thời gian cuộc nói chuyện chính thức giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa và Mỹ. Đồng chí Bộ trưởng Xuân Thủy được Chính phủ cử làm đại diện Việt Nam dân chủ cộng hòa; Pa-ri là địa điểm của cuộc nói chuyện và ngày 10 tháng 5 hoặc vài ngày sau đó sẽ bắt đầu cuộc nói chuyện chính thức.

Ngày 13 tháng 5, cuộc nói chuyện chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và đại diện chính phủ Mỹ ở Pa-ri mở phiên họp đầu tiên. Phái đoàn Mỹ do Ha-ri-man cầm đầu. Bộ trưởng Xuân Thủy phát biểu trước, nhấn mạnh mục đích của cuộc nói chuyện này “là để xác định với phía Mỹ việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và sau đó nói chuyện về những vấn đề khác liên quan đến hai bên”.

Hội nghị hai bên ở Pa-ri sau nhiều phiên họp trong năm 1968 vẫn chưa giải quyết được vấn đề gì cơ bản nhưng đã mở đầu cho một thời kỳ ta tiến công địch trực tiếp về ngoại giao trên bàn hội nghị, là một diễn đàn rất thuận lợi để ta vạch mặt xâm lược, tàn bạo và ngoan cố của đế quốc Mỹ. Cuộc đấu tranh trong hội nghị phối hợp và hỗ trợ cho đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị trên chiến trường, là bước đi trước cần thiết dẫn đến hội nghị bốn bên ở Pa-ri với sự kết thúc thắng lợi bằng việc ký kết hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ngày 4-5 và 17-8-1968: Bắt đầu Tổng tiến công đợt 2 và đợt 3. Thực hiện Nghị quyết tháng 4 năm 1968 của Bộ Chính trị, đợt Tổng tiến công thứ 2 bắt đầu từ ngày 4 tháng 5 năm 1968. Mặc dù địch đã có chuẩn bị từ trước, tập trung 2/3 lực lượng Mỹ và toàn bộ lực lượng tổng trừ bị ngụy về cố giữ các thành phố lớn, nhất là xung quanh Sài Gòn, ta vẫn đánh vào 30 thành phố, thị xã, 70 thị trấn, quận lỵ, chi khu quân sự, 27 bộ tư lệnh quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn ngụy, 40 sân bay, kho tàng quan trọng, v.v. Mạnh nhất là ở Sài Gòn - Gia Định, ta đánh vào Tổng nha cảnh sát, Tòa đô chánh, khu nhà ở đại sứ quán Mỹ, dinh thủ tướng ngụy, đài phát thanh, đài vô tuyến truyền hình rồi bám trụ đánh phản kích, gây cho địch nhiều thiệt hại lớn.

Phối hợp với Sài Gòn, ta tiến công đồng loạt vào các tuyến phòng thủ xung quanh Sài Gòn như Đức Hòa, Bến Lức (Long An), Tân Thới Hiệp (Gia Định), Biên Hòa và các thành phố, thị xã vùng châu thổ như Cần Thơ, Mỹ Tho, Bến Tre, Châu Đốc, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cà Mau, kết hợp chặn đánh các cuộc hành quân phản kích của địch ra Long An, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa (từ 8 đến 21 tháng 5).

Ở Khu 5 và Tây Nguyên, kết hợp với tiến công vào các thành phố, thị xã Đà Nẵng, Hội An, Quảng Ngãi, Đà Lạt, Phan Thiết (từ 4 đến 5 tháng 5), ta đánh bại cuộc hành quân giải tỏa của địch ven sông Thu Bồn (Quảng Nam) từ 5 đến 24 tháng 5.

Trên chiến trường Trị - Thiên, Đường 9, sau khi rút khỏi Huế, ta vừa tiếp tục vây hãm thành phố và cụm quân Mỹ ở Khe Sanh, vừa đánh chặn mạnh mẽ các cuộc hành quân của Mỹ - ngụy do sư đoàn 1 kỵ binh bay làm nòng cốt ở vùng đồng bằng và rừng núi, quy mô lớn nhất là các cuộc hành quân "Ngựa bay", "Xcốt-len" ở khu vực đường 9, "Ca-ra-tan", "Đi-lơ-oe" ở thung lũng A Sầu.

Lợi dụng địch sơ hở bên trong, ta tổ chức những trận tập kích, phục kích, bắn pháo lớn, tiêu biểu nhất là trận phục kích diệt 10 tàu chiến trên sông Hương (6-5), trận bắn pháo vào căn cứ Đồng Lâm (Thừa Thiên) diệt 150 máy bay của sư đoàn 1 kỵ binh bay, phá 100 xe, phần lớn xe tăng, thiết giáp, diệt 1.600 địch (19-5).

Cuộc tổng tiến công đợt 2 đã gây cho địch nhiều thiệt hại nhưng chưa đạt được những yêu cầu ta đề ra về chính trị và quân sự.

Tháng 8 năm 1968, Bộ Chính trị họp và quyết định tiếp tục "*đẩy mạnh tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định*" làm cho địch "*thất bại trên chiến trường, thất bại ở các thành thị lớn và thất bại ở ngay nước Mỹ*". Đồng thời ta cũng phải "*sẵn sàng đánh thắng Mỹ nếu chúng kéo dài hoặc mở rộng chiến tranh*".

Thực hiện chủ trương trên, ta khẩn trương mở đợt 3 tổng công kích từ 17 tháng 8 đến 30 tháng 9. Cuộc tổng tiến công đã nổ ra trên các chiến trường, đồng loạt đánh vào 27 thành phố, hơn 100 thị trấn, quận lỵ, chi khu quân sự, 17 sân bay, 3 kho và 6 bộ tư lệnh sư đoàn của địch. Ở Sài Gòn, ta tiến công nhà quốc hội và bộ tổng tham mưu ngụy, đồng thời lực lượng vòng ngoài tiến công vào một loạt căn cứ địch như tòa thánh Tây Ninh, căn cứ lữ đoàn 3 sư đoàn 25 ngụy ở Trảng Lớn, Cà Tum, đài truyền tin của Mỹ ở núi Bà Đen, căn cứ Mỹ ở Chà Là, Bến Củi, vị trí sư đoàn 1 bộ binh Mỹ ở Lộc Ninh. Nam Bộ tiêu diệt 14.000 địch, có 10.000 Mỹ. Tên trung tướng Mỹ Kết U-oa, tư lệnh sư đoàn 1 kỵ binh bay đã bị bắn chết trong đợt này.

Ở Khu 5, ta đánh vào Đà Nẵng, chiếm đặc khu, đài phát thanh, đánh sân bay, núi Non Nước, bán đảo Sơn Trà, v.v. tiêu diệt và loại 23.000 địch, đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn cơ động nguy, một bộ phận sinh lực của sư đoàn A-mê-ri-côn Mỹ.

Ở mặt trận Trị - Thiên, sau khi quân Mỹ buộc phải rút hết khỏi Khe Sanh (9-7), ta tiếp tục đẩy mạnh tiến công trên tuyến đường 9 và chặn đánh các cuộc hành quân của địch ra vùng rừng núi.

Trong hai đợt tổng tiến công đợt 2, đợt 3 năm 1968, ta đã tiêu diệt được rất nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, giành thắng lợi rất lớn, nhưng vẫn chưa đạt được các yêu cầu cơ bản đề ra; thêm vào đó do tình hình địch, ta đã thay đổi lớn, ta phải tác chiến liên tục, tập trung vào thành thị, ở nông thôn ta bị sơ hở và bị địch phản kích mạnh, nên lực lượng ta bị hao mòn, có nơi vùng giải phóng bị thu hẹp, phong trào cách mạng ở đồng bằng Nam Bộ gặp nhiều khó khăn và thế tiến công của ta yếu đi. Khi địch phản công quyết liệt thì những nhược điểm, khuyết điểm của ta đã làm cho tình hình sau Mậu Thân có những diễn biến phức tạp.

Từ ngày 26-6 đến 9-7-1968: Mỹ rút khỏi Khe Sanh. Cứ điểm Khe Sanh do Mỹ - nguy lập ra giữa năm 1966, khi ta mở mặt trận Đường 9 - bắc Quảng Trị.

Trước áp lực mạnh của ta, lực lượng địch phải tăng cường và đến cuối năm 1967 địch đã hình thành ở đây một tập đoàn cứ điểm trọng yếu gồm 3 cụm cứ điểm: Tà Cơn, Hương Hóa, Làng Vây, nằm trong tuyến phòng thủ đường 9 của giặc Mỹ ở phía tây, giáp biên giới Việt - Lào. Quân Mỹ đóng ở đây thường xuyên gần 1 vạn tên, gồm 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, các lực lượng pháo binh, thiết giáp và bảo đảm phục vụ và hàng vạn tên khác sẵn sàng ứng cứu, được sự yểm hộ mạnh mẽ của pháo binh và không quân kể cả máy bay chiến lược B-52.

Ta đã tiến công Khe Sanh 4 đợt liên tục trong hơn 5 tháng:

- Từ 21 tháng 1 đến 7 tháng 2 năm 1968: tiêu diệt chi khu quân sự Hương Hóa và cứ điểm Làng Vây.

- Từ 8 tháng 2 đến 31 tháng 3: Vây hãm cụm cứ điểm Tà Cơn.

- Tháng 4, đánh bại cuộc hành quân giải vây của Mỹ mang tên "Ngựa bay".

- Từ tháng 5 đến 9 tháng 7: tiếp tục vây hãm và đánh quân địch rút chạy.

Sau khi những biện pháp địch dùng để giải vây cho Khe Sanh đã bị đập tan, vòng vây của ta ngày càng siết chặt, ý đồ của giặc Mỹ "bảo vệ Khe Sanh bằng mọi giá" đã phải thay thế bằng "chúng tôi không định chịu đựng một Điện Biên Phủ"; chúng mưu toan lén lút tháo chạy khỏi Khe Sanh.

Ngày 26 tháng 6, bọn chỉ huy Mỹ ra thông báo bịp bợm rằng chúng đã hoàn thành việc rút bỏ căn cứ Khe Sanh (nhưng thực tế là mới bắt đầu). Bộ

đội ta bám sát chúng, tiến công vào các vị trí, chặn đánh bọn địch rút chạy bằng đường bộ, đồng thời khống chế sự vận chuyển bằng đường không của chúng... Ngày 9 tháng 7, ta hoàn toàn giải phóng Khe Sanh. Riêng trong đợt đánh quân địch rút chạy này, ta đã giết và làm bị thương hơn 7.000 tên Mỹ, bắn rơi 22 máy bay, phá hủy 69 xe quân sự, thu nhiều vũ khí, đồ dùng quân sự, trong đó có 2 máy bay lên thẳng, buộc chúng phải trả giá đắt cho cuộc rút chạy này.

Kết quả chung: sau 170 ngày tiến công vây hãm và đánh quân địch rút chạy khỏi Khe Sanh, ta đã tiêu diệt 17.000 tên địch (có 13.000 tên Mỹ), bắn rơi và phá hủy 480 máy bay, 120 xe quân sự, 65 đại bác và súng cối cỡ lớn, 55 kho, thu hàng nghìn súng các loại, hàng trăm tấn đồ dùng quân sự và lương thực, giải phóng hoàn toàn quận Hương Hóa với hơn 1 vạn dân.

Bỏ chạy khỏi Khe Sanh là một thất bại to lớn của địch; nó mở đầu cuộc rút lui của quân đội viễn chinh Mỹ; nó đánh dấu bước nguy khốn đở vỡ mới trong chiến lược phòng ngự của Mỹ, vì đây là căn cứ quan trọng của Mỹ ở Nam Việt Nam đầu tiên phải bỏ chạy trước sức ép của ta, làm cho một mảng lớn từ Lao Bảo đến Ca Lu khoảng hơn 40 km trên tuyến phòng thủ chiến lược đường 9 của Mỹ - nguy bờ ngõ; thế tiến công của ta càng mạnh hơn. Đó là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược.

Việc đánh bại hàng loạt chiến thuật phòng ngự, giải vây, rút chạy của quân Mỹ bằng nhiều loại lực lượng, nhiều phương tiện hiện đại cũng mang ý nghĩa chiến lược.

Rút chạy khỏi Khe Sanh còn là một thất bại nặng nề về chính trị của đế quốc Mỹ, gây nên sự bối rối, mâu thuẫn trong bọn cầm quyền và chỉ huy quân sự Mỹ, sự lo sợ hoang mang trong binh lính Mỹ và nguy quân, nguy quyền. Giôn-xơn đã “ném danh dự nước Mỹ ra để giữ và đã bắt Hội đồng tham mưu trưởng liên quân ký cam kết bằng máu” để giữ Khe Sanh (câu nói của Sle-xinh-giơ), nhưng cuối cùng quân Mỹ vẫn phải rút chạy. Sự kiện này, một lần nữa cho nhân dân ta và nhân dân thế giới thấy rằng đế quốc Mỹ, dù ngoan cố, bị đánh đau vẫn phải cam chịu thất bại.

Ngày 2-11 và 3-11-1968: Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra tuyên bố và Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi về việc Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá trên toàn bộ miền Bắc Việt Nam. Trước tình thế của đế quốc Mỹ ngày càng nguy khốn ở Việt Nam, trước những khó khăn to lớn do cuộc chiến tranh xâm lược của chúng gây ra cho nước Mỹ, trước sự thúc ép của dư luận thế giới và dư luận Mỹ, ngày 1 tháng 11 năm 1968, Giôn-xơn đã phải tuyên bố chấm dứt hoàn toàn các cuộc ném bom bắn phá nước Việt Nam dân chủ cộng hòa bằng không quân, hải quân và pháo binh, để đi tới một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam.

Ngày 2 tháng 11 năm 1968, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra một bản tuyên bố về vấn đề này. Bản tuyên bố nói: “Việc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom, bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau 4 năm chống chất tội ác tày trời đối với nhân dân miền Bắc Việt Nam và sau 5 tháng làm bế tắc cuộc nói chuyện ở Pa-ri, đánh dấu một thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền. Đó cũng là một thắng lợi to lớn của phe xã hội chủ nghĩa, của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hòa bình, một thắng lợi to lớn của nhân dân toàn thế giới, trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ”.

“Để đi đến một giải pháp chính trị đúng đắn về Việt Nam thì chính phủ Mỹ phải từ bỏ mọi âm mưu can thiệp và xâm lược đối với nước Việt Nam, phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Chừng nào Mỹ còn xâm lược Việt Nam thì nhân dân Việt Nam còn chiến đấu cho đến thắng lợi hoàn toàn”.

Trong lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 3 tháng 11 năm 1968, Người nói: “Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó chỉ mới là thắng lợi bước đầu. Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt. Chúng nói “hòa bình”, “thương lượng” nhưng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược của chúng. Hơn một triệu quân Mỹ, quân ngụy và quân chư hầu còn đang hàng ngày gây ra biết bao tội ác dã man đối với đồng bào miền Nam ta.

Vì vậy, nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao *tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.*

Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi...”.

Cũng trong ngày 3 tháng 11, Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra tuyên bố nêu rõ lập trường của Mặt trận về giải pháp chính trị cho vấn đề miền Nam Việt Nam.

Ngày 5 tháng 11, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra thông cáo khen ngợi và tuyên dương công trạng các lực lượng vũ trang nhân dân và nhắc nhở về nhiệm vụ nặng nề của các lực lượng vũ trang trong thời gian tới. Bản thông cáo cũng nói về ý nghĩa chiến lược rất to lớn và quan trọng của việc quân và dân ta đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ:

- Chúng ta đã đập tan một mưu đồ chiến lược của chúng, đánh bại một bộ phận của cuộc chiến tranh xâm lược của chúng đối với nước ta, giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của chúng.

- Chúng ta đã đánh bại một hình thức chiến tranh mới trong chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

- Thắng lợi đó đã làm cho nhân dân ta càng thêm tin tưởng và quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng; bạn bè khắp năm châu phấn khởi vui mừng; kẻ thù khiếp sợ và làm cho chúng càng gặp thêm nhiều khó khăn.

Bản sao lưu trữ

IV. ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, GIÀNH THẮNG LỢI QUYẾT ĐỊNH

Ngày 25-1-1969: Hội nghị bốn bên về Việt Nam ở Pa-ri khai mạc. Trong bản tuyên bố ngày 2 tháng 11 năm 1968, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã nói rõ: “... Sau khi Mỹ đã chấm dứt không điều kiện việc ném bom, bắn phá trên toàn bộ lãnh thổ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sẽ cùng phía Mỹ bàn về “các vấn đề khác có liên quan đến hai bên” để tìm một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam. Được sự thỏa thuận của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tuyên bố sẵn sàng họp một cuộc hội nghị gồm có đại diện của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đại diện của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đại diện của nước Mỹ và đại diện của chính quyền Sài Gòn. Sự có mặt của đại diện chính quyền Sài Gòn tại cuộc hội nghị ấy không có nghĩa là phía Việt Nam dân chủ cộng hòa công nhận chính quyền đó...”.

Bản tuyên bố ngày 3 tháng 11 năm 1968 của Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cũng nói: “Trong tình hình Mỹ đã chấm dứt không điều kiện việc ném bom, đánh phá miền Bắc Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam kiên quyết ủng hộ lập trường của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nêu trong tuyên bố ngày 2 tháng 11 năm 1968 nhằm tìm một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam. Sau khi đã bàn bạc và nhất trí với Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam chấp nhận họp hội nghị bốn bên gồm Việt Nam dân chủ cộng hòa, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Tại hội nghị đó, đại diện của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam sẽ nói lên tiếng nói của nhân dân miền Nam, tiếng nói của chính nghĩa”.

Ngày 13 tháng 11 năm 1968, Bộ Ngoại giao Mỹ ra tuyên bố: “Hoa Kỳ tán thành họp hai phe: Hoa Kỳ và Việt Nam cộng hòa một bên, Bắc Việt Nam với bất kỳ ai là một bên”.

Phái đoàn của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa vẫn do đồng chí Xuân Thủy làm trưởng đoàn, có đồng chí Lê Đức Thọ làm cố vấn đặc biệt. Phái đoàn Mỹ vẫn do Ha-ri-man làm trưởng đoàn.

Ngày 10 tháng 12 năm 1968, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cử đoàn đại biểu tham dự Hội nghị Pa-ri về Việt Nam do đồng chí Trần Bửu Kiếm làm trưởng đoàn, đồng chí Nguyễn Thị Bình làm phó trưởng đoàn.

Riêng về phía ngụy quyền Sài Gòn, chúng rất lo sợ, hoang mang và tức tối trước việc này. Ngày 2 tháng 11 năm 1968, Nguyễn Văn Thiệu đã tuyên bố không cử người đi dự hội nghị mở rộng ở Pa-ri và cho rằng quyết định ngừng ném bom toàn miền Bắc là quyết định đơn phương của Mỹ; nhưng ngày 8 tháng 12 bọn tay sai Mỹ vẫn phải cử một phái đoàn do Nguyễn Cao Kỳ và Phạm Đăng Lâm dẫn đầu đi dự Hội nghị Pa-ri.

Sau phiên họp đầu tiên ngày 18 tháng 1 năm 1969 để bàn về việc chuẩn bị cho phiên họp toàn thể lần thứ nhất, ngày 25 tháng 1 năm 1969 đã chính thức khai mạc phiên họp toàn thể lần thứ nhất của Hội nghị Pa-ri về Việt Nam. Trong phiên họp này, đồng chí Trần Bửu Kiếm phát biểu trước. Đồng chí nêu lên lập trường 5 điểm của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Tiếp đó, đồng chí Xuân Thủy phát biểu ý kiến nêu rõ tình hình Việt Nam, đường lối chống Mỹ, cứu nước đúng đắn và những thắng lợi của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và nhấn mạnh ý chí sắt đá của nhân dân ta kiên quyết chiến đấu cho đến khi giành được độc lập và tự do, nếu Mỹ cứ ngoan cố theo đuổi chiến tranh xâm lược.

Buộc phải thừa nhận Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam dự cuộc hội nghị về vấn đề Việt Nam ở Pa-ri, đế quốc Mỹ đã phải chấp nhận sự thất bại bước đầu của chủ trương “thương lượng trên thế mạnh”, buộc phải công nhận sức mạnh của phong trào yêu nước của nhân dân miền Nam mà Mặt trận dân tộc giải phóng là người đại diện. Đó là một thắng lợi của nhân dân miền Nam và nhân dân cả nước ta, một thất bại của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng.

Tháng 4-1969: Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ trước mắt. Sau những đợt tiến công liên tiếp của ta trong năm 1968 và đầu năm 1969, sự thất bại của địch đưa đến việc chúng phải xuống thang chiến tranh càng rõ ràng hơn. Nhưng ta cũng gặp nhiều khó khăn về quân số, bảo đảm vật chất, v.v. nên tư tưởng và nhận thức của một số đảng viên, cán bộ về tình hình nhiệm vụ có những diễn biến phức tạp.

Trước tình hình đó, tháng 4 năm 1969, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về “tình hình và nhiệm vụ trước mắt”. Nghị quyết đã khẳng định thắng lợi có ý

nghĩa chiến lược và lịch sử của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, những thành tích to lớn trong năm 1968 và đợt đầu mùa xuân 1969 trên chiến trường miền Nam và thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Bộ Chính trị cũng đã nghiêm khắc nêu lên những khó khăn cũng như những nhược điểm và khuyết điểm của ta. Những khó khăn ấy có những mặt là do sự phản công quyết liệt của địch bằng những thủ đoạn vô cùng tàn bạo gây ra nhưng cũng có mặt do ta chưa đánh giá địch, ta thật sát đúng, kịp thời, chưa quán triệt đầy đủ chủ trương, phương châm chỉ đạo của Đảng, hoặc việc tổ chức thực hiện còn yếu, v.v.

Nhưng rõ ràng “đế quốc Mỹ đã bị những thất bại rất nặng nề về mọi mặt, ý chí xâm lược đã bị lung lay rõ rệt, chúng đã buộc *phải xuống thang từng bước và khó lòng duy trì cuộc chiến tranh xâm lược với quy mô hiện nay trong một thời gian dài*”.

Bộ Chính trị dự kiến địch rất ít có khả năng tăng quân ồ ạt và mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước; cuộc chiến tranh có thể diễn ra theo hai khả năng:

- Một là, do bị tổn thất nặng và gặp khó khăn lớn, *Mỹ buộc phải kết thúc chiến tranh sớm* bằng một giải pháp chính trị mà chúng có thể tiếp nhận được.

- Hai là, nếu ta tiến công không đủ mạnh và Mỹ tạm thời khắc phục được một phần khó khăn của chúng thì Mỹ còn cố gắng *kéo dài cuộc chiến tranh ở miền Nam trong một thời gian*.

Trong hai khả năng trên, để gây sức ép với ta, trước khi kết thúc chiến tranh, trong tình hình nào đó, Mỹ cũng có thể ném bom, bắn phá trở lại miền Bắc hoặc mở rộng chiến sự trên đất Lào và Cam-pu-chia.

Diễn ra theo khả năng nào, *chủ yếu tùy thuộc vào sức mạnh tiến công của ta về quân sự và chính trị* và tùy theo mức độ những khó khăn về quân sự, chính trị, kinh tế, tài chính mà chiến tranh ở Việt Nam gây ra cho Mỹ ở miền Nam, ở ngay nước Mỹ và trên phạm vi thế giới.

Phân tích chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Ních-xơn, Bộ Chính trị coi đó là chủ trương Mỹ đề ra trong thế thất bại và bế tắc; nó chứa đầy những *mâu thuẫn bên trong không thể nào khắc phục được*. Tuy vậy địch vẫn còn những *chỗ mạnh tương đối* về quân số, hỏa lực, khả năng cơ động, về địa bàn chiếm giữ, về tiềm lực kinh tế, quân sự.

Nhưng nếu ta tiếp tục đủ sức mạnh tổng hợp để tiến công, nhất định những mâu thuẫn, chỗ yếu của chúng càng thêm sâu sắc trầm trọng, chỗ mạnh của chúng sẽ giảm sút, nhất định ta sẽ đánh bại được âm mưu và chủ

trương chiến lược mới của địch; đế quốc Mỹ không thể nào tránh khỏi bị thất bại hoàn toàn.

Bộ Chính trị nhận định “chúng ta đang đứng trước thời cơ lớn để thừa thắng tiến lên, đẩy mạnh tiến công toàn diện và liên tục, tiến lên một bước mới rất cơ bản, đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ”.

Bộ Chính trị nhấn mạnh việc quán triệt và nắm vững phương châm tiến công toàn diện, phương châm quan hệ giữa ba vùng, kiên quyết giữ vững và phát triển thế tiến công và bao vây thường xuyên, liên tục ở thành thị, đẩy mạnh giải phóng nông thôn, làm chủ phần lớn các vùng nông thôn xung yếu và đông dân, củng cố và làm chủ rừng núi và vùng giáp ranh, chuẩn bị tốt chiến trường tiêu diệt lớn của bộ đội chủ lực ta. Phương châm chiến lược là đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính đồng thời sáng tạo và nắm vững thời cơ thực hiện những bước nhảy vọt.

Ngày 8-5-1969: Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố về giải pháp 10 điểm. Tại phiên họp thứ 16 Hội nghị Pa-ri về Việt Nam, đồng chí Trần Bửu Kiếm, trưởng đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã trình bày 10 điểm về “Nguyên tắc và nội dung chủ yếu của giải pháp toàn bộ về vấn đề miền Nam Việt Nam, góp phần lập lại hòa bình ở Việt Nam”.

Giải pháp toàn bộ 10 điểm đã vạch rõ ranh giới giữa ta và địch, phân biệt rõ hai loại vấn đề khác nhau: 1. Loại vấn đề giữa đế quốc Mỹ là kẻ đi xâm lược với nhân dân Việt Nam chống xâm lược; 2. Loại vấn đề giữa người Việt Nam với nhau.

Việc Mỹ rút quân thuộc loại vấn đề thứ nhất. Muốn chấm dứt chiến tranh, phải chấm dứt nguyên nhân gây ra chiến tranh là sự xâm lược của Mỹ; Mỹ đưa quân xâm lược vào thì Mỹ phải rút toàn bộ quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam mà không được đòi điều kiện gì. Còn vấn đề các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam thuộc loại vấn đề thứ hai thì do các bên Việt Nam cùng nhau giải quyết. Luận điệu của Mỹ đòi hai bên “cùng rút quân” nhằm đặt ngang hàng kẻ đi xâm lược và người chống xâm lược là điều không thể chấp nhận được.

Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam thuộc loại vấn đề thứ hai. Chính quyền Sài Gòn hiện nay rõ ràng là công cụ của đế quốc xâm lược Mỹ, dùng để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Chính quyền đó đang đi ngược lại mọi nguyện vọng chính đáng của nhân dân miền Nam. Tuy nhiên, trên tinh thần hòa hợp dân tộc, Mặt trận dân tộc giải phóng chủ trương các lực lượng chính trị ở miền Nam cùng nhau thương lượng thành lập chính phủ liên hiệp lâm thời để thực hiện quyền tự quyết bằng tổng tuyển cử tự do và dân chủ, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Nêu rõ hai vấn đề mấu chốt trên đây trong giải pháp 10 điểm, ta vừa giữ vững lập trường nguyên tắc bảo vệ độc lập chủ quyền của đất nước, vừa có sách lược mềm dẻo linh hoạt mở đường cho đế quốc Mỹ rút khỏi Việt Nam mà không bị “mất mặt”. Nhưng đế quốc Mỹ ngoan cố và còn nhiều tham vọng đã khước từ giải pháp này. Việc đó đã làm cho nhân dân thế giới càng thấy rõ hơn tính chất phi nghĩa, phản động của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ; mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân ta đánh thắng giặc Mỹ xâm lược càng được tăng cường và mở rộng.

Từ ngày 6 đến 8-6-1969: Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam Việt Nam thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn chính phủ. Sau những ngày “đồng khởi” năm 1960, chính quyền cách mạng ở từng địa phương, từng khu vực đã ra đời dưới hình thức Ủy ban tự quản. Trong thời kỳ Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt, vấn đề đánh đổ chính quyền trung ương của địch đã được đặt ra và việc thành lập chính quyền cách mạng trung ương đã trở thành yêu cầu thực tế khẩn thiết cả về đối nội cũng như đối ngoại, vì ở miền Nam, ta đã có vùng giải phóng được mở rộng và củng cố, có lực lượng vũ trang cách mạng mạnh mẽ, có lực lượng chính trị hùng hậu đoàn kết rộng rãi trong mặt trận dân tộc thống nhất.

Trước yêu cầu đó, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam đã họp ra nghị quyết thành lập chế độ Cộng hòa miền Nam Việt Nam; nhất trí bầu ra Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do đồng chí Huỳnh Tấn Phát làm chủ tịch và Hội đồng cố vấn bên cạnh Chính phủ do đồng chí Nguyễn Hữu Thọ làm chủ tịch; ra lời hiệu triệu quân và dân miền Nam đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã gửi điện mừng đến Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra tuyên bố nêu rõ Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam bầu ra là chính phủ hợp pháp, đại diện chân chính của nhân dân miền Nam Việt Nam. Quân và dân ta ở miền Bắc vô cùng phấn khởi trước thắng lợi to lớn này.

Trên thế giới, chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhiều nước yêu chuộng hòa bình công lý, đã chúc mừng thắng lợi này của nhân dân ta. Ngay trong tháng 6 năm 1969, đã có 23 nước công nhận Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có 21 nước đã đặt quan hệ ngoại giao.

Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời là một thắng lợi có ý nghĩa to lớn trong cuộc đấu tranh lâu dài của đồng bào

miền Nam, trong quá trình giành chính quyền về tay nhân dân, xây dựng chính quyền cách mạng và hoàn chỉnh hệ thống chính quyền ấy để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

Sự ra đời của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tạo ra tình hình hai chính quyền song song tồn tại, là một đòn đánh mạnh vào âm mưu của đế quốc Mỹ cố bám lấy ngụy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới, làm chỗ dựa để kéo dài chiến tranh, đồng thời làm thất bại mọi thủ đoạn lừa bịp của Mỹ - ngụy về cái gọi là tính chất “hợp hiến”, “hợp pháp” của ngụy quyền. Điều đó khẳng định một lần nữa chính quyền cách mạng của nhân dân miền Nam nhất định thắng, chính quyền bù nhìn tay sai bán nước nhất định bị sụp đổ.

Ngày 20-7-1969: Lời kêu gọi cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 20 tháng 7 năm 1969, đúng 15 năm sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi quân và dân cả nước kiên trì cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cho đến thắng lợi hoàn toàn. Đây là lời kêu gọi cuối cùng của Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu dương quân và dân ta đã đoàn kết một lòng, vượt mọi hy sinh, gian khổ, chiến đấu cực kỳ anh dũng và giành thắng lợi vẻ vang. Người nghiêm khắc lên án những tội ác và âm mưu của đế quốc Mỹ.

Người khẳng định: “Nhân dân Việt Nam kiên quyết đòi tất cả quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ phải rút hết sạch, chứ không phải chỉ rút 25.000 hoặc 250.000 hay là 50 vạn, mà phải rút hết toàn bộ, không điều kiện. Chỉ có như thế, mới lấy lại được danh dự của nước Mỹ và tránh cho hàng chục vạn thanh niên Mỹ phải tiếp tục chết một cách vô ích ở miền Nam Việt Nam, tránh cho hàng chục vạn gia đình Mỹ khỏi bị tang tóc đau thương.

Sau khi quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ rút hết, miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng khỏi quân ngoại xâm, Chính phủ cách mạng lâm thời, như đã ghi trong giải pháp toàn bộ 10 điểm, sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do và dân chủ để nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định chế độ chính trị của mình, bầu ra quốc hội lập hiến, xây dựng hiến pháp và thành lập chính phủ liên hợp chính thức của miền Nam Việt Nam, không cho phép nước ngoài can thiệp vào. Hễ quân Mỹ và ngụy quyền còn tồn tại ở miền Nam Việt Nam thì quyết không thể có tổng tuyển cử thực sự tự do và dân chủ.

Đế quốc Mỹ thất bại đã rõ ràng nhưng chúng chưa chịu từ bỏ dã tâm bám lấy miền Nam nước ta. Quân và dân cả nước ta, triệu người như một, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh, không sợ gian khổ, quyết kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, quyết chiến quyết thắng, đánh cho quân Mỹ phải chịu rút hết sạch, đánh cho ngụy quân, ngụy quyền

sụp đổ hết, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”.

Lời kêu gọi ngày 20 tháng 7 năm 1969 của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch trần những thủ đoạn chiến tranh man rợ, thái độ của Ních-xơn lừa bịp nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới trong việc rút dần quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam và âm mưu giữ quân Mỹ đóng chốt lâu dài một số vùng ở miền Nam nước ta. Bác Hồ khẳng định: “Tình hình đã thay đổi hẳn có lợi cho ta, không có lợi cho địch”, quân và dân ta đòi hỏi quân Mỹ “phải rút hết, toàn bộ, không điều kiện” và quyết tâm chiến đấu cho đến thắng lợi hoàn toàn. Trong những giờ phút cuối cùng của đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn tranh đấu cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà. Lời kêu gọi của Bác là nguồn động viên cổ vũ rất lớn đối với quân và dân cả nước, đặc biệt là đối với quân và dân ta ở miền Nam đang chiến đấu ngoan cường trong những hoàn cảnh phức tạp cuối năm 1969.

Ngày 2-9-1969: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Bác để lại lời Di chúc lịch sử. Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Lời kêu gọi. Giữa lúc cuộc chống Mỹ, cứu nước đang đi vào giai đoạn quyết liệt nhất, giai đoạn giành thắng lợi quyết định, thì nhân dân ta phải chịu một cái tang vô cùng đau đớn: vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 2 tháng 9 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp một hội nghị toàn thể khẩn cấp, thông qua Lời kêu gọi “Gửi các cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, đồng bào cả nước và kiều bào ở nước ngoài”. Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam cũng gửi lời kêu gọi “Toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nhân viên quốc phòng, đảng viên, đoàn viên thanh niên trong các lực lượng vũ trang nhân dân”.

Tin Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần đã gây một sự xúc động rất mạnh mẽ, sâu sắc và rộng khắp trong toàn quốc cũng như trên thế giới. Cùng với nhân dân ta, các nước xã hội chủ nghĩa anh em và 10 nước dân tộc chủ nghĩa đã tổ chức lễ quốc tang hoặc để tang Chủ tịch Hồ Chí Minh, hơn 40 đoàn đại biểu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước bạn đã đến dự lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội. Hơn 23.000 bức điện và thư của các vị nguyên thủ, các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các nhân sĩ tiến bộ trên 120 nước gửi đến chia sẻ nỗi đau buồn của nhân dân ta. Nhiều nước trên thế giới có những quyết định và tổ chức hoạt động với những hình thức khác nhau rất phong phú để tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở Mỹ và một số nước Tây Âu, quần chúng đã kết thúc lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cuộc biểu tình tuần hành chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam.

Tháng 5 năm 1969, trước khi qua đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết *Di chúc* cho toàn Đảng, toàn dân ta. Mở đầu bản *Di chúc*, Người viết: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải trải qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn”. Người còn viết: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”, “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam - Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà...”. Trong *Di chúc* lịch sử, Bác đã có những lời dạy bảo cặn kẽ, sâu sắc đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta và để lại muôn vàn tình thương yêu cho các thế hệ mai sau.

Sáng ngày 9 tháng 9 năm 1969, tại Quảng trường Ba Đình, hơn 10 vạn người đã dự lễ truy điệu trọng thể Chủ tịch Hồ Chí Minh; tại buổi lễ, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đọc *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và diếu văn, nói lên 5 lời thề son sắt của toàn Đảng, toàn dân ta.

Thực hiện lời căn dặn trong *Di chúc* của Người đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, toàn thể dân tộc ta, triệu người như một, “biến đau thương thành hành động cách mạng, dũng cảm tiến lên tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chủ tịch, thực hiện lý tưởng và hoài bão của Người” (Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng).

Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời là một tổn thất vô cùng lớn lao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, của cả loài người tiến bộ. Người đã để lại cho chúng ta một di sản rất quý báu. Đó là sự nghiệp vĩ đại, tư tưởng, đạo đức và tác phong của Người.

“Giương cao ngọn cờ quyết chiến quyết thắng của Bác trao cho, với khí thế thừa thắng xông lên, các lực lượng vũ trang nhân dân hãy cùng toàn dân đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, thực hiện lời kêu gọi thiêng liêng của Hồ Chủ tịch “Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi” (Lời kêu gọi của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam).

Năm 1969: Trước sự sụp đổ của chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam Việt Nam. Sau thắng lợi to lớn của ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải đề ra chủ trương “phi

Mỹ hóa” cuộc chiến tranh. Đây là một chủ trương đã hình thành trong quá trình thất bại của chiến lược “chiến tranh cục bộ” đầy mâu thuẫn. Giữa việc đội quân xâm lược lớn của Mỹ đang bị sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam nước ta và tham vọng của chiến lược toàn cầu, đế quốc Mỹ đang gặp tình trạng bế tắc, không lối thoát. Trên chiến trường, đế quốc Mỹ không thể tiếp tục chiến lược “tìm diệt và bình định”, phải vội vã chuyển vào phòng ngự, thực hiện một chiến lược ngược lại với mưu đồ của Mỹ: chiến lược “quét và giữ”, phòng ngự có “bê sâu”. Chúng vẫn sử dụng quân Mỹ và quân ngụy làm hai lực lượng chiến lược. Chiến lược này do tên tướng A-bram đề ra và được chính phủ Mỹ chấp nhận.

Chiến lược đó nhằm mấy yêu cầu sau đây:

- Giữ các thành thị, các căn cứ quân sự, các đường giao thông quan trọng, các vùng đồng bằng đông dân, nhiều của.
- Giữ cho quân Mỹ khỏi bị thiệt hại nặng.
- Giữ cho ngụy quân, ngụy quyền khỏi tan rã, sụp đổ”.

Chủ trương “phi Mỹ hóa” của chính quyền Giôn-xơn tiến hành chưa được bao nhiêu thì Ních-xơn, kẻ đại diện cho những thế lực hiếu chiến phản động và ngoan cố nhất trong giới tư bản lũng đoạn Mỹ, trước sự phá sản của chiến lược toàn cầu “phản ứng linh hoạt”, đã đề ra “học thuyết Ních-xơn” và chiến lược quân sự “ngăn đe thực tế”. Mục đích của Ních-xơn là nhằm khôi phục lại sức mạnh và vị trí, vai trò cường quốc lãnh đạo “thế giới tự do” của Mỹ. Ních-xơn đề ra một chiến lược toàn cầu mới với ba nguyên tắc cơ bản: 1. Sức mạnh của Mỹ. 2. Chia sẻ trách nhiệm. 3. Sẵn sàng thương lượng trên thế mạnh. Đó là một chiến lược thụt lùi trước sự đổ vỡ của chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhưng vẫn hòng giữ nguyên tham vọng của Mỹ, đồng thời Ních-xơn cũng rất thực dụng, đã tranh thủ những hiện tượng thỏa hiệp, phản bội của bọn phản động quốc tế để thực hiện mưu đồ của Mỹ.

Riêng ở châu Á, Ních-xơn chủ trương đẩy mạnh liên minh khu vực nhất là tại Đông Nam châu Á, đặc biệt đề cao vai trò Nhật Bản, lấy Nam Việt Nam làm thí điểm để tập hợp tay sai ở châu Á đàn áp phong trào cách mạng và coi đó là chìa khóa thành công của “học thuyết Ních-xơn” ở châu Á.

Đối với miền Nam nước ta, Ních-xơn điều chỉnh chủ trương “phi Mỹ hóa chiến tranh” của Giôn-xơn thành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” mà mục tiêu cơ bản vẫn là bám giữ Việt Nam, ngăn chặn phong trào cách mạng ở Đông Dương và Đông Nam châu Á, đồng thời giảm bớt sự dính líu trên bộ và tránh một thất bại nhục nhã cho Mỹ. Thực chất của chủ trương này là vẫn dùng người Việt đánh người Việt, dùng người Đông Dương đánh người

Đông Dương, với bom đạn và chỉ huy Mỹ, nó gắn liền với một chiến lược toàn cầu vẫn còn đầy tham vọng của đế quốc Mỹ.

Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Ních-xơn giống chủ trương “phi Mỹ hóa chiến tranh” của Giôn-xơn ở chỗ rút quân Mỹ, duy trì và tăng cường nguy quân nguy quyền để giữ miền Nam trong quỹ đạo chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, trong thế thua, thế bị động, thế xuống thang chiến tranh; nhưng chỗ cần chú ý ở đây là chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, mở đầu cho một kế hoạch mới của một thế lực mới ở Mỹ mà Ních-xơn là kẻ đại diện.

Nếu như “phi Mỹ hóa” là cách xuống thang chiến tranh vào thời kỳ cuối của Giôn-xơn đã tuyệt vọng, một kế hoạch đơn thuần rút quân Mỹ thì “Việt Nam hóa” là tìm cách rút được một bộ phận quan trọng quân Mỹ để giảm khó khăn ở Mỹ và tránh một thất bại quá lộ liễu có thể tai hại đến lợi ích của Mỹ ở trong nước và trên thế giới, tranh thủ thời gian tạo ra được một sự giằng co ổn định có thể cho phép Mỹ kéo dài được tình thế, trên cơ sở đó, Mỹ sẽ đứng ở thế mạnh để đàm phán với ta.

Đó là một chủ trương chiến lược mới, một kế hoạch toàn diện quân sự, chính trị, kinh tế nhằm duy trì chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam mà Ních-xơn đã nói rõ ngày 18 tháng 2 năm 1970, khi trình bày chiến lược này trong phạm trù của “học thuyết Ních-xơn”: “Việt Nam hóa” không phải là cái thay thế cho thương lượng mà là một nhân tố thúc đẩy thương lượng”.

“Học thuyết Ních-xơn” được đem thí nghiệm đầu tiên ở Việt Nam nên bè lũ Ních-xơn đã có những cố gắng rất lớn, rất tập trung để tiến hành một cách tàn bạo và xảo quyệt với ba hình thức mà chúng gọi là: *chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt, chiến tranh hủy diệt*, chúng muốn tạo thành một thứ bạo lực phản cách mạng tổng hợp, với sức mạnh tối đa. Chúng kết hợp các thủ đoạn chính trị, kinh tế, văn hóa với chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý để ra sức xóa bỏ hạ tầng cơ sở của cách mạng, xây dựng cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa thực dân mới.

Ngay từ khi chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Ních-xơn mới ra đời, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, tại Hội nghị tháng 4 năm 1969, đã coi đó là một chủ trương của Mỹ được đề ra trong thế thất bại, bế tắc và chứa đầy những *mâu thuẫn bên trong không thể nào khắc phục được*:

- Một là, vì thất bại và suy yếu mà buộc phải bị động xuống thang, song lại muốn chủ động xuống thang trên thế mạnh, muốn rút bớt lực lượng, giảm chi phí nhưng lại mong tạo ra sức mạnh.

- Hai là, phải xuống thang chiến tranh, rút dần quân Mỹ ra mà lại muốn cho nguy mạnh lên, thay thế được quân Mỹ, một việc quân nguy đã không làm được khi quân Mỹ đang còn hơn 50 vạn quân.

- Ba là, buộc phải xuống thang, rút quân Mỹ ra càng sớm càng tốt để bớt thương vong, giảm chi phí chiến tranh, song quân nguy đang suy yếu thì Mỹ lại phải kéo dài chiến tranh, càng kéo dài thì càng thương vong, khó khăn lên đến mức Mỹ không chịu đựng nổi.

- Bốn là, không rút được quân Mỹ ra thì mâu thuẫn trong nội bộ bọn cầm đầu Mỹ và mâu thuẫn giữa nhân dân với chính phủ Mỹ càng trầm trọng. Mà rút quân Mỹ ra, nguy càng có nguy cơ sụp đổ; nguy thấy bị bỏ rơi, mâu thuẫn giữa Mỹ và nguy, mâu thuẫn giữa các phe phái trong bọn nguy càng gay gắt.

- Năm là, áp dụng chiến lược quân sự “quét và giữ” trong khi mục đích chiến tranh của đế quốc Mỹ là xâm lược, giành dân, chiếm đất, là phải thực hành tiến công. Tiến công, phản công đã bị đánh bại thì làm thế nào một chiến lược phòng ngự có thể giúp Mỹ thực hiện được mục đích xâm lược.

- Sáu là, lực lượng Mỹ - nguy không tăng mà có thể giảm sút, nhiệm vụ quân nguy sẽ rất nặng, chúng không thể nào đảm đương được khi ta đánh mạnh.

“Học thuyết Ních-xơn” và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” tuy rất xảo quyệt, thâm độc, nhưng nó đã ra đời một cách lỗi thời, chỉ phản ánh sự cùng đường, bí lối trong thế thua, thế đi xuống của đế quốc Mỹ, ngày càng bị cô lập về chính trị, nội bộ xâu xé, tinh thần chán ngán và mất hết lòng tin.

Sự phá sản của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ mấy năm sau đó chứng minh những điều phân tích trên đây của Đảng ta là rất đúng đắn và sáng suốt.

Tháng 1-1970: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 18. Thắng lợi to lớn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đầu xuân Mậu Thân năm 1968 đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta bước sang giai đoạn mới, giai đoạn giành thắng lợi quyết định.

Để lãnh đạo cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới, tháng 1 năm 1970, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 18 kiểm điểm sự phát triển của cục diện chiến tranh từ đầu xuân Mậu Thân, chủ yếu là nhìn lại tình hình năm 1969, và đề ra những chủ trương nhiệm vụ công tác lớn phù hợp với tình hình biến chuyển mới.

Trung ương Đảng hoàn toàn nhất trí với các Nghị quyết của Bộ Chính trị đã đánh giá, phân tích tình hình, phân tích những chỗ mạnh, chỗ yếu của ta, của địch một cách đúng đắn, và dự kiến của Bộ Chính trị về khả năng phát triển tình hình.

Về đặc điểm của giai đoạn hiện nay, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 18 thấy rằng: Ta đang phát triển chiến lược tiến công của chiến tranh cách mạng đến đỉnh cao, tạo ra thế chiến lược mới của chiến tranh, và vì ta tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa trong tình hình địch còn lực lượng lớn, nên giai đoạn mới là một quá trình lâu dài, một giai đoạn hết sức gay go, quyết liệt và phức tạp. Về phía địch, chuyển hướng chiến lược, thực hiện âm mưu “Việt Nam hóa chiến tranh”, đế quốc Mỹ đang tập trung giải quyết vấn đề chủ yếu là số quân Mỹ cần và có thể rút và rút trong thời gian bao lâu, để tình hình *bọn ngụy không có đỡ vờ lớn*, để làm thế nào *vấn đề Việt Nam không trở thành vấn đề tranh cử tổng thống của Ních-xơn năm 1972*.

Thời gian có tính chất quyết định là cuối năm 1970 và năm 1971, ta phải kiên quyết đẩy mạnh tiến công toàn diện, đập tan âm mưu “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch.

Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ trước mắt của giai đoạn mới là: “Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cả hai miền, phát huy thắng lợi đã đạt được, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và kinh tế, kết hợp tiến công ngoại giao, vừa tiến công địch, vừa ra sức xây dựng lực lượng quân sự và chính trị của ta ngày càng lớn mạnh; đánh bại âm mưu của chúng xuống thang từng bước, kéo dài chiến tranh để tạo thế mạnh hồng duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới của chúng ở miền Nam Việt Nam; làm thất bại thế chiến lược phòng ngự của địch, tạo ra chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh giành thắng lợi từng bước, đi đến giành thắng lợi quyết định, đánh cho Mỹ phải rút hết quân, đánh cho ngụy phải suy sụp, tạo điều kiện cơ bản để thực hiện một miền Nam độc lập, dân chủ, hòa bình trung lập, tiến tới thống nhất đất nước”.

Trung ương Đảng đã uốn nắn những khuyết điểm trong thời gian qua và nhấn mạnh là phải vận dụng đúng đắn phương châm đẩy mạnh tiến công toàn diện, tiến công cả về quân sự, chính trị và ngoại giao, vận dụng phương châm tiến công trên cả ba vùng chiến lược, *lấy nông thôn là hướng tiến công chính*; vận dụng đúng đắn phương châm chiến lược đánh lâu dài trên cơ sở đó tranh thủ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn, bằng cách đánh bại chiến lược phòng ngự của địch trong giai đoạn mới, đánh bại ý đồ “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ và tay sai, đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Về mặt tác chiến, Trung ương thấy cần chú ý trong khi tiếp tục đẩy mạnh tác chiến chính quy của bộ đội chủ lực, phải *kiên quyết thực hiện cho kỳ được*

một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào chiến tranh du kích ở địa phương; phát triển mạnh mẽ cả ba thứ quân, phải chú trọng lực lượng tinh nhuệ trong cả ba thứ quân, tăng cường các lực lượng vũ trang tại chỗ.

Trung ương nhấn mạnh *công tác hậu cần* là một công tác có tầm quan trọng chiến lược; tổ chức các tuyến hậu cần chiến lược thật vững chắc và bảo đảm tốt hậu cần trong chiến dịch và chiến đấu, chú trọng phát huy khả năng hậu cần tại chỗ.

Dự kiến tình hình có thể diễn biến phức tạp ở Cam-pu-chia, đường vận chuyển cho Nam Bộ và một phần cho Tây Nguyên có thể bị cắt đứt, cần triển khai từng bước hệ thống đường ống, phát triển đường sông, kết hợp nâng cao quy mô đường bộ.

Trước tình hình đó, đặc biệt chú ý phối hợp chiến đấu với quân và dân Lào ở Trung Hạ Lào, coi đó là một yêu cầu rất khẩn trương và nặng nề, phải chủ động có sự chuẩn bị trước để giải quyết tốt.

Trong khi chú ý cả ba vùng chiến lược, cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở thành thị, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và chính trị ở nông thôn, phát động cao trào nổi dậy của quần chúng, ra sức giành dân, giữ dân, mở rộng vùng giải phóng, đánh bại kế hoạch "bình định" nông thôn của địch.

Đối với miền Bắc, sau khi Mỹ ngưng oanh tạc, cần tiếp tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội khẩn trương, có kế hoạch làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn và luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, đánh bại mọi âm mưu khiêu khích vũ trang hoặc mở rộng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai; ra sức làm nhiệm vụ quốc tế, chi viện cho cách mạng Lào, chuẩn bị cùng phối hợp chặt chẽ với quân và dân Lào để đối phó với khả năng xấu nhất khi địch mở rộng chiến tranh ra ở Lào và ở Cam-pu-chia, trước thế bị động, thế thua của chúng ở miền Nam.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 18 của Trung ương Đảng đã có sự phân tích đúng đắn, sáng tạo về đặc điểm tình hình, thấy rõ chỗ mạnh chỗ yếu của ta và địch, và đã quyết tâm đẩy mạnh tiến công, tiến công toàn diện. Trung ương cũng đã có sự chỉ đạo cụ thể và hành động của ta trong trường hợp đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương; do đó, khi Mỹ - ngụy mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia và Lào, chúng ta vẫn giữ vững thế chủ động, đánh cho địch bị thiệt hại nặng nề, giành thắng lợi to lớn, đạt được yêu cầu đã đề ra "tạo ra chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh, giành thắng lợi từng bước, đi đến giành thắng lợi quyết định".

Tháng 2-1970: Xuất bản tác phẩm "Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành thắng lợi mới" của đồng chí Lê

Duẩn. Nhân ba ngày lễ lớn trong năm 1970 (40 năm ngày thành lập Đảng, 25 năm ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Lê-nin), Đảng ta cho xuất bản những tác phẩm lý luận của các đồng chí lãnh đạo của Đảng, trong đó có tác phẩm “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành thắng lợi mới” của đồng chí Lê Duẩn.

Đây là một văn kiện quan trọng của Đảng ta, một tác phẩm đặc sắc về lý luận cách mạng Việt Nam, góp phần làm sáng tỏ thêm đường lối cách mạng đúng đắn sáng tạo của Đảng và tư tưởng cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người Thầy của cách mạng nước ta. Tác phẩm khái quát một cách sâu sắc những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt Nam, trình bày một cách tương đối hoàn chỉnh và có hệ thống những kinh nghiệm cơ bản của cách mạng nước ta, đánh dấu một bước phát triển mới của lý luận cách mạng Việt Nam, của quá trình tổng kết kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhân dân ta và làm giàu thêm kho tàng lý luận cách mạng ở nước ta.

Tác phẩm đã nói lên nhân tố quyết định thắng lợi quan trọng nhất là sự lãnh đạo của Đảng ta, với đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo. Đó là đường lối gương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng quan hệ chặt chẽ với nhau: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nhằm mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, hoàn thành thống nhất nước nhà, tạo điều kiện để đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Với đường lối ấy, Đảng ta đã động viên được đến mức cao nhất lực lượng nhân dân hùng hậu cả nước, kết hợp tiền tuyến lớn với hậu phương lớn, kết hợp sức mạnh nhân dân ta với sức mạnh ba dòng thác cách mạng của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Là kết tinh trí tuệ của tập thể, của toàn Đảng, toàn dân ta trong suốt 40 năm chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng vô cùng anh dũng, thông minh, sáng tạo và đầy thắng lợi vẻ vang, toàn bộ tác phẩm toát lên lập trường cách mạng triệt để, tinh thần cách mạng tiến công của giai cấp công nhân và truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất của dân tộc Việt Nam.

Tác phẩm cũng làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản trong đường lối quân sự của Đảng ta. Đường lối quân sự đó đã khẳng định trong nhiều văn kiện, nghị quyết của Trung ương Đảng và của Quân ủy Trung ương, đã tỏ ra rất đúng đắn và có một sức mạnh vô địch vì nó bắt nguồn trực tiếp từ đường lối chính trị đúng đắn của Đảng ta và luôn luôn được đường lối chính trị chỉ đạo. Đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng trong cách mạng dân

tộc dân chủ và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng được nêu lên trong tác phẩm chính là cơ sở chính trị và lý luận của những vấn đề cơ bản trong đường lối quân sự của Đảng. *Chỉ có nắm vững phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng của Đảng mới quán triệt được mục đích chính trị của chiến tranh cách mạng và mục tiêu chiến đấu của quân đội ta; có hiểu rõ sự bố trí khoa học lực lượng cách mạng to lớn mới thấu triệt đường lối xây dựng lực lượng chiến tranh cách mạng và lực lượng vũ trang nhân dân; có thấm nhuần phương pháp cách mạng mới nhận thức và vận dụng sáng tạo phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân.*

Ngày 24 và 25-4-1970: Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương. Ngày 18 tháng 3 năm 1970, đế quốc Mỹ đã chỉ huy bọn tay sai Lon Non - Xi-rích Ma-tắc tiến hành cuộc đảo chính ở Cam-pu-chia, lật đổ chính phủ Xi-ha-núc. Sau đó, ngày 30 tháng 4, chúng mở cuộc phiêu lưu quân sự tiến công sang Cam-pu-chia. Đẩy mạnh "chiến tranh đặc biệt" ở Lào và mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia, đế quốc Mỹ muốn tạo điều kiện thực hiện "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam Việt Nam, đồng thời nối liền Sài Gòn, Phnôm Pênh và Băng Cốc thành một trục tay sai đặc lực để chia cắt, cô lập, bóp nghẹt cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam và thống trị nhân dân các nước Đông Dương và Đông Nam châu Á.

Nhưng tình hình không diễn biến theo dự tính và mong đợi của Mỹ. Một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi đã hình thành ở Cam-pu-chia lấy tên là "Mặt trận thống nhất dân tộc Cam-pu-chia"; Chính phủ vương quốc đoàn kết dân tộc Cam-pu-chia và Quân đội giải phóng dân tộc Cam-pu-chia đã được thành lập. Nhân dân Cam-pu-chia đã kiên quyết đứng lên chiến đấu "chống mọi âm mưu và hành động xâm lược của đế quốc Mỹ và lật đổ chế độ độc tài của bọn tay sai của chúng do bọn Lon Non - Xi-rích Ma-tắc cầm đầu, để xây dựng một nước Cam-pu-chia độc lập, hòa bình, trung lập, dân chủ và phồn vinh" (cương lĩnh của Mặt trận thống nhất dân tộc Cam-pu-chia).

Trên tinh thần đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược, Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương gồm những người đứng đầu của Việt Nam dân chủ cộng hòa, Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia họp trong hai ngày 24 và 25 tháng 4 năm 1970 đã thành công tốt đẹp, đánh dấu một bước phát triển mới trong lịch sử đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước, lịch sử trưởng thành và lớn mạnh của nhân dân Đông Dương chống đế quốc.

Đồng chí Phạm Văn Đồng đã phát biểu trong buổi khai mạc Hội nghị: "Trên đà thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở ba nước chúng ta, và trong tình hình rất nghiêm trọng hiện nay do sự can thiệp và xâm lược

của đế quốc Mỹ gây ra, hội nghị cấp cao của nhân dân Đông Dương lần này là hội nghị tăng cường đoàn kết, siết chặt hàng ngũ của nhân dân Cam-pu-chia, nhân dân Lào và nhân dân Việt Nam để kiên trì và đẩy mạnh chiến đấu ngoan cường và quyết liệt, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn”.

Hội nghị đã ra một bản tuyên bố chung có tính chất cương lĩnh đấu tranh của nhân dân ba nước Đông Dương đồng thời cũng là hiến chương về mối quan hệ giữa nhân dân ba nước láng giềng cùng nhau đoàn kết chống kẻ thù chung.

Thắng lợi của Hội nghị cấp cao nhân dân ba nước Đông Dương, phản ánh những thắng lợi của cuộc đấu tranh quân sự và chính trị của nhân dân ba nước Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào, đã có sức cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh đó. Những đòn giáng trả quyết liệt vào đế quốc Mỹ và bọn tay sai trên chiến trường các nước Đông Dương trong năm 1970-1971, nhất là trên chiến trường Lào và Cam-pu-chia, chứng minh nhân dân các nước Đông Dương đã nhận thức sâu sắc rằng vận mệnh của ba nước Đông Dương gắn bó chặt chẽ với nhau: không nước nào có thể sống yên ổn tự do khi lãnh thổ của nước kia còn bị đế quốc xâm lược.

Ngày 19-6-1970: Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị về "Tình hình mới trên bán đảo Đông Dương và nhiệm vụ mới của chúng ta". Từ đầu năm 1970, Mỹ - ngụy đã có những cố gắng rất lớn, thực hiện những bước phiêu lưu liều lĩnh nhất, đặc biệt là trên chiến trường Cam-pu-chia và Lào, đúng như dự kiến của Bộ Chính trị tháng 4 năm 1969 và Nghị quyết Trung ương lần thứ 18, tháng 1 năm 1970. Quân và dân ta chấp hành các Nghị quyết của Đảng và Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết chặt chẽ với nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào, với tinh thần sáng tạo, không tiếc máu xương, vượt mọi khó khăn, ác liệt, gian khổ, đã giành được thắng lợi to lớn. Từ đó đến nay, sự phát triển mới trong cục diện chiến tranh có nhiều vấn đề đặt ra, Bộ Chính trị thấy đã có điều kiện và cần kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp lãnh đạo đưa cách mạng tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Ngày 19 tháng 6 năm 1970, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết về "Tình hình mới trên bán đảo Đông Dương và nhiệm vụ mới của chúng ta".

Sau khi kiểm điểm những diễn biến từ đầu năm đến nay về địch, Bộ Chính trị thấy rằng "tuy đã bị thất bại nặng nề, nhưng do bản chất cực kỳ ngoan cố của chúng, lại do còn tiềm lực, đế quốc Mỹ sẽ tìm cách kéo dài chiến tranh, vừa xuống thang vừa phản công bộ phận, vừa rút quân Mỹ, vừa tiếp tục những hành động phiêu lưu trong thế bị động và thất bại; chúng còn tìm cách mở rộng chiến tranh xâm lược ra các nước trên bán đảo Đông Dương theo phương thức và hạn độ chúng cho là thích hợp và có lợi, nhằm

phối hợp với "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam Việt Nam và để đàn áp cách mạng Cam-pu-chia và Lào. Đồng thời chúng sẽ dựa vào các bọn tay sai để xây dựng tuyến chiến lược mới bao gồm miền Nam Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào và Thái Lan, ra sức tập hợp lực lượng phản động khác ở châu Á nhằm tiếp sức cho đế quốc Mỹ trên chiến trường Đông Dương, hình thành những liên minh khu vực để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, ngăn ngừa ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và chuẩn bị bàn đạp để tiến công phe xã hội chủ nghĩa".

Trên cơ sở phân tích chỗ yếu và chỗ mạnh của địch, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ mới của chúng ta là "động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả hai miền Nam - Bắc nước ta, tăng cường khối đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương trở thành một khối thống nhất, có một chiến lược chung, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến cứu nước của nhân dân ba nước chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai".
Cụ thể:

Đối với miền Nam Việt Nam, là "chiến trường quan trọng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ba nước Đông Dương", là nơi lực lượng địch và ta đều tập trung ở đây, thắng lợi của ta và thất bại của địch chỉ phối phát triển của cục diện chính trị và quân sự trên bán đảo Đông Dương. Nhiệm vụ cụ thể của miền Nam nước ta là "kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến, kết hợp chặt chẽ hơn nữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận, tiếp tục xây dựng thế tiến công chiến lược mới ngày càng mạnh mẽ, tiêu diệt thật nhiều lực lượng quân sự của Mỹ - ngụy, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng quân đội ngụy tay sai, tập trung lực lượng đập tan kế hoạch "binh định" và âm mưu "Việt Nam hóa chiến tranh", làm thất bại chiến lược phòng ngự kéo dài chiến tranh của chúng".

Cần nhân khi địch đưa quân sang và bị sa lầy trên chiến trường Cam-pu-chia mà đẩy mạnh hoạt động ở đồng bằng sông Cửu Long và uy hiếp xung quanh Sài Gòn và các đô thị khác.

Chiến trường Cam-pu-chia là chiến trường mới mở ra, là khâu yếu nhất của địch trên toàn bộ bán đảo Đông Dương; ở đó, đang diễn ra một kiểu chiến tranh xâm lược đặc biệt, vừa có lực lượng tay sai bản xứ được sự yểm hộ của Mỹ, vừa có quân Mỹ trực tiếp tham gia, vừa có quân ngụy miền Nam làm nòng cốt. Nhiệm vụ chúng ta là "ra sức giúp đỡ và phối hợp với bạn nắm vững thời cơ, tiếp tục phát triển thế tiến công liên tục, đưa cách mạng Cam-pu-chia tiến lên mạnh mẽ... Phải tiêu diệt và làm tan rã phần lớn quân đội tay sai và ngụy quyền các cấp, đánh cho chúng không kịp củng cố, đẩy mạnh chiến tranh du kích và nổi dậy của quần chúng ở vùng nông thôn rộng lớn, vừa phát triển vừa củng cố về mọi mặt, bao vây cô lập và tiến công các

thành thị địch còn kiểm soát, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, triệt phá các đường giao thông, phá hoại hoạt động kinh tế của địch, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của chúng hòng giành giật những vùng đã mất. "*Vấn đề tiêu diệt quân nguy miền Nam, lực lượng nòng cốt của địch trên chiến trường này, là một vấn đề chiến lược rất quan trọng*". Trước mắt đẩy mạnh tiến công về hướng Phnôm Pênh, uy hiếp thủ đô của địch, kết hợp tập kích quân sự với nổi dậy của quần chúng, đảo chính gây binh biến.

Đối với chiến trường Lào, từ khi chiến tranh mở rộng sang Cam-pu-chia, Lào càng có vị trí hiểm yếu, nhất là vùng Trung - Hạ Lào, vì đó là hành lang nối liền hậu phương miền Bắc nước ta với chiến trường miền Nam và Cam-pu-chia. Nhiệm vụ của chúng ta là "ra sức giúp đỡ và phối hợp với bạn tiếp tục khuếch trương thắng lợi vừa qua, kiên quyết tiến công địch về mọi mặt, đưa cách mạng Lào tiến lên; cần động viên mọi cố gắng tiêu diệt bộ phận quan trọng hơn nữa của lực lượng quân sự và lực lượng chính trị phản động, ra sức mở rộng và củng cố vùng giải phóng rộng lớn về mọi mặt theo một kế hoạch toàn diện và lâu dài, đẩy mạnh chiến tranh du kích và đấu tranh chính trị vào sâu, sát sông Mê Công, đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở các thành thị". Cấp thiết trong thời gian tới là giúp đỡ và cùng bạn mở rộng và xây dựng vùng Trung - Hạ Lào thành căn cứ địa ngày càng vững mạnh, bảo vệ hành lang chiến lược có ý nghĩa vô cùng quan trọng của ta.

Miền Bắc nước ta nay không những là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam mà còn là hậu phương chung của cách mạng các nước Lào và Cam-pu-chia. Nhiệm vụ của nhân dân ta ở miền Bắc là phải: "Ra sức động viên sức người sức của cho tiền tuyến, góp phần lớn nhất của mình vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ở miền Nam và của nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia", đồng thời "cần thật sự nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, đánh bại mọi âm mưu khiêu khích mở rộng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ".

Dự kiến sự phát triển của tình hình, Bộ Chính trị nhận định: "Một là, Mỹ - ngụy bị đánh bại trên chiến trường Cam-pu-chia, bị khoét sâu những mâu thuẫn và chỗ yếu, làm cho cục diện ở Cam-pu-chia có những thay đổi đột biến, tạo thời cơ tốt cho ta giành được thắng lợi tương đối sớm. Hai là, cách mạng phát triển thắng lợi nhưng còn có những khó khăn và nhược điểm nhất định, đế quốc Mỹ tiếp tục tăng cường và mở rộng chiến tranh, chiến tranh có thể đi vào thế giằng co và kéo dài. Ta cần tranh thủ khả năng thứ nhất, đánh bại âm mưu kéo dài và tăng cường chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trên chiến trường Đông Dương, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi quyết định, đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi bán đảo Đông Dương.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược trên đây, Bộ Chính trị nhấn mạnh phải *nắm vững và vận dụng đúng quy luật của chiến tranh nhân dân và phương châm chiến lược cho phù hợp với tình hình mới, ra sức xây dựng thế tiến công chiến lược* trên chiến trường Đông Dương bằng cố gắng xây dựng lực lượng vũ trang và chính trị của ta ngày càng mạnh trên các chiến trường, hết sức xây dựng hậu phương trực tiếp, mở rộng căn cứ địa vững mạnh, làm tốt công tác hậu cần chiến lược và chiến dịch.

Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 6 năm 1970 là sự lãnh đạo rất quan trọng, rất kịp thời đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, khi đế quốc Mỹ đã mở rộng chiến tranh ra cả bán đảo Đông Dương. Với sự phân tích, đánh giá lực lượng và thế chiến lược của địch và của ta một cách chính xác, nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ và yêu cầu trước mắt đúng đắn, sắc bén, chỉ đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đoàn kết chặt chẽ với nhân dân hai nước anh em, cùng nhau tiến lên giành thắng lợi mới.

Năm 1970: Lực lượng vũ trang nhân dân ta cùng quân và dân Cam-pu-chia đánh bại các cuộc hành quân của Mỹ - ngụy, đưa cách mạng Cam-pu-chia phát triển nhảy vọt sang một giai đoạn mới. Sau cuộc đảo chính phản động lật đổ chính phủ Xi-ha-núc, ngày 30 tháng 4 năm 1970, đế quốc Mỹ huy động 10 vạn quân gồm 5 vạn quân Mỹ, 5 vạn quân ngụy Sài Gòn mở cuộc tiến công xâm lược Cam-pu-chia, mở rộng chiến tranh trên bán đảo Đông Dương. Mục đích của chúng là xóa bỏ nền trung lập của Cam-pu-chia không có lợi cho mưu đồ của đế quốc Mỹ, đưa Cam-pu-chia vào quỹ đạo của Mỹ; cắt đứt đường vận chuyển của ta qua Cam-pu-chia; phá vùng hậu phương chiến lược trực tiếp đối với chiến trường Nam Bộ, trước hết là phá vỡ thế uy hiếp tiến công của ta đối với những vùng hang ổ sống còn của chúng; phá sự chuẩn bị đánh lớn của ta vào Sài Gòn và vùng đồng bằng Cửu Long.

Từ 30 tháng 4 đến 30 tháng 6, chúng đã mở 23 cuộc hành quân nhằm vào các hướng đông và đông nam Xoài Riêng (29 đến 6 tháng 5), Mi-mốt - Xnun (1 tháng 5 đến 30 tháng 6), Ta-keo - đông Cam-pốt (17 tháng 5 đến 22 tháng 5) với 75 tiểu đoàn bộ binh (12 tiểu đoàn Mỹ), 22 tiểu đoàn pháo, 7 tiểu đoàn và thiết đoàn cơ giới. Phạm vi hoạt động trong sáu tỉnh biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia (Ta-keo, Cam-pốt, Kôm-pông Châm, Xoài Riêng, Prây Veng, Ra-ta-na-ki-ri) sâu vào đất Cam-pu-chia 30 - 40km, có nơi 80km.

Khi Mỹ vừa xuất quân vượt qua biên giới đánh sang Cam-pu-chia, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã kịp thời chỉ thị cho Trung ương Cục và Quân ủy Miền: "Cần tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng và kế hoạch cùng các đồng chí bạn đánh chiếm và mở rộng vùng giải phóng 7 tỉnh biên giới, từ biên giới ta đến bờ sông Mê Công, đồng thời giúp bạn lập khu du kích

ở tây nam, bắc và tây bắc. Bộ đội chủ lực ở biên giới không những có nhiệm vụ tiếp tục đánh Mỹ - ngụy trên đất ta mà còn có nhiệm vụ tiến công kiên quyết phối hợp với bạn tác chiến mở rộng mặt trận, mở rộng vùng giải phóng phía sau trên đất Cam-pu-chia, đánh bại âm mưu của Mỹ".

Bộ Chính trị nhận định rằng, Mỹ đảo chính và đưa quân sang Cam-pu-chia tuy có gây cho ta một số khó khăn, nhưng Mỹ đang xuống thang ở Việt Nam, quân ngụy đang bị căng ra để thay thế quân Mỹ, nay lại phải mở mặt trận mới, quân ngụy Lon Non lại rất yếu; chiến trường này là khâu yếu nhất của địch trên toàn bộ chiến trường Đông Dương; đây là một sự phiêu lưu của địch, một sai lầm nghiêm trọng của chúng. Ta cần đánh nhanh, mạnh, gọn, tổ chức thế trận tiến công mới, tranh thủ lúc chúng chưa ổn định mà phát động tiến công toàn diện.

Bộ Chính trị coi "Cam-pu-chia là một địa bàn khá quan trọng về mặt quốc tế, nên ta cần ngăn chặn và hạn chế sự tập hợp của các lực lượng phản động quốc tế; ta làm nhanh và mạnh... phát động được nhân dân Cam-pu-chia nổi dậy càng mạnh mẽ bao nhiêu, càng làm cho bọn đế quốc và lực lượng phản động khác lăm le can thiệp vào Cam-pu-chia phải lúng túng bấy nhiêu".

Những nhận định và chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương rất kịp thời và chính xác. Do đó, khi Mỹ - ngụy mở các cuộc hành quân, thì lực lượng vũ trang ta đã chuẩn bị đánh địch tới tấp, làm chúng bị thiệt hại nặng nề, nhất là trên các vùng Chúp, Đâm Be, Xnun.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 1970, trước những thất bại nặng nề và bị áp lực của nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ, quân đội Mỹ xâm lược đã phải rút ra khỏi Cam-pu-chia, chỉ dùng không quân chi viện cho quân ngụy Sài Gòn với cường độ rất cao (170 tấn bom/ngày), giúp cho bọn này trụ lại được với lực lượng 20 tiểu đoàn.

Lực lượng vũ trang ta phối hợp với quân và dân Cam-pu-chia, đến tháng 6 năm 1970 đã tiêu diệt và làm bị thương 170.000 Mỹ - ngụy, bắn hỏng và cháy trên 1.500 xe quân sự, có 750 xe tăng và xe bọc thép, bắn rơi 20 máy bay; đến tháng 11 năm 1970 đã diệt 54.785 địch (có 13.770 Mỹ) gồm 9 tiểu đoàn, 71 đại đội bộ binh (có 2 tiểu đoàn và 19 đại đội Mỹ); đánh thiệt hại nặng 1 chiến đoàn, 17 cụm (có 5 cụm Mỹ); 83 đại đội bộ binh (có 15 đại đội Mỹ), thu 445 súng các loại, phá 620 máy bay, 3.375 xe, 66 tàu xuống, 374 khẩu pháo, 78 kho, giải phóng hoàn toàn 5 tỉnh: Stung Treng (5-1970), Ra-ta-na-ki-ri (27-6-1970), Kra-chi-ê, Mun-đu-ki-ri, Prếch Vi-hia, giải phóng phần lớn vùng nông thôn trong 10 tỉnh khác. Vùng giải phóng Cam-pu-chia đã hình thành trên một khu vực rộng lớn với 61 quận trong tổng số 102 quận, có 4.545.000 dân trong tổng số 7 triệu dân Cam-pu-chia.

Các cuộc hành quân của Mỹ và ngụy Sài Gòn sang Cam-pu-chia năm 1970 tuy có gây cho ta một số khó khăn, nhưng chúng đã không đạt được yêu cầu đề ra như chính Oét-mo-len đã thú nhận trong cuốn *Một người lính tường trình*: "Cuộc đột kích vào Cam-pu-chia, bắt đầu ngày 30 tháng 4 đã đạt được kết quả lớn (?), mặc dầu chỉ một phần các kho tiếp tế của địch là bị phá hủy - không tìm được Bộ chỉ huy Trung ương Cục miền Nam, điều không may là tổng thống đã nói với báo chí rằng đó là mục đích của cuộc hành quân". Tuy nhiên, còn có những thất bại quan trọng khác mà Oét-mo-len không dám nói ra, là chúng bị tiêu diệt một số lớn sinh lực và phương tiện chiến tranh trong các cuộc hành quân này; cuộc chiến đấu chống Mỹ xâm lược đã gắn chặt tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương; phong trào cách mạng ở Cam-pu-chia đã nổi lên mạnh mẽ và nhân lúc Mỹ - ngụy đưa quân ra ngoài, ở miền Nam Việt Nam, việc đánh phá, "bình định" và tác chiến tiêu diệt địch của ta có nhiều thuận lợi, đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

Tháng 2-1970: Chiến thắng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng. Tháng 8 năm 1969, Mỹ và bọn tay sai ở Lào mở cuộc hành quân "Cù Kiệt", lấn chiếm vùng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng. Chúng quyết tâm bám giữ vùng này để làm bàn đạp tiến sâu vào vùng giải phóng, uy hiếp Sầm Nưa, căn cứ địa cách mạng ở Lào. Cuộc hành quân này còn nhằm phối hợp với việc thực hiện kế hoạch "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam Việt Nam, uy hiếp miền Bắc Việt Nam từ phía tây đồng thời thực hiện chiến lược "phòng ngự từ xa" bảo vệ phòng tuyến sông Mê Công của Mỹ, Thái Lan và che chở cho sào huyệt đầu não của bọn phỉ Vàng Pao ở Long Chẹng, cố vực tinh thần sa sút của bọn tay sai sau các thất bại ở Nậm Bạc và Mường Xú. Đây là cố gắng quân sự lớn nhất của Mỹ và tay sai ở Lào so với bất kỳ một cuộc hành quân nào trước đây. Chúng đã tập trung một lực lượng lớn: 10 tiểu đoàn đặc biệt, 4 tiểu đoàn chiếm đóng, 1 tiểu đoàn biệt kích, 1 tiểu đoàn cơ động, 3 tiểu đoàn thám kích đặc biệt, nhiều cụm phỉ và 5.000 quân Thái Lan mặc quân phục Lào, với tổng số quân 12.000 tên, có 5 đại đội máy bay chiến đấu Mỹ yểm trợ, 100 máy bay lên thẳng để cơ động và tiếp tế, cùng rất nhiều pháo, dưới quyền chỉ huy của CIA, thông qua bộ chỉ huy hỗn hợp Mỹ - Thái - Vàng Pao. Lợi dụng mùa mưa, quân địch lấn chiếm được Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, tiến ra các cửa ngõ gần biên giới Việt Nam như Bản Ban - Nọng Hét. Ngay sau đó, các đơn vị chủ lực và địa phương của bộ đội Pa-thét Lào, các đơn vị tình nguyện Việt Nam, các đơn vị của lực lượng trung lập yêu nước, cùng dân quân du kích Lào đã liên tục bám sát đánh địch quyết liệt. Vừa ngăn chặn, vừa thọc sâu vào trong lòng đội hình của địch, trong 5 tháng chiến đấu (tháng 9 năm 1969 đến tháng 1 năm 1970), lực lượng vũ

trang cách mạng Lào - Việt đã loại khỏi chiến đấu 4.500 tên, bắn rơi và phá hủy 13 máy bay, đánh thiệt hại nặng 6 tiểu đoàn địch.

Đầu tháng 2 năm 1970, Quân ủy Trung ương Lào hạ quyết tâm tiêu diệt quân địch, giải phóng hoàn toàn khu vực Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng. Cuộc tiến công bắt đầu từ đêm 10 tháng 2 năm 1970, đến 21 tháng 2 năm 1970 quân địch đã bị quét sạch khỏi các vị trí cuối cùng của chúng trong khu vực này, 6.000 tên (phần lớn là lực lượng đặc biệt) đã bị loại khỏi chiến đấu, hàng nghìn tên khác bỏ trốn. Bọn và ta thu, phá hủy hàng nghìn súng các loại, trong đó có 25 đại bác và súng cối cỡ lớn, thu và phá hủy 70 xe quân sự (có cả xe tăng và xe bọc thép), bắn rơi và phá hủy 42 máy bay các loại, thu và phá hủy trên 100 máy vô tuyến điện. Chiến thắng lớn Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng lần này là một đòn nặng giáng vào đế quốc Mỹ và tay sai, đập tan cố gắng quân sự cao nhất của chúng trên một địa bàn chiến lược quan trọng ở Lào, đánh lùi một bước những ý đồ và thủ đoạn chiến lược mới của Mỹ ở Lào, đẩy chúng đến những khó khăn lúng túng mới. So sánh lực lượng tiếp tục chuyển biến có lợi cho cách mạng Lào.

Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1970: Giải phóng A-tô-pơ và Xa-ra-van. Sau chiến thắng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, lực lượng vũ trang cách mạng Lào - Việt liên tiếp tiến công địch, đuổi địch khỏi vùng Pắc Beng (U-đôm-xay), tây bắc Lào, giải phóng một vùng rộng lớn dọc theo sông Mê Công 100km; kết hợp tiến công quân sự với vận động thu phục, đã quét sạch hết số phỉ trong tỉnh Sầm Nưa và một phần tỉnh Luông Pha Băng, chủ động tiến công diệt bọn địch nằm giữa khu đệm hai tỉnh Xiêng Khoảng Bô-ri Khăm-xay, xây dựng củng cố thể liên hoàn hai tỉnh, v.v. Đêm 28 rạng ngày 29 tháng 4, nhằm đánh bại âm mưu của Mỹ chia cắt, bóp nghẹt cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam Việt Nam và chiến tranh cách mạng Cam-pu-chia, các lực lượng vũ trang cách mạng Lào - Việt ở Hạ Lào đã tiến thẳng vào A-tô-pơ, một căn cứ của phỉ và biệt kích chuyên đi đánh phá vùng giải phóng và vùng ba biên giới. Lực lượng địch ở đây có tiểu đoàn BV43, tiểu đoàn 4B1, 1 đại đội công chức võ trang và 1 đại đội cảnh sát gồm 800 tên. Đến 30 tháng 4, số quân địch chỉ còn 300 tên, chúng đã phải rút khỏi A-tô-pơ về Nhà Hón (đỉnh Phu Luông, cao nguyên Bô-lô-ven). Ngày 1 tháng 5 năm 1970, thị xã A-tô-pơ và vùng phụ cận với một vạn dân được giải phóng.

Sau khi chiến thắng ở A-tô-pơ, bộ đội Lào - Việt đã liên tiếp tiến công, đánh bại nhiều đợt phản công của địch và đến tháng 6 năm 1970, tiến công thị xã Xa-ra-van. Quân địch ở đây có tiểu đoàn BV41 được tăng cường 1 pháo 105, 2 cối 106,7, 4 xe thiết giáp. Bị thiệt hại nặng nề chúng đã phải tháo chạy khỏi thị xã Xa-ra-van và một số vị trí quanh thị xã. Ngày 9 tháng 6 năm 1970, lực lượng vũ trang Pa-thét Lào tiếp quản thị xã và vùng lân cận.

Chiến thắng Cánh Đồng Chum và việc giải phóng A-tô-ơ, Xa-ra-van ở Lào cùng với việc giải phóng vùng đông bắc Cam-pu-chia trong nửa đầu năm 1970, có ý nghĩa chiến lược rất to lớn. Nó tạo nên một địa bàn chiến lược liên hoàn rộng lớn, nối liền miền Bắc nước ta với Thượng Lào và Trung - Hạ Lào, với miền Tây Trị - Thiên, Tây Nguyên, Nam Bộ, đông bắc Cam-pu-chia, hình thành một khu căn cứ cách mạng vững chắc ở khu vực Trung Đông Dương, một thế trận vững chắc của nhân dân ba nước Đông Dương, dựa lưng vào nhau nên càng có thêm sức mạnh. Đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn Đông Dương, mong cô lập phong trào cách mạng miền Nam nước ta, bóp nghẹt sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, làm yếu cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Nhưng trái lại, được sự giúp đỡ chí tình của nhân dân Lào anh em, đường vận chuyển chiến lược của ta lại mở rộng ra cả phía Tây Trường Sơn, kết hợp cả đường ô tô và đường sông, xuyên vào miền Nam một cách thông suốt.

Ba nước trên bán đảo Đông Dương trước hành động xâm lược của kẻ thù chung, đã trở thành một mặt trận; trên thực tế đã hình thành một chiến trường thống nhất chống Mỹ, mà chiến trường quyết liệt nhất là miền Nam Việt Nam.

Tháng 2-1971: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 19. Tháng 2 năm 1971, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị toàn thể lần thứ 19 để giải quyết nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Hội nghị đã nghe báo cáo và thảo luận về cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đây là hội nghị Trung ương đầu tiên sau bốn năm chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ đã đặt trọng tâm vào việc giải quyết các vấn đề kinh tế của miền Bắc, đưa nền kinh tế miền Bắc tiến lên thành một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trước tình hình đế quốc Mỹ liên tiếp có nhiều hành động phiêu lưu nhằm kéo dài và mở rộng chiến tranh, Hội nghị Trung ương Đảng một lần nữa khẳng định: "Chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta". Nghị quyết của Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ hiện nay của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta là: "Ra sức thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến, nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà".

Từ tháng 2 đến 3-1971: Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào. Trước những thất bại nặng nề trên chiến trường ba nước Đông Dương năm 1970, đế quốc Mỹ và tay sai đã thấy rõ thế sa lầy và triển vọng đen tối của chúng khi bước

vào năm 1971. Nhưng, rất ngoan cố, chúng không cam chịu thất bại và lại lao vào một cuộc phiêu lưu mới, hy vọng nhờ đó thoát ra khỏi tình hình bế tắc của chúng. Từ đầu tháng 2 năm 1971, chúng mở cuộc hành quân chiến lược lớn mang tên "Lam Sơn 719" đánh lên khu vực biên giới Đường 9 - Nam Lào nhằm mục đích: 1. Phá hành lang chiến lược của ta, "bóp nghẹt từ cuống họng" đường chi viện vào Nam, nhằm chặn đứng một cách cơ bản luồng tiếp tế sau khi đã cắt được con đường vận chuyển qua cảng Kôm-pông Xom; 2. Thủ thách quân nguy Nam Việt Nam trong việc thực hiện công thức "bộ binh nguy cộng với hỏa lực Mỹ" của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", bằng cách đưa quân nguy đối chọi với chủ lực miền Bắc Việt Nam tại một chiến trường rừng núi tiếp giáp với miền Bắc nước ta, trên cơ sở đó mà có thể hoàn thành kế hoạch "Việt Nam hóa" vào năm 1972; 3. Lập một tuyến ngăn chặn cắt đôi Đông Dương, tạo cho chúng một thế mạnh ở miền Nam nước ta, uy hiếp miền Bắc, hỗ trợ cho chiến tranh đặc biệt ở Lào và cuộc chiến tranh xâm lược của chúng ở Cam-pu-chia.

Chúng ta đã nắm rất đúng ý đồ, dự đoán đúng kế hoạch hành quân của chúng, nên đã chuẩn bị một kế hoạch tác chiến chu đáo. Quyết tâm của Đảng ta là bằng một chiến dịch phản công lớn có ý nghĩa chiến lược, giành một thắng lợi chiến lược làm thay đổi cục diện ở chiến trường Đông Dương, đánh bại một bước cơ bản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", âm mưu của đế quốc Mỹ bóp nghẹt, đẩy lực lượng chủ lực của ta ra khỏi miền Nam, đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới.

Ngày 9 tháng 2 năm 1971, Quân ủy Trung ương ra chỉ thị cho các lực lượng vũ trang ta, quyết tâm thực hiện lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: "*Tập trung lực lượng, kiên quyết tiêu diệt thật nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ - nguy, bảo vệ bằng được con đường chi viện cho các tiền tuyến, phối hợp với các chiến trường, với nhân dân các nước Lào và Cam-pu-chia anh em, đập tan hành động phiêu lưu quân sự của đế quốc Mỹ và tay sai*" tiến lên giành toàn thắng cho chiến dịch.

Về tư tưởng chỉ đạo tác chiến trong chiến dịch, Quân ủy Trung ương đề ra phải hết sức *tích cực chủ động*, mưu trí linh hoạt, dũng mãnh, liên tục tiến công địch, đánh tiêu diệt gọn, làm chủ chiến trường, bắt tù binh, thu vũ khí, đánh thắng giòn giã ngay trong trận đầu; phát huy mọi cách đánh, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa đánh lớn, kết hợp giữa tác chiến và vận động binh lính địch, quyết tâm tiêu diệt địch trong mọi tình huống, nắm vững và tạo nên thời cơ, tranh thủ thời gian để đánh thắng địch; địch ra, kiên quyết tiêu diệt; địch co lại, kiên quyết đập vỡ, tiêu diệt; địch chạy, kiên quyết truy kích; vừa tiêu diệt địch vừa bảo vệ vận chuyển tiếp tế, căn cứ, kho tàng; chú trọng đánh máy bay, diệt cơ giới và pháo binh địch; chú trọng phòng không, phòng hóa, nghi binh, giữ bí mật thật tốt.

Đối với địch, đây là cuộc hành quân điển hình theo kiểu "Việt Nam hóa chiến tranh", nhằm giành thắng lợi về quân sự và cả về chính trị cho quân ngụy quyền, nên chúng đã tập trung gần toàn bộ lực lượng dự bị chiến lược của quân ngụy, một phần lực lượng của quân đoàn 1, gồm 47 tiểu đoàn bộ binh, 9 thiết đoàn và 21 tiểu đoàn pháo, chủ yếu là quân ngụy, còn quân Mỹ có tham gia 7 tiểu đoàn bộ binh và 2 tiểu đoàn cơ giới, nhưng làm lực lượng dự bị phía sau, tổng số địch gồm 45.000 quân, trong đó có 20.000 là lực lượng dự bị chiến lược tinh nhuệ thiện chiến nhất của Sài Gòn, có sự phối hợp rất cao của không quân Mỹ với nhiều trang bị kỹ thuật hiện đại. Với lực lượng như vậy, chúng rất chủ quan, dự tính chỉ trong ngày thứ hai của cuộc hành quân là chiếm được Sê Pôn và sau đó tiến về Xa-van-na-khét, hình thành tuyến ngăn chặn chia cắt Đông Dương.

Ngay từ đầu, địch đã bị chặn đứng do gặp phải những trận phản công tới tấp; ở đâu chúng cũng bị đánh, bọn nào cũng bị đánh. Lực lượng tại chỗ của ta kết hợp với các đơn vị cơ động và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang Pa-thét Lào, đã liên tiếp tiến công vô cùng dũng mãnh và tài giỏi. Sau 43 ngày chiến đấu, quân và dân Việt - Lào đã đập tan cuộc hành quân của địch, diệt trên 23.000 tên, phá hủy và bắn rơi gần 500 máy bay các loại, thu gần 600 xe quân sự và 150 khẩu pháo. Tàn binh địch bỏ chạy tan tác bị ta bắt sống rất nhiều, kể cả bộ chỉ huy lữ đoàn... Những trận đánh Bản Đông, cầu Cha Ki, Lao Bảo... đã thành những chiến công lịch sử của lực lượng vũ trang hai dân tộc Việt - Lào.

Phối hợp với chiến trường Đường 9 - Nam Lào, từ Trị - Thiên đến Tây Nguyên, Khu 5, Nam Bộ, quân và dân ta đã tiến công địch rộng khắp, nổi nhất là ở bắc Quảng Trị, Tây Nguyên. Nhìn chung, tình hình chiến trường miền Nam đã được cải thiện rõ rệt. Quân và dân Lào ở Thượng Lào, Hạ Lào đã phối hợp rất tốt, tranh thủ đẩy mạnh tiến công, phát triển thắng lợi, lập thành tích giõn giã: ở Thượng Lào ngày 13 tháng 2, quân và dân Lào tiến công Long Chặng - căn cứ biệt kích của CIA và Vàng Pao; ở Hạ Lào, ngày 10 tháng 3, lực lượng cách mạng đuổi địch rút chạy khỏi đồng nam cao nguyên Bô-lô-ven, sau đó thừa thắng đánh thẳng vào Pắc Soòng, Bản Nhích, giải phóng hoàn toàn cao nguyên Bô-lô-ven (15 tháng 5 đến 11 tháng 6 năm 1971).

Trên chiến trường Cam-pu-chia, lực lượng cách mạng áp sát Phnôm Pênh, tiến công sân bay Pô-chen-tông, phá hủy nhiều máy bay, diệt giặc lái; thắng lợi lớn nhất là chiến dịch phản công đường 7, đánh bại cuộc hành quân "Toàn thắng" của quân ngụy Sài Gòn và quân ngụy Cam-pu-chia từ 4 tháng 2 đến 17 tháng 4 năm 1971.

Về ý nghĩa của thắng lợi ở Đường 9 - Nam Lào, Bộ Chính trị đã đánh giá:

Một là, thắng lợi của chiến dịch này rất to lớn, có ý nghĩa chiến lược. Cùng với việc đánh bại cuộc hành quân lớn của địch trên chiến trường Cam-pu-chia, thắng lợi trên mặt trận Nam Lào đã *đánh bại một bước quan trọng, mở ra triển vọng hiện thực đánh bại chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ về quân sự.*

Lực lượng tinh nhuệ nhất của Sài Gòn bị đánh quy cũng làm gục luôn vai trò nòng cốt của chúng để thực hiện học thuyết Ních-xơn dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương; do đó, thắng lợi có ý nghĩa rất lớn đối với cục diện chiến tranh, không những ở miền Nam nước ta mà cả ở hai nước bạn.

Hai là, *thắng lợi này là thắng lợi rực rỡ của đường lối chống Mỹ, cứu nước, của đường lối quân sự, của nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta* trong giai đoạn địch tiến hành chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", đỉnh cao của quá trình phiêu lưu mở rộng chiến tranh ra toàn bán đảo Đông Dương. Ta đã nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, tạo thế trận mới, tạo thời cơ chiến lược mới, phối hợp chặt chẽ giữa quân và dân ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, theo tinh thần Đông Dương là một chiến trường, đẩy mạnh diệt địch và đánh phá "binh định", kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.

Ba là, *đây là thành công trong việc vận dụng nghệ thuật chiến dịch, điển hình là trong một chiến dịch tiêu diệt lớn.* Đã phát triển sáng tạo cách đánh, được xây dựng qua quá trình chiến tranh cách mạng, *mang kiểu cách Việt Nam.* Đồng thời nó cũng cho ta nhiều kinh nghiệm rất cơ bản trong việc chỉ đạo tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là đối với bộ đội chủ lực.

Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào là thắng lợi chung của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chống Mỹ. Thắng lợi đó giành được trên cơ sở bước phát triển mới cuộc chiến đấu của nhân dân ba nước anh em, trong đó nhân dân mỗi nước đã có phần đóng góp quan trọng.

Từ tháng 1 đến tháng 5-1971: Hai chiến dịch phản công, tiến công trên chiến trường Cam-pu-chia.

Từ ngày 4-2 đến 4-3-1971: Đánh bại cuộc hành quân "Toàn thắng 1-1971" của quân ngụy Sài Gòn.

Mỹ - ngụy đã đặt vào cuộc hành quân này nhiều tham vọng: bắt ngờ bao vây tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng chủ lực ta; phá hủy căn cứ cách mạng, kho tàng, giao thông; giải tỏa đường 7, lập tuyến ngăn chặn ở đông và đông bắc Cam-pu-chia; kiếm một thắng lợi quân sự để trấn an bọn

tay sai ở Phnôm Pênh. Chúng còn coi đó là một mũi phối hợp lớn với cuộc hành quân xâm lược "Lam Sơn 719" đánh vào Đường 9 - Nam Lào.

Để bảo đảm chắc thắng, chúng đã tung vào đây khá nhiều quân. Lúc cao nhất, trong phạm vi hai tỉnh Côm-pông Chàm, Kra-chi-ê, chúng sử dụng tới 34 tiểu đoàn bộ binh, 5 trung đoàn thiết giáp, 8 tiểu đoàn pháo binh, gồm khoảng 23.000 tên, được 15 phi đoàn không quân Mỹ phối hợp chiến đấu và tiếp vận.

Chúng chia thành 2 mũi lớn, mũi chính xuất phát từ căn cứ Créch Can-đom Crum tiến lên bao vây vùng đồn điền Chúp (19 tiểu đoàn), mũi phụ từ căn cứ Xnun tiến lên phía bắc (chiến đoàn 9). Ngoài ra còn một số mũi nhỏ phối hợp của cả quân ngụy Sài Gòn và quân ngụy Phnôm Pênh. Chúng dự định kéo dài cuộc hành quân từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1971.

Nhưng kết quả cuộc hành quân trái hẳn với dự tính của chúng. Chúng bị chủ lực ta, cùng phối hợp chiến đấu với quân và dân Cam-pu-chia tiến công liên tiếp, bị đánh bại từng bước và cuối cùng phải bỏ dở cuộc hành quân trong tháng 3 năm 1971. Mấy đợt tiến công chính của ta là những trận ở Công-pông Chàm, từ 4 đến 12 tháng 2, đánh vào bọn địch ở vùng Chúp; một loạt trận từ 13 đến 26 tháng 2, tiến công vào mũi chủ yếu của địch đã chuyển sang vùng Đầm Be - Sơ Lông; những trận tập kích từ 27 tháng 2 đến 3 tháng 4, đánh vào bọn rút chạy khỏi Đầm Be.

Từ 4 tháng 2 đến 17 tháng 4, ở Công-pông Chàm và Kra-chi-ê, lực lượng của ta cùng quân và dân Cam-pu-chia đã giết và làm bị thương hơn 17.000 tên địch (180 tên Mỹ và 1.500 tên ngụy Phnôm Pênh), bắt 500 tên ngụy Sài Gòn, ngụy Phnôm Pênh và Mỹ, tiêu diệt 9 tiểu đoàn bộ binh, 4 chi đoàn thiết giáp, đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn thiết giáp, 16 tiểu đoàn bộ binh, bắn cháy gần 1.500 xe quân sự (có 750 xe tăng, xe bọc thép), bắn rơi 200 máy bay, phá hủy 180 khẩu pháo, thu gần 900 súng, chủ yếu thuộc quân đoàn 3 ngụy Sài Gòn.

Thắng lợi đánh bại cuộc hành quân "Toàn thắng 1-1971" có ý nghĩa rất quan trọng, đã đập tan cố gắng cuối cùng của địch mở cuộc hành quân lớn sang Cam-pu-chia, tiêu diệt một số sinh lực quan trọng của chúng, cùng với chiến thắng Đường 9 - Nam Lào tạo nên một bước suy sụp mới của quân ngụy Sài Gòn, đánh mạnh vào kế hoạch "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ, lấy quân ngụy Sài Gòn làm lực lượng xung kích của Mỹ ở Nam Việt Nam và cả trên bán đảo Đông Dương.

Từ ngày 25 đến 31-5-1971: Chiến thắng Xnun. Xnun là một thị trấn thuộc tỉnh Kra-chi-ê, cách Phnôm Pênh 184km về phía đông bắc và cách Sài Gòn 136km về phía bắc, cách biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia 20km,

nằm trên một đầu mối giao thông then chốt nối đường chiến lược số 13 và số 7.

Do Xnun có tầm quan trọng như vậy, Mỹ - ngụy quyết bám giữ vị trí này, ngay cả sau thất bại nặng nề của cuộc hành quân "Toàn thắng 1-1971", hòng duy trì bàn đạp tiến công lấn chiếm vùng căn cứ và khống chế hoạt động của ta trong cả mùa mưa 1971. Quân ngụy Sài Gòn đóng giữ ở đây có "lực lượng đặc nhiệm thiết giáp số 8" gồm 1 chiến đoàn bộ binh của sư đoàn 5 bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh hỗn hợp, và trung đoàn thiết giáp số 1 thuộc quân khu 3. Đến 20 tháng 5, trước nguy cơ bị uy hiếp tiến công, chúng tăng cường cho Xnun 2 trung đoàn thiết giáp số 15 và số 18, 1 trung đoàn biệt động.

Từ 25 tháng 5, bộ đội chủ lực ta phối hợp với quân và dân Cam-pu-chia tổ chức bao vây và tiến công mạnh vào quân địch ở Xnun. Mọi cuộc phản công của bộ binh và thiết giáp ngụy định nối rộng vòng vây đều bị bẻ gãy. Địch đã bị thiệt hại nhiều về bộ binh, xe quân sự và máy bay trong 5 ngày bị ta vây ép. Trước tình thế rất nguy ngập đó, bất chấp mệnh lệnh của Sài Gòn là phải giữ cho được Xnun, trưa ngày 30 tháng 5, toàn bộ quân địch ở đây đã tháo chạy khỏi Xnun theo đường 13 về Nam Việt Nam. Trên đường rút chạy chiều 30 tháng 5, chúng đã bị bộ đội ta phục kích rồi bao vây tiến công tiêu diệt chiến đoàn bộ binh địch cùng toàn bộ trung đoàn thiết giáp số 1 và tiểu đoàn pháo binh hỗn hợp, giết và làm bị thương 1.500 tên, bắt 300 tên, thu và phá gần 200 xe quân sự, bắn rơi 40 máy bay, thu hơn 500 súng, 500 tấn đạn và hơn 100 máy thông tin.

Tháng 5-1971: Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương họp bàn về cuộc tiến công chiến lược năm 1972. Những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên chiến trường Cam-pu-chia và Đường 9 - Nam Lào đã tạo nên một sự thay đổi cục diện có lợi cho ta.

Trên chiến trường miền Nam nước ta, tuy kế hoạch của địch "bình định" giành dân đã bị chặn đứng và đánh lùi một bước, nhưng ta vẫn chưa tạo được chuyển biến có ý nghĩa chiến lược.

Trước tình hình đó, trong tháng 5 năm 1971, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp để đánh giá tình hình, phán đoán âm mưu sắp tới của địch, xác định thời cơ chiến lược. Bộ Chính trị đã đề ra *nhiệm vụ cần kíp của quân và dân ta là*: "Kịp thời nắm lấy thời cơ lớn, trên cơ sở phương châm chiến lược đánh lâu dài, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, phát triển thế chiến lược tiến công mới trên toàn chiến trường miền Nam và trên cả chiến trường Đông Dương, đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ, đánh bại một bước quan trọng kế hoạch xâm lược của chúng ở Cam-pu-chia và Lào, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua, đồng

thời sẵn sàng chuẩn bị, kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài".

Đầu tháng 6 năm 1971, Quân ủy Trung ương đã họp để nghiên cứu tình hình, tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị. Kết luận về đánh giá tình hình địch, ta và thời cơ, hội nghị Quân ủy nhấn mạnh: *Tình hình đang chuyển biến mau lẹ, đòi hỏi ta phải có một sự cố gắng cao nhất, tranh thủ thời gian, khắc phục khó khăn, nhược điểm xây dựng thế và lực của ta trên chiến trường lên nhanh hơn nữa, kịp nắm lấy thời cơ, hành động bất ngờ, giành lấy thắng lợi cao nhất, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân Mỹ, đánh cho nguy quân nguy quyền tan rã, sụp đổ một bước nghiêm trọng*".

Phán đoán âm mưu sắp tới của địch, Quân ủy Trung ương thấy rằng, mặc dù bị thất bại nặng nề trong Xuân - Hè 1971, nhưng đế quốc Mỹ chưa từ bỏ âm mưu cơ bản của chúng là "bám giữ miền Nam Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, duy trì chủ nghĩa thực dân mới bằng cách "Việt Nam hóa chiến tranh", giảm dần dần quy mô chiến tranh, làm cho ta suy yếu phải chịu thua hoặc chúng chấm dứt được chiến tranh bằng thương lượng trên thế mạnh".

Để thực hiện nhiệm vụ cần kíp do Bộ Chính trị đề ra, Quân ủy Trung ương đã xác định quyết tâm chiến lược của ta trong năm 1971-1972 là *"tập trung mọi cố gắng, đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị trên cả ba vùng ở miền Nam Việt Nam là chiến trường chính và khắp cả chiến trường Đông Dương..."*.

Phương hướng chung trên chiến trường miền Nam là: "Cần phối hợp đòn chủ lực mạnh ở rừng núi, phong trào tiến công nổi dậy mạnh ở đồng bằng, phong trào đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang mạnh ở đô thị, tiến công vào ba chỗ dựa của chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh", tạo nên một cục diện mới có lợi cho ta trong trường hợp ngừng bắn, tạo điều kiện để đưa phong trào cách mạng tiến lên một cách vững chắc trong tình hình mới".

Ở miền Bắc, cần ra sức củng cố và nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu cho các lực lượng vũ trang, nhằm đối phó với các đợt oanh tạc của không quân, hải quân địch, tiêu diệt biệt kích và tập kích nhỏ, đánh bại mọi hành động xâm lược phiêu lưu của địch. Cần có lực lượng dự bị cơ động mạnh sẵn sàng đối phó kịp thời khi cần thiết; có lực lượng bổ sung đầy đủ cho miền Nam.

Nghị quyết Quân ủy Trung ương cũng đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể của bộ đội ta phối hợp chiến đấu với quân và dân các nước bạn trên chiến trường Lào và Cam-pu-chia trong năm 1972 và các mặt công tác chuẩn bị cần thiết.

Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 5 năm 1971 và Nghị quyết Quân ủy Trung ương tháng 6 năm 1971 đã có chủ trương kịp thời, đúng đắn đối với cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972. Nghị quyết đã đánh giá đúng tình hình địch, ta và thời cơ, đề ra một cách chính xác nhiệm vụ trước mắt và phương hướng hành động để thực hiện nhiệm vụ đó.

Ngày 8-12-1971: Bộ đội ta cùng quân và dân Cam-pu-chia đánh bại cuộc hành quân "Chen-la 2" của quân ngụy Phnôm Pênh. Trong nửa đầu năm 1971, quân ngụy Sài Gòn đã bị những đòn đau liên tiếp ở Đường 9 - Nam Lào, ở Đông Bắc Cam-pu-chia, ở Nam Việt Nam. Chúng càng tỏ ra bất lực trong vai trò xung kích của Mỹ trên bán đảo Đông Dương.

Trong hoàn cảnh đó, đế quốc Mỹ phải ra sức xây dựng quân ngụy Phnôm Pênh, hy vọng bọn này có thể tự đảm đương nhiệm vụ đối phó với phong trào cách mạng ở Cam-pu-chia, tạo điều kiện để rút bớt quân ngụy Sài Gòn về miền Nam và do đó có thể rút thêm quân Mỹ về nước, thực hiện chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" của chúng. Cuộc hành quân "Chen-la 2" nằm trong ý đồ thâm hiểm đó, nhằm rèn luyện thử thách quân ngụy Phnôm Pênh. Cuộc hành quân này còn nhằm mục đích giành chủ động trong thế bị động, chiếm đóng đường 6 từ Tăng Cốc đến Côm-pông Thơm, lấn chiếm và thu hẹp vùng giải phóng đông người nhiều cửa; chia cắt chiến trường Cam-pu-chia thành nhiều khu vực để tiện "bình định" gom dân.

Đây là cuộc hành quân lớn nhất đầu tiên của quân ngụy Phnôm Pênh trong chính sách "Khơ-me hóa chiến tranh" của Mỹ. Chúng đã huy động vào cuộc hành quân này tới 15 lữ đoàn, với hơn 70 tiểu đoàn bộ binh, pháo binh, xe bọc thép, tàu chiến, trong đó có những lực lượng tinh nhuệ nhất của chúng là lực lượng "Khơ-me Crôm", có sự yểm trợ của không quân Mỹ và ngụy Sài Gòn.

Từ 20 tháng 8 năm 1971, chúng rải quân mở đầu cuộc hành quân này. Nhưng cuộc hành quân đã vấp phải sự đánh trả mạnh mẽ, dẻo dai của bộ đội chủ lực ta, phối hợp với lực lượng vũ trang giải phóng Cam-pu-chia. Trong 100 ngày đêm chiến đấu, lực lượng vũ trang cách mạng đã hiệp đồng chặt chẽ, căng địch ra trên một quãng đường dài 60km (từ Xcun tới Côm-pông Thơm), chặt chúng ra làm nhiều khúc, bao vây, cô lập, tiêu diệt từng bộ phận. Sau khi đánh cho chúng nhiều đòn nặng nề, đêm 12 rạng ngày 13 tháng 11, ta mở đợt tiến công tiêu diệt lữ đoàn số 16 của địch ở Rum Luông và trong hai ngày 28, 29 tháng 11 ta đánh chiếm 9 vị trí ngoại vi từ Ba Rai đến Côm-pông Thơm. Tất cả lực lượng địch ở hai thị trấn này đến ngày 1 tháng 12 đều bị tiêu diệt và tan rã hết. Bị mất các vị trí then chốt, toàn bộ cuộc hành quân của địch rối loạn, nhiều đơn vị bỏ đồn tháo chạy. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, Lon Non đích thân tới Xcun bí mật ra lệnh

cho rút tất cả tàn quân của hấn ra khỏi đường 6. Ngày 2 tháng 12, cuộc hành quân "Chen-la 2" của quân nguy Phnôm Pênh thất bại hoàn toàn, kết thúc trong sự tháo chạy của chúng khỏi đường 6. Hơn 12.000 tên, tức là hơn 1/2 lực lượng của cuộc hành quân bị loại khỏi chiến đấu, 5 lữ đoàn và 30 tiểu đoàn bị tiêu diệt và bị thiệt hại nặng, nhiều tên chỉ huy lữ đoàn, tiểu đoàn chết, bị thương, bị bắt.

Đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân "Chen-la 2" ta đã giáng một đòn rất nặng vào âm mưu "Khơ-me hóa chiến tranh" của Mỹ, thực hiện một chiến dịch lớn tiêu diệt nhiều sinh lực tinh nhuệ của quân nguy Phnôm Pênh, đập nát hệ thống phòng thủ của địch trên đường 6, phát huy mạnh mẽ quyền chủ động chiến lược của ta.

Tháng 12-1971: Chiến thắng Cánh Đồng Chum và Nam Lào. Tiếp theo chiến thắng lớn Đường 9 - Nam Lào đầu năm, giải phóng cao nguyên Bô-lô-ven giữa năm, các lực lượng vũ trang nhân dân Lào và Việt Nam đã kết thúc năm 1971 bằng chiến thắng lớn ở Cánh Đồng Chum - Long Chặng tháng 12 năm 1971.

Trong thế thất bại, bị động khốn quẫn trên khắp các chiến trường Đông Dương, từ tháng 6 năm 1971, Ních-xơn lại một lần nữa có một cố gắng quân sự rất cao. Mỹ đã đẩy bốn quân đánh thuê Thái Lan và quân đặc biệt Vàng Pao từ các vị trí ở Xám Thông - Long Chặng ra lấn chiếm vùng Cánh Đồng Chum - Mường Sủi, hòng chiếm đóng lâu dài vùng chiến lược quan trọng này, chia cắt vùng giải phóng Lào, uy hiếp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, phân tán lực lượng vũ trang cách mạng của cả ba nước, tạo thế có lợi cho chúng trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Chúng đã tung vào cuộc hành quân này 33 tiểu đoàn quân Thái Lan và Vàng Pao; lợi dụng mùa mưa đến ngày 2 tháng 7 năm 1971, chúng đã lấn chiếm được sân bay Cánh Đồng Chum. Chúng dự định đánh chiếm lại toàn bộ Cánh Đồng Chum và tiến theo đường 7 đến sát biên giới Việt - Lào, nhưng đã bị bộ đội Lào và Việt Nam chặn lại, không tiến quá được sân bay Cánh Đồng Chum. Chúng lấy GM làm đơn vị chiến thuật, chuyển sang phòng ngự, có 6 cụm pháo của quân nguy Lào và quân Thái Lan, có không quân Mỹ chi viện.

Mỹ quyết tâm bám lấy Cánh Đồng Chum để giữ thế có lợi về chính trị và quân sự ở Lào, đồng thời kiểm chế thu hút một bộ phận quan trọng chủ lực ta, tạo điều kiện cho việc tiếp tục thực hiện chương trình "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam Việt Nam. Nhiều nhân vật quan trọng của Mỹ như Mo-rơ - tham mưu trưởng liên quân, A-lếch-dít Giôn-xơn - thứ trưởng ngoại giao, đã đến Long Chặng để kiểm tra, giám sát và động viên bọn tay sai Vàng Pao - Thái Lan trong thời gian này.

Song mọi mưu toan, tham vọng và thủ đoạn của chúng đã bị sụp đổ tan tành. Quân và dân Lào và bộ đội ta cùng phối hợp chiến đấu đã tập trung một lực lượng mạnh, hạ quyết tâm tiêu diệt địch ở khu vực Cánh Đồng Chum - Long Chặng, thu hồi toàn bộ vùng Cánh Đồng Chum - Mường Sủi, giải phóng Xăm Thông - Long Chặng, đẩy lùi địch về phía tây Nậm Ngừm, quét sạch bọn phỉ còn lại trong vùng giải phóng.

Từ 18 tháng 12 đến 20 tháng 12, sau ba ngày chiến đấu, với lực lượng mạnh và cách đánh đúng, lực lượng cách mạng đã đập vỡ toàn bộ tập đoàn phòng ngự vòng ngoài của địch từ Cánh Đồng Chum đến Mường Sủi, gồm các cụm phòng ngự Phu Tâng - Phu Tơn - Phu Keng. Quân Thái Lan và quân đặc biệt Vàng Pao, số bị tiêu diệt, số bỏ chạy tán loạn khỏi Cánh Đồng Chum, mặc dù được Mỹ chi viện bằng không quân rất mạnh.

Tiếp sau đó, trên hướng Cánh Đồng Chum, bộ đội ta truy kích và đánh chiếm Xăm Thông - Phu Mộc, tiến công Long Chặng và Buôm Lọng; trên hướng Mường Sủi, bộ đội Pa-thét Lào truy kích giải phóng Mường Sủi, Sa-la-phu-khun, Kiêu Ca-chăm và Bắc Ca-si.

Trước sự tan rã của quân đặc biệt Vàng Pao, Mỹ vội vã tăng cường quân Thái Lan đến Long Chặng. Lực lượng giữ chốt Long Chặng đã lên đến 14 tiểu đoàn Thái Lan và 8 tiểu đoàn quân đặc biệt Vàng Pao. Sau 115 ngày chiến đấu, ngày 5 tháng 4 năm 1972, ta kết thúc chiến dịch.

Kết quả: địch bị chết 5.824 tên, bị bắt và ra hàng 1.137 tên; bạn và ta tiêu diệt gọn 8 tiểu đoàn bộ binh Thái Lan, 2 tiểu đoàn pháo Thái Lan, 1 GM và 7 tiểu đoàn ngụy Vàng Pao, bắn rơi 130 máy bay, thu và phá 47 pháo lớn, thu hồi toàn bộ khu vực Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng - Mường Sủi, giải phóng thêm vùng Xăm Thông có 22 ấp đồn dân.

Chiến thắng lớn ở Cánh Đồng Chum lần này có ý nghĩa chiến lược quan trọng. Nó đã đánh một đòn rất đau vào biện pháp chiến lược mới của Mỹ: dùng quân Thái Lan làm nòng cốt, cùng quân đặc biệt của Vàng Pao, có chi viện hậu cần, cơ động và hỏa lực không quân Mỹ, lấn chiếm vùng giải phóng Lào; đẩy quân ngụy Thái - Lào xuống dốc không hồi phục lại được. Thắng lợi này cũng đánh dấu bước trưởng thành quan trọng của các lực lượng vũ trang cách mạng Lào về khả năng tác chiến tập trung độc lập trên một hướng, tiêu diệt gọn nhiều tiểu đoàn địch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến dịch.

Đồng thời với chiến thắng Cánh Đồng Chum, ở Nam Lào, các lực lượng vũ trang cách mạng hai nước Lào và Việt Nam mở chiến dịch đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của quân ngụy Lào và quân Thái Lan ra vùng A-tô-pơ - Xa-ra-van, cao nguyên Bô-lô-ven. Ngày 7 tháng 12, bạn và ta đuổi địch ra khỏi Xa-ra-van, ngày 10 tháng 12 giải phóng Tha Teng; quân ngụy Lào và

quân Thái Lan ở Pắc Soong dao động bỏ chạy về Pắc Xế, để lại toàn bộ pháo và trang bị nặng. Ngày 29 tháng 12, bạn và ta thu hồi toàn bộ vùng cao nguyên Bô-lô-ven, tiêu diệt gọn 4 đại đội Thái Lan, diệt hơn 4.000 tên địch.

Sau hai đòn nặng ở Cánh Đồng Chum và Bô-lô-ven cuối năm 1971, quân Thái Lan và ngụy Lào sa sút tinh thần nặng; hiện tượng rã ngũ, đòi về nước của quân Thái Lan xuất hiện. Quân đánh thuê Thái Lan bộc lộ nhiều nhược điểm, năng lực chiến đấu không hơn gì quân ngụy Lào, rõ ràng không thể làm nòng cốt và chỗ dựa cho quân ngụy Lào.

Đầu 1972: Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết về nhiệm vụ quân sự năm 1972 và về cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5 năm 1971, đề ra nhiệm vụ "giành thắng lợi quyết định trong năm 1972", trong hội nghị cuối tháng 2 năm 1972, Quân ủy Trung ương xác định: "*Nhiệm vụ quan trọng bậc nhất là tập trung chỉ đạo chiến tranh và tăng cường lực lượng mọi mặt cho chiến trường, chủ yếu là chiến trường miền Nam*". Nhằm lúc Mỹ - ngụy vừa thua to, nước Mỹ đang vào thời điểm chính trị của cuộc chạy đua vào Nhà trắng mà *kiên quyết đánh bại địch bằng ba đòn chiến lược*:

- Một là, phải đẩy mạnh *đòn chiến lược của bộ đội chủ lực* trên những phương hướng và chiến trường có lợi, tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân ngụy miền Nam, phá vỡ từng bộ phận thế bố trí phòng ngự của địch, mở rộng vùng giải phóng. Trong lúc coi quân ngụy là đối tượng tác chiến chủ yếu, cần tiếp tục tiến công và tiêu diệt quân Mỹ.

- Hai là, phải đẩy mạnh *đòn tiến công và nổi dậy ở các vùng nông thôn đồng bằng quan trọng*. Kết hợp tiến công quân sự, chính trị và binh vận, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích và phong trào nổi dậy của quần chúng.

- Ba là, phải đẩy mạnh *phong trào đấu tranh của nhân dân các đô thị*, kết hợp đấu tranh cách mạng của quần chúng với việc khoét sâu và lợi dụng mâu thuẫn nội bộ địch... chuẩn bị khi có thời cơ cụ thể thì đẩy mạnh cuộc đấu tranh thành cao trào cách mạng.

Quân ủy Trung ương nhắc các chiến trường chú ý chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa ba đòn chiến lược, kết hợp chặt chẽ giữa tác chiến tập trung và tác chiến du kích; ra sức xây dựng thực lực của cách mạng, xây dựng hậu phương trực tiếp trên từng hướng chiến lược, chú trọng các địa bàn xung yếu và cơ động để bộ đội ta có thể triển khai và đứng chân vững chắc; ra sức làm tốt công tác tổ chức chiến trường, tập trung sự chỉ đạo và tăng cường lực lượng cho chiến trường, đồng thời chuẩn bị tốt lực lượng cơ động chiến lược, bảo đảm cho lực lượng này phát huy tác dụng của những quả đấm mạnh trên từng hướng quan trọng khi thời cơ có lợi.

Đối với cách mạng Lào và Cam-pu-chia, Nghị quyết Quân ủy Trung ương chủ trương theo tinh thần đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương, cần phải giúp đỡ và phối hợp với bạn thật tốt trong nhiệm vụ tác chiến và xây dựng lực lượng, củng cố vùng giải phóng, cùng nhau tạo nên những đợt hoạt động nhịp nhàng, tiến công địch đồng đều, tạo nên thời cơ giành thắng lợi to lớn. Chú ý công tác bảo đảm và vận chuyển vật chất cho bạn thật tốt.

Đối với miền Bắc, cần ra sức tăng cường công tác sẵn sàng chiến đấu.

Chấp hành các Nghị quyết của Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương, ngày 11 tháng 3 năm 1972, Thường vụ Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972, hướng chủ yếu là chiến trường Trị - Thiên, "nhằm tiêu diệt lớn quân địch và mở rộng vùng giải phóng, góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, thay đổi cục diện chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới".

Thường vụ Quân ủy Trung ương nêu rõ: "Chiến dịch Trị - Thiên là một chiến dịch quy mô lớn, là một trong những *hướng chiến lược rất quan trọng*, một chiến dịch hợp đồng binh chủng, một chiến dịch tổng hợp cả về quân sự và chính trị".

Nhiệm vụ cụ thể của chiến dịch là:

1. Tiêu diệt thật nhiều lực lượng quân sự, thật nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, nhất là quân chủ lực của chúng, đập vỡ tuyến phòng thủ của địch, phát triển tiến công thắng lợi.

2. Phối hợp với phong trào quần chúng ở đồng bằng, đô thị, các vùng địch còn kiểm soát, hỗ trợ cho quân chúng tiến công và nổi dậy phá kìm kẹp giành quyền làm chủ, đánh bại kế hoạch "bình định" của địch, củng cố thế ba vùng vững mạnh của ta.

3. Giải phóng những khu vực có điều kiện và khi có thời cơ thuận lợi, ra sức mở rộng vùng giải phóng của ta.

4. Thu hút, giam chân một bộ phận quan trọng lực lượng địch, phối hợp chặt chẽ với các chiến trường khác.

5. Rèn luyện và phát triển lực lượng quân sự và chính trị của ta về mọi mặt.

Trong các nhiệm vụ trên, *nhiệm vụ hàng đầu có tính chất quyết định là tiêu diệt thật nhiều lực lượng quân sự địch, thật nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, nhất là quân chủ lực của chúng*; làm cho chúng tổn thất nặng về lực lượng, suy sụp về tinh thần, làm thay đổi nhanh chóng so sánh lực lượng có lợi cho ta để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Nhiệm vụ *đẩy mạnh phong trào tiến công và nổi dậy của quần chúng là rất quan trọng.*

Đồng thời với chiến trường chính, các chiến trường Tây Nguyên, Khu 5, Nam Bộ cũng tổ chức các chiến dịch quy mô vừa và lớn, hình thành một cuộc tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

Ngày 28 tháng 3 năm 1972, Bộ Chính trị đã họp, nghe Quân ủy Trung ương báo cáo về tình hình địch, ta và công tác chuẩn bị của các chiến trường. Bộ Chính trị nhất trí với phương án của Quân ủy Trung ương và kết luận thêm một số vấn đề về địch, về ta và tổ chức chỉ đạo, chỉ huy cuộc tiến công.

Ngày 4-4-1972: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 20. Hội nghị đã nghe báo cáo, thảo luận và thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ xây dựng kinh tế ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa năm 1972.

Đánh giá toàn diện những thắng lợi trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhất trí nhận định rằng: "Năm 1971 là năm địch có những cố gắng lớn nhưng cũng là năm chúng bị thua nặng, ta thắng to...". Những thắng lợi to lớn trên chiến trường ba nước Đông Dương năm 1971 đã làm phá sản một bước quan trọng chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" và "học thuyết Ních-xơn ở Đông Dương". Lực lượng cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân hai nước Lào, Cam-pu-chia mỗi ngày một lớn mạnh hơn.

"... Sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng như nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới không ngừng được tăng cường và mở rộng. Nhìn chung lực lượng so sánh giữa ta và địch về cả hai mặt thế và lực, *diễn biến cơ bản của tình hình là ta đang ở thế thắng, thế chủ động, thế thuận lợi, thế đi lên; địch đang ở thế thua, thế bị động, thế khó khăn, thế đi xuống*".

Cuộc đấu tranh giữa ta với địch về cả ba mặt quân sự, chính trị, ngoại giao đang ở thời kỳ rất quan trọng. Nhưng chúng ta đang có những điều kiện thuận lợi để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiến lên mạnh mẽ.

Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ: "Với tinh thần kiên trì kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, phải động viên toàn lực, cố gắng vượt bậc, anh dũng tiến lên, đẩy mạnh cuộc kháng chiến; đoàn kết phối hợp chiến đấu chặt chẽ với quân và dân Lào anh em, với quân và dân Cam-pu-chia anh em, đánh bại chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ, đánh bại "học thuyết Ních-xơn", giành thắng lợi to lớn hơn nữa cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước".

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hội nghị đã quyết định cụ thể phương hướng nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước năm 1972 và chuẩn bị cho năm 1973, trong đó nêu bật nhiệm vụ "bảo đảm kịp thời và đầy đủ nhất các yêu cầu về sức người, sức của chi viện cho tiền tuyến. Tăng cường lực lượng quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu đập tan những cuộc phiêu lưu quân sự của địch bằng không quân, biệt kích hoặc bộ binh đối với miền Bắc xã hội chủ nghĩa".

Những thắng lợi vang dội trên chiến trường trong năm 1972 chứng minh những nhận định của Trung ương và phương hướng nhiệm vụ do Trung ương đề ra là rất chính xác. Giặc Mỹ và tay sai không tài gì ngăn được thế tiến công mãnh liệt và nổi dậy liên tục, đều khắp của quân và dân ta ở miền Nam, không thể cưỡng lại chiều hướng xuống dốc ngày càng nhanh của chúng trên con đường thất bại hoàn toàn.

Ngày 30-3-1972: Cuộc tiến công chiến lược trên chiến trường miền Nam năm 1972 - Chiến dịch Trị - Thiên (giải phóng tỉnh Quảng Trị). Bước vào đầu xuân năm 1972, Mỹ - ngụy biết ta sẽ tiến công lớn, nhưng chúng không dự đoán nổi thời điểm, phương hướng chủ yếu, quy mô, cường độ cuộc tiến công của ta; chúng phán đoán hướng tiến công chủ yếu của chủ lực ta là Công Tum, hướng phối hợp hoặc thứ yếu là Đường 9 và miền Đông Nam Bộ và cuộc tiến công sẽ diễn ra vào dịp Tết năm Nhâm Tý.

Lợi dụng đúng vào lúc địch sơ hở do đã trải qua một thời gian chúng phỏng đoán sai và chờ đợi kéo dài, trưa ngày 30 tháng 3 năm 1972, cuộc tiến công chiến lược của ta trên chiến trường Trị - Thiên bắt đầu. Ta tiến công thẳng vào tuyến phòng ngự có công sự vững chắc của địch ở bên ngoài, tiêu diệt được các căn cứ trung đoàn địch, bức hàng một trung đoàn và đánh thiệt hại nặng nhiều trung đoàn khác, phá vỡ tuyến phòng thủ đường 9, giải phóng hoàn toàn hai huyện Gio Linh và Cam Lộ. Với thắng lợi đó, ta chiếm lĩnh được bàn đạp phía bắc và tây Quảng Trị, áp sát và uy hiếp trực tiếp khu vực Đông Hà - Ái Tử - Quảng Trị - La Vang và tăng sức ép ở phía tây Huế.

Tiếp đó, ngày 5 tháng 4, ở miền Đông Nam Bộ, ta phá vỡ tuyến phòng ngự biên giới của địch, tiêu diệt 3 chiến đoàn bộ binh (thiếu) và 2 trung đoàn thiết giáp (thiếu), giải phóng 3 huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Thiệu Ngôn. Như vậy, ta đã chiếm lĩnh được bàn đạp ở biên giới miền Đông Nam Bộ, chia cắt đường 13, bao vây tiến công thị xã Lộc An.

Ở Tây Nguyên, ta nổ súng tiến công vào tuyến phòng thủ tây sông Pô Cô của địch, đánh thiệt hại nặng lữ dù 2, uy hiếp mạnh vùng bắc Công Tum.

Ở đồng bằng Khu 5 và Nam Bộ, ta mở ra một số bàn đạp để tạo thế đứng chân cho chủ lực như bắc Quảng Nam, bắc Bình Định (Khu 5), Đồng Tháp Mười (Khu 8), U Minh Thượng (Khu 9).

Trước đòn tiến công mạnh mẽ của ta, địch bị bất ngờ, bị thiệt hại nặng, đối phó lúng túng. Chúng phải bỏ tuyến ngoài rút chạy về tuyến trong, kết hợp với đưa lực lượng cơ động từ sau tới, co lại thành từng cụm lớn trên các hướng tiến công của chủ lực ta.

Phát triển thắng lợi, trên mặt trận Quảng Trị, ngày 27 tháng 4, ta mở đợt tiến công thứ hai vào khu vực phòng ngự Đông Hà - Ái Tử - La Vang, phối hợp với hướng tiến công và nổi dậy ở đồng bằng Triệu Phong, Hải Lăng và hướng tiến công của chủ lực trên đường 12 - tây Huế. Sau 5 ngày chiến đấu, ta đã tiêu diệt cụm Đông Hà - Ái Tử, giải phóng toàn tỉnh Quảng Trị và khu vực Động Tranh, trực tiếp uy hiếp Thừa Thiên - Huế.

Trên mặt trận Tây Nguyên, ngày 24 tháng 4, ta tiến công tiêu diệt địch ở Đắc Tô - Tân Cảnh, giải phóng phía bắc tỉnh Công Tum, trực tiếp uy hiếp tỉnh Công Tum.

Ở Nam Bộ, dọc lộ 22, sau khi tiến công vào tuyến Xa Mát - Thiện Ngôn, ta tiến đánh khu trung tâm thông tin núi Bà Đen. Trên lộ 13, ta giải phóng một khu vực rộng lớn với 3 vạn dân thuộc huyện Lộc Ninh và chiếm thị xã Lộc Ninh, uy hiếp phía tây bắc Sài Gòn. Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, sau khi tiến công vào nhiều quận lỵ, chi khu, tiêu diệt và làm thiệt hại nặng nhiều đơn vị địch, ta phát động quần chúng nổi dậy làm chủ nhiều vùng nông thôn, khôi phục lại vùng giải phóng U Minh và vùng ruột Đồng Tháp.

Ở đồng bằng Khu 5, ta tiến công một loạt căn cứ, chi khu quân sự của địch, giải phóng quận lỵ Hoà Nhơn, Bồng Sơn, Hiệp Đức và thị trấn Tam Quan.

Trong tháng 5 và 6 năm 1972, ta còn tổ chức một số đợt tiến công vào tuyến nam sông Mỹ Chánh và tây sông Hương (Trị - Thiên), vùng ven và trong thị xã Công Tum (Tây Nguyên), thị xã An Lộc (Đông Nam Bộ).

Qua gần ba tháng tiến công, đến tháng 6 năm 1972, ta đã giành được thắng lợi to lớn về tiêu diệt địch và giải phóng đất đai: trong toàn miền Nam, ta đã tiêu diệt khoảng 20 vạn tên địch, tiêu diệt 2 sư đoàn, 9 trung đoàn và 38 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 1 sư đoàn, 10 trung đoàn và 31 tiểu đoàn bộ binh; tiêu diệt 12 trung đoàn thiết giáp và 17 tiểu đoàn pháo; giải phóng toàn tỉnh Quảng Trị, phần lớn tỉnh Công Tum, phía bắc tỉnh Bình Định, một khu vực rộng lớn và hoàn chỉnh ở miền Đông Nam Bộ thuộc các tỉnh Tây Ninh, Bình Long và Phước Long; đã mở ra nhiều vùng quan trọng ở đồng bằng Khu 5 (Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi) và đồng bằng sông Cửu Long (Đồng Tháp Mười, nam và bắc lộ 4, U Minh, Cà Mau, v.v.), giải phóng và giành quyền làm chủ hơn 1 triệu dân. Khối chủ lực ta đã phá vỡ được các khu vực phòng ngự mạnh nhất của địch, đã chiếm và

đứng vững trên các địa bàn cơ động vùng rừng núi, giáp ranh và một số vùng quan trọng ở đồng bằng.

Trong cuộc đọ sức lần này, rõ ràng quân nguy được bè lũ Ních-xơn gắng sức xây dựng theo công thức của chiến lược "Việt Nam hóa", đã bị suy yếu sau những cuộc phiêu lưu ở Cam-pu-chia và Đường 9 - Nam Lào, đến đây đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Ta đã tạo ra được một cục diện mới trên chiến trường miền Nam, làm thay đổi một phần quan trọng so sánh lực lượng có lợi cho ta, mở ra một tình thế cách mạng rất thuận lợi.

Thắng lợi to lớn của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 cùng với thắng lợi đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của chúng trên miền Bắc, đặc biệt là chiến thắng oanh liệt cuộc tập kích chiến lược bằng không quân của chúng vào Hà Nội, Hải Phòng cuối năm 1972 và thắng lợi trên mặt trận ngoại giao đã góp phần làm cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ cơ bản bị đập tan. Chúng phải ký kết hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, đơn phương rút quân về nước.

Ngày 6-4-1972: Quân và dân miền Bắc tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân ta ở miền Nam nổ ra đã đẩy quân nguy vào tình trạng nguy khốn. Chính quyền Ních-xơn phải liều lĩnh tiến hành một chủ trương có ý nghĩa chiến lược vượt ra khỏi khuôn khổ của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", tức là phải "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến. Chúng huy động không quân, hải quân với cường độ rất cao chi viện cho quân nguy phản kích và cho hệ thống cố vấn trở lại hoạt động đến cấp trung đoàn, nắm quyền chỉ huy để trực tiếp điều khiển cuộc chiến tranh.

Trên miền Bắc, chính quyền Ních-xơn đã thực hiện một cuộc phiêu lưu hết sức nghiêm trọng, bất chấp sự phản đối của dư luận thế giới và nhân dân tiến bộ Mỹ. Ngày 6 tháng 4, Ních-xơn quyết định huy động lực lượng lớn không quân và hải quân ồ ạt tham chiến ở miền Nam và đánh phá trở lại miền Bắc, nói là để trả đũa lại các cuộc tiến công của ta ở miền Nam. Ngày 9 tháng 5, Ních-xơn lại ra lệnh phong tỏa các cảng và vùng biển miền Bắc, tăng cường ném bom hệ thống giao thông trên bộ và đánh phá tất cả các cơ sở kinh tế và quốc phòng của ta. Âm mưu của địch là bóp nghẹt miền Bắc, cắt đứt nguồn tiếp tế từ ngoài vào nước ta và từ miền Bắc vào miền Nam. Chúng hy vọng rằng chỉ trong thời gian ngắn độ 2 - 3 tháng, ta sẽ kiệt quệ và buộc phải thương lượng với chúng trên thế yếu. Ních-xơn tỏ ra hết sức ngoan cố và liều lĩnh, đã làm cái mà Giôn-xơn trước đây không dám làm. Ních-xơn tuyên bố trắng trợn: "Thà thất bại trong cuộc bầu cử tổng thống còn hơn thua trong cuộc chiến tranh này".

Một cuộc chiến tranh nhân dân của nhân dân ta ở miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai ác liệt hơn, quy mô lớn hơn lần trước, đã diễn ra.

Đế quốc Mỹ đã huy động lực lượng hải quân, không quân cao nhất từ trước đến nay, gồm các loại máy bay hiện đại nhất lúc đó (F-4, F-111, B-52G, B-52H) đánh phá hai miền nước ta gồm 1.177 máy bay chiến thuật Mỹ (lúc cao nhất 1.400 chiếc), chiếm 40% lực lượng không quân chiến thuật của Mỹ, 193 chiếc B-52, chiếm 45% số B-52 của toàn nước Mỹ. Về tàu chiến, chúng huy động 14 chiếc, tức 3/4 số tàu của hạm đội 7, trong đó có 5 đến 6 tàu sân bay, chiếm 50% tổng số tàu sân bay của Mỹ (chưa tính lực lượng không quân của quân nguy Sài Gòn, chỉ riêng lực lượng không quân Mỹ đánh Việt Nam đã bằng lực lượng không quân ba nước mạnh nhất Tây Âu lúc đó cộng lại là Anh 600 chiếc, Pháp 475 chiếc, Tây Đức 500 chiếc = 1.575 chiếc (số lượng năm 1972).

Đế quốc Mỹ đã đánh phá miền Bắc trong quý 2 năm 1972 hơn 1.500 lần chiếc, có 270 lần chiếc B-52; trong quý 3 năm 1972 hơn 22.000 lần chiếc, có 910 lần chiếc B-52; trong quý 4 năm 1972 hơn 17.000 lần chiếc, có hơn 2.100 lần chiếc B-52.

Tháng 6 năm 1972, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và nhận định: đế quốc Mỹ đã trắng trợn gây trở lại chiến tranh phá hoại trên miền Bắc nước ta, đánh phá bằng không quân và hải quân trên quy mô lớn. Chúng âm mưu ngăn chặn cuộc tiến công và nổi dậy nhằm hạn chế thắng lợi của quân và dân ta, cứu vãn chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", cố giữ cho cục diện chiến trường miền Nam không xấu hơn đối với chúng. Tập đoàn Ních-xơn cố sức thực hiện âm mưu ấy, một mặt do bản chất đế quốc cực kỳ hiếu chiến và ngoan cố của chúng, mặt khác cũng do tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp mới. Nhân dân ta phải luôn luôn vững vàng, nâng cao cảnh giác, tích cực đề phòng, tiếp tục chiến đấu và chiến thắng trong mọi tình huống. Quyết tâm của ta sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy các lực lượng cách mạng và phong trào thế giới tăng cường đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, buộc chúng phải lùi bước.

Trước tình hình chiến tranh lại mở rộng trên cả nước, quân và dân miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng đã bình tĩnh, nhanh chóng chuyển mọi hoạt động vào thời chiến. Các lực lượng vũ trang nhân dân ta kiên quyết đánh trả lực lượng không quân và hải quân của địch. Công tác phòng không nhân dân được tiến hành khẩn trương, đặc biệt là việc sơ tán, phân tán ở các thành phố, thị xã và các khu vực trọng điểm giao thông. Với tinh thần chiến đấu dũng cảm ngoan cường và với nhiều cách đánh mưu trí, tài giỏi, chỉ trong vòng 1 tháng, từ 6 tháng 4 đến 8 tháng 5, ta đã bắn rơi 90 máy bay địch, bắn cháy và bị thương hơn 20 lần tàu chiến địch, bắt sống một số

giặc lái, đồng thời vẫn bảo đảm được các tuyến giao thông chiến lược để chi viện cho tiền tuyến. Trong chiến công mở đầu của Quảng Bình - Vĩnh Linh ngày 6 tháng 4, ta bắn rơi 10 máy bay Mỹ, ngày 19 tháng 4, ta sử dụng máy bay chiến đấu đánh bị thương tàu khu trục của địch ở ngoài khơi Quảng Bình.

Để đánh bại âm mưu của địch phong tỏa bờ biển, bóp nghẹt miền Bắc, chúng ta đã có quyết tâm rất cao, chuyển phần lớn khối lượng hàng nhập bằng đường biển sang đường sắt và đường bộ, đồng thời phát huy sáng kiến, rà phá bom mìn, duy trì vận tải trên biển với quy mô thích hợp, xây dựng gấp các hệ thống đường ống. Nhờ một loạt biện pháp kiên quyết, tích cực và đầy sáng tạo trên mặt trận giao thông vận tải, khối lượng hàng vận chuyển cho các chiến trường năm 1972 vẫn tăng 1,7 lần so với năm 1971, ngay các chiến trường xa cũng tăng 1,4 lần. Cuối tháng 8 năm 1972, chính cơ quan tình báo Mỹ đã phải báo cáo với Ních-xơn rằng "mặc dù ném bom rất ác liệt, vẫn không giảm được một cách có ý nghĩa việc đưa người và trang bị vào miền Nam Việt Nam".

Qua hơn 7 tháng chiến đấu, đến tháng 12 năm 1972, quân và dân miền Bắc đã hạ hơn 600 máy bay Mỹ, trong đó có chiếc thứ 4.000 bị rơi trên miền Bắc, 20 chiếc B-52, 5 chiếc F-111, bắt sống nhiều giặc lái, bắn chìm bắn cháy gần 100 tàu chiến của Mỹ.

Trước những thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam - Bắc nước ta, ngày 22 tháng 10 năm 1972, Ních-xơn phải ra lệnh ngừng ném bom và bắn phá từ bắc vĩ tuyến 20 trở ra. Hành động này còn nhằm tranh thủ dư luận trong và ngoài nước, hỗ trợ cho y trong cuộc bầu cử tổng thống. Nhưng trong khi đó, Mỹ lại tích cực dùng không quân và hải quân tập trung đánh phá ngăn chặn giao thông vận tải ở nam vĩ tuyến 20; khối lượng bom đạn địch dùng đánh phá trên vùng đất nhỏ hẹp này không hề giảm đi so với khối bom đạn chúng dùng trước đây để đánh phá toàn miền Bắc. Hàng ngày chúng vẫn xuất kích từ 250 - 300 lần chiếc máy bay cường kích và 18 đến 27 lần chiếc máy bay B-52.

Các lực lượng phòng không của ta, với tinh thần cảnh giác cao, có biện pháp tổ chức chiến đấu chu đáo, có sự chỉ đạo chặt chẽ, vẫn tiếp tục đánh thắng địch trên cả hai mặt chiến đấu và bảo đảm giao thông vận tải. Trong 56 ngày đêm, từ 23 tháng 10 đến 17 tháng 12, chúng ta đã bắn rơi 40 máy bay địch, đặc biệt đêm 22 tháng 11 bộ đội tên lửa phòng không bố trí ở Nghệ An đã bắn rơi 2 chiếc B-52, rút ra được nhiều kinh nghiệm rất quý về đánh B-52 trong điều kiện chúng gây nhiễu mạnh. Về vận chuyển, mặc dầu địch ngăn chặn ác liệt, hàng hóa đưa vào các chiến trường cơ bản vẫn đạt được kế hoạch đề ra.

Ngay sau khi địch ngừng ném bom từ bắc vĩ tuyến 20 trở ra, Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương đã nhắc nhở quân và dân ta phải luôn luôn cảnh giác với địch. Quân ủy Trung ương nhận định: "Địch sẽ tập trung đánh phá ác liệt từ Thanh Hóa trở vào, đồng thời có nhiều khả năng chúng sẽ đánh phá lại phía Bắc. Do đó, trong khi tiếp tục chỉ đạo cuộc chiến đấu bảo vệ giao thông ở phía Nam, ta phải nâng cao cảnh giác, tích cực chuẩn bị, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu ở phía Bắc để đối phó có hiệu quả khi địch đánh trở lại".

Trước tình hình dây dưa, lặt lọng của địch ở Hội nghị Pa-ri, ngày 27 tháng 11 năm 1972, Bộ Tổng tư lệnh đã ra lệnh cho các lực lượng vũ trang tăng cường các mặt chuẩn bị chiến đấu, đồng thời nhận định: "Có nhiều khả năng địch sẽ đánh phá trở lại toàn miền Bắc với mức độ ác liệt hơn, kể cả việc dùng B-52 đánh ồ ạt vào Hà Nội - Hải Phòng", do đó "nhiệm vụ của quân chủng phòng không - không quân là tập trung mọi khả năng, nhằm đúng đối tượng B-52 mà tiêu diệt".

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng và mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, các lực lượng phòng không của ta đã tăng cường chuẩn bị, khẩn trương ổn định thế bố trí bảo vệ các mục tiêu trọng yếu, trước hết là bảo vệ Thủ đô Hà Nội. Ở các thành phố và thị xã, đã đơn đốc khẩn trương công tác sơ tán, phân tán, củng cố hầm hào và tổ chức quan sát báo động. Đến ngày 4 tháng 12 năm 1972, về cơ bản quân và dân ta ở phía bắc vĩ tuyến 20 đã chuẩn bị xong và sẵn sàng đối phó với kẻ địch nếu chúng đánh phá trở lại, các lực lượng phòng không đã được lệnh trực ban sẵn sàng chiến đấu cao.

Đúng như ta dự đoán, sau khi trúng cử lại tổng thống Mỹ (ngày 8 tháng 11 năm 1972), Ních-xơn và bè lũ liên ngành ngược trở giọng đe dọa, phá ngang, làm cho cuộc đàm phán bị bỏ dở và đến đêm 18 tháng 12, đế quốc Mỹ trắng trợn mở cuộc tập kích đường không chiến lược quy mô lớn nhất vào miền Bắc nước ta, lấy tên là "chiến dịch Lai-nơ Béch-cơ II". Chúng tập trung một số lượng lớn máy bay, lấy B-52 làm lực lượng đột kích chủ yếu, đánh phá Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và một số khu vực khác nhằm:

- Tàn phá một số khu vực dân cư, nhất là ở Hà Nội, Hải Phòng, hòng gây hoang mang rối loạn trong nhân dân ta, làm áp lực buộc ta phải hạ thấp một số điều khoản trong dự thảo hiệp định, phải trở lại Hội nghị Pa-ri với thế yếu.

- Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của ta, nhằm ngăn chặn từ gốc nguồn tiếp tế cho tiền tuyến và để phá kế hoạch chuẩn bị đánh lớn của ta sau này ở miền Nam.

- Gây tổn thất lớn cho ta về người và của cải vật chất để đe dọa các nước đang đấu tranh chống đế quốc Mỹ và còn làm cho ta sẽ phải mất nhiều thời

gian khắc phục hậu quả sau khi chiến tranh kết thúc, do đó sẽ không đủ sức tiếp tục cuộc kháng chiến ở miền Nam. Như vậy, chúng sẽ bảo đảm cho nguy quyền, nguy quân có một thời gian tương đối ổn định để tăng cường lực lượng, tạo thế mạnh trong một giải pháp chính trị sau này.

Âm mưu của địch rất xảo quyệt; hành động của địch rất tàn bạo. Suốt 12 ngày đêm, chúng đã xuất kích 663 lần chiếc B-52 và 3.884 lần chiếc máy bay cường kích, đánh phá liên tục vào Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và các trọng điểm giao thông, chân hàng lớn ở Kép, Đồng Mỏ trên tuyến đường 1 bắc. Chúng ném bom bừa bãi vào cả bệnh viện, khu phố, trường học, bến xe, nhà ga, gây nên nhiều thương vong cho nhân dân ta (2.368 người chết, 3.526 người bị thương). Riêng tại khu vực Hà Nội, địch đã tập trung tới 444 lần chiếc B-52, chiếm 66% tổng số lần chiếc B-52 và hơn 1.000 lần chiếc máy bay cường kích, chiếm 27% tổng số lần chiếc cường kích trong cả đợt đánh phá.

Hành động leo thang đánh phá tàn bạo này của địch đã bị quân và dân ta ở miền Bắc, nhất là quân và dân Hà Nội trừng trị đích đáng. Do sự chuẩn bị về mọi mặt của chúng ta rất tốt nên ngay từ đợt đầu, trận đầu, các lực lượng phòng không của ta đã bắn rơi tại chỗ máy bay B-52 của địch. Mặc dầu chúng tìm mọi cách nghi binh gây nhiễu, tổ chức đội hình chặt chẽ, phối hợp nhiều kiểu loại máy bay đánh ở tầng cao và cả ở tầng thấp, đánh ban đêm rồi lại đánh liên tục cả ban ngày, sử dụng nhiều loại bom đạn và tên lửa, kể cả "bom tinh khôn", v.v. nhưng chúng vẫn bị thất bại thảm hại. Chỉ trong 12 ngày đêm của đợt tập kích, 81 máy bay địch đã bị hạ, 44 giặc lái bị bắt sống, trong đó con "chủ bài" B-52 đã bị bắn rơi 34 chiếc, lực lượng "đột nhập mọi thời tiết" là máy bay F-111 cánh cụp cánh xòe cũng bị bắn rơi 5 chiếc. Các lực lượng phòng không của ta, trong những ngày thử thách quyết liệt này, đã lập được thành tích hết sức xuất sắc. Nhiều địa phương đã lập chiến công lớn, nổi bật là Thủ đô Hà Nội đã bắn rơi 30 máy bay Mỹ.

Phối hợp với chiến đấu đánh máy bay địch, nhân dân ta ở Thủ đô và các thành phố khác đã bình tĩnh, chủ động sơ tán và phân tán theo kế hoạch đã định, nhờ đó mà giảm bớt tổn thất về người và tài sản.

12 ngày đêm chiến đấu và chiến thắng trên bầu trời miền Bắc, nhất là trên bầu trời Thủ đô cuối năm 1972, là một chiến dịch phòng không đạt mức tiêu diệt máy bay chiến lược hiện đại của địch cao nhất, oanh liệt nhất, đạt hiệu lực chiến lược lớn nhất trong cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc cũng như trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đây là một chiến dịch tiêu diệt lớn máy bay chiến lược B-52 của đế quốc Mỹ đầu tiên trên thế giới, giáng cho lực lượng không quân chiến lược Mỹ đòn tiêu diệt nặng nề nhất trong lịch sử xây dựng và xâm lược của nó.

Chúng ta đã đập tan ý đồ chiến lược của cuộc tập kích. Chính tên tướng I-dơ, cựu phó tham mưu trưởng không quân Mỹ, đã phải thú nhận: "Chúng tôi cho rằng Bắc Việt Nam đã phát triển được các lực lượng phòng không dày dặn kinh nghiệm nhất thế giới. Rõ ràng họ có kinh nghiệm hơn bất cứ nước nào trong việc phóng tên lửa SAM lên để hạ máy bay. Họ cũng có kinh nghiệm hơn bất cứ một lực lượng quân sự nào trong việc điều khiển ra-đa từ mặt đất", và "chỉ trừ vài trường hợp, còn hầu hết máy bay của chúng ta bị rơi là do bị đối phương đánh hoàn toàn bất ngờ". Nhóm nghiên cứu trường đại học Coóc-nây của Mỹ kết luận: "Thắng lợi của người Việt Nam là một thí dụ vô song về sự toàn thắng của trí tuệ con người đối với máy móc".

Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai này, Ních-xơn đã tập trung lực lượng rất cao, leo thang nhanh, đánh phá ác liệt bằng những thủ đoạn hết sức xảo quyệt. Nhưng một lần nữa, chúng lại bị thất bại nặng nề. Trước hết, chúng ta đã đánh bại âm mưu địch đánh phá ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, mục tiêu quan trọng hàng đầu của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc; âm mưu của chúng hòng phá hoại tiềm lực kinh tế và quốc phòng của miền Bắc, làm cho miền Bắc kiệt quệ, lung lay ý chí, giảm sút uy tín cũng không thực hiện nổi.

Thắng lợi to lớn của quân và dân ta đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai này trong đó nổi bật thắng lợi oanh liệt đánh bại cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ đã góp một phần quan trọng trong thắng lợi chung, có tác dụng dè bẹp ý chí "đàm phán trên thế mạnh" của Ních-xơn, buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang, chấp nhận việc ngừng ném bom và bắn phá phía bắc vĩ tuyến 20 từ ngày 30 tháng 12 năm 1972 và trở lại Hội nghị Pa-ri trên thế yếu và cô lập. Trong lần gặp gỡ này, chính Kít-xinh-giơ đã phải thốt ra với các đại biểu của ta: "các ngài không những anh hùng lại thông minh".

Ngày 27-7-1972: Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân châu Âu đoàn kết với nhân dân Việt Nam họp tại Pa-ri. Những tội ác chiến tranh tàn bạo của đế quốc Mỹ đã làm bùng lên những đợt sóng mạnh mẽ và rộng rãi trên thế giới ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược. Cả loài người tiến bộ, bao gồm nhân dân tiến bộ Mỹ, công phần lên án chính quyền Ních-xơn, kiên quyết đòi chúng chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút không điều kiện toàn bộ quân Mỹ về nước và thương lượng nghiêm chỉnh trên cơ sở giải pháp hợp tình hợp lý của ta.

Trong bối cảnh đó, ngày 27 tháng 7 năm 1972, hội nghị các đảng cộng sản và công nhân châu Âu đoàn kết với nhân dân Việt Nam đã họp tại Pa-ri. Dự hội nghị có 27 đoàn đại biểu, trong đó có các đoàn đại biểu các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, các đoàn đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước Tây Âu và Bắc Âu.

Trong diễn văn khai mạc hội nghị, đồng chí Gióc-giơ Mác-se, Phó tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, giới thiệu cuộc đấu tranh anh dũng và những thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam và tố cáo những tội ác chiến tranh cực kỳ tàn bạo của bọn xâm lược Mỹ. Kết thúc thắng lợi những cuộc thảo luận, hội nghị các đảng cộng sản và công nhân châu Âu đã thông qua một bản tuyên bố quan trọng về vấn đề Việt Nam.

Bản tuyên bố kịch liệt lên án chính quyền Ních-xơn tiếp tục xâm lược miền Nam Việt Nam và leo thang chiến tranh chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, gây ra những tội ác cực kỳ tàn bạo chống nhân dân hai miền nước ta, đồng thời tăng cường chiến tranh chống nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia. Bản tuyên bố nhấn mạnh: "Ngày nay, không có một nhiệm vụ nào cao quý hơn và cấp bách hơn là ủng hộ nhân dân các nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia và tố cáo những tội ác chiến tranh của Mỹ ở Đông Dương".

Bản tuyên bố kiên quyết ủng hộ những đề nghị công bằng hợp lý của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và nêu rõ: "Các đảng cộng sản và công nhân các nước châu Âu đòi chính phủ Mỹ chấm dứt tức khắc các cuộc ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, bỏ việc phong tỏa các hải cảng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, chấm dứt cuộc diệt chủng và rút không trì hoãn và không điều kiện quân đội Mỹ và vũ khí Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam và toàn Đông Dương, từ bỏ việc ủng hộ Thiệu, chấm dứt mọi sự can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia". Cuối cùng, bản tuyên bố kêu gọi những người cộng sản, giai cấp công nhân và lực lượng dân chủ, hòa bình toàn châu Âu tăng cường đoàn kết, ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam và nhân dân Đông Dương.

Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân châu Âu và bản tuyên bố của hội nghị là một sự kiện nổi bật của phong trào công nhân và nhân dân thế giới đoàn kết với nhân dân Việt Nam, là một hành động quan trọng, cần thiết và kịp thời, nhằm ủng hộ nhân dân Việt Nam chống lại bước leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ. Qua bản tuyên bố của hội nghị, các đảng cộng sản và công nhân châu Âu đã nói lên sự ủng hộ kiên quyết của những người cộng sản, giai cấp công nhân, của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu và nhân dân tiến bộ toàn châu Âu đối với sự nghiệp chính nghĩa và lập trường đúng đắn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Việc triệu tập hội nghị, bản tuyên bố của hội nghị cũng như những lời phát biểu đầy nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo các đảng anh em tại hội nghị đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ quân và dân ta hăng hái xông lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

Ngày 10-8-1972: Hội nghị ngoại trưởng các nước không liên kết họp ở Gioóc-giơ-tao công nhận địa vị hợp pháp của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Tháng 8 năm 1972, nhân dân ba nước Đông Dương đã nhận được sự ủng hộ, sự cổ vũ lớn lao của hội nghị bộ trưởng ngoại giao các nước không liên kết họp tại Gioóc-giơ-tao, thủ đô nước Cộng hòa Guy-an-na, ở sát nước Mỹ. Tại hội nghị này, đại biểu của 59 nước không liên kết phản ánh ý chí của gần một nửa tổng số nước trên thế giới bao gồm hơn một nghìn triệu người, đã tập trung thảo luận và thông qua nhiều nghị quyết về những vấn đề chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống các cuộc chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc, về hòa bình và độc lập dân tộc.

Hội nghị đã long trọng công nhận địa vị hợp pháp của đại diện Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và đại diện Chính phủ vương quốc đoàn kết dân tộc Cam-pu-chia trong đại gia đình các nước không liên kết chống chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ độc lập dân tộc và hòa bình, và không thừa nhận đại diện của ngụy quyền Sài Gòn và ngụy quyền Phnôm Pênh, tay sai của Mỹ.

Việc hội nghị Gioóc-giơ-tao công nhận địa vị hợp pháp của đại diện Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và đại diện Chính phủ vương quốc đoàn kết dân tộc Cam-pu-chia trong đại gia đình các nước không liên kết chống chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ độc lập dân tộc và hòa bình là một thắng lợi chính trị quan trọng của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước Đông Dương. Thắng lợi này của các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình góp phần làm sụp đổ "học thuyết Ních-xơn" đồng thời cũng giáng một đòn mạnh vào chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Bắc Kinh, không đem lại lợi ích sống còn của các nước khác. Đó là sự ủng hộ mạnh mẽ và quý báu đối với chúng ta, cổ vũ nhân dân ba nước Đông Dương kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng.

Ngày 27-1-1973: Ký kết Hiệp định Pa-ri về Việt Nam. Tới tháng 10 năm 1972, do sự ngoan cố của Mỹ, cuộc thương lượng hòa bình về Việt Nam kéo dài đã 4 năm và vẫn không tiến triển được. Để thúc đẩy đàm phán mau chóng đi đến kết quả, trong cuộc gặp riêng ngày 8 tháng 10 năm 1972, phía ta đã có một sáng kiến mới hết sức quan trọng: đưa ra bản dự thảo "hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình về Việt Nam" và đề nghị ký ngay hiệp định đó.

Sáng kiến trên đây của ta đã đưa cuộc đàm phán kéo dài đi vào con đường kết thúc. Chính phía Mỹ phải thừa nhận bản dự thảo hiệp định do phía ta đưa ra là một văn kiện thật quan trọng và rất cơ bản, mở đường đi mau tới một giải pháp.

Qua nhiều ngày đàm phán tiếp, đến ngày 17 tháng 10 năm 1972, ta và Mỹ đã thỏa thuận về hầu hết các vấn đề trên cơ sở bản dự thảo hiệp định của ta. Trong thông điệp ngày 20 tháng 10 năm 1972 và ngày 22 tháng 10 năm 1972 gửi Thủ tướng Chính phủ ta, tổng thống Mỹ hoan nghênh thiện chí của ta, xác nhận rằng văn bản hiệp định có thể xem là đã hoàn thành, thỏa mãn về những giải thích của Chính phủ ta.

Nhưng rồi Mỹ lại cố tình dây dưa. Sau hai lần đề nghị thay đổi thời gian biểu cho việc ký kết hiệp định, ngày 23 tháng 10, phía Mỹ lại nêu lên những khó khăn ở Sài Gòn, đòi phải tiếp tục đàm phán và không nói gì đến việc thực hiện những điều cam kết.

Ngày 26 tháng 10 năm 1972, ta đưa ra bản "Tuyên bố của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa về tình hình cuộc đàm phán về vấn đề Việt Nam hiện nay". Bản tuyên bố nói rõ những diễn biến của cuộc đàm phán, những vấn đề chủ yếu của hiệp định đã được thỏa thuận và vạch rõ thái độ thiếu nghiêm chỉnh, thiếu thiện chí của Mỹ đã gây ra một tình hình rất nghiêm trọng, đe dọa việc lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Bị thất bại nặng nề trên cả hai chiến trường miền Nam và miền Bắc Việt Nam, đặc biệt là thất bại đau đớn trong cuộc tập kích chiến lược bằng không quân vào miền Bắc Việt Nam 12 ngày cuối năm 1972, bọn đế quốc hiếu chiến Mỹ lại bị một sức ép rất mạnh của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới lên án, đòi chúng phải lập tức chấm dứt ném bom và ký ngay hiệp định hòa bình. Ngày 30 tháng 12 năm 1972, tập đoàn thống trị Ních-xơn đã buộc phải tuyên bố trở lại tình trạng trước ngày 18 tháng 12 năm 1972, nghĩa là ngừng ném bom, bắn phá từ vĩ tuyến 20 trở ra, bắt đầu từ 7 giờ ngày 30 tháng 12 năm 1972, để có thể tiếp tục trở lại nói chuyện ở Hội nghị Pa-ri.

Cuộc gặp riêng giữa đồng chí Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ được nối lại từ ngày 8 tháng 1 năm 1973. Đúng trên thế áp đảo, ta kiên trì đấu tranh giữ vững nội dung cơ bản của dự thảo hiệp định đã được thỏa thuận ngày 20 tháng 10 năm 1972.

Lần này, Kít-xinh-giơ đã phải hạ giọng. Tập đoàn Ních-xơn - Kít-xinh-giơ phải thừa nhận một sự thật cay đắng đối với chúng là ở miền Nam Việt Nam có hai vùng kiểm soát, hai chính quyền, hai quân đội và ba lực lượng chính trị. Ngày 12 và 13 tháng 1 năm 1973, bản dự thảo hiệp định về cơ bản đã được thỏa thuận. Ngày 15 tháng 1 năm 1973, chính phủ Mỹ phải tuyên bố "ngừng mọi hoạt động quân sự tiến công bao gồm ném bom, bắn trọng pháo và thả mìn" ở miền Bắc nước ta.

Ngày 23 tháng 1 năm 1973, Hiệp định được ký tắt giữa đồng chí Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ. Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định được ký chính

thức giữa các bộ trưởng ngoại giao của các bên tham gia Hội nghị Pa-ri. Hiệp định bắt đầu có hiệu lực từ 7 giờ ngày 28 tháng 1 năm 1973.

Nội dung của Hiệp định đạt đủ bốn yêu cầu cơ bản mà ta đã đề ra từ trước:

- Mỹ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Mỹ phải rút hết quân Mỹ và chư hầu, phá hủy các căn cứ quân sự của Mỹ, cam kết sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình.

- Đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải công nhận Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là một bên của "hai bên miền Nam Việt Nam", phải công nhận trên thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát.

- Mỹ phải bồi thường chiến tranh.

Điều mà đế quốc Mỹ cay cú nhất là chúng phải thừa nhận quân đội miền Bắc không rút khỏi miền Nam, thừa nhận sự tồn tại và địa vị hợp pháp của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Ngày 2 tháng 3 năm 1973, 12 đoàn đại biểu của các chính phủ: Việt Nam dân chủ cộng hòa, Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc, ngụy quyền Sài Gòn và bốn nước trong Ủy ban kiểm soát và giám sát việc thi hành Hiệp định Pa-ri đã họp một hội nghị quốc tế về vấn đề Việt Nam. Hội nghị đã đề ra một bản định ước ghi nhận và bảo đảm hiệp định và các nghị định thư về Việt Nam được thi hành nghiêm chỉnh và triệt để. Định ước này đánh dấu một bước thụt lùi nữa của Mỹ, vì không phải chỉ có Mỹ mà cả quốc tế cũng công nhận có chính quyền cách mạng ở miền Nam Việt Nam và việc kết thúc chiến tranh ở Việt Nam không chỉ là yêu cầu của Việt Nam mà còn là yêu cầu của cả thế giới. Từ xưa tới nay, chưa bao giờ việc ký kết một văn kiện về quyền dân tộc cơ bản của nhân dân một nước lại được các dân tộc và nhân dân thế giới theo dõi chăm chú, chứng giám trân trọng như Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Đây cũng là kết quả của một cuộc đàm phán kéo dài nhất trong thế kỷ này, với 4 năm 9 tháng, trong đó có 202 phiên họp công khai, 24 cuộc tiếp xúc riêng.

Hiệp định Pa-ri được ký kết là thắng lợi rực rỡ của cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào và chiến sĩ hai miền Nam - Bắc nước ta; sự nghiệp cứu nước đầy gian khổ hy sinh và vô cùng vẻ vang của nhân dân ta đã thu được những kết quả cơ bản có ý nghĩa rất sâu sắc và rộng lớn.

Với thắng lợi ký kết Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, cách mạng miền Nam nước ta bước vào một giai đoạn mới; một cục diện mới đã xuất hiện ở miền Nam, một sự thay đổi hết sức quan trọng về so sánh lực lượng, thế và lực của cách mạng đã hơn hẳn thế và lực của bọn cướp nước và bè lũ tay sai bán nước; cục diện này tạo ra những điều kiện rất thuận lợi để nhân dân ta ở miền Nam tiếp tục tiến lên hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ.

Thắng lợi của việc ký kết Hiệp định Pa-ri còn tạo ra những điều kiện hết sức thuận lợi đối với miền Bắc. Phát huy truyền thống cách mạng anh hùng, trong điều kiện đã có hòa bình, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội được đẩy mạnh, miền Bắc càng làm tốt hơn nữa sứ mệnh lịch sử hậu phương lớn của tiền tuyến lớn.

Bản sao lưu trữ

V. HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Ngày 29-3-1973: Đất nước ta sạch bóng quân xâm lược. Bộ chỉ huy quân viễn chinh Mỹ phải cuốn cờ. Các đơn vị cuối cùng của Mỹ và các nước chư hầu rút hết khỏi miền Nam Việt Nam. Để tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, đế quốc Mỹ đã tung vào miền Nam nước ta lúc cao nhất 535.000 tên lính Mỹ, chiếm 68% bộ binh, 60% lính thủy đánh bộ, 32% lực lượng không quân chiến thuật, 50% lực lượng không quân chiến lược của nước Mỹ. Nếu tính cả số quân đóng ở nước ngoài tham chiến ở Việt Nam thì chúng đã sử dụng hơn 80 vạn quân Mỹ, và trong cả cuộc chiến tranh, chúng đã huy động tới 6 triệu lượt binh sĩ Mỹ. Ngoài ra, Mỹ còn lôi kéo thêm quân của 5 nước chư hầu vào miền Nam tiếp tay cho chúng làm nòng cốt cho hơn 1 triệu quân ngụy. Số quân của các nước chư hầu lúc cao nhất gồm quân Nam Triều Tiên 50.000, quân Thái Lan 13.000, quân Úc 7.000, quân Phi-líp-pin 2.000, quân Tân Tây Lan 600.

Thắng lợi oanh liệt của quân và dân ta đã buộc đế quốc Mỹ phải đơn phương rút quân của chúng và chư hầu ra khỏi nước ta.

Ngày 15 tháng 3 năm 1973, bộ tư lệnh lục quân Mỹ ở Sài Gòn đã cuốn cờ "bằng một buổi cầu nguyện về những sai lầm mà Mỹ có thể (!) đã mắc phải" (AFP, 15-4-1973).

Ngày 29 tháng 3 năm 1973, bộ chỉ huy quân viễn chinh Mỹ tổ chức cuốn cờ, sau đó Uây-en, tổng tư lệnh quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam đến nhập với 2.501 tên lính Mỹ cuối cùng lạng lẽ rời khỏi sân bay Tân Sơn Nhất. Các đơn vị Mỹ đã ra đi dưới sự kiểm soát của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam trong ban Liên hiệp quân sự bốn bên.

Hơn 18 năm trước, quân đội Mỹ đã vào Nam Việt Nam đã tiến hành cuộc chiến tranh không tuyên bố, nay bị thất bại phải rút lui lạng lẽ và "mình đây thương tích". Đối với quân đội Mỹ, đó là "một cuộc chiến tranh không có chiến thắng huy hoàng, không sản sinh ra anh hùng dân tộc" mà là "tấn thảm kịch lớn nhất trong lịch sử quân đội Mỹ" (báo Mỹ *Tuần tin tức*, 5-2-1973). Tính từ tên lính Mỹ chết đầu tiên ngày 22 tháng 12 năm 1961

đến 30 tháng 4 năm 1975, theo công bố của Mỹ, tuy còn rất xa với sự thật, đã có 56.245 tên Mỹ chết, 303.640 tên bị thương, 1.300 tên mất tích, trong đó có 12 tên tướng Mỹ chết và 8 tên tướng Mỹ khác bị thương trên chiến trường Việt Nam.

Quân viễn chinh Mỹ đã cuốn gói thì bọn quân chư hầu cũng phải rút theo. Cùng trong ngày 29 tháng 3 năm 1973, những tên lính cuối cùng của Nam Triều Tiên và Phi-líp-pin rút khỏi nước ta. Trên chiến trường miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ muốn dùng quân của các nước chư hầu của Mỹ chẳng những vì "giá rẻ" mà còn nhằm giảm bớt những khó khăn về quân sự và thế cô lập về chính trị của Mỹ. Tuy nhiên, các đội quân tay sai đó đã không giúp Mỹ thoát khỏi thất bại, và điều mà chúng chứng minh được chỉ là sự phá sản của chính sách của Mỹ "dùng người châu Á đánh người châu Á" và thế suy yếu của Mỹ.

Tính từ ngày 1 tháng 6 năm 1954, ngày phái đoàn quân sự Mỹ do đại tá Mỹ CIA Lân-xđen chỉ huy, bắt đầu hoạt động với nhiệm vụ "tiến hành chiến tranh không chính quy ở Nam Việt Nam", và "chiến tranh bí mật ở Bắc Việt Nam", đến 29 tháng 3 năm 1973, thời gian Mỹ tham gia cuộc xâm lược kéo dài *18 năm 10 tháng*, không kể những năm trước Mỹ đã giúp Pháp tiến hành chiến tranh với ta. Từ 29 tháng 3 năm 1973 đến 30 tháng 4 năm 1975, Mỹ vẫn còn tiếp tục chỉ huy, viện trợ cho quân nguy Sài Gòn đến ngày chúng bị hoàn toàn sụp đổ. Từ những bước dính líu ban đầu đến khi phải rút hẳn khỏi nước ta, đây là một cuộc xâm lược lâu dài nhất, lớn nhất và cũng thất bại nặng nề nhất trong lịch sử 200 năm của quân đội Mỹ.

Việc quân đội viễn chinh Mỹ và quân đội các nước chư hầu của Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam đã chấm dứt sự có mặt của quân đội xâm lược trên đất nước ta sau 115 năm kể từ năm 1858 khi quân đội thực dân Pháp bắt đầu xâm lược nước ta. So sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam càng thay đổi có lợi cho ta. Nguy quân, nguy quyền Sài Gòn thêm hoang mang thiếu tin tưởng. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi cho ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Ngày 21-2-1973: Các lực lượng yêu nước Lào giành thắng lợi lớn: ký kết "Hiệp định về lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc" ở Lào. Đế quốc Mỹ và bọn tay sai thất bại trên cả ba nước Đông Dương, đặc biệt là trên chiến trường Việt Nam, đã tác động mạnh mẽ đến tình hình chính trị, quân sự ở Lào. Trước những thắng lợi liên tiếp của các lực lượng cách mạng ở Lào từ năm 1970 đến năm 1972, đặc biệt là những thắng lợi ở Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, A-tô-ơ - Xa-ra-van - cao nguyên Bô-lô-ven, Đường 9, đế quốc

Mỹ và bọn tay sai ở Lào cũng buộc phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán với lực lượng cách mạng Lào.

Cuộc thương lượng ở Viêng Chăn bắt đầu từ tháng 10 năm 1972, giữa một bên là đoàn đại biểu các lực lượng yêu nước Lào thay mặt cho Mặt trận Lào yêu nước và lực lượng trung lập yêu nước Lào, một bên là đoàn đại biểu chính phủ Viêng Chăn.

Qua 5 tháng đàm phán, do đoàn đại biểu các lực lượng yêu nước có lập trường đúng đắn, thái độ kiên trì, thiện chí và đã cố gắng hết sức mình để giải quyết hòa bình vấn đề Lào, ngày 21 tháng 2 năm 1973 tại thủ đô Viêng Chăn, hai bên đã ký kết "Hiệp định về lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào".

Hiệp định thừa nhận những quyền cơ bản của nhân dân Lào là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của nhân dân Lào; chấm dứt mọi hành động quân sự và xâm lược của Mỹ và bọn tay sai Thái Lan ở Lào; rút hết quân đội Mỹ và Thái Lan ra khỏi Lào. Hiệp định công nhận tình hình thực tế ở Lào có hai vùng thuộc quyền quản lý tạm thời của hai bên; vấn đề nội bộ của Lào phải được giải quyết trên tinh thần hòa hợp dân tộc, trên nguyên tắc bình đẳng, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào. Hiệp định còn vạch rõ thêm rằng: tuyên bố về nền trung lập của Lào ngày 9 tháng 7 năm 1961 và Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1962 về Lào là cơ sở đúng đắn của chính sách đối ngoại độc lập, hòa bình và trung lập của Lào, do đó các bên hữu quan ở Lào, chính phủ Hoa Kỳ, Thái Lan và các nước khác phải triệt để tôn trọng, nghiêm chỉnh thực hiện. Hiệp định quy định việc thực hiện hòa hợp dân tộc, thi hành các quyền tự do dân chủ, tổ chức tổng tuyển cử thực sự tự do và dân chủ để bầu ra quốc hội và chính phủ liên hiệp dân tộc chính thức ở Lào.

Đế quốc Mỹ tuy phải lùi một bước, nhưng chưa từ bỏ dã tâm duy trì chính sách mới của chúng ở Lào. Chúng xúi giục tập đoàn tay sai phản động cực đoan Xa-na-ni-con cản trở và phá hoại việc ký kết nghị định thư mà hai bên đã thỏa thuận, không ngừng vi phạm lệnh ngừng bắn, liên tiếp mở các cuộc tiến công chống lại các lực lượng yêu nước và tiến hành cuộc đảo chính phản động ngày 20 tháng 8 năm 1973. Nhưng cuộc đảo chính này đã bị dập tắt.

Phía các lực lượng yêu nước đã đánh bại mọi hành động phá hoại của bọn phản động, kiên trì đấu tranh để thực hiện hòa bình và hòa hợp dân tộc. Do đó, ngày 14 tháng 9 năm 1973, tại Viêng Chăn, đại diện các lực lượng yêu nước và đại diện chính phủ Viêng Chăn đã cùng nhau ký kết nghị định thư của "Hiệp định về lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào" để giải quyết các vấn đề cụ thể về mặt chính trị và quân sự còn tồn tại sau khi ký kết Hiệp định ngày 21 tháng 2 năm 1973.

Tiếp theo việc ký kết "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam", việc ký kết "Hiệp định về lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào" đánh dấu một thất bại rất căn bản của chính sách "Lào hóa chiến tranh", của chiến lược "chiến tranh đặc biệt tăng cường" của đế quốc Mỹ. Đó là sự phá sản nghiêm trọng của chính sách "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương, dùng người châu Á đánh người châu Á" của "học thuyết Ních-xơn" ở Lào. Cùng với thắng lợi của nhân dân Việt Nam vừa giành được, thắng lợi to lớn này của nhân dân Lào đã góp phần quan trọng đẩy lùi các thế lực đế quốc xâm lược ra khỏi bán đảo Đông Dương.

Với việc ký kết Hiệp định, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào anh hùng đã chuyển sang một bước ngoặt lớn. Trên cơ sở so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho cách mạng Lào, Hiệp định đã đặt tiền đề vững chắc cho cuộc đấu tranh của nhân dân Lào tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Ngày 13-10-1973: Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 vạch ra đường lối hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam. Từ tháng 3 năm 1973, cùng với việc chỉ đạo các chiến trường và chỉ đạo việc tăng cường lực lượng của ta, Bộ Chính trị khẩn trương chuẩn bị Hội nghị Trung ương lần thứ 21, để vạch phương hướng chủ trương hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tháng 4 năm 1973, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đã trình bày trước Bộ Chính trị những ý kiến rất quan trọng chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương bàn về tình hình và nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Trên cơ sở đánh giá thắng lợi của ta, thất bại của địch qua 18 năm kháng chiến chống Mỹ, đồng chí Lê Duẩn kết luận rằng đế quốc Mỹ đã thua, đã rút ra "thì không bao giờ trở lại nữa". "Hiện nay đế quốc Mỹ muốn lập thế cân bằng ở Đông Nam Á và ở Việt Nam, Mỹ đang biến chính quyền Sài Gòn từ một chính quyền tay sai thành một chính quyền lệ thuộc. Ở miền Bắc, Mỹ có ý đồ đi vào bằng kinh tế để gây ảnh hưởng".

Tháng 6 năm 1973, Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết về "Tình hình và nhiệm vụ quan trọng mới", phân tích tình hình diễn ra từ khi có Hiệp định Pa-ri, dự kiến khả năng phát triển của tình hình, đề ra phương hướng nhiệm vụ quân sự và những chủ trương công tác lớn đối với miền Bắc và miền Nam.

Cũng trong tháng 6 năm 1973, Bộ Chính trị lại họp với các đồng chí bí thư các đảng bộ và các đồng chí chủ trì các chiến trường, để thảo luận chuẩn

bị bản báo cáo của Bộ Chính trị trước Hội nghị Trung ương. Quán triệt tinh thần của cuộc họp Bộ Chính trị lần này, Trung ương Cục miền Nam đã họp Hội nghị lần thứ 12 vào tháng 9 năm 1973, Thường vụ Khu ủy và Thường vụ Quân ủy Khu 5 họp vào tháng 7 và tháng 8 năm 1973 để kịp thời làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình.

Tháng 10 năm 1973, toàn thể Ban Chấp hành Trung ương đã họp Hội nghị lần thứ 21, ra Nghị quyết về *"Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới"*. Trung ương Đảng ta đã nghe báo cáo của Bộ Chính trị và đã tổng kết lại 18 năm thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, rút ra những quy luật giành thắng lợi mà *nhân tố quyết định là luôn luôn giữ vững, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, là tư tưởng chiến lược tiến công, vừa biết kiên quyết tiến công, đồng thời biết giành thắng lợi từng bước cho đúng, đẩy lùi và đánh bại địch từng bước, củng cố trận địa của cách mạng để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn: là phương pháp cách mạng bạo lực, dựa trên lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, thực hiện bằng hình thức đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, kết hợp một cách hết sức chủ động linh hoạt; kết hợp khởi nghĩa quần chúng và chiến tranh cách mạng nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy; đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, bằng ba mũi giáp công, kết hợp ba thứ quân, kết hợp chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ; đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh, vừa đánh vừa xây dựng và phát triển lực lượng của ta; tiến công địch từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao. Tất cả những hình thức, biện pháp nói trên là một thể thống nhất, có quan hệ hữu cơ với nhau, tạo nên chiến lược tổng hợp và nghệ thuật quân sự của chiến tranh cách mạng Việt Nam.*

Đảng ta luôn luôn *giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, gắn chặt nhiệm vụ cách mạng ở hai miền, nhằm mục tiêu chung là hoàn thành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là những quy luật để giành thắng lợi được thể hiện rất rõ trong đường lối cách mạng và chiến tranh cách mạng của Đảng ta.

Trung ương Đảng nhất trí với nhận định của Nghị quyết Quân ủy Trung ương tháng 6 năm 1973 đã được Bộ Chính trị thông qua, về hai khả năng: hoặc do đấu tranh tích cực của ta trên ba mặt chính trị, quân sự, ngoại giao mà ta có thể *từng bước buộc địch phải thi hành Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, hòa bình được lập lại; hoặc ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng gay go, quyết liệt để đánh bại địch, giành thắng lợi hoàn toàn.*

Trung ương khẳng định: "*Con đường cách mạng của miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công*".

Trung ương đề ra: "*Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là: tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đoàn kết toàn dân, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tập đoàn thống trị tư sản mại bản, quan liêu, quân phiệt, phát xít, tay sai đắc lực của đế quốc Mỹ đang thống trị trong vùng địch kiểm soát; đẩy lùi và thắng địch từng bước, đi đến xóa bỏ chính quyền tay sai của Mỹ, xóa bỏ chế độ thực dân mới, thiết lập chính quyền dân tộc, dân chủ thực sự, thực hiện hòa hợp dân tộc, thoát ly hẳn sự lệ thuộc vào Mỹ, thực hiện một miền Nam Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà*".

Phương châm và phương thức hoạt động của cách mạng miền Nam là phải *nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công*, nhưng phải căn cứ vào từng thời kỳ, vào hoàn cảnh cụ thể từng vùng, thậm chí từng cuộc đấu tranh mà vận dụng hình thức đấu tranh và chiến thuật tiến công hoặc phòng ngự một cách linh hoạt, sắc bén, đồng thời giữ vững và phát triển lực lượng ta về mọi mặt, làm tan rã và suy yếu lực lượng quân sự, chính trị của địch, *làm cho lực lượng so sánh giữa ta và địch ngày càng thay đổi có lợi cho ta, nhất định ta phải mạnh cả về chính trị và quân sự, trên cả ba vùng chiến lược*.

Về phương châm hoạt động quân sự, Trung ương vạch rõ: "*Ta phải kiên quyết phản công và tiến công địch, giữ vững và phát huy thế chủ động về mọi mặt của ta, nhằm đánh bại kế hoạch "bình định" và lấn chiếm của địch, đặc biệt là vùng đồng bằng và vùng giáp ranh*". "Việc vận dụng phương châm trên phải gắn liền với yêu cầu giành dân và giành quyền làm chủ, nhằm giành lấy thế mạnh để thắng địch" nhưng phải căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể từng vùng.

Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Bộ Chính trị chuẩn bị chu đáo, họp rất kịp thời chỉ sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết 9 tháng, là một trong những hội nghị có ý nghĩa lịch sử quan trọng của Đảng ta. Trên cơ sở tổng kết và rút ra những quy luật chủ yếu để giành thắng lợi trong 18 năm kháng chiến chống Mỹ, Trung ương Đảng đã đề ra quyết tâm lớn hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 21 là nghị quyết chỉ đạo rất cơ bản của Đảng sau thắng lợi Hội nghị Pa-ri; nghị quyết đã làm chuyển biến tình hình, từ những thắng lợi cuối năm 1973 và năm 1974, đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, hoàn thành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chấp hành Nghị quyết lần thứ 21 của Trung ương Đảng, tháng 10 năm 1973 và tháng 3 năm 1974, Quân ủy Trung ương có nghị quyết nhận định tình hình và đề ra chủ trương quân sự của ta.

Trong nghị quyết tháng 10 năm 1973, Quân ủy Trung ương nhận định: từ tháng 6 năm 1973, do kịp thời khắc phục những khuyết điểm và cố gắng hoạt động, chúng ta đã tiêu diệt một bộ phận khá lớn sinh lực địch, giữ vững được vùng giải phóng và căn cứ địa rộng lớn của ta, duy trì thế uy hiếp địch về mặt chiến lược, có nơi đã phá được kế hoạch lấn chiếm, giữ vững được các lōm giải phóng ở đồng bằng. Về mặt xây dựng thực lực, ta đã chấn chỉnh được một bước lực lượng vũ trang, nhất là chủ lực, thực hiện vượt mức kế hoạch vận chuyển chi viện cho chiến trường. Đối với cách mạng nước bạn, ta đã tích cực giúp Lào và Cam-pu-chia tiếp tục giành được thắng lợi.

Tuy nhiên, có những chủ trương ta chưa thực hiện được, nên còn để mất dân, mất đất, chưa khắc phục được tình trạng mất cân đối giữa chủ lực và bộ đội địa phương, giữa lực lượng vũ trang tập trung và dân quân du kích; tốc độ xây dựng mọi mặt, bảo đảm hậu phương chiến lược còn chậm, xây dựng vùng giải phóng có nhiều khó khăn. Về tác chiến, chưa kết hợp chặt chẽ giữa đánh phía trước và thọc sâu sau lưng địch, chưa kết hợp tốt với đấu tranh chính trị. Quân ủy Trung ương đã nghiêm khắc chỉ ra: "Nguyên nhân chính là ta có *khuyết điểm* chứ không phải do địch mạnh".

Quân ủy Trung ương đề ra *mục đích, phương hướng hoạt động quân sự* của ta sắp tới là trên cơ sở quán triệt và chấp hành Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao, pháp lý, tập trung đánh bại một bước quan trọng kế hoạch "bình định" của địch ở các vùng đồng bằng và giáp ranh, đánh bại kế hoạch lấn chiếm của chúng, giữ vững các lōm giải phóng, thu hồi những vùng đã bị địch lấn chiếm, mở rộng và hoàn chỉnh thêm một bước có trọng điểm vùng giải phóng của ta. Phá kế hoạch của địch bao vây kinh tế, tích cực vận động sản xuất tự túc. Vừa tác chiến, vừa củng cố và nâng cao chất lượng chiến đấu của các lực lượng vũ trang, đồng thời chuẩn bị mọi mặt, kể cả chuẩn bị chiến trường, để sẵn sàng đánh lớn khi có thời cơ. Tích cực giúp đỡ cách mạng các nước bạn Lào và Cam-pu-chia.

Trong nghị quyết tháng 3 năm 1974, Quân ủy Trung ương chủ trương trong vài ba năm tới: "Trọng tâm của ta là đánh bại một bước quan trọng kế hoạch "bình định" lấn chiếm, phân tuyến của địch; giành dân, giành quyền làm chủ ở vùng đồng bằng và vùng ven đô thị đông dân, nhiều cửa. Từng bước đưa phong trào đấu tranh chính trị ở thành thị tiến lên, đồng thời chuẩn bị lực lượng cơ sở, tạo điều kiện và thời cơ đẩy tới cao trào cách mạng. Chủ lực vừa đánh vừa xây dựng, từng bước nâng cao quy mô đánh tiêu diệt,

vừa đánh vừa theo dõi phản ứng của địch để kịp thời có biện pháp đối phó. củng cố, xây dựng, giữ vững hoàn chỉnh vùng giải phóng căn cứ địa miền Nam. Ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng miền Bắc mạnh cả kinh tế, quốc phòng và sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của địch. Làm thay đổi toàn diện so sánh lực lượng có lợi cho ta, suy yếu và nguy cơ cho địch, buộc chúng phải bám lấy và từng bước thi hành hiệp định, nếu không chúng sẽ có nguy cơ thất bại lớn. Đồng thời, *sáng tạo điều kiện, nắm vững thời cơ* sẵn sàng chủ động phối hợp ba quả đấm: nông thôn, thành thị, chủ lực làm chuyển biến cục diện một cách bất ngờ và nhanh chóng làm cho địch trở tay không kịp, giành thắng lợi lớn nhất cho cách mạng".

Quân ủy Trung ương nhắc lại quyết tâm của Đảng là phải *lấy nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ*, phá kế hoạch "bình định" lấn chiếm, phân tuyến của địch ở đồng bằng và vùng ven làm *nhiệm vụ trung tâm số 1*, tạo nên một *chuyển biến về thế và lực có lợi cho ta ở miền Nam*.

Từ cuộc tiến công chiến lược 1972, trên từng hướng chiến lược, lực lượng vũ trang ta đã tiến hành những chiến dịch tiến công và chiến dịch phòng ngự nối tiếp nhau, với quy mô từ 3 đến 6 sư đoàn tập trung trên một hướng, trên một khu vực tương đối rộng và thời gian dài.

Chuyển sang giai đoạn mới, các lực lượng vũ trang ta nói chung cũng như bộ đội chủ lực của ta nói riêng, đã mạnh hơn bao giờ hết, nhưng tổ chức mới đến quy mô sư đoàn. Ở giai đoạn cuối của chiến tranh sẽ cần tổ chức những chiến dịch quy mô lớn kế tiếp nhau; những chiến dịch ấy sẽ diễn ra rất khẩn trương, các lực lượng sẽ tác chiến liên tục, cơ động nhanh trên địa bàn rộng từ chiến trường này sang chiến trường khác; lực lượng tham gia các chiến dịch rất đông đảo, gồm nhiều quân chủng, binh chủng với trang bị kỹ thuật mạnh, nhằm tiêu diệt đội quân lớn của địch để kết thúc chiến tranh. Việc thành lập các quân đoàn chủ lực là hết sức cần thiết để thực hiện nhiệm vụ lịch sử đó.

Trung ương Đảng chủ trương tổ chức các quân đoàn chiến lược bắt đầu bằng việc thành lập quân đoàn 1 ngày 24 tháng 10 năm 1973 gồm một số sư đoàn bộ binh và đơn vị binh chủng hợp thành, đứng chân ở các tỉnh phía bắc.

Ngày 17 tháng 5 năm 1974, thành lập tiếp Quân đoàn 2 gồm một số đơn vị đang chiến đấu ở khu vực Trị - Thiên.

Ngày 20 tháng 7 năm 1974, thành lập Quân đoàn 4 gồm một số đơn vị đang chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ.

Bộ đội chủ lực Tây Nguyên từ trước đã tác chiến tập trung nhiều sư đoàn trong các chiến dịch lớn, dưới sự chỉ huy của một bộ tư lệnh mặt trận, đã

chiến thắng và giải phóng Buôn Ma Thuột và cả vùng Tây Nguyên, tiêu diệt phần lớn lực lượng quân đoàn 2 của địch. Ngày 27 tháng 3 năm 1975, phần lớn các sư đoàn ở đây đã được tổ chức thành Quân đoàn 3, một binh đoàn cơ động chiến lược tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, các quân đoàn cơ động chiến lược đã thực sự là những quả đấm chủ lực mạnh mẽ, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chiến dịch và chiến lược. Các quân đoàn đều đạt hiệu quả rất lớn cả về tiêu diệt những lực lượng chiến dịch và chiến lược của địch, cả về giải phóng những vùng đất đai, dân cư rộng lớn có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong các chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng. Đặc biệt là trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử các quân đoàn đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng chính trị tiêu diệt và làm tan rã trên 40 vạn quân địch, giải phóng một địa bàn rộng lớn trong đó có thành phố Sài Gòn, đưa đến sự sụp đổ hoàn toàn của ngụy quân, ngụy quyền.

Tháng 10-1974 và 1-1975: Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng hạ quyết tâm và hoàn chỉnh quyết tâm lịch sử, hoàn thành giải phóng miền Nam. Quán triệt và chấp hành Nghị quyết lần thứ 21 của Trung ương Đảng và các nghị quyết Quân ủy Trung ương tháng 10 năm 1973, tháng 3 năm 1974, trong năm 1974, các chiến trường ở miền Nam liên tiếp tiến công địch, thu nhiều thắng lợi.

Quân ngụy phải lui từng bước về giữ các đô thị, các đường giao thông và các vùng có ý nghĩa chiến lược. Chúng không có khả năng lấy lại được, phải chịu bỏ một số vùng bị ta đánh chiếm như Nha Bích, Tống Lê Chân ở miền Đông Nam Bộ; Tánh Linh ở Khu 6; Đắc Pét, Ta-xúp, Măng Đen, Măng Bút ở Tây Nguyên; Nông Sơn, Giá Vụt ở Khu 5. Do bị quốc hội Mỹ cắt bỏ viện trợ bổ sung và gặp khó khăn nghiêm trọng về kinh tế, tháng 6 năm 1974, Nguyễn Văn Thiệu phải đề ra chủ trương "đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo", điều không thể nào làm được đối với một quân đội tay sai phản động. Tháng 8 năm 1974, ta đánh chiếm và làm chủ chi khu quận lỵ Thượng Đức (Quảng Nam); quân ngụy đưa gần hết sư đoàn dù dự bị chiến lược đến phản công mấy tháng liền nhưng không lấy lại được, phải bỏ cuộc. Kế hoạch "bình định" lấn chiếm của chúng cũng bị thất bại về căn bản.

Về ta, ở miền Nam, sự ra đời của các quân đoàn và binh đoàn tương đương quân đoàn, đứng chân trên các chiến trường quan trọng, đã tạo nên một sự chuyển biến lớn về so sánh lực lượng; mạng đường chiến lược ở cả hai tuyến đông và tây Trường Sơn đã nối liền đến Lộc Ninh, đường ống đã chạy thông qua Tây Nguyên vào Khu 5 và miền Đông Nam Bộ. Trên miền Bắc,

sau gần hai năm phấn đấu gian khổ, nhiều mặt về kinh tế đến cuối năm 1974 đã đạt xấp xỉ mức năm 1965; ta cũng đã tăng cường vào miền Nam một số lượng lớn quân các loại và một khối lượng lớn hàng quân sự, vượt xa kế hoạch các năm trước đó.

Vụ bê bối Oa-tơ-ghết đã đẩy nước Mỹ đến một tình trạng chính trị xấu chưa từng có. Ních-xon bị lật đổ, Pho lên thay. Là một tổng thống lên nắm quyền không do bầu cử, Pho phải tiếp tục thực hiện việc cắt giảm viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn và không thể đưa ra được một điều gì có hiệu lực để cứu nó trong cơ nguy khốn.

Tình hình quốc tế cũng diễn ra khá phức tạp, nhất là ở khu vực Đông Nam Á. Trước thắng lợi gần kề của cuộc chiến tranh cách mạng Việt Nam, bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế đều muốn tranh giành ảnh hưởng ở khu vực này, muốn kìm chế ta lại, nhưng cũng còn đang găm ghè nhau, chưa thỏa hiệp được với nhau và chưa nước nào chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng.

Chiến tranh đã bước vào giai đoạn cuối cùng, so sánh lực lượng đã thay đổi, ta mạnh lên, địch yếu đi; tình hình trên cho phép ta tính toán và chuẩn bị cho một "kế hoạch giải phóng miền Nam".

Ngày 21 tháng 7 năm 1974, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu một số ý kiến khêu gọi cho một kế hoạch giải phóng miền Nam. Đồng chí thấy rằng: "Hiện tại thời cơ thuận lợi nhất", cần nắm lấy thời cơ này thực hiện nhiệm vụ lịch sử trọng đại của dân tộc nếu để chậm thì tình hình sẽ diễn biến vô cùng phức tạp cho ta. Theo chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, cơ quan Bộ Tổng tham mưu khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho kế hoạch chiến lược đó.

Từ 30 tháng 9 đến 8 tháng 10 năm 1974, Bộ Chính trị họp để phân tích thời cơ chiến lược mới và hạ quyết tâm lịch sử hoàn thành giải phóng miền Nam.

Đánh giá tình hình, Bộ Chính trị thấy rằng, từ đầu năm 1974, bằng những cố gắng nhiều mặt, ta đã thu được *những kết quả to lớn trong công tác chuẩn bị chiến lược*. Ta đã giữ vững và phát triển mạnh mẽ thế chủ động chiến lược, đẩy địch vào thế bị động trên toàn chiến trường. Ta đã tăng thêm sức mạnh của lực lượng vũ trang, đặc biệt là của khối chủ lực, làm căng mỏng và suy yếu một bước quan trọng quân ngụy, nhất là đội quân chủ lực cơ động của chúng, làm cho chủ lực ta hơn hẳn chủ lực ngụy. Ta đã củng cố và mở rộng các bàn đạp tiến công trên các hướng chiến lược trọng yếu, chuẩn bị tương đối tốt các mặt dự trữ vật chất, đường cơ động chiến lược và chiến dịch.

Mỹ ngày càng gặp khó khăn trong nước chúng và trên thế giới. Do đó, Mỹ chẳng những phải giảm bớt chi viện cho ngụy mà còn khó có khả

năng nhảy vào lại miền Nam, và dù chúng có can thiệp thế nào đi nữa cũng không cứu vãn được nguy quyền Sài Gòn khỏi sụp đổ, không thể ngăn cản bước tiến lên của cách mạng đang vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh.

Trong các đô thị đã có phong trào đòi hòa bình, dân sinh, dân chủ, độc lập dân tộc, đòi lật đổ Thiệu.

Những thắng lợi mới của cách mạng Lào cũng như của cách mạng Cam-pu-chia đã làm cho cách mạng miền Nam càng thêm vững mạnh. Nhân dân thế giới đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Chúng ta đã thúc đẩy thời cơ chiến lược chín muồi, đã tạo nên những yếu tố chiến lược quan trọng để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Bộ Chính trị đã nhất trí thông qua phương án thực hiện giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, và đã *chọn chiến trường Tây Nguyên là hướng tiến công chủ yếu* trong cuộc tiến công lớn và rộng khắp năm 1975. Ở Tây Nguyên, địch tương đối yếu và ta có nhiều thế lợi để có thể phát triển lực lượng về phía Nam, chia cắt miền Trung; ở đây lại tiện cho ta phát huy hết sức mạnh của các binh chủng kỹ thuật. Như vậy, Tây Nguyên là *một địa bàn chiến lược hết sức quan trọng.*

Bộ Chính trị cũng chỉ thị cho Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tham mưu theo dõi và có kết luận về phản ứng của Mỹ qua hoạt động tiến công của ta trong mùa khô 1974-1975; tính toán kỹ cơ sở vật chất, đạn dược, xe máy, vì viện trợ quân sự đã bị giảm nhiều, cần có kế hoạch tự mình sản xuất và tiết kiệm chặt chẽ trong sử dụng.

Kết luận hội nghị, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phân tích ý nghĩa của quyết tâm chiến lược lịch sử này, đại ý như sau:

Bây giờ đã đến lúc chúng ta hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Đây là một điều hết sức trọng đại, hết sức quan trọng. Trọng đại, quan trọng là vì 30 năm nay, từ khi giành được chính quyền, chúng ta làm cách mạng liên miên, chiến tranh liên miên. Qua mấy thời kỳ chống đế quốc, cuộc chiến tranh cách mạng của chúng ta đã có ý nghĩa lịch sử và ý nghĩa thời đại sâu sắc; nó tập hợp cả một lực lượng to lớn, ở trên một vị trí chiến lược, đương đầu với tên đế quốc mạnh nhất, hung ác nhất. Bây giờ chúng ta hoàn thành cuộc cách mạng, thực hiện nhiệm vụ của thời đại trong cả nước. Nó ảnh hưởng không phải chỉ ở trong nước ta mà cả toàn Đông Nam Á và toàn thế giới.

Đồng chí nói tiếp:

"Nói như vậy để thấy hết cái trọng đại của nó, đồng thời cũng thấy hết những khó khăn, phức tạp của nó.

Nhưng chúng ta đã thấy hết khả năng, thấy rõ so sánh lực lượng, thấy tất cả mọi cái để hạ quyết tâm này, với tri thức, sự hiểu biết, kinh nghiệm của 30 năm nay cộng lại, không phải của từng người mà của tất cả chúng ta".

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, trên chiến trường, đợt hoạt động mùa khô 1974-1975 đã bắt đầu từ cuối năm 1974; đồng thời, các cơ quan, các ngành thuộc Bộ Tổng tư lệnh cũng như các hướng, các đơn vị đều ráo riết làm mọi công tác chuẩn bị về chiến lược. Cũng trong thời gian đó, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã cùng các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các chiến trường chuẩn bị cho Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng từ 18 tháng 12 năm 1974 đến 8 tháng 1 năm 1975 xác định và bổ sung để hoàn chỉnh quyết tâm cuối cùng, theo sự phát triển mới của tình hình.

Bộ Chính trị đã phân tích: "Diễn biến cơ bản của tình hình trong gần hai năm qua rõ ràng là ta đang ở thế thắng, thế đi lên, thế chủ động và thuận lợi; địch đang ở thế thua, thế đi xuống, thế bị động và khó khăn; chiều hướng này không thể đảo ngược lại được. Những chỗ mạnh của địch là tạm thời, chứa đầy mâu thuẫn bên trong, không những không phát huy được mà đang giảm sút dần. Chúng suy yếu một cách toàn diện, với nhịp độ ngày càng tăng. Do hoạt động của ta và do khó khăn nội tại của chúng, địch có thể trải qua những bước xuống dốc nghiêm trọng. *So sánh lực lượng địch - ta, trên phạm vi cả nước cũng như trên chiến trường miền Nam, đã có những chuyển biến cơ bản rõ rệt có lợi cho cách mạng, ta đã mạnh hơn địch*".

"Khả năng đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp, hiện nay đang gặp nhiều khó khăn. Nếu nguy có nguy cơ sụp đổ lớn, ta cần đề phòng Mỹ có thể can thiệp bằng không quân, hải quân, nhưng không phải để mở rộng chiến tranh mà để cứu vãn chính quyền Sài Gòn. Khả năng dùng lực quân thì rất ít, tuy nhiên chúng ta phải luôn luôn theo dõi âm mưu của chúng, cảnh giác và sẵn sàng đối phó. Dù chúng có can thiệp như thế nào, ta cũng có đầy đủ quyết tâm và điều kiện để đánh thắng và chúng cũng không thể cứu vãn được nguy cơ sụp đổ của chính quyền Sài Gòn".

Bộ Chính trị kết luận:

"*Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược lớn, chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền*

Nam, để tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc; giữa lúc phong trào cách mạng ba nước Đông Dương đang trên đà tiến công mạnh mẽ và giành thắng lợi ngày càng to lớn".

Trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình, thời cơ chiến lược đó, vận dụng những quy luật của chiến tranh cách mạng ở nước ta, kịp thời phát hiện những nhân tố thắng lợi mới, Bộ Chính trị hạ quyết tâm: "Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, trong thời gian 1975-1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam; thực hiện một miền Nam Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, phồn vinh, tiến tới hòa bình, thống nhất nước nhà.

Trước nhiệm vụ trọng đại, gay go phức tạp nhưng vô cùng vinh quang của dân tộc, Bộ Chính trị quyết định: "Động viên lực lượng mọi mặt của cả nước, đoàn kết nhất trí triệu người như một, đập bằng mọi khó khăn gian khổ, hy sinh, phấn đấu anh dũng tiến lên với một tinh thần quyết chiến, quyết thắng rất cao".

Bộ Chính trị nhắc: trong quá trình thực hiện quyết tâm chiến lược đó, cần phải nắm vững quy luật cơ bản của chiến tranh cách mạng nước ta là kết hợp quân sự và chính trị, tiến công và nổi dậy, chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa vũ trang là quy luật chung, phát triển đến đỉnh cao là tổng công kích - tổng khởi nghĩa, phát huy sức mạnh tổng hợp của tiến công quân sự, tiến công chính trị, tiến công binh vận kết hợp với tiến công ngoại giao.

Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh: trong khi cuộc chiến tranh cách mạng đang tiếp diễn ngày càng quyết liệt, quy mô ngày càng lớn, ta cần phải nắm vững quy luật của chiến tranh là phải tiêu diệt và làm tan rã lực lượng quân sự của địch, bao gồm cả sinh lực và phương tiện chiến tranh, nhất là quân chủ lực là chỗ dựa cuối cùng của chính quyền phát xít tay sai đế quốc Mỹ. Cũng vì vậy, nhìn chung toàn cục thì tổng công kích có ý nghĩa quyết định, phải đi trước một bước, tiêu diệt để làm chủ, làm chủ để tiêu diệt, siết chặt bao vây đô thị, làm suy yếu, tiến tới đè bẹp cho được quân ngụy thì mới tạo được điều kiện thuận lợi cho quần chúng đô thị nổi dậy.

Chúng ta cần nắm vững quy luật của phong trào cách mạng của quần chúng, ra sức phát triển lực lượng chính trị ở các đô thị, phát triển đấu tranh chính trị thành cao trào, để khi điều kiện đã chín muồi thì kịp thời

nắm vững thời cơ, phối hợp với tổng công kích, thực hiện tổng khởi nghĩa. Thực hiện vũ trang quần chúng cách mạng, đánh đổ chính quyền đầu não của địch ở đô thị.

Vấn đề vận động binh lính địch cũng có một vị trí rất quan trọng để làm tan rã quân nguy, gây phong trào khởi nghĩa trong nguy quân, gây phong trào ly khai trong nguy quân, nguy quyền, tiến tới thực hiện công nông binh liên hiệp, góp phần đưa tổng công kích - tổng khởi nghĩa đến thắng lợi.

Bộ Chính trị quan tâm rất nhiều đến vấn đề *thời cơ chiến lược*. Cả năm 1975 là thời cơ, đòn tiến công quân sự mạnh tạo nên thời cơ, phong trào chính trị thúc đẩy thời cơ, tình hình thế giới và nội tại nước Mỹ là thời cơ, từ bình thường đến vừa, đến cao, đến đột biến với tốc độ "1 ngày bằng 20 năm", do đó cần phải *khẩn trương*, phải *đánh nhanh hơn*, nếu đã có thời cơ mà không kịp thời phát hiện, bỏ lỡ thì có tội lớn đối với dân tộc.

Do đó, ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm 1975-1976, *cần phải có kế hoạch lợi dụng thời cơ*, nên đã chuẩn bị một phương án khác và một phương hướng hành động cực kỳ quan trọng là: *nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*. Muốn lợi dụng thời cơ, phát triển thuận lợi, cần luôn luôn có lực lượng, có kế hoạch dự bị sẵn sàng ở những địa bàn cơ động, vì thực lực của ta là nhân tố quyết định.

Về phương châm chỉ đạo tác chiến, Bộ Chính trị đề rõ:

1. Kết hợp tiến công quân sự, chính trị, ngoại giao, đánh cho nguy nhào mà Mỹ không vào.
2. Tập trung lực lượng cao nhất, hợp lý nhất, tiến công mãnh liệt nhất vào hướng chiến lược chủ yếu, đánh những đòn quyết định, giành kỳ được thắng lợi quyết định ở những hướng quyết định.
3. Mạnh bạo, kiên quyết, vững chắc, chủ động, linh hoạt, sắc bén, kịp thời, tuyệt đối giữ bí mật, bất ngờ.
4. Nắm vững thời cơ, triệt để lợi dụng thời cơ, mở rộng thắng lợi, giành cho được thắng lợi cao nhất.

Phải tranh thủ đánh thắng nhanh nhất, thực hiện tổng công kích - tổng khởi nghĩa để ít thiệt hại về người và của cho nhân dân, giảm bớt những khó khăn và hậu quả sau chiến tranh, giữ gìn tốt những công trình kinh tế, văn hóa, bảo đảm sinh hoạt, để ta có thể tận dụng tài nguyên và thiết bị mà phát triển kinh tế, văn hóa nước ta sau thắng lợi hoàn toàn.

Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10 năm 1974 và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tháng 1 năm 1975 có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Bộ Chính trị đã phân tích một cách hết sức chính xác sự phát triển mới của tình hình, hạ quyết

tâm và đề ra phương hướng hành động vô cùng đúng đắn cho quân và dân cả nước, trước thời cơ lớn. Đó chính là ngọn đuốc soi đường dẫn đến cuộc Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Tháng 12-1974 đến 2-1975: Đợt hoạt động mùa khô trên chiến trường Nam Bộ. Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị tháng 10 năm 1974 và "kế hoạch hai năm giải phóng miền Nam", dựa vào tình hình ở Nam Bộ đã có sự chuẩn bị tốt, Quân ủy Trung ương và Quân ủy Miền chỉ đạo triển khai đợt hoạt động mùa khô 1974-1975, đợt đầu tiên trong kế hoạch tác chiến năm 1975. Trong đợt này, ta tiến công địch với mức yêu cầu nhất định, chủ yếu trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ. Các chiến trường khác có sự hoạt động phối hợp nhỏ, vừa, chủ yếu là ra sức chuẩn bị thêm cho các đợt sau.

Trên mặt trận đồng bằng sông Cửu Long. Hoạt động của Khu 9 đạt kết quả tốt. Trong vòng không đầy ba tháng (6-12-1974 đến giữa tháng 2-1975) đã loại khỏi chiến đấu khoảng 2 vạn tên, diệt và bức rút gần 800 căn cứ, chi khu và đồn bốt (trong đó có 2 chi khu, 2 yếu khu, 11 căn cứ, 51 phân chi khu quân sự), giải phóng hoàn toàn 27 xã và giải phóng về cơ bản 36 xã, 287 ấp với trên 40 vạn dân, giành quyền làm chủ về cơ bản vùng nông thôn Vĩnh Trà, phá vỡ tuyến phòng thủ xung quanh Chương Thiện, củng cố và mở rộng vùng căn cứ, nối liền với hành lang từ biên giới xuống.

Khu 8 đã bức rút 320 đồn bốt, giải phóng 193 ấp (có 14 xã giải phóng hoàn toàn và 17 xã giải phóng về cơ bản) với gần 10 vạn dân. Sau đợt hoạt động này, tình hình đồng bằng sông Cửu Long đã có những chuyển biến quan trọng; ta nắm được 2 triệu 50 vạn dân trong tổng số 7 triệu, trong đó có 1 triệu 44 vạn dân được giải phóng.

Trên mặt trận miền Đông Nam Bộ. Ta sử dụng một bộ phận của quân đoàn 4 tiến hành chiến dịch đường 14 - Phước Long, giành được thắng lợi lớn. Trong hơn 20 ngày (12-12-1974 đến 6-1-1975), ta diệt và bắt trên 3.000 tên địch, thu trên 3.000 súng các loại giải phóng đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long (6-1-1974), tỉnh đầu tiên ở miền Nam được giải phóng hoàn toàn.

Trên khu vực Tánh Linh - Hoài Đức, ta loại khỏi chiến đấu 2.400 tên địch, giải phóng hoàn toàn quận Tánh Linh và 4 xã huyện Hoài Đức với gần 35.000 dân.

Ở Tây Ninh, ngày 7 tháng 1 năm 1975, ta chiếm đài quan sát của địch trên núi Bà Đen. Trên vùng ven Sài Gòn, ta giải phóng hoàn toàn 3 xã, giải phóng về cơ bản 4 xã, 37 ấp, gần 18.000 dân, phá lỏng thế kìm kẹp, khống chế của địch và tạo điều kiện thuận lợi cho các trung đoàn bám sát được địa bàn.

Đáng chú ý là khi mất tỉnh Phước Long và núi Bà Đen, quân ngụy chỉ đối phó chủ yếu bằng không quân (sử dụng tập trung 116 máy bay khu trục, 160 máy bay lên thẳng của cả 5 sư đoàn không quân) và bằng lực lượng cơ động của quân khu 3 phản kích, nhưng không đạt kết quả thì dịch bỏ cuộc, vì lực lượng cơ động chiến lược của chúng đang bị sa lầy ở quân khu 1, và địch còn đề phòng ta tiến công trên các hướng khác. Về đế quốc Mỹ, chúng chỉ hăm dọa và gây áp lực từ xa như cho báo động khẩn cấp sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ ở Ô-ki-na-oa, dọa sẽ ném bom trở lại nếu ta tiếp tục tiến công, cho tàu sân bay In-te-prai-dơ từ Phi-líp-pin vào Biển Đông - Nam Việt Nam, nhưng mặt khác, ngày 9 tháng 1 năm 1975, đại sứ quán Mỹ báo cho Thiệu biết "việc yểm hộ bằng máy bay Mỹ lúc này chưa được phép"; ngày 22 tháng 1 năm 1975, Pho tuyên bố: "Không có hành động nào khác ngoài việc bổ sung viện trợ cho Sài Gòn; sẽ không can thiệp vào Nam Việt Nam mà không thông qua thủ tục hiến pháp và lập pháp", và khi bị quốc hội Mỹ chất vấn, đã phải lệnh cho tàu In-te-prai-dơ chuyển về Ấn Độ Dương.

Kết quả trong đợt hoạt động này, riêng ở Nam Bộ và Khu 6, ta đã loại khỏi chiến đấu 56.315 tên địch, diệt 22 tiểu đoàn và 66 ban tề ngụy, 1 giang đoàn, 1 chi đội thiết giáp, đánh thiệt hại nặng 15 tiểu đoàn và 4 chi đoàn thiết giáp; thu 12.122 súng các loại, 786 máy vô tuyến điện; 118 xe, 2 máy bay; phá 108 máy bay, 110 tàu, 494 xe cơ giới; bức rút gần 1.550 đồn bốt (trong đó có 1 tiểu khu, 2 chi khu, 3 yếu khu và gần 90 phân chi khu quân sự), giải phóng hoàn toàn 1 tỉnh, 4 huyện, 72 xã và 400 ấp, giải phóng về cơ bản 55 xã khác, giải phóng gần 60 vạn dân.

Đợt tiến công mùa khô 1974-1975 thu được thắng lợi lớn. Những thắng lợi đó, đặc biệt là thắng lợi ở đồng bằng Khu 9 và Phước Long có ý nghĩa rất quan trọng. Nó đánh dấu một bước suy sụp mới của quân ngụy Sài Gòn; quân chủ lực ngụy không còn khả năng giải tỏa với quy mô lớn để chiếm lại các vùng, các căn cứ và thị xã quan trọng mà ta đã đánh chiếm trên các địa bàn rừng núi và giáp ranh. Nó chứng tỏ một bước thụt lùi mới của đế quốc Mỹ trong ý đồ và khả năng can thiệp vào miền Nam Việt Nam; đế quốc Mỹ đang vấp phải những khó khăn lớn ở trong nước, nội bộ bị phân hóa, đã phản ứng yếu ớt trước những đòn tiến công của ta. Nó làm cho vùng nông thôn giải phóng và làm chủ với mức độ khác nhau của ta ngày càng được mở rộng và có thể liên hoàn, địa bàn tiến công của ta được vững chắc và tiến sát các khu vực trọng yếu của địch. Nó nói lên những khả năng mới của ta, có thể giành thắng lợi lớn trong một thời gian ngắn với nhịp điệu nhanh, có thể đánh chiếm và giữ được một thị xã trên chiến trường rừng núi, có khả năng giải phóng hoàn toàn một tỉnh.

Những thắng lợi đó là cơ sở thực tế hết sức quan trọng để Hội nghị Bộ Chính trị tháng 1 năm 1975 khẳng định bổ sung và hoàn chỉnh quyết tâm chiến lược hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam trong hai năm 1975-1976 với tinh thần rất mạnh bạo, sẵn sàng nắm thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.

Từ ngày 4-3 đến 24-3-1975: Chiến dịch Tây Nguyên đại thắng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn bộ chiến trường miền Nam mở đầu thắng lợi to lớn. Tháng 12 năm 1974, Nguyễn Văn Thiệu đã họp với bọn cầm đầu quân nguy để phán đoán hoạt động của ta trong năm 1975. Bọn chúng cho rằng ta có thể đánh với quy mô lớn hơn năm 1974 nhưng không được như năm 1968 và cũng không bằng năm 1972; ta chưa có khả năng đánh thị xã lớn hoặc thành phố, dù có đánh chiếm cũng không giữ được; ta chỉ có thể đánh loại thị xã nhỏ như Phước Long, Gia Nghĩa; yêu cầu chủ yếu của ta là giành được 2 triệu dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và mở rộng vùng giải phóng ở miền núi. Chúng cho rằng mục đích của ta là giành thắng lợi để thúc ép chúng thi hành Hiệp định Pa-ri về Việt Nam; hướng tiến công đầu năm 1975 của ta là quân khu 3, chủ yếu là chiếm Tây Ninh làm thủ đô cho Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; về thời gian, chúng phán đoán ta sẽ đánh vào trước hoặc sau Tết âm lịch và kéo cho đến tháng 6 năm 1975, mùa mưa bắt đầu thì dừng lại.

Do nhận định như vậy, chúng không thay đổi thế bố trí chiến lược "mạnh hai đầu", tức là quân khu 1 và các quân khu 3, 4; không tăng cường gì cho quân khu 2 và Tây Nguyên. Thực ra, lúc này chúng cũng không còn lực lượng dự bị để tăng cường nữa, thất bại ở Phước Long đã nói lên điều đó.

Về biện pháp, chúng chủ trương đánh trước để phá kế hoạch chuẩn bị của ta; chúng mở chiến dịch "bình định cấp tốc lập tức" trong 3 tháng kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1975, để ngăn chặn "chiến dịch Đông - Xuân" của ta và ra lệnh báo động trong dịp Tết, v.v.

Với những nhận định, chủ trương, biện pháp như vậy, địch *hoàn toàn bị bất ngờ về chiến lược và chiến dịch* khi cuộc tổng tiến công của ta bắt đầu.

Chấp hành quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định dùng lực lượng chủ lực mạnh mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên, tập trung lực lượng chủ yếu vào khu vực nam Tây Nguyên, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch; đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk, sau đó giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và phát triển xuống Phú Yên, Khánh Hòa, thực hiện chia cắt chiến lược.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định cử Đại tướng Văn Tiến Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tham mưu trưởng trực tiếp chỉ đạo và chỉ huy chiến dịch.

Để bảo đảm cho trận then chốt mở đầu thắng lợi, phải tạo mọi điều kiện đánh Buôn Ma Thuột trong tình huống địch sơ hở, bất ngờ và bị bao vây cô lập. Do đó, trên hướng trọng điểm phải tập trung lực lượng hơn địch, tích cực nghi binh, tích cực đánh lạc hướng, hình thành chia cắt bao vây, cô lập địch, hành động thật bất ngờ, thật mãnh liệt, làm cho địch không kịp đối phó và khi đã mất thì không kịp phản kích để lấy lại.

Theo tình thần đó, từ 4 tháng 3 năm 1975, ta tiến công cắt đứt đường 19, đường 21 từ Tây Nguyên nối với đồng bằng Khu 5, tiến công nghi binh quy mô vừa và nhỏ ở Plây Cu, Công Tum; sau đó, ngày 8 tháng 3 ta đánh chiếm Thuận Mãn, cắt đứt đường 14 giữa Plây Cu và Buôn Ma Thuột; ngày 9 tháng 3, đánh chiếm khu Đức Lập - Núi Lửa, cô lập hoàn toàn Buôn Ma Thuột.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, ta tập trung lực lượng gồm 1 sư đoàn và 2 trung đoàn bộ binh, 1 trung đoàn đặc công, 1 đại đội xe tăng, 2 trung đoàn pháo, 3 trung đoàn cao xạ tiến công thẳng vào Buôn Ma Thuột, tiêu diệt toàn bộ lực lượng địch ở đây, gồm sư đoàn bộ binh 23, trung đoàn 53 (thiếu 1 tiểu đoàn) thuộc sư đoàn 23, 1 chi đội thiết giáp, 1 tiểu đoàn và 4 đại đội bảo an, 57 trung đội dân vệ. Sau hai ngày chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ thị xã Buôn Ma Thuột, đập vỡ một mảng lớn hệ thống phòng thủ của địch trên chiến trường Tây Nguyên.

Ngày 11 tháng 3, Bộ Chính trị họp nhận định: "Thắng lợi ở Buôn Ma Thuột - Đức Lập, trên đường 19 và các hướng khác chứng tỏ ta có khả năng giành thắng lợi to lớn với nhịp độ nhanh hơn dự kiến".

Trong cuộc họp này, đồng chí Lê Duẩn gợi ý: "Trước đây ta dự kiến hai năm giải phóng miền Nam, nay có Phước Long, Buôn Ma Thuột, ta có thể đẩy mạnh hơn; đây phải chăng là bước đầu của cuộc tổng tiến công chiến lược? Nên suy nghĩ".

Bộ Chính trị khẳng định một lần nữa khả năng can thiệp của đế quốc Mỹ càng rất ít và chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị khẩn trương kế hoạch giải phóng tiếp Tây Nguyên, giải phóng Huế - Đà Nẵng và dự kiến những thời cơ lớn hơn.

Quân ủy Trung ương chỉ thị cho Mặt trận Tây Nguyên phải kiên quyết đánh bại và tiêu diệt địch phản công, phát triển nhanh chóng, bao vây và tiến tới tiêu diệt Plây Cu, chặt đứt đường 19, cô lập Công Tum.

Bị đòn choáng váng, địch vội vã điều động 2 trung đoàn còn lại của sư đoàn 23 và liên đoàn 21 biệt động để phản công, hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột. Sau 5 ngày liên tục tiến công, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn lực lượng phản công này của địch, rồi phát triển xuống Khánh Dương - Ninh Hòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 1975, Quân ủy Trung ương lại chỉ thị tiếp: "Trường hợp địch bị tiêu diệt một bộ phận sinh lực lớn, mất thị xã Buôn Ma Thuột và nhiều quận lỵ, chi khu, việc chia cắt chiến lược đường 19 ta thực hiện tốt thì có khả năng địch tập trung lực lượng còn lại ở Tây Nguyên - Plây Cu. Cũng nên nghĩ tới khả năng chúng buộc phải thực hiện rút chiến lược. Vì vậy, nên hình thành bao vây Plây Cu, chuẩn bị tốt tiêu diệt địch trong cả hai tình huống".

Dự kiến của Quân ủy Trung ương hoàn toàn chính xác, nhạy bén và rất kịp thời; quả nhiên, sáng 14 tháng 3, Thiệu đến Cam Ranh ra lệnh rút khỏi Plây Cu - Công Tum để về giữ vùng duyên hải, sau đó sẽ tập trung lực lượng phản kích trở lại.

Ngày 16 tháng 3, bộ đội chủ lực ta nhanh chóng tổ chức chặn đánh và truy kích địch rút chạy theo đường 7, đồng thời một đơn vị bộ đội địa phương Tuy Hòa đã được lệnh chặn đầu tại Củng Sơn. Đến ngày 24 tháng 3, toàn bộ quân địch rút chạy bị tiêu diệt. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi. Lực lượng quân đoàn 2 ngự trấn giữ trên vùng này hoàn toàn bị tiêu diệt. Ta giải phóng toàn bộ vùng cao nguyên chiến lược rất quan trọng trên chiến trường miền Nam.

Phối hợp với Tây Nguyên, các chiến trường Khu 5, Trị - Thiên, Nam Bộ đều mở các chiến dịch hoặc đẩy mạnh tiến công địch và thu được nhiều thắng lợi.

- Khu 5 hoàn thành việc chia cắt và đánh chiếm nhiều đoạn quan trọng trên đường 19, đặc biệt là lực lượng vũ trang địa phương đã tiến công giải phóng phần lớn vùng giáp ranh Quảng Nam - Quảng Ngãi (Tiên Phước, Phước Lâm, Sơn Hà, Trà Bồng, Bình Sơn, Sơn Tịnh)...

- Ở Trị - Thiên, từ 8 tháng 3 năm 1975, bộ đội chủ lực hoạt động mạnh trên vùng giáp ranh, phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích đẩy mạnh hoạt động ở đồng bằng.

- Ở Nam Bộ, qua các đợt tiến công trên đường 13, đường 20, ta chiếm nhiều bàn đạp quan trọng quanh Sài Gòn, ở phía tây bắc (Dầu Tiếng, suối Ông Hùng, Cầu Khởi) và đông bắc (Định Quán, Vô Đắc), giải phóng đường 20, đường 3 và một đoạn trên quốc lộ 1 (đoạn Long Khánh - Rừng Lát), uy hiếp Xuân Lộc. Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, ta mở các chiến

dịch tiến công tổng hợp, mở rộng vùng giải phóng, thọc sâu vào một số vùng xung yếu.

Trong đợt tiến công thứ nhất, đợt tiến công đồng loạt trên chiến trường miền Nam, ta đã thực hành thắng lợi các chiến dịch tiến công trên các chiến trường, đặc biệt là chiến dịch có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận Tây Nguyên.

Trong một thời gian ngắn, ta đã tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng sinh lực địch, tiêu diệt về cơ bản quân đoàn 2 ngụy, phá rã từng mảng chính quyền địch, giải phóng nhiều vùng đất đai quan trọng, đặc biệt là vùng chiến lược Tây Nguyên, phá vỡ thế phòng ngự chiến lược của địch ở quân khu 2, đẩy chúng vào bước suy sụp mới, phải từ phòng ngự chiến lược chuyển sang rút lui co cụm chiến lược. Cục diện chiến trường đã thay đổi. Thời cơ chiến lược cụ thể đã xuất hiện.

Ngày 17 tháng 3, trong khi chiến dịch Tây Nguyên còn đang diễn biến, ta đã nắm chắc phần thắng và thắng lợi về các mặt đều vượt yêu cầu rất cao. Quân ủy Trung ương họp chuẩn bị cho một phương hướng hành động mới nhằm triệt để phát huy thời cơ thuận lợi đã giành được. Và ngày 18 tháng 3, Bộ Chính trị họp hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch hai năm trong năm 1975. Bộ Chính trị xác định phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu là Sài Gòn, nhưng trước mắt cần phải tiêu diệt ngay quân khu 1 ngụy. *Đó là quyết tâm đẩy mạnh tổng tiến công chiến lược đến toàn thắng.* Bộ Chính trị giao cho Quân ủy Trung ương làm kế hoạch thực hiện quyết tâm mới đó.

Từ ngày 21-3 đến 3-4-1975: Chiến dịch Huế - Đà Nẵng đại thắng. Phát triển tiến công giải phóng hoàn toàn các tỉnh miền Trung và Nam Trung Bộ. Tiếp sau cuộc họp ngày 18 tháng 3, đến ngày 25 tháng 3 Bộ Chính trị họp tiếp và nhận định: "Trên thực tế, với chiến dịch Tây Nguyên đại thắng, cuộc tổng tiến công chiến lược của ta đã bắt đầu; những thắng lợi dồn dập của ta từ đó đến nay đánh dấu một bước ngoặt trên cục diện quân sự và chính trị ở miền Nam đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt".

Bộ Chính trị thấy rằng: *"Thời cơ chiến lược lớn đã tới. Trong suốt 20 năm chống Mỹ, cứu nước, chưa bao giờ thuận lợi bằng lúc này"*, do đó cần *"nắm vững thời cơ chiến lược mới, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không dự kiến kịp và không kịp trở tay, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam càng sớm càng tốt"*.

Và Bộ Chính trị hạ quyết tâm hoàn thành giải phóng Sài Gòn và miền Nam trước mùa mưa (tháng 5-1975).

Phương hướng chiến lược chủ yếu là tập trung lực lượng của cả nước giải phóng Sài Gòn - Gia Định để giải phóng hoàn toàn miền Nam; muốn hoàn thành nhiệm vụ cơ bản đó, nhiệm vụ chiến lược trước mắt là tiến hành một trận quyết chiến chiến lược đánh chiếm Huế - Đà Nẵng, tiêu diệt quân đoàn 1 ngụy, không cho chúng co về giữ Sài Gòn, nhanh chóng giải phóng các tỉnh Trung và Nam Trung Bộ, đồng thời đẩy mạnh mọi mặt công tác chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, trên cơ sở tổ chức khối chủ lực của Bộ tư lệnh Tây Nguyên, quyết định thành lập Quân đoàn 3, thành một lực lượng cơ động chiến lược của Bộ, chuẩn bị phát triển xuống phía nam tham gia giải phóng Sài Gòn. Bộ Chính trị cũng quyết định thành lập Hội đồng chỉ viện chiến trường do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm chủ tịch.

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng là hoạt động trọng tâm của ta tiếp sau chiến thắng Tây Nguyên. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm trên 1 quân đoàn. Chiến trường được phân thành hai khu vực: Trị - Thiên - Huế và Quảng Nam - Đà Nẵng, trong đó mục tiêu chủ yếu là Huế và Đà Nẵng. Đây là một chiến dịch hình thành trong quá trình phát triển từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược được Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy, thúc đẩy phát triển với tốc độ nhanh chóng trên cơ sở hai chiến dịch tiến công của hai địa phương là chiến dịch Xuân - Hè của Trị - Thiên và chiến dịch Xuân - Hè của Khu 5. Nó là trận quyết chiến chiến lược thứ hai, tạo điều kiện cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, giải phóng Sài Gòn và toàn bộ miền Nam.

Quân ủy Trung ương dự kiến hai khả năng và hai phương án tiến công Đà Nẵng:

- Một là, địch co lại và phòng thủ Đà Nẵng có tổ chức và tương đối vững chắc thì ta sử dụng Quân đoàn 2 và nhanh chóng đưa Quân đoàn 1 vào, cùng với lực lượng của Khu 5, tổ chức một trận hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, đánh chiếm Đà Nẵng trong trường hợp có chuẩn bị.

- Hai là, địch bị tan vỡ, bị tiêu diệt nặng và Đà Nẵng bị cô lập thì nắm thời cơ, nhanh chóng phát triển tiến công, đánh chiếm Đà Nẵng với lực lượng tại chỗ là chính.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Bộ tư lệnh Mặt trận Quảng - Đà chỉ huy cuộc tiến công theo phương án 1, do đồng chí Trung tướng Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh và đồng chí Thượng tướng Chu Huy Mân làm Chính ủy.

Tình hình đã diễn biến hết sức nhanh chóng theo khả năng thứ hai.

Trên hướng bắc, ngày 17 tháng 3, Bộ Tổng tư lệnh đã có chỉ thị cho quân khu Trị - Thiên và Quân đoàn 2 đánh sớm hơn dự kiến, vì địch ở đây đang dao động mạnh, thời cơ thuận lợi mới đã xuất hiện. Hoạt động mạnh mẽ của bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương Trị - Thiên cộng với tác động thắng lợi của ta ở Tây Nguyên đã khiến quân địch ở Quảng Trị hoang mang rút chạy ngày 18 tháng 3, làm vỡ mảng phòng ngự phía bắc của chúng, gây tình trạng hoang mang rối loạn rất lớn ở khu vực Thừa Thiên - Huế. Ngày 21 tháng 3, các lực lượng Trị - Thiên đã nhanh chóng từng cánh thọc sâu, chia cắt, triệt đường rút chạy của địch trên đường 1 đi Đà Nẵng, chốt chặn các cửa Thuận An, Tư Hiền, hình thành bao vây chiến dịch đối với Huế, cùng với lực lượng vũ trang địa phương và phong trào chính trị quần chúng nổi dậy tiến công địch rộng khắp. Địch bị rối loạn, vỡ chạy, đã bị quân và dân ta tiêu diệt và làm tan rã gần hết sư đoàn 1 và lữ đoàn 147 lính thủy đánh bộ; 10 giờ 30 ngày 25 tháng 3, quân và dân ta giải phóng thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên. Với thắng lợi này, Đà Nẵng đã bị uy hiếp mạnh từ hướng bắc. Chiến dịch Xuân - Hè của Khu 5 mở đầu từ ngày 4 tháng 3 năm 1975. Trên hướng nam Đà Nẵng, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng ở địa phương tiến công và nổi dậy ở vùng đồng bằng Quảng Nam, Quảng Ngãi giành được thắng lợi bước đầu to lớn, giải phóng quận Tiên Phước và Phước Lâm. Trước tình hình địch suy sụp nhanh, ngày 23 tháng 3 năm 1975, Thường vụ Khu ủy Khu 5 hạ quyết tâm "... giải phóng Khu 5 trong thời gian ngắn nhất", quyết đập tan ý đồ của địch co cụm về tuyến Chu Lai để giữ Đà Nẵng từ phía nam. Kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy mạnh mẽ của quần chúng, ngày 24 tháng 3 ta giải phóng Tam Kỳ, cắt đứt đường 1; ngày 25 tháng 3 Quảng Ngãi được giải phóng. Sau đó, ta phát triển đánh chiếm căn cứ Chu Lai ngày 26 tháng 3, tiêu diệt toàn bộ sư đoàn 2 ngự, giải phóng toàn bộ phía nam quân khu 1 của địch, tạo thêm một hướng uy hiếp Đà Nẵng từ phía nam.

Thắng lợi ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Chu Lai tiêu diệt các sư đoàn 1, sư đoàn 2, lữ đoàn 147 lính thủy đánh bộ của địch đã đánh vỡ một phần quan trọng kế hoạch co cụm lớn giữ Đà Nẵng của chúng. Ta có điều kiện rất thuận lợi để "tập trung lực lượng tiêu diệt sinh lực lớn của địch ở Đà Nẵng, giành thắng lợi lớn trong trận quyết chiến chiến lược này" (điện của Quân ủy Trung ương gửi Quân khu 5 ngày 26 tháng 3).

Địch ở khu vực Đà Nẵng còn đông, khoảng 75.000 tên, gồm 15 tiểu đoàn chủ lực thuộc sư đoàn 3 bộ binh, sư đoàn lính thủy đánh bộ và tàn quân các

sư đoàn 1, 2, liên đoàn 12 biệt động, 15 tiểu đoàn bảo an, 2 liên đoàn và 240 trung đội dân vệ, 24.000 phòng vệ dân sự, 9.000 cảnh sát, sư đoàn 1 không quân với 373 máy bay các loại, 7 tiểu đoàn pháo (114 khẩu các loại), thiết đoàn 11 kỵ binh (70 xe tăng - xe thiết giáp). Nhưng chúng ở trong thế thua lớn, bị cô lập, suy sụp về tinh thần, tan rã về tổ chức và rối loạn về chỉ huy. Do đó, Quân ủy Trung ương quyết tâm tiến công Đà Nẵng theo phương án 2, "bỏ qua những mục tiêu dọc đường, đánh thẳng vào Đà Nẵng nhanh nhất, kịp thời nhất, táo bạo nhất với những lực lượng có thể chuyển tới sớm nhất" (điện của Quân ủy Trung ương gửi Quân khu 5 ngày 26 tháng 3).

Ngày 28 tháng 3, pháo lớn của ta từ đèo Mũi Trâu, đèo Hải Vân và phía nam Đà Nẵng bắn vào các khu sân bay, cảng, bán đảo Sơn Trà và các tàu biển đón quân địch rút chạy. Đà Nẵng càng hoảng loạn dữ dội.

Ngày 29 tháng 3, Quân đoàn 2 chia thành ba cánh từ bắc, tây bắc và tây nam Đà Nẵng kết hợp với cơ giới, xe tăng đánh vào thành phố, chiếm sân bay, tòa thị chính, một bộ phận phát triển qua bán đảo Sơn Trà.

Các lực lượng của Quân khu 5 ở hướng nam và đông nam, bỏ qua các mục tiêu bên ngoài, phát triển nhanh chóng thọc vào thành phố, phối hợp với Quân đoàn 2 đánh chiếm sân bay Đà Nẵng, bộ tư lệnh quân đoàn 1 ngay.

Cùng ngày, lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng địa phương nổi dậy phối hợp với bộ đội chủ lực giải phóng Hội An và một số nơi khác; trong thành phố Đà Nẵng, lực lượng du kích tự vệ đã phối hợp đánh phá khu nhà lao, giữ gìn các cơ sở sản xuất kinh tế, văn hóa, phục vụ đời sống, giữ gìn trật tự an ninh, nhằm đảm bảo cho sinh hoạt của thành phố được bình thường ngay sau khi giải phóng.

Phối hợp đẹp đẽ, từ chiến trường Tây Nguyên đã được giải phóng, các binh đoàn chủ lực của ta theo lệnh Bộ Tổng tư lệnh và Bộ chỉ huy chiến dịch, đã phát triển tiến công mạnh mẽ xuống các tỉnh ven biển miền Trung, theo các trục đường 19, 7, 21. Phối hợp với phong trào quần chúng nổi dậy, các lực lượng tiến công đã giải phóng tỉnh Bình Định với thành phố Quy Nhơn (1-4), tiêu diệt phần lớn sư đoàn 2 ngay, giải phóng tỉnh Phú Yên với thị xã Tuy Hòa (1-4) và tỉnh Khánh Hòa với thành phố Nha Trang và quân cảng Cam Ranh (3-4).

Bộ đội địa phương và quần chúng nổi dậy ở các tỉnh phía nam Tây Nguyên cùng một số đơn vị chủ lực cũng lần lượt giải phóng tỉnh Quảng Đức với thị xã Gia Nghĩa (24-3), tỉnh Lâm Đồng với thị xã Bảo Lộc (2-4), tỉnh Tuyên Đức với thành phố Đà Lạt (4-4).

Cũng trong thời gian này, ở Nam Bộ, quân và dân Bình Long tiến công và nổi dậy chiếm thị xã An Lộc, đánh chiếm chi khu quân sự quận lỵ Chơn Thành, giải phóng toàn bộ tỉnh Bình Long. Quân và dân các tỉnh Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Long An, Long Khánh, Bình Tuy tiến công và nổi dậy tiêu diệt chi khu quân sự, quận lỵ Dầu Tiếng, Định Quán, Hoài Đức và một loạt các căn cứ yếu khu quân sự, giải phóng một vùng rộng lớn liên hoàn ở phía bắc và tây bắc Sài Gòn. Quân và dân các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long phát triển tiến công và nổi dậy, tiêu diệt nhiều địch, tiêu diệt và bức rút hàng nghìn đồn bốt, giành quyền làm chủ ở nhiều địa phương, mở rộng vùng giải phóng.

Đợt hoạt động thứ hai mà trung tâm là chiến dịch Huế - Đà Nẵng đã giành được thắng lợi rất to lớn. Trong một thời gian ngắn, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu quân đoàn 1 và sư đoàn lính thủy đánh bộ ngụy, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng quân sự và kìm kẹp của địch, giải phóng hoàn toàn miền Trung Trung Bộ, một số tỉnh thuộc Khu 6 và miền Đông Nam Bộ.

Thắng lợi của trận quyết chiến chiến lược này của ta đã phá tan âm mưu co cụm chiến lược của địch, không cho chúng rút được lực lượng về tăng cường phòng thủ xung quanh Sài Gòn, hoàn thành một cách xuất sắc nhiệm vụ chiến lược mà Bộ Chính trị đề ra.

So sánh về thế và lực trên chiến trường đã có sự chuyển biến vượt bậc hoàn toàn có lợi cho ta. Hai trong bốn quân khu của địch đã bị xóa sổ. Lực lượng của chúng bị giảm gần một nửa, số còn lại đã lâm vào tình trạng tuyệt vọng, bị suy sụp lớn về tinh thần, tan rã lớn về tổ chức, tổn thất lớn về vật chất, kỹ thuật, bế tắc hoàn toàn về chiến lược, chiến thuật. Ta đã giải phóng một vùng đất đai rộng lớn bao gồm 16 tỉnh và 6 thành phố, thị xã; nếu tính cả vùng giải phóng ở miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long thì vùng giải phóng của ta chiếm 3/4 diện tích với gần nửa số dân ở miền Nam; hậu phương trực tiếp đã rộng lớn, có dự trữ dồi dào, nối liền với miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hiệu lực chiến đấu của bộ đội ta lớn hơn bao giờ hết; ta có khả năng tiêu diệt và làm tan rã từng quân đoàn địch, có thể tiến công đánh chiếm những thành phố có căn cứ liên hợp lớn nhất của địch ở vùng đồng bằng trong những cuộc tiến công có quy mô lớn; vừa chiến đấu, vừa trưởng thành, các quân đoàn chủ lực giờ đây có sức cơ động nhanh và trang bị đầy đủ, có nhiều kinh nghiệm tác chiến.

Rất rõ ràng, ta đã có những điều kiện mới hết sức thuận lợi trước khi bước vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Ngày 17-4-1975: Quân và dân Cam-pu-chia kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Cam-pu-chia. Sau thắng lợi to lớn trong những năm 1971 và 1972, từ đầu năm 1973 đến hết năm 1974, quân và dân Cam-pu-chia mở cuộc tiến công vây ép Phnôm Pênh, đẩy quân Lon Non được đế quốc Mỹ ra sức chi viện vào tình thế ngày càng nguy khốn.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 ở nước ta đã tạo nên một sự rung chuyển mạnh mẽ trên chiến trường Cam-pu-chia, bọn Mỹ - ngụy Sài Gòn và ngụy Lon Non lung lay cực độ. Trên đà thắng lợi to lớn của các chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng ở nước ta, quân và dân Cam-pu-chia đã đánh vỡ sức đề kháng của quân Lon Non ở các khu vực ngoại vi, ngày 10 tháng 4 siết chặt vòng vây thành phố Phnôm Pênh và nã pháo vào trung tâm thành phố.

Ngày 12 tháng 4, Mỹ buộc phải vội vã tổ chức cuộc hành quân rút lui "Điều hâu" để đưa những tên Mỹ cuối cùng chuồn khỏi Phnôm Pênh.

Ngày 17 tháng 4, một trận tổng công kích được tổ chức trên các hướng bắc, tây bắc, tây, đông và nam, đập tan hệ thống phòng thủ của quân ngụy Phnôm Pênh. Chính quyền Lon Non, tay sai của đế quốc Mỹ sụp đổ.

Thắng lợi của quân và dân Cam-pu-chia đã góp phần làm suy yếu thêm đế quốc Mỹ, làm phá sản thêm một bước chiến lược toàn cầu của chúng. Đó cũng là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cam-pu-chia cùng với nhân dân Lào đã nhiều năm kề vai sát cánh chiến đấu chống kẻ thù chung.

Thắng lợi của quân và dân Cam-pu-chia ở Phnôm Pênh còn là một đòn phối hợp nhịp nhàng với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta đang phát triển mạnh mẽ trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Một lần nữa, nó làm bộc lộ rõ ràng hơn ý đồ và khả năng của đế quốc Mỹ trong việc can thiệp vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

Từ đầu tháng 4 năm 1975, trong quá trình giải phóng hoàn toàn các tỉnh ven biển miền Trung và Nam Trung Bộ, Bộ Chính trị đã quyết định nhanh chóng giải phóng các đảo do quân ngụy Sài Gòn đóng giữ thuộc quần đảo Trường Sa, coi đó là một nhiệm vụ rất quan trọng. Ngày 4 tháng 4 năm 1975, Quân ủy Trung ương đã giao nhiệm vụ này cho Bộ tư lệnh Quân khu 5 và Bộ tư lệnh Hải quân thực hiện.

Khẩn trương và nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, tranh thủ thời cơ thuận lợi, đêm 13 rạng 14 tháng 4 năm 1975, lực lượng của Quân khu 5 và hải quân đã giải phóng đảo Song Tử Tây và đêm 28 rạng 29 tháng 4 giải phóng xong các đảo Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tồn, Trường Sa và An Bang.

Ngày 14 tháng 4 năm 1975, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn - Gia Định, lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh, chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn có kết hợp tiến công và nổi dậy tại sào huyệt cuối cùng của địch, chiến dịch quyết chiến chiến lược lịch sử, kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc ta.

Bản sao lưu trữ

PHẦN THỨ HAI

**CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM -
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC**

Bản sao lưu

Sau khi ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam, nhất là sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21, thắng lợi của ta trong 2 năm 1973-1974 đã tạo ra những điều kiện và thời cơ mới... Cuối năm 1974, Bộ Chính trị đã đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975-1976. Thực hiện quyết tâm chiến lược đó, thắng lợi đầu tiên của chiến trường B2 (đợt 1: 12-1974 - 1-1975) mà đỉnh cao là chiến thắng Phước Long, đã tạo ra một thế trận chiến lược trực tiếp có lợi cho trận quyết chiến đánh vào Sài Gòn sau này; đồng thời thắng lợi đó cũng tạo thêm cơ sở thực tiễn cho việc đánh giá khả năng trở lại của Mỹ. Các chiến trường khác cũng giành được thắng lợi, mở rộng được vùng giải phóng liên hoàn. Hậu phương lớn miền Bắc dồn dập tăng quân, trang bị vũ khí và vật chất vào chiến trường miền Nam. Đường vận tải chiến lược 559 - được mở rộng, tăng cường năng lực vận chuyển và kéo dài đường ống dẫn dầu vào đến Tây Nguyên...

Sau thắng lợi của ta ở Nam Tây Nguyên (3-1975), lúc này địch có những suy sụp đột biến, đang thực hiện cơ cụm chiến lược với quy mô lớn (rút bỏ Tây Nguyên cơ về ven biển, nếu cần thì bỏ cả Quảng Trị - Thừa Thiên - Huế, giữ từ Đà Nẵng trở vào). Mỹ chưa có biểu hiện can thiệp trở lại miền Nam. Bộ Chính trị kịp thời chuyển quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam từ 2 năm sang ngay trong năm 1975, và xác định phương hướng tiến công chiến lược là Sài Gòn... nhưng trước mắt phải tập trung tiêu diệt lực lượng địch ở quân khu 1 và tàn quân địch ở quân khu 2, phá thế cơ cụm không cho địch dồn về Sài Gòn, đồng thời chỉ đạo B2 (Nam Bộ) kiên quyết thực hiện thắng lợi đợt 2 mùa khô để tạo thế trận có lợi nhất cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Sau thắng lợi của chiến dịch Huế - Đà Nẵng, ta đã tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân đoàn 1 địch và giải phóng địa bàn quân khu 1 địch; đợt 2 của chiến trường B2 (3-1975) cũng giành thắng lợi to lớn... càng tạo được thế trận vô cùng có lợi để chuẩn bị cho đòn tiến công vào Sài Gòn... Bộ Chính trị lại kịp thời hạ quyết tâm tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng chủ lực của cả nước cùng với lực lượng tại chỗ (B2) nhằm vào phương hướng chiến lược chủ yếu là Sài Gòn, giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975 (trước tháng 5-1975).

Như vậy, ý định chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, trên thực tế được hình thành trong quá trình phát triển cuộc Tổng tiến công và nổi dậy

mùa Xuân 1975. Nhưng trên những đường hướng lớn của công cuộc giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Bộ Chính trị đã có dự kiến từ sớm hơn và chiến trường B2 cũng có bước chuẩn bị tích cực, nhất là từ đầu mùa khô 1974-1975, cho nên khi tiến hành chiến dịch quyết chiến quyết lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn - Gia Định thời gian hết sức khẩn trương nhưng ta vẫn bảo đảm có chuẩn bị tốt và đã giành thắng lợi giòn giã.

Vào hạ tuần tháng 3 năm 1975, sau khi bị thất bại ở Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và đồng bằng Khu 5, lực lượng quân đoàn 1 và quân đoàn 2 cơ bản bị tiêu diệt và tan rã, địch có ý định rút tàn quân về cùng lực lượng quân đoàn 3 co cụm lớn, tổ chức tuyến phòng ngự từ xa (Phan Rang - Xuân Lộc) để bảo vệ Sài Gòn với phán đoán sau 2 - 3 tháng, ta mới có khả năng tiến công Sài Gòn, hòng kéo dài cuộc chiến, đợi mùa mưa. Nhưng trước những thất bại nặng nề chưa từng có lúc này, tinh thần quân ngụy vô cùng hoang mang, lực lượng dự bị chiến lược địch còn rất hạn chế, quân ngụy có khả năng suy sụp nhanh, tan rã lớn...

Về ta, sau những thắng lợi to lớn, dồn dập, khí thế quyết chiến, quyết thắng dâng cao chưa từng có. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm dồn sức tiêu diệt quân địch còn lại, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước... Về thời tiết, tháng 5 bắt đầu mưa sẽ ảnh hưởng lớn đến cơ động và tác chiến của các binh đoàn chủ lực... nên đòi hỏi càng phải khẩn trương hơn.

Ngay từ ngày 18 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị - Quân ủy Trung ương đã đề ra chủ trương lớn về trận quyết chiến đánh vào Sài Gòn - Gia Định. Ngày 25 tháng 3, Bộ Chính trị có nghị quyết và tiếp đó Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh đã chỉ đạo cụ thể. Nghị quyết Bộ Chính trị vạch rõ: "Năm thời cơ, tập trung nhanh nhất lực lượng (từ 12 sư đoàn trở lên), tập trung binh khí kỹ thuật và vật chất giải quyết xong Sài Gòn - Gia Định trước mùa mưa. Trong quá trình chuẩn bị tiến công Sài Gòn, tranh thủ tiêu diệt quân đoàn 1 và tàn quân quân đoàn 2 địch, không cho chúng co cụm về Sài Gòn. Tăng cường sự lãnh đạo tại chỗ của Bộ Chính trị đối với chiến dịch giải phóng Sài Gòn...". Về cách đánh Sài Gòn, Quân ủy Trung ương - Bộ Tổng tư lệnh chỉ rõ: "Đánh thẳng vào trung tâm Sài Gòn bằng lực lượng đột kích mạnh, có binh chủng hợp thành. Tiến công thật mạnh và liên tục dồn dập đến toàn thắng; vừa phát động tiến công ở ngoại vi, vừa có lực lượng sẵn sàng nắm thời cơ thọc sâu vào trung tâm từ nhiều hướng, thực hiện trong đánh ra, ngoài đánh vào, tạo điều kiện cho đồng bào nổi dậy...".

Về địch, Bộ Tư lệnh chiến dịch nhận định:

Trong thế chung địch có hoang mang suy sụp, nhưng ở quân khu 3 và Sài Gòn, tuy bị thất bại liên tiếp, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, thế chiến trường

xấu đi, tinh thần có dao động... nhưng quân số chúng còn đông¹, quân đoàn 3 nguy chưa bị ta đánh đau, Sài Gòn - Gia Định lại là sào huyệt cuối cùng, địch sẽ ngoan cố chống cự một cách có tổ chức, hồng kéo dài cuộc chiến để tìm biện pháp đối phó.

Với lực lượng quân đoàn 3 cùng tàn quân quân đoàn 1, quân đoàn 2 và tổng dự bị rút về, địch đã tổ chức phòng thủ quân khu 3 và Sài Gòn - Gia Định với ý định: Tăng cường phòng thủ tuyến ngoài mạnh như Tân An, Hậu Nghĩa, Củ Chi; Đồng Dù, Bến Cát, Phú Lợi, Hồ Nai, Long Bình; nội đô tổ chức thành từng khu vực phòng thủ. Hướng Bắc và Tây Bắc Sài Gòn địch chú ý tăng cường; hướng Tây và Tây Nam sơ hở hơn; hướng Đông dựa vào 2 sông lớn và có tăng cường lực lượng, phòng ngự khá vững chắc.

Tổ chức phòng thủ, bố trí lực lượng của địch xung quanh Sài Gòn - Gia Định như sau:

- *Tuyến ngoài*: Có 5 sư đoàn và 2 lữ đoàn gồm:

Sư đoàn bộ binh 22 ở Long An, Bến Lức.

Sư đoàn bộ binh 25 ở Tây Ninh, Trảng Bàng, Củ Chi, Đồng Dù, Hậu Nghĩa.

Sư đoàn bộ binh 5 ở Lai Khê, Bến Cát, Bình Dương.

Sư đoàn bộ binh 18 ở Bà Cáo - Trảng Bom, Suối Địa.

Sư đoàn thủy quân lục chiến (2 lữ) ở Long Bình.

Lữ đoàn 3 kỵ binh ở Biên Hòa - Long Bình, làm dự bị cho quân đoàn 3 (có một bộ phận ở Gò Vấp - Lái Thiêu).

Lữ 1 dù giữ Bà Rịa.

- *Tuyến ngoại vi Sài Gòn*: Có sư đoàn biệt động quân (3 liên đoàn) mới thành lập, tổ chức 3 khu:

Khu Bắc gồm Hóc Môn - Cầu Bông trở vào Tân Sơn Nhất do liên đoàn 9 biệt động quân và trường Hành chính quản trị phụ trách.

Khu Tây gồm Vĩnh Lộc, Châu Hiệp, Bà Hom, Bình Chánh trở vào do các liên đoàn 7, 8 biệt động quân và liên đoàn 239 bảo an phụ trách.

Khu Nam gồm Nhà Bè, Nhân Trạch do bảo an dân vệ phụ trách:

Tuyến nội đô: Chúng tổ chức thành 5 liên khu, mỗi liên khu gồm 2 quận (quận 1 + 3, 5 + 8, 2 + 4, 6 + 7, 10 + 11) do lực lượng cảnh sát, phòng vệ dân sự phụ trách, giữ an ninh - chống xâm nhập và nổi dậy...

1. *Quân đoàn 3*: Quân số 245.000, chủ lực có 152.000 với 6 sư đoàn, 5 lữ, 19 tiểu đoàn pháo với 406 khẩu, 7 thiết đoàn với 624 xe, 800 máy bay (có 229 chiếc chiến đấu), hải quân 862 tàu lớn nhỏ. *Quân đoàn 4*: Quân số 175.000, chủ lực có 66.000 với 3 sư đoàn, 1 lữ, 386 khẩu pháo, 493 xe thiết giáp, 409 chiếc máy bay (118 chiếc chiến đấu), 579 tàu lớn nhỏ.

Qua hình thái bố trí của địch, ta thấy:

Vòng ngoài có lực lượng mạnh, bên trong sơ hở, không có lực lượng tăng viện.

Địch chú trọng tăng cường một số điểm then chốt, tăng cường chướng ngại trên các ngã đường nhưng còn giản đơn, với ý định nếu bị đánh, cố giữ bên ngoài rồi co dần về bảo vệ bên trong.

Đế quốc Mỹ khó có khả năng can thiệp trực tiếp trở lại bằng lực quân vào miền Nam; khả năng can thiệp bằng không quân và hải quân cũng rất hạn chế. Việc Mỹ bỏ rơi bọn phản động Campuchia, chủ trương di tản người Mỹ ra khỏi miền Nam từ trung tuần tháng 4, càng gây thêm tâm lý hoang mang trong ngũ quân, ngũ quyền.

Về ta:

Với khí thế, với quyết tâm rất cao, ta lại có khả năng tập trung lực lượng ưu thế hơn hẳn địch cả về số lượng (ta 15 sư đoàn/địch 6 sư đoàn) và chất lượng; tuy địch có đề phòng nhưng ta vẫn tạo ra được bất ngờ cả về quy mô, cách đánh, thời gian tấn công...

Thắng lợi của chiến trường Nam Bộ - Cục Nam Trung Bộ (trong đợt 1 và đầu đợt 2 - mùa khô) đã tạo ra thế trận có lợi trực tiếp cho chiến dịch: mở rộng địa bàn để đưa lực lượng lớn triển khai áp sát mục tiêu, mở thông hành lang xuống phía đông và phía tây Sài Gòn, phá lỏng vùng ven đưa lực lượng đặc công, biệt động mạnh vào đứng vững ở vùng ven và vào nội đô; lực lượng chính trị quần chúng đã có bước chuẩn bị, sẵn sàng nổi dậy phối hợp với mũi tiến công quân sự.

Giải phóng địa bàn miền Trung, ta có điều kiện tập trung lực lượng và huy động sức người, sức của vùng mới giải phóng, sử dụng nhiều chiến lợi phẩm thu được. Hậu phương chiến dịch được nối liền với hậu phương lớn miền Bắc, để tập trung chi viện chiến trường. Đây là chỗ mạnh cơ bản của ta trong chiến dịch này.

Tuy nhiên, với yêu cầu phải giành thắng lợi trước mùa mưa, thời gian còn lại rất ngắn để cơ động lực lượng, vận chuyển khối lượng vật chất khá lớn ở hậu phương lớn vào; phương tiện vận chuyển và cơ động lại thiếu... nên phải hết sức nỗ lực khẩn trương mới tạo và chớp được thời cơ.

Các binh đoàn chủ lực của ta tuy có nhiều kinh nghiệm chiến đấu, nhưng chưa có kinh nghiệm đánh thành phố lớn, một số chưa quen địa hình của địa bàn chiến dịch. Các đơn vị đặc công, biệt động trụ bám chiến trường dày dặn kinh nghiệm, nhưng chưa quen phối hợp tác chiến với các binh đoàn lớn. Quân số các đơn vị tại chỗ rất thiếu, bổ sung chưa kịp. Thông tin liên lạc còn

yếu, bảo đảm thông suốt chỉ huy có khó khăn. Đó là những khó khăn cần ra sức khắc phục.

Lực lượng vũ trang tham gia chiến dịch:

- Chủ lực gồm: các quân đoàn 1, 2, 3, 4 và Đoàn 232 tương đương quân đoàn mạnh (với 15 sư đoàn và 5 trung đoàn, lữ bộ binh: các sư đoàn 320B, 312, 316, 320A, 10, 304, 325, 3, 341, 6, 7, 5, 3, 9, 8 và lữ 52; các trung đoàn 95B, 16, 88, 24). Binh quân chủng kỹ thuật: 20 lữ, trung đoàn và 8 tiểu đoàn pháo binh; 3 lữ, trung đoàn và 6 tiểu đoàn xe tăng - thiết giáp; 8 trung lữ đoàn và 2 tiểu đoàn đặc công; 4 trung đoàn và 10 tiểu đoàn thông tin; 1 trung đoàn tên lửa; có lực lượng không quân và hải quân tham gia; 2 sư đoàn ô tô vận tải...

Địa phương trong khu vực chiến dịch gồm: 2 trung đoàn, nhiều tiểu đoàn, đại đội của tỉnh, thành, huyện; 6 trung đoàn đặc công, 1 lữ đoàn biệt động với 60 tổ... Lực lượng vũ trang của các đoàn thể và dân quân tự vệ các tỉnh miền Đông trong địa bàn chiến dịch tham gia tác chiến và dẫn đường.

Về địa hình, thời tiết và tình hình nhân dân:

Khu vực xung quanh Sài Gòn địa hình phức tạp, trống trải, sinh lầy, sông rạch, cầu cống nhiều.

- Hướng Nam, sông rạch chằng chịt, bưng sinh nhiều, khó sử dụng binh khí kỹ thuật. Bộ binh phải chiếm cho được những con đường mới cơ động được.

- Hướng Tây và Tây Nam, cũng bưng sinh nhiều; sát vùng ven, khu Vĩnh Lộc đất cao, đi lại tốt, sông Vàm Cỏ phải làm cầu cơ giới qua, các con đường số 9, số 10, số 4 thọc thẳng vào Sài Gòn gần nhất.

- Hướng Bắc và Tây Bắc, địa hình tương đối thuận lợi có một số cầu cần phải nhanh chóng đánh chiếm mới vượt qua nhanh thọc vào Sài Gòn được (Cầu Bông, Cầu Sáng, Cầu Bình Phước, cầu Bình Triệu).

- Hướng Đông, có hai sông lớn ngăn cách, nhiều cầu lớn (cầu Ghềnh, cầu Mới, cầu Xa lộ Đồng Nai, cầu Sài Gòn, cầu Rạch Chiếc), có chiếm được các cầu này cơ giới mới vượt sông được.

Sài Gòn là thành phố lớn, cấu trúc rất phức tạp, rộng khoảng 120km², là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, là sào huyệt cuối cùng của địch. Chúng đã có đề phòng. Kế hoạch tác chiến hiệp đồng binh quân chủng của ta phải hết sức chặt chẽ, phải khắc phục nhiều mặt về bảo đảm vượt sông, bảo đảm dẫn đường, v.v.

Từ tháng 5 trở đi mùa mưa bắt đầu (có năm muộn, năm sớm hơn) sẽ ảnh hưởng lớn đến cơ động và tác chiến của các binh đoàn binh chủng hợp thành

trong chiến dịch quy mô lớn. Vì vậy phải tranh thủ kết thúc thắng lợi chiến dịch trước mùa mưa.

Trên địa bàn hoạt động của chiến dịch, số dân trên dưới 6 triệu người. Ở vùng ven, một số nhân dân vốn ở vùng tranh chấp và vùng giải phóng cũ bị địch xúc tác về lập ấp, nên nói chung hiểu biết cách mạng, có quan hệ tốt với kháng chiến, có nhiều con em tham gia cách mạng. Nhiều địa phương có cơ sở cách mạng, tuy từ sau Mậu Thân 1968 có xáo trộn nhiều, nhưng vẫn có thuận lợi cho ta. Trong nội đô, dân số khoảng hơn 3 triệu, hầu hết các quận đã phục hồi được một số cơ sở, nhưng còn yếu (riêng quận 1, 2, 3, cơ sở ta chưa xây dựng lại được nhiều). Nhân dân Sài Gòn, nói chung có truyền thống đấu tranh yêu nước, lại qua nhiều thử thách, có phong trào học sinh sinh viên trí thức khá, có nhiều khả năng nổi dậy hưởng ứng cách mạng khi ta tiến công mạnh vào Sài Gòn.

Chấp hành chủ trương chiến lược của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã xác định quyết tâm và những nét lớn của kế hoạch chiến dịch như sau:

Mục đích chiến dịch. "Đánh đòn quyết chiến chiến lược cuối cùng, kết thúc cuộc chiến tranh, giành thắng lợi triệt để". Cụ thể là tập trung lực lượng và binh khí kỹ thuật, phát huy sức mạnh tổng hợp, tạo thành ưu thế áp đảo, nhanh chóng tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch thuộc quân khu 3 và tàn quân còn lại, đập tan ngụy quyền từ trung ương đến cơ sở, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, tạo điều kiện giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo tác chiến chiến dịch. Căn cứ vào phương châm và tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương là: "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng", Bộ Tư lệnh chiến dịch xác định cụ thể như sau:

- Phải chuẩn bị chu đáo, đánh phải chắc thắng; chú trọng những trận quan trọng ở vòng ngoài, không cho địch co cụm về Sài Gòn, tạo và thúc đẩy sự tan rã lớn và nhanh.

- Tổ chức các mũi thọc sâu có đầy đủ sức mạnh để đột kích thật nhanh, đánh thẳng vào các mục tiêu chủ yếu để nhanh chóng đánh ngã địch.

- Tiến công quân sự kết hợp với địch vận, kết hợp tiến công với nổi dậy, nhưng tiến công quân sự phải đi trước một bước, giữ vai trò quyết định.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp, đột kích liên tục, dồn dập cho đến toàn thắng.

- Coi trọng công tác bảo đảm vật chất, bảo đảm cơ động, bảo đảm thông tin liên lạc, bảo đảm dẫn đường... Phải giữ được bí mật về thời gian, về lực

lượng, về triển khai khu vực tập kết và công tác chuẩn bị chiến trường. Tăng cường và đẩy mạnh công tác chính trị, công tác đảng trong chiến dịch.

Cách đánh chiến dịch, Bộ Tư lệnh nhấn mạnh 3 nội dung lớn:

- Thực hiện chia cắt chiến lược, cắt đường bộ, đường thủy, khống chế các sân bay, đánh chiếm Vũng Tàu và sông Lòng Tàu, cắt đường rút lui ra biển, triệt để bao vây cô lập Sài Gòn, tạo rung động toàn bộ đối với quân địch.

- Bao vây, chặn và tiêu diệt quân chủ lực địch ở ngoài, không cho chúng co cụm về Sài Gòn đánh thắng những trận then chốt quan trọng.

- Tổ chức những binh đoàn binh chủng hợp thành mạnh (cơ sở đoàn tăng cường) từ nhiều hướng, nhiều mũi thọc sâu vào nội đô, kết hợp chặt chẽ với đặc công, biệt động, lực lượng địa phương bên trong, kết hợp quân chúng nổi dậy, thực hiện từ trong đánh ra, từ ngoài đánh vào, trong ngoài cùng đánh, nhanh chóng, táo bạo đánh chiếm các mục tiêu chiến lược, đập tan đầu não chỉ huy quân sự, đầu não nguy quyền, tiêu diệt và làm tan rã, bắt đầu hàng toàn bộ quân địch. Trong việc tập trung tiêu diệt địch bên ngoài và bên trong, lấy thọc sâu nhanh chóng đánh ngã địch bên trong là chính.

Cách đánh chiến thuật, Bộ Tư lệnh chiến dịch nhấn mạnh vận dụng các hình thức chiến thuật chính sau đây:

- Tiến công các cụm phòng ngự công sự vững chắc các căn cứ trung đoàn, sư đoàn, các bộ chỉ huy quân đoàn, trường quân sự của địch.

- Vận động tiến công quân địch rút chạy về Sài Gòn.

- Tổ chức và hoạt động của các binh đoàn thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu.

- Chiến thuật đánh thị xã, thành phố...

- Chiến thuật của đặc công đánh chiếm và giữ cầu bảo đảm cơ động...

Hướng tiến công chủ yếu của chiến dịch là hướng Bắc và Tây Bắc, trong đó hướng Tây Bắc là chủ yếu nhất. Hướng Đông và Tây Nam là những hướng hiểm yếu và quan trọng.

Năm mục tiêu chủ yếu trong nội thành phải nhanh chóng đánh chiếm là: Bộ tổng tham mưu nguy, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, dinh Độc Lập. Trong đó dinh Độc Lập là hợp điểm chiến dịch, quy định các mũi, các cánh khi đánh chiếm mục tiêu và khu vực được phân công, phải tổ chức một bộ phận nhanh chóng tiến đến hợp điểm ở dinh Độc Lập.

Xác định các trận đánh lớn quan trọng.

Trên các hướng ở vòng ngoài, các vị trí, mục tiêu địch phải tiêu diệt và đánh chiếm ngay từ đầu, không để địch co về Sài Gòn hoặc ngoan cố chống cự để ngăn chặn ta ở vòng ngoài:

- Bà Rịa, Vũng Tàu, công trường Nước Trong, khu phòng thủ Hồ Nai - Biên Hòa - Long Bình; diệt sư đoàn 18, sư đoàn thủy quân lục chiến và quân dù địch.

- Căn cứ Phú Lợi, Lai Khê, Bến Cát, thị xã Bình Dương; diệt sư đoàn 5 ngụy.

- Căn cứ Đồng Dù, vận động tiêu diệt sư đoàn 25 ngụy (ở Gò Dầu - Trảng Bàng).

- Hậu Nghĩa - Tân An, Bến Lức; diệt sư đoàn 22 địch.

Quy định các cầu phải đánh chiếm, giữ để bảo đảm cơ động: Cầu Xa Lộ - Đồng Nai, cầu Sài Gòn, cầu Rạch Chiếc, cầu Ghềnh, cầu Mới - cầu Bình Phước - Bình Triệu, cầu Bông, cầu Sáng, cầu Tân An, Bến Lức...

Đội hình chiến dịch, sử dụng lực lượng và nhiệm vụ từng hướng.

Chiến dịch không tổ chức đội hình thê đội, không chia bước, chia đợt, mà giao khu vực và mục tiêu cho từng quân đoàn, từng hướng; trên từng hướng tổ chức đội hình thành từng bộ phận. Đầu chiến dịch không tổ chức đội dự bị; sau khi diệt sư đoàn 25 địch; chuyển Sư đoàn 316/Quân khu 3 làm dự bị cho chiến dịch.

Sử dụng lực lượng và nhiệm vụ từng hướng, từng lực lượng.

Hướng Đông Nam:

Quân đoàn 2 (gồm các sư đoàn 304, 325 được phối thuộc Sư đoàn 3/Quân khu 5) phối hợp với đặc công vùng ven (Trung đoàn 116) và thị xã Vũng Tàu, có nhiệm vụ tiêu diệt quân địch, đánh chiếm căn cứ Nước Trong chi khu Long Bình, căn cứ Long Bình, chi khu Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ - bến phà Cát Lái, đánh chiếm chi khu Đức Thạnh, thị xã Bà Rịa, đặt pháo ở Nhơn Trạch bắn vào Tân Sơn Nhất. Đánh chiếm Vũng Tàu phát triển sang Cần Giuộc, tiêu diệt địch ở hữu ngạn sông Đồng Nai, đánh chiếm các quận 9, quận 4 (Sài Gòn) có mũi phối hợp với hướng bạn đánh chiếm dinh Độc Lập. Sau đó được bổ sung thêm nhiệm vụ. Nếu đơn vị bạn đến chậm thì kịp thời đánh chiếm các quận 2, 3, dinh Độc Lập. Sau đó tùy tình hình có thể tiếp tục phát triển tiến công xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long khi có lệnh.

Hướng Đông:

Quân đoàn 4 (gồm các sư đoàn 7, 341, 6) được tăng cường lữ 52 bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo 130mm, 1 trung đoàn và 1 tiểu đoàn pháo cao xạ hỗn hợp, 1 tiểu đoàn xe tăng, có nhiệm vụ tiêu diệt và đánh chiếm khu Biên Hòa - Hồ Nai (gồm cả sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy và sân bay); dùng lực lượng mạnh binh chủng hợp thành thọc thẳng vào Sài Gòn, đánh chiếm dinh Độc Lập,

chiếm lĩnh quận 1, 2, 3 và một số mục tiêu quan trọng khác như căn cứ Hải quân, Bộ quốc phòng ngụy, Đài phát thanh...

Hướng Bắc:

Quân đoàn 1 (thiếu Sư đoàn 308) (gồm các sư đoàn 320B, 312) được tăng cường Trung đoàn bộ binh 95B, 1 tiểu đoàn đặc công, 1 tiểu đoàn xe tăng, 1 trung đoàn cao xạ tự hành, được pháo binh, cao xạ và tên lửa chiến dịch chi viện, phối hợp với các lực lượng địa phương Bình Phước, Bình Dương và 1 trung đoàn đặc công vùng ven... có nhiệm vụ:

- Dùng 1 sư đoàn phối hợp với bộ đội địa phương tiêu diệt hoặc bao vây địch ở Phú Lợi; bao vây, tiến lên tiêu diệt các điểm Bình Dương, Lai Khê, Bến Cát, Tân Uyên, ngăn chặn tiêu diệt sư đoàn 5 địch không cho chúng co về Sài Gòn.

- Tổ chức một lực lượng đột kích binh chủng hợp thành mạnh cỡ sư đoàn tăng cường thọc sâu, đánh thẳng vào nội đô *chiếm mục tiêu chủ yếu là bộ tổng tham mưu ngụy*; các bộ tư lệnh binh chủng ngụy ở Gò Vấp, các quận Gò Vấp, Bình Thạnh, hợp điểm ở dinh Độc Lập.

- Tiếp tục diệt các cụm đê kháng, bảo vệ các mục tiêu dã chiến, bảo vệ trật tự trị an trong phạm vi phụ trách, sẵn sàng cơ động phát triển về đồng bằng Cửu Long khi có lệnh.

Hướng Tây Bắc (hướng chủ yếu chiến dịch):

Quân đoàn 3 (gồm các sư đoàn 316, 320A, 10) cùng lực lượng địa phương Tây Ninh - Củ Chi, 2 trung đoàn Gia Định, các tiểu đoàn của Thành đội Sài Gòn và các đơn vị đặc công biệt động, được pháo binh, cao xạ chiến dịch chi viện, có nhiệm vụ:

- Dùng 1 sư đoàn đến 1 sư đoàn tăng cường vừa tiêu diệt căn cứ Đồng Dù, vừa chặn và tiêu diệt sư đoàn 25 địch nếu chúng co cụm về Sài Gòn.

- Tổ chức lực lượng đột kích binh chủng hợp thành mạnh (cỡ sư đoàn tăng cường) thọc sâu vào nội đô, *đánh chiếm mục tiêu chủ yếu là sân bay Tân Sơn Nhất*, có bộ phận hợp điểm ở dinh Độc Lập, chiếm lĩnh các quận Tân Bình, Phú Nhuận.

- Đánh chiếm các mục tiêu, diệt các ổ đê kháng, bảo vệ trật tự an ninh trong phạm vi phụ trách.

- Dùng 1 sư đoàn có binh chủng phối thuộc sau khi chặn, tiêu diệt sư đoàn 25 địch ở Gò Dầu, Trảng Bàng về làm dự bị cho cả quân đoàn và chiến dịch, nhiệm vụ chủ yếu là tăng cường cho đơn vị thọc sâu.

Hướng Tây và Tây Nam:

Đoàn 232 (gồm Sư đoàn 3, 5, 9 và 4 trung đoàn độc lập, 1 trung đoàn đặc công) được tăng cường 1 tiểu đoàn tăng T54, 1 tiểu đoàn PT85, 1 tiểu đoàn

pháo 130mm, 1 trung đoàn và 5 tiểu đoàn pháo cao xạ, hiệp đồng với Sư đoàn 8/Quân khu 8... có nhiệm vụ:

- Cắt đứt triệt để giao thông lộ 4 hai ngày trước tổng tiến công toàn mặt trận - đoạn từ Bến Lức đến ngã ba Trung Lương - hiệp đồng với Sư đoàn 8/Quân khu 8 cắt từ ngã ba Trung Lương, đánh phản kích diệt một bộ phận sinh lực địch, chiếm Tân An (Quân khu 8 đánh chiếm Mỹ Tho) chặn không cho địch từ Sài Gòn rút chạy về đồng bằng hoặc từ đồng bằng tăng viện lên cho Sài Gòn.

- Tiêu diệt địch ở Hậu Nghĩa, mở cửa tuyến sông Vàm Cỏ, tổ chức lực lượng binh chủng hợp thành mạnh (cơ sở sư đoàn tăng cường) thọc sâu từ phía tây *đánh chiếm biệt khu Thủ đô*, có bộ phận hợp điểm ở dinh Độc Lập.

- Từ phía Nam tổ chức lực lượng cơ sở sư đoàn hoặc sư đoàn (thiếu) và hỏa lực mang vác thọc vào đánh chiếm cầu Nhị Thiên Đường phát triển *chiếm mục tiêu chủ yếu là Tổng nha cảnh sát* và các mục tiêu khác, có bộ phận tiến về hợp điểm ở dinh Độc Lập.

- Đánh chiếm các mục tiêu, chiếm lĩnh các quận 5, 6, 8, 10, 11, quận Bình Chánh, bảo vệ trật tự trị an trong phạm vi phụ trách.

Vùng ven và nội đô:

Nhiệm vụ chung của các lực lượng đặc công, biệt động, bộ đội địa phương thành đội:

- Trước ngày tổng tiến công toàn mặt trận, đánh phá các sân bay, bến tàu, kho tàng, trận địa pháo địch, phát động quần chúng nổi dậy, diệt đồn bốt nhỏ, mở rộng bàn đạp đứng chân, đánh chiếm giữ trước các cầu.

- Ngày tổng tiến công, phối hợp với các hướng, các cánh đánh chiếm và giữ các cầu quan trọng, tiêu diệt các trận địa pháo địch, dẫn đường và phối hợp cùng chủ lực đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu trong thành phố, làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy.

Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị vũ trang địa phương như sau:

- Bộ đội địa phương các quận, huyện, thị phối hợp hoạt động tại quận, huyện; bộ đội Thành, phối hợp với các đơn vị đặc công biệt động, với chủ lực trên hướng Tây Bắc và Tây Nam. Các lực lượng tham gia dẫn đường, mở các chướng ngại vật, phối hợp tác chiến, phát động quần chúng nổi dậy, đánh chiếm các trụ sở phường, xã, quận, giải phóng và làm chủ địa phương.

- Đoàn 10, đánh tàu và cắt sông Lòng Tàu, phối hợp đánh chiếm khu vực Nhà Bè.

- Đoàn 116 và biệt động phối hợp với lực lượng Thủ Đức đánh chiếm, làm chủ xa lộ, chiếm và giữ các cầu xa lộ Đồng Nai, cầu Sài Gòn, cầu Rạch

Chiếc, diệt tàu trên sông, diệt Trường sĩ quan Thủ Đức, dẫn đường Quân đoàn 2 và Quân đoàn 4 thọc sâu. Phối hợp với chủ lực diệt các mục tiêu: Đài phát thanh, bộ tư lệnh Hải quân công xưởng, Trung ương tình báo ngụy, v.v...

- Đoàn 112 và biệt động, đưa lực lượng vào Thủ Đức đánh chiếm cầu Ghềnh, cầu Bình Điền, dẫn đường chủ lực thọc sâu vào quận 1.

- Đoàn 115 và biệt động, đánh chiếm cầu Bình Phước, dẫn đường và phối hợp Quân đoàn 1 tiến công chiếm bộ tổng tham mưu ngụy và bộ tư lệnh các binh chủng ngụy. Có một bộ phận phối hợp đánh chiếm quân trường Quang Trung, mở cửa dẫn đường và phối hợp Quân đoàn 3 đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất từ hướng bắc.

- Đoàn 198 đặc công, phối thuộc Quân đoàn 3 trực tiếp chỉ huy, đánh chiếm và giữ cầu Bông, cầu Sáng, bảo đảm lực lượng thọc sâu Quân đoàn 3 cơ động.

- Đoàn 117, diệt các trận địa pháo, đài truyền tin Phú Lâm, dẫn đường Sư đoàn 9 thọc sâu, đánh chiếm Biệt khu thủ đô.

- Đoàn 429, đánh chiếm các trận địa pháo, dẫn đường và phối hợp đánh chiếm bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia và làm chủ các quận 6, 7, 8, cầu chữ Y...

Nhiệm vụ các binh, quân chủng:

- *Pháo binh*, triển khai các trận địa pháo tầm xa ở Hiếu Liêm, Tân Phước Khánh, Tân Phú Trung, Mỹ Hạnh. Hướng Việt Cầu, Nhơn Trạch, bắc Bà Rịa để phá hủy và khống chế các mục tiêu sân bay Biên Hòa, sân bay Tân Sơn Nhất, bắn phá bộ tổng tham mưu ngụy; dinh Độc Lập, Biệt khu thủ đô, bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia theo yêu cầu của bộ binh. Bắn phá các tàu địch trên sông, trên biển, khống chế, khóa sông Lòng Tàu, phá hủy các trận địa pháo địch; chi viện bộ binh chiến đấu.

- *Cao xạ*, bảo vệ đường vận chuyển chiến lược, chiến dịch; bảo vệ các trận địa pháo, sở chỉ huy; khống chế các sân bay, bảo vệ đội hình bộ binh triển khai và chiến đấu; khi đánh vào thành phố, bắn thẳng vào các mục tiêu trên đường phố; bắn quân địch trên các nhà cao tầng.

- *Tên lửa*, bố trí tại cánh Bắc và Tây Bắc, thời gian đầu khống chế bầu trời bảo vệ đội hình chủ yếu của chiến dịch ở hướng này; sau đó khi chiến dịch phát triển, chuyển trận địa xuống khống chế được toàn bộ vùng trời Sài Gòn.

- *Công binh chiến dịch*, bảo đảm đường cơ động vận chuyển chiến lược, tham gia cùng công binh quân đoàn mở đường và bảo đảm vận chuyển chiến dịch; công binh quân đoàn trở xuống có nhiệm vụ bảo đảm cho bộ binh với binh khí kỹ thuật vượt sông, cơ động.

- *Xe tăng thiết giáp*, chủ yếu tăng cường cho các hướng để cùng bộ binh đánh chiếm các mục tiêu cả vòng ngoài và trong nội đô.

- *Không quân*, tham gia đánh phá các sân bay, phối hợp với bộ binh, hải quân giải phóng các đảo: làm nhiệm vụ vận tải và sẵn sàng tiếp quản các sân bay.

- *Hải quân*, tham gia giải phóng các đảo; làm nhiệm vụ vận tải và sẵn sàng tiếp quản các cơ sở hải quân địch.

- *Bộ đội Thông tin*, bảo đảm kỳ được thông tin chỉ huy thông suốt, nhất là với cánh Đông và Tây Nam; đặc biệt bảo đảm thông tin cho các đơn vị thọc sâu bằng mọi phương tiện.

- *Bộ đội Vận tải*, có nhiệm vụ chủ yếu là vận chuyển vật chất, đạn dược xuống các hướng và trực tiếp tham gia chiến đấu; chờ bộ đội cơ động, đặc biệt chờ bộ binh trong đội hình thọc sâu.

Nội dung chính của kế hoạch hiệp đồng chiến dịch.

Dự kiến 3 tình huống cơ bản:

Tình huống 1 (chiều 26 tháng 4 đến 28 tháng 4).

- Thực hiện bao vây, chia cắt, cô lập triệt để Sài Gòn, sẵn sàng chặn và tiêu diệt sư đoàn 5 và sư đoàn 25 địch, nếu chúng định co cụm sớm về Sài Gòn.

- Cánh Đông và Đông Nam đột phá tuyến phòng thủ của địch và đánh chiếm Trảng Bom, Biên Hòa, Long Bình, Nước Trong, Đức Thạnh, Bà Rịa, cắt đường số 15 và sông Lòng Tàu tạo điều kiện cho các đơn vị thọc sâu áp sát, đặt pháo tầm xa tại Nhơn Trạch để cùng không quân, pháo binh của các đơn vị và đặc công bắn phá các trận địa pháo và làm tê liệt sân bay Tân Sơn Nhất (quy định thời gian trong ngày 28 tháng 4 phải đặt được pháo ở Nhơn Trạch). Chặn và diệt sư đoàn 18 nếu phát hiện chúng co về Sài Gòn.

- Cánh Tây Nam cắt đứt lộ 4 trên nhiều đoạn đã quy định trong nhiệm vụ; mở cửa sông Vàm Cỏ, đưa binh khí kỹ thuật qua sông, chuẩn bị thọc sâu...

- Hoàn thành mọi công tác chuẩn bị để có thể bước vào chiến đấu ngay nếu trường hợp địch vỡ nhanh, các đơn vị thọc sâu sẵn sàng...

Tình huống 2 (29 tháng 4)

- Toàn mặt trận, từ 6 giờ sáng tiến hành tổng công kích, tiêu diệt và ngăn chặn địch ở vòng ngoài, các đơn vị thọc sâu cơ giới hóa thọc nhanh, áp sát vùng ven, chiếm các địa bàn triển khai, sẵn sàng đột phá vào nội đô.

- Lực lượng vùng ven đánh chiếm và giữ cầu đã phân công, bảo đảm chủ lực vượt qua và dẫn đường cho chủ lực, bắn pháo vào các trận địa pháo, chế

áp các mục tiêu chủ yếu. Phát động quần chúng nổi dậy kết hợp đòn tiến công quân sự từ ngoài vào.

- Không quân, pháo tầm xa tiếp tục bắn phá sân bay Tân Sơn Nhất.

Tình huống 3 (30 tháng 4)

Từ 6 giờ sáng, các cánh, các hướng, chủ lực cùng đặc công, biệt động, bộ đội địa phương nhất loạt tiến công vào nội thành, tiêu diệt địch và đánh chiếm các mục tiêu, các khu vực (đã phân công theo giới tuyến chiến đấu đã quy định).

Dự kiến tình huống cần xử trí:

- Trường hợp đến tối 29 tháng 4, mới có hai đến ba mũi thọc sâu tới vùng ven, các mũi khác chưa vào tới... thì các mũi chưa tới nơi phải nhanh chóng phát triển, khắc phục khó khăn để vào cho kịp; các mũi đã vào, đúng giờ quy định kiên quyết đột phá vào nội thành theo kế hoạch.

- Trường hợp đến thời gian trên, mới có 1 mũi vào tới nơi, phải dồn đốc các mũi khắc phục vượt lên cho kịp; mũi nào đã vào tới vùng ven phải nhanh chóng mở rộng bàn đạp để chuẩn bị tiếp tục đột phá.

Trong kế hoạch đã quy định cụ thể ký tín hiệu hiệp đồng, đặc biệt khi vào nội thành; phân phối bản đồ và phân công người dẫn đường.

*

* *

Sau những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, khí thế giải phóng miền Nam của quân và dân ta đang dâng lên mạnh mẽ. Lực lượng quân sự, chính trị của ta dồi dào và sung sức. Thế và lực của cách mạng miền Nam đang phát triển theo cấp số nhân. Ta đã tạo được một thời cơ chiến lược mới rất thuận lợi để giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng miền Nam.

Ngày 31 tháng 3, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thảo luận về tình hình miền Nam, đã kết luận: "Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt mà thời cơ chiến lược để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta bắt đầu nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc.

Cách mạng nước ta đang phát triển sôi nổi nhất với nhịp độ một ngày bằng 20 năm. Vì vậy, Bộ Chính trị quyết định nắm vững hơn nữa thời cơ chiến lược với tư tưởng thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, có quyết tâm

lớn, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không thể chậm.

Bộ Chính trị quyết định thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, gồm có: Đại tướng Văn Tiến Dũng - Tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng - Chính ủy. Các đồng chí Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Lê Trọng Tấn, Đinh Đức Thiện - Phó tư lệnh. Riêng đồng chí Lê Đức Anh kiêm chỉ huy cánh quân phía tây nam Sài Gòn là Đoàn 232, đồng chí Lê Quang Hòa làm Phó chính ủy, kiêm Chủ nhiệm chính trị, đồng chí Lê Ngọc Hiền quyền Tham mưu trưởng chuyên trách về tác chiến.

Bộ chỉ huy chiến dịch sử dụng các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần của Miền để làm việc, có tăng thêm số cán bộ Đoàn A.75 vừa ở Tây Nguyên tới và từ Bộ Tổng tham mưu phái vào.

Chấp hành chủ trương chiến lược của Bộ Chính trị, từ năm hướng, quân ta rầm rập tiến về bao vây sào huyệt đầu não cuối cùng của địch ở Sài Gòn - Gia Định. Những binh đoàn từ miền Bắc, Trị - Thiên đến Tây Nguyên và Khu 5 nườm nượp lên đường. Từng binh đoàn xuất phát từ nhiều địa bàn và những thời điểm khác nhau, đi trên nhiều trục đường và bằng nhiều phương tiện, nhưng đều hành quân với tinh thần "thần tốc, thần tốc hơn nữa". Có đơn vị vừa đi vừa đánh địch để mở đường, có đơn vị vượt cung, tăng trạm, tất cả thi đua tiến nhanh về phía Sài Gòn.

Trên hướng tây bắc, Quân đoàn 3 do Thiếu tướng Vũ Lăng làm Tư lệnh, Đại tá Đặng Vũ Hiệp làm Chính ủy, chỉ huy 3 sư đoàn bộ binh và các đơn vị binh chủng (khoảng 46.000 quân) được tăng cường Trung đoàn Gia Định 1, Trung đoàn Gia Định 2 và lực lượng đặc công, pháo binh, phòng không chiến dịch... đã tiến vào chiếm lĩnh vị trí tập kết trước cửa ngõ Đồng Dù.

Hướng đông và đông nam, Quân đoàn 2 do Thiếu tướng Nguyễn Hữu An làm Tư lệnh, Thiếu tướng Lê Linh làm Chính ủy, có 3 sư đoàn bộ binh và các đơn vị binh chủng (khoảng 40.000 quân) và Quân đoàn 4 do Thiếu tướng Hoàng Cầm làm Tư lệnh, Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện làm Chính ủy có 3 sư đoàn bộ binh và các đơn vị binh chủng (khoảng 30.000 quân) được tăng cường Lữ đoàn 52 bộ binh (Quân khu 5) cùng một số đơn vị binh chủng của Bộ... tiến vào áp sát các căn cứ Hồ Nai, Xuân Lộc, Biên Hòa, Long Bình, Long Thành, Bà Rịa.

Trên hướng tây và tây nam, Đoàn 232 (tương đương quân đoàn) do Trung tướng Lê Đức Anh làm Tư lệnh, Thiếu tướng Lê Văn Tường làm Chính ủy có 3 sư đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn tăng thiết giáp, 1 trung đoàn pháo cao xạ và một số đơn vị binh chủng (khoảng 42.000 quân)... đã cắt đứt đường số 4 nối Sài Gòn với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đưa lực lượng vào áp sát tây nam Sài Gòn.

Trên hướng bắc, Quân đoàn 1 do Thiếu tướng Nguyễn Hòa làm Tư lệnh, Thiếu tướng Hoàng Minh Thi làm Chính ủy, có 2 sư đoàn bộ binh, 1 sư đoàn phòng không, các lữ đoàn pháo binh, xe tăng, công binh và trung đoàn thông tin (khoảng hơn 31.000 quân) đang gấp rút triển khai lực lượng, chuẩn bị tiến công địch trên các tuyến đường 13, 14, 15, 16, đưa lực lượng vào cài thế chiến dịch.

Ở vùng ven và nội thành Sài Gòn, dưới sự lãnh đạo của Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, các tầng lớp nhân dân sôi nổi chuẩn bị cho trận chiến đấu lớn nhất. Các đội biệt động, tự vệ, đặc công đã bố trí sẵn sàng không chế mục tiêu quy định, phối hợp chặt chẽ với đòn tiến công của các binh đoàn chủ lực. Ta đã tập trung lực lượng với ưu thế áp đảo quân địch. Sài Gòn bị bao vây, cô lập triệt để. Chế độ ngục quyền đã đến giờ sụp đổ hoàn toàn, không có gì cứu vãn được.

Sài Gòn - Gia Định là một thành phố lớn với ba triệu rưỡi dân, rộng 1.845km² kể cả các quận ngoại thành, có nhiều nhà cao, kiên cố, kiến trúc tổng hợp khá phức tạp. Đây là nơi tập trung các cơ quan đầu não của ngục quân ngục quyền, các kho tàng và căn cứ hậu cần quan trọng, một trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế quan trọng của địch, là sào huyệt cuối cùng của chúng.

Hơn một trăm năm phải sống dưới chế độ thực dân cũ của Pháp, rồi tiếp đến chế độ thực dân mới của Mỹ, Sài Gòn chỉ được hưởng độc lập, tự do dưới chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa không đầy một tháng. Từ khi đế quốc Mỹ đưa quân vào trực tiếp xâm lược miền Nam, chúng biến Sài Gòn và toàn miền Nam nước ta thành một thuộc địa kiểu mới. Bằng những thủ đoạn và chính sách vừa trắng trợn vừa tinh vi, vừa thực dụng vừa nham hiểm, chúng tuôn ồ ạt vũ khí và đô la vào Sài Gòn. Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai phá hủy những nền tảng cổ truyền, thuần phong mỹ tục của nhân dân ta. Nạn xì ke, ma túy, mại dâm, cờ bạc, lưu manh, trộm cướp, giết người lan tràn. Hầu như gia đình nào cũng có người bị chúng lừa dối hay cưỡng bức, lôi cuốn trực tiếp hay gián tiếp vào các bộ máy chiến tranh, đàn áp, kìm kẹp của chúng. Bọn chúng tung tiền và hàng hóa tạo ra một giai cấp tư sản mại bản, quân phiệt quan liêu giàu sụ và phè phỡn trên xương máu nhân dân, tạo ra một nền kinh tế và một xã hội tiêu thụ hoàn toàn lệ thuộc vào đồng đô la, phụ thuộc vào nước ngoài. Bộ máy CIA và bộ máy chiến tranh tâm lý của chúng ngày đêm xuyên tạc lừa bịp, khủng bố, hòng làm cho người dân chống lại hoặc ít nhất là sợ hãi cách mạng và kháng chiến.

Nhân dân Sài Gòn - Gia Định có truyền thống yêu nước chống đế quốc và bè lũ tay sai. Đường phố và sông rạch Sài Gòn - Gia Định còn ghi lại nhiều chiến công hiển hách, nhiều sự tích anh hùng của các tầng lớp nhân dân.

Đảng bộ Sài Gòn hoạt động nơi chiến trường ác liệt, cơ sở phong trào bị địch chà đi xát lại nhiều lần, nay vẫn đứng vững là vốn quý và là kỳ công của Đảng ta. Các đồng chí lãnh đạo phong trào của Sài Gòn mà chúng tôi được gặp, tượng trưng cho cuộc chiến đấu gian khổ nhưng vẻ vang của Sài Gòn, mang trong khóm mắt và lời nói nguyện vọng của nhân dân muốn vùng dậy đập đổ chế độ tàn bạo của đế quốc Mỹ và tay sai của chúng, giành lại hòa bình, độc lập tự do. Sài Gòn - Gia Định kiên cường và bất khuất, gan dạ và thủy chung trong cuộc chiến đấu oanh liệt chống đế quốc, giờ đây lĩnh trách nhiệm lịch sử phối hợp với bộ đội chủ lực của cả nước viết chương cuối rạng rỡ của bản hùng ca.

Bộ chỉ huy chiến dịch nhận được chỉ thị mới của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương trong đó đồng chí Lê Duẩn dặn cần chuẩn bị thêm ít ngày nữa, đến khi phân lớn lực lượng Quân đoàn 3 và Quân đoàn 1, cả bộ binh và binh khí kỹ thuật đến nơi thì bắt đầu cuộc tiến công lớn. Từ nay đến khi mở cuộc tiến công toàn diện, cần ra lệnh đẩy mạnh hoạt động của cánh phía tây và tây nam, chia cắt đường số 4, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó và khó phán đoán ý định chung của ta, làm cho địch ở Sài Gòn thêm rối loạn và hoang mang. Đồng thời, đưa nhanh các đội đặc công và biệt động vào nội thành, các hướng khác cũng hoạt động mạnh lên để tạo điều kiện tốt cho cuộc tiến công lớn.

Khi các lực lượng lớn từ miền Bắc, từ Tây Nguyên và từ Trung Trung Bộ lần lượt tiến vào Nam Bộ và khi các phương tiện vận tải đang ngày đêm vận chuyển những khối lượng vật chất, hậu cần rất lớn đến các kho và các đơn vị chuẩn bị cho trận đánh quyết định vào Sài Gòn, thì các đơn vị chiến đấu của miền Nam sôi nổi đẩy mạnh các hoạt động của mình trước thời cơ mới, với niềm phấn khởi mới, với những kinh nghiệm mới và những cố gắng rất lớn.

Các đơn vị của Quân khu 8, Quân khu 9 cũng như các đơn vị đặc công, các đội biệt động ở vùng ven, trong nội thành, liên tiếp đánh địch, gây cho địch nhiều thiệt hại về sinh lực và phương tiện chiến tranh; giải phóng được một số khu vực quan trọng nối liền được các căn cứ lổm nằm trong vùng sau lưng địch ở Long An, Gò Công, Bến Tre, Mỹ Tho, mở ra được những hành lang nối liền từ Đông Nam Bộ qua Đồng Tháp xuống Tây Nam Bộ; làm chủ được những đoạn đường giao thông quan trọng trên các kênh rạch ở vùng giáp ranh và dựa vào đó để đưa thêm lực lượng, binh khí kỹ thuật xuống tăng cường. Các tỉnh vừa tác chiến vừa xây dựng lực lượng. Một số tỉnh và huyện đẩy mạnh việc tuyển tân binh tại địa phương, thành lập thêm các tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh và đại đội địa phương huyện. Các xã đã phát triển các trung đội và có xã có đại đội du kích. Súng đạn được bổ sung

từ trên Miền đưa xuống và một số lớn lấy được của địch, đã kịp thời trang bị cho các đơn vị vừa mới thành lập. Những hoạt động liên tục đó đã kìm giữ, thu hút được một số đơn vị quân chủ lực địch ở vùng 4, thu hút được một số hoạt động của không quân và hải quân địch.

Quân đoàn 4, chủ lực của Miền, từ ngày 10 tháng 3 phối hợp chặt chẽ với Tây Nguyên đã đánh liên tiếp nhiều trận, tiêu diệt được nhiều địch và đã giải phóng chi khu Dầu Tiếng, thị xã An Lộc, Chơn Thành, mở rộng một địa bàn rất thuận lợi ở phía bắc Sài Gòn, giam chân sư đoàn 25 của địch ở vùng Trảng Lớn, Tây Ninh và uy hiếp cả sư đoàn 5 của địch đang phòng ngự ở vùng Lai Khê, Bến Cát.

Hạ tuần tháng 3 đến đầu tháng 4 năm 1975, Quân đoàn 4 nhanh chóng chuyển lực lượng từ hướng tây bắc và bắc Sài Gòn về hướng đông Định Quán, giải phóng thị xã Lâm Đồng - Di Linh, tập trung lực lượng mở một đợt đánh lớn vào sư đoàn 18 địch ở thị xã Xuân Lộc thuộc tỉnh Long Khánh.

Thị xã Xuân Lộc, trong những ngày đầu tháng 4 năm 1975 trở thành một khu vực phòng thủ rất trọng yếu của địch ở quân khu 3. Nó bảo vệ Sài Gòn từ phía đông, một trọng điểm của tuyến phòng ngự từ xa của Mỹ, ngụy. Địch cố giữ vững Xuân Lộc - Long Khánh để ngăn chặn hai đường tiến của quân ta về Sài Gòn, đường số 1 và đường số 20. Lúc bấy giờ trên trục đường số 1, quân ta đã tiến đến gần Phan Rang, còn trên trục đường số 20, quân ta sau khi giải phóng Lâm Đồng, Đà Lạt, Tuyên Đức đã tiến xuống gần Kiệm Tân. Địch cố giữ đường số 15 từ Sài Gòn ra Vũng Tàu để nhận hàng viện trợ của Mỹ vào Sài Gòn theo đường biển và đó cũng chính là một con đường rút chạy sau này của địch.

Giữ được Xuân Lộc - Long Khánh thì tuyến Biên Hòa - Nhân Trạch - Bà Rịa - Vũng Tàu chưa trực tiếp bị uy hiếp, sân bay Biên Hòa mà cả Tân Sơn Nhất còn hoạt động được.

Vì vậy bằng bất cứ giá nào địch cũng cố giữ Xuân Lộc - Long Khánh. Quân đoàn 3 của địch nói chung và sư đoàn 18 nói riêng còn nguyên chưa bị đánh đau. Hơn nữa, ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn và Mỹ cũng đem hết sức ra để chi viện cho Xuân Lộc với một hy vọng độc nhất là kéo dài ngày hấp hối, để tìm một biện pháp khả dĩ có thể tồn tại không đến nỗi mất hết, đổ sập cả, thất bại hoàn toàn.

Ngày 9 tháng 4, Quân đoàn 4 gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 341, Sư đoàn 6 và lực lượng Khu 7 do đồng chí Thiếu tướng Hoàng Cầm làm Tư lệnh và đồng chí Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện làm Chính ủy, nổ súng tiến công vào Xuân Lộc. Các đơn vị thuộc Quân đoàn 4, có nhiều kinh nghiệm chiến đấu lần đầu tiên đứng trước một kẻ địch cùng đường, liều mạng.

Địch điều toàn bộ lực lượng sư đoàn 18, tăng cường lữ kỵ binh 3, một bộ phận của sư đoàn 5 đang phòng ngự ở đường số 13, các tiểu đoàn pháo binh trực thuộc, các liên đoàn biệt động quân của quân khu 3 và các liên đoàn biệt động quân què quặt của quân khu 1, quân khu 2, chưa kịp chấn chỉnh, và vúi ném vào Xuân Lộc. Một cuộc thí quân, thí tướng của Mỹ, ngự trước nguy cơ sụp đổ.

Trận chiến đấu ở Xuân Lộc ngay từ những ngày đầu trở nên gay go, ác liệt. Các Sư đoàn 7, Sư đoàn 6 và Sư đoàn 341 của ta đã phải tổ chức tiến công nhiều lần vào thị xã, đánh đi đánh lại diệt từng mục tiêu và phải nhiều lần đẩy lùi các cuộc phản kích của địch. Trung đoàn 43 địch bị tổn thất nặng. Pháo binh chiến dịch và pháo binh đi cùng của các sư đoàn của ta đã phải dùng thêm cơ số đạn. Xe tăng, xe bọc thép của ta một số bị hỏng, một số phải trở về vị trí xuất phát tiến công để bổ sung xăng dầu, đạn dược.

Kế hoạch tiến công Xuân Lộc của Quân đoàn 4 lúc đầu chưa tính hết được sự phát triển phức tạp của tình hình, chưa đánh giá hết tính chất ngoan cố của địch. Tính chất giằng co ác liệt qua trận đánh này không phải chỉ trong phạm vi của Xuân Lộc - Long Khánh. Nó liên quan đến việc mất hay còn của nguy quyền Sài Gòn, đến việc kéo dài những ngày giã chết của chế độ Thiệu. Việc tổ chức, chỉ huy và tiến hành các cuộc chiến đấu của ta không thể làm theo như cũ được nữa. Cách đánh cũng cần phải thay đổi cho phù hợp với tình hình lúc đó.

Trong những ngày Quân đoàn 4 tiến công vào Xuân Lộc, Bộ chỉ huy chiến dịch một mặt phải khẩn trương xây dựng và hoàn thành kế hoạch tiến công Sài Gòn, mặt khác chỉ đạo Bộ chỉ huy Miền và Bộ tư lệnh Quân đoàn 4 thay đổi cách đánh. Địch thì cố vét quân ném vào đây. Ta cũng tăng cường thêm Trung đoàn 95 và bổ sung vật chất cho Quân đoàn 4.

Đồng chí Trần Văn Trà từ Lộc Ninh xuống Quân đoàn 4 để phổ biến và đôn đốc việc thực hiện cách đánh mới. Khi địch đã dồn quân vào để cố cứu thị xã Xuân Lộc thì ta không cần tập trung lực lượng tiếp tục đánh thẳng vào đây nữa, mà chuyển lực lượng đánh các đơn vị địch đến phản kích đứng chân chưa vững ở vùng ngoài đang thiếu công sự, thiếu sự hiệp đồng chặt chẽ với nhau, dùng pháo tầm xa bắn phá và không chế liên tục ngày đêm sân bay Biên Hòa, không cho máy bay chiến đấu của địch cất cánh.

Tiếp theo việc ta đánh chiếm Túc Trưng, Kiệm Tân, tiêu diệt trung đoàn 52 của sư đoàn 18 ngự, ta theo đường số 20 phát triển xuống ngã ba Dầu Giây và chốt cứng một đoạn đường số 1, diệt một số xe tăng, đánh lui lữ 3 kỵ binh địch từ Biên Hòa ra tiếp viện. Xuân Lộc đã bị cắt lia khỏi Sài Gòn.

Quân đoàn 4 tiếp tục dùng pháo binh triệt dần các cụm pháo địch, tiêu diệt từng bộ phận trung đoàn 48 và lữ 1 dù mới ra tăng viện.

Cánh quân phía đông của ta ào ạt tiến công, ngày 19 tháng 4 cùng với bộ đội Khu 6 giải phóng Phan Thiết, và bộ phận đi đầu ngày 20 tháng 4 trên trục đường số 1 đã đến Rừng Lá gần Xuân Lộc. Đêm 20 tháng 4, toàn bộ các lực lượng địch ở Xuân Lộc, trước nguy cơ bị bao vây và bị tiêu diệt, đã phải bỏ chạy tán loạn theo đường tỉnh lộ số 2 về phía Bà Rịa. Bị chặn đánh dọc đường, chúng bỏ lại rất nhiều xe pháo súng đạn.

Xuân Lộc được giải phóng. Cánh cửa phía đông Sài Gòn đã mở đón lực lượng của Quân đoàn 2, Quân đoàn 4 và Sư đoàn 3 Quân khu 5 vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Sư đoàn 3 chuẩn bị tiến về Bà Rịa, Vũng Tàu.

Trước ngày phát động tổng công kích vào Sài Gòn - Gia Định, cánh quân phía đông đã tạo được một thế chung rất thuận lợi.

Phía tây nam Sài Gòn, ta đã điều lực lượng xuống vùng Bến Lức, Long An, đánh thông hành lang Tây Ninh, Kiến Tường, mở xong các vùng Bến Cầu, Bến Sỏi, Quéo Ba, làm chủ một phần sông Vàm Cỏ Tây, tiếp tục tiến xuống vùng Tân An, Thủ Thừa, áp sát và đánh giao thông trên đường số 4, diệt các đồn bốt nhỏ chung quanh, mở ra một vùng giải phóng tạo bàn đạp cho các lực lượng thuộc Đoàn 232 chuẩn bị tiến công vào Sài Gòn từ phía tây nam. Xe tăng, xe lội nước, pháo bắn thẳng 85 ly, lựu pháo 122 ly và cả pháo 130 ly cùng với các tiểu đoàn cao xạ, các sư đoàn bộ binh số 5, số 3, số 9, số 8, các trung đoàn độc lập 16, 88, 24 và hàng trăm tấn đạn, xăng dầu đã đến nơi quy định. Những trận địa hỏa tiễn và súng cối được chuẩn bị gấp chung quanh sân bay Cần Thơ, đợi ngày đánh vào căn cứ cuối cùng của không quân địch một khi sân bay Tân Sơn Nhất và Biên Hòa bị khống chế.

Tạo thế ở tây nam Sài Gòn là một kỳ công của quân và dân Tây Nam Bộ, vì điều kiện địa hình ở đây rất khó triển khai lực lượng lớn, nhất là binh khí kỹ thuật nặng. Đạn pháo các loại cần dùng hàng chục nghìn quả nhưng phải vác bằng vai hoặc chở bằng thuyền nhỏ. Đường cho xe pháo cơ động rất ít có thể nói là độc đạo qua những vùng sinh lầy trống trải. Trận địa pháo bố trí dọc theo các đường. Tổ chức thông tin từ Sở chỉ huy chiến dịch xuống cánh tây nam chỉ còn một phương tiện độc nhất là vô tuyến điện. Thời gian càng gấp bao nhiêu thì công việc tạo thế của cánh tây nam càng khẩn trương bấy nhiêu. Chuẩn bị cầu phà, đường cơ động, di chuyển hậu cần, v.v. phải hết sức bí mật để giữ được một bất ngờ lớn đối với địch ở hướng quan trọng này.

Phía tây bắc Sài Gòn, sư đoàn 25 của địch vẫn bám cho địa bàn Tây Ninh. Đúng là đối với chúng, giữ cũng chết mà bỏ cũng chết. Cảnh sát, các cơ quan hành chính ngụ quyền ở Tây Ninh đã đốt các loại giấy tờ, hồ sơ, chạy về Sài Gòn.

Ta không đánh để giải quyết Tây Ninh nhưng phải giữ, phân tán lực lượng của sư đoàn ngụy số 25 ở đây, không cho chúng tập trung lùi dần về vùng sát Sài Gòn. Quân đoàn 3 của ta đã dùng một trung đoàn của Sư đoàn 316 vượt sông Sài Gòn, cắt một đoạn đường từ Trà Vở, Bầu Nâu đi Gò Dầu Hạ, không cho địch lên xuống. Các đơn vị bộ đội địa phương của Tây Ninh, Bình Dương bao vây và tiêu diệt các chốt bảo an, dân vệ, pháo kích vào Trảng Lớn, làm nổ một lúc 20.000 quả đạn pháo 105 ly và gần 5.000 đạn pháo 175 ly. Sư đoàn 25 của địch bị căng ra trên đường số 1 và đường số 22.

Các đội biệt động nội thành, ngoại thành Sài Gòn và các đơn vị đặc công đã tiến vào sát Sài Gòn và đã bí mật bố trí sẵn ở các mục tiêu quy định.

Sân bay Biên Hòa bị bộ đội đặc công, súng cối và pháo tầm xa của ta đánh liên tục không nghỉ ngày nào. Chiều tối địch đưa hết máy bay ở Biên Hòa về Tân Sơn Nhất tránh pháo kích, sân bay Biên Hòa bị ta khống chế tê liệt dần. Ta chuẩn bị nhanh hỏa lực để đánh phá hai sân bay cuối cùng khác của địch là Tân Sơn Nhất và Cần Thơ nhằm giảm bớt khả năng chiến đấu của không quân địch, uy hiếp tinh thần địch, chống phá kế hoạch "di tản" của chúng và góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tổng tiến công vào Sài Gòn - Gia Định.

Sáng ngày 8 tháng 4, Nguyễn Thành Trung, quê ở Bến Tre, một đảng viên của ta hoạt động bí mật từ lâu trong không quân ngụy lái chiếc máy bay F-5E của không quân ngụy ném bom "đình Độc Lập" và đưa máy bay ra vùng giải phóng hạ cánh an toàn xuống sân bay Phước Long.

Nguyễn Thành Trung cho biết: không quân ngụy chỉ còn 120 chiếc máy bay A.37 và 70 chiếc máy bay F-5, khả năng xuất kích của chúng thường chỉ được hai phần ba. Ngày huy động máy bay nhiều nhất đi đánh phá cũng chỉ được 120 lần chiếc. Nếu ta pháo kích sân bay Biên Hòa, không cần bắn liên tục, cứ nửa giờ bắn một phát. Vì khi phát đạn đại bác nổ, phải nửa giờ sau bọn lái ngụy mới từ hầm ra được tới máy bay. Bắn như thế thu được kết quả tốt mà lại tiết kiệm được đạn.

Bộ Tư lệnh chiến dịch đề nghị Bộ Tổng tư lệnh cho phép đưa ngay Nguyễn Thành Trung ra Đà Nẵng hướng dẫn một số đồng chí lái máy bay chiến đấu của ta sang lái máy bay A.37 của Mỹ mà ta thu được khá nhiều và lập một phi đội máy bay A.37 để khi cần sẽ dùng đến.

Các đơn vị đặc công mặt trận Sài Gòn, những chiến sĩ thông minh, mưu trí, gan dạ mà chiến công vang lừng cả nước, trước khi vào chiến dịch được tổ chức lại thành 6 đoàn có chỉ huy thống nhất. Đoàn 10 đứng ở khu Nhà Bè - Lòng Tàu, đánh tàu và cắt đường sông Lòng Tàu ra biển của địch. Đoàn 113 phụ trách vùng Biên Hòa. Đoàn 115 đứng ở Lái Thiêu, Quán Tre chờ lệnh vào Sài Gòn. Đoàn 117 đứng Vườn Thơm, Bà Vu chờ lệnh đánh

vào hướng tây Sài Gòn. Đoàn 429 chuẩn bị đánh các trận địa pháo ở quận 8 và quận 9.

Các chiến sĩ biệt động Sài Gòn nổi tiếng từ lâu, chiến đấu thâm lặng và dũng cảm đã bao phen làm cho Mỹ, nguy kinh hoảng. Những chiến sĩ từng đánh các khách sạn Mỹ ở Sài Gòn như: Ca-ra-ven, Brink, Vích-to-ri-a, Mê-tơ-rô-pôn, đánh tổng nha cảnh sát nguy, sứ quán Mỹ, nhấn chìm tàu Ca-đơ trên sông Sài Gòn, nhiều lần pháo kích "dinh Độc Lập", sân bay Tân Sơn Nhất, lễ "quốc khánh" của nguy; hôm nay lực lượng lớn mạnh hơn nhiều, đứng ở thế vững chắc cả trong và ngoài thành phố. Ngoại thành có 4 tiểu đoàn và nhiều đội quân biệt động, trong nội thành ta có sẵn 60 tổ biệt động, 300 quần chúng vũ trang và lực lượng quần chúng đông đảo do quân biệt động tổ chức và chỉ huy. Lực lượng vũ trang của Thành đội Sài Gòn - Gia Định cũng khá mạnh. Ở các quận Nhà Bè, Bình Chánh Nam, Bình Chánh Bắc, Tân Bình, Hóc Môn, Gò Vấp... mỗi nơi trước có một trung đội, bước vào chiến dịch đều tăng lên thành một hoặc hai đại đội. Riêng Thủ Đức có một tiểu đoàn. Củ Chi càng mạnh hơn. Thành đội còn có các trung đoàn chủ lực đã triển khai sẵn ở Gia Định. Đây là chưa kể những cán bộ, chiến sĩ ta làm công tác đặc biệt từ nhiều năm hoạt động trong thành phố, làm việc trong những cơ quan của địch, cung cấp kịp thời những tin tức cần thiết và mong chờ ngày đại quân tiến vào.

Thành ủy Sài Gòn - Gia Định in và rải hàng trăm nghìn tờ truyền đơn, lập những đội tuyên truyền xung phong. Khí thế quần chúng sôi nổi làm cho tinh thần địch đang hoang mang càng thêm hoang mang, dao động và bộ máy kìm kẹp ở cơ sở của địch lỏng thêm một bước. Trong mấy ngày ta đã đưa vào trung tâm thành phố thêm hàng trăm cán bộ, hàng trăm đội viên vũ trang. Giữa Sài Gòn đã có mặt hàng chục đồng chí thành ủy viên và cán bộ cấp tương đương, có các ủy viên ban cán sự quận, hàng mấy trăm đảng viên, hàng nghìn đoàn viên các đoàn thể, hàng chục nghìn quần chúng có thể huy động xuống đường. Ta đã có các cơ sở chính trị trong các phố, làm cả một số nhà in to, nhỏ, chuẩn bị hàng trăm xe hơi có loa phóng thanh, đưa hàng chục nghìn mét vải cho nhiều hiệu may để may cờ. Một số lượng lớn cán bộ chuẩn bị tiếp quản thành phố đã chuyển đến ở sát ngoại ô thành phố.

Để thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã bàn và thông qua các kế hoạch về cuộc tổng tiến công và việc chuẩn bị đòn nổi dậy toàn B.2. Đồng thời, cử đồng chí Võ Văn Kiệt trực tiếp làm Bí thư thành ủy Sài Gòn - Gia Định chuyên lo vấn đề tổ chức và chỉ đạo kế hoạch quần chúng nổi dậy để phối hợp với cuộc tiến công của các binh đoàn chủ lực vào thành phố.

Như thế là, trước khi nổ súng tổng công kích vào Sài Gòn ta đã hình thành được thế trận bao vây thành phố từ nhiều mặt. Ở phía đông ta đã cắt hoàn toàn đường số 1, áp sát đến Trảng Bom, sẵn sàng cắt đứt đường số 15, sông Lòng Tàu và khống chế Vũng Tàu, đang làm tê liệt sân bay Biên Hòa.

Phía tây và tây nam, lực lượng Quân khu 9 đã áp sát đoạn Cái Vồn và nam Cần Thơ. Quan trọng hơn cả là đã áp sát ven con đường số 4 huyết mạch từ Sài Gòn chạy về đồng bằng sông Cửu Long. Những đơn vị thuộc Khu 8 đã mở rộng hoạt động ở nam Long An, chuẩn bị sẵn sàng để cắt đường số 4 và kênh Chợ Gạo.

Các lực lượng lớn của chiến dịch cũng đã tiến dần vào vị trí triển khai. Quân đoàn 4, sau khi chiếm Xuân Lộc, đã áp sát vào Trảng Bom.

Ở phía đông nam, Quân đoàn 2 đã tiến sát vào Long Thành, Vũng Tàu, Nước Trong, Bà Rịa...

Đoàn 232 đã áp sát vào tuyến sông Vàm Cỏ Đông và Hậu Nghĩa. Sư đoàn 5, Sư đoàn 8 đã đứng sát đường số 4 và từ Tân An đến Cai Lậy, áp sát Mỹ Tho, đặc biệt hai trung đoàn bộ binh đã vào đứng ở Cần Đước, Cần Giuộc phía nam quận 8 Sài Gòn.

Hướng tây bắc và hướng bắc đã có một vùng giải phóng mở rộng nối liền từ Lộc Ninh đến Phước Long. Quân đoàn 1 đã vào khu vực tập kết ở nam sông Bé, Quân đoàn 3 ở khu vực Dầu Tiếng.

Đường hành lang từ các cánh, các hướng đều thông suốt, đường vận chuyển chiến dịch và chiến lược đã được nối liền, có chất lượng tốt, bảo đảm được mật độ các loại xe chạy với tốc độ cao... Cũng là lần đầu tiên trong suốt mấy chục năm kháng chiến ở Nam Bộ, xe hơi của tuyến vận tải Cục Hậu cần Miền và hậu cần các quân khu từ miền Đông chạy xuống tận đường liên tỉnh số 26 ở bắc Củ Chi, chạy xuống tận Bình Cơ, Bình Mỹ ở bắc Tân Uyên và có thể chạy suốt đến Long Khánh - Bà Rịa.

Lực lượng lãnh đạo của Đảng và chính quyền cách mạng đã về ở vùng ven. Có nhiều bộ phận đã vào nội thành để chuẩn bị cho việc nổi dậy của quần chúng và tiếp quản thành phố.

Tình hình trong thành phố Sài Gòn được nắm chắc và báo cáo ra hàng ngày cho Bộ chỉ huy chiến dịch.

Và ngay tại Tân Sơn Nhất, trong những ngày sôi động trên toàn miền Nam, có một bộ phận cán bộ và chiến sĩ ta vẫn ở trong đó. Đây là phái đoàn quân sự của ta trong Ban liên hợp quân sự hai bên do đồng chí Thiếu tướng Hồ Xuân Anh (tức Hoàng Anh Tuấn) làm trưởng đoàn. Thông báo tin tức hàng ngày vẫn giữ được đều đặn và trong những ngày đó các đồng chí cũng đoán chắc là ta sắp đánh vào Sài Gòn, mặc dù Bộ Tư lệnh chiến dịch không

điện cho các đồng chí đó biết kế hoạch. Các đồng chí sống giữa vòng vây của quân địch đã gần ba năm, giữ vững lập trường đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù, chấp hành nghiêm túc và nhanh chóng các chỉ thị của cấp trên và cũng kịp thời báo cáo cho chúng tôi những tin tức, dư luận các giới đồng bào, tin tức về địch mà các đồng chí ở đó nắm được bằng nhiều cách, kể cả quan sát bằng mắt thường. Thấy máy bay địch từ các nơi dồn về Tân Sơn Nhất nhiều quá, đậu gần ngay khu nhà của phái đoàn ở, các đồng chí điện ra đề nghị bắn pháo vào sân bay. Bức điện có đoạn viết: "Chúng tôi sẽ đào hầm và giữ vững vị trí chiến đấu tại đây. Nếu địch ngoan cố, pháo binh ta cứ bắn thật mãnh liệt, đừng lo cho chúng tôi ở trong này. Chúng tôi rất lấy làm vinh dự sẵn sàng nhận sự hy sinh để chiến dịch toàn thắng, sự nghiệp cách mạng toàn thắng".

Khu nhà các đồng chí ở, do nguy quyền bố trí, mái tôn, nền đất, tường ván và chung quanh "trang trí" toàn bằng hàng rào kẽm gai. Nhưng gặp tình huống như hiện nay thì có nhiều khó khăn trong việc đào công sự cá nhân, phát triển thành hào giao thông, hào chiến đấu. Các đồng chí đào hầm về đêm, không có xẻng, cuốc, phải dùng cọc dây thép gai và dao găm để đào, đất đào đem ép xuống nền nhà hoặc cho vào bao tải, gói vào quần áo, cất vào kho.

Trong thế trận chung to lớn ta đã hình thành chuẩn bị bước vào chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, các đồng chí của ta ở Tân Sơn Nhất cũng có một cái thế riêng của mình, thế đứng công khai hiên ngang giữa lòng địch. Thế đứng đó không những tiêu biểu cho cách mạng, cho đại nghĩa về mặt chính trị mà còn giúp cho Đảng hiểu được thêm lòng dân đối với sự nghiệp giải phóng và hiểu kẻ thù trước những ngày chúng giãy chết. Trong những ngày đêm sôi sục này, các đồng chí mong đợi quân ta vào hơn ai hết.

Sau lần ta tiến công vào Sài Gòn dịp Tết Mậu Thân 1968, kẻ địch ngạo nghễ và huênh hoang nói: "Không bao giờ Việt Cộng còn có sức đánh vào Sài Gòn lần nữa". Hôm nay, nhìn thế trận đã tạo ra, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng của ta bên trong và bên ngoài thành phố Sài Gòn, nhìn thấy các địa bàn chắc chắn ta đang chiếm lĩnh, nhận ra các mục tiêu ta sẽ đánh đúng ngay từ đầu, tính toán thời gian và hoàn tất các công việc còn lại trước giờ G, giờ G cuối cùng của cuộc chiến tranh và cũng là giờ G lớn nhất của lịch sử dân tộc ta hơn một trăm năm nay.

Ngày 14 tháng 4 năm 1975, Bộ Chính trị chấp nhận đề nghị của Bộ Tư lệnh chiến dịch cho được đặt tên chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định là: Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Hơn 60 năm trước, Sài Gòn là nơi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu dân, cứu nước. Sài Gòn cũng từng được vinh dự mang tên Thành phố Hồ Chí Minh từ

những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống Pháp. Sài Gòn và cả miền Nam đã đi trước về sau trong suốt 30 năm kháng chiến lâu dài. Giờ đây, tên Bác gắn với một sự kiện lịch sử trọng đại sắp diễn ra, cho thấy tầm vóc to lớn của chiến dịch, tính triệt để và tất thắng của nó, đánh vào Sài Gòn như thế nào cho nhanh, chắc thắng, làm sụp đổ cả chế độ phản động, đập tan cả hệ thống tổ chức ngụy quân, ngụy quyền từ trung ương đến tận cơ sở, phá tan bộ máy chiến tranh, với bản chất phản động hiếu chiến, ngoan cố của bè lũ tay sai, đê bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Nhưng lại phải đánh vào Sài Gòn như thế nào để thành phố ít bị tàn phá nhất, giải phóng được mấy triệu đồng bào mà không dẫn tới làm đồng bào bị thiệt hại nhiều về tính mạng, mất mát nhiều tài sản và sau giải phóng cuộc sống mau trở lại bình thường.

Còn một vấn đề nữa là mấy trăm nghìn binh lính ngụy đều là người Việt Nam. Họ là những thanh niên, học sinh, những công nhân, nông dân, thợ thủ công... phần lớn là con em các gia đình lao động. Họ có gia đình, nhưng bọn đầu sỏ phản động lừa bịp, cưỡng bức mà đại đa số bị dồn vào con đường cầm súng chống lại đồng bào, chống lại cách mạng. Họ đang muốn về với gia đình, đoàn tụ với người thân tiếp tục học hành và sinh sống.

Vậy đánh thế nào để một đội quân ngụy to lớn ấy phải tan rã về mặt tổ chức, suy sụp về mặt tinh thần, không còn khả năng chống lại cách mạng. Phải kiên quyết tiêu diệt bọn đầu sỏ ngoan cố. Nhưng, với số đông quần chúng binh sĩ ngụy, ta lại mở cho họ con đường sống, không tiêu diệt sinh mạng họ một khi họ đã buông súng đầu hàng. Chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng họ sẽ nhận thức được chính nghĩa.

Cả Sài Gòn - Gia Định, một thành phố rộng lớn nhất Việt Nam, quân địch bố trí phòng ngự vòng trong, vòng ngoài mấy trăm nghìn quân nhưng ta chỉ chọn có 5 mục tiêu lớn nhất để nhanh chóng đánh chiếm bằng được. Đó là Bộ tổng tham mưu ngụy, "dinh Độc Lập", Biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát và sân bay Tân Sơn Nhất.

Đánh đúng vào 5 mục tiêu đó thì toàn bộ chế độ ngụy sẽ rung chuyển. Đó là những cái huyết trọng nhất trong cơ thể của chế độ Mỹ - ngụy. Đập trúng 5 mục tiêu đó thì ngụy quân, ngụy quyền như rấn mất đầu, toàn bộ hệ thống phòng ngự và kim kẹp còn lại sẽ tan rã, quần chúng sẽ nổi dậy, không một thế lực nào dựng lại nổi. Và chỉ có đánh vào đấy thì hơn ba triệu rưỡi đồng bào Sài Gòn - Gia Định sẽ được bảo toàn tính mạng, tất cả các công trình kinh tế, văn hóa xã hội sẽ không bị đổ nát.

Năm mục tiêu ở bên trong Sài Gòn được Bộ Tư lệnh chiến dịch chọn và quyết định đánh. Nhưng muốn chiếm được 5 mục tiêu đó thì phải đánh như

thế nào khi địch đã có 5 sư đoàn bố trí ở vòng ngoài, đang đối diện trực tiếp với các binh đoàn chủ lực của ta và có sẵn kế hoạch lùi dần trên các tuyến phòng thủ để co cụm về Sài Gòn và "tử thủ" tại đây.

Muốn tạo được bất ngờ về cách đánh phải hết sức táo bạo vì có táo bạo mới tạo được bất ngờ. Mà càng tạo được bất ngờ thì lại càng chắc thắng. Vì táo bạo, xét cho cùng cũng là sự nhiệt tình, lòng hăng hái quyết tâm cao, xốc tới bất chấp khó khăn và gian nguy.

Trước tình hình về địch, địa hình, nhiệm vụ, dựa vào ưu thế binh lực của ta bao gồm chất lượng, số lượng, tinh thần và chỉ huy, căn cứ vào yêu cầu của trận quyết chiến cuối cùng, và sự chuyển hóa mới về chất của tình hình khách quan, Bộ chỉ huy chiến dịch đã đi tới nhất trí về cách đánh của chiến dịch lịch sử này là: Dùng một lực lượng thích hợp, trên từng hướng, đủ sức hình thành bao vây, chia cắt, chặn giữ quân địch lại không cho chúng rút chạy về Sài Gòn, tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các sư đoàn bộ binh chủ lực của địch phòng thủ vòng ngoài, đồng thời dùng đại bộ phận lực lượng của ta nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đoàn đột kích cơ giới mạnh đã được tổ chức chặt chẽ, tiến nhanh theo các trục đường lớn đánh thẳng vào 5 mục tiêu đã được chọn lựa trong nội thành.

Để phối hợp với các binh đoàn chủ lực đột kích, tạo điều kiện cho các binh đoàn tiến nhanh và vào đúng các mục tiêu, các lực lượng đặc công, các đội biệt động, các lực lượng an ninh vũ trang và tự vệ thành phố, các lực lượng chính trị của quân chúng ở Sài Gòn - Gia Định sẽ đánh chiếm trước các cầu qua sông, các bàn đạp cho bộ đội chủ lực tiến quân, dẫn đường cho các đơn vị, trừ gian và phát động quần chúng nổi dậy.

Toàn bộ hỏa lực pháo binh của chiến dịch sẽ được tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự cần đánh chiếm như sân bay Tân Sơn Nhất hoặc khu vực bộ tổng tham mưu nguy. Không quân lúc cần sẽ được sử dụng để ném bom góp phần làm tê liệt nốt sân bay Tân Sơn Nhất. Tên lửa, pháo cao xạ triển khai thành một lưới lửa phòng không quanh Sài Gòn khống chế bầu trời, bảo vệ đội hình của chiến dịch.

Cách đánh như vậy rõ ràng là rất thích hợp. Ta không thể cho địch ngăn chặn và làm chậm bước tiến của ta ở vòng ngoài và cũng không cho địch lùi dần về Sài Gòn co cụm để cùng lực lượng bên trong tiếp tục chống cự. Ta tập trung sức mạnh để đánh vào các mục tiêu chủ yếu kết hợp với tiêu diệt địch ở vòng ngoài không để quân địch trong ngoài ứng cứu cho nhanh, không cho địch lẫn vào trong các khu dân cư để phòng ngự, làm chết nhiều đồng bào. Và cái chính, cái quan trọng nhất của cách đánh này nhằm đạt mục đích cao nhất, nhanh nhất, chắc chắn nhất của chiến dịch mang tên Bác Hồ là giải

phóng Sài Gòn - Gia Định, đánh đổ ngụy quyền trung ương, giải phóng hoàn toàn miền Nam, đánh theo tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị là *táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*.

Đi đôi với việc xác định kế hoạch Tổng công kích giải phóng Sài Gòn - Gia Định, Bộ chỉ huy chiến dịch còn xây dựng một kế hoạch nổi dậy của quần chúng để phối hợp chặt chẽ tiến công quân sự và lực lượng chính trị nổi dậy. Trong tình hình thực tế của Sài Gòn - Gia Định lúc bấy giờ, công tác chuẩn bị cho quần chúng nổi dậy phải tính toán thật kỹ lưỡng tiến hành thật khẩn trương mà lại phải hết sức giữ bí mật, nhất là kế hoạch này phải phổ biến xuống tận phường, nhóm, đến các cơ sở chính trị, binh vận của ta trong thành phố.

Bộ máy kìm kẹp của ngụy quyền Sài Gòn vô cùng độc ác, nham hiểm. Các tổ chức mật vụ, tình báo Mỹ - ngụy trong nước và nước ngoài thuê tuyển hàng chục nghìn tên ác ôn, chỉ điểm bằng tiền của Mỹ, đội lột đủ hạng người trà trộn trong nhiều ngành nghề, đang ngày đêm rình mò, bắt giam đánh giết đồng bào. Chưa kể hàng chục nghìn cảnh sát và cảnh sát dã chiến, quân cảnh, trong đó một số cũng vì tình thế, vì miếng cơm manh áo đang cầm súng, cầm dùi cui thi hành lệnh của bọn ác ôn đầu sỏ, chống lại nhân dân, chống lại cách mạng.

Đồng bào Sài Gòn - Gia Định từ những tháng ngày sống trong hoàn cảnh ngặt nghèo và éo le đó đang suy nghĩ nhiều về những diễn biến gần đây và những gì sắp xảy ra liên quan đến bản thân từng người, từng gia đình, liên quan đến hiện tại và tương lai, đến đời sống tinh thần và vật chất. Với truyền thống đấu tranh, với lòng căm thù Mỹ - ngụy sẵn có, lại có thời cơ thuận lợi, có sự dìu dắt của những đồng bào chí cốt, những đồng chí trung kiên, đồng bào sẽ đứng lên tham gia đấu tranh khi quân ta đánh vào nội đô. Chưa kể mấy trăm nghìn đồng bào từ các tỉnh mới dồn về Sài Gòn gần đây, đang sống đợi chờ tình thế để trở về với làng xóm quê hương đã được giải phóng.

Công tác vận động binh sĩ và nhân viên ngụy quyền cũng được triển khai khẩn trương trước ngày nổ súng Tổng công kích.

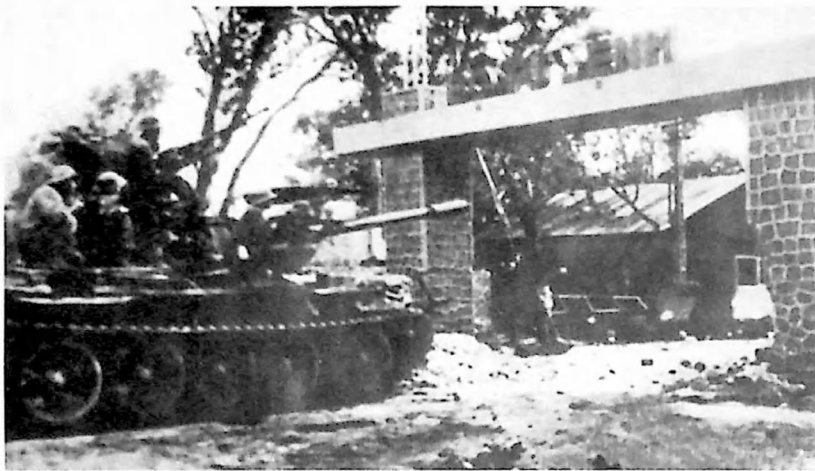
Công tác hậu cần là khâu đầu tiên và cũng là khâu cuối cùng của tất cả mọi cuộc chiến đấu, mọi chiến dịch, được đôn đốc nhiều nhất, được đòi hỏi gấp nhất và cũng được hậu phương miền Bắc đáp ứng đầy đủ nhất mọi yêu cầu. Cả miền Bắc vừa xây dựng vừa chiến đấu tiếp tục khắc phục những hậu quả nặng nề do cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ tiến hành gần như liên tục từ năm 1965 đến hết năm 1972 gây ra, chỉ trong một thời gian rất ngắn đã tổ chức, động viên ngay một khối lượng sức người, sức của to lớn cho tiền tuyến để đánh thắng.



Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng theo dõi chỉ đạo tác chiến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.



Bộ Tổng Tư lệnh chỉ đạo tác chiến.



Đánh chiếm bộ tư
lệnh sư đoàn 23 nguy
ở Buôn Ma Thuột.

Tiến vào Đại nội
(Huế).



Giải phóng toàn bộ
khu căn cứ liên hợp
quân sự Đà Nẵng.





▲ Giải phóng quần đảo Trường Sa.

▼ Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh.





Trận địa pháo binh của ta ở
◀ Nhơn Trạch bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Phi đội Quyết thắng cất cánh đi ném bom sân bay Tân Sơn Nhất.
▼

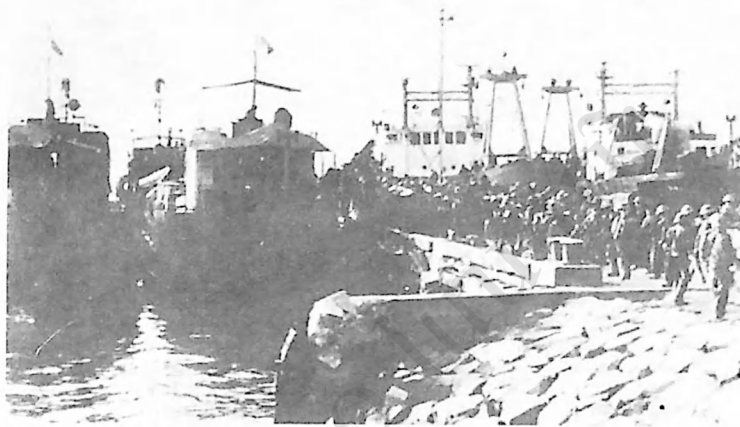
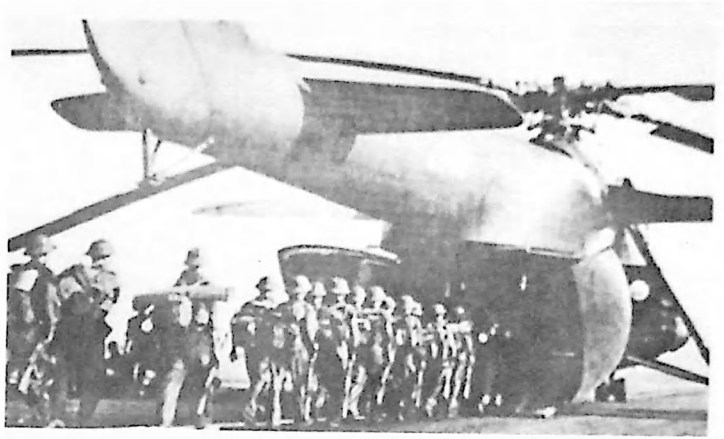


▲
Đánh chiếm căn cứ Đồng Dù.



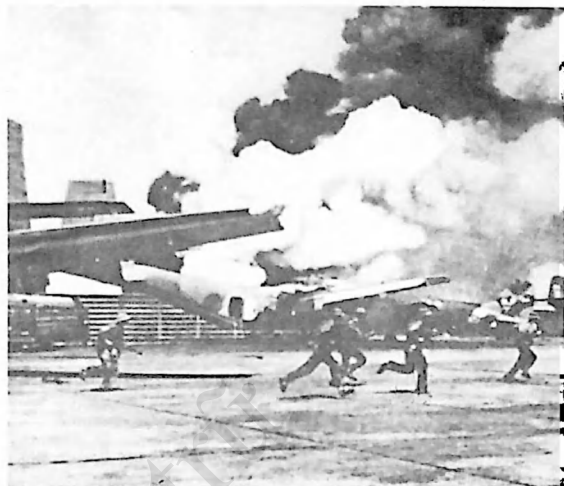
Nữ tự vệ dẫn đường cho
◀ bộ đội tiến vào nội đô.

Tiến về Sài Gòn





Vượt xa lộ Biên Hòa.



▲
Đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất.



▲
Đánh chiếm bộ tổng tham mưu quân nguy.



Đánh chiếm bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia. ▶



*Đánh chiếm Quân
cảng Sài Gòn.*



*Đánh chiếm Biệt
khu thủ đô.*



*Đánh chiếm dinh
Độc Lập.*



*Ngụy quyền
Dương Văn Minh
đầu hàng không
điều kiện.*



▲
Nhân dân Sài
Gòn - Gia Định
nổi dậy.



Nước mắt dành
cho ngày gặp mặt. ▶



▲
▶ Lễ mừng chiến thắng ở
Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng chỉ viện chiến trường do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch làm việc rất khẩn trương, không kể giờ giấc, giải quyết nhiều việc quan trọng nhằm đáp ứng đầy đủ nhất, nhanh chóng nhất, ưu tiên nhất những yêu cầu của Chiến dịch Hồ Chí Minh, cho kịp kế hoạch Tổng công kích. Nhiều trường học, nhà máy, cơ quan rút bớt 30 đến 50% số người trong biên chế để tham gia các mặt bảo đảm cho Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Bộ tư lệnh quân chủng, binh chủng, quân đoàn lần lượt đến Bộ chỉ huy chiến dịch nhận nhiệm vụ. Riêng đối với Quân đoàn 4 và Quân đoàn 2, Sư đoàn 3 Quân khu 5 đang tác chiến ở cánh Đông, cách Bộ chỉ huy chiến dịch khá xa. Bộ chỉ huy chiến dịch cử đồng chí Đại tá Lương Văn Nho (Hai Nhã) mang bản mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch giao cho đồng chí Lê Trọng Tấn. Mệnh lệnh nêu rõ: Tất cả các binh đoàn thuộc cánh quân phía Đông đều đặt dưới quyền chỉ huy của đồng chí Lê Trọng Tấn, tác chiến theo kế hoạch thống nhất của Bộ chỉ huy chiến dịch.

Nhiệm vụ của cánh quân Tây Nam (Đoàn 232) do đồng chí Lê Đức Anh trực tiếp nhận sau khi đã thảo luận và quyết định ở Sở chỉ huy chiến dịch.

Ngày 12 tháng 4 năm 1975, đồng chí Vũ Lăng, Tư lệnh và đồng chí Đặng Vũ Hiệp, Chính ủy Quân đoàn 3 đến Sở chỉ huy chiến dịch nhận nhiệm vụ. Nhiệm vụ của Quân đoàn 3 cụ thể như sau: Với lực lượng trong biên chế, có pháo binh và cao xạ chiến dịch chi viện, quân đoàn đảm nhiệm một hướng tiến công chủ yếu của chiến dịch từ tây bắc vào Sài Gòn. Dùng lực lượng cơ sở sư đoàn hoặc sư đoàn tăng cường tiến công tiêu diệt căn cứ Đồng Dù, thực hiện chia cắt tuyến phòng thủ Đồng Dù, Tân Quy, Củ Chi, Trảng Bàng, bao vây tiêu diệt sư đoàn 25 nguy không cho co cụm về Sài Gòn. Tổ chức lực lượng đột kích mạnh binh chủng hợp thành thọc thẳng vào Sài Gòn, đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, hiệp đồng với đơn vị bạn đánh chiếm bộ tổng tham mưu, dinh Độc Lập; đồng thời có nhiệm vụ giữ vững mục tiêu phụ trách, bảo vệ kho tàng và ổn định trật tự, an ninh thành phố.

Trên hướng tiến công của quân đoàn, lực lượng địch khá mạnh. Vòng ngoài gồm sư đoàn 25, các liên đoàn biệt động quân số 9 và 32, liên đoàn 6 công binh, khoảng 2 vạn tên của trung tâm huấn luyện Quang Trung, trung đoàn thiết giáp số 10, lữ đoàn nhảy dù số 4, 20 tiểu đoàn bảo an ở Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Bình Dương, Gia Định và lực lượng pháo binh có tới 86 khẩu từ 105 đến 175 ly. Ở sân bay Tân Sơn Nhất có sư đoàn 5 không quân, bộ tư lệnh dù, bộ tư lệnh không quân, bộ tư lệnh thiết giáp nguy. Chiều sâu phòng ngự của địch trên hướng tiến công của quân đoàn khoảng 100km.

Sau khi nghe đồng chí Vũ Lăng báo cáo quyết tâm chiến đấu của quân đoàn, các đồng chí trong Bộ Tư lệnh chiến dịch cho rằng quyết tâm của quân

đoàn 3 đã thể hiện tốt nhiệm vụ được giao. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, quân đội dành nhiều thời gian phân tích những vấn đề quân đoàn cần quan tâm giải quyết, để thực hiện nhiệm vụ một cánh quân trên một hướng chính của chiến dịch:

Đồng chí Lê Đức Thọ nói:

- Bộ Chính trị họp nhận định thời cơ đã chín muồi, ta phải tranh thủ từng giờ để mở cuộc tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch. Để lâu không những tình hình chính trị, ngoại giao càng thêm phức tạp mà các trận mưa dầu mưa đã đến. Quân đoàn 3 ngoài nhiệm vụ chính của mình còn phải hiểu những vấn đề chung của chiến dịch lịch sử này. Thắng lợi của quân và dân Tây Nguyên là một bước ngoặt chiến lược mở đột phá khẩu cho toàn miền Nam, buộc địch đi vào cơ cạm chiến lược. Nhiệm vụ của quân đoàn là đột phá vào hướng chính, hướng mà có lực lượng địch đông hơn các hướng khác. Đánh vào Sài Gòn - thành phố lớn, trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế là đánh vào dinh lũy cuối cùng của địch. Chúng có phần cố thủ để giữ nhưng cũng có phần cố thủ để rút. Ưu thế của ta hiện nay hơn địch nhiều (địch có nhiều nhất là 5 sư đoàn), thời cơ thuận lợi, tương quan lực lượng cũng rất thuận lợi cho ta. Các sư đoàn của ta sung sức, có kinh nghiệm, trang bị mạnh hơn trước. Vì vậy, không cho phép không thắng. Trung ương đã dồn toàn bộ lực lượng vào thực hiện quyết tâm đó. Phải tranh thủ thời cơ mau hơn nữa, phải tranh thủ từng ngày, phải chuẩn bị cơ sở tốt để đánh thắng. Ta không cầu toàn, nhưng không thể quá vội vã. Vội vã mà vấp thì càng khó khăn cả về chính trị và ngoại giao.

Ngừng một lát đồng chí Lê Đức Thọ nói tiếp:

- Các đồng chí bàn gì thì bàn, cuối cùng phải là tổ chức thực hiện. Phải nói rõ cho quần chúng nhiệm vụ, phân tích tương quan lực lượng làm cho mọi người tin tưởng, phải bàn kỹ về tổ chức cho thật cụ thể. Tổ chức quyết định thắng lợi. Quân đội vào thành phải giữ tư cách đạo đức của quân đội cách mạng. Các đồng chí phải giáo dục bộ đội tinh thần cảnh giác, không để địch dùng tiền, dùng gái lôi kéo mua chuộc. Bộ đội phải có kỷ luật, giữ gìn tài sản quốc gia, chống tự kiêu, tự đại, công thân. Sự nghiệp nào cũng là sự nghiệp chung, phải hết sức khiêm tốn.

Đại tướng Văn Tiến Dũng đứng dậy chậm rãi nói:

- Anh Sáu Thọ đã có ý kiến quyết tâm cao giành thắng lợi càng sớm càng tốt, nhưng đánh phải có tổ chức bảo đảm chắc thắng. Trong ba nhiệm vụ của quân đoàn đã nêu thì nhiệm vụ chủ yếu của Quân đoàn 3 là tổ chức lực lượng mạnh đột kích liên tục, đánh ngã địch, chiếm các mục tiêu trong thành phố. Đánh sư đoàn 25 ở ngoài chỉ là điều kiện, không thể đánh sư

đoàn này mà dùng nhiều lực lượng, hoặc giằng co mất nhiều thời gian. Đánh ngoài và đột vào trong là đồng thời, không chia thành bước. Nhiệm vụ chính là bên trong. Các đồng chí tìm cách để khỏi tốn thời gian, tốn binh lực. Mục tiêu chính của Quân đoàn 3 là sân bay Tân Sơn Nhất và bộ tổng tham mưu. Còn Phủ tổng thống là sau khi cơ bản làm xong hai mục tiêu trên. Vì Phủ tổng thống là nhiệm vụ chủ yếu của một đơn vị khác. Nếu họ giải quyết xong rồi thì Quân đoàn 3 không phải vào.

Với giọng Nam Bộ trầm ấm, truyền cảm, đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục, Chính ủy Chiến dịch Hồ Chí Minh căn dặn:

- Quân đoàn 3 phải tổ chức công tác chính trị thật tốt cho tới từng chiến sĩ, thời gian rất khẩn trương, trước mắt là yêu cầu nhiệm vụ, sau lưng là thời tiết, các đồng chí phải ra sức khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Trung ương Cục, Quân ủy Miền mong Quân đoàn 3 vào đủ để cùng hoàn thành nhiệm vụ Bộ Chính trị giao. Ta kết thúc sự nghiệp dân tộc dân chủ trong cả nước, hoàn thành thống nhất nước nhà, nghỉ đến đó mừng lắm. Chúng ta phải mang lá cờ Quyết chiến, Quyết thắng của Bác Hồ cắm lên thành phố vinh quang mang tên Người, lấy thành tích chào mừng kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Bác.

Từ ngày thành lập Đảng đến nay, đây là giờ phút vinh quang nhất của dân tộc, quân đội ta như Quang Trung vào Thăng Long, vừa đuổi quân xâm lược vừa thống nhất đất nước. Quân đội phải giữ nghiêm kỷ luật dân vận, bám lấy nhân dân thì khó khăn gì cũng giải quyết được.

Trung ương Cục và Quân ủy Miền hoan nghênh thắng lợi to lớn của Tây Nguyên, hoan nghênh sự có mặt của Quân đoàn 3 tham gia làm nhiệm vụ trên hướng chủ yếu.

Chúc trước chúng ta toàn thắng!

Cũng trong ngày 14 tháng 4 năm 1975, trong khi các đơn vị của Quân đoàn 1 đang lần lượt vào vị trí tập kết tại Đồng Xoài và chuẩn bị sẵn sàng bước vào chiến đấu thì Thiếu tướng Nguyễn Hòa - Tư lệnh và Thiếu tướng Hoàng Minh Thi - Chính ủy Quân đoàn có mặt tại Sở chỉ huy chiến dịch để nhận nhiệm vụ. Thay mặt Bộ Tư lệnh chiến dịch, Đại tướng Văn Tiến Dũng giao nhiệm vụ cho Quân đoàn: "Quân đoàn 1 (thiếu Sư đoàn bộ binh 308) được tăng cường Trung đoàn bộ binh 95B, 1 tiểu đoàn đặc công, 1 tiểu đoàn xe tăng, 1 trung đoàn pháo cao xạ tự hành, phối hợp với lực lượng địa phương các tỉnh: Bình Phước, Bình Dương và 1 trung đoàn đặc công vùng ven, có nhiệm vụ:

- Dùng một sư đoàn phối hợp với bộ đội địa phương tiêu diệt hoặc bao vây quân địch ở Phú Lợi; bao vây, tiến công tiêu diệt các điểm: Bình Dương, Lai Khê, Bến Cát, Tân Uyên; ngăn chặn, tiêu diệt và làm tan rã sư đoàn bộ binh 5 của địch, không cho chúng cơ cụm về Sài Gòn.

- Tổ chức một lực lượng đột kích binh chủng hợp thành mạnh cỡ sư đoàn tăng cường, thọc sâu đánh thẳng vào nội đô, chiếm mục tiêu chủ yếu là bộ tổng tham mưu ngụy, các bộ tư lệnh binh chủng ngụy ở Gò Vấp, các quận Gò Vấp, Bình Thạnh, hợp điểm ở dinh Độc Lập.

- Tiếp tục tiêu diệt các cụm đề kháng, bảo vệ các mục tiêu đã chiếm, bảo vệ trật tự an ninh trong phạm vi phụ trách, nhanh chóng củng cố làm lực lượng dự bị chiến lược, sẵn sàng cơ động phát triển về đồng bằng sông Cửu Long khi có lệnh".

*
* *

17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, cuộc tiến công của quân ta trên mặt trận phía đông và đông nam Sài Gòn bắt đầu. Gần hai chục tiểu đoàn pháo binh của Quân đoàn 2 và Quân đoàn 4 đồng loạt nổ súng bắn vào căn cứ địch ở Trảng Bom, Hố Nai, Biên Hòa, Nước Trong, Long Thành, Đức Thạnh, Bà Rịa...

Đợt pháo bắn chuẩn bị vừa dứt, từ các cánh rừng cao su, các vườn cây trái rậm rạp, bộ đội ta ào ạt xông lên đánh chiếm các căn cứ, các trận địa phòng ngự của địch.

Tại khu vực trường thiết giáp, các tiểu đoàn bộ binh của Trung đoàn 9 chớp thời cơ địch đang hoang mang đã tiến lên diệt gọn các vị trí bảo vệ vòng ngoài và nhanh chóng phá tung các lớp rào, mở cửa đột phá đánh vào bên trong căn cứ.

Các chiến sĩ pháo binh Trung đoàn 68 dùng sức người đẩy pháo 85 lên tổ chức trận địa cách hàng rào căn cứ địch 200 đến 300m, phối hợp cùng các khẩu đội ĐKZ của Trung đoàn 9 liên tiếp diệt thêm hai xe tăng địch và các ụ súng, lô cốt ở khu vực đầu cầu. Các xe tăng địch còn lại hoảng hốt quay đầu tháo chạy.

Bộ binh và xe tăng ta lập tức vượt qua cửa mở đánh vào bên trong căn cứ. Sau gần hai giờ nổ súng, Trung đoàn 9 bộ binh hoàn toàn làm chủ mục tiêu, tiêu diệt và bắt hàng trăm tên địch, bắn cháy 20 xe tăng, xe bọc thép. Nhưng một bộ phận quan trọng địch ở căn cứ này đã chuyển ra rừng cao su cơ cụm và điên cuồng đánh trả các đợt xung phong của Trung đoàn 9. Chúng gọi pháo bắn trùm lên trường thiết giáp hồng tiêu diệt lực lượng ta. Trung

đoàn 9 tổ chức lực lượng tiếp tục tiến công địch co cụm ở rừng cao su và tìm cách phát triển ra khu vực ngã ba đường số 15.

Tại khu vực trường bộ binh, cuộc chiến đấu cũng diễn ra rất phức tạp. Trung đoàn 24 đảm nhiệm đánh mục tiêu này nhưng trong đêm 26 chỉ chiếm được một số vị trí bảo vệ vòng ngoài ở phía tây bắc căn cứ. Bị địch phát hiện và dùng hỏa lực đánh chặn dữ dội, Trung đoàn 24 lúng túng chưa tìm được cách đánh tiếp cận, đánh mục tiêu như kế hoạch đã quy định.

Như vậy là sau thuận lợi bước đầu, do không quen thuộc địa hình, nắm địch không chắc, lại đánh vào ban đêm theo phương thức hiệp đồng binh chủng, các Trung đoàn 9 và 24, Sư đoàn 304 đã gặp khó khăn. Qua ngày đầu nổ súng, bên cánh phải, Sư đoàn 304 chỉ mới chiếm được khu vực trường thiết giáp, còn khu vực trường bộ binh và khu vực ngã ba đường số 15 vẫn chưa giải quyết được. Bộ tư lệnh sư đoàn quyết định cho tạm ngừng tiến công để củng cố lực lượng, tổ chức tiến công tiếp vào ngày hôm sau.

Bên cánh trái, cuộc đọ sức giữa Sư đoàn 325 và các đơn vị địch chiếm giữ khu vực chi khu quận lỵ Long Thành cũng diễn ra rất quyết liệt.

Để có thể nhanh chóng dứt điểm mục tiêu Long Thành, Trung đoàn 101 tung tiểu đoàn 2 (lực lượng dự bị) vào chiến đấu, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 325 chỉ thị cho trung đoàn trưởng Trung đoàn 46 tổ chức lực lượng đánh ngay vào Thái Lạc, hỗ trợ cho Trung đoàn 101 đánh chiếm Long Thành. Trung đoàn 84 pháo binh tổ chức đánh kiềm chế các trận địa pháo địch. Tiểu đoàn 120 Trung đoàn 284, tiểu đoàn 75 cao xạ của sư đoàn, đại đội 12 tên lửa A.72 áp sát thị trấn đánh máy bay địch, bảo vệ đội hình tiến công của Trung đoàn 101. Bộ đội cao xạ đánh giỏi, bắn trúng, liên tiếp bắn rơi tại chỗ 3 máy bay A.37, 2 máy bay AD.6, một trực thăng vũ trang. Một mũi của tiểu đoàn 3 bộ binh Trung đoàn 101 cùng 2 xe tăng Lữ đoàn 203 đánh dọc theo đường số 15 phát triển nhằm sang khu vực Nước Trong, nổ súng bắn cháy 2 xe tăng, tiêu diệt một số địch. Bọn địch ở đây đang lo đối phó với các chiến sĩ Trung đoàn 9 Sư đoàn 304 ở phía trước, khi thấy bộ binh, xe tăng ta từ phía Long Thành đánh tới, chúng hoảng hốt điều lực lượng quay về phía sau chống đỡ. Mũi tiến công bất ngờ, ngoài kế hoạch này của Trung đoàn 101 đã tạo thêm thuận lợi cho các chiến sĩ Trung đoàn 9, Sư đoàn 304 cũng đang "vật lộn" quyết liệt với địch ở khu vực Nước Trong.

Địch ở Nước Trong - Long Thành không hoàn toàn giống như địch ở Phan Rang, Phan Thiết. Hệ thống phòng thủ của chúng kiên cố hơn, vững chắc hơn. Sau lưng chúng đã là Sài Gòn và chúng không còn nơi nào để rút chạy. Đối với một kẻ địch như vậy, bộ đội ta phải có cách đánh phù hợp hơn. Cần tiến công nhanh, mạnh, nhưng phải chắc: đánh tới đâu, quét sạch địch ở nơi đó, tổ chức lực lượng trụ lại giữ địa bàn rồi mới phát triển tiếp sang khu vực

khác. Phải tổ chức tốt hơn nữa việc đánh máy bay, bảo vệ đội hình tiến công và kiểm chế, dè bẹp các trận địa pháo của địch ở các vùng phụ cận.

Ngày 27 tháng 4 năm 1975, cuộc chiến đấu ở khu vực Nước Trong - Long Thành tiếp tục diễn ra ác liệt. Bộ đội ta quyết đánh chiếm bằng được mục tiêu, địch cũng tập trung lực lượng tới phản kích, và đã huy động 114 lần chiếc máy bay chi viện cho bộ binh giữ bằng được Nước Trong - Long Thành.

Tại khu vực Nước Trong, khi Sư đoàn 304 lần thứ hai nổ súng tiến công ngã ba đường 15 thì địch cũng bắt đầu phản kích đánh vào trường thiết giáp. Cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 9 phải chuyển sang đánh chặn địch, giành đi, giật lại với chúng từng khu vực, từng lô cao su. Bộ binh, pháo binh, xe tăng ta đánh trả bộ binh, xe tăng, pháo binh địch ở mặt đất. Súng máy, cao xạ đánh trả máy bay địch, bắn rơi 2 máy bay F-5, 2 AD.6 và 1 A.37. Đến 17 giờ, Trung đoàn 9 tổ chức một mũi vu hồi đánh vào bên sườn và phía sau đội hình phản kích của địch.

Trung đoàn 9 bẻ gãy đợt phản kích lớn nhất và cũng là đợt phản kích cuối cùng của địch trong ngày 27 tháng 4 năm 1975, đẩy lùi chúng 800 mét về phía đường số 15. Mưu đồ chiếm lại trường thiết giáp của quân khu 3 địch hoàn toàn bị thất bại.

Tại khu vực Long Thành, sáng ngày 27, Sư đoàn 325 tổ chức một số bộ phận chỉ huy nhẹ, trực tiếp xuống chỉ huy Trung đoàn 101 đang ở đông Cầu Gỗ để cùng cán bộ chỉ huy Trung đoàn 101 một lần nữa tổ chức cuộc tiến công vào quận lỵ. Bộ đội ta quyết đánh chiếm bằng được mục tiêu, địch cũng tăng cường lực lượng tới phản kích và huy động phi pháo chi viện cho binh lính lữ đoàn 468 lính thủy đánh bộ cùng bọn bảo an, dân vệ giữ Long Thành. Các chiến sĩ ta vừa lùng diệt quân địch trong các lùm cây, các dãy nhà, góc phố, vừa đánh trả máy bay địch. Đến 16 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4, Sư đoàn 325 hoàn toàn làm chủ khu vực Long Thành, diệt hơn 600 tên địch, bắt tại trận hơn 500 tên khác, trong đó có hai tên trung tá, hai tên thiếu tá, bốn đại úy, thu và phá hủy ba trận địa pháo (10 khẩu 105) cùng nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh khác của địch. Tuyến phòng ngự đông nam Sài Gòn của địch bị phá vỡ một mảng quan trọng.

Trên hướng thứ hai của Quân đoàn 2, trong đợt tiến công mở đầu, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 sử dụng Trung đoàn 12 (thiếu một tiểu đoàn) đánh Đức Thạnh, Đất Đỏ, Long Điền. Trung đoàn 141 và đại đội 4 xe tăng đánh thẳng vào thị xã Bà Rịa và trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp. Trung đoàn 2 là lực lượng dự bị.

19 giờ ngày 26, Trung đoàn 141 bắt đầu tiến công thị xã Bà Rịa. Trong tiếng nổ dồn dập của đạn pháo, đại đội 4 xe tăng cùng bộ binh của tiểu đoàn 7

táo bạo đánh thẳng vào trung tâm thị xã theo đường Lê Lợi. Qua mấy phút hoảng hốt, địch bắt đầu kháng cự. Xe tăng T.54 số 3 bị trúng đạn M.72 đứt xích, xe số 4 bị sa hố bom. Các pháo thủ và lái xe nhảy ra dùng súng bộ binh chiến đấu bảo vệ xe, chờ đồng đội tới cứu kéo. Đội hình thọc sâu của Trung đoàn 141 chỉ còn hai xe tăng tiếp tục cùng bộ binh đánh qua ngã ba đường Phan Chu Trinh, thọc sâu vào khu Nhà Tròn.

10 giờ tới 12 giờ, Trung đoàn 141 mở đợt tiến công cuối cùng đập tan các ổ đề kháng còn lại của địch, giải phóng hoàn toàn thị xã Bà Rịa.

Phối hợp với Trung đoàn 141, Trung đoàn 12 tiến công quận lỵ Đức Thạnh. Cuộc chiến đấu ở đây cũng kéo dài suốt đêm. Tới 4 giờ sáng, quân ta làm chủ quận lỵ và các khu vực Bình Giã, Ngãi Giao, Ba Đình, Núi Đất. Lúc này, lực lượng vũ trang địa phương các huyện Xuân Lộc, Long Lễ, Long Điền cũng nổ súng đồng loạt làm quân địch hết sức hoang mang, dao động. Nắm vững thời cơ đó, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 3 chỉ thị cho Trung đoàn 12 truy kích địch, đánh xuyên qua ba huyện Đức Thạnh, Đất Đỏ, Long Điền, cùng lực lượng địa phương xóa sổ một loạt các vị trí ven biển, diệt và bắt hàng nghìn tên địch.

Chiều ngày 27 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 thực hiện được kế hoạch, phá vỡ được một khâu quan trọng trong tuyến phòng ngự của địch, cắt đứt đường 15, tạo điều kiện thực hành thọc sâu phát triển về Cát Lái. Nhưng tốc độ tiến công của sư đoàn còn chậm. Do không tổ chức được việc trinh sát địa hình từ trước và hiệp đồng giữa bộ binh, xe tăng còn thiếu chặt chẽ, nên Trung đoàn 101 đánh Long Thành phải kéo dài một ngày, một đêm mới dứt điểm. Trung đoàn 46 đánh khá tốt, nhanh chóng chiếm được cầu và ngã ba Phước Thiêng, tạo thế chia cắt địch, nhưng đánh địch ở Thái Lạc còn chậm nên không kịp thời phối hợp với Trung đoàn 101 đánh quận lỵ. Ở khu vực Nước Trong, Sư đoàn 304 mũi đột kích chủ yếu của Quân đoàn 2 tiến công tích cực nhưng còn khó khăn. Trung đoàn 9 thực hiện tốt nhiệm vụ đánh chiếm và giữ vững trường thiết giáp nhưng chưa phát triển ra được ngã ba đường 15. Trung đoàn 24 còn đánh giá địch cao, chỉ huy chưa thật mạnh dạn, vận dụng cách đánh chưa linh hoạt, tiến công nặng về chính diện, hiệp đồng bộ binh và xe tăng chưa tốt nên giải quyết mục tiêu còn chậm. Các đơn vị pháo chưa thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm chế pháo binh địch. Các đơn vị cao xạ tuy có mạnh dạn đưa pháo vào sát đội hình tiến công của bộ binh và bắn rơi được hơn 10 máy bay các loại, nhưng máy bay địch vẫn còn gây nhiều khó khăn cho bộ đội ta trong quá trình tiến công.

Về phản ứng của địch, khi bị ta đột phá mạnh, chúng thường áp dụng kế hoạch "trì hoãn chiến", cho quân tản ra và rút từng bước. Khi ta đánh lướt qua, địch tụ lại, đánh vào bên sườn, phía sau, phối hợp với các lực lượng mới

tôi phản kích đánh chặn ta ở phía trước. Đây là một thủ đoạn tác chiến của địch mà ta ít gặp trong các trận chiến đấu vừa qua. Với thủ đoạn này, địch có thể phát huy được lợi thế địa hình kín đáo và quen thuộc đối với chúng, tránh được những đòn đột kích mạnh của ta; lợi thì tiến công, bất lợi thì lui, tránh đối đầu với ta. Bộ đội ta từ xa tới, chuẩn bị gấp, không có điều kiện trinh sát đầy đủ, nếu đánh giá không đúng địch, tổ chức đội hình chiến đấu không chặt chẽ, nhất là khi tiến công vào ban đêm thì rất dễ bị động, lúng túng. Các đợt tiến công của Trung đoàn 9, Trung đoàn 101 đã chứng minh điều đó. Cuộc chiến đấu trong hai ngày 26 và 27 tháng 4 của các đơn vị đã làm rõ thêm và khẳng định tư tưởng chỉ đạo "*nhANH, mẠNH, CHẮC*" mà Quân đoàn 2 đã đề ra ngay từ đầu chiến dịch là hoàn toàn chính xác và có cơ sở khoa học.

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ Bộ Chỉ huy chiến dịch giao cho, chủ trương của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 là: tập trung lực lượng khẩn trương đánh chiếm toàn bộ tuyến phòng ngự đông sông Đồng Nai của địch. Cụ thể là: Sư đoàn 3 tiếp tục phát triển đánh chiếm cảng Vũng Tàu. Tăng cường thêm đạn pháo và một đại đội xe tăng cho Sư đoàn 304 tổ chức đánh một trận hiệp đồng binh chủng, nhanh chóng giải quyết toàn bộ khu vực Nước Trong và phát triển lên hướng cầu sông Buông, Long Bình, phối hợp với bộ đội đặc công đánh chiếm cầu Xa Lộ, mở đường cho lực lượng thọc sâu của Quân đoàn đánh vào nội đô khi toàn mặt trận chuyển sang tổng công kích. Sư đoàn 325 nhanh chóng tiến đánh chi khu quận lỵ Nhơn Trạch, mở đường và tạo bàn đạp cho pháo tầm xa của Lữ đoàn 164 pháo binh tiến vào xây dựng trận địa, kịp thời nổ súng vào sân bay Tân Sơn Nhất, khóa chặt đường không của địch trước giờ tổng công kích. Đồng thời, sư đoàn khẩn trương đánh xuống Thành Tuy Hạ, căn cứ hải quân Cát Lái, bịt đường rút của địch từ Sài Gòn qua sông Lòng Tàu ra biển.

Như vậy là cả ba sư đoàn của Quân đoàn 2 đều có những nhiệm vụ quan trọng. Tốc độ và kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ đó chẳng những sẽ tác động lớn tới hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ của Quân đoàn mà còn ảnh hưởng không nhỏ tới kế hoạch hiệp đồng chiến dịch của toàn mặt trận.

Trong khi các quân đoàn bạn đang nỗ lực đột phá tuyến phòng thủ vòng ngoài thì các lực lượng của Quân đoàn 2 khẩn trương tiếp tục tổ chức đánh chiếm các mục tiêu quy định.

Ở hướng Sư đoàn 3, sau khi giải quyết xong mục tiêu Đúc Thạnh, Bà Rịa, sư đoàn tập trung lực lượng đánh thẳng xuống hải cảng Vũng Tàu. Trung đoàn 2 - mũi tiến công chính đảm nhiệm đánh thẳng theo đường số 15. Trung đoàn 12 đánh vu hồi ở phía tây. Do cầu Cỏ May đã bị địch phá sập và bọn địch phòng thủ ở hướng này chặn đánh quyết liệt, Trung đoàn 2 gặp khó

khăn lớn trong quá trình vượt sông. Sư đoàn 3 linh hoạt chuyển ngay hướng vu hồi thành hướng chính diện và điều thêm lực lượng của Trung đoàn 2 sang phối hợp với Trung đoàn 12. Đêm 29 và sáng 30 tháng 4, cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 3 được nhân dân địa phương đưa thuyền bè tới giúp đỡ đã tổ chức vượt sông thắng lợi, ào ạt đánh vào giải phóng hoàn toàn thành phố cảng và giải phóng bán đảo Cần Giờ.

Trên hướng Sư đoàn 304, cuộc chiến đấu trong ngày 28 vẫn không thuận lợi. Trời nắng gắt, mặt đất như bị nung nóng. Các chiến sĩ vận động đánh địch bị khát vì thiếu nước. Những bi đông nước mang theo chỉ còn đủ cung cấp cho thương binh. Do không có nguồn nước tại chỗ, Cục Hậu cần Quân đoàn và phòng hậu cần Sư đoàn 304 dùng xe téc để tiếp tế nước uống cho bộ đội. Riêng ở hướng Trung đoàn 24, bị hỏa lực địch khống chế, xe téc chở nước không tới được, trung đoàn phải sử dụng 1 đại đội đánh chiếm điểm cao 39, tiêu diệt bọn địch chốt chặn ở đây, mở đường ra sông Buông lấy nước về tiếp tế cho đơn vị.

Sáng 29 tháng 4, Sư đoàn 304 tổ chức cuộc tiến công quyết định vào quân địch ở ngã ba đường số 15. Các cán bộ chỉ huy và cán bộ cơ quan trung đoàn 9 đã chia nhau xuống cùng các tiểu đoàn 2 và tiểu đoàn 1 bộ binh tổ chức chiến đấu. Khi lệnh tiến công được phát ra, tiểu đoàn 2 bộ binh cùng xe tăng đã nhanh chóng chọc thủng trận tuyến địch, tạo nên một mũi tiến công lợi hại đánh mạnh vào phía sau chúng. Cùng phối hợp tác chiến Trung đoàn 24 được lệnh đánh bọc vào phía sau trường bộ binh, không cho quân địch co cụm hoặc rút chạy về tổng kho Long Bình. Đến 10 giờ cùng ngày, Trung đoàn 9 và Trung đoàn 24 Sư đoàn 304 đã diệt gọn các ổ đề kháng của địch, làm chủ toàn bộ khu vực Nước Trong và ngã ba đường số 15.

Ở hướng Sư đoàn 325, để nhanh chóng thọc sâu vào đánh chiếm Nhơn Trạch tạo địa bàn cho pháo tầm xa của Quân đoàn 2 triển khai trận địa đánh sân bay Tân Sơn Nhất, hoàn thành nhiệm vụ vu hồi chiến dịch đúng yêu cầu và thời gian quy định, Sư đoàn 325 quyết định chuyển toàn bộ đơn vị sang hành tiến chiến đấu.

Ngày 28 tháng 4, khi Sư đoàn 325 thọc sâu vào Nhơn Trạch, Sư đoàn 325 phải chạy đua với thời gian, giành giật từng giây, từng phút.

Trong đêm 27, các đơn vị lần lượt tiến ra đường số 25 sẵn sàng cơ động. Trung đoàn 46 đảm nhiệm nhiệm vụ dẫn đầu đội hình của Sư đoàn 325. Tiếp đó là cơ quan chỉ huy và các đơn vị binh chủng. Đi cuối đội hình là Trung đoàn 101, vừa hành quân vừa tranh thủ củng cố lực lượng. Trung đoàn 18 ở lại bảo vệ phía sau và làm dự bị của Quân đoàn tiến đánh bên cánh phải.

Rạng sáng ngày 28 tháng 4, đội hình tiến công của Sư đoàn 325 được tổ chức xong và các đơn vị bắt đầu xuất phát. Trên đoạn đường từ Long Thành vào Nhơn Trạch, Trung đoàn 46 bộ binh đã dẫn đầu đội hình tiến công của sư đoàn, liên tiếp tiêu diệt các cụm phòng thủ của địch ở Bến Sáng, Phú Hội, Long Tân, đồng thời quét luôn hàng loạt tổ chức kìm kẹp của địch ở các thôn, xã dọc đường 25.

Đúng như ta dự đoán, bị bất ngờ trước đòn đột kích táo bạo của Sư đoàn 325, lực lượng địch ở đây chống cự không nổi và tan vỡ. Trong buổi chiều và tối hôm đó, được xe tăng và pháo binh chi viện Trung đoàn 46 sử dụng chiến thuật bao vây tiến công liên tục, sau ba đợt xung phong quyết liệt đã chiếm gọn quận lỵ Nhơn Trạch, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch phòng ngự ở đây.

Ngay khi đội hình chiến đấu của Sư đoàn 325 xuất phát, các chiến sĩ tiểu đoàn 3 Lữ đoàn 164 pháo binh cũng được lệnh đưa pháo 130 ly tiến sát bộ binh. Trên đường tiến quân, bộ đội pháo binh cùng các lực lượng hành quân phía sau của Sư đoàn 325 liên tục đánh trả các cuộc phản kích của bộ binh và hải quân địch từ căn cứ Cát Lái theo sông lạch tiến ra chặn đường. Ở khu vực Long Tân - Phú Hội, cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt nhất. Hàng chục tàu chiến địch đổ quân lên rừng đước và dồn dập nã pháo, cối vào trục đường số 25. Nhiều trận giáp chiến đã diễn ra trong các vườn cây, các vạt ruộng ngập nước. Để bảo vệ pháo giữ vững đội hình tiến quân, cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 325 và các đơn vị binh chủng đều xông lên diệt địch.

Tới 15 giờ, khi Trung đoàn 101 vận động lên phối hợp mở cuộc truy kích thì binh lính địch nhanh chóng bị quét sạch trên toàn bộ trục đường; đoàn tàu chiến địch hoảng hốt quay đầu tháo chạy về căn cứ Cát Lái.

Đường đã mở thông, đêm 28 tháng 4, các khẩu đội pháo tầm xa 130 ly của Lữ đoàn 164 tiến vào Nhơn Trạch tổ chức trận địa, chuẩn bị bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất và mục tiêu trong thành phố theo lệnh của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 và Bộ Chỉ huy chiến dịch. 36 khẩu pháo lớn của Trung đoàn 84 pháo binh, 24 khẩu pháo cao xạ 37 và 57 ly của tiểu đoàn 120 và tiểu đoàn 75 nối tiếp nhau vào Nhơn Trạch, hướng nòng ra phía trước, sẵn sàng nã đạn đánh phá Thành Tuy Hạ, căn cứ hải quân Cát Lái, cảng Sài Gòn...

Rạng sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975, thời điểm toàn mặt trận chuyển sang tổng công kích đã đến. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch, Tư lệnh Quân đoàn chỉ thị cho các trận địa pháo 130 ly đặt ở Nhơn Trạch bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, mở đầu cuộc tổng công kích.

Riêng nhiệm vụ đánh chiếm phủ tổng thống của chính quyền Sài Gòn, Bộ Chỉ huy chiến dịch giao cho Quân đoàn 4 thực hiện. Cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 2 hoàn toàn thông suốt chủ trương ban đầu của Bộ Chỉ huy chiến dịch

Hồ Chí Minh trao trách nhiệm và vinh dự cho Quân đoàn 4 đánh chiếm dinh Độc Lập - một mục tiêu hàng đầu của trận quyết chiến chiến lược này. Cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 2 đã nghiêm chỉnh chấp hành lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch điều một số vật chất cần thiết của Quân đoàn 2 để tăng cường cho Quân đoàn 4. Nhưng đến khi Bộ Chỉ huy chiến dịch ra lệnh bất cứ đơn vị nào có điều kiện phát triển tiến công nhanh vào thành phố đều được đánh chiếm dinh Độc Lập.

Để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ thọc sâu vào nội đô Sài Gòn, đánh chiếm những cơ sở trọng yếu của địch, ngay từ đầu chiến dịch, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 đã tổ chức một lực lượng đột kích cơ giới mạnh, gồm các thành phần: bộ binh, xe tăng, thiết giáp, pháo binh, cao xạ, công binh - trong đó, xe tăng, thiết giáp giữ vai trò nòng cốt. Toàn bộ lực lượng này đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư lệnh Quân đoàn. Đây là bước phát triển mới về nghệ thuật tác chiến và hình thức tổ chức phù hợp mà Quân đoàn đã vận dụng đạt hiệu suất chiến đấu cao khi đánh chiếm Đà Nẵng, Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân.

Lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn gồm: Lữ đoàn 203 xe tăng, xe thiết giáp, Trung đoàn 66 bộ binh hành quân bằng 50 ô tô bánh hơi, một đại đội bộ binh của Trung đoàn 18 Sư đoàn 325 ngồi trên xe thiết giáp, tiểu đoàn 4 pháo tầm xa Lữ đoàn 164 pháo binh, và một số khẩu đội pháo 85 ly bắn thẳng của Trung đoàn 68 Sư đoàn 304; tiểu đoàn 7 Trung đoàn 284 Sư đoàn 673 phòng không; một phân đội tên lửa phòng không A.72; một tiểu đoàn hộ tống xe tăng chiến đấu; tiểu đoàn 2 công binh công trình và đại đội cầu phà thuộc Lữ đoàn 219 công binh.

Đi cùng lực lượng thọc sâu này có sở chỉ huy tiên phương của Quân đoàn do Tư lệnh Quân đoàn trực tiếp chỉ huy. Sở chỉ huy cơ bản của Quân đoàn vẫn đặt ở Nước Trong do Chính ủy Quân đoàn phụ trách. Việc bảo đảm thông tin liên lạc giữa sở chỉ huy tiên phương, sở chỉ huy cơ bản và Bộ Chỉ huy chiến dịch được thực hiện bằng hệ thống đài vô tuyến. Để có thể trực chỉ huy các cụm pháo của Quân đoàn 2 ở phía sau kịp thời bắn chi viện cho lực lượng thọc sâu chiến đấu, Bộ Tham mưu Quân đoàn tổ chức đại diện chỉ huy pháo binh và các đài quan sát đi trong đội hình của lực lượng thọc sâu. Tới trước giờ xuất kích, Tư lệnh Quân đoàn còn quyết định cho Trung đoàn 18 Sư đoàn 325 (lực lượng dự bị của Quân đoàn 2 trong chiến dịch) tiến tiếp ngay phía sau lực lượng thọc sâu sẵn sàng bước vào tham chiến.

Cách đánh chủ yếu là đột phá trong hành tiến bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng, phát huy mạnh mẽ uy lực của xe tăng, bộ binh cơ giới để phát triển tiến công thật nhanh, mạnh "thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng". Trên dọc đường không được ham chiến, phải tiến thẳng vào đánh mục tiêu

chính. Trường hợp địch ngăn chặn thì đánh lướt qua, bỏ chúng lại phía sau cho Trung đoàn 18 Sư đoàn 325 giải quyết.

Từng được thử thách và rèn luyện trong các cuộc đột kích bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng vào đánh chiếm Huế, Đà Nẵng, Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân, các chiến sĩ Quân đoàn 2 vinh dự được nhận nhiệm vụ đánh vào nội đô Sài Gòn lòng đầy phấn khởi tin tưởng, náo nức chờ đợi giờ phút lập chiến công. Ngay sau khi phổ biến tình hình, nhiệm vụ cho lực lượng thọc sâu, lễ trao cờ "Quyết thắng" được tiến hành trang nghiêm trong một cánh rừng cao su ở tây bắc Long Nha.

Thay mặt toàn thể cán bộ, chiến sĩ lực lượng thọc sâu, Trung tá Nguyễn Tất Tài - Lữ đoàn trưởng và Trung tá Bùi Văn Tùng - Chính ủy Lữ đoàn 203 nhận lá cờ giải phóng và hứa quyết phát huy truyền thống "Thần tốc, táo bạo" nhanh chóng đem lá cờ "Quyết thắng" của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng cắm lên cơ quan đầu não chính quyền Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vẻ vang mà Bộ Tư lệnh Quân đoàn đã tin tưởng giao phó.

Sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975, trong khi Sư đoàn 304 tổ chức một đợt tiến công quyết liệt vào khu vực ngã ba đường số 15 thì lực lượng thọc sâu cũng tiến vào phía đông vùng căn cứ Nước Trong. Đến 10 giờ, Trung đoàn 9 chiếm được khu vực ngã ba đường số 15. Khi đầu đội hình lực lượng thọc sâu xuất phát, thì phát hiện cầu sông Buông bị địch phá hủy, xe tăng không qua được. Địch ở bên kia cầu và khu vực tổng kho Long Bình dùng hỏa lực ngăn chặn ta quyết liệt. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 đã nhanh chóng lệnh cho pháo binh kiềm chế. Đồng thời giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 304 sử dụng Trung đoàn 9 và Trung đoàn 24 vượt sông đánh vào bên sườn địch ở cầu sông Buông và tổng kho Long Bình, yểm trợ cho tiểu đoàn 3 Lữ đoàn công binh 219 khắc phục cầu. Sau gần 2 giờ, cầu sông Buông khắc phục xong, lực lượng thọc sâu được lệnh tiếp tục cơ động. Xe nào chiến sĩ quân phục cũng chỉnh tề, tay đeo băng đỏ để dễ nhận biết nhau trong quá trình chiến đấu. Thành xe và tháp pháo xe tăng nào cũng được các chiến sĩ viết đậm dòng chữ "Thần tốc, táo bạo, quyết thắng" và đều phủ kín lá ngụy trang.

Lệnh tiến công vừa truyền tới, đoàn xe lập tức nổ máy, xe sau bám xe trước băng qua những lô cao su, rừng tre, bãi chuối ra đường số 15 tiến về phía nội đô Sài Gòn.

Sau khi mất tuyến phòng ngự vòng ngoài ở khu vực Nước Trong - sông Buông, địch cơ lực lượng về tổ chức một cụm phòng ngự lớn ở khu vực ngã ba Long Bình - cầu Sài Gòn.

Tư lệnh Quân đoàn 2 cho pháo tầm xa Lữ đoàn 164 đang tiến ở cuối đội hình tổ chức bắn phá trận địa pháo địch ở ngã ba Long Bình. Vừa diệt xong

mục tiêu này, pháo binh lập tức chuyển làn bắn kiểm chế các trận địa hỏa lực của địch ở phía tây sông Đồng Nai, yểm hộ cho xe tăng và bộ binh đánh chiếm ngã ba Long Bình và cầu Xa Lộ.

Lực lượng địch phòng ngự ở khu vực ngã ba Long Bình bị tiêu diệt, số còn lại tháo chạy tán loạn về hướng cầu Xa Lộ và thị xã Biên Hòa. Xe tăng và bộ binh của Quân đoàn 2 nhanh chóng đánh vào cụm phòng ngự của địch ở bên kia cầu Xa Lộ.

Lực lượng ta tràn lên cầu Xa Lộ. Địch cho xe tăng dẫn bộ binh ra phản kích. Xe tăng tiểu đoàn 1 bắn cháy bốn chiếc. Địch hốt hoảng quay đầu tháo chạy về Thủ Đức - Sài Gòn. Thừa thắng, bộ phận đi đầu tràn qua cầu Xa Lộ. Trước khi trời sáng, toàn bộ lực lượng thọc sâu của Quân đoàn 2 với gần 400 xe các loại đã ra tới xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn tiếp tục tiến về mục tiêu chính.

Sáng ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 325 tiếp tục sử dụng Trung đoàn 46 giải quyết nốt phần còn lại của mục tiêu chi khu Nhơn Trạch và đánh sang khu vực Thành Tuy Hạ.

16 giờ ngày 29 tháng 4, Trung đoàn 101 và xe tăng bắt đầu tiến cùng Trung đoàn 46 mở đợt tiến công quyết định. Các chiến sĩ Trung đoàn 46, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 101 có xe tăng T.54 dẫn đầu xông thẳng vào cổng chính và nhanh chóng tỏa ra đánh chiếm các điểm cố thủ của địch. Mục tiêu Thành Tuy Hạ được giải quyết xong.

Chớp thời cơ quân địch trong vùng đang hết sức hoang mang, dao động sau các đòn liên tiếp thua đậm ở Long Thành, Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ, Sư đoàn 325 lệnh cho Trung đoàn 101 truy kích đánh thẳng xuống Cát Lái. Tới 18 giờ 40 phút, bộ binh, xe tăng ta tới sát khu vực mố cầu phà phía bắc. Hải quân địch ở khu vực Cát Lái vội vã kéo tất cả tàu, thuyền sang bờ nam sông Đồng Nai, bỏ rơi hàng trăm binh lính của chúng bên bờ bắc sông. Khi bộ đội ta tràn tới, chúng nhanh chóng đầu hàng, hoặc tìm đường chạy trốn.

Sau khi Sư đoàn 325 cùng các lực lượng tăng cường, phối thuộc thực hiện thắng lợi đòn tiến công đánh chiếm Thành Tuy Hạ và khu vực mố cầu phía bắc phà Cát Lái thì các căn cứ của địch ở quận 4, quận 1 Sài Gòn đã hiện ra.

Tối 29 tháng 4, để chuẩn bị cho cuộc vượt sông đánh vào Sài Gòn, một bộ phận trinh sát chiến đấu của Sư đoàn 325 lập tức dùng thuyền bí mật đổ bộ sang bờ nam sông nắm địch. Bộ Tư lệnh sư đoàn cùng cán bộ chỉ huy các trung đoàn 101, 84, 46 và đơn vị xe tăng, công binh..., xuống khu vực bến phà trực tiếp nghiên cứu, xây dựng phương án vượt sông tại chỗ. Quyết tâm của sư đoàn là: tổ chức tiến công vượt sông Đồng Nai bằng sức mạnh

hiệp đồng binh chủng, đánh chiếm căn cứ Cát Lái, khu vực cảng và quận 9 Sài Gòn.

Ngày trong đêm, các đơn vị khẩn trương triển khai lực lượng chuẩn bị vượt sông. Các tổ công tác của Trung đoàn 101 có sự phối hợp của lực lượng địa phương tảo vào các làng ven sông vận động đồng bào đưa thuyền tới khu vực bến giúp bộ đội, chiến sĩ Trung đoàn 84 pháo binh khắc phục mọi khó khăn, đưa 10 khẩu pháo lớn vào xây dựng trận địa bắn ngắm trực tiếp ngay sát mép nước, sẵn sàng chi viện cho tiểu đoàn công binh cầu phà và nhân dân chở bộ đội qua sông. Xe tăng T.54 cũng được điều lên bến vượt. Các cụm pháo ở Tuy Hạ, Nhơn Trạch chuẩn bị sẵn tọa độ các đoạn bắn chặn trên sông Nhà Bè và đánh phá căn cứ hải quân Cát Lái. Tiểu đoàn 75 và tiểu đoàn 120 cao xạ gấp rút di chuyển vào triển khai trận địa trên cánh đồng khô sát phía sau bến phà, sẵn sàng đánh máy bay, bảo đảm cho cuộc vượt sông thắng lợi.

*

* *

Sau khi sở chỉ huy quân đoàn về Củ Chi, ngày trong đêm ngày 28 tháng 4, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 đã xem xét tình hình phát triển tiến công trên các hướng chiến dịch và cuộc tiến công của Sư đoàn 316, quyết định cho Sư đoàn 320, Sư đoàn 10 hành quân chiếm lĩnh trận địa. Đồng thời lệnh cho Tư lệnh Quân đoàn 3 Sư đoàn 10 phải nắm chắc Trung đoàn đặc công 198 và Trung đoàn 64 phối thuộc xử trí kịp thời kế hoạch đánh chiếm cầu Bông; cầu Sáng và bàn đạp Hóc Môn. Sư đoàn 320 phải giữ vững quyết tâm tập trung lực lượng đánh chiếm căn cứ Đồng Dù nhanh gọn. Sư đoàn 316 đưa lực lượng áp sát vây chặt chi khu Trảng Bàng, nắm vững thời cơ địch rối loạn, chuyển sang tiến công tiêu diệt chi khu quân sự Trảng Bàng. Các trận địa pháo chuẩn bị sẵn phần tử bắn vào căn cứ Đồng Dù và sẵn sàng cơ động pháo, đài quan sát pháo binh đưa vào Hóc Môn chi viện cho Sư đoàn 10 đánh chiếm Tân Sơn Nhất. Công binh phải sẵn sàng các đội cầu, thuyền để trong trường hợp địch phá sập cầu thì nhanh chóng vào bắc lại cầu Bông, cầu Sáng. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 nhắc các đơn vị phải quán triệt đầy đủ tư tưởng chỉ đạo của Bộ Tư lệnh chiến dịch, vượt qua mọi ác liệt, khó khăn thực hiện tốt phương châm và tư tưởng chỉ đạo tác chiến "mạnh bạo, chắc thắng, đánh mạnh, đánh liên tục, nắm chắc thời cơ, thọc sâu, phát triển nhanh" không được do dự dừng lại.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 cho rằng thời gian nổ súng tiến công căn cứ Đồng Dù của Sư đoàn 320 và đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng của Trung

đoàn đặc công 198 có quan hệ mật thiết đến mũi thọc sâu của Sư đoàn 10. Chỉ cần nổ súng không đúng thời cơ là địch có thể gây khó khăn cho ta.

Cầu Bông nằm trên đường số 1, cầu Sáng nằm trên đường số 15, là hai con đường độc đạo chạy giữa cánh đồng lúa Hậu Nghĩa, Củ Chi vào Sài Gòn. Xung quanh là đầm lầy, không có đường nào khác cho xe tăng và bộ binh cơ động vào nội thành. So với các mục tiêu khác thì lực lượng địch ở đây không đáng kể, chỉ có tiểu đoàn biệt động dù 81. Điều đáng nói là bọn này rất xảo quyệt, các trụ cầu chúng đều đặt một lượng thuốc nổ khá lớn, sẵn sàng phá sập cầu nếu bị ta tiến công. Nếu đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng trước khi tiến công Đồng Dù địch có thể dùng lực lượng phản kích giải tỏa, ngược lại đánh Đồng Dù sớm và khi Đồng Dù có nguy cơ bị diệt, địch sẽ cho nổ bộc phá hoặc dùng không quân đánh sập cầu, chặn đường tiến của ta. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 đã bàn tính kỹ theo phương án: Sử dụng đặc công lót sẵn đánh chiếm và giữ cầu Bông, cầu Sáng, nếu đặc công gặp khó khăn thì tăng cường bộ binh đánh chiếm. Nếu địch phá cầu trước, ta dùng lực lượng cơ động vượt qua kênh Sáng đánh chiếm bàn đạp phía nam, đưa công binh và hai tiểu đoàn cao xạ vào bắc lại cầu, bảo vệ đường tiến công của quân đoàn. Sau khi thận trọng cân nhắc kỹ lưỡng Bộ Tư lệnh Quân đoàn quyết định thời cơ đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng và bàn đạp Hóc Môn là lúc Sư đoàn 320 siết chặt vòng vây căn cứ Đồng Dù, nhốt chặt sư đoàn 25 nguy và bắt đầu tiến công. Đây là thời cơ chiến đấu chỉ diễn ra tính từng phút, do vậy yêu cầu các đơn vị vừa hiệp đồng chặt chẽ vừa hành động chính xác khẩn trương.

Đồng Dù là căn cứ rộng khoảng 8km² nằm trên đường Sài Gòn đi Tây Ninh, trước đây do sư đoàn 25 (Tia chớp nhiệt đới Mỹ) xây dựng và đóng ở đó. Căn cứ này thực sự là cánh cửa sắt án ngữ phía tây bắc Sài Gòn, từ đây còn có trục đường giao thông nối với Bình Dương và Hậu Nghĩa. Do vị trí quan trọng của nó nên từ lâu Mỹ - ngụy đã ra công xây dựng Đồng Dù thành căn cứ xuất phát hành quân hỗn hợp quy mô lớn ra các vùng Củ Chi, Bàu Bàng, Bến Cát, Bến Súc (Tây Ninh). Xung quanh căn cứ địch xây dựng hệ thống hàng rào và vật chướng ngại phòng thủ rất kiên cố và phức tạp với gần chục hàng rào dây kẽm gai và những bãi mìn chống tăng, chống bộ binh dày đặc. Tiếp đó là 2 lớp tường đất kiên cố có các lô cốt, ụ súng và hào giao thông nối liền các phân khu. Trong căn cứ địch chia thành từng khu vực có đường cơ động cho xe tăng, xe bọc thép và có cả sân bay, máy bay vận tải C130 có thể lên xuống được. Hệ thống thông tin liên lạc của căn cứ Đồng Dù là một trong những trung tâm viễn thông lớn và hiện đại ở miền Nam lúc bấy giờ. Lực lượng trong căn cứ có sở chỉ huy sư đoàn 25 (một trong những sư đoàn chủ lực mạnh nhất quân ngụy Sài Gòn), trung đoàn bộ trung

đoàn 50 và tiểu đoàn 2 của trung đoàn này; một trung tâm huấn luyện tân binh và hạ sĩ quan, các tiểu đoàn công binh, pháo binh, thiết giáp, thông tin, trinh sát, thám báo. Căn cứ pháo binh Đồng Dù có tới 18 khẩu pháo các loại, trong đó có 4 khẩu 75 ly "vua chiến trường", lực lượng xe tăng, thiết giáp có 20 xe. Quân số trong căn cứ có khoảng 3.000 tên.

Các lực lượng còn lại của sư đoàn 25 đóng ở ngoại vi gồm có tiểu đoàn 3 trung đoàn 50 ở Ấp Mới; tiểu đoàn 2 Trung đoàn 46 ở Đồng Chùa, Suối Sâu, trung đoàn 49 ở Bến Kéo, Trà Võ (nam Tây Ninh); trung đoàn thiết giáp 10 có 1 chi đoàn ở Trảng Bàng, 1 chi đoàn ở Củ Chi. Ngoài ra lực lượng bảo vệ vòng ngoài căn cứ còn có tiểu đoàn 233 ở Phú Hòa Đông, tiểu đoàn 331 ở Ấp Chợ, tiểu đoàn 305 ở Đồng Chùa, Củ Chi; tiểu đoàn 320 ở Trung Hòa. Như vậy, hệ thống phòng thủ khu vực Củ Chi và căn cứ Đồng Dù là một hệ thống phòng thủ chặt chẽ có hỏa lực mạnh, lực lượng đông, có các căn cứ phụ cận sẵn sàng chi viện và có đường cơ động thuận lợi.

Sư đoàn 320 sử dụng lực lượng tiến công tiêu diệt căn cứ Đồng Dù. Trung đoàn 48 do đồng chí Lê Quang Bình - Trung đoàn trưởng, Đinh Hữu Tấn - Chính ủy chỉ huy, được tăng cường 1 đại đội xe tăng và được pháo binh sư đoàn và pháo binh chiến dịch chi viện đột phá trên hai hướng: Hướng chủ yếu đánh từ tây bắc; hướng thứ yếu đánh từ tây nam vào. Trung đoàn 9 và 1 đại đội xe tăng làm dự bị đánh phát triển và đánh quân địch vòng ngoài.

2 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 320 triển khai xong lực lượng tiến công Đồng Dù. Các cụm pháo binh của quân đoàn gồm trung đoàn 40, 675 và cụm pháo binh Sư đoàn 320 bắt đầu bắn phá căn cứ Đồng Dù. Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 48 do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Quang Vinh và chính trị viên Nguyễn Văn Thư chỉ huy. Vinh và Thư là hai cán bộ trẻ trưởng thành trong chiến đấu, có nhiều thành tích và kinh nghiệm chỉ huy đột phá trong những trận đánh quan trọng của sư đoàn như trận Làng Siêu, Thuận Mẫn. Nhưng trước một căn cứ lớn, phòng thủ mạnh, yêu cầu chỉ được phép đánh thắng trong một thời gian ngắn, các đồng chí không khỏi băn khoăn.

Phương án lúc đầu, đơn vị sẽ dùng bộc phá đánh liên tục để phá rào. Đại đội 3, đơn vị đảm nhiệm mở cửa và đánh chiếm đầu cầu, được lệnh khẩn trương gói bộc phá. Mặt khác, tiểu đoàn 1 đề nghị trên cho phép dùng mìn định hướng mở cửa. Đề nghị của tiểu đoàn 1 được Bộ Tư lệnh Sư đoàn 320 chấp nhận.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn phân công đồng chí Nguyễn Kim Tuấn - Phó tư lệnh Quân đoàn trực tiếp chỉ huy trận đánh. 17 giờ ngày 28 tháng 4 năm 1975, đồng chí Kim Tuấn đã có mặt tại sở chỉ huy Sư đoàn 320.

Theo hiệp đồng chung, Sư đoàn 320 chỉ được phép dứt điểm căn cứ Đồng Dù trong thời gian từ 5 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút. Như vậy, chỉ trong vòng 5 tiếng đồng hồ sư đoàn phải làm chủ một căn cứ rộng lớn, địch phòng thủ kiên cố, đó là một nhiệm vụ hết sức nặng nề. Nhưng đó là thời điểm tốt nhất để Sư đoàn 10 vượt qua cửa mở này tiến vào nội đô.

Đúng 5 giờ 80 phút ngày 29 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn 320 nổ súng tiến công căn cứ Đồng Dù.

Ở hướng chủ yếu, đại đội 3 tiểu đoàn 1 do đại đội trưởng Trần Nhật Tăng và chính trị viên Đào Xuân Sáng chỉ huy mở cửa. Đại đội 3 vừa mở được 2 lớp rào thì địch phát hiện hướng cửa mở, chúng bắn như đổ đạn vào đội hình quân ta. Bộ đội bị chặn lại không lên được. Đại đội trưởng Trần Nhật Tăng tập trung hỏa lực yểm hộ cho phân đội mở cửa.

Dưới sự chỉ huy của trung đội trưởng mở cửa Nguyễn Hữu Dóng, chiến sĩ ta người trước ngã người sau xông lên phá hết lớp rào này đến lớp rào khác cho đến khi khai thông cửa mở.

Cửa mở thông, trung đội trưởng thọc sâu Vũ Văn Sơn dẫn đầu đánh chiếm lô cốt đầu cầu. Anh em vừa tiến lên thì bị chiếc xe tăng M.41 đặt ngầm trong tường đất dùng súng 12,8 ly bắn như vãi đạn, bộ binh ùn lại. Trước tình hình đó, tiểu đoàn trưởng Nguyễn Quang Vinh đã lên trực tiếp chỉ huy đột phá. Sau khi quan sát, tiểu đoàn trưởng Vinh nói với anh em: Ta ở dưới sườn dốc bắn lên, đường đạn cao vì vậy không diệt được chiếc xe tăng địch. Hiểu được ý tiểu đoàn trưởng, nhìn đồng đội thương vong, Sơn bậm môi suy nghĩ giây lát rồi anh bò lên nhặt một khẩu B.40 của một xạ thủ vừa bị thương. Kiểm tra lại súng đạn, Vũ Văn Sơn bật dậy đứng thẳng người siết cò. Quả đạn B.40 lao vút vào chiếc xe tăng địch. Một đụn khói đen bốc lên sau tiếng nổ dữ dội. Chớp thời cơ, chính trị viên Sáng ra lệnh cho đại đội 3 xung phong.

Trên hướng cửa mở thứ hai do đại đội 1 phụ trách tình hình cũng tương tự như hướng đại đội 3. Đại đội trưởng Nguyễn Công Bạ phát hiện chiếc xe tăng M.41 nấp sau ụ đất lớn chĩa nòng pháo ra cửa mở trút đạn. Bạ dẫn Nguyễn Tiến Ngọ, chiến sĩ B.41 lên cùng với anh. Đại đội trưởng Nguyễn Công Bạ nổ súng tiểu liên thu hút sự chú ý của địch lại phía mình, Ngọ tranh thủ thời cơ giương súng nhằm chiếc xe tăng, ấn cò. Chiếc xe tăng bị tiêu diệt. Tuy vậy, tuyến công sự vòng ngoài của địch vẫn bắn mạnh. Một số chiến sĩ trung đội mở cửa bị thương vong. Tình hình trở nên phức tạp, Nguyễn Công Bạ lấy khẩu B.40 của một chiến sĩ bị thương rồi gọi bộc phá viên Lê Văn Sử cùng lên. Bạ dùng B.40 diệt ụ đại liên địch chi viện cho Sử phá tung hàng rào cuối cùng, mở thông cửa mở. Đại đội 1 vượt qua cửa mở đánh chiếm tuyến công sự thứ nhất lúc 7 giờ 30 phút.

8 giờ, xe tăng trên hướng chủ yếu được lệnh tham gia đột phá. Đại đội 3 một bộ phận lọt vào bên trong bờ tường đất. Nhưng xe tăng và bộ phận phía sau vừa tiến vào cửa thì bị đạn chống tăng của địch từ trong căn cứ bắn ra làm 3 chiếc xe tăng của ta bốc cháy cản đường. Trước tình hình đó trung đoàn trưởng Lê Quang Bình lệnh cho tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2 Nguyễn Hữu Hạ cho bộ đội vượt qua cửa mở đánh vào bên trong. Tiểu đoàn trưởng Hạ dẫn đầu đơn vị vượt qua lửa đạn dày đặc của địch đánh vào căn cứ.

8 giờ 30 phút, tiểu đoàn 2 và đại đội 3 tiểu đoàn 1 phát triển đến khu vực bãi xe của tiểu đoàn công binh địch. Lúc này đại đội 3 tiểu đoàn 1 thương vong nhiều, sức chiến đấu giảm. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1 cho đại đội 3 dừng lại củng cố vị trí đứng chân và tung nốt đại đội 2 vào cùng đại đội 1 phối hợp với tiểu đoàn 2 chiến đấu. Trận đánh diễn ra mỗi lúc một thêm quyết liệt, chính trị viên tiểu đoàn 2 hy sinh. Trên hướng tiểu đoàn 3 (hướng thứ yếu), bộ đội vẫn chưa vào được trong căn cứ. Chỉ huy Trung đoàn 48 lệnh cho tiểu đoàn theo cửa mở tiểu đoàn 1 đánh vào.

Nguyễn Hữu Hạ nắm lại tình hình, rồi quyết định cho đại đội 6 còn sung sức tiếp tục phát triển, đồng thời tung đại đội 4, đại đội 5 củng cố những khu vực đại đội 3 và đại đội 2 tiểu đoàn 1 chiếm được để mở đường cho xe tăng lên tham gia đột kích. Hướng Trung đoàn 9 do đồng chí Nguyễn Văn Ấn - trung đoàn trưởng, Nguyễn Văn Đắc - chính ủy vừa phải mở cửa đánh vào Đồng Dù vừa phải tổ chức đánh quân của sư đoàn 25 từ Tây Ninh kéo về.

Đứng trước một căn cứ rộng lớn, nhà san sát thật khó xác định đâu là sở chỉ huy địch. Nguyễn Hữu Hạ tìm một vị trí có lợi quan sát rồi chỉ thị cho đại đội trưởng đại đội 6 nhằm hướng có cột ăng-ten lớn cho bộ đội phát triển chiến đấu. Các chiến sĩ đại đội 1 tiểu đoàn 1 và đại đội 6 tiểu đoàn 2 hiệp đồng chặt chẽ phát triển tiến vào sở chỉ huy sư đoàn 25 ngay.

Cũng vào thời điểm này, đội hình binh chủng hợp thành của Sư đoàn 10 theo đường số 1 tiến về hướng Sài Gòn. Nguyễn Hữu Hạ hô lớn: Sư đoàn 10 đã vượt qua rồi, anh em ta hãy xông lên! Bị đánh mạnh ngay trong căn cứ, nay lại thấy xuất hiện một lực lượng lớn xe tăng, pháo binh, xe bọc thép chở quân tiến về hướng Sài Gòn, cả quan lẫn lính sư đoàn 25 ngay vô cùng khiếp đảm. Tranh thủ thời cơ các chiến sĩ xe tăng theo sát bộ binh, dùng pháo và đại liên trên xe bắn áp đảo địch, chỉ viện cho bộ binh xung phong. Đúng 11 giờ, đại đội 1 tiểu đoàn 1 và đại đội 6 tiểu đoàn 2 Trung đoàn 48 làm chủ sở chỉ huy sư đoàn 25 ngay. Khi thấy bộ binh và xe tăng ta xuất hiện, Lý Tông Bá và một số sĩ quan tùy tùng trốn ra rừng cao su, bị nhân dân và du kích huyện Củ Chi bắt sống.

Cùng thời gian Sư đoàn 320 đánh Đồng Dù, tại chi khu quân sự Trảng Bàng Sư đoàn 316 sau những ngày thực hành bao vây ngăn chặn đã chuyển

sang tiến công. Trước sức tiến công của các chiến sĩ Sư đoàn 316, bộ đội địa phương và dân quân du kích Tây Ninh, toàn bộ hai trung đoàn 46 và 49 liên đoàn bảo an 251, một chiến đoàn thiết giáp địch nhanh chóng bị tiêu diệt, tan rã và bị bắt làm tù binh. Hệ thống phòng ngự của địch từ Đồng Dù đến Gò Dầu Hạ đã bị đập tan.

Sư đoàn 10, lực lượng thọc sâu chiến dịch được tăng cường Trung đoàn đặc công 198, Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320), 31 chiếc xe tăng, 19 thiết giáp, Trung đoàn cao xạ 234 và 2 tiểu đoàn cao xạ (1 tiểu đoàn của Trung đoàn 232 và 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 593), 5 khẩu pháo 155 ly, có nhiệm vụ đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu ngụy, quận 3 cùng đơn vị bạn sẵn sàng đánh chiếm dinh Độc Lập và biệt khu thủ đô được lệnh xuất kích.

Thực hiện nhiệm vụ trên, 3 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4 năm 1975, tiểu đoàn 20 (Trung đoàn 198) đánh chiếm cầu Bông. Địch cho lực lượng biệt kích dù phản kích hùng chiếm lại. Sư đoàn 10 lệnh cho Trung đoàn 64 đưa đại đội 10, tiểu đoàn 9 vào tiếp sức cho tiểu đoàn đặc công 20. Sau 50 phút chiến đấu tiểu đoàn 20 và đại đội 10 đã tiêu diệt và đánh bại lực lượng phản kích của tiểu đoàn dù 81, làm chủ cầu Bông.

Trên hướng cầu Sáng, vì đường xa, lại phải vòng tránh địch nên tiểu đoàn 2 Trung đoàn đặc công 198 vào tới vị trí triển khai thì trời đã sáng. Cuộc chiến đấu ở đây trở nên phức tạp hơn. Sư đoàn 10 phải sử dụng một lực lượng của tiểu đoàn 7 (Trung đoàn 64) vào tham chiến. Sau 30 phút chiến đấu, đặc công và bộ binh ta làm chủ cầu Sáng. Cùng thời gian trên, Sư đoàn 10 lệnh cho lực lượng còn lại của Trung đoàn 64 tiêu diệt và làm tan rã tiểu đoàn biệt động quân 99 ở ấp Phố Mới.

5 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 24 do đồng chí Vũ Văn Tài - trung đoàn trưởng, và đồng chí Bùi Văn Hòe - chính ủy, được lệnh xuất kích. Trung đoàn 24 chia làm 4 khối. Khối thứ nhất gồm 106 cán bộ, chiến sĩ thuộc đại đội 7 tiểu đoàn 5, 16 trinh sát, 13 xe tăng, xe bọc thép và 2 xe zin chở quân do tiểu đoàn phó tiểu đoàn 5 chỉ huy có nhiệm vụ đánh địch mở đường. Khối thứ hai gồm 525 cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 5 còn lại do tiểu đoàn trưởng Lê Xuân Chuyển chỉ huy được tăng cường đại đội trinh sát, công binh, cao xạ, 8 xe tăng, xe thiết giáp, 3 khẩu pháo, xe kéo, 1 xe chở đạn và 26 xe chở quân do các đồng chí Vũ Văn Tài, Bùi Văn Hòe chỉ huy. Khối này có nhiệm vụ đột kích chiếm ngã tư Bảy Hiền, cổng số 5 sân bay Tân Sơn Nhất trại Phi Long, bắt liên lạc với phái đoàn quân sự của ta ở trại Đa-vít. Trong sân bay khối thứ ba với 536 cán bộ chiến sĩ gồm toàn bộ tiểu đoàn 4 do đồng chí Nguyễn Văn Hình, tiểu đoàn trưởng chỉ huy được tăng cường 8 xe tăng và xe bọc thép, 9 xe kéo pháo, 1 xe chở đạn, 20 xe tải và xe jeep có

nhiệm vụ đánh chiếm ngã ba Bà Queo, trại lính Hoàng Hoa Thám và bộ tư lệnh dù, bắt liên lạc với phái đoàn quân sự của ta ở trại Đa-vít, chiếm trại Phi Long, bộ chỉ huy hành quân hỗn hợp, bộ tư lệnh không quân ngụy. Khối thứ tư có 549 cán bộ chiến sĩ thuộc tiểu đoàn 6, đại đội cao xạ, đại đội quân y, đại đội vận tải đi trên 28 xe vận tải làm nhiệm vụ dự bị của trung đoàn, sẵn sàng phát triển tiến công trên hướng tiểu đoàn 4 và tiểu đoàn 5.

6 giờ 30 phút cùng ngày, Trung đoàn 28 do đồng chí Nguyễn Đức Cẩm - trung đoàn trưởng, và đồng chí Nguyễn Ngọc Xuân - chính ủy, chia thành hai khối. Khối thứ nhất gồm tiểu đoàn 3, được tăng cường 14 xe tăng và K63, 11 xe vận tải, 1 cối 82 ly, 1 ĐKZ 75 ly, 1 tiểu đội công binh và 1 tiểu đội trinh sát là lực lượng tiến công trên hướng chủ yếu: Bộ tổng tham mưu ngụy. Khối thứ hai gồm tiểu đoàn 1, 13 xe vận tải, 1 ĐKZ 75 ly, 2 cối 82 ly là thế đội hai có nhiệm vụ đánh chiếm sở chỉ huy sư đoàn không quân 5 và bộ tổng tham mưu ngụy. Tiểu đoàn 2 là lực lượng dự bị.

Theo lộ tiêu do công binh cắm sẵn trên hai trục đường 5 và 6, xe ủi đất đi trước húc tung các bờ ruộng, ụ đất mở đường cho xe tăng và xe chở quân đi theo. 347 xe các loại chở Sư đoàn 10 tươi lá ngụy trang, cấm cờ Tổ quốc, cờ Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam theo đội hình hàng dọc nối nhau băng qua cánh đồng Củ Chi nhằm theo hướng Sài Gòn xóc tới.

Theo kế hoạch, Trung đoàn 24 phải vòng tránh quận lỵ Củ Chi, song trên cơ sở nắm vững lực lượng địch tan vỡ nặng trên tuyến phòng thủ vòng ngoài, chỉ huy Sư đoàn 10 lệnh cho Trung đoàn 24 tiến thẳng theo đường số 1, thọc qua quận lỵ Củ Chi.

10 giờ 50 phút, phân đội phái đi trước của Trung đoàn 24 khi cách Củ Chi 4km gặp một lực lượng bộ binh và thiết giáp của địch ngăn chặn. Trung đoàn 24 kịp thời tổ chức chiến đấu diệt 4 xe tăng, xe thiết giáp và 1 trung đội địch. 11 giờ đội hình Trung đoàn 24 thọc qua Củ Chi tiến về cầu Bông.

Cùng thời gian này, trên cánh đồng Tân Phú Trung một đoàn xe tăng, xe bọc thép và xe ô tô của địch từ Hậu Nghĩa trên đường rút về Sài Gòn cũng tiến thẳng vào cầu Bông. Các chiến sĩ Trung đoàn 64 và Trung đoàn đặc công 198 chốt giữ ở đây lúc đầu tưởng đó là lực lượng đột kích của Sư đoàn 10, nhưng khi nhìn kỹ trên xe không thấy có cờ và phát hiện lính ngụy đội mũ sắt, lập tức anh em nổ súng chặn đánh. Bị đánh bất ngờ đoàn xe địch ùn lại. Giữa lúc đó, lực lượng binh chủng hợp thành của Trung đoàn 24 ập tới. Sau này những tên lái xe tăng ngụy bị bắt làm tù binh khai rằng: khi thấy xe tăng M.41, M.48 chúng tưởng là đồng bọn thua trận từ Tây Ninh chạy về. Ít phút sau thấy xe có lá ngụy trang lại cấm cờ cách mạng, chúng ngờ ngác chưa biết xử lý thế nào thì bị các chiến sĩ đại đội xe tăng 9 do đại

đội trưởng Đoàn Sinh Hưởng chỉ huy xông tới nã đạn pháo, bắn súng 12,8 ly vào đoàn xe địch. Trong thế bị đánh cả phía trước lẫn phía sau, xe tăng, xe bọc thép địch hoảng loạn, chúng lao bừa xuống cánh đồng lúa phía nam cầu Bông. Từ trên đường số 1, đại đội xe tăng 9 và bộ binh Trung đoàn 24 dùng hỏa lực nhằm từng chiếc xe địch nổ súng. Toàn bộ quân địch bị tiêu diệt và bị bắt làm tù binh. Trung đoàn 24 tiếp tục phát triển khi đến Thành Quan Năm thì bị quân địch ở đây ngăn chặn quyết liệt. Chỉ huy Trung đoàn 24 lệnh cho đại đội 7 tiểu đoàn 5 (lực lượng đi đầu) xuống xe chia thành 2 mũi kết hợp với lực lượng xe tăng đột kích chính diện nhanh chóng làm chủ Thành Quan Năm, toàn bộ quân địch ở đây bị tiêu diệt và tan rã.

14 giờ 40 phút ngày 29, Trung đoàn 24 tiến đến trại huấn luyện Quang Trung. Tại đây, địch lợi dụng lô cốt, nhà tầng bố trí sẵn hỏa lực chặn đánh quân ta. Chỉ huy Trung đoàn 24 ra lệnh cho tiểu đoàn 1 Trung đoàn phòng không 234 sử dụng đại đội 1 và đại đội 2 bắn máy bay, đại đội 3 hạ nòng pháo bắn vào các hỏa điểm địch. Trên đoạn đường này địch dựng nhiều vật cản: những vỏ phuy chứa đầy cát, những ụ đất lớn, công binh trung đoàn phải dùng bộc phá giải quyết; có những ụ đất phải sử dụng tới 25kg thuốc nổ mới khai thông được. Đồng thời trung đoàn để lại 1 đại đội bộ binh và 3 xe tăng phối hợp với tiểu đoàn đặc công 115 đánh chiếm trại Quang Trung, còn đại quân tiếp tục phát triển. Địch cho pháo binh từ Tân Sơn Nhất bắn phá ác liệt chặn đường. Máy bay trực thăng vũ trang, máy bay phản lực F.4 gầm rú phóng rốc-két, bắn đạn 20 ly. Các chiến sĩ Trung đoàn 234 vừa hành tiến vừa đánh trả quyết liệt máy bay địch, bắn rơi 1 máy bay trực thăng vũ trang.

17 giờ, đội hình thọc sâu binh chủng hợp thành Trung đoàn 24 vượt cầu Tham Lương. 18 giờ trung đoàn này tiến đến nhà máy dệt Vi-na-tếch-cô, giáp với đầu phía tây sân bay Tân Sơn Nhất.

Tại khu vực nhà máy Vi-na-tếch-cô, địch có 1 tiểu đoàn bảo an, 1 tiểu đoàn dù và 1 đại đội xe tăng. Chúng lợi dụng xưởng dệt, đồn bảo an và khu vực phía tây sân bay lập tuyến phòng ngự mới; đồng thời cho máy bay, pháo binh ném bom bắn phá dữ dội vào đội hình quân ta. Địch sử dụng cả đạn hóa học làm khối đi đầu của trung đoàn không tiến lên được. Chỉ huy Trung đoàn 24 cho bộ đội dừng lại triển khai đội hình chiến đấu; đồng thời điều 2 khẩu pháo 85, 3 khẩu cối 82 ly và 3 xe tăng từ phía sau lên tập trung đột phá. Hai đại đội pháo phòng không của tiểu đoàn 1 Trung đoàn 234 cũng triển khai trận địa đánh máy bay địch ngay trên đường phố. Đại đội 7 tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 và xe tăng tiến công đồn bảo an, bắn cháy 1 kho đạn và chiếm giữ xưởng dệt Vi-na-tếch-cô. Trước sức tiến công của ta quân địch tháo chạy về ngã ba Bà Quẹo. Tại ngã ba Bà Quẹo, địch tung lực lượng lính

dù cùng xe tăng, thiết giáp ra ngăn chặn. Cuộc chiến đấu ở đây diễn ra ác liệt. Từ 18 giờ đến 19 giờ 30 phút địch 3 lần dùng xe tăng, xe bọc thép kết hợp với lính dù phản kích. Nhưng cả ba lần quân địch đều bị các chiến sĩ Trung đoàn 24 và Trung đoàn xe tăng 273 đánh bại. Trong cuộc chiến đấu ở đây, 21 cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 24 đã ngã xuống, 3 xe thiết giáp của Trung đoàn 273 bị cháy. Trước ý chí chiến đấu ngoan cường của cán bộ, chiến sĩ ta quân địch đã buộc phải lùi về tuyến trong. Chỉ huy Trung đoàn 24 kịp thời điều đại đội 7 tiểu đoàn 5 cùng 2 khẩu ĐKZ 75 ly áp sát ngã tư Bảy Hiền. Địch tiếp tục cho bộ binh và xe tăng ngăn chặn, lúc này lực lượng phía sau chưa lên hết nên Sư đoàn 10 lệnh cho Trung đoàn 24 dừng lại để củng cố chuẩn bị sẽ tiến công vào lúc trăng lên.

Như vậy, đến 21 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 24 là mũi thọc sâu vào Sài Gòn sớm nhất, vượt thời gian quy định.

Trên hướng đường 15, Trung đoàn 28 được lệnh xuất kích lúc 6 giờ, đến 8 giờ 20 phút bộ phận đi đầu của trung đoàn cách tây nam Phú Hòa Đông 2km. Địch phát hiện lực lượng ta, chúng cho pháo từ Tân Quy bắn dồn dập vào đội hình trung đoàn. Quân địch trong đồn Phú Hòa Đông cũng dùng đại liên, súng cối bắn dữ dội vào khu vực Trung đoàn 28. Tuy vậy, bộ binh và xe tăng vẫn bình tĩnh chủ động hiệp đồng tiến công đồn bảo an Phú Hòa Đông. Sau 30 phút tiểu đoàn 3 Trung đoàn 28 làm chủ khu vực này rồi cả trung đoàn tiến vào Tân Quy. 11 giờ 50 phút, địch trong quận Phú Hòa, Tân Quy và sư đoàn 25 ngưng dùng bộ binh và xe tăng đánh vào đội hình trung đoàn. Chỉ huy Trung đoàn 28 sử dụng đại đội 10 tiểu đoàn 3 cùng 4 xe tăng và 4 xe K63 đánh thẳng vào đội hình quân địch làm cho chúng hoảng loạn tháo chạy về Phú Xương. Bộ binh và xe tăng ta truy kích diệt 5 xe M.113, 15 xe GMC và một số địch, rồi theo đường 15 tiếp tục phát triển. Khi vượt qua cầu Sáng, các chiến sĩ lái xe tăng mãi chiến đấu, không chú ý đến sức tải của chiếc cầu sắt này đã cho xe chạy gần nhau với tốc độ cao tạo ra lực cộng hưởng lớn nên khi chiếc xe thứ ba vượt được ba phần tư cầu thì cầu sập, chiếc xe tăng tụt xuống sông. Trung đoàn 28 phải quay trở lại Tân Quy theo tỉnh lộ 8 qua Đồng Dù tiến sang cầu Bông, phát triển chiếm khu tây nam trại Quang Trung. 18 giờ 30 phút, Trung đoàn 28 tiến đến cầu Tham Lương ngã tư Quang Trung được lệnh dừng lại triển khai chiến đấu.

Sau một ngày tiến công, Quân đoàn 3 đã đập tan tuyến phòng thủ mạnh nhất của địch ở hướng tây bắc Sài Gòn với chiều dài 40km.

Đường vào Sài Gòn đã mở!

Sáng ngày 29 tháng 4, các cánh quân được lệnh đồng loạt tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch tại Sài Gòn. Trong lúc này, lực lượng tiến công của Quân đoàn 1 trên cả 2 hướng đã cơ động áp sát căn cứ địch, sẵn sàng nổ

súng theo kế hoạch. Trên hướng bao vây chia cắt của Sư đoàn bộ binh 312, Trung đoàn 165 và Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 141 đã bao vây căn cứ Phú Lợi; lực lượng ta chỉ còn cách địch khoảng 2km. Đúng 0 giờ ngày 29 tháng 4, Thiếu tướng Tư lệnh Quân đoàn ra lệnh cho Sư đoàn 312 tiến công căn cứ Phú Lợi. Nhưng do chuẩn bị gấp, lượng thuốc nổ phá rào và mìn định hướng chưa kịp chuyển đến, nên để Sư đoàn 312 làm công tác chuẩn bị và theo đề nghị của chỉ huy sư đoàn, Bộ Tư lệnh Quân đoàn quyết định lui giờ nổ súng tiến công vào rạng sáng ngày 30 tháng 4.

Trước đó Bộ Tư lệnh Sư đoàn 312 đã cử đồng chí Nguyễn Kiệm - Phó Tư lệnh sư đoàn sang bờ bắc sông Bé để đôn đốc đoàn xe chở thuốc nổ vào gấp cho Trung đoàn 165.

Trên hướng Trung đoàn 209 làm nhiệm vụ chốt chặn, theo kế hoạch ngày 28 tháng 4, đơn vị phải cắt đứt đường 13 và đường 14 không cho lực lượng sư đoàn 5 ngụy tháo chạy về Bình Dương, Sài Gòn. Nhưng vì lực lượng chốt chặn còn cách xa mặt đường từ 200 - 300 mét nên khi ta chưa kịp tiến công thì từ 5 giờ đến 10 giờ ngày 29 tháng 4, một bộ phận địch thuộc sở chỉ huy nhẹ sư đoàn 5 ngụy cơ động bằng 54 xe ô tô và xe thiết giáp của thiết đoàn 1 đã chạy thoát từ Lai Khê về Bình Dương.

Trung đoàn 209 tổ chức lực lượng đánh chiếm một số ấp dọc đường 13 để xây dựng trận địa chốt chặn ngay trên mặt đường, kiên quyết chặn đứng ý đồ của địch rút chạy về Bình Dương.

Trận chiến đấu tiến công địch ở An Lợi diễn ra rất quyết liệt. Ta và địch giành giạt nhau từng ụ súng, từng lô cốt. Đến rạng sáng ngày 30 tháng 4, Tiểu đoàn 9 đã hoàn toàn làm chủ trận địa, tiêu diệt nhiều tên địch, số còn lại chạy tháo thân. Cứ điểm An Lợi trở thành trận địa chốt chặn của ta trên đường 14. Cũng trong đêm 29 rạng ngày 30 tháng 4, phối hợp với hướng tiến công của Tiểu đoàn 9 vào An Lợi, Tiểu đoàn 7 đồng loạt đánh chiếm các cứ điểm địch trên đường 13 tại Mỹ Thạnh, xóm Xoài và điểm cao 40, cắt đứt hoàn toàn đường 13 (đoạn từ Bến Cát về Thủ Dầu Một). Như vậy cho đến lúc này, sư đoàn 5 ngụy đã bị bao vây chia cắt, không còn khả năng hỗ trợ chi viện cho nhau.

Trong khi Sư đoàn 312 tổ chức tiến công, bao vây, chia cắt, cô lập sư đoàn 5 ngụy, thì trên hướng thọc sâu của Quân đoàn 1, Sư đoàn 320B tiếp tục đẩy nhanh tốc độ tiến công. 2 giờ sáng ngày 29 tháng 4, đội hình thọc sâu của Quân đoàn cơ động bằng hơn 200 xe các loại bắt đầu xuất phát tiến về hướng Lái Thiêu - Sài Gòn.

Do cơ động trên địa hình mới lạ, lại vào ban đêm, cộng với việc tổ chức chốt và chỉ đường của công binh chưa chặt chẽ nên tốc độ tiến quân rất

chậm. Thêm nữa vào lúc 4 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4, lực lượng đi đầu của Trung đoàn 48 đến khu vực xóm Chùa (bắc Tân Uyên) thì gặp địch chặn đường. Lực lượng trinh sát trung đoàn phối hợp với đại đội bộ binh 2 tiểu đoàn 1 do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Như Hoạt chỉ huy nổ súng tiến công hất địch ra khỏi xóm Chùa, mở đường cho đội hình sư đoàn tiếp tục tiến quân. Nhưng ngay sau đó, địch trong chi khu quận lỵ Tân Uyên mới được tăng cường ngăn chặn quyết liệt nhằm cản đội hình tiến công của Quân đoàn. Chúng dùng đủ các loại hỏa lực pháo, cối và tên lửa chống tăng bắn rất dữ dội vào đội hình ta. Một xe tăng của ta trong lực lượng đi đầu bị trúng tên lửa địch, bốc cháy; nhiều chiến sĩ bị thương; đội hình xe tăng và ô tô chở bộ binh phải tạm thời dừng lại.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 ra lệnh cho Sư đoàn bộ binh 320B phải nhanh chóng tiêu diệt chi khu quân sự Tân Uyên bằng lực lượng binh chủng hợp thành để nâng cao tốc độ thọc sâu. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 320B do đồng chí Lưu Bá Xảo - Tư lệnh sư đoàn và Đỗ Mạnh Đạo - Chính ủy sư đoàn ra lệnh cho Trung đoàn 48 tổ chức đánh địch.

Trận đánh diễn ra rất quyết liệt. Hỏa lực pháo binh Lữ đoàn 45 và các trận địa cối của sư đoàn triển khai ngay trên mặt đường tiến quân bắn phá dữ dội vào các căn cứ địch. Sau hỏa lực chuẩn bị, ta tổ chức xung phong đột phá vào chi khu. Nhưng bị hào chống tăng và hệ thống rào bùng nhùng của địch ngăn cản, lực lượng đột phá không tiến thêm được.

Buộc phải đánh ngoài kế hoạch, nhưng trận tiến công chi khu quân sự Tân Uyên đã giành được thắng lợi. Đường tiến quân của hướng thọc sâu theo đường 16 từ Tân Uyên - Búng đến Lái Thiêu vào Sài Gòn đã được mở.

Tuy nhiên do một mặt phải đánh Tân Uyên; mặt khác trên đoạn đường từ Tân Uyên ra Khánh Vân, địch bố trí dày đặc các loại mìn chống tăng, mìn sát thương (có bãi mìn chống xe cơ giới rộng 100m, dài hơn 200m) nên đội hình hành tiến bị ùn tắc; Sư đoàn 320B phải mất khá nhiều thời gian để khắc phục vật cản, mở đường tiếp tục tiến lên phía trước.

15 giờ ngày 29 tháng 4, sau khi tháo gỡ 8 quả mìn chống tăng, làm đường tránh bãi mìn và sử dụng tù binh dẫn đường, Trung đoàn 27 tiếp tục thọc sâu. Ta càng tiến sâu vào trong, địch càng chống trả quyết liệt. Các cỡ pháo của địch từ các cụm pháo Biên Hòa, Sóng Thần, Phú Lợi liên tục bắn chặn đường. Đến ngã ba Bình Chuẩn, một đại đội bảo an địch thuộc tiểu đoàn 321 chặn đánh ta quyết liệt. Từ phía sau, 2 chiếc xe chở bộ đội ta nhanh chóng vượt lên. Các chiến sĩ nhảy xuống đánh vỡ mặt quân địch. Bị tiến công mạnh, địch tan rã nhanh chóng. Ta bắt thêm một số tù binh bắt chúng dẫn

đường, số còn lại ta thu vũ khí rồi tha cho về với gia đình. Đội hình thọc sâu của Trung đoàn 27 tiếp tục hành tiến.

Lúc 16 giờ 30 ngày 29 tháng 4, cũng với cách đánh "Gạt địch ra" để tiến, Trung đoàn 27 đã tiêu diệt 1 đại đội bảo an khác ở ngã ba Thuận Giáo, bắt một số tù binh. 17 giờ cùng ngày, Trung đoàn 27 cơ động đến Búng thì dừng lại để chuẩn bị đánh chiếm Lái Thiêu.

Trong khi hướng tiến công của Trung đoàn 27 phát triển thuận lợi, thì trên hướng Trung đoàn 48 lại gặp khó khăn trở ngại. Lúc 6 giờ ngày 29 tháng 4, địch cho nhiều tốp máy bay F.4 đến oanh tạc dữ dội khu vực đốc Bà Nghĩa - nơi đội hình tiến công chủ yếu của Sư đoàn 320B đang cơ động qua, làm 20 đồng chí bị thương, hỏng 1 pháo cao xạ 37 ly và 1 xe kéo pháo. Lực lượng phòng không thuộc Trung đoàn cao xạ 280 Sư đoàn 367, Tiểu đoàn phòng không 16 Trung đoàn 54 và các phân đội tên lửa A.72 lập tức nổ súng đánh hất máy bay địch, bảo vệ đội hình tiến quân. Khi vượt qua khỏi Tân Uyên 3km, do trời tối nên đoàn xe cơ động bị lạc đường, Sư đoàn buộc phải tung lực lượng trinh sát tìm đường. 19 giờ ngày 29 tháng 4, Trung đoàn 48 tiếp tục hành quân theo trục đường ủi ra đường 8 đến Khánh Vân vào áp sát mục tiêu quy định.

Cùng thời gian này, lực lượng luồn sâu tiểu đoàn 3 Trung đoàn 48 tiếp tục cơ động. 20 giờ 20 phút ngày 29 tháng 4, khi đến nam ngã tư Búng thì bất ngờ gặp địch ngăn chặn. Tiểu đoàn 3 thực hành nổ súng tiến công. Sau hơn 20 phút chiến đấu, ta đã đánh tan trung đội dân vệ và lực lượng bảo an địch trên đường 8 chạy về, bắt 5 tên, thu 10 súng. Ta bị thương 6 đồng chí. Qua khai thác tù binh, ta nắm được tình hình địch đã phá hỏng cầu Bình Lợi trên đường vào Sài Gòn. Vì thế, ta sử dụng 2 tù binh dẫn đường đi theo đông đường 13, khi đến bắc Lái Thiêu, tiểu đoàn 3 bắt liên lạc được với Trung đoàn 27 đang chuẩn bị tiến công Lái Thiêu.

Trong khi đó, tiểu đoàn 5, Trung đoàn 27 luồn sâu theo đường Tân An - Phước Khánh vào Lái Thiêu. Lúc 4 giờ sáng ngày 29 tháng 4, tiểu đoàn đến khu vực Tân Hiệp thì gặp địch chặn đường. Bộ phận trinh sát đi đầu nổ súng, bắt 2 tên và sử dụng chúng dẫn đường đánh vào 1 đại đội bảo an địch ở Tân Hiệp, diệt 13 tên, thu một số vũ khí. 17 giờ ngày 29 tháng 4, tiểu đoàn tiếp tục cơ động, gặp địch cản đường, liền nổ súng áp đảo để lướt qua nên đến 23 giờ đêm, Tiểu đoàn 4 đã vào đến vị trí quy định tại phía bắc quận lỵ Lái Thiêu.

Như vậy, chỉ sau 1 ngày chiến đấu, trên hướng tiến công của Quân đoàn, các đơn vị đã táo bạo, dũng mãnh tiến công, phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch ở phía bắc Sài Gòn. Hướng chia cắt của Sư đoàn 312 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bao vây, cô lập sư đoàn 5 ngụy. Trung đoàn 209 đã

cắt đứt hoàn toàn đường 13 và 14, không cho sư đoàn 5 nguy cơ động, ứng cứu được cho nhau. Trung đoàn 165 và 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 141 cùng lực lượng xe tăng thiết giáp đã áp sát căn cứ Phú Lợi, chuẩn bị sẵn sàng tiến công đánh chiếm "Pháo đài tử thủ" mạnh nhất của địch trên tuyến phòng thủ Bắc Sài Gòn. Trên hướng thọc sâu chiến dịch của Quân đoàn, do Sư đoàn 320B đảm nhiệm đã đột kích nhanh trong hành tiến, thọc sâu vào tuyến phòng ngự của địch hơn 60km, chuẩn bị tiến công đánh chiếm Lái Thiêu và bộ tổng tham mưu nguy, khu bộ tư lệnh các binh chủng nguy ở nội đô. Lực lượng thọc sâu chiến dịch của Quân đoàn chỉ còn cách địch trong sào huyệt của chúng hơn 15km.

*

* *

Ngày 2 tháng 4, tại căn cứ Vĩnh An của Quân khu 7, Thượng tướng Trần Văn Trà - Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 triển khai lực lượng trên hai hướng: đông và tây nam Sài Gòn. Sư đoàn 9 tạm thời tách khỏi Quân đoàn, hoạt động trên hướng tây nam trong đội hình Đoàn 232. Đây là một hướng vu hồi rất quan trọng, theo kế hoạch chiến dịch có nhiệm vụ đánh chiếm biệt khu thủ đô của quân nguy. Sư đoàn 9 là đơn vị đã dày dạn kinh nghiệm chiến đấu ở chiến trường, từng tiến vào Sài Gòn theo hướng tây nam trong cuộc tiến công chiến lược năm 1968. Đưa Sư đoàn 9 sang hướng này sẽ tăng thêm khả năng đột phá và thọc sâu của Đoàn 232, bảo đảm sức mạnh tiến công đồng đều và phối hợp nhịp nhàng giữa các hướng tiến đánh Sài Gòn - Gia Định. Nhưng đã nhiều năm Sư đoàn 9 gắn bó cùng Sư đoàn 7 và các đơn vị binh chủng trong đội hình Đoàn 301 đến Quân đoàn 4. Trong nhiều chiến dịch và trận chiến đấu, Sư đoàn 9 đảm nhận mũi chủ công của Quân đoàn. Do đó, các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân đoàn, sư đoàn trưởng Sư đoàn 9 và nhiều cán bộ, chiến sĩ mong muốn Sư đoàn 9 đứng trong đội hình chiến đấu của Quân đoàn trong chiến dịch lịch sử, giải phóng Sài Gòn - Gia Định, vừa tăng thêm sức mạnh của Quân đoàn, vừa có ý nghĩa xây dựng, phát huy truyền thống của đơn vị chủ công. Song, cao hơn tất cả lúc này là chiến thắng. Với truyền thống sẵn sàng nhận phần khó khăn về mình, Quân đoàn 4 đã tổ chức tốt cho Sư đoàn 9 đi làm nhiệm vụ ở một hướng mới. Trở lại con đường đã tiến vào Sài Gòn bảy năm về trước, cán bộ chiến sĩ Sư đoàn 9 vui vẻ và khẩn trương di chuyển đội hình, chiếm lĩnh bàn đạp tiến công Sài Gòn - Gia Định trên hướng tây nam.

Để tăng cường lực lượng cho hướng đông, Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định phối thuộc Sư đoàn 6 (Quân khu 7) cho Quân đoàn 4; các đồng chí Tư

lệnh và Chính ủy Quân khu 7 cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn chỉ huy các lực lượng vũ trang trên hướng này. Sư đoàn 7 đang phát triển lên hướng Bảo Lộc (Lâm Đồng), Tuyên Đức (Đà Lạt), được lệnh mau chóng đưa lực lượng trở về miền Đông theo đường số 20, chuẩn bị đánh chiếm Xuân Lộc.

Thị xã Xuân Lộc (tỉnh Long Khánh) nằm trên đường số 1 cách Sài Gòn 60km về phía đông bắc, là một mục tiêu kiên cố, gồm tiểu khu Long Khánh liên hoàn với căn cứ sư đoàn 18 ngụy. Sau khi thành phố Đà Nẵng bị quân ta tiến đánh và làm chủ, tướng Uây-en, tham mưu trưởng lục quân Mỹ đã trực tiếp đôn đốc quân ngụy tổ chức một tuyến phòng thủ mới, kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh, trong đó Xuân Lộc là điểm trọng tâm, nhằm ngăn chặn quân ta tiến theo đường số 1 và đường số 20 đánh vào Biên Hòa và Sài Gòn. Uây-en nói với Nguyễn Văn Thiệu và các tướng ngụy: phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn. Từ những nhận định như vậy, quân ngụy đã tập trung một lực lượng lớn phòng thủ Xuân Lộc gồm sư đoàn 18 (còn đủ ba chiến đoàn), trung đoàn thiết giáp 5, tám tiểu đoàn bảo an, 20 đại đội địa phương quân, hàng ngàn cảnh sát và phòng vệ dân sự. Pháo binh và không quân địch rất mạnh. Lực lượng ứng cứu trực tiếp có lữ đoàn thiết giáp 3 ở Biên Hòa, lữ đoàn dù 1 ở Sài Gòn. Ngoài ra còn có các sư đoàn bộ binh và lực lượng binh chủng của hai quân khu 3 và 4.

Ngày 3 tháng 4 năm 1975, tại Sở chỉ huy ở đông cầu La Ngà, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 bàn phương án đánh chiếm Xuân Lộc. Quân đoàn giao nhiệm vụ cho Sư đoàn 7 tiến công hướng chủ yếu, từ phía đông đánh chiếm căn cứ sư đoàn 18. Sư đoàn 341 đảm nhận hướng thứ yếu, từ phía bắc đánh xuống, chiếm tiểu khu Long Khánh và các mục tiêu trong thị xã. Lữ đoàn công binh 25 tổ chức và bảo đảm đường cơ động binh khí kỹ thuật và vật chất trên ba tuyến. Tuyến một từ Phan Rang qua bến Cây Gáo đến Trảng Bom. Tuyến hai từ núi Bà Hảo qua bến Vĩnh An đến ngã ba Dầu Giây. Tuyến ba từ bến Tà Lài qua km125 trên quốc lộ 20 xuống gặp quốc lộ 1 ở tây núi Chứa Chan.

5 giờ 40 phút ngày 9 tháng 4, Quân đoàn 4 nổ súng tiến công Xuân Lộc.

Hướng bắc, Trung đoàn 266 (Sư đoàn 341) do sư đoàn trưởng Trần Văn Trân và chính ủy Trần Nguyên Độ trực tiếp chỉ huy nhanh chóng thọc sâu chiếm khu thông tin, khu cố vấn Mỹ, khu cảnh sát... Các mũi phát triển thuận lợi vì mấy ngày trước trận đánh, đoàn cán bộ trinh sát Sư đoàn đã được các đồng chí trong tỉnh ủy, đồng chí Tư Lạc, tỉnh đội trưởng và đồng chí Năm Thắng bí thư Thị ủy Xuân Lộc trao đổi tình hình địch, tình hình nhân dân và địa hình khu vực tác chiến. Địch tập trung lực lượng

phản kích ác liệt, buộc Trung đoàn 266 phải dừng lại ở bên ngoài sở chỉ huy tiểu khu.

Hướng đông, tám xe tăng dẫn đầu Trung đoàn 165 (Sư đoàn 7) còn cách cổng căn cứ sư đoàn 18 chưa đầy 200m thì bị bắn hỏng ba chiếc phải dừng lại. Tiểu đoàn trưởng Lèo Viết Cường và chính trị viên Nguyễn Văn Tạo (Tiểu đoàn 5) bị thương nặng. Phó tiểu đoàn trưởng tiếp tục chỉ huy đơn vị chiếm được một phần hậu cứ chiến đoàn 52 ngụy.

Ở vòng ngoài, các Trung đoàn 270 (Sư đoàn 341) và Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7) đánh bại hai tiểu đoàn, diệt 7 xe tăng của hai chiến đoàn 43 và 48 từ Tân Phong và Núi Thị vào cứu viện, giải phóng ấp Bảo Toàn trên đường số 1 (đông nam thị xã 4km). Ở khu vực ngã ba Dầu Giây, Sư đoàn 6 diệt năm chốt địch trên đoạn đường số 1 từ Hưng Nghĩa đến đèo Mẹ Bông Con, thu 2 khẩu pháo 105, buộc chiến đoàn 52 ngụy phải bỏ Túc Trưng kéo về giữ ngã ba Dầu Giây. Lê Minh Đảo, sư đoàn trưởng sư đoàn 18 bỏ sở chỉ huy chạy ra ngã ba Tân Phong, Nguyễn Văn Phúc, tỉnh trưởng Long Khánh bỏ chạy ra Núi Thị.

Ngày chiến đấu đầu tiên, ta đã chiếm được một phần hai thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu, đã đưa được ba tiểu đoàn vào chốt trong thị xã và thực hiện chia cắt đường số 1 từ ngã ba Dầu Giây đến đèo Mẹ Bông Con. Riêng hướng Sư đoàn 7 chưa đột phá được, lực lượng bị tiêu hao. Địch có thay đổi thế bố trí trong thị xã nhưng chưa tăng thêm lực lượng vì đang bị phân tán chống đỡ ở nhiều nơi. Kết quả ngày đầu như vậy là khá tốt. Do đó, Bộ Tư lệnh Quân đoàn quyết định tiếp tục tiến công, diệt sư đoàn 18 và giải phóng thị xã.

Ngày 10 tháng 4, Sư đoàn 7 đưa lực lượng dự bị là Trung đoàn 141 và một tiểu đoàn cao xạ 37 và 57 ly hỗn hợp đột phá từ hướng bắc xuống, cùng với Trung đoàn 165 tiến đánh căn cứ sư đoàn 18. Bị chiến đoàn 52 và trung đoàn thiết giáp 5 phản kích quyết liệt, Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 141) không mở được cửa đột phá. Tiểu đoàn 1 của Trung đoàn bước vào chiến đấu cũng chỉ chiếm được ngã tư ở đông nam hậu cứ chiến đoàn 52. Trung đoàn 165 chiếm được khu gia binh và tiến đến sân bay Cáp Rang. Trung đoàn 209 tiến công thị xã từ phía nam, đánh thiệt hại chiến đoàn 43 ngụy. Gặp tuyến phòng thủ dã ngoại của địch ở nam sân bay, Trung đoàn phải dừng lại củng cố bàn đạp.

Sư đoàn 341 đưa thêm Trung đoàn 270 vào thị xã, cùng Trung đoàn 266 đánh địch phản kích, giữ các mục tiêu đã chiếm. Hai tiểu đoàn 5 và 7 (Trung đoàn 266) bốn lần đột phá sân bay Cáp Rang đều bị đánh hất trở lại. Các mũi tiến công trại Lê Lợi, căn cứ chiến đoàn 43... Nhiều tổ, phân đội bị địch chia cắt, bao vây vẫn kiên cường giữ vững trận địa.

Ngày 11 tháng 4, cuộc chiến tiếp tục diễn ra giằng co, ác liệt ở bên trong và ngoại vi thị xã Xuân Lộc.

Để tăng cường lực lượng phòng giữ Xuân Lộc, ngày 12 tháng 4, địch đổ lữ đoàn 1 dù từ Sài Gòn xuống ngã ba Tân Phong. Ba ngày sau, chúng tăng cường thêm hai lữ đoàn thủy quân lục chiến, một liên đoàn biệt động quân, một trung đoàn bộ binh (sư đoàn 5), tám tiểu đoàn pháo binh và hai chi đoàn xe tăng, đưa số xe tăng thiết giáp lên 300 chiếc. Nếu tính cả sư đoàn 18 và các đơn vị đã bố trí ở Xuân Lộc trước ngày ta nổ súng, địch đã tập trung ở đây 50 phần trăm lực lượng bộ binh, 60 phần trăm pháo binh, hầu hết xe tăng của quân đoàn 3 và lực lượng tổng dự bị tương đương một sư đoàn. Không quân từ các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất được huy động với mức độ cao, trực tiếp chi viện cho các mũi của bộ binh, xe tăng và đánh vào đội hình tiến công của ta. Trung bình 80 lần chiếc máy bay ném bom một ngày; cao nhất là 125 lần chiếc ngày. Chúng ném cả bom CBU có sức hủy diệt lớn, gây nhiều khó khăn cho các đơn vị.

Qua ba ngày chiến đấu, ta đã chiếm được một số mục tiêu, diệt một bộ phận sinh lực địch, giữ một số bàn đạp quan trọng. Nhưng ta chưa diệt gọn được một tiểu đoàn nào. Sư đoàn 7, Sư đoàn 341 bị thương vong lớn. Chín xe tăng sử dụng vào trận đánh thì đã bị bắn cháy và hỏng sáu chiếc. Pháo 85 và 57 hỏng gần hết vì bom, pháo địch. Đạn lớn ở phía sau chưa đưa lên kịp.

Chiến sự ở mặt trận Xuân Lộc diễn biến phức tạp. Về chiến lược, lúc này địch đang rối loạn, đổ vỡ lớn. Nhưng do vị trí quan trọng của Xuân Lộc, quân địch lại có công sự vững chắc làm chỗ dựa, có chuẩn bị và được tăng cường lực lượng, chúng đã chống trả quyết liệt, gây cho ta tổn thất và tạm thời ngăn được sức tiến công của ta. Trong khi đó, về phía Quân đoàn 4, trước sự hối thúc của tình hình, đã không dự kiến hết khả năng, nhất là sự phản ứng của địch ở một khu vực có vị trí sống còn đối với chúng. Lực lượng tiến công chưa được tập trung đủ. Các đơn vị chưa được bổ sung quân số, vũ khí sau nhiều tháng chiến đấu liên tục và chưa được chuẩn bị kỹ càng cho trận đánh. Do thời gian chuẩn bị ngắn, việc nghiên cứu địa hình và cách bố phòng của địch chưa đủ cho một trận đánh phức tạp. Cách đánh địch trong một khu vực rộng, nhiều mục tiêu, quân số đông, binh khí kỹ thuật mạnh, có công sự vững chắc... chưa được nghiên cứu, thảo luận kỹ ở các đơn vị. Việc chọn hướng và cách đánh cũng chưa phù hợp. Hướng tây nam, địch có nhiều sơ hở, ta không có lực lượng tiến công. Hướng đông và đông bắc do chiến đoàn 52 và trung đoàn thiết giáp 5 ngụy phòng ngự là khu vực phòng thủ chắc chắn nhất của địch... Khi nổ súng, lực lượng của Sư đoàn 7 trên hướng này không nhiều, thậm chí ít hơn địch. Việc tổ chức đột phá, mở cửa chưa

tốt, mỗi tiểu đoàn của Trung đoàn 165 đột phá một hướng, một mục tiêu. Pháo binh, pháo bắn thẳng, xe tăng là những lực lượng mạnh trong tiến công quân địch co cụm trong cứ điểm thì một mặt ít đạn, một mặt sử dụng chưa tốt, đánh không trúng lại bị thiệt hại vì bom, pháo địch từ sớm nên làm giảm sức đột phá của bộ binh, xe tăng. Trong tình huống không thuận lợi như vậy, Quân đoàn đã không kiên quyết và kịp thời chuyển hướng tiến công chủ yếu sang hướng của Sư đoàn 341.

Ngày 13 tháng 4 năm 1975, Thượng tướng Trần Văn Trà - Phó tư lệnh Bộ chỉ huy chiến dịch đã đến Sở chỉ huy, cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 nghiên cứu diễn biến trận đánh, quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh. Xuất phát từ nhận định cơ bản là đối với toàn tuyến phòng thủ Sài Gòn của địch, Xuân Lộc chỉ có giá trị khi được nối liền với Biên Hòa, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương lập thế trận mới, cô lập và cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa bằng cách đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, cắt đường số 1, chặn quân địch từ Biên Hòa, Trảng Bom lên phản kích và đánh chiếm Tân Phong, cắt đường số 2 đi Bà Rịa. Cách đánh này được hình thành còn xuất phát từ nhận định là trong tình hình địch đang hoang mang, dao động về chiến lược, ta không nhất thiết phải tập trung lực lượng lớn đánh vào một khu vực lực lượng địch đông và mạnh mà có thể dùng "thế" để giải phóng Xuân Lộc. Do đó, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định ngừng tiến công các vị trí địch trong thị xã.

Trong khi ta chuyển thế trận và cách đánh, địch lại tưởng rằng đã đẩy lùi được cuộc tiến công của ta. Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu tuyên truyền rùm beng về "Chiến thắng Xuân Lộc", về "khả năng chiến đấu của quân lực Việt Nam cộng hòa đã được phục hồi", đã "chấm dứt thời kỳ rút lui", còn "đủ mạnh để giữ vững chế độ". Lê Minh Đảo, tư lệnh sư đoàn 18 ngụy huênh hoang tuyên bố "Việt cộng dù có thêm mấy sư đoàn nữa cũng không chiếm được Long Khánh... Việt cộng muốn qua Long Khánh phải bước qua xác của Đảo này".

Rạng sáng ngày 15 tháng 4, pháo 130ly của ta bắt đầu bắn phá sân bay Biên Hòa. Cùng lúc, bằng năm trận vận động tập kích, Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95 tiêu diệt chiến đoàn 52 ngụy ở khu vực ngã ba Dầu Giây, thu 12 khẩu pháo và toàn bộ xe tăng của chi đoàn 3 thiết giáp tại sở chỉ huy dã chiến của chiến đoàn 52 mà chúng gọi là "căn cứ Nguyễn Thái Học". Đường số 1 từ Xuân Lộc tới Bà Rịa bị cắt. Đoạn đường số 20 cuối cùng từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây do ta làm chủ.

Trong hai ngày 16 và 17 tháng 4, sở chỉ huy tiền phương quân đoàn 3 ngụy ở Trảng Bom tổ chức phản kích với lực lượng lữ đoàn 3 thiết giáp có 200 xe tăng, xe bọc thép và chiến đoàn 8 (sư đoàn 5) ngụy, được hơn 100

khẩu pháo ở các căn cứ Nước Trong, Hóc Bà Thúc, Long Bình, Đại An và 125 lần chiếc máy bay chiến đấu chỉ viện hỏa lực mỗi ngày. Trận chiến diễn ra ác liệt ở Hưng Nghĩa và cao điểm 122. Sư đoàn 6 và Trung đoàn 95 diệt gọn một tiểu đoàn, bắt hơn 100 tên, đẩy lùi địch xuống Bàu Cá. Các hãng tin phương Tây liên tục đưa tin tức rất bi đát của lữ đoàn thiết giáp 3 ở Trảng Bom. Quân đoàn 3 nguy buộc phải ngừng phản kích, trả lữ đoàn này về cho sư đoàn 5 nguy.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt và xét thấy không còn giá trị phòng thủ, ngày 18 tháng 4, địch đề nghị rút bỏ Xuân Lộc vì "Mất Dầu Giây - là mất tụ điểm về sức sống của Long Khánh". Bộ tổng tham mưu nguy đồng ý và chỉ thị cho sư đoàn 18 phải giữ bí mật kế hoạch rút chạy kéo bị tiêu diệt.

Quân đoàn 4 và lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Xuân Lộc trong những điều kiện hết sức khó khăn. Địch phải bỏ Xuân Lộc vì bản thân nó bị thiệt hại, bị cô lập, lại có nguy cơ mới do lực lượng ta - cánh quân Duyên Hải thần tốc từ hướng bắc tiến vào. Quyết định đánh Xuân Lộc là đúng và cần thiết. Ngay sau khi đánh chiếm Định Quán, Quân đoàn 4 đã có chủ trương này. Mở được Xuân Lộc, cự ly và bàn đạp tập kết tiến vào Sài Gòn từ hơn 100km rút xuống còn 50km (từ Trảng Bom, Nước Trong).

*

* *

5 giờ 25 phút ngày 30 tháng 4, đồng chí Vũ Lăng cùng một bộ phận cán bộ chủ chốt cơ quan Quân đoàn 3 (tất cả gồm hơn mười người) đã có mặt tại sở chỉ huy Sư đoàn 10 ở phía nam Hóc Môn để tiện theo dõi và chỉ đạo sư đoàn này đột kích.

7 giờ 15 phút, từ sở chỉ huy Sư đoàn 10, đồng chí Vũ Lăng ra lệnh tiến công. Toàn bộ các trận địa pháo của Quân đoàn 3 và Sư đoàn 10 đồng loạt nã đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu nguy, làm một số máy bay, kho bom, đạn địch nổ tung, bốc cháy. Các mục tiêu: bộ tư lệnh dù, bộ tư lệnh không quân, bộ tư lệnh thiết giáp nguy ở sân bay chìm trong khói lửa. Giữa lúc quân địch đang hoang mang dao động trước hỏa lực pháo binh ta, Trung đoàn 24 và xe tăng đột phá đánh chiếm ngã tư Bảy Hiền. Tại đây ngay trong đêm 29 tháng 4 địch đã đưa tiểu đoàn dù 8 cùng lực lượng của biệt khu thủ đô và một chi đội xe tăng M.41, M.48 ra chốt chặn. Địch lợi dụng sân thượng, tháp nước, những ô cửa sổ nhà cao tầng bố trí hỏa lực dày đặc để ngăn chặn ta tiến công. Đại đội 7 tiểu đoàn 5 cùng 11 xe tăng, xe thiết giáp (tiểu đoàn 1 Trung đoàn 273) dũng cảm đột phá mở đường. Đại đội

trưởng đại đội 7 Trịnh Bá Tư cho trung đội 1 có chiến sĩ biệt động thành dẫn đường mở một mũi lên hướng bệnh viện "Vĩ dân" thọc vào sườn địch. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt, cán bộ chiến sĩ ta giành giật với địch từng căn nhà ngõ phố. Trong một lần chỉ huy đột phá, Trịnh Bá Tư đã anh dũng hy sinh. Tám gương chiến đấu hy sinh của đại đội trưởng Trịnh Bá Tư đã thôi thúc cán bộ chiến sĩ tiểu đoàn 5 vượt qua ác liệt để giành thắng lợi cuối cùng. Chiến sĩ B.40 Vũ Văn Chung, vượt lên dùng B.40 bắn cháy chiếc xe tăng M.41 của địch. Nguyễn Xuân Trường, đại đội trưởng đại đội 1 tiểu đoàn 1 Trung đoàn 273 chỉ huy đơn vị táo bạo mở mũi đột kích mạnh chi viện cho bộ binh đánh thẳng vào bọn địch phản kích. Xe tăng 985 vừa vượt lên thì bị xe tăng địch phục sẵn bắn hỏng pháo. Không chần chừ, trưởng xe Mai Trọng Hoạt ra lệnh tiếp tục tiến lên. Bằng một động tác thuần thục và quyết liệt, chiến sĩ lái xe trẻ Phùng Văn Tính cho xe của mình lao thẳng vào xe tăng địch. Chiếc xe tăng M.48 của địch hoảng sợ chồm lên vỉa hè, bọn địch trong xe khiếp sợ đầu hàng. 8 giờ 5 phút, 1 chiếc L.19 vừa hạ độ cao để xuống sân bay Tân Sơn Nhất, các chiến sĩ đại đội 1 tiểu đoàn 1 Trung đoàn 234 bắn chính xác, chiếc máy bay địch bùng cháy và lao xuống hè phố Lê Thánh Tông. Đây là chiếc máy bay cuối cùng của địch bị bắn rơi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

8 giờ 45 phút, Trung đoàn 24 và xe tăng Trung đoàn 273 làm chủ ngã tư Bảy Hiền. Thừa thắng, quân ta phát triển về cổng số 5 sân bay Tân Sơn Nhất.

Cũng vào thời điểm này, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1, 2, 3, 4, Đoàn 232 nhận được bức điện của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương gửi tới mặt trận, bức điện có đoạn như sau: "Nhiệt liệt khen ngợi toàn thể các đơn vị đã lập được chiến công lớn trong những ngày qua, đập tan tập đoàn phòng ngự và các cứ điểm phòng ngự phía đông bắc và tây bắc, cắt đứt lộ 4, tiến công các sân bay lớn của địch, hoạt động tốt ở ven đô và nội đô. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương kêu gọi toàn thể cán bộ chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên với quyết tâm lớn nhất hãy nhanh chóng đánh thẳng vào sào huyệt cuối cùng của địch với khí thế hùng mạnh nhất của đội quân trăm trận trăm thắng, đập tan mọi sự đề kháng của địch, kết hợp tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định. Phải giữ kỷ luật thật nghiêm, triệt để chấp hành mọi chỉ thị mệnh lệnh, bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân, nêu cao truyền thống và bản chất cách mạng của quân đội ta, hoàn thành nhiệm vụ rất cao, giành thắng lợi hoàn toàn cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại".

Tinh thần bức điện trên được cơ quan chính trị các quân đoàn đã kịp thời phổ biến đến từng đơn vị, từng chiến sĩ.

9 giờ 5 phút, tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 và tiểu đoàn 1 Trung đoàn xe tăng 273 tiến đến cổng số 5 sân bay Tân Sơn Nhất. Tại đây, địch bố trí hỏa lực mạnh, có cả hỏa tiễn chống tăng X202 đặt trên xe di động và trên tháp nước. Đại đội 7, mũi đột phá đầu tiên của tiểu đoàn 5 bị chặn lại. Tiểu đoàn 5 nhiều lần đột phá nhưng vẫn không thành. Hai chiếc xe tăng T54 và 1 chiếc K63 của ta bị cháy nằm cản giữa đường. Trước tình hình đó, trung đoàn phó Tô Quốc Trinh, tiểu đoàn trưởng Lê Xuân Chuyển và tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn xe tăng 1 Chu Khánh Tôn lên nắm lại tình hình và tổ chức đột phá tiếp. Chỉ huy trung đoàn điều thêm 4 xe tăng của đại đội 2 và 2 khẩu pháo 85 ly lên chi viện cho đại đội 5 tiểu đoàn 5 đột phá.

Khi xe kéo pháo 85ly của ta vừa tiến vào vị trí triển khai thì bị địch bắn trúng làm cháy xe, đạn nổ, súng hỏng, pháo thủ thương vong. Lê Xuân Chuyển và Chu Khánh Tôn chỉ huy cụm hỏa lực ĐKZ, cối 82ly, 12,7ly và hỏa lực xe tăng chi viện có hiệu quả cho tiểu đoàn 5 đột phá đánh chiếm khu vực đầu cầu. Cuộc chiến đấu ở đây diễn ra hết sức quyết liệt, nhiều gương chiến đấu vô cùng quả cảm. Ba chiếc xe tăng của ta bị địch bắn hỏng, nhưng các chiến sĩ lái xe và pháo thủ vẫn bám xe, sử dụng súng 12,7ly và đại liên trên xe đánh địch chi viện cho bộ binh. Pháo thủ trên xe tăng Nguyễn Trần Đoàn bị thương dập nát cánh tay vẫn không rời vị trí. Đoàn nhờ anh em cắt cánh tay cho khỏi vướng để tiếp tục chiến đấu. Khi đại đội trưởng bị thương, chính trị viên đại đội 5 tiểu đoàn 5 Đỗ Trọng Lợi đã trực tiếp chỉ huy đơn vị đột phá đánh chiếm khu truyền tin, bộ tư lệnh sư đoàn 5 không quân, chia cắt địch ở sân bay Tân Sơn Nhất với bộ tổng tham mưu ngụy. Đến 10 giờ 30 phút đại đội 5 bắt được 57 tù binh trong đó có 3 đại tá: Lê Hữu Tiên, chỉ huy trưởng khu truyền tin; Trần Quang Thái, sĩ quan tâm lý chiến và Nguyễn Duy Phụng, sư phó sư đoàn 5 không quân. Đại đội 6 lợi dụng kết quả của bạn đánh chiếm khu cố vấn, khu ra-đa và sư đoàn bộ sư đoàn 5 không quân.

Cùng lúc tiểu đoàn 5 đánh địch từ ngã tư Bảy Hiền vào cổng số 5 sân bay thì chỉ huy Trung đoàn 24 cũng ra lệnh cho tiểu đoàn 4 theo cổng số 4 sân bay đánh vào 9 giờ, đại đội 2 tiểu đoàn 4 đột phá đánh chiếm bộ tư lệnh dù; trung đoàn trưởng Trung đoàn 24 có mặt kịp thời, thấy thời cơ thuận lợi đã lệnh cho tiểu đoàn 6 theo cửa mở tiểu đoàn 4 đánh chiếm bộ tư lệnh không quân và bắt liên lạc với phái đoàn quân sự của ta ở trại Đa-vít.

Đại đội 9 chia làm 3 mũi phát triển tới trại Đa-vít, nơi đặt trụ sở phái đoàn quân sự của ta. Cuộc gặp gỡ giữa các chiến sĩ đại đội 9 với các đồng chí trong phái đoàn quân sự diễn ra hết sức cảm động, đồng chí Hoàng Anh Tuấn và các đồng chí trong đoàn siết chặt tay và ôm hôn từng chiến sĩ đại đội 9 tiểu đoàn 6 Trung đoàn 24. Những nụ cười và cả những giọt nước mắt

vui mừng lẫn nhanh trên má mọi người... Đại đội 9 được lệnh ở lại bảo vệ phái đoàn quân sự của ta. Các lực lượng còn lại tiếp tục phát triển đánh chiếm bộ tư lệnh không quân ngụy. 10 giờ 35 phút, đại đội 10 và đại đội 11 tiểu đoàn 6 tiến vào bộ tư lệnh không quân ngụy. Giữa sân, trước ngôi nhà chính, một con đại bàng đúc bằng đồng sải cánh dài 2 mét, biểu tượng sức mạnh "không lực Việt Nam cộng hòa" bị trúng đạn pháo của ta, đầu gãy gục, thảm hại.

11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, đại đội 11 tiểu đoàn 6 Trung đoàn 24 kéo lá cờ "Quyết thắng" truyền thống của quân đội ta lên đỉnh cột cờ bộ tư lệnh không quân ngụy báo tin ta làm chủ căn cứ quân sự cuối cùng của chế độ ngụy quyền Sài Gòn.

Trên hướng Trung đoàn 28, vào lúc 3 giờ ngày 30 tháng 4 năm 1975, tiểu đoàn 1 Trung đoàn 28 và 4 xe tăng T.54 của tiểu đoàn 2 Trung đoàn 273 đi vòng lên phía bắc trại Quang Trung nhưng đến đây gặp địch. Ta và địch chạm súng, địch sử dụng súng chống tăng B.90 bắn cháy 2 chiếc T.54 của ta. Do vậy, cánh quân này phải quay lại theo đường Trung đoàn 24 đánh vào nội đô.

9 giờ 30 phút, Trung đoàn 28 đến Lăng Cha Cả, dự kiến sẽ theo đường Võ Tánh đánh vào bộ tổng tham mưu ngụy. Nhưng đường Võ Tánh xe ta bị cháy làm tắc nghẽn, sư đoàn phó Võ Khắc Phụng và trung đoàn phó Đỗ Công Mùi cho đội hình vừa tiến vừa đánh địch theo đường Trương Minh Ký qua nhà thờ Tân Sa Châu rẽ sang đường Thoại Ngọc Hầu rồi sang đường Võ Tánh.

10 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, tiểu đoàn 3 cùng lực lượng xe tăng của tiểu đoàn 2 Trung đoàn 273 và các đơn vị công binh, trinh sát, cao xạ do tham mưu phó trung đoàn Lê Ngọc Tùng chỉ huy đột phá vào cổng chính bộ tổng tham mưu ngụy. Địch dùng xe tăng và bộ binh chặn giữ cổng chính đồng thời cho một mũi từ phía nam đánh lên. Một chiếc xe bọc thép M.113 liều mạng xông ra đã bị xe tăng 815 do đại đội phó Đỗ Hồng Kỳ chỉ huy bắn cháy. Một chiếc xe GMC gắn đại liên 4 nòng đi sau chưa kịp nổ súng đã hốt hoảng quay đầu tháo chạy bị xe tăng 815 đuổi theo bắn 1 quả đạn pháo 100ly làm cho nó bốc cháy. Một đại đội địch khiếp sợ hạ vũ khí đầu hàng. Thừa thắng, Trung đoàn 28 chia làm 2 mũi. Mũi thứ nhất gồm 1 xe tăng, 1 xe K63 và 1 trung đội thuộc đại đội 10 tiểu đoàn 3 đánh vào phía đông nam bộ tổng tham mưu. Mũi thứ hai lực lượng gồm có 3 xe tăng T.54, 5 xe K63 và lực lượng của tiểu đoàn 3 còn lại từ cổng chính đánh thẳng vào trung tâm.

Vượt qua cổng chính, xe tăng 982 do chính trị viên Nguyễn Hữu Thìn chỉ huy và xe tăng 815 do đại đội phó Đỗ Hồng Kỳ chỉ huy dẫn đầu tiến thẳng

đến thêm cao tòa nhà chính của tổng hành dinh quân ngụy. Lúc này các chiến sĩ Trung đoàn 48 Sư đoàn 320B Quân đoàn 1 cũng đã áp sát tòa nhà này. Trung đội phó Trần Lựu dùng AK yểm hộ cho tiểu đội trưởng Nguyễn Duy Tân nhanh chóng chạy lên sân thượng tổng hành dinh giật lá cờ "ba que", thay vào đó là lá cờ nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng năm cánh. Lá cờ của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tung bay nơi cao nhất chính giữa tòa nhà tổng hành dinh quân ngụy Sài Gòn. Cùng lúc, các chiến sĩ Trung đoàn 48 cũng kéo một lá cờ của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở phía bên trái lá cờ Trung đoàn 28.

Lúc đó là 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Dưới sự chỉ huy của chính ủy Trung đoàn 28 Nguyễn Ngọc Xuân và chính trị viên tiểu đoàn 3 Nguyễn Văn Quý, chiến sĩ ta tiến vào kiểm soát các phòng làm việc của tòa nhà bộ tổng tham mưu ngụy, thu toàn bộ con dấu, cờ hiệu và nhiều tài liệu quan trọng khác.

Cùng thời gian này, các chiến sĩ Sư đoàn 320B đánh chiếm trận địa pháo và sân bay lên thẳng của địch gần cổng số 2, chiếm khu thông tin, phòng nhất, phòng nhì, tổng cục tiếp vận và tiến vào trung tâm phối hợp với Trung đoàn 28 chiếm lĩnh và bảo vệ tòa nhà chính bộ tổng tham mưu quân ngụy. Trong lúc Trung đoàn 28 đang đánh địch ở cổng chính bộ tổng tham mưu quân ngụy thì Sư đoàn 10 lệnh cho Trung đoàn 66 do anh Trương Văn Việt - trung đoàn trưởng, anh Lê Xuân Thanh - chính ủy chỉ huy theo hướng phát triển của Trung đoàn 28 tiến vào nội đô. Các chiến sĩ tiểu đoàn 7 và tiểu đoàn 8 đã có mặt kịp thời tại bộ tổng tham mưu ngụy cùng đơn vị bạn tỏa ra chiếm lĩnh những nơi làm việc của bộ máy điều hành chiến tranh do Mỹ dựng lên. Trung đoàn 64 (đồng chí Trần Văn Thân - trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Đắc - chính ủy) do anh Phí Triệu Hàm - Phó chính ủy quân đoàn chỉ huy cơ động theo đường Lê Văn Duyệt đến dinh Độc Lập. Nhưng trung đoàn đến nơi, đơn vị bạn đã chiếm xong dinh tổng thống ngụy quyền. Dương Văn Minh và nội các của ông ta đã tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Một sự trùng hợp thú vị là cùng một thời điểm (11 giờ 30 phút) cờ chiến thắng của bộ đội ta đã đồng thời được kéo lên ở ba mục tiêu then chốt trong thành phố Sài Gòn là dinh Độc Lập, bộ tổng tham mưu quân ngụy và sân bay Tân Sơn Nhất.

Ban chỉ huy Trung đoàn 64 cho 1 đại đội đánh chiếm khu cư xá sĩ quan Mỹ. Quá trình phát triển chiến đấu ở đây có 4 chiến sĩ đã anh dũng ngã xuống, 12 chiến sĩ khác bị thương. Đó là những giọt máu cuối cùng của cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 3 đổ xuống đường phố Sài Gòn góp phần cho chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Rạng sáng ngày 30 tháng 4, trên các hướng tiến công của Quân đoàn 1 các đơn vị đồng loạt nổ súng đánh chiếm các mục tiêu quy định. Pháo 130ly, Đ74, 122ly của Lữ đoàn pháo binh 45, Trung đoàn pháo binh 54 và 186 dồn dập bắn phá các mục tiêu trong khu vực bộ tổng tham mưu ngụy, quận lỵ Lái Thiêu, căn cứ Phú Lợi, Bến Cát, Lai Khê. Đúng 5 giờ sáng, trên các hướng chia cắt của Sư đoàn 312, Trung đoàn 165 tiến công đánh chiếm Phú Lợi - một căn cứ quan trọng vào loại bậc nhất của địch trên tuyến phòng thủ Bắc Sài Gòn, án ngữ 2 trục đường giao thông huyết mạch: Quốc lộ 13 từ Bình Long - Phước Long đi Bình Dương đến Sài Gòn và đường số 8 từ Tân Uyên đến Bình Dương đi Củ Chi và khống chế các trục đường 13, 14, đường sông đi Sài Gòn. Vốn là một căn cứ cũ của thực dân Pháp, được Mỹ củng cố lại, xây dựng Phú Lợi thành một căn cứ của sư đoàn bộ binh Mỹ số 1 - nơi xuất phát của những cuộc hành quân bình định, bắn giết đồng bào ta ở miền Đông Nam Bộ. Tại Phú Lợi, Mỹ - ngụy còn xây một nhà tù lớn nơi cách đây gần 20 năm, chúng đã trộn thuốc độc vào cơm, giết hại một lúc hơn 1.000 đồng bào yêu nước. Đến trước ngày 30 tháng 4, địch tăng cường thêm tiểu đoàn 2 trung đoàn 3 sư đoàn 5 ngụy, 1 chi đoàn thiết giáp (22 chiếc) và tàn quân của tiểu đoàn bảo an 306 từ Bình Cơ, Bình Mỹ chạy về. Phối hợp phòng thủ căn cứ Phú Lợi còn có tiểu đoàn 3 trung đoàn 8 sư đoàn 5 ngụy bố trí lực lượng trên đường 15 từ Phú Lợi đến Bình Dương; tiểu đoàn bảo an 325 chiếm giữ từ Phú Mỹ đến Phú Chánh; một số lực lượng địch thuộc trung đoàn 8 và thiết đoàn 3 rút từ Xuân Lộc về, cùng các lực lượng pháo binh ở Bình Dương, Chánh Lưu, trường sĩ quan công binh trực tiếp chi viện.

Rạng sáng ngày 30 tháng 4, quá trình ta cơ động vào áp sát căn cứ, đã bị địch dùng pháo binh từ bến Than, Chánh Lưu, Bình Dương bắn phá ngăn chặn. Lực lượng địch ở nam cầu Thơ Út và Phú Chánh bắn phá dữ dội vào đội hình cơ động của Trung đoàn 165, phá hỏng của ta 1 khẩu pháo 85 ly; một số chiến sĩ bị thương. Mặc dù có thêm những thương vong, nhưng với truyền thống "Đoàn kết - anh dũng - chiến thắng", cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 312 vẫn vững vàng tay súng, tin tưởng vào thắng lợi, quyết vượt qua mọi ác liệt, hy sinh để giành toàn thắng.

Đúng 5 giờ 5 phút ngày 30 tháng 4, Tư lệnh Sư đoàn Nguyễn Chuông lệnh cho Trung đoàn 165, 209 nổ súng tiến công đánh chiếm căn cứ Phú Lợi. Các trận địa pháo của Quân đoàn, Sư đoàn bắn phá dồn dập vào căn cứ địch.

Đến trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, Sư đoàn 312 đã hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm căn cứ Phú Lợi, giải phóng thị xã Bình Dương; chặt đứt được một mắt xích quan trọng trong tuyến "tử thủ" của địch ở bắc Sài Gòn. Thực

hiện chủ trương của Bộ tư lệnh Quân đoàn, Sư đoàn 312 tiếp tục tổ chức các lực lượng khóa chặt, cô lập, tiến tới tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn sư đoàn 5 ngụy, bảo vệ hành lang hướng thọc sâu vào Sài Gòn.

Sau khi đánh chiếm một loạt các căn cứ trên đường 13 và 14 như: Mỹ Thạnh, xóm Xoài, Hương Phùng, Chủ Búng, An Lợi... sáng 30 tháng 4, Trung đoàn bộ binh 209 đã ngăn chặn, bẻ gãy cuộc hành quân giải tỏa đường 13 của trung đoàn 9 sư đoàn 5 ngụy. Chỉ sau 20 phút chiến đấu ác liệt, Tiểu đoàn 9 đã tiêu diệt và "bắt" gọn cả 22 xe địch. Trước sức tiến công áp đảo của ta, tại sở chỉ huy địch ở Lai Khê, chuẩn tướng Lê Nguyên Vỹ - tư lệnh sư đoàn 5 ngụy buộc phải tự sát. Nắm chắc thời cơ, một bộ phận của Trung đoàn 209 và Trung đoàn 141 tiến đánh Lai Khê, Bến Cát. Sư đoàn 5 ngụy đã hoảng loạn càng thêm rối loạn. Địch rút chạy với đội hình cả đoàn xe dài hơn 3km theo đường 13. Đến 17 giờ ngày 30 tháng 4, Trung đoàn 209 hoàn toàn làm chủ trận địa, tiêu diệt 155 tên địch, bắt 7.205 tên (trong đó có 6 trung tá, 33 thiếu tá), thu 222 xe các loại, 22 xe tăng thiết giáp, 7 khẩu pháo và nhiều phương tiện chiến tranh khác của địch.

Như vậy, sau 2 ngày đêm chiến đấu liên tục, dũng cảm, cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 312 Quân đoàn 1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh bao vây, chia cắt, cô lập, tiến tới tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn sư đoàn 5 ngụy; phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang địa phương đập tan một mắt xích quan trọng trong tuyến "tử thủ" bắc Sài Gòn, diệt 279 tên địch, bắt 7.740 tên, gọi hàng 3.500 tên; góp phần giải phóng hoàn toàn tỉnh Bình Dương.

Trên hướng thọc sâu của Quân đoàn 1, ngay từ khi cuộc chiến đấu của Sư đoàn 312 tiến công bao vây, tiêu diệt sư đoàn 5 ngụy đang diễn ra quyết liệt ở khu vực Phú Lợi, Lai Khê, Bình Dương và trên đường 13, 14 thì trên hướng thọc sâu vào Sài Gòn, Bộ tư lệnh Quân đoàn đã kịp thời chỉ đạo Sư đoàn 320B đẩy nhanh nhịp độ tiến công, phối hợp với các cánh quân đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu của địch trong thành phố. Toàn bộ đội hình thọc sâu triển khai tiến công theo 2 hướng: Trung đoàn 27 do Trung đoàn trưởng Nguyễn Huy Hiệu và Chính ủy trung đoàn Trịnh Văn Thư chỉ huy, từ Tân Uyên qua Tân Ba, tiến đánh quận lỵ Lái Thiêu. Trung đoàn 48 do Trung đoàn trưởng Đoàn Trung và Chính ủy Lê Xuân Yên chỉ huy tiến theo đường Trại Hủi, Khánh Vân, Búng xuống Lái Thiêu.

Đến 3 giờ ngày 30 tháng 4, toàn bộ lực lượng chiến đấu của Trung đoàn 27 đã tập kết đầy đủ ở phía bắc Lái Thiêu, chuẩn bị tiến công đánh chiếm quận lỵ. Một bộ phận trinh sát do Trung đoàn trưởng Nguyễn Huy Hiệu dẫn đầu gặp được má Sáu Ngẫu là cơ sở cách mạng (trú tại ấp Thạnh Hòa, xã An Thạnh, quận Lái Thiêu) trao cho tám bản đồ tự tay má đánh dấu các vị trí đóng quân chốt giữ trong quận lỵ. Được các lực lượng vũ trang địa

phương phối hợp và dẫn đường, Trung đoàn 27 khẩn trương tổ chức tiến công giải phóng Lái Thiêu.

Để đánh chiếm Lái Thiêu, Trung đoàn 27 chọn cách đánh: Tập trung lực lượng, kết hợp luồn sâu, ém sẵn với thọc sâu bằng cơ giới tiến công từ hai hướng. Tiểu đoàn 5 (mũi luồn sâu) tiến công địch từ hướng Nam, đánh chiếm cầu Lái Thiêu, bao vây tiêu diệt trung tâm huấn luyện Huỳnh Văn Lương. Tiểu đoàn 6 (mũi thọc sâu cơ giới) tiến công từ hướng Bắc, phối hợp chặt chẽ với mũi tiến công của Tiểu đoàn 5 từ hướng Nam đánh lên, tiêu diệt địch trên đường 13 (đoạn từ Lái Thiêu đến cầu Vĩnh Bình, Bình Phước); đồng thời chặn các hướng khác, buộc địch phải đầu hàng; đảm bảo cho đội hình thọc sâu của sư đoàn phát triển thuận lợi.

4 giờ 15 phút sáng ngày 30 tháng 4, trung đoàn trưởng Trung đoàn 27 ra lệnh nổ súng tiến công Lái Thiêu.

Sau gần 2 giờ chiến đấu, Trung đoàn 27 đã hoàn toàn làm chủ Lái Thiêu, mở toang cánh cửa phía bắc Sài Gòn.

Thừa thắng, các chiến sĩ Trung đoàn 27 tiếp tục phát triển chiến đấu về phía cầu Bình Phước, tiến đánh khu bộ tư lệnh các binh chủng ngụy. Khi tiến đến bắc cầu Vĩnh Bình khoảng gần 1km thì gặp địch chặn đường, các chiến sĩ đại đội bộ binh 10 Tiểu đoàn 6 nhanh chóng xuống xe, vận động lên cùng xe tăng đại đội 3 Lữ đoàn 202 đánh mở đường. Địch chốt giữ hai đầu cầu chống trả quyết liệt. Gần 30 chiếc xe tăng thiết giáp địch từ căn cứ chỉ huy bộ tư lệnh thiết giáp tiến ra phản kích. Các loại hỏa lực trên xe địch và pháo cối bắn rất dữ dội vào đội hình ta. Một chiếc xe tăng K63 của ta đi đầu bị trúng đạn bốc cháy. Mũi đột kích của ta bị chững lại. "Phải chiếm ngay được cầu!" - đại đội trưởng đại đội xe tăng Hoàng Thọ Mạc tổ chức đơn vị thành hai mũi tiến công vào đội hình xe tăng, thiết giáp địch. Một cuộc đấu xe tăng giữa ta và địch diễn ra rất ác liệt. Mũi tiến công chính diện trên đường 13 do Hoàng Thọ Mạc chỉ huy liên tiếp bắn cháy 3 xe tăng M.48 của địch bắn chế áp, yểm trợ cho đại đội 10 thọc vào bên sườn địch. Bộ đội ta dùng B.40, B.41 bắn cháy 10 xe tăng khác. Lực lượng phản kích bằng xe tăng của địch bị đẩy lùi.

Càng tiến gần về phía bắc cầu Vĩnh Bình, xe tăng và bộ binh ta càng bị địch chống trả quyết liệt. Không chần chừ, chiếc xe tăng chỉ huy mang số hiệu 454 của Hoàng Thọ Mạc tiến lên trước đội hình, chỉ thị mục tiêu cho chiếc xe tăng số 956 dùng đạn xuyên bắn cháy 1 khẩu pháo tự hành 175 ly "Vua chiến trường của địch. Càng vào gần địch, hỏa lực bắn thẳng của xe tăng ta càng khó phát huy tác dụng. Hoàng Thọ Mạc quyết định tháo mũ công tác nhảy xuống xe, chỉ huy tổ mũi nhọn đánh chiếm cầu. Trong lúc chồm người lên để ném lựu đạn về Hoàng Thọ Mạc bị một mảnh pháo địch găm vào ngực. Anh lao đảo ngã xuống.

Noi gương chiến đấu dũng cảm của Hoàng Thọ Mạc, các chiến sĩ đại đội xe tăng 3 và đại đội bộ binh 10 ào ạt xông lên đánh chiếm cầu. Địch chốt giữ ở hai bên đầu cầu bị tiến công dữ dội, phải bỏ xe và công sự, vứt súng đầu hàng. 8 giờ 30 phút sáng ngày 30 tháng 4, sau khi đánh chiếm cầu Vĩnh Bình, Trung đoàn 27 nhanh chóng xốc lại đội hình, dùng tù binh dẫn đường khẩn trương vượt qua cầu Bình Phước, tiến đánh khu binh chủng nguy.

Từ 9 giờ 30 đến 10 giờ ngày 30 tháng 4, các đơn vị lần lượt phát triển tiến công đánh chiếm bộ tư lệnh thiết giáp, căn cứ 60, bộ tư lệnh lục quân công xưởng, căn cứ pháo binh, tổng kho quân nhu, căn cứ 31 và tổng y viện cộng hòa.

Các chiến sĩ Trung đoàn 27 tiếp tục truy kích tiêu diệt địch và triển khai bao vây chặt toàn bộ khu vực bộ tư lệnh thiết giáp, buộc chúng phải dẫn thuộc hạ đầu hàng.

Thừa thắng, lúc 10 giờ 30 phút, Trung đoàn 27 tiếp tục phát triển tiến công đánh chiếm khu lục quân công xưởng và quận lỵ Gò Vấp. Toàn bộ quân địch ở đây không dám chống cự, kéo cờ trắng ra hàng.

Trong khi Trung đoàn 27 tiến công đánh chiếm quận lỵ Lái Thiêu, cầu Vĩnh Bình, làm chủ đoạn đường từ Lái Thiêu vào cửa ngõ Sài Gòn, tạo điều kiện thuận lợi cho đội hình thọc sâu của Quân đoàn 1 phát triển nhanh hơn... thì Trung đoàn 48 từ bắc Khánh Vân tăng tốc độ hành tiến, vượt qua Lái Thiêu, qua cầu Vĩnh Bình rồi tiến vào Sài Gòn đánh chiếm bộ tổng tham mưu nguy. Cùng thời gian, Tư lệnh Quân đoàn quyết định bố trí thêm một cụm pháo binh thuộc Lữ đoàn 45 tại ngã tư Búng (triển khai trận địa cạnh đường 13) bắn trực tiếp vào bộ tổng tham mưu nguy. Trong khi pháo của ta bắn chính xác vào các mục tiêu quân sự của địch trong thành phố (nhiều viên đạn pháo 130 ly rơi trúng trung tâm hành quân, trung tâm thông tin và sân bay trực thăng trong bộ tổng tham mưu nguy), Trung đoàn 48 nhanh chóng triển khai lực lượng đánh địch chặn đường ở ấp Gò Dưa và ngã tư Bình Phước. Trước áp lực tiến công của xe tăng, thiết giáp ta, quân nguy ở các vị trí này chống cự yếu ớt rồi hoảng hốt vứt súng chạy tháo thân.

Càng tiến sâu vào phía trung tâm thành phố, lực lượng địch phòng thủ càng dày đặc. Khi lực lượng thọc sâu Trung đoàn 48 phát triển đến khu vực ấp Mai Liên (bắc cầu Bình Triệu) lại bị xe tăng và bộ binh địch ngăn chặn quyết liệt. Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 Thiệu Quang Nông lệnh cho Đại đội 6 tiến công địch ở ấp Mai Liên, đại đội 8 triển khai trận địa cối ngay trên mặt đường bắn chặn địch ở nam cầu Ông Đen, không cho chúng ra ứng cứu. Đại đội 5 phối hợp với lực lượng xe tăng tiến đánh cầu Bình Triệu. Nếu cầu hỏng, bộ đội sẽ vượt sông.

Trung đoàn trưởng Trung đoàn 48 Đoàn Trưng lệnh cho các đơn vị phải kiên quyết đánh bại âm mưu co cụm của địch, đánh chiếm bằng được cầu Bình Triệu.

Đến 8 giờ ngày 30 tháng 4 trận đánh kết thúc thắng lợi.

Điểm "tử thủ" cuối cùng của địch ở bắc Sài Gòn đã bị đập tan. Tranh thủ thời cơ, Trung đoàn 48 sử dụng 8 chiếc xe tăng vừa thu được của địch, bắt lính ngụy lái dẫn đường tiến vào đánh chiếm bộ tổng tham mưu ngụy.

Sau khi đánh tan cụm quân địch phòng ngự khu vực cầu Bình Triệu, Trung đoàn 48 - lực lượng thọc sâu chủ yếu của Sư đoàn 320B nhanh chóng vượt qua cầu, qua ngã tư Phú Nhuận, tiến theo đường Võ Tánh vào đánh chiếm bộ tổng tham mưu ngụy. Cùng lúc đó, cụm pháo binh Lữ đoàn 45 đặt tại Búng dồn dập bắn 47 phát đạn 130ly vào khu vực bộ tổng tham mưu ngụy. Một số viên đạn rơi trúng trung tâm hành quân, phá hủy sân bay trực thăng và kho kho đạn, kho xăng dầu làm bốc cháy dữ dội; trung tâm thông tin bị tê liệt hoàn toàn. Bọn địch trong bộ tổng tham mưu ngụy vô cùng hoảng loạn.

Khi tiến tới gần mục tiêu, Trung đoàn 48 cho đơn vị dừng lại trên đường Võ Tánh để điều chỉnh đội hình tiến công.

Vào khoảng 9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, ba mũi tiến công từ ba cổng đã gặp nhau ở khu vực cột cờ trước sân trụ sở bộ tổng tham mưu. Trước sức tiến công áp đảo của ta, binh lính sĩ quan địch thuộc tiểu đoàn biệt kích dù, tiểu đoàn bảo vệ Tổng hành dinh và các đơn vị đặc nhiệm khác đã phải lớt bỏ quân phục, vứt súng chạy tháo thân.

Trung đoàn trưởng Đoàn Trưng và Chính ủy trung đoàn Lê Xuân Yên tiến vào phòng làm việc của Cao Văn Viên - tổng tham mưu trưởng quân ngụy Sài Gòn thu hồi ấn, kiếm cùng nhiều tài liệu quan trọng khác. Tổ cấm cờ gồm 3 đồng chí: Lại Đức Lưu, Hoàng Xuân Tiến, Nguyễn Văn Đông, do đại đội trưởng Lại Đức Lưu chỉ huy nhanh chóng vận động lên cấm lá cờ giải phóng trên nóc nhà trụ sở bộ tổng tham mưu ngụy trong tiếng reo hò của cán bộ, chiến sĩ; lúc đó khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Sau khi đánh chiếm bộ tổng tham mưu ngụy, Bộ tư lệnh Quân đoàn ra lệnh cho Sư đoàn 320B dùng Trung đoàn 64 phối hợp với đơn vị bạn đánh chiếm căn cứ Gia Long và bộ quốc phòng ngụy; Trung đoàn 54 tiến công đánh chiếm tiểu khu Gia Định. Một lực lượng khác do đồng chí Lê Minh - Tham mưu trưởng sư đoàn chỉ huy phát triển sang dinh Độc Lập; khi đến nơi thấy đơn vị bạn đã chiếm giữ ở đó liền quay sang cùng lực lượng của Trung đoàn 64 chiếm giữ các mục tiêu khu vực bộ quốc phòng ngụy.

*

* *

17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, cùng thời điểm nổ súng tiến công trên toàn mặt trận, Sư đoàn 341 được Quân đoàn 4 tăng cường một tiểu đoàn xe tăng (thiếu), một tiểu đoàn cao xạ hỗn hợp, một đại đội pháo 105, hành quân chiếm lĩnh bàn đạp tiến công Trảng Bom. 4 giờ 7 phút ngày 27 tháng 4, sau đợt pháo bắn chuẩn bị, xe tăng và bộ binh bắt đầu xuất kích. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 6 sử dụng bộc phá mở cửa, đánh chiếm các công sự phía trước, sau đó phát triển theo chiến hào vành khăn dồn quân địch vào trung tâm yếu khu. Tiểu đoàn 5 bám theo bìa rừng cao su đánh thẳng vào trung tâm. Dựa vào các công sự và các ngôi nhà cao tầng trong yếu khu, quân địch cố sức chống cự, đồng thời cho tám xe tăng men theo sân bay đánh vào sườn đội hình tiến công của ta. Hai tiểu đoàn 5 và 6 phải lùi dần vào bìa rừng cao su.

Sư đoàn trưởng Trần Văn Trân lệnh cho trung đoàn trưởng Trung đoàn 273 Hoàng Trung Trực sử dụng Tiểu đoàn 3 thọc sâu vào trung tâm yếu khu phối hợp với các đơn vị bạn, đồng thời lệnh cho hai tiểu đoàn 5 và 6 xốc lại lực lượng tiếp tục tiến công.

8 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4, toàn bộ quân địch ở Trảng Bom bị tiêu diệt. Trận mở đầu cuộc tiến công vào Sài Gòn trên hướng đông bắc đã thắng lợi giòn giã. Ta làm chủ một đoạn đường số 1 dài 14km từ ngã ba Sông Thao đến Trảng Bom.

Trong khi chuẩn bị phương án tác chiến, Bộ tư lệnh Sư đoàn 341 đã dự kiến đến tình huống, khi bị ta tiến công mạnh, quân địch ở Trảng Bom và Bàu Cá có thể bỏ chạy về Biên Hòa và quân đoàn 3 nguy cũng có thể đưa lực lượng từ Biên Hòa lên phản kích. Cả hai lực lượng này đều phải qua suối Đĩa. Do đó, Bộ tư lệnh Sư đoàn quyết định đánh chiếm quân địch ở suối Đĩa cùng lúc với đánh Trảng Bom, tổ chức khu vực này thành trận địa chốt chặn của ta để giăng bẫy đón lõng, tiêu diệt quân địch từ Trảng Bom chạy về, chặn quân địch từ Hồ Nai, Biên Hòa ra ứng cứu.

9 giờ sáng ngày 27 tháng 4, tàn quân địch ở Trảng Bom rút chạy trong cảnh hỗn loạn về phía suối Đĩa. Đi đầu là một số xe thiết giáp của lữ đoàn 3 phía sau là lính sư đoàn 18, biệt động quân, bảo an... Từ các trận địa phục kích hai bên đường, bộ đội ta xông ra ném lựu đạn, bắn B.40, B.41 diệt xe cơ giới địch, dùng súng bộ binh và súng máy phòng không 12,7 diệt những tên ngoan cố chống cự. Toàn bộ quân địch tháo chạy gồm 2.000 tên, trên 100 xe quân sự bị tiêu diệt, tan rã và bị ta bắt sống. Sư đoàn 18 nguy cơ bản bị tiêu diệt.

Cùng ngày 27 tháng 4, Sư đoàn 6 được tăng cường Trung đoàn 209 (Sư đoàn 7), một tiểu đoàn xe tăng, hai tiểu đoàn pháo cao xạ tiến theo phía nam đường số 1 nhanh chóng đập tan các khu vực phòng thủ của địch ở suối Ông

Hoàng, diệt và làm tan rã trung đoàn 5 thiết giáp ở ngã ba Yên Thế, phát triển về Hồ Nai, Biên Hòa.

Đến ngày 28 tháng 4 năm 1975, các khu vực phòng thủ vòng ngoài của địch trên các hướng bắc, tây bắc, tây nam và đông nam Sài Gòn đều đã bị các cánh quân ta đập tan. Trên hướng đông, cuộc chiến đấu của Quân đoàn 4 nhằm đập tan một trong những tuyến phòng thủ then chốt của địch ở Hồ Nai diễn ra rất ác liệt. Lực lượng địch ở đây còn lữ đoàn 258 lính thủy đánh bộ giữ trục đường từ Hồ Nai đến Biên Hòa, một số đơn vị còn lại của sư đoàn 18 án ngữ khu vực Hồ Nai - Long Bình, chiến đoàn bảo an 318 giữ khu vực ngã ba Hồ Nai - Tam Hiệp. Chúng đào hào, rải mìn chống tăng, chông chất dây kềm gai thành từng đống bùng nhùng, chiếm các dây phố, nhà dân, công sở và dựa vào các công sự, đôn bốt tạo thành các hỏa điểm. Xe tăng M.48, M.41 nằm sâu dưới các ụ đất, các hầm bọc bao cát chia nòng pháo về phía các con đường tiến quân của ta. Chúng còn chiếm các nhà thờ, biến mỗi gác chuông thành một hỏa điểm lợi hại. Binh lính địch trà trộn với dân, dùng dân làm lá chắn, đẩy dân chống lại bộ đội.

Sư đoàn 341 sử dụng Trung đoàn pháo binh 55 kiểm chế các trận địa pháo binh địch. Tiểu đoàn bộ binh 7 được tăng cường 4 xe tăng phối hợp đột phá. Nhưng đến chiều ngày 28 tháng 4 bộ đội ta mới vào đến ấp Hồ Nai 1. Sáng 29 tháng 4, đội hình tiến công của Sư đoàn có 5 xe tăng dẫn đầu đập tan nhiều ổ đề kháng của địch, chiếm từng công sự, dây phố. Nhưng đến ngã ba Hồ Nai đi Biên Hòa thì phải dừng lại vì địch đào ở đây bốn tuyến hào, xe tăng của ta không qua được. Sư đoàn quyết định để lại một bộ phận cầm chân địch, các đơn vị khác vòng qua phía bắc đánh thốc xuống Biên Hòa, chiếm các mục tiêu đã được phân công. Trung đoàn 273 diệt một tiểu đoàn địch ở ga Long Lạc tiến vào sân bay Biên Hòa đánh chiếm căn cứ sư đoàn 3 không quân nguy. Trung đoàn 270 cùng với Sư đoàn 6 đánh chiếm căn cứ pháo binh Hóc Bà Thúc, sau đó cùng Trung đoàn 266 vòng qua Hồ Nai, đánh vào Long Bình. Đêm 29 tháng 4, Sư đoàn 6 tiêu diệt toàn bộ quân địch, phá hủy hàng chục xe tăng, xe thiết giáp ở ngã ba Hồ Nai.

10 giờ sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975, Trung tướng Lê Trọng Tấn - Phó tư lệnh Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh ra mệnh lệnh tiến công cho Quân đoàn 4.

Chấp hành mệnh lệnh, Quân đoàn 4 khẩn trương tổ chức lực lượng tiến đánh Sài Gòn. Từ ngày 27 tháng 4, đội hình cơ giới thọc sâu của Sư đoàn 7 đã tập kết ở đường quân sự làm gấp cách Trảng Bom 5km về phía nam. Rút kinh nghiệm cuộc hành tiến giải phóng Lâm Đồng, sư đoàn tổ chức thành hai thê đội, mỗi thê đội là một trung đoàn bộ binh.

Ngày 28 tháng 4, đội hình thọc sâu của Sư đoàn 7 theo đường quân sự làm gấp đến suối Địa, bắt đầu tiến quân theo trục đường số 1. Một giờ đêm 28 rạng ngày 29 tháng 4, phân đội pháo đi trước của sư đoàn đến đông ga Long Lạc. Đội hình hành quân phải tạm dừng vì Sư đoàn 341 và Sư đoàn 6 đang đột phá trục đường từ Hồ Nai đến Biên Hòa. 23 giờ ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 7 đến cách Hồ Nai 1.500m, Trung đoàn 165 phải triển khai chiến đấu, đập tan khu vực phòng ngự của một tiểu đoàn thủy quân lục chiến và 22 xe tăng địch. Khi tiến qua Hồ Nai, đội hình hành quân cơ giới đi giữa hai dãy nhà trên đường phố. Lúc này, tuyến phòng thủ của địch ở Hồ Nai đã bị ta đập vỡ, nhưng tàn binh địch lẫn trốn trong dân còn tụ tập thành từng tốp nhỏ. Chúng dùng tiểu liên M.16 và súng M.79, M.72 từ trên các nhà cao tầng, các gác chuông nhà thờ bắn vào đội hình hành quân của Sư đoàn 7 làm cháy, hỏng một số xe và pháo. Quân ta phải xuống xe, tổ chức lực lượng tiêu diệt địch.

Trên hướng đông Sài Gòn, cán bộ chiến sĩ Quân đoàn 4 đã đánh tới thị xã Biên Hòa. Nhưng đường số 1 làm từ thời Pháp, lòng đường hẹp, cầu yếu. Quân địch ở khu căn cứ Biên Hòa, khu vực phòng thủ mạnh nhất của địch trước cửa ngõ Sài Gòn vẫn tiếp tục chống trả, kể cả những tên còn lẫn lút.

Trước tình hình rất khẩn trương như vậy, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 lệnh cho Sư đoàn 6 tiếp tục truy quét tàn binh địch, diệt các mục tiêu còn lại, quân quản khu Biên Hòa. Sư đoàn 341 vượt qua cầu đường sắt bằng xe tải, đánh chiếm các mục tiêu đã được phân công ở quận Gò Vấp, quận 3 và quận 10. Sư đoàn 7 không tiến theo đường số 1 nữa mà quay ra đường Xa Lộ để vào quận 1 Sài Gòn.

8 giờ sáng ngày 30 tháng 4, bộ phận đi đầu của Trung đoàn 141 do phó trung đoàn trưởng Bé Ích Quân chỉ huy ra đến xa lộ, đúng lúc đội hình của Quân đoàn 2 thuộc cánh quân hướng đông đang theo đường Xa Lộ tiến vào Sài Gòn. Đại đội 7 do chính trị viên Hoàng Cao Đại chỉ huy có bốn xe tăng dẫn đầu đã gạt 2 chiếc xe tăng M.41 địch bị ta bắn cháy sang lề đường để xe tiến lên. Một cán bộ mới được bộ đội ta giải thoát khỏi nhà tù Tam Hiệp ngồi trên chiếc xe tăng đi đầu chỉ đường cho đại đội 7 tiến theo đường Hồng Thập Tự, quẹo qua đại lộ Thống Nhất, tới thẳng "đình Độc Lập". Lúc đó là 12 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4.

Trên hướng tây và tây nam, địch có hai tiểu khu (Long An và Hậu Nghĩa), 6 chi khu, 52 phân chi khu, 16 cứ điểm cấp tiểu đoàn, 32 cứ điểm cấp đại đội.

Lực lượng của ta do Đoàn 232 đảm nhiệm gồm 3 sư đoàn (Sư đoàn 3, Sư đoàn 5 và Sư đoàn 9) được tăng cường 1 Trung đoàn, 1 Trung đoàn pháo binh và được phối thuộc thêm lực lượng đặc công, biệt động khu. Đoàn 232 có

nhiệm vụ: cắt quốc lộ 4, cô lập Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long. Thực hiện đột kích đánh chiếm một trong năm mục tiêu quan trọng trong nội thành là Biệt khu Thủ đô (Sài Gòn), phát triển vào dinh Độc Lập, cùng với các quân đoàn bạn giải phóng hoàn toàn Sài Gòn - Gia Định. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ trên sẵn sàng phát triển xuống đồng bằng sông Cửu Long.

Căn cứ vào nhiệm vụ được Bộ Tư lệnh chiến dịch giao, Bộ Tư lệnh Đoàn 232 xác định: cắt đứt quốc lộ 4, đánh chiếm biệt khu Sài Gòn và quyết định chọn hướng tiến công như sau: Hướng đột kích chủ yếu là Hậu Nghĩa, theo trục lộ 10 vào khu Bà Hom, Vĩnh Lộc, Ra-đa Phú Lâm, Phú Thọ tiến vào Biệt khu Sài Gòn. Hướng cắt quốc lộ 4 đoạn từ nam Bến Lức đến bắc Tân An và đoạn từ Tân An đến Tân Lập.

Ngày 27 tháng 4 năm 1975, Bộ Tư lệnh Đoàn 232 cho xe pháo qua sông. Ngày 28 tháng 4, Đoàn 232 cho Sư đoàn 3 sử dụng 1 tiểu đoàn được tăng cường pháo 85ly tiến công tiêu diệt cụm địch ở ngã ba Tân Mỹ, tạo điều kiện tiêu diệt chi khu Hậu Nghĩa. Để bảo đảm cho Sư đoàn 9 có sức tiến công thọc sâu. Bộ Tư lệnh Đoàn 232 quyết định điều của Sư đoàn 3, 3 xe PT85, 2 pháo 105, 2 pháo 85ly, 1 tiểu đoàn cao xạ. Đồng thời báo cáo tình hình về Bộ chỉ huy chiến dịch. Bộ chỉ huy chiến dịch nhất trí tập trung xe pháo cho Sư đoàn 9, nhưng gợi ý có thể vây tiểu khu Hậu Nghĩa. Bộ Tư lệnh Đoàn 232 đề nghị cho Sư đoàn 3 tiến công Hậu Nghĩa. Bộ chỉ huy chiến dịch nhất trí.

5 giờ 10 phút ngày 29 tháng 4 năm 1974, Sư đoàn 3 tiến công chi khu Hậu Nghĩa. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Đến 9 giờ 5 phút địch bỏ chạy theo hướng lộ 8. 9 giờ 55 phút tên tỉnh trưởng Hậu Nghĩa cũng bỏ chạy. Ta hoàn toàn làm chủ thị xã Hậu Nghĩa.

Sư đoàn 9 (đơn vị làm nhiệm vụ thọc sâu), 15 giờ ngày 28 tháng 4 từ vị trí tập kết bắt đầu hành quân. Dự kiến sáng 29 tháng 4 Sư đoàn 9 vào vị trí triển khai, nhưng do đường bị lầy, phương tiện thiếu nên trong đêm 28 tháng 4 mới bắt đầu vượt sông Vàm Cỏ Đông. Đến 7 giờ sáng ngày 29 tháng 4, toàn sư đoàn mới vượt được sông.

Để bảo đảm cho Sư đoàn 9 có thêm xe pháo thực hành đột kích, Bộ Tư lệnh Đoàn 232 đã lệnh cho Sư đoàn 5 chuyển cho Sư đoàn 9, 5 xe PT85, 2 pháo 85 ly, 2 pháo 105 ly và 1 tiểu đoàn cao xạ.

Ngày 28 tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 1, Sư đoàn 9 do trung đoàn trưởng Nguyễn Văn Chia (Ba Chia) và chính ủy Lê Văn Dũng chỉ huy từ khu vực tập kết ở Bình Thủy, Bà Công (huyện Đức Hòa, tỉnh Long An) chia thành hai mũi tiến vào Sài Gòn. Trung đoàn 1 đánh chiếm chốt Giồng Đình phân chi khu Mỹ Hạnh, đập tan các ổ đề kháng của tiểu đoàn biệt động quân 84, sau đó vượt qua bưng Mỹ Hạnh ém quân ở bìa bưng Vĩnh Lộc.

Đêm 29 rạng 30 tháng 4, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 1 được tăng cường 1 đại đội cối 120ly, 1 đại đội súng máy phòng không 12,7 do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thực Hiện và chính trị viên Trần Nam Phi chỉ huy bí mật đưa lực lượng vào ém quân ở khu vực ngã ba Bà Quẹo. Tiểu đoàn 2 do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Quới và chính trị viên Khải chỉ huy đánh chiếm phân chi khu Vĩnh Lộc, diệt tiểu đoàn biệt động quân 84 và 1 tiểu đoàn bảo an. Các mũi tiến quân của Trung đoàn 1, đã mở đường cho đội hình Sư đoàn 9 tiến vào ngã tư Bảy Hiền sáng 30 tháng 4.

Tại ngã tư Bảy Hiền, quân địch huy động cả xe tăng, bộ binh chống trả quyết liệt. Một tốp máy bay của địch cất cánh từ sân bay Trà Nóc ném bom xuống ngã tư Bảy Hiền làm 1 xe tăng của ta bị hỏng nặng, một số chiến sĩ bị thương vong. Để nhanh chóng đập tan sự kháng cự của địch, Ban chỉ huy trung đoàn tập trung hai tiểu đoàn 1 và 2 có xe tăng dẫn đầu đột phá qua các chốt địch, nhanh chóng phát triển theo đường Lê Văn Duyệt.

10 giờ 30 phút, đại đội 12 đơn vị đi đầu của Trung đoàn 1 tiến vào Biệt khu thủ đô ngụy. Chính trị viên đại đội Nguyễn Anh Tích, trung đội trưởng Nguyễn Đức Quang cùng các chiến sĩ xông vào biệt khu và cắm cờ Quyết chiến Quyết thắng lên tòa Biệt khu thủ đô bắt sống tướng Lâm Văn Phát. Cùng lúc đó, ban chỉ huy Trung đoàn 1 cũng có mặt đầy đủ: Trung đoàn trưởng Ba Chia, Chính ủy Lê Văn Dũng, Phó chính ủy Phạm Năm, Trung đoàn phó Nguyễn Văn Tấn, Tham mưu trưởng Nguyễn Thanh Giang. Chính ủy Lê Văn Dũng lệnh cho Lâm Văn Phát ra lệnh cho sĩ quan thuộc quyền hạ vũ khí đầu hàng. Lâm Văn Phát gào lặc giọng mà cũng không liên lạc được một đơn vị nào. Phát nói: "Thưa các ông, các đơn vị thuộc quyền đã tan rã rồi!".

Trung đoàn 1, sư đoàn 9 là hướng vào nội thành Sài Gòn sớm và Biệt khu thủ đô là một trong những mục tiêu bị đánh chiếm sớm trong ngày 30 tháng 4. Sau khi đánh chiếm Biệt khu thủ đô, Trung đoàn 1 nhanh chóng phát triển sang dinh Độc Lập.

Mũi tiến công thứ hai của Sư đoàn 9 do Trung đoàn 3 dưới sự chỉ huy của trung đoàn trưởng Hoàng Thuần và chính ủy Hồ Giáo, sau khi vượt qua sông Vàm Cỏ Đông ngày 28 tháng 4 năm 1975, đã tiến đến Hậu Nghĩa và bước vào chiến đấu. Tiểu đoàn 7, diệt chốt Kênh Xáng, loại khỏi vòng chiến đấu 1 tiểu đoàn địch. Tiểu đoàn 8, diệt chốt Bà Lác tiếp đó phối hợp với Trung đoàn 16 đánh chiếm khu vực Bà Hom. Tiểu đoàn 9, bao vây diệt địch ở ấp Tân Tạo. Sáng 30 tháng 4, toàn trung đoàn tiến vào trường đua Phú Thọ, hợp điểm với Trung đoàn 1 ở Biệt khu thủ đô ngụy.

Trên hướng Trung đoàn 24 và đặc công, 5 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 diệt đồn ngã ba Đình Hưng Đông, diệt chốt cảnh sát quận 8, đánh chiếm cầu

Nhị Thiên Đường và phát triển lên cầu chữ Y. 10 giờ 30 phút Trung đoàn 24 đánh chiếm bộ tư lệnh cảnh sát quốc gia.

Trung đoàn 88, từ 5 giờ 30 phút đến 8 giờ diệt bớt Bà Phước và Phân chi khu Bà Phước, bức hàng đồn Ông Thiều, ngã ba An Phú, khu Nhà Bè.

Trung đoàn 16, 16 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 vận động tiến công đánh chiếm ga An Lộc, 11 giờ 30 phút chiếm cầu Bình Điện.

Sư đoàn 5, từ 5 giờ đến 12 giờ ngày 30 tháng 4, vận động tiến công tiêu diệt sư đoàn 22 quân ngụy cùng lực lượng biệt động quân, chiếm thị xã Tân An, chi khu Thủ Thừa.

Các đơn vị đặc công thuộc Đoàn 232, 8 giờ ngày 30 tháng 4 đánh chiếm quận Tân Bình, 10 giờ đánh chiếm hoàn toàn quận Bình Chánh, 12 giờ 30 phút đánh chiếm Đặc khu Rừng Sát.

Đoàn 232 đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt làm tan rã toàn bộ sư đoàn 22 quân ngụy và biệt động quân mới thành lập, do thọc sâu nhanh nên đã chiếm mục tiêu Biệt khu thủ đô và Tổng nha cảnh sát lúc 10 giờ 30 phút.

*

* *

Xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn là một tuyến chiến lược nối giữa Sài Gòn và khu quân sự liên hợp Biên Hòa - Long Bình được Mỹ xây dựng để phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. Đây là con đường cao tốc hiện đại. Mặt đường rộng, hai bên đường dày đặc các kho tàng, công trình quân sự và các căn cứ quan trọng của lính địch. Thọc sâu bằng lực lượng cơ giới vào Sài Gòn theo trục đường này, Quân đoàn 2 có thuận lợi là đường rộng và tốt, dễ cơ động; nhưng có những khó khăn là lực lượng địch đông, nếu chúng ngoan cố chống cự, Quân đoàn dễ bị tổn thất lớn trước khi đánh vào được nội đô. Mặt khác, sau khi chiếm được cầu Xa Lộ, Đồng Nai, Quân đoàn 2 còn phải tiến qua một chiếc cầu lớn khác (cầu Xa Lộ, Sài Gòn) mới vào được bên trong thành phố. Nếu để địch có thời gian kịp phá cầu, lực lượng đột kích cơ giới của Quân đoàn sẽ gặp khó khăn lớn trong thực hiện nhiệm vụ.

Nắm vững tình hình đó, vào lúc 4 giờ ngày 30 tháng 4, tại một điểm cạnh cầu sông Buông, Bộ Tư lệnh Quân đoàn cùng một số cán bộ cơ quan và chỉ huy các phân đội trong đội hình đột kích thọc sâu, bàn bạc, hạ quyết tâm vượt xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn đánh thẳng vào thủ phủ chính quyền Sài Gòn. Tảng sáng 30 tháng 4, vừa giải quyết xong khu vực cầu Xa Lộ qua sông Đồng Nai, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 lập tức ra lệnh cho lực lượng đột kích cơ giới nhanh chóng đánh ngay về Thủ Đức.

Khi lực lượng đột kích cơ giới của Quân đoàn 2 lướt qua nhiều tuyến ngăn chặn của địch vào đến khu vực Thủ Đức thì bị địch chặn lại. Sở chỉ huy tiền phương Quân đoàn điều hai khẩu pháo 85 lên bắn thẳng vào trận địa địch. Đại đội 12 tiểu đoàn 7 cao xạ cũng nhanh chóng triển khai trận địa ngay trên xa lộ, hạ nòng pháo 57 bắn sập một đài quan sát, tiêu diệt hai trận địa cối và nhiều binh lính địch. Các xe tăng tiểu đoàn 5 Lữ đoàn 203 đã chiến đấu rất dũng cảm. Đặc biệt là xe tăng 707 do đồng chí Trần Quang Nhân chỉ huy được lệnh đánh vòng phía sau khu huấn luyện Thủ Đức đã dũng mãnh đột phá chọc thủng trận địa phòng ngự địch. Bị súng chống tăng địch bắn cháy xe, cả năm chiến sĩ trên xe tăng 707 vẫn anh dũng chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Tấm gương hy sinh dũng cảm đó đã để lại cho đồng bào xã Tăng Nhơn Phú lòng cảm phục sâu sắc.

Trong quá trình đột phá theo trục đường số 15 và xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn, nhiều cán bộ, chiến sĩ các đơn vị, các cán bộ cơ quan quân đoàn đã nêu gương dũng cảm, quên mình vì nhiệm vụ.

9 giờ ngày 30 tháng 4, xe của Tư lệnh Quân đoàn vào tới Thủ Đức. Thấy tiểu đoàn 5 xe tăng Lữ đoàn 203 đang dồn lực lượng đánh địch ở khu vực Thủ Đức, Tư lệnh Quân đoàn lệnh cho tiểu đoàn 5 lập tức đuổi theo đội hình của Lữ đoàn 203 đánh vào mục tiêu chính. Nhiệm vụ đánh chiếm khu vực Thủ Đức, Quân đoàn giao cho Trung đoàn 18 Sư đoàn 325 thực hiện.

Khi xe tăng của Lữ đoàn 203 vừa tiến vào đầu cầu phía bắc, quân địch giữ cầu nổ súng ngăn chặn. Đồng thời, địch cho tám xe tăng và xe bọc thép lội nước bắn ngăn chặn. Sáu tàu chiến của hải quân địch đang neo đậu ở khu vực Tân Cảng cũng nổ súng bắn vào đội hình thọc sâu của Quân đoàn. Hai xe tăng của Lữ đoàn 203 trúng đạn bốc cháy. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1 xe tăng, hai cán bộ đại đội và một số cán bộ, chiến sĩ Lữ đoàn 203 xe tăng và Lữ đoàn 219 công binh đã anh dũng hy sinh. Đại đội 5 tiểu đoàn 8 bộ binh Sư đoàn 304 bị thương vong một số.

Tiểu đoàn 7 pháo cao xạ cũng được lệnh phát huy hỏa lực bắn máy bay, không cho chúng ném bom phá cầu và hạ thấp nòng phối hợp với pháo 85 đánh trả tàu chiến địch. Được hỏa lực pháo binh, cao xạ chi viện và bộ binh Sư đoàn 304 phối hợp chiến đấu, Lữ đoàn 203 xe tăng triển khai đội hình đột phá qua cầu Sài Gòn.

Trên đường đánh lên chiếm cầu, tiểu đoàn 1 xe tăng và hỏa lực ĐKZ Trung đoàn 66 bắn cháy hai xe tăng và hai tàu chiến địch.

Lực lượng thọc sâu Quân đoàn 2 phát triển tới cầu Thị Nghè, gặp địch chống cự, đại đội 4 xe tăng nổ súng tiêu diệt bốn chiếc M.41, M.113 và nhanh chóng vượt qua cầu tiến theo đường Hồng Thập Tự. Tiếng gầm rú của xe tăng xen lẫn tiếng động cơ vang rền của hàng trăm xe cơ giới khác đang

dẫn ga xông tới làm cho quân địch hết sức hoảng loạn. Chúng rút súng, trút bỏ quân phục, trà trộn trong dân, hoặc tháo chạy thục mạng. Được nhân dân chỉ đường, đoàn xe tăng, cơ giới của Quân đoàn rầm rập tiến thẳng vào chiếm dinh Độc Lập, theo đường Hồng Thập Tự và đường Thống Nhất.

Buổi sáng 30 tháng 4, ở dinh Độc Lập, Dương Văn Minh đang chủ trì cuộc họp các tổng trưởng của chính quyền Sài Gòn để chuẩn bị cho lễ ra mắt "tân nội các" dự định sẽ tiến hành vào 10 giờ sáng. Nhưng khi nhận được tin các đơn vị nòng cốt bảo vệ vòng ngoài đều bị tiêu diệt và tan rã, các binh đoàn, quân đoàn của ta từ nhiều hướng đã tràn vào tới nội đô, Dương Văn Minh buộc phải đưa ra một bản tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn xin "ngừng bắn... để cùng thảo luận về việc bàn giao chính quyền"!

Nhưng khi các cánh quân của ta từ nhiều hướng dũng mãnh đè bẹp mọi sự kháng cự cuối cùng của địch, đang ồ ạt tiến vào nội đô Sài Gòn, thì mọi toan tính của chính quyền Sài Gòn đã quá muộn!

Cũng trong sáng ngày 30 tháng 4, từ Hà Nội, Bộ Chính trị điện chỉ thị cho mặt trận như sau:

"Tiếp tục tiến vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của địch".

Nhận được điện chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh đã lệnh cho các quân khu, quân đoàn, đơn vị tham gia chiến dịch:

1. Các quân khu, quân đoàn, đơn vị, tiếp tục phát triển tiến công thật nhanh vào các khu vực và mục tiêu đã quy định trong thành phố và địa phương.
2. Kêu gọi quân địch đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí, bắt giữ và tập trung các sĩ quan địch từ cấp tá trở lên.
3. Nếu chỗ nào địch chống cự thì lập tức tiến công tiêu diệt ngay.

Khi nghe đài phát thanh Sài Gòn thông báo tổng thống chính quyền Sài Gòn yêu cầu ngừng bắn thì cán bộ, chiến sĩ ta hiểu rằng giờ toàn thắng đã đến và càng quyết tâm tiến nhanh vào chiếm dinh Độc Lập, bắt toàn bộ bọn đầu sỏ chính quyền Sài Gòn.

Đoàn xe tăng, cơ giới của Quân đoàn 2 tiến vào tới trước cửa dinh Độc Lập. Xe tăng 843 do đại đội trưởng Bùi Quang Thận trực tiếp làm trưởng xe luôn dẫn đầu; kíp xe gồm: Thái Bá Minh, Nguyễn Văn Kỳ và Lữ Văn Thái. Tiếp sau là xe 390 do chính trị viên đại đội Vũ Đăng Toàn chỉ huy; kíp xe gồm: Lê Đình Phương, Nguyễn Văn Tập và Ngô Sĩ Nguyên; riêng pháo thủ Đỗ Cao Trường bị thương phải ở lại tuyến sau. Xe 843 tiến đến trước hàng rào dinh Độc Lập húc thẳng vào cổng phụ, bên cạnh cổng chính, xe bị mắc kẹt dừng lại. Ngay lúc đó, xe 390 lao lên, húc đổ cổng chính dinh Độc Lập.

Trung úy đại đội trưởng Bùi Quang Thận từ xe 843 cầm lá cờ Giải phóng, chạy lên cắm trên đỉnh nóc dinh tổng thống ngụy quyền Sài Gòn. Lúc đó là 11 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Cùng thời gian, trung đoàn phó Trung đoàn 66 Phạm Xuân Thệ và một số cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2 và biệt động thành Sài Gòn tiến vào dinh Độc Lập bắt tổng thống Dương Văn Minh cùng toàn bộ những nhân vật chủ chốt của nội các chính quyền Sài Gòn¹.

Ngay sau đó, đồng chí Phạm Xuân Thệ cùng một số cán bộ, chiến sĩ áp giải tổng thống Dương Văn Minh đến đài phát thanh. Trong lúc đồng chí Thệ và các đồng chí cán bộ Trung đoàn 66 soạn thảo nội dung lời tuyên bố đầu hàng, thì đồng chí Bùi Văn Tùng - Chính ủy Lữ đoàn xe tăng 203 đến, mọi người cùng bàn bạc soạn thảo tiếp. Đồng chí Thệ đọc cho Dương Văn Minh chép lại nội dung bản tuyên bố đầu hàng.

Dương Văn Minh buộc phải tuyên bố trên đài phát thanh Sài Gòn: "Tôi: Đại tướng Dương Văn Minh - Tổng thống chính quyền Sài Gòn kêu gọi quân lực cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện Quân giải phóng miền Nam - Việt Nam. Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn, giao chính quyền từ trung ương đến địa phương lại cho Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam - Việt Nam". Tiếp đó đồng chí Bùi Văn Tùng vinh dự thay mặt các đơn vị Quân giải phóng đánh chiếm dinh Độc Lập, đồng đọc tuyên bố: "... Chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của Tổng thống chính quyền Sài Gòn... Thành phố Sài Gòn - Gia Định đã hoàn toàn giải phóng".

Từ đài phát thanh Sài Gòn vừa được giải phóng, tiếng nói của đội quân chiến thắng được truyền tới khắp mọi miền Tổ quốc và tới khắp năm châu, báo tin vui sự nghiệp giải phóng miền Nam đã hoàn thành, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã toàn thắng.

Đứng trong "dinh Độc Lập" - thủ phủ chính quyền Sài Gòn đã về tay cách mạng; cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 2 ý thức sâu sắc rằng mình đã cùng cả dân tộc tới được đích thắng lợi của mấy chục năm chiến đấu kiên cường, anh dũng.

Cũng trong sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi Quân đoàn 2 đánh chiếm dinh Độc Lập thì các Quân đoàn 3, 1, 4 và Đoàn 232 đã đánh vào nội

1. Nội các chính quyền Sài Gòn bị bắt gồm có Dương Văn Minh - tổng thống, Nguyễn Văn Hiến - phó tổng thống, Vũ Văn Mẫu - thủ tướng chính phủ, Bùi Tường Huân - phó thủ tướng. Nguyễn Văn Hào - phó thủ tướng kiêm bộ trưởng bộ kinh tế, Lý Quang Trung - bộ trưởng bộ thông tin, Nguyễn Văn Diệp - bộ trưởng thương mại, Lê Quang Trưởng - bộ trưởng bộ tài chính, Nguyễn Văn Ba - thứ trưởng thông tin, Bùi Thế Dung - thứ trưởng quốc phòng, Nguyễn Hữu Hành - chuẩn tướng phụ tá tổng thống, Vũ Quang Chiêm - đại tá chánh văn phòng phủ thủ tướng...

đô, chiếm gọn các mục tiêu sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu, bộ quốc phòng, biệt khu thủ đô, tổng nha cảnh sát của chính quyền Sài Gòn.

Cùng với các cánh quân tiến vào giải phóng thành phố, nhân dân Sài Gòn - Gia Định đã chiếm lĩnh nhiều công trình kinh tế, văn hóa, làm chủ các đường phố, hăng hái dẫn bộ đội đi chiếm các vị trí của địch, lòng bất bợn ác ôn lần trốn, tham gia gìn giữ trật tự trị an, nhanh chóng ổn định tình hình.

Để kịp thời bảo đảm trật tự an ninh trong thành phố và các vùng vừa được giải phóng, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 được ủy nhiệm của Bộ chỉ huy chiến dịch, chủ động ra *Thông cáo số 1* báo cáo với toàn thể đồng bào: "Quân giải phóng đã làm chủ hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định lúc 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975. Chính quyền Sài Gòn đã phải đầu hàng vô điều kiện...", và tạm thời nêu sáu quy định để mọi người thực hiện, bảo đảm trật tự trị an và sinh hoạt bình thường trong thành phố. Đài phát thanh Sài Gòn cứ 15 phút lại phát đi bản *Thông cáo số 1* một lần.

Chiến dịch Hồ Chí Minh - trận quyết chiến cuối cùng đại thắng.

Thành phố Sài Gòn - thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu hoàn toàn giải phóng.

Nhân dân Sài Gòn xuống đường hò reo đón chào bộ đội cách mạng. Cờ đỏ sao vàng, cờ Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam rợp các đường phố. Bà con cô bác, nam nữ thanh niên, các cháu thiếu nhi vây quanh các anh bộ đội, vây quanh những chiếc xe tăng, những khẩu pháo, nét mặt ai nấy đều hân hoan rạng rỡ. Cả Sài Gòn, cả Việt Nam lúc ấy sống trong niềm vui vô tận. Đó là niềm vui giải phóng của cả dân tộc Việt Nam mong đợi suốt 21 năm, đúng hơn là 30 năm kể từ ngày Nam Bộ kháng chiến. Trong giờ phút hào hùng của lịch sử, mọi người chúng tôi đều xúc động nhớ tới Bác Hồ. Bác Hồ ơi! Tuân theo Di chúc của Người chúng con đã thực hiện trọn vẹn điều Bác hằng mong "đánh cho Mỹ cút" và hôm nay "ngụy đã nhào", non sông thu về một mối, Nam - Bắc sum họp một nhà.

*

* * *

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng chủ lực, địa phương, cảnh sát thuộc quân khu 3 địch, lực lượng tổng trừ bị còn lại và tàn quân của quân đoàn 1 và quân đoàn 2 chạy về, đập tan hệ thống ngụy quyền từ trung ương đến cơ sở, giải phóng hoàn toàn thành phố Sài Gòn - Gia Định, các tỉnh Tân An, Gò Công, Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Bình

Dương, Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu... tạo điều kiện cho Quân khu 8 và Quân khu 9 cùng với nhân dân địa phương tiến công và nổi dậy tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân khu 4 địch và giải phóng đồng bằng Cửu Long trong 2 ngày 30 tháng 4 và 1 tháng 5 năm 1975.

- Cụ thể đã tiêu diệt làm tan rã khoảng 250.000 tên địch (trong đó có khoảng 160.000 tên bị bắt và đầu hàng, 15.700 tên bị diệt, còn lại tan rã). Tính đến ngày 10 tháng 10 năm 1975, có thêm hơn 700.000 tên ra trình diện (có 30 tướng, hơn 400 đại tá, hơn 2.000 trung tá, hơn 5.000 thiếu tá, gồm 60.000 cấp úy, còn lại là hạ sĩ quan, binh sĩ và nhân viên ngụy quyền). Về đơn vị, có 7 sư đoàn bộ binh (3 sư đoàn mới khôi phục), 5 lữ đoàn, 4 sư đoàn không quân, 90 đơn vị hải quân... Ta đã thu: 500 khẩu pháo, hơn 400 xe tăng thiết giáp, hơn 800 máy bay, hơn 600 tàu chiến, hơn 270.000 khẩu súng các loại, hơn 3.000 xe các loại, thu toàn bộ kho tàng địch.

- Ta hy sinh và bị thương hơn 6.000 đồng chí (chủ lực) bị cháy và hỏng 33 xe tăng, tiêu thụ khoảng 4.500 tấn đạn lớn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 toàn thắng có nhiều ý nghĩa hết sức to lớn.

Thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh là *thắng lợi vĩ đại nhất, trọn vẹn nhất*, kết thúc 30 năm chiến tranh lâu dài, gian khổ chống ngoại xâm của dân tộc ta; *mở ra một kỷ nguyên mới*, kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước ta.

Nếu trước đây chiến dịch Điện Biên Phủ đã đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ của đế quốc Pháp, thì thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh ngày nay *đã đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*; đây là thất bại to lớn nhất của Mỹ từ trước tới nay, mở ra một thời kỳ mới cho phong trào cách mạng thế giới.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã giành thắng lợi trọn vẹn trong thời gian rất ngắn (3 ngày rưỡi), *đã thu được hầu như toàn bộ vũ khí kỹ thuật hiện đại, căn cứ, kho tàng của địch*. Nhân dân trong khu vực chiến dịch hầu như không bị tổn thất, thành phố hầu như còn nguyên vẹn, hầu hết cơ sở vật chất về quân sự, về kinh tế, về sinh hoạt ta đều thu được, có tác dụng hết sức to lớn cho công cuộc xây dựng đất nước, trang bị cho quân đội sau này...

Là đỉnh cao nghệ thuật chiến dịch của chiến tranh nhân dân Việt Nam; chiến dịch Hồ Chí Minh đã phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp và thế trận lợi hại, với ưu thế áp đảo quân địch, đánh vào hệ thống phòng thủ lớn nhất của địch, thực hiện tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch, giành thắng lợi triệt để trong thời gian nhanh nhất, rút được kinh nghiệm nhiều mặt có ý

nghĩa hết sức quan trọng trong việc chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, chỉ đạo tác chiến sau này, đồng thời đã *góp phần phát triển làm phong phú kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam.*

*

* *

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử có *mấy đặc điểm nổi bật* sau đây:

1. Là chiến dịch tiến công có ý nghĩa chiến lược cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, là trận quyết chiến chiến lược lớn nhất đánh thẳng vào sào huyệt cuối cùng của địch, tiếp theo những thắng lợi từ đầu mùa khô 1974-1975, nhất là những thắng lợi vang dội của Tây Nguyên, của Huế - Đà Nẵng. Chiến dịch đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến lược của Trung ương Đảng đề ra, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân khu 3 địch, đập tan toàn bộ hệ thống ngụy quyền, trong đó có ngụy quyền trung ương, giải phóng miền Đông Nam Bộ, góp phần quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam. Là chiến dịch với ý nghĩa chiến lược lớn, nên vấn đề rút ra về chiến dịch cũng mang nhiều nội dung chiến lược.

2. Là chiến dịch tiến công, hiệp đồng binh quân chủng lớn nhất, phương thức tác chiến phong phú nhất trong cả 20 năm kháng chiến chống Mỹ; chiến dịch đã huy động các lực lượng chính trị, vũ trang tại chỗ và hầu hết lực lượng cơ động chiến lược của cả nước tham gia, *tạo thành ưu thế áp đảo quân địch.* Chiến dịch diễn ra trên cơ sở một thế trận có lợi được tạo ra từ trước, đã hình thành thế bao vây chia cắt chiến dịch, chiến lược, bố trí lực lượng áp sát mục tiêu chủ yếu của chiến dịch, thế đứng chân của lực lượng tại chỗ rất hiểm, quần chúng đã được chuẩn bị một bước, vật chất bảo đảm đủ theo yêu cầu. Những vấn đề rút ra về nghệ thuật chiến dịch thường là những nội dung nghệ thuật phát triển cao, trong một ưu thế chiến dịch mà từ trước đến nay ít có điều kiện tương tự.

3. Là chiến dịch được Bộ Chính trị - Quân ủy Trung ương chỉ đạo trực tiếp, tập trung, sâu sát, kịp thời, sáng suốt, lại được các cơ quan chiến lược tập trung bảo đảm nên có nhiều điều kiện thuận lợi.

Từ những đặc điểm trên, rõ ràng chiến dịch Hồ Chí Minh là một chiến dịch tiến công có ý nghĩa chiến lược, lớn nhất, hoàn chỉnh nhất, một loại hình chiến dịch thường xuất hiện trong thời kỳ cuối của chiến tranh, với đầy đủ yếu tố như: mục tiêu và đối tượng chiến lược của chiến dịch; sử dụng lực lượng chiến dịch, chiến lược lớn nhất, bao gồm nhiều quân đoàn hợp thành; do cấp chiến lược trực tiếp tổ chức, chỉ đạo và chỉ huy; tiêu diệt và làm tan rã triệt để quân địch về chiến lược.

Những đặc điểm trên có liên quan đến những bài học kinh nghiệm được đúc kết dưới đây:

Một là, nắm bắt đúng thời cơ chiến lược, hạ quyết tâm mở chiến dịch chính xác, kịp thời.

Từ quyết tâm chiến lược cơ bản giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975-1976, sau thắng lợi vang dội ở Tây Nguyên, Bộ Chính trị - Quân ủy Trung ương đã kịp thời nhận định và bổ sung quyết tâm mới, nắm bắt đúng thời cơ chiến lược chỉ đạo nhanh chóng tiêu diệt quân địch ở quân khu 1, chủ yếu là Huế - Đà Nẵng, và bộ phận còn lại quân khu 2 địch, giải phóng các tỉnh miền Trung; không cho chúng co cụm về Sài Gòn - Gia Định. Đồng thời, đã chỉ đạo kiên quyết và nhanh chóng tập trung lực lượng (ít nhất 12 sư đoàn, thực tế là 15 sư đoàn), tập trung vật chất kỹ thuật của cả nước quyết tâm thực hiện thắng lợi trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, kết thúc chiến tranh... ngay trong năm 1975, rồi trước mùa mưa và cuối cùng là ngay trong tháng 4 năm 1975.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã quyết định thành lập Bộ Tư lệnh chiến dịch, tăng cường lãnh đạo tại chỗ của Bộ Chính trị đối với chiến dịch, chuẩn y đặt tên chiến dịch Hồ Chí Minh để động viên toàn dân toàn quân nức lòng hăng hái tham gia. Thành lập hội đồng chỉ viện tiền phương do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp làm Chủ tịch. Nhiều đồng chí thủ trưởng Bộ, Tổng cục, Cục; nhiều Tư lệnh binh chủng, quân chủng, được lệnh vào ngay chiến trường để tăng cường bộ máy chỉ đạo chỉ huy của chiến dịch. Nhiều đồng chí thủ trưởng Bộ, Tổng cục trực tiếp đôn đốc, động viên các đơn vị hành quân cấp tốc vào chiến trường ngay trên đường vận chuyển chiến lược, thực hiện khẩu hiệu "Thần tốc, thần tốc hơn nữa", "Thời gian là lực lượng, thời gian là chiến thắng...".

Kịp thời quán triệt quyết tâm của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh chiến dịch (cả Trung ương Cục, Quân ủy Miền) đã đánh giá tình hình chiến trường và hạ quyết tâm chiến dịch chính xác, kịp thời.

Về địch, Bộ Tư lệnh nhận định chủ yếu như sau: trong thế chung trên toàn miền Nam, địch đang hoang mang rối loạn cực độ, trên đà tan rã, nhưng ở quân khu 3 địch, lực lượng chúng còn đông và sức mạnh của chúng còn rất lớn; Sài Gòn lại là sào huyệt cuối cùng, chúng còn ngoan cố, chống giữ có tổ chức, có chuẩn bị. Chúng đã triển khai lực lượng mạnh (6f) phòng thủ vòng ngoài trên các hướng để chặn ta từ xa. Nhưng các đơn vị của quân đoàn 3 địch (tuy chưa bị tiêu diệt và tan rã lớn) đều đã bị đánh thiệt hại, lại bị tác động của bọn tàn quân quân đoàn 1, quân đoàn 2 chạy về, nên cũng đang rất hoang mang khiếp sợ, nếu bị ta đánh mạnh, đánh trúng cũng có

thể tan rã nhanh. Còn Mỹ, đến lúc này hầu như không còn có khả năng can thiệp bằng quân sự để cứu nguy. Ta có ưu thế hơn hẳn địch về mọi mặt, nhưng cơ động vận chuyển đến địa bàn chiến dịch cũng phải một thời gian nữa mới kịp. Ta có thể tạo được bất ngờ về thời gian, về quy mô và cách đánh. Vòng ngoài, ta tập trung được ưu thế về bộ binh và binh chủng kỹ thuật; ven đô và nội đô ta có lực lượng tại chỗ mạnh, triển khai sẵn, đông đảo lực lượng chính trị quần chúng đã sẵn sàng nổi dậy, khí thế quyết thắng của toàn dân, toàn quân rất cao.

Từ nhận định đúng đắn trên, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã đề ra quyết tâm rất chính xác và chỉ đạo thực hiện một cách trọn vẹn.

Tư tưởng chỉ đạo chiến dịch: Hết sức khẩn trương tập trung lực lượng tạo ưu thế áp đảo, tập trung vật chất đầy đủ, chuẩn bị chu đáo, đánh mạnh, đánh liên tục, đánh nhanh giải quyết nhanh, không chia bước, chia đợt...

Về cách đánh chiến dịch, Bộ Tư lệnh xác định: phải hình thành thế bao vây chia cắt, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng chủ lực quân đoàn 3 và tổng trừ bị địch còn lại ở vòng ngoài; đồng thời thọc sâu đánh thẳng vào bên trong Sài Gòn bằng lực lượng đột kích mạnh, kết hợp lực lượng tại chỗ và quần chúng nổi dậy, chiếm lĩnh các mục tiêu chiến lược, phá hủy đầu não chỉ huy, đập tan nguy quyền trung ương, giải phóng Sài Gòn, cố gắng không để thành phố bị tàn phá lớn; tạo điều kiện cho đồng bằng sông Cửu Long tiến công và nổi dậy giải phóng địa phương, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Để đảm bảo cho đòn quyết định thắng lợi triệt để, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã đề ra và giải quyết hàng loạt biện pháp, mà nổi lên là:

- Đề nghị điều động lực lượng và vật chất từ các hướng sao cho kịp thời điểm nổ súng có lợi nhất.

- Tiếp tục chỉ đạo tác chiến của các lực lượng toàn B2 tạo thế có lợi nhất cho chiến dịch.

- Nhanh chóng hoàn thành xây dựng kế hoạch tác chiến chiến dịch, giao nhiệm vụ tổ chức hiệp đồng các quân đoàn, các cánh, các hướng. Theo dõi sát sao, nắm chắc tình hình, nắm vững thời cơ, chỉ đạo thực hành chiến dịch vào thời điểm có lợi nhất...

Thực tế quá trình trực tiếp chuẩn bị chiến dịch Hồ Chí Minh đã diễn ra đúng như vậy.

Đã đẩy mạnh hoạt động liên tục để tiếp tục tạo thế có lợi nhất. Quân đoàn 4 đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18 và lữ 3 kỵ binh, lữ dù địch, thực hành bao vây cô lập triệt để, kết hợp áp lực khi Quân. đoàn 2 phá vỡ tuyến phòng ngự từ xa - Phan Rang - buộc địch rút chạy khỏi Xuân Lộc. Ta áp sát Trảng Bom, sân bay Biên Hòa, công trường Nước Trong, Đức Thành, làm rung

chuyển tuyến phòng thủ phía Đông của địch mà chúng cho là hướng phòng ngự mới được tăng cường vững chắc. Đoàn 232 uy hiếp lộ 4, thăm dò và sẵn sàng cắt đứt lộ 4, làm cho địch mất hết hy vọng điều quân đoàn 4 từ đồng bằng sông Cửu Long lên tăng viện hoặc rút chạy từ miền Đông về đồng bằng sông Cửu Long... Đó là những đòn đánh bồi, làm cho lực lượng quân đoàn 3 địch vốn đã hoang mang càng suy sụp trầm trọng thêm trước lúc ta mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh.

Bộ Chính trị yêu cầu phải giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam trong tháng 4 năm 1975. Bộ Tư lệnh chiến dịch đã kiên quyết chấp hành, với tư tưởng chỉ đạo là hết sức khẩn trương, chuẩn bị chu đáo, đánh liên tục, đánh nhanh, giải quyết trong thời gian ngắn... Với sự nỗ lực cao độ của lực lượng tại chỗ của B2, của lực lượng cơ động chiến lược, của cả nước với chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng, *chiến dịch Hồ Chí Minh đã mở đầu đúng thời gian quy định và đã kết thúc thắng lợi nhanh nhất (3 ngày rưỡi), đánh bại ý đồ kéo dài cuộc chiến, đợi mùa mưa... của địch là đỉnh cao của nghệ thuật nắm bắt đúng thời cơ chiến lược, hạ quyết tâm chiến dịch chính xác, kịp thời.*

Hai là, nghệ thuật tạo sức mạnh ưu thế áp đảo bằng tổng hợp sức mạnh của cả lực lượng và thế trận.

Việc tạo ra thời cơ, thúc đẩy thời cơ chín muồi và nắm bắt, tranh thủ được thời cơ vừa xuất hiện, bao giờ cũng phải xuất phát trên cơ sở thế và lực nhất định; thế và lực do chủ quan tạo ra; thế phải dựa trên cơ sở của lực, có thể tốt lại phát huy uy lực của lực lên gấp bội. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam, ta đã có ưu thế áp đảo về lực, lại có một thế trận lợi hại được chuẩn bị sớm... Đó là yếu tố đặc biệt quan trọng để giành thắng lợi giòn giã trong chiến dịch Hồ Chí Minh và cũng là kinh nghiệm quý báu về nghệ thuật chỉ đạo tạo lực, tạo thế cho một chiến dịch quan trọng quyết định.

Về lực lượng, tuy địch ở quân khu 3 cộng với tàn quân quân khu 1, 2 chạy về còn rất đông, song ta lại huy động lực lượng cả nước tập trung tạo được ưu thế chiến dịch.

Địch có khoảng 245.000 tên (trong đó có 152.000 chủ lực), hơn 500.000 phòng vệ dân sự với 6 sư đoàn, 5 lữ (sau thành lập thêm 1 sư đoàn biệt động quân), và 407 khẩu pháo, 624 xe thiết giáp, 862 tàu xuồng, 229 phi cơ chiến đấu... nhưng tinh thần chiến đấu đã suy sụp.

Ta tập trung được khoảng 270.000 quân (chủ lực 250.000) với 15 sư đoàn, 14 trung đoàn bộ binh, tổ chức thành 5 quân đoàn và tương đương, một số trung đoàn, lữ đoàn độc lập... đạt tỷ lệ ta/địch là 1,7/1 về chủ lực và 3/1 về đơn vị tập trung. Số phòng vệ dân sự tuy còn đông nhưng hiệu lực thấp.

Binh khí kỹ thuật ta cũng tập trung một khối lượng rất lớn như pháo có 516 khẩu, tên lửa, cao xạ có 550 khẩu, 1 đại đội máy bay A.37, tăng, thiết giáp có 320 chiếc.

Ta đã huy động được hơn 1.600 xe kỹ thuật chiến đấu, hơn 10.000 xe vận tải, một khối lượng vật chất tới gần 60.000 tấn, trong đó có 15.000 tấn đạn (190.000 viên đạn pháo lớn)...

Riêng về lực lượng quân chúng có tổ chức đã được chuẩn bị để làm nòng cốt nổi dậy trong thành phố đến trước chiến dịch cũng khá hùng hậu. Do tăng cường vào vùng ven và nội thành 1.700 cán bộ, tập kết cách nội đô 13 - 15km, chuẩn bị nhập thành 1.300 cán bộ, trong đó có 12 đồng chí Thành ủy viên, 60 đồng chí quân ủy viên và tương đương. Nội, ngoại thành đã có hơn 1.200 đảng viên, 10.000 quân chúng nòng cốt, 40 "lõm" chính trị với 7.000 quân chúng làm chủ có mức độ, 400 tổ chức công khai biến tướng với gần 25.000 người do ta nắm. Tuy so với số dân và lực lượng tiềm ẩn của địch, lực lượng chính trị trên của thành phố chưa lớn lắm, nhưng ta lại ở trong cao trào, có sự lãnh đạo của Đảng, có lực lượng vũ trang hùng mạnh hỗ trợ, có thể sẽ phát huy tác dụng lớn.

Nếu so sánh về số lượng, nhất là về chất lượng, đặc biệt là về "quả đấm" chủ lực, rõ ràng *ta có ưu thế áp đảo về lực lượng so với địch*. Ưu thế áp đảo trong chiến dịch là một điều đặc biệt của chiến dịch Hồ Chí Minh mà trong cả cuộc kháng chiến chống Mỹ chưa từng có.

Ở giai đoạn cuối chiến tranh, ta có điều kiện tập trung lực lượng của cả nước cho trận quyết chiến cuối cùng; nhưng chủ yếu là do ta có nghệ thuật tạo ưu thế lực lượng rất sáng tạo.

Trước hết ta làm giảm lực lượng địch bằng đánh những đòn tiêu diệt lớn trước đó ở miền Trung, không cho địch co cụm, làm suy sụp tinh thần bọn còn lại, đánh vào dự trữ chiến lược địch, không cho chúng bổ sung ứng cứu... Đến trước chiến dịch Hồ Chí Minh, địch đã bị thiệt hại tới 35% quân số, 40% hậu cần, 40% binh khí kỹ thuật, đồng bằng sông Cửu Long nơi dự trữ chiến lược của địch, không còn bắt được lính bổ sung. Ta lại thực hiện chia cắt chiến lược, không cho chúng tăng viện ứng cứu từ đồng bằng sông Cửu Long về Sài Gòn.

Ý đồ của ta xây dựng các binh đoàn chiến lược lớn cho các đòn chiến lược Xuân 1975, trong đó trận quyết chiến cuối cùng, được chỉ đạo triển khai sớm. Việc xây dựng các quân đoàn 1, 2, 4, 3, các sư đoàn của các quân khu 7, 8, 9 và trung đoàn bộ binh của quân khu 6 là điều kiện cực kỳ quan trọng và cũng là những kinh nghiệm rất sinh động của việc chuẩn bị trận quyết chiến chiến lược trong giai đoạn cuối chiến tranh.

Đã nhanh chóng cơ động hầu hết lực lượng chủ lực từ miền Bắc, miền Trung vào địa bàn chiến dịch, tổ chức thành công nhiều binh đoàn chiến lược hành quân thần tốc đường dài, vừa đi, vừa chuẩn bị chiến đấu, vừa liên tục chiến đấu (Quân đoàn 1 hành quân 24 ngày vượt 1.500km; Quân đoàn 2 vừa đi vừa tác chiến mở đường trên 900km, Quân đoàn 3 tiếp tục tác chiến và hành quân trên 1.000km đã vào tới chiến trường đúng ngày quý định (21 - 25-4) cùng với Quân đoàn 4 và Đoàn 232 ở tại chỗ đã tạo ưu thế áp đảo địch...

Đã tận dụng các hướng chiến lược đông tây đường Trường Sơn sẵn có, lại nhanh chóng khắc phục sử dụng lộ 14; lộ 1 mới giải phóng, phát triển thêm đường chiến dịch, kéo dài đường ống dẫn dầu, tăng cường phương tiện cơ giới cho vận chuyển chiến lược, chiến dịch, quân đoàn, tận dụng khí tài cơ sở vật chất mới thu được của địch... nên chỉ trong thời gian ngắn vẫn bảo đảm yêu cầu của chiến dịch đề ra.

Về thế trận của chiến dịch Hồ Chí Minh là thế trận của chiến tranh nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đã phát triển đến trình độ cao; thế trận của 2 lực lượng, của 3 thứ quân, thế trận thực hiện 2 đòn chiến lược tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Nó là cơ sở làm cho lực lượng ta tăng sức mạnh lên gấp bội; thực hiện cách đánh có hiệu quả cao.

Trước hết ta đã tạo thành *thế bao vây chia cắt* Sài Gòn cả về chiến lược và chiến dịch, cả đường bộ, đường sông, không chế sân bay...

Ở phía đông, ta áp sát Trảng Bom, sân bay Biên Hòa, thực hiện bao vây địch về phía đông, sẵn sàng cắt lộ 15, sông Lòng Tàu, chia cắt địch giữa Sài Gòn với Bà Rịa - Vũng Tàu, chặn đường ra biển, làm tê liệt sân bay Biên Hòa.

Ở phía bắc và tây bắc, ta giải phóng Bà Đen, suối Ông Hùng, Dầu Tiếng, Chợ Thành, chia cắt địch giữa Sài Gòn, Tây Ninh với Sài Gòn, Bình Dương.

Ở phía tây và tây nam, chủ lực Khu 8, Khu 9 áp sát, sẵn sàng chia cắt địch ở Cái Vồn, Trung Lương, Cai Lậy, Sư đoàn 5 ta đứng ở tây bắc lộ 4, dọc Vàm Cỏ Tây, xuống sát Tân An - Bến Lức, lực lượng Khu 8 đứng chắc ở nam Long An, sẵn sàng cắt kinh Chợ Gạo...

Rõ ràng địch trên địa bàn chiến dịch Hồ Chí Minh mà ta sẽ mở ở vào thế bị bao vây, bị chia cắt triệt để, khi bị ta đánh thì trong - ngoài - xa - gần không thể ứng cứu lẫn nhau, làm cho tinh thần chúng vốn đã hoang mang càng suy sụp trầm trọng thêm.

Thế 3 vùng chiến lược, thế bố trí 3 thứ quân tại chỗ được triển khai sớm và hoàn chỉnh trước chiến dịch tạo địa bàn tập kết thuận lợi cho lực lượng rất lớn của chiến dịch. Hậu phương rừng núi miền Đông đã mở rộng và hoàn

chỉnh, nối thông đường vận chuyển chiến lược vươn từ chiến trường tới hậu phương lớn. Từ căn cứ vùng núi miền Đông đã nối liền, áp sát xuống Củ Chi, Rạch Bắp, Lai Khê, Bến Cát, bắc Tân Uyên, bắc sân bay Biên Hòa, đông Trảng Bom, sát Bà Rịa bảo đảm cho các binh đoàn lớn triển khai. Hành lang từ miền Đông theo Tây Ninh, xuống Long An - Kiến Tường đã thông suốt; hành lang từ miền Đông qua Mã Đà, lộ 20 xuống Long Khánh - Bà Rịa được vươn dài... đã tạo điều kiện cơ động lực lượng chiến lược, chiến dịch rất thuận tiện. Khối chủ lực Miền đã xây dựng thành Quân đoàn 4 và Đoàn 232 (tương đương quân đoàn), đã liên tục tác chiến tạo thế (từ đầu tháng 4). Sau khi đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18 ngụy và bức rút Xuân Lộc, phá vỡ phòng tuyến phía Đông của địch, Quân đoàn 4 đã đứng vững sát Trảng Bom, sát sân bay Biên Hòa, sẵn sàng tiến công từ một hướng rất hiểm yếu. Đoàn 232 sau khi mở hành lang, đã đứng vững phía tây lộ 4, sẵn sàng cắt lộ 4 và tiến công từ hướng này vào Sài Gòn, cũng là hướng đặc biệt hiểm yếu... Đồng bằng vùng ven và nội đô là hai vùng chiến lược được đặc biệt chú ý, nên đã liên tục đánh phá "bình định" ở vùng ven, đẩy mạnh hoạt động đô thị, lần lượt đưa vào 6 trung đoàn đặc công, 1 lữ đoàn biệt động cùng với 2 trung đoàn, 5 tiểu đoàn bộ đội địa phương của thành đội, vừa đánh phá "bình định", vừa tạo chỗ đứng vững chắc, áp sát các mục tiêu được phân công, vừa phát động quần chúng và làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy. Đây vừa là thế trận rất hiểm hóc, vừa là sự bố trí lực lượng hết sức lợi hại và cũng là một yếu tố quan trọng trong cách đánh của chiến dịch lần này.

Chiến dịch Hồ Chí Minh sử dụng lực lượng chủ lực rất lớn. Ngoài 2 quân đoàn và tương đương của B2, còn có lực lượng cơ động chiến lược tới 3 quân đoàn từ miền Bắc, miền Trung vào. Nhờ có thế trận triển khai xuất phát tiến công đã được chuẩn bị từ trước, nên các quân đoàn từ xa có thể tới thẳng ngay khu xuất phát tiến công của mình theo kế hoạch chiến dịch mà không phải qua bước tự mình chuẩn bị toàn bộ thế bố trí. Tuyến xuất phát tiến công của nhiều quân đoàn chỉ cách mục tiêu chủ yếu trong nội đô chừng 40 - 50km đường chim bay là điều hết sức lý tưởng.

Chiến dịch Hồ Chí Minh yêu cầu sử dụng cho được 2 đòn chiến lược. Trải qua những cuộc khủng bố đàn áp khốc liệt của địch, cơ sở ta có bị tổn thất, song được ảnh hưởng của cách mạng, nhất là thắng lợi vang dội của kháng chiến trên khắp chiến trường, đông đảo quần chúng muốn đánh đổ chế độ phát xít, sẵn sàng hưởng ứng khi cách mạng kêu gọi... Thành ủy đã tăng cường lực lượng vào trong thành phố, cho đến trước chiến dịch ta đã có một lực lượng nòng cốt khá mạnh, nay với sự hỗ trợ trực tiếp và áp lực mạnh mẽ của đòn tiến công quân sự, lực lượng quần chúng có khả năng nổi dậy dưới nhiều hình thức và mức độ khi thời cơ đến.

Lực lượng vũ trang tại chỗ làm nòng cốt cho quần chúng nổi dậy lúc này đã có 2 trung đoàn và 5 tiểu đoàn của thành, mỗi huyện có 1 - 2 đại đội, cả thành phố có 3.345 du kích và 233 tự vệ mật, 6 trung đoàn đặc công và 1 lữ biệt động (3 tiểu đoàn + 9 đội gồm 60 tổ) được bố trí trên các trục đường tiến quân của các cánh quân chủ lực vào thành phố...

Thế trận của chiến dịch Hồ Chí Minh còn thể hiện một nội dung quan trọng nữa, đó là thế chiến trường đã được tổ chức khá chu đáo, hậu cần chiến lược, chiến dịch được chuẩn bị đầy đủ trước khi mở màn chiến dịch. Trong 2 năm 1973-1974, ta đã làm thêm được 3.778km đường chiến lược, 4.000km đường chiến dịch. Đặc biệt đã kéo dài đường ống dẫn dầu 5.000km vào tới miền Đông Nam Bộ. Do đó đến cuối năm 1974, dự trữ vật chất chiến lược đã có trên 200.000 tấn và 400.000m³ nhiên liệu xăng dầu tại chiến trường. Riêng chiến dịch Hồ Chí Minh, hậu cần chiến dịch đã tạo ra một thế trận rất đẹp, 6 đoàn hậu cần được tổ chức chặt chẽ vươn sâu theo các hướng tiến công chiến dịch, (Đoàn 210 và Đoàn 814 ở hướng đông và đông bắc; Đoàn 235 và Đoàn 220 ở hướng bắc và tây bắc; Đoàn 230 và Đoàn 240 ở hướng tây và tây nam) chuẩn bị đến trước ngày nổ súng gần 60.000 tấn vật chất đáp ứng yêu cầu chiến dịch, ngoài lượng vật chất cơ động mang theo của các quân đoàn (Quân đoàn 2 bảo đảm chiến đấu trong 1 tháng). Hệ thống kho tàng chiến lược, chiến dịch, trạm xăng dầu, bệnh viện, bệnh xá trên các tuyến chiến lược, chiến dịch đã triển khai xong. Cơ sở kỹ thuật sửa chữa xe, pháo cũng đã hình thành hoàn chỉnh theo yêu cầu chiến đấu...

Về nghệ thuật tạo thế trận cũng có những kinh nghiệm rất quý.

Từ trước, ta đã xác định đúng vị trí của chiến trường, sớm có dự kiến tạo thế trận. Tại miền Đông Nam Bộ, rừng núi được xác định là chiến trường tiêu diệt lớn quân địch, Sài Gòn - Gia Định là chiến trường quyết chiến chiến lược cuối cùng đánh bại hoàn toàn quân địch. Ý định trên của chiến lược, được B2 quán triệt và kiên trì vận dụng sáng tạo. Mọi hoạt động trước đó vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt của chiến trường, vừa phục vụ ý đồ chung lâu dài của chiến lược.

Bước vào thời kỳ trực tiếp tạo thế chiến dịch, căn cứ vào dự kiến kế hoạch chiến dịch và yêu cầu của thế trận chiến dịch tiến công quyết chiến chiến lược cuối cùng này, việc triển khai tạo thế trên nhiều mặt rất rộng lớn và phức tạp.

- Thế trận bảo đảm sử dụng lực lượng rất lớn, vừa đánh địch bên ngoài, vừa đánh địch bên trong, vừa thọc sâu đánh hiểm, trong ngoài cùng đánh, phát huy cùng một lúc toàn bộ sức mạnh của mọi lực lượng... làm cho ưu thế về lực càng được tăng lên.

- Ngay từ mở đầu chiến dịch, đã hình thành thế bao vây chia cắt toàn chiến dịch và từng khu vực địch để tiêu diệt, không cho chúng ứng cứu lẫn nhau, không cho chúng co cụm, tháo lui chạy thoát.

- Thế trận phát huy được đầy đủ sức mạnh của cả 2 lực lượng, của 3 thứ quân và phối hợp chặt chẽ với nhau, mà trọng tâm, thời động là sức mạnh tác chiến hiệp đồng binh chủng của các binh đoàn chiến lược.

- Thế trận cùng một lúc phát huy được cả 3 vùng chiến lược (chủ lực, đồng bằng, đô thị) trên cả 3 vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn, đồng bằng, đô thị).

Thực tế thế trận chiến dịch Hồ Chí Minh đã đạt được các yêu cầu trên tương đối toàn diện, hoàn chỉnh nên đã tạo được hiệu suất chiến đấu, có hiệu quả chiến dịch rất lớn; phát huy gấp bội ưu thế lực lượng đã có từ khi mở đầu đến lúc kết thúc chiến dịch.

Tạo thế chiến dịch là một quá trình, phải có quyết tâm cao và kiên trì thực hiện. Tác chiến để tạo thế, tạo thế để tác chiến, giành đi giật lại, có khi mất thế một thời gian rồi mới khôi phục lại, cần phải biết rút kinh nghiệm kịp thời thật sâu sắc. Kinh nghiệm của cuộc tiến công vào Sài Gòn Tết Mậu Thân 1968 đã được nghiên cứu kỹ lưỡng và vận dụng hết sức sáng tạo để chuẩn bị cho thế trận chiến dịch Hồ Chí Minh Xuân 1975.

Chuẩn bị thế trận chiến dịch tiến công có tầm chiến lược thường do lực lượng tại chỗ chuẩn bị một phần từ trước khi lực lượng chiến lược tăng cường xuống. Thế trận chiến dịch Hồ Chí Minh, trên thực tế (tuy chưa có nhận thức đầy đủ và cũng chưa có chỉ đạo cụ thể) được triển khai chuẩn bị sớm từ mùa khô 1974 - 1975. Trong khi chuẩn bị thế đứng và tuyến xuất phát tiến công cho chủ lực trong chiến dịch, B2 đã đồng thời tạo thế triển khai xuất phát tiến công cho cả chủ lực tại chỗ của Miền và chủ lực cơ động của Bộ. Trên 5 hướng tiến công vào Sài Gòn thì 2 hướng đông và tây - tây nam, B2 đã bố trí Quân đoàn 4 và Đoàn 232 đảm nhiệm, vừa tiến công tạo thế từ trước chiến dịch, vừa là cánh quân tiến công khi mở chiến dịch.

Rõ ràng, chiến dịch Hồ Chí Minh là một điển hình thành công không chỉ về nghệ thuật tạo lực, tạo thế mà cả về *nghệ thuật kết hợp lực với thế, thế với lực, tạo thành một sức mạnh mới cao hơn nhiều.*

Ba là, cách đánh chiến dịch đúng đắn, sáng tạo, mưu lược cao, hiệu quả lớn.

Địa bàn chiến dịch này là sào huyệt cuối cùng của địch, không gian rộng lớn, địa hình phức tạp, lực lượng địch đông, phòng thủ nhiều tầng và có tổ chức... Ta tập trung được ưu thế lực lượng, có thế trận rất tốt, lại hoàn toàn giữ quyền chủ động nhưng yêu cầu phải đánh thật mạnh và thắng giòn giã.

Đó là những yếu tố có tác động trực tiếp đến cách đánh chiến dịch - một vấn đề trung tâm của nghệ thuật chiến dịch.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là *chiến dịch tiến công có tính tổng hợp lớn nhất, chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng* giải phóng Sài Gòn, góp phần quyết định giải phóng miền Nam.

Là chiến dịch tiến công có ý nghĩa chiến lược lớn nhất, *đối tượng cơ bản* của chiến dịch Hồ Chí Minh là lực lượng chiến lược chủ yếu cuối cùng của địch bảo vệ dinh lũy ngụy quyền, bảo vệ đầu não chế độ thực dân mới gồm toàn bộ lực lượng cả quân khu 3 và tổng trừ bị địch còn lại cùng toàn bộ hệ thống ngụy quyền từ cơ sở đến tỉnh thành (7 tỉnh và 1 thành phố lớn thủ đô ngụy), toàn bộ ngụy quyền trung ương và các cơ quan trung ương của các tổ chức đảng phái phản động...

Mục đích của chiến dịch là giải quyết nhiệm vụ chiến lược cao nhất và cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, tiêu diệt làm tan rã toàn bộ lực lượng vũ trang, lực lượng kềm kẹp địch, đập tan hệ thống ngụy quyền, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng Sài Gòn, thủ đô của địch, tạo điều kiện quyết định giải phóng toàn bộ đồng bằng Cửu Long, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Do vậy chiến dịch Hồ Chí Minh *sử dụng lực lượng chiến lược của cả nước, với sự bảo đảm vật chất của cả nước.*

Chiến dịch đã *phát huy cao độ uy lực của cả quả đấm chủ lực binh chủng hợp thành và lực lượng vũ trang địa phương tại chỗ*, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo chức năng và sở trường, tạo nên sức mạnh của đòn tiến công quân sự chưa từng có trong lịch sử chiến tranh cách mạng nước ta.

Lực lượng chính trị của quần chúng, trong điều kiện có đòn quân sự (tác chiến binh chủng hợp thành) đi trước và hỗ trợ, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, có lực lượng vũ trang tại chỗ làm nòng cốt, đã *nổi dậy với sức mạnh to lớn, dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau*, cùng với đòn quân sự hoàn thành thắng lợi mọi mục tiêu của chiến dịch.

Sự lãnh đạo chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh cũng có bước phát triển rất cao trong kháng chiến chống Mỹ. Đồng chí Tổng Tham mưu trưởng làm Tư lệnh chiến dịch, đồng chí Bí thư Trung ương Cục làm Chính ủy chiến dịch, đồng chí Phó bí thư Trung ương Cục phụ trách đòn nổi dậy của chiến dịch.

Chiến dịch Hồ Chí Minh được tiến hành với 5 quân đoàn chủ lực và toàn bộ lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ. Mỗi quân đoàn và tương đương trên một hướng cùng lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng đã tác chiến với quy mô tương đương một chiến dịch tiến công nhỏ hơn¹, nhằm đối

1. Trong quá trình nghiên cứu, có một số đồng chí cho rằng chiến dịch Hồ Chí Minh là một chiến dịch - chiến lược gồm 5 chiến dịch tiến công cấp quân đoàn.

tượng 1 - 2 sư đoàn địch với nhiều binh khí kỹ thuật, đánh vào 1 cụm căn cứ có ý nghĩa chiến dịch của địch, đập tan hệ thống ngục quyền cấp tỉnh, giải phóng địa bàn nhiều tỉnh và nhiều huyện... tất cả đều nhằm cùng hoàn thành nhiệm vụ chiến lược của chiến dịch Hồ Chí Minh.

Chiến dịch Hồ Chí Minh rõ ràng là một chiến dịch tiến công có ý nghĩa chiến lược lớn nhất, một chiến dịch tổng hợp cao nhất, trong đó trên mỗi hướng, từng quân đoàn và tương đương đã tổ chức thành một cánh tiến công nhưng đều hướng vào mục tiêu chung cao nhất của chiến dịch Hồ Chí Minh. Nghệ thuật điều hành chiến dịch hết sức chủ động và linh hoạt, vừa bảo đảm tính tập trung thống nhất cao độ của toàn chiến dịch, vừa đề cao tính độc lập sáng tạo của từng cánh quân, từng mũi tiến công, nhất là của từng binh đoàn thọc sâu (đánh chiếm tổng nha cảnh sát, đánh vào cổng số 1 bộ tổng tham mưu...). Đây chính là sự phát triển mới, hoàn thiện hơn nghệ thuật chiến dịch Việt Nam.

Nhiệm vụ của chiến dịch (chiến lược đã giao) là triệt để tiêu diệt toàn bộ quân địch, giải phóng thành phố Sài Gòn, góp phần quyết định giải phóng miền Nam, thể hiện tính chất toàn diện, kiên quyết, triệt để.

Nghiên cứu kỹ thực tế chiến trường về địch và địa hình, chỗ mạnh, chỗ yếu và thế bố trí của chúng, Bộ Tư lệnh đã đi đến *xác định rất đúng 2 đối tượng tác chiến chủ yếu của chiến dịch là các sư đoàn chủ lực địch bố trí vành ngoài và cơ quan đầu não quân sự, chính trị của địch trong nội đô*. Hai đối tượng này quan hệ mật thiết với nhau. Nếu đối tượng thứ nhất bị tiêu diệt sớm sẽ làm đối tượng thứ hai mất chỗ dựa chủ yếu dẫn đến mau chóng mất ý chí đề kháng, tan rã hoặc đầu hàng. Ngược lại, đối tượng thứ hai bị tan rã hoặc đầu hàng sớm thì đối tượng thứ nhất như rắn mất đầu cũng sẽ nhanh chóng bị tiêu diệt.

Xem xét toàn bộ tình hình lực lượng ta. Bộ Tư lệnh đã khẳng định: các Quân đoàn 4, Đoàn 232 tuy có nhiều khó khăn, nhất là quân số và trang bị, nhưng là đơn vị quen thuộc chiến trường, có quyết tâm cao giải phóng địa phương; các quân đoàn 1, 2, 3 cơ động vào, đang sung sức, có kinh nghiệm; các đơn vị đặc công, biệt động, bộ đội địa phương có thế bố trí tốt. Tất cả đã hình thành thế trận sẵn sàng bao vây từng cụm mục tiêu, chia cắt tiêu diệt địch. So sánh lực lượng chiến dịch, ta có ưu thế áp đảo địch, hoàn toàn có đầy đủ khả năng giành thắng lợi chắc chắn.

Từ những thực tiễn trên đây, Bộ Tư lệnh chiến dịch đã đi đến *quyết định những vấn đề lớn về cách đánh*:

Chọn Bắc và Tây Bắc là hướng tiến công chủ yếu của chiến dịch, trong đó hướng Tây Bắc là hướng chủ yếu nhất. Đây là nơi hiểm yếu của địch, nơi địch luôn chú ý tăng cường phòng thủ từ trước đến nay, có 2 sư đoàn mạnh

thuộc quân đoàn 3 nguy hiểm giữ. Địa hình hướng này thuận lợi, là đoạn đường ngắn nhất để thọc vào nội đô (nhất là hướng Tây Bắc) chỉ qua mấy cầu nhỏ mà ta có nhiều điều kiện chiếm giữ được. Đây là hướng đánh chiếm các mục tiêu quân sự chủ yếu nhất của địch như bộ tổng tham mưu, bộ tư lệnh các binh chủng, cơ quan đầu não chỉ huy của chúng và sân bay Tân Sơn Nhất, chỗ dựa cuối cùng để rút chạy của địch.

Xác định Đông và Đông Nam là hướng hết sức quan trọng, vì ở đây địa bàn rộng, lực lượng địch đông, có khu phòng thủ rắn như Biên Hòa, Long Bình, sở chỉ huy quân đoàn 3... có địa hình thiên nhiên hiểm trở, có nhiều cầu quan trọng phải bảo đảm để cơ động... và cũng là hướng thọc nhanh được vào dinh Độc Lập, cơ quan đầu não nguy hiểm trung ương... Bộ Tư lệnh chiến dịch coi đây là một hướng hiểm yếu quan trọng.

Hướng Tây Nam cũng là hướng rất quan trọng, bất ngờ và nguy hiểm đối với địch, vì đây là nơi nối liền quân khu 4 - quân khu 3, một hướng thực hành chia cắt địch, đập tan ý định cuối cùng điều quân tăng viện từ quân khu 4 lên hoặc rút chạy từ quân khu 3 xuống.

Bộ Tư lệnh chiến dịch đã *xác định những trận đánh quan trọng* tiêu diệt địch ở vòng ngoài, những điểm phải chiếm, không cho địch co về giữ ở vòng trong, những cầu không cho địch phá để bảo đảm cơ động cho ta, những mục tiêu chiến lược phải nhanh chóng chiếm trong nội đô (như bộ tổng tham mưu, tổng nha cảnh sát, biệt khu thủ đô, sân bay Tân Sơn Nhất, dinh Độc Lập).

Trên cơ sở nắm vững tình hình bố trí của địch mạnh ngoài, yếu trong, khả năng và thế bố trí các đơn vị ta; Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định sử dụng *lực lượng tổ chức đội hình chiến dịch thích hợp*, phát huy uy lực và sở trường từng đơn vị và toàn bộ lực lượng ngay từ đầu.

Sử dụng trên hướng chủ yếu (Bắc và Tây Bắc 2 quân đoàn: Quân đoàn 3 đủ - Quân đoàn 1 thiếu 1 sư đoàn) tăng cường thêm 1 trung đoàn; trong đó Quân đoàn 3 vừa chiến thắng lớn ở Tây Nguyên đã được bổ sung đầy đủ, Quân đoàn 1 dự bị chiến lược của Bộ vừa cơ động từ hậu phương thẳng vào chiến trường.

Sử dụng trên hướng Đông và Đông Nam 2 quân đoàn (Quân đoàn 2 và Quân đoàn 4 đủ); hướng Tây Nam tương đương 1 quân đoàn (Đoàn 232).

Các hướng đều được tăng cường đầy đủ và có dự bị mạnh.

Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định không chia nhiệm vụ trước mắt - tiếp sau, mà *tổ chức đội hình thành từng cánh quân, hướng tiến công vào từng cụm mục tiêu*, quy định nhiệm vụ cụ thể và thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ. Chiến dịch không tổ chức đội dự bị chiến dịch từ đầu; quy định Sư

đoàn 316/Quân đoàn 3 sau khi tiêu diệt sư đoàn 25 nguy, sẽ chuyển làm dự bị chiến dịch. Đồng thời lực lượng dự bị chiến lược của Bộ (Sư đoàn 324 - Sư đoàn 968) cũng đã được lệnh sẵn sàng khi cần có thể sử dụng trong đội hình chiến dịch.

Trên từng hướng, các quân đoàn đều được tăng cường mạnh, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ và có dự bị mạnh trên từng hướng. Mỗi quân đoàn tùy theo nhiệm vụ được giao mà tổ chức đội hình. Tại cánh Đông, đồng chí đại diện Bộ Tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ có trước mắt - tiếp sau, đội hình thành thê đội. Trên hướng chủ yếu (Bắc và Tây Bắc) và hướng Tây Nam, đội hình thành từng bộ phận tiêu diệt từng cụm mục tiêu... Các hướng đều được chiến dịch chỉ đạo phải sử dụng các trung đoàn, sư đoàn đột phá, mở cửa, nhưng đặc biệt đều phải tổ chức binh đoàn thọc sâu cấp lữ và sư đoàn được tăng cường xe tăng và pháo binh.

Với cách sử dụng lực lượng và tổ chức đội hình chiến dịch như trên, qua thực tế diễn biến chiến dịch là rất đúng, đầy sáng tạo và có hiệu lực lớn.

Cách đánh chiến dịch, chiến thuật của chiến dịch Hồ Chí Minh như thực tế đã chứng minh rất sáng tạo linh hoạt.

Đó là cách đánh, dùng một bộ phận lực lượng thích hợp, trên từng hướng, đủ sức hình thành bao vây, chia cắt, chặn giữ quân địch lại không cho chúng rút chạy về Sài Gòn, tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các sư đoàn bộ binh chủ lực địch phòng thủ vòng ngoài; đồng thời dùng đại bộ phận lực lượng của ta nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đoàn đột kích cơ giới hóa mạnh đã được tổ chức chặt chẽ, tiến nhanh theo các trục đường lớn đánh thẳng vào 5 mục tiêu đã được chọn lựa trong nội thành. Để phối hợp với các binh đoàn đột kích đó, tạo điều kiện cho các binh đoàn tiến nhanh và vào đúng các mục tiêu, các lực lượng đặc công, các đội biệt động, các lực lượng an ninh vũ trang và tự vệ thành phố, các lực lượng chính trị của quần chúng ở Sài Gòn - Gia Định sẽ đánh chiếm trước các cầu qua sông, các bàn đạp cho bộ đội chủ lực tiến quân, dẫn đường cho các đơn vị, trừ gian và phát động quần chúng nổi dậy.

Cách đánh đó đã được thực tế chứng minh là rất đúng đắn, đầy mưu lược, đánh thắng địch nhanh nhất mà ta tổn thất thấp nhất.

Sau 2 ngày đầu chiến dịch, (27 - 28-4) ta đã chiếm Trảng Bom, Vũng Tàu, cắt lộ 15, khóa sông Lòng Tàu, *bao vây chặt địch từ hướng Đông và Đông Nam; cắt lộ 4 bao vây chặt địch từ hướng Tây Nam*, khống chế các sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất, đẩy địch vào thế bị vây hãm rối loạn.

Khi tổng công kích toàn mặt trận (29-4), vừa đột phá, mở cửa, diệt các căn cứ quan trọng, *chặn diệt 6 sư đoàn và 2 lữ địch ở vòng ngoài*, không cho

chúng kịp co cụm về Sài Gòn, tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho các mũi thọc sâu nhanh chóng đột nhập vùng ven và nội thành.

Cùng thời gian, đã sử dụng 5 sư đoàn mạnh và tương đương cùng các trung đoàn và lữ đoàn xe tăng (bộ binh ngồi xe), được tăng cường pháo binh, cao xạ, công binh... (với sự hiệp đồng chặt chẽ của các trung đoàn đặc công các tổ biệt động giữ cầu hoặc dẫn đường) thành các binh đoàn cơ giới hóa thọc sâu tiến nhanh vào nội thành cùng lực lượng tại chỗ diệt 1 sư đoàn và 3 lữ đoàn địch, đánh chiếm 5 mục tiêu chiến lược đã quy định.

6 trung đoàn đặc công, 2 trung đoàn và 5 tiểu đoàn địa phương cùng 1 lữ biệt động với sở trường của mình đã phát huy tác dụng to lớn trên cả 5 hướng cùng các binh đoàn chủ lực hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Đặc công, pháo tầm xa, đại đội không quân A.37 đánh phá, ném bom các sân bay Biên Hòa và Tân Sơn Nhất... càng làm địch rối loạn (chỉ huy quân đoàn 3 bỏ chạy từ trưa 28 tháng 4, bộ tổng tham mưu nguy mất chỉ huy từ 18 giờ ngày 28 tháng 4...) càng thúc đẩy sự tan rã của địch.

Đòn nổi dậy của quần chúng đã tận dụng uy lực lớn lao và thanh thế vang dội của đòn tiến công quân sự, của các cánh quân chủ lực trong ngày 29 và 30 tháng 4, phá vỡ hệ thống nguy quyền cơ sở, cùng với đòn quân sự đập tan ý chí đề kháng của địch, chiếm lĩnh toàn thành phố Sài Gòn và 7 tỉnh miền Đông nhanh gọn và hầu như còn nguyên vẹn.

Về cách đánh chiến thuật trong chiến dịch Hồ Chí Minh cũng được bước phát triển mới.

Trong chiến dịch lần này ta đã sử dụng quy mô cấp sư đoàn binh chủng hợp thành hoàn chỉnh tiến công tiêu diệt từng căn cứ lớn địch là tương đối phổ biến như các trận Đồng Dù, Hậu Nghĩa, Đức Thành, Trảng Bom, v.v.

Tiến công trong hành tiến trong chiến dịch Hồ Chí Minh đã phát triển cao hơn chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng. Từ cấp trung đoàn mô tô hóa tiến hành thọc sâu ở Buôn Ma Thuột, phát triển lên cấp sư đoàn binh chủng hợp thành, vận động bằng cơ giới 40 - 60km/ngày tới nơi triển khai tiến công, với tốc độ tiến công cao, thọc sâu nhanh vào nội thành, đánh chiếm các mục tiêu chiến lược đã giao.

Chiến thuật tiến công đánh chiếm thị xã, thành phố đã qua kinh nghiệm của Phước Long (bóc vỏ bên ngoài, đột phá vào trong), của Buôn Ma Thuột thọc vào trong, từ trong đánh ra kết hợp ngoài đánh vào... để giải phóng thị xã. Lần này đánh vào thành phố lớn Sài Gòn (tập đoàn phòng ngự), thủ đô của địch, phòng ngự nhiều tầng, nhiều lớp, với lực lượng địch lớn, nhưng tinh thần đã rệu rã, bên ngoài tập trung chủ lực, bên trong sơ hở, ta đã vận dụng tổng hợp các kinh nghiệm trước đây, chặn diệt chủ lực địch ở vành

ngoài, dùng lực lượng mạnh hành tiến thọc sâu vào trong thành phố, đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu.

Cách đánh chiến dịch, chiến thuật lần này của ta rất táo bạo linh hoạt, gây bất ngờ lớn đối với địch. Ta đã giải quyết rất đúng đắn, khoa học mối quan hệ giữa vây diệt sinh lực địch ở bên ngoài với thọc sâu đánh gục đầu só địch ở bên trong, đồng thời trong cùng một thời gian, tạo nên một hiệu quả lớn hơn bất kỳ một chiến dịch nào trước đó.

Về kết hợp giữa đột phá với thọc sâu, vận dụng rất linh hoạt tùy theo tình hình thực tế trên mỗi hướng; có hướng lấy thọc sâu là chính (Bắc và Tây Bắc), có hướng trước hết phải đột phá mở cửa, nhưng vẫn nắm vững thọc sâu, mở được cửa là thọc sâu ngay, không chờ đột phá xong (Đông và Tây Nam).

Khi thực hành tổng công kích toàn mặt trận vào thành phố (29-4), tất cả đều tiến đánh liên tục, đồng thời, không chia bước, không đánh lần lượt. Lực lượng chủ lực đồng thời đánh ngoài vào thọc sâu; đặc công, biệt động, bộ đội địa phương đồng thời cùng đánh bên trong, thực hiện trong ngoài đồng thời cùng đánh.

Đòn nổi dậy cũng được tiến hành đồng thời trên cơ sở uy lực và thanh thế chấn động của đòn quân sự.

Cách đánh phong phú, sáng tạo như trên là sản phẩm tổng hợp của nhiều nhân tố. Đó là sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Chính trị - Quân ủy Trung ương (có điện hướng dẫn cách đánh chiến dịch). Bộ Tư lệnh chiến dịch nghiên cứu sâu sắc thực tiễn và thực chất tình hình các mặt, dự kiến chủ trương cơ quan; chiến dịch nghiên cứu, đề xuất, tổ chức bàn bạc, cân nhắc kỹ lưỡng, trao đổi với các quân đoàn, từng bước hoàn chỉnh cách đánh chung của chiến dịch và dự kiến vận dụng linh hoạt trên từng hướng. Đã coi trọng tổng kết các kinh nghiệm từ trước, nhất là kinh nghiệm các chiến dịch từ đầu mùa khô 1974-1975, đến Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và cả kinh nghiệm Mậu Thân 1968 đánh vào thành phố Sài Gòn... tổng hợp lại và vận dụng vào điều kiện mới của chiến dịch. Cách đánh chiến dịch Hồ Chí Minh đã tạo ra một bất ngờ lớn đối với địch. Tuy địch biết ta sẽ đánh vào Sài Gòn, nhưng vẫn bị bất ngờ; khi ta bắt đầu đánh vẫn trở tay không kịp, không xoay chuyển được tình hình, không đối phó được gì đáng kể, ở đâu chịu chết ở đó, chỉ huy bị rối loạn sớm, đầu não nguy quyền rã đám... Hầu hết địch phải nhanh chóng đầu hàng hoặc bị tiêu diệt.

Thành công của cách đánh chiến dịch Hồ Chí Minh còn thể hiện ở *kế hoạch hiệp đồng chiến dịch rất đúng và thực hành hiệp đồng rất giỏi*. Với việc sử dụng binh lực rất lớn, với nhiều binh quân chủng, thực hành tiến

công trên 5 hướng, phạm vi chiến dịch rất rộng (8 tỉnh - thành) có thành phố lớn, trên 3 triệu dân nội đô, đường ngang phố dọc chi chít, hàng trăm mục tiêu quân sự, kinh tế quan trọng; nhiều quân đoàn và binh chủng kỹ thuật của ta từ xa cơ động đến, chiến trường chưa quen biết, thời gian tổ chức chiến đấu của các quân đoàn quá gấp... Trong những điều kiện như vậy mà đạt được một sự hợp đồng chặt chẽ với nhau, ăn khớp về thời gian và địa điểm trong cách đánh đồng thời 5 hướng cùng tiến vào nội đô, cùng đánh chiếm mục tiêu chiến lược gần như cùng thời gian (xê dịch nhau chừng 1 giờ: 10h30 - 11h30); không có sự trục trặc lớn nào về hiệp đồng... có thể nói đó là một thành công rất kỳ diệu.

Diễn biến thực tế của toàn bộ chiến dịch thể hiện kế hoạch hiệp đồng rất chặt chẽ và chính xác, những dự kiến tình huống trong kế hoạch, cơ bản là đúng. Vì vậy trong quá trình chiến dịch; từ khi mở đầu đến lúc kết thúc thắng lợi, Bộ Tư lệnh chiến dịch hầu như không phải xử trí những tình huống đột xuất, bất ngờ, phức tạp, không phải điều động đối phó với những diễn biến mới, mà chủ yếu là đôn đốc các hướng chậm hơn phải nâng cao tốc độ để kịp với bước tiến của các cánh quân theo ý định chiến dịch.

Là chiến dịch tiến công có ý nghĩa chiến lược, những kinh nghiệm đã phát triển đến đỉnh cao của chiến dịch Hồ Chí Minh làm phong phú thêm nền khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam, nhất là nghệ thuật chiến dịch của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Bốn là, phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp đòn quân sự và đòn nổi dậy, tiến công quân sự đi trước một bước; kết hợp ba thứ quân, lấy tác chiến hiệp đồng binh quân chủng của chủ lực làm chủ yếu; chuẩn bị tốt để đánh chắc thắng.

Quan điểm của Đảng luôn cho rằng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ phải nắm vững cả quy luật của chiến tranh cách mạng và quy luật của khởi nghĩa vũ trang, phải thực hiện phương châm chiến lược tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, bằng sức mạnh tổng hợp của hai lực lượng, của ba thứ quân, trên cả ba vùng chiến lược... Chiến dịch Hồ Chí Minh, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, không gian chiến dịch rộng, thời gian chiến dịch ngắn, lại đánh thẳng vào thủ đô nguy quân, để giành thắng lợi toàn vẹn, triệt để... Trong điều kiện như vậy, cần phải và có thể phát huy sức mạnh tổng hợp của cả lực lượng quân sự và chính trị, thực hành kết hợp tiến công và nổi dậy trên một trình độ mới cao hơn.

Ra sức chuẩn bị lực lượng chính trị và đòn nổi dậy của quần chúng trong chiến dịch.

Nhân dân Nam Bộ nói chung và nhân dân thành phố Sài Gòn - Gia Định nói riêng vốn có truyền thống yêu nước, có kinh nghiệm đấu tranh chính trị,

xuống đường đòi dân sinh, dân chủ, đấu tranh trực diện với địch, đấu tranh giành quyền làm chủ từ những năm tiền khởi nghĩa kháng chiến chống Pháp, nhất là cuộc kháng chiến chống Mỹ qua các thời kỳ đồng khởi, chống các chiến lược "chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hóa chiến tranh", v.v... Phong trào ở cả vùng ven và nội đô có lúc, có nơi có khó khăn nhưng nhiều nơi vẫn sôi nổi...

Thành phố Sài Gòn - Gia Định tuy bị địch kìm kẹp lâu ngày, nhưng đông đảo nhân dân vẫn thấy rõ bản chất xấu xa của kẻ thù, hiểu biết cách mạng khá sâu sắc, sẵn sàng hưởng ứng đấu tranh khi có thời cơ. Đó chính là cơ sở để phát động và tổ chức quần chúng tiến hành nổi dậy.

Công tác chuẩn bị cho đòn nổi dậy của quần chúng trong mùa khô 1974-1975 cũng như cho chiến dịch Hồ Chí Minh đã được triển khai từ sớm. Từ Hội nghị Quân ủy Miền tháng 5 năm 1974, Hội nghị quân chính toàn Miền (B2) tháng 7 năm 1974, đến Hội nghị đánh phá "bình định" do Trung ương Cục triệu tập tháng 9 năm 1974, rồi đến Hội nghị cán bộ của Thành ủy từ giữa tháng 9 đến giữa tháng 10 năm 1974..., đều phê phán tư tưởng cố thủ hữu khuynh và chủ trương phát động quần chúng, đẩy mạnh 3 mũi giáp công, mở "lõm", mở vùng, v.v. Lúc này, vòng ngoài thành phố, ta đã có cơ sở ở 80 xã vùng ven và 14 xã đô thị hóa, có cơ sở ở 251 ấp/337 ấp (còn 86 ấp trắng). Sau hội nghị này phong trào quần chúng ở vùng ven và nội đô phát triển lên một bước mới. Đặc biệt việc đưa 6 trung đoàn đặc công và 2 trung đoàn, 5 tiểu đoàn địa phương vào đứng ở vùng ven, 1 lữ đoàn biệt động đứng trong nội đô là một thắng lợi rất lớn. Lực lượng này vừa đánh địch mở "lõm", mở vùng, vừa tuyên truyền, giáo dục, tổ chức quần chúng, khi có thời cơ sẽ phát động và làm nòng cốt cho quần chúng chuẩn bị nổi dậy... Để trực tiếp chuẩn bị cho đòn nổi dậy trong trận quyết chiến cuối cùng, ngày 29 tháng 3 năm 1975, Trung ương Cục có Nghị quyết 15 và sau đó phổ biến cho Thành ủy; ngày 12 tháng 4, Thành ủy có chỉ thị hướng dẫn cụ thể về đẩy mạnh mũi nổi dậy, nêu lên thời cơ và các công việc cần làm ngay. Về tổ chức điều chỉnh cách chỉ đạo nổi dậy như cánh A phụ trách các huyện nam thành phố và nội đô; cánh B phụ trách các huyện ngoại thành và Gia Định; tăng cường một số thành ủy viên, quận ủy viên và tương đương vào vùng ven và nội đô trực tiếp chỉ đạo... Trung ương Cục phân công đồng chí Nguyễn Văn Linh trực tiếp phụ trách mũi nổi dậy. Cho đến trước ngày mở đầu chiến dịch, lực lượng chính trị có tổ chức của thành phố đã có khoảng hơn 40.000 (gồm khoảng hơn 400 đảng viên, hơn 300 đoàn viên, hơn 400 nòng cốt, hơn 4.500 quần chúng có vũ trang, hơn 500 hội viên, hơn 30.000 quần chúng tích cực, cùng với khoảng 400 tổ chức quần chúng công khai hợp pháp với hơn 7.000 quần chúng). Chuẩn bị nhà in để in tài liệu, hàng trăm xe phóng thanh, quần chúng tích cực may cờ, viết biểu ngữ...

Như vậy, trước khi bước vào chiến dịch, ta đã tập trung lãnh đạo, chuẩn bị tích cực lực lượng chính trị, vũ trang tại chỗ để làm nòng cốt cho đòn nổi dậy...

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã sử dụng đòn tiến công quân sự rất mạnh, áp đảo quân địch, đi trước một bước thúc đẩy, hỗ trợ, tạo đà cho đòn nổi dậy của quần chúng.

Từ 17 giờ ngày 26 tháng 4, liên tiếp trong 2 ngày mở đầu chiến dịch (27 và 28 tháng 4), *đòn tiến công quân sự* đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 22 và cát lộ 4 ở Tân An - Bến Lức; sư đoàn 18 và thiết đoàn 3 ngự ở Trảng Bom - Biên Hòa, sư đoàn thủy quân lục chiến ở Long Bình và lữ 1 dù ở Bà Rịa.

Ngày 29 tháng 4 đòn quân sự đã chặn đánh và tiêu diệt các sư đoàn 22, 25, 5, 18, TQLC, các lữ 1 dù, lữ 3 kỵ binh ở tuyến ngoài của địch. Cùng ngày, *các binh đoàn cơ giới hóa thọc sâu* tiêu diệt sư đoàn biệt động quân mới thành lập, các liên đoàn bảo an của tuyến giữa phòng ngự vùng ven và đã tiến nhanh vào vùng sát thành phố như Vĩnh Lộc, Bà Hom, Bà Quẹo, Lái Thiêu, cầu Đồng Nai. Trong khi đó, các lực lượng đặc công, biệt động, bộ đội địa phương đã phá hủy các trận địa pháo, đánh chiếm các đồn bốt, chiếm giữ các cầu vùng ven.

Như vậy đến ngày 29 tháng 4, *đòn tiến công quân sự đã căn bản tiêu diệt và làm tan rã các đơn vị chủ lực, địa phương là xương sống của địch, kéo theo sự sụp đổ của lực lượng kìm kẹp và hệ thống chính quyền vùng ven của chúng.*

Ngày 30 tháng 4, sau khi đập tan các đơn vị còn lại của địch ở ngã tư Bảy Hiền, Lăng Cha Cả, Thủ Đức, công sở 1 bộ tổng tham mưu, sân bay Tân Sơn Nhất, cầu Bình Phước, Bình Triệu, cầu Sài Gòn, Rạch Chiếc, thì các lực lượng kìm kẹp, cảnh sát, dân vệ của địch ở vùng này nhanh chóng tan rã theo. Các binh đoàn thọc sâu hùng mạnh đã tiến chiếm ngay các mục tiêu chiến lược được phân công, bắt toàn bộ nội các bù nhìn của địch, buộc Dương Văn Minh phải lên đài phát thanh tuyên bố đầu hàng không điều kiện¹.

Kết hợp với đòn tiến công quân sự, nhân dân thành phố dưới sự lãnh đạo của các cơ sở Đảng, với sự hỗ trợ trực tiếp của các đơn vị đặc công, biệt động, bộ đội địa phương thành phố, đã nhanh chóng nổi dậy giành chính quyền cơ sở ở nhiều khu vực nội, ngoại thành.

1. Lúc 9h 30 ngày 30 tháng 4, Dương Văn Minh tuyên bố trên đài Sài Gòn xin ngừng bắn để chuyển giao chính quyền... nhưng trên thực tế chúng không còn gì để chuyển giao, lệnh của tổng thống ngự quyền cho quân khu 3 lúc đó cũng không có ai nhận; toàn bộ lực lượng chủ lực, địa phương, cảnh sát đã bị tiêu diệt và tan rã, hệ thống ngự quyền từ cơ sở đến huyện, quân đã bị đập tan, bỏ chạy, đang bị quần chúng nổi dậy truy lùng, chính quyền Trung ương đã tan rã mất hết ý chí, toàn bộ nội các ngự quyền trung ương đang tập trung ở dinh Độc Lập xin đầu hàng không điều kiện vào lúc 11h 30.

Ngày 29 khi đòn tiến công quân sự đã đánh chặn và diệt các tập đoàn chủ lực địch vòng ngoài, các binh đoàn chủ lực cùng với lực lượng vũ trang tại chỗ thọc nhanh vào nội đô đánh chiếm các mục tiêu chiến lược... tạo nên sự rung chuyển toàn chiến trường, trên thực tế đòn nổi dậy đã thực sự được phát động. (Sau này, theo tài liệu thống kê được, đã có 107 điểm nổi dậy của quần chúng, gồm 31 điểm ngoại thành, 76 điểm nội thành; 32 điểm trong ngày đêm 29, 75 điểm vào sáng 30 tháng 4).

Ở ngoại thành, dựa vào áp lực của các binh đoàn chủ lực tác chiến lướt qua, quần chúng ở cơ sở có sự hỗ trợ trực tiếp của các lực lượng vũ trang tại chỗ, kết hợp nổi dậy tiến công binh vận - hù dọa làm địch tan rã, vứt súng, cởi bỏ quân phục, bỏ chạy tháo thân. Quần chúng xông vào phá hủy các đồn bốt; chiếm nhiều trụ sở xã ấp; chiếm trụ sở các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Gò Vấp, Thủ Đức; thu các giấy tờ, hồ sơ, hạ cờ ngụy, kéo cờ ta, cử đại diện chính quyền cách mạng, tham gia giải phóng các huyện ngoại thành...

Ở nội thành, khi đại quân ta tiến vào thì quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang tại chỗ đã nổi dậy đánh chiếm đồn bốt, treo cờ, vận động - uy hiếp làm tan rã bọn tề ngụy, cảnh sát, dân vệ, chiếm trụ sở khóm, phường địch, giành quyền làm chủ ở 3 phường, khóm (quận 1), 2 phường (quận 2); 3 phường; khóm và tòa hành chính quận (quận 3); 3 phường, khóm, cơ quan (quận 4); 6 phường, đồn, cơ quan, tòa hành chính quận (quận 5); 6 điểm phường, cơ quan; tòa hành chính quận (quận 6); 6 điểm, tòa hành chính quận (quận 7); 4 điểm, tòa hành chính quận (quận 9); 8 điểm, tòa hành chính quận (quận 10); 4 điểm có tòa hành chính quận (quận 11); 5 điểm (Phú Nhuận); 4 điểm (Tân Bình), các sở, các ty tòa hành chính (Gia Định cũ). Trước khí thế tổng tiến công và nổi dậy của ta, lực lượng kìm kẹp, cảnh sát, dân vệ tan rã tại chỗ; hệ thống ngụy quyền từ phường, khóm đến huyện, quận chủ yếu do chấn động của đòn quân sự, một phần do lực lượng vũ trang tại chỗ và quần chúng nổi dậy đánh chiếm hoặc tan rã tại chỗ... Đến chiều 30 tháng 4, về cơ bản ta đã giành quyền làm chủ, cách mạng đã kiểm soát tất cả các quận huyện, phường, xã...

Đòn nổi dậy của quần chúng thành phố đã diễn ra với nhiều hình thức rất phong phú:

Quần chúng ra đường phố làm địch vận, phổ biến là vận động lôi kéo, tranh thủ hù dọa đối với lực lượng kìm kẹp tại chỗ, thúc đẩy chúng vứt bỏ vũ khí, cởi bỏ trang phục, rút khỏi trụ sở, đồn bốt, về nhà hoặc tháo chạy, ẩn náu...

Vận động rộng rãi quần chúng may cờ từ trước, khi các cánh quân vào tới đâu thì có cờ Mặt trận Giải phóng mọc lên ở đó, quần chúng phấn khởi tràn

ra đường phố treo cờ, căng khẩu hiệu, dùng loa phóng thanh kêu gọi binh sĩ địch không được bắn, phải bỏ súng đầu hàng hoặc vứt súng rút chạy, dùng xe hon đa, ô tô dẫn đường, chở bộ đội ta vào chiếm các mục tiêu, truy lùng bọn ác ôn lén lút trong thành phố.

Điểm đặc biệt là phần lớn công nhân, viên chức nơi có cơ sở Đảng đều đứng lên chiếm giữ và bảo vệ hầu như toàn vẹn các xí nghiệp công nghiệp, các kho bãi... và đều được canh gác, giữ gìn an toàn tài sản, hồ sơ, máy móc, chờ cách mạng đến bàn giao. Có người giữ kho tiền, vàng đã giấu chìa khóa, chờ khi ổn định tình hình, mời đại diện quân quản đến báo cáo bàn giao.

Diễn hình là nhà máy điện Chợ Quán, nhà máy điện Thủ Đức, nhà máy nước Thủ Đức bảo đảm nguồn điện, nguồn nước liên tục không bị ngừng trệ; vô tuyến truyền hình thành phố sau 12 giờ đã phát hình theo chương trình mới của cách mạng.

Quần chúng còn góp phần giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ thành phố, nhất là công nhân, thanh niên, trí thức. Việc cướp bóc, hôi của sớm được chấm dứt. Ngay trong ngày 30 tháng 4, mọi sinh hoạt của thành phố hầu như đã trở lại bình thường, thành phố tưng bừng như ngày hội lớn với cờ, hoa và ánh sáng. Đây là điều đặc biệt diễn ra ở một thành phố đông dân (gần 4 triệu) ngay trong ngày đầu giải phóng.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, *trên cơ sở đòn tiến công quân sự rất mạnh mẽ đi trước một bước, đòn nổi dậy của quần chúng đã diễn ra sôi nổi, rộng khắp, kịp thời, và là một mũi tiến công chiến lược lợi hại, có tác dụng hết sức quan trọng* góp phần giành thắng lợi chiến dịch nhanh, gọn, triệt để, trọn vẹn.

Do ta đồng thời tiến hành đòn tiến công quân sự - đương nhiên đi trước một bước (tiêu diệt và làm tan rã khối chủ lực, bảo an nguy ở vòng ngoài và thọc sâu vào nội thành, đánh chiếm mục tiêu chiến lược, làm suy sụp, tan rã cả lực lượng vũ trang và lực lượng kìm kẹp của chúng, phá hủy toàn bộ hệ thống chỉ huy quân sự, đập tan nguy quyền Trung ương...) và đòn nổi dậy của quần chúng (với khí thế sôi nổi, vận động, hù dọa làm cho hệ thống nguy quân, nguy quyền cơ sở tê liệt..., nhanh chóng ổn định tình hình...) nên ta đã có thể chiếm lĩnh các mục tiêu nhanh chóng, chiếm lĩnh thành phố hầu như còn nguyên vẹn.

Đòn nổi dậy của quần chúng trong chiến dịch tuy khá rộng lớn nhưng chỉ *giành được chính quyền ở cơ sở (nhiều phường, khóm, một số huyện, quận...)*. Không có tổng nổi dậy (TKN)¹. Vì chỗ dựa chủ yếu của nguy quyền trung ương lúc đó là khối chủ lực quân đoàn 3 và tổng trừ bị còn lại đã bị các quả đấm chủ lực cùng lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt và làm tan rã; tu

1. Trước đây, cũng có một vài đồng chí cho rằng có tổng nổi dậy Xuân 1975 ở thành phố Sài Gòn.

lệnh quân khu 3 bỏ chạy, chỉ huy quân đoàn 3 bị mất từ trưa 28 tháng 4; chỉ huy của bộ tổng tham mưu không còn từ 18 giờ 00 ngày 28 tháng 4; hệ thống thông tin chỉ huy chiến lược, chiến dịch địch bị tan vỡ; sân bay Tân Sơn Nhất bị rối loạn; các hướng bị vây chặt từ ngày 29 tháng 4; 5 cơ quan đầu não ngụy quân, ngụy quyền - 5 mục tiêu chiến lược bị ta đánh chiếm từ 10 giờ 30 đến 11 giờ 30 ngày 30 tháng 4... Trong khi đó, quân chúng nổi dậy cùng với lực lượng vũ trang tại chỗ đập tan hệ thống ngụy quyền cơ sở. Như vậy, đến ngày 30 tháng 4, trên thực tế không có và cũng không cần thiết phải có tổng nổi dậy (TKN).

Tiến công quân sự trong chiến dịch Hồ Chí Minh đã phát huy được sức mạnh của 3 thứ quân lấy tác chiến hiệp đồng binh chủng là chủ yếu...

Từ sớm, Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 1 năm 1975, đã chỉ rõ: "Phải nắm vững quy luật của chiến tranh là phải tiêu diệt và làm tan rã lực lượng quân sự của địch, nhất là quân chủ lực, chỗ dựa cuối cùng của chính quyền phát xít tay sai của đế quốc Mỹ. Cũng vì vậy nhìn chung toàn cuộc, thì tổng công kích có ý nghĩa quyết định, phải đi trước một bước". Đó là một chủ trương hoàn toàn đúng, rất sáng suốt và sát thực tế. Thực tế chiến dịch Hồ Chí Minh đã diễn ra như vậy.

Lực lượng vũ trang tại chỗ trong chiến dịch Hồ Chí Minh bao gồm bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng đặc công, biệt động là lực lượng hết sức quan trọng, vừa phối hợp đặc lực với chủ lực vừa làm nòng cốt cho quân chúng nổi dậy.

Nội đô Sài Gòn và vùng ven thành phố có không gian rất rộng, sự số dân đông, địa hình phức tạp, địch bố trí kìm kẹp chặt từ lâu, các cánh quân chủ lực cơ động của ta lại chưa quen biết địa hình, tình hình dân cũng như tình hình địch; vì vậy việc phát huy khả năng lực lượng tại chỗ hỗ trợ cho chủ lực thực hiện kết hợp ba thứ quân là vấn đề rất quan trọng. Chính vì ta có lực lượng tại chỗ mạnh và bố trí sẵn từ trước nên chiến dịch mới thực hiện cách đánh "trong đánh ra, ngoài đánh vào, trong ngoài cùng đánh".

Với 8 trung đoàn, 1 lữ đoàn, 5 tiểu đoàn và nhiều đại đội cùng hơn 4.000 du kích, các lực lượng vũ trang địa phương này có nhiệm vụ chế áp sân bay, các trận địa pháo, đánh phá các vị trí đồn bốt địch, chiếm giữ các cầu để bảo đảm cơ động lớn; dẫn đường và phối hợp với chủ lực đánh chiếm các mục tiêu chiến lược trong thành phố; làm nòng cốt cho việc nổi dậy của quân chúng...

Trên thực tế, lực lượng tại chỗ của chiến dịch đã đánh trên 100 mục tiêu lớn nhỏ; đánh chiếm 13 cầu, giữ 10 cầu bảo đảm binh đoàn chủ lực cơ động qua sông; đánh phá và làm mất tác dụng các trận địa pháo, khống chế sân bay Biên Hòa, bắn pháo ĐKB vào sân bay Tân Sơn Nhất, cắt sông Lòng Tàu - góp phần quan trọng đập tan hy vọng rút chạy bằng đường không và đường thủy (sông Lòng Tàu), nhưng còn sơ hở, không chặn sông Soài Rạp,

làm địch chạy mất một số tàu; dẫn đường cho các binh đoàn chủ lực tiến nhanh vào các mục tiêu chiến lược; góp phần quan trọng vào việc phát động hàng chục vạn quân chúng và làm nòng cốt cho quân chúng nổi dậy giành quyền làm chủ ở cơ sở nhiều khu vực. Lực lượng vũ trang địa phương đã chiếm giữ nhiều mục tiêu quan trọng, tiếp quản nhiều cơ sở quân sự, chính trị, kinh tế trong thành phố, tham gia xây dựng chính quyền mới ở cơ sở, duy trì trật tự trị an ngay sau lúc thành phố được giải phóng.

Có thể nói đây là một lực lượng tuy không lớn so với chủ lực (10%) nhưng đặc biệt lợi hại, quen thuộc địa hình, nắm chắc tình hình, bố trí rất hiểm, phát huy cao độ sở trường, tạo điều kiện cho chủ lực cơ động, tác chiến, làm nòng cốt và thúc đẩy đòn nổi dậy của quân chúng... đạt hiệu quả chiến đấu cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến dịch giao cho.

Lực lượng tại chỗ các tỉnh miền Đông Nam Bộ, trong chiến dịch Hồ Chí Minh đã phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực tiêu diệt địch, giải phóng dân, nơi không có chủ lực hoạt động hoặc chỉ tiến quân lướt qua lên phía trước, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và nhân dân dưới sự lãnh đạo của cơ sở Đảng, dựa vào tác động lớn lao của quân chủ lực tiến công đã tranh thủ giải phóng toàn bộ ấp xã, các thị trấn, thị xã còn lại... góp phần vào thắng lợi chung của chiến dịch.

Các binh đoàn chủ lực (bao gồm của Bộ, Miền và Quân khu) binh chủng hợp thành quy mô lớn đã đi trước một bước trong cuộc tổng tiến công, đóng vai trò quyết định đè bẹp sự chống cự của các tập đoàn lớn quân địch, giành thắng lợi quyết định trong chiến dịch.

Trong toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, quy luật của chiến tranh cách mạng và quy luật của khởi nghĩa vũ trang, cùng vận động, song vai trò vị trí của từng quy luật đó trong mỗi thời kỳ có khác nhau. Thời kỳ cuộc chiến tranh, Bộ Chính trị đã nhấn mạnh phải coi *quy luật của chiến tranh, của đấu tranh vũ trang là quy luật chi phối, có tác dụng quyết định.* Trong giai đoạn cuối của cuộc Kháng chiến chống Mỹ, muốn tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân đội địch, đập tan toàn bộ hệ thống ngụy quyền thì *trước hết phải tiêu diệt khối chủ lực ngụy, chỗ dựa chủ yếu của chính quyền bù nhìn...* Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, trước hết ta đã tập trung lực lượng ưu thế áp đảo để tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân chủ lực địch.

Trong quá trình cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, ngay trong lúc chỉ đạo chiến dịch Tây Nguyên, nhất là khi diễn ra chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã chỉ đạo B2 chuẩn bị chiến trường đánh tiêu diệt lớn, từng bước theo từng tình huống. Tranh thủ thời cơ chiến lược, đẩy mạnh hoạt động bằng lực lượng tại chỗ, tổ chức những đợt hoạt động, những chiến dịch nhỏ và vừa, tiêu diệt địch, tạo biến động, và nếu địch có biến động lớn ở Sài Gòn thì không cần chờ tập

trung đủ lực lượng, có thể đánh thẳng vào Sài Gòn, nếu không có điều kiện thì cũng tiếp tục tạo thế tốt nhất cho trận quyết chiến chiến lược lớn nhất, cuối cùng... Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã tập trung chỉ đạo chủ yếu vào việc hoàn thành phương án cơ bản mở chiến dịch Hồ Chí Minh với ưu thế áp đảo bằng nhiều binh đoàn chủ lực (2 quân đoàn tại chỗ, 3 quân cơ động tới).

Thực tế trong chiến dịch Hồ Chí Minh, ta đã tập trung sử dụng chủ lực lớn nhất từ trước đến nay (5 quân đoàn) với lối đánh hiệp đồng binh quân chủng quy mô lớn. *Chủ lực ta đã thực hiện được đánh tiêu diệt lớn, đánh sụp khối chủ lực chủ yếu của địch ở miền Đông*, lực lượng xương sống của địch, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang địa phương và quân chúng nổi dậy ở cơ sở.

Ta có điều kiện để thực hiện ý định đó, vì chủ lực của ta đã được tổ chức, nhiều quân đoàn với đầy đủ số quân và trang bị vừa thực hiện thắng lợi các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược ở miền Trung, đã tiến hành đánh tiêu diệt lớn ở cả rừng núi, đồng bằng và đô thị, đủ sức bảo đảm chỉ huy, bảo đảm kỹ thuật, bảo đảm hậu cần cho các binh đoàn lớn đánh trận quyết chiến chiến lược cuối cùng kết thúc chiến tranh.

Tập trung khối chủ lực lớn như vậy, ta lại biết phát huy hết uy lực của nó trên một chiến trường có thế trận chuẩn bị sẵn, với lực lượng ba thứ quân tại chỗ mạnh và bố trí hiểm, có bộ phận cài xen kẽ với địch; ta lại có cách đánh cùng một lúc ngay từ đầu, phát huy được toàn bộ sức mạnh của mình, đánh vào toàn bộ quân địch, đánh vào chỗ hiểm yếu của chúng, nên sức mạnh càng nhân lên gấp bội, giành thắng lợi nhanh chưa từng có trong một chiến dịch tiến công trong lịch sử quân sự hiện đại ở nước ta.

Với các binh quân chủng trong chiến dịch, ta sử dụng đúng tính năng tác dụng, sử dụng tập trung, bảo đảm hiệp đồng, phát huy cao độ sức mạnh mỗi binh chủng.

Xe tăng, thiết giáp cơ động xa hàng ngàn kilômét tới chiến trường, kịp thời gian bảo đảm kỹ thuật tốt. Trong chiến dịch, chỉ sử dụng một bộ phận chi viện bộ binh chặn diệt chủ lực địch tuyến ngoài, còn tập trung phần lớn vào binh đoàn thọc sâu, bảo đảm phát triển với tốc độ cao có sức đột kích mạnh, đè bẹp địch nhanh, ta tổn thất ít (ta hỏng 35 xe, thu 410 xe địch).

Pháo binh, phần lớn cơ động từ xa vào đúng thời gian, đầy đủ, bảo đảm kỹ thuật tốt. Có địa phương tổ chức quan sát, trinh sát pháo từ trước nên công tác tổ chức chiến đấu nhanh. Huy động số lượng pháo khá lớn (57 tiểu đoàn: 450 khẩu pháo xe kéo), sử dụng tập trung, sử dụng đạn pháo hợp lý, tận dụng đạn pháo lựu được của địch, kết hợp pháo tầm xa với pháo đi cùng, chế áp pháo địch, khống chế các sân bay, chặn đường sông, phát huy hiệu quả cao hỏa lực chủ yếu của chiến dịch.

Phòng không - không quân trong chiến dịch, đã sử dụng một mật độ súng cao xạ rất lớn (75 tiểu đoàn pháo và 1 trung đoàn tên lửa) trong lúc các sân bay bị khống chế chặt chẽ, địch không sử dụng được không quân... ta đã linh hoạt sử dụng pháo cao xạ đánh mục tiêu mặt đất và đánh tàu trên sông. Đã sử dụng 5 máy bay A.37 của địch và 13 phi công là nhân viên không quân của địch chạy sang ta, chiều 28 tháng 4, ném bom sân bay Tân Sơn Nhất, cùng đặc công bắn 400 viên ĐKB phá hủy 24 máy bay, diệt hàng trăm nhân viên trực chiến nguy, làm cho địch càng hoảng sợ, mau tan rã...

Công binh đã mở đường chiến dịch kịp thời, bảo đảm cầu phà, ngầm qua sông cho bộ đội và binh khí kỹ thuật tiến quân thần tốc bất ngờ. Việc chiếm và giữ các cầu xung quanh Sài Gòn của đặc công; việc bảo đảm cầu phà qua sông Vàm Cỏ Đông, qua đồng lầy hướng Tây Nam của công binh có ý nghĩa rất lớn trong chiến dịch.

Thông tin liên lạc được sử dụng đúng chức năng, mặc dù phương tiện hạn chế, nhưng đã có nhiều cố gắng, bảo đảm thông tin chiến lược, thông tin chiến dịch nhanh chóng, chính xác, kịp thời, bí mật.

Bộ đội vận tải, đã tổ chức quy mô trung đoàn, sư đoàn vận tải cơ giới, kịp thời đáp ứng yêu cầu cơ động rất lớn của chiến dịch. Đã làm tốt chức năng vận chuyển chiến lược, vận tải chiến dịch, chiến đấu trong đó sử dụng một bộ phận hải quân vận chuyển tiếp tế đường biển, đường sông. Vừa vận chuyển vật chất, vừa chở bộ đội hành quân, đặc biệt đã cho binh đoàn thọc sâu với tốc độ cao tiến nhanh vào nội đô đánh chiếm các mục tiêu chiến lược.

Chuẩn bị chiến trường tốt, bảo đảm thắng lợi của chiến dịch có ý nghĩa chiến lược.

Trước hết là tác chiến mở rộng vùng giải phóng miền Đông, chuẩn bị đường cơ động, như giải phóng Phước Long nối thông hành lang ra hậu phương lớn, mở tuyến Mã Đà - lộ 20, Xuân Lộc - Bà Rịa để thông hành lang phía đông địa bàn chiến dịch; mở Bến Cầu - Bà Quẹo thông xuống Mộc Hóa, Đồng Tháp Mười - Lộ 4; mở đường chiến dịch xuống lộ 26, bắc Củ Chi, Chơn Thành, Rạch Bắp - Ginét... Tất cả đều nhằm chuẩn bị đường chiến dịch vận chuyển bằng cơ giới...

Đi đôi mở đường, chiến trường đã *xây dựng các tuyến hậu cần*, thành 6 cánh, mỗi cánh tương đương cấp trung đoàn, tổ chức hệ thống kho bãi chiến lược dọc lộ 14 - Lộc Ninh, hệ thống kho tàng chiến dịch, cơ sở sửa chữa xe, vũ khí, cơ sở quân y, bệnh xá, v.v. ở mỗi cánh hậu cần. Đường ống dẫn dầu được kéo dài đến Bù Đốp, Lộc Ninh.

Tích cực xây dựng lực lượng chủ lực ở B2 như thành lập thêm các sư đoàn 4, 6, 8 của các quân khu 7, 8, 9, Sư đoàn 3 của Miền, nhất là kịp thời thành lập

các binh đoàn chiến lược của Bộ như các quân đoàn 1, 2, 4, 3 chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Hình thành cơ cấu chỉ đạo chỉ huy thích hợp với quy mô chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng và thực tế chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Bộ Chính trị đã cử 2 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, vào cùng với đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị - Bí thư Trung ương Cục cùng Trung ương Cục và Quân ủy Miền lập Bộ Tư lệnh chiến dịch mạnh do đồng chí Tổng tham mưu trưởng làm Tư lệnh và Bí thư Trung ương Cục làm Chính ủy, một Phó Tổng tham mưu trưởng làm Phó tư lệnh chiến dịch đại diện chỉ huy cánh Đông, 2 đồng chí Phó tư lệnh Miền trong đó có đồng chí Tham mưu trưởng Miền xuống trực tiếp phụ trách cánh Tây Nam... Ngoài ra, nhiều đồng chí thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, các Tổng cục, tư lệnh các binh quân chủng đều vào chiến trường giúp Bộ Tư lệnh chiến dịch chỉ đạo các mặt công tác. Như vậy bộ máy chỉ đạo chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh rất mạnh, tập trung đầy đủ quyền lực để vừa trực tiếp chỉ huy chiến dịch, vừa chỉ đạo Quân khu 8, Quân khu 9 phối hợp với chiến trường.

Đã sử dụng cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần của Miền (B2) làm cơ quan chiến dịch; các đồng chí phụ trách các cục, phòng, ban của B2 vẫn giữ nguyên như cũ, bổ sung thêm một số cán bộ của các Tổng cục. Kết hợp tốt sở trường của cán bộ các cơ quan địa phương vốn quen biết chiến trường, hiểu biết tình hình tại chỗ, có kinh nghiệm về chỉ đạo chiến dịch ở chiến trường với các cán bộ của Bộ tăng cường; có kinh nghiệm giúp cấp chiến lược chỉ đạo nhiều chiến dịch lớn... Nhờ đó mà sự chỉ đạo chỉ huy chiến dịch được tăng cường, liên tục, đoàn kết, hiệp đồng tốt.

Cơ quan chiến dịch căn cứ quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương và kế hoạch của B2 từ cuối tháng 3 năm 1975, đã theo sát tình hình; báo cáo đầy đủ với các đồng chí lãnh đạo, đã đề nghị kế hoạch hoạt động tiếp tục của B2 nhằm tranh thủ thời cơ, tạo thế, đồng thời đề đạt phương án chiến dịch cơ bản đánh vào Sài Gòn với lực lượng ưu thế áp đảo. Dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh chiến dịch, cơ quan chiến dịch đã chuẩn bị quyết tâm chiến dịch và kế hoạch chiến dịch; khẩn trương triển khai công tác tổ chức chiến dịch, bảo đảm đến ngày 25 tháng 4 mọi mặt công tác chuẩn bị đều được hoàn thành cơ bản.

Đây cũng là một yếu tố cực kỳ quan trọng bảo đảm thắng lợi giòn giã khi thực hành chiến dịch và cũng là một nội dung đặc sắc của nghệ thuật chiến dịch trong chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

PHẦN THỨ BA

ANH HÙNG

**LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH**

Bản sao lưu trữ

I- ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

BỘ ĐỘI TRƯỜNG SƠN

Từ tháng 5 năm 1959 đến Xuân 1975, Bộ đội Trường Sơn làm nhiệm vụ mở đường, bảo đảm hậu cần chiến lược chi viện cho chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia. Trong điều kiện vô cùng khó khăn, khốc liệt; địch đánh phá tuyến đường đơn vị hoạt động hơn 8 triệu 60 vạn quả bom các loại và bắn hàng chục triệu đạn pháo, đạn rốc két; khí hậu, thời tiết hết sức khắc nghiệt..., cán bộ, chiến sĩ đã khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực phi thường, trưởng thành vượt bậc, dũng cảm bám đường, bám tuyến, tích cực đánh địch trên không, dưới đất, hoạt động liên tục ngày đêm để "tất cả cho chiến trường đánh thắng". Đơn vị đã mở được một hệ thống đường chiến lược vượt qua rừng núi trùng điệp, hiểm trở ở Trường Sơn, bảo đảm cho các binh đoàn, các binh chủng cơ động chiến đấu được thuận lợi. Bảo đảm vận chuyển vũ khí, lương thực, đáp ứng ngày càng lớn cho bộ đội chiến đấu ở các chiến trường.

Trong nhiệm vụ mở đường: Đơn vị đã mở được 5 trục đường ô tô chạy dọc hai bên Đông và Tây Trường Sơn, 21 đường ngang từ các đường trục tới chiến trường Trị Thiên, Khu 5, Nam Bộ, Cam-pu-chia và Lào, với chiều dài 13.640km; xây dựng hàng trăm cầu xi măng, cầu nổi, cầu gỗ, cầu dây cáp, vượt sông suối với chiều dài 57km; cải tạo hàng trăm kilômét đường sông; phá gỡ 12.600 quả bom từ trường, bom nổ chậm, hơn 10 vạn quả bom vướng nổ; phục vụ đắc lực cho các đơn vị vận chuyển và các binh đoàn cơ động chiến đấu được nhanh chóng.

Riêng Xuân 1975 các đơn vị công binh đã khôi phục và mở rộng được 2.577km đường ô tô, bắc lại 83 chiếc cầu, kịp thời phục vụ các binh đoàn cơ động, tiến công địch được thuận lợi.

Trong nhiệm vụ vận chuyển: Kết hợp tốt việc vận chuyển đường bộ với đường sông, đường ô tô, chuyển được 1 triệu 35 vạn tấn vũ khí lương thực, thuốc men và đưa đón hàng chục vạn bộ đội vào chiến trường. Năm nào cũng đạt vượt mức kế hoạch trên giao. Xây dựng được 3.083km đường ống dẫn dầu, vượt qua nhiều địa hình phức tạp dọc Trường Sơn, bảo đảm cho các đơn vị vận tải và các đơn vị xe tăng, pháo binh cơ động chiến đấu.

Đặc biệt trước và trong Tổng tiến công Xuân 1975, các đơn vị vận tải Bộ đội Trường Sơn đã liên tục vận chuyển, không kể ngày đêm bảo đảm tốt nhu cầu vũ khí, lương thực cho các chiến trường và bảo đảm cho bộ đội cơ động chiến đấu.

Trong nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tuyến vận tải: Các đơn vị pháo cao xạ và bộ binh chiến đấu dũng cảm, mưu trí, bắn rơi 2.450 máy bay địch gồm nhiều kiểu loại khác nhau (có 1 B-52 và 950 máy bay phản lực), diệt gọn 1 trung đoàn, 4 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 5 trung đoàn; diệt 16.900 tên, bắt 1.190 tên; phá hủy hơn 100 xe quân sự; thu hàng nghìn súng các loại; phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở dọc biên giới Lào - Việt mở rộng vùng giải phóng liên hoàn từ đường số 9 đến A-tô-pơ, Chăm-pát-sắc.

Trong nhiệm vụ giúp bạn: Bộ đội Trường Sơn đã nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, chịu đựng mọi gian khổ, khó khăn, thiếu thốn, giúp bạn xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở Đảng, chính quyền, các tổ chức quần chúng; tổ chức hơn 1.000 lớp học văn hóa cho hơn 2 vạn người học... ở 13 huyện dọc theo tuyến đường hành lang vận chuyển phía Tây, được bạn rất hoan nghênh.

Bộ đội Trường Sơn đã được tặng thưởng 7 Huân chương Quân công (3 hạng nhất, 2 hạng nhì, 2 hạng ba). Các đơn vị đã được khen thưởng 202 Huân chương Quân công, 4.814 Huân chương Chiến công các hạng, 11.000 cán bộ, chiến sĩ được tặng thưởng Huân chương Chiến công các hạng; có 55 đơn vị, 34 cán bộ, chiến sĩ được tặng danh hiệu Anh hùng; 1.800 đơn vị được tặng danh hiệu "Đơn vị Quyết thắng"; 38.000 cán bộ, chiến sĩ được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Bộ đội Trường Sơn được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

BINH CHỦNG PHÁO BINH

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Bộ đội Pháo binh đã nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, càng đánh càng trưởng thành nhanh chóng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao trong các chiến dịch.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ đội Pháo binh đã không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật và chiến thuật, trình độ tổ chức và chỉ

huy, vượt qua mọi khó khăn ác liệt, chiến đấu dũng cảm, sáng tạo nhiều cách đánh hay phù hợp với đặc điểm điều kiện của từng chiến trường. Đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng, đánh trận địa pháo, đánh kho tàng, đánh sân bay, quân cảng, đánh tàu chiến địch trong các tình huống phức tạp, quyết liệt cả ban ngày lẫn ban đêm trên các địa hình đều giỏi. Phát huy sức mạnh của hỏa lực chủ yếu của lực quân trong các chiến dịch trong các trận chiến đấu trên các chiến trường ở miền Nam, Lào, Cam-pu-chia. Trong chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, Bộ đội Pháo binh cũng là lực lượng nòng cốt bắn tàu chiến địch, bảo vệ vùng biển của ta.

Binh chủng đã đánh 11.600 trận hiệp đồng chi viện đặc lực cho các đơn vị bạn đánh địch được thuận lợi, đánh 12.000 trận độc lập, diệt 140.000 tên địch; phá hủy 6.300 máy bay, 5.400 xe các loại, hơn 500 tàu xuồng chiến đấu, 1.100 kho vũ khí, xăng dầu.

Trong Xuân 1968, Bộ đội Pháo binh đã tích cực đánh địch trên các chiến trường ở miền Nam. Riêng Bộ đội Pháo binh đã diệt hơn 30.000 tên địch, phá hủy hơn 2.000 máy bay, 1.800 xe quân sự (có 250 xe tăng, xe bọc thép), 250 khẩu pháo, 300 kho vũ khí, xăng dầu, bắn chìm, bắn cháy 210 tàu chiến, tàu vận tải.

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (tháng 3 năm 1971), Bộ đội Pháo binh đã vượt qua mọi khó khăn ác liệt, phát huy hỏa lực mạnh mẽ, diệt hầu hết các trận địa pháo, phá hủy hàng trăm xe tăng, xe bọc thép, hàng nghìn công sự, hầm ngầm của địch, góp phần cùng đơn vị bạn đánh bại cuộc hành quân của địch ra Đường 9 - Nam Lào.

Chiến dịch Quảng Trị (năm 1972), Bộ đội Pháo binh đã chuẩn bị chu đáo, tranh thủ bất ngờ ban đầu đưa nhiều loại pháo, kết hợp tầm xa với tầm gần vào chiến trường để đánh địch. Quá trình chiến đấu, dù khó khăn ác liệt thế nào, Bộ đội Pháo binh vẫn bắn rất chính xác vào các mục tiêu được giao, làm tê liệt hầu hết các trận địa pháo, sân bay, phá hủy nhiều kho tàng, hầm ngầm, công sự kiên cố, sở chỉ huy của địch ở Quảng Trị. Riêng những trận đánh độc lập, Bộ đội Pháo binh đã diệt hơn 42.000 tên địch; phá hủy 770 máy bay, 970 khẩu pháo, 800 xe quân sự, 378 kho vũ khí, xăng dầu, bắn chìm, bắn cháy 113 tàu xuồng chiến đấu.

Trong Xuân 1975, Bộ đội Pháo binh đã nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, hành quân cơ động chiến đấu trên các chiến trường Trị Thiên, Tây Nguyên, Khu 5, Nam Bộ, tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, Bộ đội Pháo binh đã sử dụng pháo tầm xa, kết hợp với pháo tầm gần đi cùng bộ binh đánh đúng thời cơ, bắn trúng sở chỉ huy, sân bay, bến cảng, khu trung tâm, thông tin... bắn chế áp trận địa pháo, làm địch hoang mang, rối loạn, tạo điều kiện cho các đơn vị nhanh chóng phát triển đánh địch giành toàn thắng.

Trải qua 30 năm xây dựng và chiến đấu, Binh chủng Pháo binh đã luôn luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng với lời khen của Bác Hồ: "Chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng". Đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhất. Có 39 đơn vị và 9 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Binh chủng Pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

BINH CHỦNG ĐẶC CÔNG

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ đội Đặc công đã không ngừng nâng cao ý chí chiến đấu, ra sức học tập, rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật có những bước tiến vượt bậc, càng đánh càng trưởng thành. Trong chiến đấu đã nêu cao tinh thần độc lập, chủ động khắc phục khó khăn, vượt qua gian khổ, mưu trí sáng tạo, lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn và đánh thắng kẻ địch có lực lượng đông hơn, có kỹ thuật trang bị hiện đại hơn ta; đánh địch trên mọi địa bàn rừng núi, đồng bằng, thành phố, đánh căn cứ, đánh kho tàng, sân bay, quân cảng, đánh địch ở sông, ở biển... đều giỏi. Dù địch canh phòng cẩn mật thế nào, bố trí nhiều vật chướng ngại, nhiều hàng rào thép gai, bãi mìn dày đặc, đơn vị vẫn tìm mọi cách đánh và đánh thắng. Nhiều khi giữa ban ngày, cán bộ, chiến sĩ giả trang lừa địch vào thành phố Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn..., nơi chúng kiểm soát rất chặt chẽ, đánh sập nhiều ngôi nhà từ 3 đến 7 tầng, nơi ở của sĩ quan và nhân viên kỹ thuật diệt hàng nghìn tên địch. Nhiều trận đánh vào sân bay, trong điều kiện đèn điện sáng như ban ngày và thường xuyên có lính tuần tra canh gác, đã phá hủy hàng trăm máy bay, hàng vạn tấn bom, đốt cháy hàng triệu lít xăng.

Tính chung từ năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, Bộ đội Đặc công đã diệt hơn 32 vạn tên địch, có hàng ngàn Mỹ và chư hầu, có hàng trăm giặc lái máy bay, diệt 9 sở chỉ huy sư đoàn, 17 sở chỉ huy lữ đoàn và trung đoàn, diệt gọn 10 tiểu đoàn, 100 đại đội địch. Phá hủy hơn 6.000 máy bay các loại (có cả máy bay chiến lược B-52), 1.600 khẩu pháo, 30 dàn tên lửa, 8.200 xe quân sự (có 1.300 xe tăng, xe bọc thép), 2 triệu 70 vạn tấn bom đạn, đốt cháy 644 triệu lít xăng; đánh chìm, đánh hỏng 350 tàu, xuống chiến đấu, phá sập hơn 100 ngôi nhà từ 3 đến 7 tầng (nơi bọn sĩ quan Mỹ, chư hầu ở); phá sập hàng trăm cầu cống.

Binh chủng Đặc công đã kết hợp tốt chiến đấu và xây dựng, bồi dưỡng, đào tạo được đội ngũ cán bộ có số lượng đông, chất lượng tốt, có trình độ tổ chức chỉ huy vững vàng. Cán bộ và chiến sĩ đặc công có bản lĩnh chiến đấu kiên cường, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách kỷ luật, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân tốt.

Binh chủng đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhất, có 40 đơn vị, 56 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Binh chủng Đặc công được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

BINH CHỦNG THÔNG TIN LIÊN LẠC

Binh chủng Thông tin liên lạc là một trong những binh chủng được thành lập đầu tiên của quân đội ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Bộ đội Thông tin liên lạc đã khắc phục nhiều khó khăn, thiếu thốn về phương tiện, khí tài trang bị kỹ thuật, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm tốt thông tin liên lạc, phục vụ đắc lực cho lãnh đạo, chỉ huy, chỉ đạo tác chiến của Bộ đối với các chiến trường.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ đội Thông tin liên lạc đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, ác liệt, ngày càng trưởng thành vững mạnh, có những bước tiến vượt bậc, đã thường xuyên giữ vững thông tin liên lạc được thông suốt trong mọi tình huống giữa Bộ với các chiến trường, các quân chủng, binh chủng, các đơn vị trong toàn quân, đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo chỉ huy, chỉ đạo tác chiến về chiến lược, chiến dịch, chiến đấu trong cả ba thứ quân.

Các đơn vị thông tin hữu tuyến điện, trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, đã nêu cao quyết tâm, xây dựng được 10.834km đường dây cột (trong đó có 5.057km đường dây cột bê tông, cột sắt, 4.777km đường cột gỗ - với 152 trạm cơ vụ tổng đài và tải ba) từ Hà Nội tới các chiến trường Trị Thiên, Khu 5, Tây Nguyên, các quân khu ở phía Bắc, các quân chủng, binh chủng, các đơn vị trực thuộc Bộ. Máy bay địch đánh phá ác liệt các tuyến đường dây, dây bị đứt hàng vạn lần. Không kể lúc nào, thấy dây bị đứt, dù địch đang đánh phá, trời mưa bão, đêm tối..., các chiến sĩ thông tin vẫn tìm cách khắc phục ngay để nhanh chóng khôi phục thông tin được thông suốt.

Các đơn vị thông tin đi cùng bộ binh, pháo binh trong các chiến dịch, các trận đánh, thường phải đi trước, về sau, dù bom đạn địch ác liệt thế nào cũng đảm bảo đường dây, phục vụ trực tiếp cho chỉ huy trong các trận đánh được tốt.

Các đơn vị thông tin vô tuyến điện ngày đêm trực ban, trực chiến, đã thu và phát 18 triệu bức điện, đảm bảo tỉ lệ chính xác cao, đúng thời gian quy định. Đặc biệt trong những chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (1971), Quảng Trị (1972), Xuân 1975, Bộ đội Thông tin đã thu và phát hơn 5 triệu bức điện, trong đó có hơn 60% điện thượng khẩn, đều đảm bảo kịp yêu cầu về thời gian và đạt chính xác cao (99,92%) phục vụ đắc lực cho chỉ huy chiến đấu được tốt.

Các đơn vị thông tin vận động đã vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh đều tìm cách chuyển nhanh các chỉ thị, mệnh lệnh, văn kiện, tài liệu... ra vào chiến trường được đầy đủ, an toàn. Khi chuyển mệnh lệnh, chỉ thị hỏa tốc, đã không kể ngày đêm, dù khó khăn ác liệt đến mấy cũng tìm mọi cách đảm bảo đưa đến đúng và trước thời gian quy định. Bộ đội Thông tin vận động đã chuyển được hơn 6 triệu công văn, mệnh lệnh, chỉ thị trong đó có 58 vạn công văn hỏa tốc, thượng khẩn đến nơi đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu về thời gian.

Qua hơn 30 năm xây dựng và bảo đảm chiến đấu, Binh chủng Thông tin liên lạc đã luôn luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công (1 hạng nhất, 1 hạng ba). Có 18 đơn vị và 14 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Binh chủng Thông tin liên lạc được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

BINH CHỨNG CÔNG BINH

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Bộ đội Công binh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu, bảo đảm chiến đấu, được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng lá cờ "Mở đường thắng lợi".

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ đội Công binh đã xây dựng lực lượng ngày càng lớn mạnh, không ngừng nâng cao trình độ kỹ

thuật, chiến thuật, trình độ tổ chức và chỉ huy, vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, trưởng thành vượt bậc, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Trong nhiệm vụ mở đường và bảo đảm giao thông, Bộ đội Công binh đã ngày đêm bám đường, bám trọng điểm, làm việc rất khẩn trương, đã mở được hơn 25.000km đường ngang dọc Trường Sơn, ở Lào, nối liền từ Quảng Trị tới các tỉnh Tây Nguyên, Khu 5, miền Đông Nam Bộ, đào đắp hàng trăm triệu khối đất đá, bảo đảm cho bộ đội hành quân cơ động chiến đấu trên các chiến trường miền Nam, Lào thuận lợi.

Trong Xuân 1975, Bộ đội Công binh đã mở được 2.650 km đường ô tô; bắc trên 300 cầu, cống; kịp thời sửa chữa những đoạn đường hỏng trên đường số 1, 19, 21, 20..., bảo đảm cho các binh đoàn, binh chủng hành quân cơ động chiến đấu được đúng thời gian quy định.

Trong nhiệm vụ chiến đấu Bộ đội Công binh đã tích cực đánh địch bằng nhiều hình thức phong phú, nhất là đánh phá giao thông, đã lập được nhiều thành tích to lớn, diệt hơn 75.000 tên địch (có 8.200 Mỹ và chư hầu), bắt 1.167 tên; phá hủy 6.000 xe quân sự, bắn chìm, bắn cháy 104 tàu xuồng, phá sập 845 cầu, lật nhào hàng trăm đoàn tàu quân sự, bắn rơi 165 máy bay...

Trong nhiệm vụ xây dựng công trình quốc phòng, Bộ đội Công binh đã phát huy nhiều sáng kiến, tích cực rút kinh nghiệm, khắc phục nhiều khó khăn thiếu thốn về nguyên vật liệu, phương tiện trang bị, không ngừng phấn đấu nâng cao năng suất, và cải tiến kỹ thuật, đã xây dựng trên 1.500 công trình các loại, tu sửa nhiều công trình bị địch đánh phá trong chiến tranh với số lượng đất đá trên 18 triệu 30 vạn mét khối, xong trước thời gian quy định, chất lượng công trình được tốt, đúng quy cách kỹ thuật.

Trong nhiệm vụ phá gỡ bom, mìn, thủy lôi của địch, dù bom ở trên cạn hay ở dưới nước, Bộ đội Công binh đã khắc phục khó khăn, không quản nguy hiểm, tìm cách tháo phá bằng được. Bộ đội Công binh đã phá gỡ được trên 3 triệu quả bom, mìn, thủy lôi các loại. Hầu hết các loại bom, mìn, thủy lôi của địch sử dụng ở ta, đơn vị đều nghiên cứu nắm được tính năng tác dụng và nguyên lý cấu tạo, phổ biến kịp thời cho toàn quân biết cách tháo phá, góp phần tích cực khôi phục nhiều diện tích sản xuất ở các tỉnh phía Nam; khai thông các luồng lạch, dọc bờ biển, các cửa sông lớn bảo đảm tàu bè đi lại an toàn.

Bộ đội Công binh đã không ngừng phát huy truyền thống "Mở đường thắng lợi", hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công (1 hạng nhất, 1 hạng nhì), có 46 đơn vị và 34 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Binh chủng Công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

BINH CHỦNG PHÁO CAO XẠ

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Binh chủng Pháo cao xạ đã không ngừng nâng cao ý chí chiến đấu, ra sức học tập, rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật, và trình độ tổ chức chỉ huy, ngày đêm thường trực sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt. Trong chiến đấu cán bộ, chiến sĩ đã vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, dũng cảm, mưu trí, phát huy hỏa lực mạnh mẽ, sáng tạo nhiều cách đánh hay, đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng trong các chiến dịch lớn, trong nhiều tình huống phức tạp cả ban ngày lẫn ban đêm, đánh trong mọi thời tiết, ở mọi địa hình trên các chiến trường Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đều giỏi, có những bước tiến vượt bậc. Bộ đội Pháo cao xạ đã bắn rơi trên 5.000 máy bay địch, hầu hết kiểu loại máy bay Mỹ đã sử dụng ở chiến trường Việt Nam. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo vệ giao thông vận tải, bảo vệ các đơn vị hành quân vào chiến trường, bảo vệ các binh chủng bạn trong các chiến dịch lớn.

Ngày 5 tháng 8 năm 1964, ngay trận đầu, Bộ đội Pháo cao xạ đã đánh thắng giòn giã, bắn rơi 8 máy bay phản lực Mỹ khi chúng đánh phá ra miền Bắc.

Ngày 3 và 4 tháng 4 năm 1965, gần 300 lần chiếc máy bay địch đến đánh cầu Hàm Rồng và đánh phá ác liệt vào hầu hết các trận địa pháo của ta, các đơn vị pháo cao xạ ở đây đã chiến đấu rất dũng cảm bắn rơi 47 máy bay phản lực Mỹ.

Trong chiến dịch Khe Sanh (năm 1968) tuy bom đạn địch đánh phá rất ác liệt vào trận địa, Bộ đội Pháo cao xạ đã kiên quyết đánh trả quyết liệt, bắn rơi gần 200 máy bay địch, bảo vệ cho các đơn vị bạn chiến đấu được thuận lợi.

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (năm 1971), Bộ đội Pháo cao xạ vừa hành quân tới nơi đã nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu ngay, bắn rơi hơn 100 máy bay địch, đánh bại chiến thuật đổ bộ đường không của chúng, chi viện đặc lực cho bộ binh, xe tăng, pháo binh của ta tiến công đập tan cuộc hành quân của địch đánh ra Đường 9 - Nam Lào.

Chiến dịch Quảng Trị (năm 1972), trong điều kiện máy bay địch đánh phá ác liệt, có trận địa bị đánh hàng chục lần, hàng trăm quả bom, Bộ đội Pháo cao xạ đã đánh rất giỏi, bắn rơi gần 500 máy bay Mỹ, phần lớn là phản lực, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện cho các đơn vị bạn tiến công địch giành thắng lợi.

Trong đợt chiến đấu 12 ngày đêm từ ngày 18 đến ngày 29 tháng 12 năm 1972, Bộ đội Pháo cao xạ đã phối hợp chặt chẽ với tên lửa, không quân phát huy hỏa lực mạnh mẽ, chính xác, góp phần đập tan cuộc tập kích chiến lược của không quân Mỹ vào đánh phá Hà Nội, Hải Phòng.

Trong Xuân 1975, Bộ đội Pháo cao xạ đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, cơ động nhanh, đến vị trí đúng thời gian quy định, quá trình chiến đấu đã hiệp đồng chặt chẽ với các binh chủng bạn, vừa bắn máy bay, vừa bắn bộ binh địch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Binh chủng Pháo cao xạ đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhất, có 78 đơn vị và 24 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Binh chủng Pháo cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

BINH CHỦNG THIẾT GIÁP

Là một binh chủng kỹ thuật hiện đại, trẻ tuổi, trải qua 17 năm vừa chiến đấu vừa xây dựng, Bộ đội Thiết giáp đã không ngừng quán triệt và thực hiện thắng lợi đường lối chiến tranh nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân của Đảng, trưởng thành vượt bậc, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng. xứng đáng là lực lượng đột kích mạnh mẽ trong chiến đấu hiệp đồng binh chủng của quân đội ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ đội Thiết giáp đã tham gia hầu hết các chiến dịch lớn, từ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt mùa Xuân năm 1968 đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy toàn thắng mùa Xuân năm 1975 trên khắp các chiến trường. Phát huy truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ đội Thiết giáp đã nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, chiến đấu anh dũng, mưu trí, đoàn kết hiệp đồng, lập công tập thể phát huy mạnh mẽ sức đột kích của mình, ngay từ trận đầu đã đánh thắng giòn giã, xây dựng nên truyền thống vẻ vang của binh chủng "Đã ra quân là đánh thắng".

Bộ đội Thiết giáp đã đánh 210 trận, diệt 2 vạn tên địch, diệt và phá hủy 2.000 xe tăng, xe bọc thép và 870 xe quân sự, đánh sập 3.500 lô cốt, ụ súng, trận địa pháo, bắn chìm, bắn cháy 18 tàu, xuống chiến đấu, bắn rơi 35 máy bay, thu 1.672 xe tăng, xe bọc thép, 250 súng cối và nhiều đồ dùng quân sự của địch.

Từ những năm 1964-1965, Bộ đội Thiết giáp đã tham gia nhiều trận cùng bộ binh tiến công đoạt xe tăng địch đánh địch.

Mùa Xuân năm 1968, Bộ đội Thiết giáp làm mũi nhọn đột kích cùng các đơn vị bạn tiêu diệt căn cứ Làng Vây, mở màn cho chiến dịch Khe Sanh giành thắng lợi lớn.

Trong chiến dịch Đường số 9 - Nam Lào, Bộ đội Thiết giáp đã tham gia vào 4 trận đánh then chốt vào các cứ điểm lớn và tập đoàn phòng ngự của địch, trận nào cũng phát huy mạnh mẽ uy lực của binh khí kỹ thuật, hiệp đồng chặt chẽ cùng các binh chủng bạn đột kích mạnh, thọc sâu nhanh, tiến công kiên quyết, tiêu diệt nhiều địch, lập công xuất sắc, góp phần xứng đáng đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mỹ, ngụy.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Bộ đội Thiết giáp đã tham gia các chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm mũi nhọn đột kích của các binh đoàn, tiến quân thần tốc, tiến công dũng mãnh, nhanh chóng tiêu diệt và làm tan rã mọi tuyến đê kháng của địch. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Bộ đội Thiết giáp đã dẫn đầu bộ binh tiến vào Sài Gòn, đánh chiếm phủ tổng thống ngụy quyền và bộ tổng tham mưu quân ngụy, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

17 năm qua, Bộ đội Thiết giáp luôn ra sức học tập rèn luyện, đi sâu nắm vững vũ khí, trang bị hiện đại, tích cực tìm tòi, sáng tạo, không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật, trình độ tổ chức chỉ huy, đào tạo được nhiều cán bộ và nhân viên kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng của binh chủng.

Binh chủng Thiết giáp đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng nhì và 1 Huân chương Quân công hạng ba. Có 11 đơn vị và 7 đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Binh chủng Thiết giáp được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

BINH CHỨNG RA-ĐA

Là một binh chủng kỹ thuật hiện đại, trẻ tuổi, trong quá trình xây dựng và chiến đấu, Bộ đội Ra-đa đã quán triệt và thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng quân đội, xây dựng binh chủng trong điều kiện thực tiễn của nước

ta, đã phát huy mạnh mẽ truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam, ra sức học tập, rèn luyện, nhanh chóng nắm vững và làm chủ vũ khí kỹ thuật hiện đại, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, lập nhiều chiến công lớn, xây dựng binh chủng trưởng thành vững mạnh về mọi mặt, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bộ đội Ra-đa đã ngày đêm sẵn sàng chiến đấu cao, bảo đảm cho quân và dân ta luôn luôn chủ động đối phó với các hành động chiến tranh của địch, phát huy được sức mạnh chiến đấu, góp phần đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ trên miền Bắc nước ta, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Cán bộ, chiến sĩ đã tích cực nghiên cứu, nắm được quy luật hoạt động của địch, tìm ra biện pháp tốt chống lại các thủ đoạn của địch hòng che mắt ra-đa, phát hiện được hơn 50 vạn lần tốp máy bay và hàng vạn tàu chiến địch xâm phạm vùng trời, vùng biển nước ta. Trong các tình huống phức tạp như máy bay địch đến từ nhiều hướng, bay ở nhiều độ cao khác nhau, gây nhiều loại nhiễu, thời tiết xấu, địch đánh phá ngay vào các đài, trạm, cán bộ và chiến sĩ ra-đa đều giữ vững vị trí chiến đấu, bám sát và phát hiện địch từ xa, báo cáo kịp thời, chính xác về trung tâm chỉ huy và thông báo cho các lực lượng chiến đấu, dẫn đường cho không quân ta đánh thắng.

Ngay từ trận đầu ngày 5 tháng 8 năm 1964, Bộ đội Ra-đa đã cảnh giác phát hiện được máy bay địch từ xa, bảo đảm cho các lực lượng phòng không kịp thời chiến đấu, bắn rơi 8 máy bay Mỹ. Phát huy thành tích đó, Bộ đội Ra-đa đã góp phần xứng đáng vào các chiến thắng lớn của quân và dân ta trên miền Bắc và góp phần đánh thắng oanh liệt trận tập kích chiến lược quy mô lớn bằng máy bay B-52 của đế quốc Mỹ vào thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối tháng 12 năm 1972.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Bộ đội Ra-đa đã phục vụ đắc lực cho Bộ tư lệnh chiến dịch chỉ huy tác chiến hiệp đồng quân chủng, binh chủng, giành toàn thắng cho chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Bộ đội Ra-đa còn hiệp đồng chặt chẽ với ngành hàng không dân dụng, góp phần tích cực bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các chuyến bay chuyên cơ, kể cả trong thời kỳ chiến tranh ác liệt nhất.

Binh chủng đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng nhất, 1 Huân chương Quân công hạng nhì. Có 1 trung đoàn, 4 đại đội và 2 đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Binh chủng Ra-đa được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 320 QUÂN ĐOÀN 1

Phát huy truyền thống vẻ vang của Sư đoàn Đồng Bằng trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Sư đoàn 320 đã ra sức xây dựng đơn vị lớn mạnh về mọi mặt, nâng cao trình độ tác chiến hợp đồng binh chủng.

Năm 1972, tham gia chiến dịch Quảng Trị, cán bộ, chiến sĩ sư đoàn đã nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn gian khổ, tiến công kiên quyết, phòng ngự kiên cường diệt 17.700 tên địch, trong đó có 1 lữ đoàn, 3 tiểu đoàn, 3 thiết đoàn bị diệt gọn; phá hủy 630 xe quân sự (có 250 xe tăng, xe bọc thép); bắn rơi 58 máy bay các loại, thu hơn 3.100 súng (có 10 pháo), 10 xe tăng. Đơn vị đã chiến đấu hết sức anh dũng, đánh lui, bẻ gãy hàng trăm đợt phản công ác liệt của địch, có không quân, hải quân Mỹ ra sức hỗ trợ. Giữ vững thành cổ Quảng Trị trong 82 ngày đêm.

Trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Sư đoàn 320 đã hành quân thần tốc, đến đích đúng thời gian, an toàn, tổ chức triển khai chiến đấu nhanh.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, sư đoàn đã tiến công dũng mãnh đánh địch ở ba khu vực Lái Thiêu, Tân Uyên, Dĩ An; chiếm bộ tư lệnh thiết giáp, khu công xưởng, tiểu khu Gia Định, đánh chiếm Bộ tổng tham mưu ngụy, diệt và làm tan rã 1 lữ đoàn, 3 tiểu đoàn ở khu vực Tân Uyên, Dĩ An, Lái Thiêu, cầu Bình Triệu, bắt 350 sĩ quan (có 1 chuẩn tướng, 120 sĩ quan cấp tá).

Các trung đoàn trong sư đoàn đều được tặng thưởng Huân chương Quân công, có 2 trung đoàn được tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Sư đoàn 320, Quân đoàn 1 được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 304 QUÂN ĐOÀN 2

Là một trong những sư đoàn chủ lực đầu tiên của quân đội ta được thành lập trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Sư đoàn 304 có lịch sử và truyền thống chiến đấu và xây dựng vẻ vang.

Từ năm 1968 đến Xuân 1975, sư đoàn đã liên tục chiến đấu trên các chiến trường Đường số 9 - Nam Lào, Trị Thiên, Khu 5 đến Nam Bộ, tiến công dũng mãnh, phòng ngự kiên cường, ở chiến trường nào cũng lập công xuất sắc; đánh giỏi nhiều hình thức chiến thuật trên nhiều địa hình khác nhau và đã đánh bại nhiều đơn vị thiện chiến của Mỹ, ngụy, đạt hiệu suất chiến đấu cao. Sư đoàn đã diệt hơn 4 vạn tên địch (có hàng ngàn Mỹ), diệt gọn 1 lữ đoàn, 2 trung đoàn địch, bắn rơi 930 máy bay; phá hủy gần 800 xe quân sự, 320 khẩu pháo, thu hơn 1.000 xe quân sự, 120 khẩu pháo. Đặc biệt trong chiến dịch Trị Thiên năm 1968, Sư đoàn đã đánh thắng nhiều trận vang dội: Làng Vây, Khe Sanh, Tà Cơn.

Chiến dịch Trị Thiên 1972 đơn vị liên tục chiến đấu từ đầu đến cuối (9 tháng liền) diệt 16.700 tên địch, bắt 980 tên ngụy, thu 50 pháo; phá hủy hơn 200 xe quân sự (có 108 xe tăng, xe bọc thép), bắn rơi 249 máy bay. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phá vỡ tuyến phòng thủ vững chắc của địch ở phía bắc Quảng Trị, tạo điều kiện cho chiến dịch phát triển được thuận lợi. Xuân Hè năm 1974 tiêu diệt chi khu quân sự Thượng Đức, đánh bại âm mưu lấn chiếm của địch, bảo vệ vùng giải phóng.

Mùa Xuân năm 1975, từ tháng 1 đến tháng 3, đơn vị liên tục đánh địch ở Quảng Nam. Từ ngày 26 đến ngày 29 tháng 3 đã thần tốc, táo bạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm nhiệm một mũi vào giải phóng Đà Nẵng.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, sư đoàn đã giải phóng thị xã Hàm Tân (tỉnh Bình Tuy) đánh chiếm trường huấn luyện thiết giáp Nước Trong, tổng kho Long Bình, cùng đơn vị bạn tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm dinh Độc Lập.

Sư đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công (1 hạng nhất, 1 hạng nhì). Các trung đoàn trong sư đoàn đều được tặng thưởng từ 2 đến 3 Huân chương Quân công từ hạng ba trở lên, có 2 trung đoàn, 2 tiểu đoàn, 4 đại đội, 3 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Sư đoàn 304 được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 320 QUÂN ĐOÀN 3

Sinh ra và lớn lên ở chiến trường đồng bằng Bắc Bộ, Sư đoàn 320 có lịch sử và truyền thống vẻ vang từ kháng chiến chống Pháp.

Trong 8 năm (từ năm 1968 đến năm 1975) sư đoàn hoạt động ở chiến trường Quảng Trị, Nam Lào, Tây Nguyên, Nam Bộ, trưởng thành vững chắc và lập nhiều chiến công vẻ vang. Sư đoàn đánh tập trung, đánh hiệp đồng binh chủng trong đội hình quân đoàn đều tốt, đã đánh thắng nhiều đối tượng quân địch (Mỹ, ngụy, chư hầu) trên mọi địa hình, trong mọi thời tiết. Sư đoàn đã diệt gần 2 vạn tên địch, bắt hơn 8.000 tên ngụy, (có 2 chuẩn tướng, 3 đại tá); bắn cháy hơn 3.000 xe quân sự (có gần 400 xe tăng, bọc thép) phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh khác... thu hơn 1.200 xe quân sự, hàng trăm khẩu pháo, hàng nghìn khẩu súng các loại... hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào năm 1971, Sư đoàn 320 đảm nhiệm một hướng chiến dịch, phối hợp với đơn vị bạn, đã liên tục tiến công vây ép và đập tan cánh quân phía Bắc của địch. Ngày 25 tháng 2 năm 1971, tại điểm cao 456, sư đoàn đã đánh bắt toàn bộ bộ chỉ huy lữ đoàn dù ngụy (có tên đại tá Thọ, lữ đoàn trưởng), góp phần tích cực kết thúc chiến dịch thắng lợi.

Mùa Xuân năm 1975, sư đoàn liên tục chiến đấu lập nhiều chiến công xuất sắc tiêu diệt tập đoàn rút chạy của quân đoàn 2 ngụy trên đường số 7, gồm 3 liên đoàn biệt động, 2 trung đoàn thiết giáp và bộ tư lệnh quân đoàn 2, góp phần giải phóng hoàn toàn tỉnh Phú Bổn, quận lỵ Buôn Hồ, Củng Sơn, Phú Nhơn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, sư đoàn tiến công tiêu diệt quân địch ở căn cứ Đồng Dù, diệt và bức hàng 1 trung đoàn và bộ tư lệnh sư đoàn 25 ngụy, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mở cửa cho quân đoàn đánh vào Sài Gòn.

Sư đoàn đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng nhất. Có 1 tiểu đoàn và 1 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Sư đoàn 320 được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 10 QUÂN ĐOÀN 3

Sư đoàn 10 là một trong những sư đoàn bộ binh trẻ tuổi nhất của quân đội ta. Thành lập tháng 9 năm 1972, gồm các trung đoàn 66, 28, 95 ở chiến trường Tây Nguyên, sư đoàn đã nêu cao truyền thống chiến đấu dũng cảm,

đoàn kết hiệp đồng, lập công tập thể, tiêu diệt nhiều đơn vị tinh nhuệ nhất của quân Mỹ và quân ngụy, diệt gần 14.000 tên, diệt gọn 2 lữ đoàn, 2 trung đoàn, 10 tiểu đoàn, 2 chi đoàn thiết giáp, bắt 4.200 tên ngụy, phá hủy hơn 900 xe quân sự, 20 khẩu pháo, bắn rơi 17 máy bay, thu hơn 10.000 súng.

Năm 1974, sư đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu đập tan các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng Kon Tum, tạo điều kiện cho các đơn vị của ta vận chuyển hành quân vào chiến trường được thuận lợi.

Mùa Xuân năm 1975, sư đoàn mở đầu chiến dịch Tây Nguyên, đánh nhiều trận xuất sắc đạt hiệu quả chiến đấu cao. Từ ngày 9 đến ngày 25 tháng 3 năm 1975 sư đoàn đã diệt quận lỵ Đức Lập, hành quân thần tốc, chốt chặn kiên cường diệt địch rút chạy ở Khánh Dương, đèo Phượng Hoàng, tiêu diệt và làm tan rã 1 sư đoàn, 2 trung đoàn, 1 lữ đoàn ngụy.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh sư đoàn chiến đấu trong đội hình quân đoàn tiến công ở cánh quân phía tây bắc Sài Gòn, đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và trại huấn luyện Quang Trung, phối hợp với đơn vị bạn đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu ngụy.

Sư đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì). Các trung đoàn trong sư đoàn đều được tặng thưởng Huân chương Quân công, có 1 trung đoàn, 1 tiểu đoàn, 5 đại đội và 1 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Sư đoàn 10 được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 9 QUÂN ĐOÀN 4

Là sư đoàn được thành lập đầu tiên (tháng 9 năm 1965) ở Nam Bộ, sư đoàn đã tiêu diệt chiến đoàn Mỹ đầu tiên trong trận Bầu Bàng (tháng 11 năm 1965). 10 năm liên tục hoạt động ở chiến trường Nam Bộ và đông bắc Cam-pu-chia, sư đoàn đã vượt qua nhiều thử thách ác liệt, khắc phục nhiều khó khăn, gian khổ, chiến đấu dũng cảm, trưởng thành vững chắc. Vận dụng cách đánh linh hoạt, trình độ đánh tập trung sư đoàn ngày càng tiến bộ đã tiêu diệt trên 15 vạn tên địch (có hàng ngàn Mỹ). Trong đó diệt và đánh

thiệt hại nặng 1 sư đoàn, 14 lữ đoàn, 23 chiến đoàn và 127 tiểu đoàn, phá hủy hơn 6.000 xe quân sự, phần lớn là xe tăng, xe bọc thép.

Là một trong các sư đoàn chủ yếu đã đánh bại cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ti năm 1965 của Mỹ.

Xuân năm 1968, sư đoàn tấn công vào nội thành Sài Gòn, diệt hàng nghìn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

Mùa xuân năm 1975, sư đoàn góp phần đánh chiếm tiểu khu Phước Long, đánh diệt chi khu Dầu Tiếng và đồn Bến Củi, giải phóng 5 vạn dân, đánh chiếm quận lỵ Chơn Thành, góp phần giải phóng tỉnh Bình Long.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, sư đoàn đánh mở trục đường ở Tây Nam Sài Gòn, cùng với pháo binh và xe tăng phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở Vĩnh Lộc, Bà Hom, Cầu Kinh Sáng, và đánh chiếm biệt khu Thủ Đò, bắt gọn bộ chỉ huy địch (có 1 thiếu tướng), hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Sư đoàn đã được tặng thưởng 1 Huân chương Thành đồng hạng nhất, 12 Huân chương Quân công giải phóng (2 hạng nhất, 6 hạng nhì, 4 hạng ba). Sư đoàn có 2 trung đoàn, 1 tiểu đoàn, 9 đại đội và 11 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Sư đoàn 9 được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 7 QUÂN ĐOÀN 4

Phát huy truyền thống "Sư đoàn chiến thắng" trong kháng chiến chống Pháp, liên tục 10 năm hoạt động ở chiến trường Đông Nam Bộ và Đông Bắc Cam-pu-chia, Sư đoàn 7 luôn nêu cao quyết tâm chiến đấu, bền bỉ chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, dũng cảm, mưu trí, đánh giỏi, đã nổ súng là kiên quyết dứt điểm, lập nhiều chiến công xuất sắc. Sư đoàn đã diệt gần 10 vạn tên địch, bắt hơn 4.500 tên. Trong đó diệt và đánh thiệt hại nặng 13 trung đoàn, lữ đoàn, chiến đoàn bộ binh và thiết giáp; gần 100 tiểu đoàn, phá hủy hơn 600 xe quân sự (có hơn 400 xe tăng, xe bọc thép), 945 khẩu pháo; bắn rơi hơn 1.000 máy bay, thu hơn 1 vạn súng các loại.

Mùa Xuân năm 1975, Sư đoàn 7 chiến đấu liên tục, bền bỉ, dẻo dai, đánh chiếm các chi khu quân sự Đồng Xoài, Phước Bình góp phần đánh chiếm chi

khu quân sự và giải phóng quận lỵ Bù Đăng. Là lực lượng đột kích chủ yếu đánh chiếm tiểu khu Phước Long, góp phần quan trọng giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long (ngày 6 tháng 1 năm 1975). Tiếp đó, sư đoàn cơ động đánh địch trên đường 20, tiêu diệt chi khu quân sự Định Quán, làm chủ đoạn đường từ Túc Trưng - Phương Lâm dài 50km; đánh chiếm tiểu khu Bảo Lộc, chi khu quân sự Di Linh, giải phóng hoàn toàn tỉnh Lâm Đồng. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Sư đoàn 7 góp phần giải phóng thị xã Xuân Lộc, tiêu diệt căn cứ Hồ Nai; đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18 ngụy và tiến vào đánh chiếm Sài Gòn. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Sư đoàn đã được tặng thưởng 7 Huân chương Quân công giải phóng (5 hạng nhì, 2 hạng ba), các trung đoàn trong sư đoàn được tặng thưởng 26 Huân chương Quân công giải phóng (2 hạng nhì, 24 hạng ba). Có 1 trung đoàn, 1 tiểu đoàn, 5 đại đội và 6 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Sư đoàn 7 được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 312 BỘ BINH QUÂN ĐOÀN 1

Sư đoàn 312 thành lập cuối năm 1950. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, sư đoàn đã nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ được giao trong các chiến dịch, được Bác Hồ thưởng cờ "Quyết chiến quyết thắng" và tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhì. Các trung đoàn trong sư đoàn đều được nhiều lần tặng thưởng Huân chương Quân công.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Sư đoàn 312 đã hành quân cơ động chiến đấu trên chiến trường Lào, Quảng Trị, Nam Bộ. Trong chiến đấu, sư đoàn thường được giao đảm nhiệm một hướng chiến dịch. Sư đoàn vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, đánh vận động, đánh tập kích, đánh địch trong công sự vững chắc ngày càng trưởng thành, phát huy sức mạnh hiệp đồng binh chủng, tiến công kiên quyết hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Từ năm 1969 đến tháng 4 năm 1972, sư đoàn hoạt động ở chiến trường Lào, tham gia 3 chiến dịch lớn. Chiến dịch nào đơn vị cũng đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu, diệt gọn 9 tiểu đoàn, 17 đại đội (có 5 tiểu đoàn Thái

Lan); đánh thiệt hại nặng 10 tiểu đoàn và nhiều đại đội địch, diệt và bắt 10.500 tên, cùng bạn giải phóng và bảo vệ Cánh Đồng Chum.

Trong chiến dịch Quảng Trị năm 1972, đơn vị hành quân từ Lào về nước đã nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu. Sư đoàn đã nêu cao tinh thần tiến công kiên quyết khi đánh địch phản kích, dù lực lượng đông có máy bay, pháo binh chi viện đơn vị luôn bám địch đã đánh lùi các đợt phản kích của chúng, diệt gọn 2 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng nhiều tiểu đoàn khác, diệt và bắt hơn 7.000 tên địch thuộc các đơn vị lính dù, lính thủy đánh bộ, liên đoàn biệt động. Sư đoàn đã góp phần cùng các đơn vị bạn diệt hơn 80.000 tên địch, giải phóng phần lớn tỉnh Quảng Trị.

Mùa Xuân 1975, sư đoàn hành quân thần tốc liên tục 17 ngày đêm vào chiến trường Nam Bộ tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh. Sư đoàn nắm vững thời cơ, đánh nhanh đánh mạnh, diệt và bắt toàn bộ sư đoàn 5, 1 thiết đoàn địch phòng ngự ở phía bắc Sài Gòn và làm tan rã toàn bộ lực lượng bảo an trong tỉnh Thủ Dầu Một, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Sư đoàn kết hợp tốt chiến đấu và xây dựng, tích cực rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật, nâng cao trình độ tổ chức chỉ huy, đánh hiệp đồng binh chủng. Sư đoàn đã bổ sung cho các chiến trường 5 trung đoàn, 10 tiểu đoàn, có 3 trung đoàn được tặng danh hiệu Anh hùng.

Sư đoàn đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhì; các trung đoàn trong sư đoàn đều được tặng thưởng Huân chương. Có 2 trung đoàn, 1 tiểu đoàn, 2 đại đội và 2 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Sư đoàn 312 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 324 BỘ BINH QUÂN ĐOÀN 2

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Sư đoàn liên tục hoạt động ở chiến trường Trị Thiên, Đường 9 - Nam Lào. Sư đoàn đã nêu cao quyết tâm, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, càng đánh càng trưởng thành, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật: đã diệt gọn 1 lữ đoàn, 12 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng nhiều đơn vị tinh nhuệ của Mỹ, ngụy, diệt và bắt hơn

50.000 tên địch, phá hủy hơn 1.000 xe quân sự, hơn 200 khẩu pháo, cối, bắn rơi 680 máy bay, thu hơn một vạn súng các loại.

Tháng 6 năm 1969, đơn vị đã diệt gọn 1 tiểu đoàn, 1 đại đội, đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn dù Mỹ trên núi A Bia, đập tan âm mưu của Mỹ định chiếm điểm cao này để ngăn chặn ta từ xa vào hoạt động ở nam Thừa Thiên.

Chiến dịch Đường số 9 - Nam Lào (năm 1971) nhận nhiệm vụ đánh địch ở hướng nam Bản Đông, đơn vị đã diệt 1 lữ đoàn dù trên điểm cao 619, 555, góp phần quan trọng cùng đơn vị bạn giành thắng lợi trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào.

Chiến dịch Quảng Trị năm 1972, sư đoàn đã diệt gọn 7 tiểu đoàn, 21 đại đội, diệt 8.700 tên, bắt hơn 1.000 tên, bắn rơi 100 máy bay, phá hủy 740 xe quân sự, thu và phá hủy hơn 2.000 súng các loại. Giải thoát 350 cán bộ của ta bị địch bắt.

Mùa Xuân 1975, sư đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở đông nam Thừa Thiên và đánh vào Huế, Cửa Thuận, không cho địch rút chạy, diệt và bắt toàn bộ lực lượng sư đoàn 1, lữ đoàn dù, 2 liên đoàn biệt động, 2 thiết đoàn và các đơn vị pháo binh của địch, diệt và bắt 19.000 tên địch.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Sư đoàn 324 đánh địch ở căn cứ Nước Trong và Ngã ba Long Bình, làm chủ chi khu Nhơn Trạch để pháo tầm xa của ta triển khai bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Sư đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì). Các trung đoàn trong sư đoàn đều được tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng. Sư đoàn có 2 trung đoàn, 4 tiểu đoàn, 4 đại đội và 3 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Sư đoàn 324 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 325 BỘ BINH QUÂN ĐOÀN 2

Sư đoàn 325 được thành lập tháng 5 năm 1951. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, sư đoàn cơ động chiến đấu trên các chiến trường Quảng

Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Trung Lào, Hạ Lào và đông bắc Cam-pu-chia. Sư đoàn đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, ác liệt, chủ động đánh địch, đánh ở địa hình rừng núi, đồng bằng đều giỏi, càng đánh càng trưởng thành, lập nhiều chiến công xuất sắc, được Bác Hồ tặng cờ "Quyết chiến, quyết thắng", được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sư đoàn đã có mặt trên nhiều chiến trường ở miền Nam, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, tiến công kiên quyết, phòng ngự kiên cường, đã diệt gọn 1 lữ đoàn, 3 liên đoàn, 7 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng nhiều đơn vị khác (diệt hơn 4 vạn tên địch), thu và phá hủy 350 xe quân sự (có 240 xe tăng, xe bọc thép), 105 khẩu pháo cối; bắn rơi 93 máy bay; bắn chìm 11 tàu chiến; thu 110 tàu chiến, 12.000 khẩu súng các loại.

Tháng 3 năm 1969, Sư đoàn 325 bước vào chiến đấu ở Quảng Trị đã diệt hơn 2.000 tên địch (có 1.000 tên Mỹ), bắn rơi 32 máy bay, phá hủy 24 xe quân sự (xe tăng và xe bọc thép), đánh bại cuộc hành quân càn quét của địch.

Tháng 11 năm 1972, địch cho 1 thiết đoàn, 1 trung đoàn có máy bay, pháo binh yểm trợ bắn phá rất ác liệt, hòng chiếm lại Ái Tử, Đông Hà, Cửa Việt, đơn vị đã vượt qua bom đạn địch, bám sát diệt 1 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, cùng đơn vị bạn diệt gọn 1 thiết đoàn, đánh bại âm mưu lấn chiếm của địch.

Từ ngày 21 đến ngày 29 tháng 3 năm 1975, sư đoàn liên tiếp diệt các vị trí địch ở Lương Điền, Phú Bài, Phước Tường, Phú Gia, Thừa Lưu, đèo Lăng Cô (Thừa Thiên) và giải phóng thành phố Huế. Thừa thắng, đơn vị chủ động tấn công địch ở đèo Hải Vân và từ hướng bắc đánh thẳng vào thành phố Đà Nẵng. Tiếp đó đơn vị vừa đánh địch, vừa hành quân thần tốc bằng ô tô kết hợp đi bộ hơn 900km trong 15 ngày tiến đánh Phan Rang, Phan Thiết (tỉnh Bình Thuận), làm tan rã sở chỉ huy tiền phương của quân đoàn 3 ngụy, diệt và bắt hơn 1 vạn tên địch, phá vỡ tuyến phòng thủ phía đông bắc cách Sài Gòn hơn 200km.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, sư đoàn đã diệt các căn cứ Long Thành, Nhơn Trạch, Thành Tuy Hạ, căn cứ hải quân Cát Lái, cắt giao thông địch ở đường 15, cô lập thị xã Bà Rịa và cảng Vũng Tàu, phá vỡ tuyến phòng thủ ở đông nam Sài Gòn giải phóng quận 4, quận 9.

Sư đoàn đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng nhất, các trung đoàn trong sư đoàn đều được tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng. Có 1 trung đoàn, 2 tiểu đoàn được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Sư đoàn 325 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 316 BỘ BINH QUÂN ĐOÀN 3

Sư đoàn 316 được thành lập tháng 5 năm 1951. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, sư đoàn làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu trên các chiến trường Đông Bắc, Tây Bắc, Thượng Lào, được Bác Hồ tặng thưởng cờ "Quyết chiến, quyết thắng", được khen thưởng 4 Huân chương Quân công hạng ba. Các trung đoàn trong sư đoàn đều được tặng thưởng Huân chương Quân công. Có 7 đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sư đoàn đã tham gia nhiều chiến dịch trên chiến trường Lào, Tây Nguyên, Nam Bộ, diệt và bắt 60.000 tên địch.

Từ năm 1962 đến năm 1972, Sư đoàn 316 hoạt động ở chiến trường Lào, cán bộ, chiến sĩ nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, khắc phục nhiều khó khăn, gian khổ, ác liệt, hiệp đồng tác chiến chặt chẽ với bạn, tích cực đánh địch, mở rộng vùng giải phóng, giúp bạn xây dựng cơ sở, phát triển lực lượng. Sư đoàn đã tham gia 10 chiến dịch ở Thượng Lào, Trung Lào, tiêu diệt 1 trung đoàn, 10 tiểu đoàn, nhiều đại đội, trung đội, diệt và bắt hơn 22.000 tên địch, có 1.200 lính Thái Lan, bắn rơi 159 máy bay, thu hơn một nghìn súng. Góp phần cùng bạn giải phóng 24.000km² vùng đất đai, hơn 30.000 dân ở 3 tỉnh Nậm Bạc, Sầm Nưa, Xiêng Khoảng. Được Nhà nước Lào tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng nhất (huân chương cao nhất của bạn) và bức trướng có ghi dòng chữ "Hoan nghênh tinh thần chiến đấu anh dũng của Sư đoàn 316".

Xuân 1975, Sư đoàn 316 cơ động vào Tây Nguyên, đã nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu ngay. Ngày 10 và ngày 11 tháng 3 năm 1975, cán bộ, chiến sĩ trong sư đoàn đã nắm vững thời cơ, táo bạo, nhanh chóng đánh chiếm những vị trí then chốt được giao, diệt gần 5.000 tên địch, là lực lượng chủ yếu, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, nhận nhiệm vụ chặn đánh, không cho địch rút chạy từ Tây Ninh về cơ cụm ở Đồng Dù, sư đoàn đã chiến đấu liên tục, diệt 2 trung đoàn, 1 thiết đoàn, 1 liên đoàn biệt động, 1 tiểu đoàn, diệt và bắt 5.000 tên địch; bắn rơi 3 máy bay, phá hủy 200 xe quân sự, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện được yêu cầu của trên.

Trong kháng chiến chống Mỹ sư đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công hạng nhất. Các trung đoàn trong sư đoàn đều được tặng

thường Quân chương Quân công. Có 2 trung đoàn, 6 đại đội và 6 đồng chí đã được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Sư đoàn 316 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH

Là một trong hai sư đoàn được thành lập đầu tiên ở Nam Bộ, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sư đoàn luôn có quyết tâm cao, vượt qua mọi khó khăn ác liệt, tích cực tiến công địch, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, đánh vận động, đánh tập kích, đánh địch đổ bộ đường không, đánh địch ở địa hình rừng núi, ở đồng bằng, thành phố đều giỏi. Đơn vị đã đánh thắng nhiều đối tượng quân địch (Mỹ, ngụy, Úc, ngụy Lon Non), lập nhiều chiến công xuất sắc, diệt gọn 1 trung đoàn, 3 chiến đoàn, 100 chi đoàn và tiểu đoàn, diệt và bắt 89.000 tên địch, phá hủy 4.000 xe quân sự, 300 khẩu pháo, bắn rơi và phá hủy 1.050 máy bay, bắn chìm 30 tàu xuồng chiến đấu, thu trên 30.000 súng các loại.

Từ năm 1965 đến năm 1967, địch mở nhiều cuộc càn quét đánh phá ác liệt miền Đông Nam Bộ. Đơn vị đã tích cực bám địch, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, diệt gọn 10 tiểu đoàn bộ binh, 3 chi đoàn cơ giới, diệt và bắt hơn 1 vạn tên địch (có 500 lính Úc, hơn 1.000 lính Mỹ).

Xuân 1968, tuy có nhiều khó khăn, phải tự vận chuyển vũ khí, lương thực, bom đạn địch đánh phá ác liệt, đơn vị đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, nổ súng đúng thời gian quy định, phối hợp với các chiến trường khác, đánh thiệt hại nặng bộ chỉ huy dã chiến số 2 của Mỹ, bộ tư lệnh quân đoàn 3 ngụy, đánh thiệt hại nặng sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Năm 1970, nhận nhiệm vụ đánh địch trên đất Cam-pu-chia, sư đoàn đã hành quân thần tốc, nắm vững thời cơ, chủ động tiến công, kết hợp với địch vận, diệt và gọi hàng trên 2.000 tên địch. Góp phần cùng bạn giải phóng 2 tỉnh Kơ Ra Chê, Stung Treng, và nhiều huyện thuộc 2 tỉnh Xiêm Riệp và Kông Pông Thơm.

Năm 1971, làm nhiệm vụ ở hướng chủ yếu đánh địch ở Xê Nun (Kơ Ra Chê), sư đoàn đã tiến công kiên quyết, đánh thiệt hại nặng 2 chiến đoàn, 1 lữ đoàn thiết giáp ngụy, góp phần cùng bạn giải phóng Xê Nun.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, sư đoàn nhanh chóng diệt 20 đồn bốt địch, cắt đứt giao thông của địch trên đường số 4, từ Tân An đi Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Sư đoàn được tặng thưởng 1 Huân chương Thành đồng hạng nhì, 5 Huân chương Quân công giải phóng (3 hạng nhì, 2 hạng ba). Có 1 trung đoàn, 1 tiểu đoàn, 2 đại đội và 7 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Sư đoàn 5 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 367 PHÒNG KHÔNG QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN

Sư đoàn 367 được thành lập từ những đơn vị cao xạ đầu tiên của quân đội ta và có truyền thống vẻ vang trong kháng chiến chống Pháp.

Từ tháng 6 năm 1966 đến tháng 4 năm 1975, sư đoàn đã cơ động chiến đấu hiệp đồng trong các chiến dịch lớn, và cơ động bảo vệ giao thông vận tải chiến lược. Sư đoàn luôn có quyết tâm cao, vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, vận dụng nhiều cách đánh linh hoạt, đánh ngày, đánh đêm, đánh trong mọi thời tiết, ở mọi địa hình, đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng đều giỏi, đã bắn rơi 867 máy bay địch, hầu hết là phản lực, có 8 B-52, phối hợp cùng bộ binh diệt hơn một trăm lô cốt và hỏa điểm địch.

Đầu năm 1967, làm nhiệm vụ bảo vệ tuyến đường giao thông ở phía đông nam Hà Nội, sư đoàn đã bắn được rơi 33 máy bay phản lực Mỹ, bảo vệ tốt các mục tiêu được giao.

Năm 1968, làm nhiệm vụ bảo vệ giao thông vận tải ở các trọng điểm Bến Thủy, Đồng Lộc, Xuân Sơn, sư đoàn đã ngày đêm thường trực sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt. Lần nào máy bay địch vào đánh phá, đơn vị đều phát huy hỏa lực mạnh mẽ, đánh trả quyết liệt, bắn rơi 62 chiếc.

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (năm 1971), sư đoàn đã nhanh chóng triển khai đội hình, chiến đấu ngoan cường bắn rơi 89 chiếc (có 2 B-52), chi viện tốt cho bộ binh, xe tăng, pháo binh ta tiến công địch.

Chiến dịch Quảng Trị 1972, sư đoàn đã đánh rất giỏi, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị khác, đã bắn rơi 385 máy bay Mỹ.

Chiến dịch Hồ Chí Minh, sư đoàn nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, cơ động nhanh, đến vị trí đúng thời gian quy định. Quá trình chiến đấu đã hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh, vừa bắn máy bay, vừa bắn bộ binh, diệt nhiều hỏa điểm, lô cốt địch. Hoàn thành tốt nhiệm vụ chi viện cho Quân đoàn 1 tiến công từ hướng bắc vào Sài Gòn.

Sư đoàn đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng nhì, có 2 trung đoàn, 6 tiểu đoàn, 4 đại đội và 4 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Sư đoàn 367 phòng không được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 571 Ô TÔ VẬN TẢI BỘ TƯ LỆNH 559

Từ tháng 5 năm 1971 đến Xuân 1975, Sư đoàn 571 làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực chi viện cho chiến trường. Đơn vị vận chuyển đường dài từ Quảng Bình và Tây Nguyên, Khu 5, Nam Lào... Điều kiện hoạt động có rất nhiều khó khăn. Đường vận chuyển xấu, mưa thì lầy lội, rất khó đi, máy bay địch đánh phá ác liệt tuyến đường vận chuyển. Trong năm 1972, nhiều trọng điểm đơn vị đi qua trên đường số 1, 20, 24 không ngày nào máy bay địch không đánh phá. Có ngày địch đánh từ 5 đến 10 lần, và hàng trăm lần chúng đánh trúng xe. Đơn vị có quyết tâm cao, dũng cảm, tìm nhiều cách để chuyển nhanh, chuyển đủ vũ khí, lương thực cho chiến trường, sư đoàn đã tổ chức cung độ, đội hình xe vận chuyển hợp lý. Tổ chức nhiều đội sửa chữa xe lưu động trên đường để kịp thời sửa chữa xe bị hỏng, đảm bảo đầu xe hoạt động tăng. Năm nào đơn vị cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch vận chuyển từ 8 đến 36%.

Trong chiến dịch Quảng Trị 1972, đơn vị đã vượt qua hàng trăm lần bom đạn địch bắn phá ác liệt, nhiều lần cho xe chạy cả ban ngày, chuyển vũ khí đến các sư đoàn chiến đấu ở mặt trận và chở thương binh về tuyến sau an toàn.

Trong Tổng tiến công Xuân 1975, chỉ sau 18 giờ nhận lệnh, sư đoàn đã tổ chức được hơn 1.000 xe ô tô, cơ động rất khẩn trương từ Tây Nguyên ra Vĩnh Linh, đường dài 1.200km qua nhiều đoạn đường xấu, máy bay địch đánh phá ngăn chặn. Mỗi đêm đi gần 300km có ngày đêm đi 500 - 600km. Tới nơi, đơn vị nhanh chóng chở Quân đoàn 2 cơ động đánh địch ở Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết, Vũng Tàu, Sài Gòn được kịp thời gian quy định của chiến dịch.

Ngoài nhiệm vụ chủ yếu đã hoàn thành xuất sắc, đơn vị còn làm nhiệm vụ thu dung, điều trị thương binh, bệnh binh ở chiến trường chuyển ra, sư đoàn đã điều trị và nuôi dưỡng hơn 4 vạn lượt thương binh, bệnh binh được tốt, trả về đơn vị chiến đấu được trên 70%, vượt chỉ tiêu quy định 5%.

Sư đoàn 571 đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhì. Có 1 trung đoàn, 1 tiểu đoàn, 5 đại đội và 5 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Sư đoàn 571 ô tô vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 471 Ô TÔ VẬN TẢI BỘ TƯ LỆNH 559

Sư đoàn thành lập năm 1971, gồm những đơn vị hoạt động lâu năm ở chiến trường. Từ đó đến tháng 4 năm 1975 đơn vị làm nhiệm vụ vận tải chi viện cho chiến trường Nam Lào, Trị Thiên, Khu 5... Tuy có nhiều khó khăn: máy bay địch ngày đêm đánh phá ác liệt, có ngày đánh 20 lần vào tuyến vận tải của sư đoàn; đường vận chuyển xấu; sư đoàn có quyết tâm cao, kiên quyết hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đơn vị bố trí cung độ, đội hình xe vận chuyển hợp lý, tranh thủ mọi thời gian chạy tăng chuyển, chuyển nhanh vũ khí và chở bộ đội tới đích an toàn, đúng thời gian quy định. Năm nào cũng đạt vượt mức kế hoạch từ 9% đến 50%.

Đặc biệt trong cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975, sư đoàn làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, đạn dược, lương thực cho bộ đội chiến đấu ở Tây Nguyên và đảm bảo cơ động cho Quân đoàn 3 và một số trung đoàn khác vào tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh.

Trong nhiệm vụ mở đường, lực lượng công binh của sư đoàn đã dũng cảm bám đường, bám tuyến, tranh thủ thời gian, nhanh chóng mở rộng, sửa chữa cầu đường, bảo đảm cho xe vận chuyển và các đơn vị hành quân được nhanh chóng. Sư đoàn đã mở và sửa 6 tuyến đường với chiều dài 1.898km (trong đó mở 819km đường ô tô), xây dựng được 17 ngầm qua sông, hơn 1.000 cầu cống lớn nhỏ (chiều dài 4.000m) với khối lượng đất, đá hơn 2 triệu mét khối. Trong nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tuyến vận tải pháo cao xạ và bộ binh của sư đoàn đã chiến đấu dũng cảm, mưu trí, bắn rơi 10 máy bay, diệt 530 tên địch, bảo vệ tốt tuyến hành lang vận chuyển.

Đơn vị đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công hạng nhì, các trung đoàn trong sư đoàn đều được tặng thưởng Huân chương. Có 1 trung đoàn, 5 tiểu đoàn, 2 đại đội và 6 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Sư đoàn 471 ô tô vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

SƯ ĐOÀN 341 BỘ BINH QUÂN ĐOÀN 4

Mùa Xuân năm 1975, sư đoàn đã khẩn trương cơ động 1.500km vào chiến trường Nam Bộ đúng thời gian quy định, tới nơi nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu ngay. Sư đoàn đã tham gia chốt chặn địch trên đường số 13, tiến công địch ở Xuân Lộc và tham gia tiến công địch ở Hồ Nai, Trảng Bom, Biên Hòa và thành phố Sài Gòn. Cán bộ, chiến sĩ đã xây dựng quyết tâm chiến đấu cao, vừa chiến đấu vừa rút kinh nghiệm, trưởng thành nhanh cả về trình độ tổ chức chỉ huy và trình độ kỹ thuật, chiến thuật, nhất là trình độ chiến thuật đánh hiệp đồng binh chủng trong đội hình lớn. Sư đoàn đã diệt 3 chiến đoàn, 9 tiểu đoàn, góp phần cùng đơn vị bạn diệt 1 sư đoàn và 1 chiến đoàn địch, loại khỏi vòng chiến đấu 7.500 tên, bắt 1.915 tên, thu nhiều phương tiện chiến tranh.

Ngày 20 tháng 3 năm 1975, 1 trung đoàn trong sư đoàn diệt gọn 1 tiểu đoàn địch, góp phần tích cực cùng đơn vị bạn giải phóng chi khu Chơn Thành.

Từ ngày 9 đến 21 tháng 4 năm 1975, hòng cố thủ Xuân Lộc, địch ném hàng vạn quả bom, bắn hàng chục vạn quả pháo vào hướng tiến công của sư

đoàn, cán bộ, chiến sĩ sư đoàn đã ngoan cường chiến đấu, giành giật với địch từng ngọn đồi, đường phố, mảnh vườn, kiên quyết tiến công địch diệt gọn 5 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 2 chiến đoàn, góp phần cùng đơn vị bạn diệt gọn sư đoàn 18 ngụy, giải phóng thị xã Xuân Lộc, tạo thế có lợi cho chiến dịch ở hướng đông bắc Sài Gòn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, sư đoàn đã đánh nhiều trận xuất sắc, diệt 3 chiến đoàn địch (2 chiến đoàn thiết giáp, 1 chiến đoàn bộ binh) ở Trảng Bom và Hố Nai.

Sáng ngày 30 tháng 4, sư đoàn đánh chiếm các khu vực được phân công trong thành phố Sài Gòn.

Đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng nhất.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Sư đoàn 341 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

LỰC LƯỢNG BIỆT ĐỘNG THÀNH PHỐ SÀI GÒN

Lực lượng biệt động thành phố Sài Gòn được thành lập tháng 3 năm 1963. Từ đó đến tháng 4 năm 1975, lực lượng biệt động thành phố đã vượt qua nhiều khó khăn, kiên trì bám địa bàn hoạt động, tích cực đánh địch, vận dụng nhiều cách đánh linh hoạt, mưu trí, lấy ít thắng nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, đánh trúng các mục tiêu quan trọng, diệt nhiều sinh lực và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề. Trận ngày 3 tháng 12 năm 1966 đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất diệt hơn 1.000 tên địch, phá hủy 150 máy bay và 300 tấn đạn. Hàng chục trận chỉ 1 tổ đã khéo giả trang vào đặt mìn diệt hàng trăm tên Mỹ, ác ôn, gián điệp ở các khách sạn, câu lạc bộ, cư xá sĩ quan của địch. Đợt Xuân 1968 ta sử dụng toàn bộ lực lượng đồng loạt tiến công vào nhiều cơ quan quan trọng của địch như: tòa đại sứ Mỹ, đài phát thanh, dinh Độc Lập, bộ tổng tham mưu ngụy, tổng nha cảnh sát, bộ tư lệnh hải quân ngụy, biệt khu thủ đô..., diệt hàng trăm tên sĩ quan cao cấp, thu nhiều tài liệu quan trọng.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng biệt động đã ém sẵn trên 5 hướng tiến công vào nội thành. Khi có lệnh tiến công, đã đồng loạt nổ súng đánh chiếm các cầu vào thành phố và các vị trí được giao; nhanh chóng bắt liên lạc và dẫn đường cho bộ đội chủ lực tiến công địch trong thành phố. Tính chung trong 12 năm, lực lượng biệt động thành phố Sài Gòn đã diệt hơn một vạn tên địch (có hơn 5.000 Mỹ), phá hủy hơn 200 máy bay và hàng trăm xe quân sự, kho tàng quan trọng của địch.

Lực lượng biệt động thành phố đã được tặng thưởng 2 Huân chương Thành đồng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì). 18 đơn vị trong lực lượng đã được tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng, 720 cá nhân được khen thưởng Huân chương Chiến công giải phóng. Có 1 đại đội và 7 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Lực lượng biệt động thành phố Sài Gòn được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

LỮ ĐOÀN 203 THIẾT GIÁP QUÂN ĐOÀN 2

Mùa Xuân 1975, Lữ đoàn 203 đã đánh nhiều trận xuất sắc.

Từ ngày 25 đến ngày 29 tháng 3 năm 1975, lữ đoàn táo bạo, tiến công kiên quyết, dẫn đầu bộ binh đánh vào Huế, Đà Nẵng, diệt hơn một trăm hỏa điểm, ụ súng địch.

Ngày 16 tháng 4 năm 1975, lữ đoàn đã phát huy sức cơ động, đột kích nhanh của xe tăng, thiết giáp làm tê liệt sân bay Thành Sơn, diệt sở chỉ huy tiền phương quân đoàn 3 và sở chỉ huy sư đoàn 6 không quân nguy, 50 máy bay địch không kịp chạy; hiệp đồng chặt chẽ cùng với 1 tiểu đoàn bộ binh diệt hàng trăm tên địch, giải phóng thị xã Phan Rang.

Ngày 19 tháng 4 năm 1975 Lữ đoàn 203 diệt nhiều hỏa điểm địch, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ binh tiến đánh địch ở thị xã Phan Thiết.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, từ ngày 27 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phát huy mạnh mẽ uy lực của xe tăng đánh thẳng vào căn cứ thiết giáp ở Nước Trong và các căn cứ Long Thành, Vũng Tàu, cùng bộ binh đánh vỡ tuyến phòng thủ phía đông Sài Gòn, tiến đánh dinh Độc Lập.

Đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng nhì.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Lữ đoàn 203 thiết giáp được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 209 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 312, QUÂN ĐOÀN 1

Từ năm 1969 đến Xuân 1975, Trung đoàn 209 tham gia chiến dịch Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, chiến dịch Quảng Trị, chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị luôn có quyết tâm cao, vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, cơ động nhanh, tích cực đánh địch, lập nhiều chiến công xuất sắc. Trung đoàn đã vận dụng tốt nhiều hình thức chiến thuật, đánh thắng mọi đối tượng quân địch ở mọi địa hình. Đã diệt 6.600 tên địch; bắt 7.260 tên, trong đó diệt gọn 3 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 5 tiểu đoàn; phá hủy 26 xe tăng, xe bọc thép; bắn rơi 53 máy bay các loại, thu 80 xe quân sự (có 16 xe bọc thép, hơn 1.000 súng các loại...

Từ tháng 9 năm 1972 đến tháng 3 năm 1973, Trung đoàn 209 làm nhiệm vụ giữ khu vực phía bắc sông Thạch Hãn (Quảng Trị), mặc dù bom đạn địch rất ác liệt, đơn vị vẫn chiến đấu ngoan cường, đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, diệt 4.200 tên, bắn cháy 22 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 8 máy bay... chặn đứng các cuộc hành quân lấn chiếm của sư đoàn dù ngụy.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh từ ngày 24 tháng 4 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, trung đoàn đã khắc phục nhiều khó khăn, tích cực tiến công địch, diệt và bắt hơn 7.000 tên địch (có bộ tư lệnh sư đoàn 5 ngụy) tại các khu vực Bến Cát, Lai Khê, Phú Lợi, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chốt chặn quân địch, tạo điều kiện cho sư đoàn diệt sư đoàn 5 ngụy.

Trung đoàn được tặng 3 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất. Có 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 209 được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 95 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 325, QUÂN ĐOÀN 2

Từ tháng 3 năm 1969 đến tháng 4 năm 1975 Trung đoàn 95 tham gia các chiến dịch ở Trị Thiên và chiến dịch Hồ Chí Minh. Đơn vị đã khắc phục nhiều khó khăn, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, đánh địch phản kích, đánh vận động, đánh tập kích đều tốt, đã diệt hơn 8.600 tên địch (có 600 Mỹ), bắt 1.030 tên ngụy. Trong đó diệt gọn 2 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 1 chiến đoàn, 7 tiểu đoàn, phá hủy 54 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 42 máy bay, thu 2.600 khẩu súng các loại.

Trong chiến dịch Tây Nguyên ngày 10 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 95 đảm nhiệm một hướng đánh vào thị xã Buôn Ma Thuột, mặc dù địch chống cự rất ác liệt, đơn vị đã đánh nhanh, đánh mạnh các mục tiêu được phân công, diệt hơn 300 tên địch, bắt hơn 100 tên, bắn rơi và phá hủy 6 máy bay.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, trung đoàn đảm nhiệm một mũi đánh vào Xuân Lộc, mặc dù hỏa lực địch bắn rất ác liệt, cán bộ, chiến sĩ trung đoàn đã nêu cao quyết tâm, tích cực tiến công chia cắt địch ra nhiều bộ phận để diệt, đánh thiệt hại nặng 1 chiến đoàn quân ngụy.

Đơn vị đã được tặng thưởng 3 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhì, 2 hạng ba), các tiểu đoàn trong trung đoàn đều được tặng thưởng từ 2 đến 3 Huân chương trở lên.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 95 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 9 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 304, QUÂN ĐOÀN 2

Từ năm 1968 đến Xuân năm 1975, Trung đoàn 9 đã tham gia 6 chiến dịch, đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, tích cực tiến công địch, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức, chiến thuật, đánh vận động, đánh tập kích, đánh vây lấn, đánh địch trong công sự vững chắc đều tốt. Đơn vị đã diệt 12.500 tên địch (có 1.600 Mỹ), bắt

2.500 tên ngụy trong đó diệt gọn 3 tiểu đoàn, 22 đại đội, đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn, phá hủy 106 xe tăng, xe bọc thép; bắn rơi 163 máy bay, thu gần 600 xe quân sự (có 257 xe tăng, xe bọc thép).

Trong chiến dịch Trị Thiên Huế - Đà Nẵng, Trung đoàn 9 đã nắm vững thời cơ, đánh nhanh, đánh mạnh, diệt và bắt hơn 2.000 tên địch.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị đã vượt qua mọi khó khăn, hành quân liên tục nhiều ngày đêm, đến địa điểm đúng thời gian, kịp thời triển khai chiến đấu. Trung đoàn đã san bằng nhiều đồn bốt địch trên đường Biên Hòa vào Sài Gòn, diệt 2.300 tên, bắt 406 tên; bắn rơi 4 máy bay; phá hủy 30 xe tăng, 6 xe quân sự, gọi hàng 29 tàu.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba. Các tiểu đoàn trong trung đoàn đều được tặng thưởng từ 2 Huân chương Chiến công trở lên.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 9 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 48 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 320, QUÂN ĐOÀN 3

Từ 1968 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 48 hoạt động ở chiến trường Quảng Trị, Nam Lào, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Đơn vị luôn có quyết tâm cao, cơ động giỏi, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, đánh độc lập, đánh trong đội hình sư đoàn, đánh tập kích, phục kích, đánh phá giao thông địch đều giỏi. Cán bộ chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, đã nổ súng là kiên quyết tiến công. Trung đoàn đã diệt hơn 1 vạn tên địch, bắt 2.200 tên; trong đó diệt gọn 5 tiểu đoàn, 15 đại đội; đánh thiệt hại nặng 6 trung đoàn, 6 tiểu đoàn, phá hủy 900 xe quân sự (có 500 xe tăng, xe bọc thép); 45 khẩu pháo, bắn rơi 25 máy bay... thu 2.200 súng các loại.

Từ ngày 7 tháng 3 đến ngày 1 tháng 4 năm 1975, trung đoàn đã liên tục chiến đấu trên đường số 14 và số 7, giải phóng quận lỵ Thuận Mẫn, thị xã Cheo Reo, thị xã Tuy Hòa, diệt 2 tiểu đoàn, 1 liên đoàn biệt động, làm tan rã 2 liên đoàn, 3 trung đoàn thuộc quân đoàn 2 ngụy, là trung đoàn đánh tiêu diệt xuất sắc nhất của quân đoàn trong chiến dịch Tây Nguyên.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 1975, trung đoàn đảm nhiệm hướng chủ yếu tiến công căn cứ Đồng Dù. Sau 8 giờ chiến đấu rất quyết liệt, trung đoàn đã góp phần quan trọng cùng đơn vị bạn diệt căn cứ này gồm sở chỉ huy sư đoàn 25, trung đoàn 59, và 7 tiểu đoàn ngụy, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 4 Huân chương Quân công giải phóng (2 hạng nhất, 2 hạng ba).

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 48 được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 148 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 316, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1967 đến năm 1973 Trung đoàn 148 hoạt động ở chiến trường Lào, cuối năm 1974 vào chiến trường Tây Nguyên.

Trung đoàn đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, ác liệt, càng đánh càng trưởng thành vững chắc, đánh độc lập, đánh trong đội hình sư đoàn đều tốt. Cán bộ, chiến sĩ có tác phong chiến đấu dũng cảm, tiến công kiên quyết, diệt hơn 14.000 tên địch, bắt 3.180 tên ngụy, trong đó diệt gọn 1 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn, phá hủy gần 100 xe tăng, xe bọc thép, 65 khẩu pháo; thu trên 6.500 súng các loại.

Ngày 10 và 11 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 148 đảm nhiệm hướng chủ yếu tiến công vào thị xã Buôn Ma Thuột. Đơn vị đã đánh chiếm hậu cứ trung đoàn thiết giáp, trận địa pháo, căn cứ sư đoàn bộ sư đoàn 23 ngụy, diệt 130 tên, bắt 1.509 tên, phá hủy 8 khẩu pháo, 16 xe quân sự, bắn rơi 2 máy bay, thu hơn 1.000 súng các loại, 32 xe quân sự. Góp phần tích cực cùng đơn vị bạn giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, từ ngày 22 đến ngày 30 tháng 4, trung đoàn liên tục đánh địch, cắt đường số 22, làm cho địch không ứng cứu được cho nhau trên tuyến phòng thủ Tây Sài Gòn, diệt 730 tên địch; bắt 478 tên; gọi hàng 1.075 tên; phá hủy 10 xe quân sự, 2 khẩu pháo; bắn rơi 1 máy bay.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhì, 1 hạng ba).

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 148 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 1 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 9, QUÂN ĐOÀN 4

Trung đoàn 1 thành lập tháng 2 năm 1961, là 1 trong 2 trung đoàn chủ lực đầu tiên của chiến trường Nam Bộ. Từ đó đến tháng 4 năm 1975, đơn vị đã tham gia 20 chiến dịch ở Đông Nam Bộ và đông bắc Cam-pu-chia. Đơn vị luôn có quyết tâm cao, tác phong đánh nhanh, đánh mạnh, táo bạo, thọc sâu chia cắt địch, lập nhiều chiến công xuất sắc, đã diệt hơn 6 vạn tên địch (có hàng ngàn tên Mỹ), bắt 2.000 tên ngụy. Trong đó diệt gọn 11 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 1 trung đoàn, 1 lữ đoàn, 3 chi đoàn thiết giáp, 20 tiểu đoàn, phá hủy 1.400 xe quân sự (có gần 800 xe tăng, xe bọc thép), 115 khẩu pháo, bắn rơi 480 máy bay, thu hơn 9.000 súng các loại.

Ngày 31 tháng 12 năm 1965, trung đoàn 1 làm nhiệm vụ chủ yếu đánh địch ở Bình Giã, đã diệt hơn 2.000 tên địch, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, lập chiến công xuất sắc.

Trận tập kích địch ở Dầu Tiếng (năm 1965), đơn vị đánh nhanh, xung phong mãnh liệt, diệt 1 trung đoàn ngụy (diệt 1.200 tên, bắt 100 tên).

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh Xuân năm 1975, Trung đoàn 1 cơ động nhanh, tiến công mạnh, diệt phân chi khu Mỹ Hạnh, yếu khu Vĩnh Lộc, căn cứ Bà Quẹo (mỗi căn cứ có 1 tiểu đoàn địch), đánh chiếm biệt khu Thủ đô, bắt sống tướng Lâm Văn Phát.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 19 Huân chương Quân công giải phóng (3 hạng nhì, 16 hạng ba), 4 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất. Có 3 đại đội và 3 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 1 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 14 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 7, QUÂN ĐOÀN 4

Từ năm 1966 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 14 chiến đấu ở Đông Nam Bộ và đông bắc Cam-pu-chia. Đơn vị luôn có quyết tâm cao, tích cực đánh địch, dù khó khăn, gian khổ, ác liệt thế nào cũng kiên quyết vượt

qua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trung đoàn đánh độc lập, đánh trong đội hình sư đoàn đều tốt, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật. Cán bộ, chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, có tác phong đánh nhanh, đánh mạnh, thọc sâu chia cắt địch, có nhiều trận đạt hiệu suất chiến đấu cao.

Trung đoàn 14 đã diệt gần 4 vạn tên địch, bắt hơn 2.000 tên ngụy, trong đó diệt gọn 3 tiểu đoàn và đánh thiệt hại nặng 22 tiểu đoàn, phá hủy gần 2.000 xe quân sự (có 1.100 xe tăng, xe bọc thép), 50 khẩu pháo các cỡ; bắn rơi 290 máy bay... thu hơn 1 vạn khẩu súng các loại.

Mở đầu mùa khô 1974-1975, đơn vị đánh chiếm chi khu quân sự Đồng Xoài (Phước Long) diệt 100 tên, bắt 230 tên, thu 230 súng.

Ngày 18 tháng 3 năm 1975 trung đoàn 14 đánh chi khu Định Quán, mặc dù địch lợi dụng địa thế hiểm trở, chống cự quyết liệt, đơn vị đã chiến đấu dũng cảm, diệt 3 đại đội, 7 trung đội địch, làm chủ chi khu.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, trung đoàn cùng các đơn vị bạn tiến công địch ở thị xã Xuân Lộc, góp phần đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18 ngụy.

Trung đoàn 14 đã được tặng thưởng 15 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 5 Huân chương Chiến công giải phóng (3 hạng nhất, 2 hạng nhì). Có 2 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 14 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 24 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 8, QUÂN KHU 8

Từ năm 1966 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 24 chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên, Nam Bộ, Hạ Lào và đông bắc Cam-pu-chia. Điều kiện chiến đấu khó khăn, gian khổ, ác liệt, nhưng cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm cao, xây dựng đơn vị trưởng thành nhanh, chiến đấu dũng cảm, mưu trí; vận dụng nhiều hình thức chiến thuật trên các địa hình rừng núi, đồng bằng và đô thị, đánh thắng nhiều đối tượng quân địch. Đơn vị đã diệt hơn 2 vạn 5 ngàn tên, bắt 2.000 tên. Trong đó diệt gọn 8 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn, 2 chiến đoàn, 37 tiểu đoàn, phá hủy 832 xe quân sự (có hơn

400 xe tăng và xe bọc thép), 82 khẩu pháo, bắn rơi 156 máy bay, bắn chìm, bắn cháy 25 tàu, xuống chiến đấu... thu 15.000 súng các loại.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Trung đoàn 24 nhận nhiệm vụ đánh địch mở đường tiến công vào Sài Gòn, địa hình sinh lầy, địch ngăn chặn quyết liệt, cán bộ, chiến sĩ đơn vị vẫn dũng cảm chiến đấu diệt toàn bộ hệ thống đồn bốt địch từ Cần Đức đi Cần Giuộc, mở đường và cùng đơn vị bạn đánh chiếm tổng nha cảnh sát, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đơn vị đã được tặng thưởng 4 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 9 Huân chương Chiến công giải phóng các hạng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 24 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 1 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 5, BỘ CHỈ HUY MIỀN

Từ tháng 5 năm 1970 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 1 chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ và đông bắc Cam-pu-chia. Đơn vị trưởng thành nhanh chóng, đánh độc lập, đánh trong đội hình sư đoàn đều tốt. Cán bộ, chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, tiến công kiên quyết, táo bạo, đã diệt trên 1 vạn tên địch, bắt hơn 1.000 tên. Trong đó diệt gọn 6 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn, 1 chi đoàn thiết giáp, 29 tiểu đoàn, phá hủy 370 xe quân sự (có 265 xe tăng, xe bọc thép), bắn rơi 98 máy bay, thu 9.000 súng các loại.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Trung đoàn 1 đảm nhiệm hướng chủ yếu đánh địch trong thị xã Tân An (ngày 9 tháng 4 năm 1975). Đơn vị đã nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu quy định, kiên cường đánh địch phản kích, giữ vững trận địa. Từ ngày 26 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, trung đoàn đã nắm vững thời cơ, tiến công diệt và làm tan rã 1 trung đoàn, 1 liên đoàn biệt động ở Tân Hiệp, cùng các đơn vị bạn cắt đứt giao thông của địch trên đường số 4, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đơn vị đã được tặng thưởng 3 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 4 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 1 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 113 ĐẶC CÔNG BỘ CHỈ HUY MIỀN

Từ tháng 6 năm 1972 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 113 đánh địch ở khu vực Biên Hòa. Đơn vị có quyết tâm cao, khắc phục mọi khó khăn, tích cực tiến công địch, luôn sâu đánh hiểm, đánh trúng chỗ yếu của địch, đánh trên bộ, đánh dưới nước đều giỏi, lập nhiều chiến công xuất sắc, diệt hơn 1.500 tên địch, hầu hết là giặc lái và nhân viên kỹ thuật (có 392 Mỹ), đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn, 8 bộ chỉ huy sư đoàn, quân đoàn, phá hủy 458 máy bay, 250 xe quân sự, 2 dàn ra-đa, 2 dàn tên lửa, hàng trăm nhà lính, nhà sửa chữa máy bay; đốt cháy hàng trăm triệu lít xăng, hơn 200 kho chứa vũ khí và phương tiện chiến tranh khác; đánh chìm 5 tàu vận tải lớn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị đã tiến công căn cứ Hốc Bà Thúc (Bắc Biên Hòa), nhanh chóng đánh chiếm và giữ cầu Ghềnh, tạo điều kiện thuận lợi cho Quân đoàn 2 của ta tiến đánh Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đơn vị đã được tặng thưởng 4 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhì, 3 hạng ba), 10 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhất, 2 hạng nhì, 6 hạng ba).

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 113 đặc công được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 99 CÔNG BINH CẦU ĐƯỜNG BỘ TƯ LỆNH 559

Từ năm 1972 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 99 làm nhiệm vụ mở đường, xây dựng cầu, bảo đảm giao thông trên tuyến đường Trường Sơn. Tuy địch đánh phá ác liệt, địa hình hiểm trở, khối lượng công việc nhiều, đơn vị luôn có quyết tâm cao, dũng cảm bám đường, bám bến; nhiều khi yêu cầu gấp đơn vị làm việc 13, 14 giờ đồng hồ trong một ngày, có tháng làm 29, 30 ngày. Cán bộ, chiến sĩ đã phát huy nhiều sáng kiến trong bắc cầu, làm đường đưa năng suất lên cao, đảm bảo chất lượng tốt, mở đoạn đường nào cũng xong

trước thời gian quy định, bảo đảm giao thông ở đâu cũng được thông suốt, phục vụ đắc lực cho các đơn vị bạn hành quân vào chiến trường được tốt.

Đặc biệt Xuân năm 1975, trung đoàn đảm nhiệm xây dựng lại những cầu bị hỏng trên đường Trường Sơn và đường số 1 từ Quảng Trị đến Biên Hòa. Đơn vị đã làm việc rất khẩn trương, bắc 36 cầu với chiều dài 1.600m (có chiếc dài 100m) xong trước thời gian quy định từ 1 đến 2 ngày, phục vụ kịp thời cho các binh đoàn cơ động chiến đấu.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 99 công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 675 PHÁO BINH QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1968 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 675 đã tham gia 5 chiến dịch lớn: Đường 9 - Khe Sanh (năm 1968); Đường 9 - Nam Lào (năm 1971); Quảng Trị (năm 1972); Tây Nguyên và chiến dịch Hồ Chí Minh (năm 1975). Đơn vị có quyết tâm cao vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, ác liệt, đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng, đánh ngày, đánh đêm đều giỏi. Tính riêng những trận đánh độc lập, đơn vị đã diệt 3.000 tên địch, phá hủy 77 khẩu pháo, 67 kho xăng đạn, 38 xe quân sự, 43 máy bay.

Trong chiến dịch Tây Nguyên: từ ngày 10 đến ngày 17 tháng 3 năm 1975, đơn vị đã đánh 17 trận, phát huy hỏa lực mạnh mẽ bắn chính xác vào các trận địa pháo, khu thiết giáp, dinh tỉnh trưởng ở Buôn Ma Thuột, tạo điều kiện cho xe tăng, bộ binh tiến đánh địch được thuận lợi.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh: từ ngày 9 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, đơn vị đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, hành quân đến vị trí đúng thời gian quy định, lấy súng đạn địch để đánh địch, đã bắn trúng các mục tiêu trong các căn cứ: Đồng Dù, Hóc Môn, sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tư lệnh quân dù, bộ tư lệnh không quân, cơ quan bộ tổng tham mưu ngụy, gây cho địch nhiều thiệt hại, chi viện đắc lực cho các đơn vị xe tăng, bộ binh của ta tiến đánh địch được tốt.

Đơn vị đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 675 pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 234 CAO XẠ QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 234 đã cơ động đánh máy bay địch ở miền Bắc, trên chiến trường Lào, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Đơn vị đã vượt qua nhiều khó khăn, ác liệt, càng đánh càng trưởng thành vững chắc. Trung đoàn có tác phong chiến đấu tốt, cơ động nhanh, dù tình huống khó khăn, phức tạp cũng bắn rơi nhiều máy bay địch, đánh độc lập đánh yểm trợ cho bộ binh đều tốt. Đơn vị đã bắn rơi 158 máy bay địch (có 79 chiếc rơi tại chỗ); ngoài ra còn góp phần cùng bộ binh diệt hàng nghìn tên địch giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, đơn vị tham gia chiến đấu từ trận Đức Lập (ngày 9 tháng 3) đến trận Tân Sơn Nhất (ngày 30 tháng 4), trung đoàn cơ động và hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh đánh địch tại các khu vực: Đức Lập, Buôn Ma Thuột, trên trục đường 21, Cam Ranh, Nha Trang, đơn vị làm nhiệm vụ bảo vệ các đơn vị đánh chiếm Hóc Môn, cầu Bông, Tân Sơn Nhất, Trung đoàn 234 đã bắn rơi 34 máy bay các loại (2 F-5, 4 L-19, 5 HU1A, 23 A-37), trong đó có 14 chiếc rơi tại chỗ. Là trung đoàn bắn rơi nhiều máy bay địch nhất trong mùa Xuân năm 1975.

Đơn vị đã được tặng thưởng 7 Huân chương Quân công hạng ba, 13 Huân chương Chiến công hạng nhất. Có 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 234 cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 32 Ô TÔ VẬN TẢI SƯ ĐOÀN 471 BỘ TƯ LỆNH 559

Từ năm 1966 đến năm 1972, Trung đoàn 32 ô tô vận tải làm nhiệm vụ vận chuyển trên tuyến đường 9, đường 20, nơi máy bay địch đánh phá ngày

đêm rất ác liệt. Có năm chỉ vận chuyển một mùa, địch đánh tuyến đường hơn 10.000 lần, ném hàng chục vạn quả bom. Có đêm hàng trăm lần chiếc máy bay đánh phá xuống đoạn đường đơn vị vận chuyển. Dù trong điều kiện nào đơn vị cũng tìm mọi cách đưa hàng đến đích đúng thời gian quy định, hàng được bảo quản tốt. Năm nào cũng vượt kế hoạch vận chuyển từ 5% trở lên.

Từ năm 1973 đến mùa Xuân năm 1975, đơn vị vận chuyển trên cung độ dài hơn 300km, cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm cao, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, tháng nào cũng đi trên đường 27 - 28 ngày, mỗi ngày trên 10 tiếng đồng hồ, chuyển được hàng vạn tấn vũ khí, đạn dược, lương thực cho các chiến trường, có khi phục vụ trực tiếp cho các đơn vị chiến đấu ở ngay trận địa, vượt kế hoạch hàng tháng từ 10% trở lên, bảo đảm được yêu cầu của các đơn vị.

Đặc biệt trong 4 tháng đầu năm 1975, đơn vị đã vận chuyển rất khẩn trương, đưa bộ đội vào tham gia chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh đúng thời gian, an toàn, và chuyển vũ khí cho bộ đội vượt mức kế hoạch 10%.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 5 Huân chương Quân công (3 hạng nhì, 2 hạng ba), 2 Huân chương Chiến công hạng nhất.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 32 ô tô vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 525 Ô TÔ VẬN TẢI CỤC VẬN TẢI, TỔNG CỤC HẬU CẦN

Trong 2 năm 1973 và 1974, Trung đoàn 525 làm nhiệm vụ vận chuyển trên 10 cung hướng khác nhau, phục vụ các đơn vị Lào và Trị - Thiên. Tuy hầu hết là xe cũ, đã trung đại tu, nhưng đơn vị có nhiều cố gắng vượt qua mọi khó khăn, quyết tâm đưa hàng tới đích, đảm bảo thời gian, giao hàng đủ, bảo quản tốt, đã chuyển được 71.387 tấn hàng, vượt mức kế hoạch 7%.

Năm 1975, đơn vị làm nhiệm vụ chở bộ đội cơ động chiến đấu ở Tây Nguyên và tây - bắc Sài Gòn. Mặc cho địch đánh phá ác liệt, tuyến đường mới lạ, nhưng đơn vị đã nêu cao quyết tâm chiến đấu, dũng cảm bám xe, bám đường trong mọi điều kiện, lúc nào bộ binh cần là đơn vị sẵn sàng cơ

động phục vụ. Trung đoàn đã chở được 64.000 lượt bộ đội tới các khu vực: Buôn Ma Thuột, Cheo Reo, Phú Yên, Nha Trang, Bến Lức, Củ Chi, Đồng Dù, Tân Sơn Nhất.

Ngoài ra Trung đoàn 525 còn chở được 4.400 tấn đạn và xăng dầu tiếp tế cho xe tăng ta chiến đấu, đưa 6.580 thương binh về phía sau an toàn.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì). Có 1 tiểu đoàn và 2 đại đội được tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn 525 ô tô vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 101 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 325, QUÂN ĐOÀN 2

Từ tháng 7 năm 1972 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 101 chiến đấu ở Trị Thiên và Nam Bộ. Cán bộ, chiến sĩ dũng cảm, mưu trí, tiến công kiên quyết, phòng ngự kiên cường, vượt qua mọi khó khăn ác liệt, diệt gọn 22 tiểu đoàn, diệt và bắt hơn 7.000 tên địch; bắn rơi 20 máy bay, phá hủy 470 xe quân sự.

Năm 1972, đơn vị đánh địch ở Quảng Trị. Cán bộ, chiến sĩ nêu cao quyết tâm, tiến công kiên quyết, tích cực chủ động đánh địch bằng nhiều hình thức chiến thuật; đánh vận động, tập kích đánh địch trong công sự vững chắc đều giỏi, diệt và đánh thiệt hại nặng 13 tiểu đoàn, diệt và bắt hơn 4.000 tên thuộc các đơn vị lính thủy đánh bộ, biệt động, bảo an, bắn rơi 20 máy bay, phá hủy 78 xe tăng, bắt sống 15 xe tăng, thu gần 1.000 súng các loại.

Đặc biệt ngày 28 tháng 1 năm 1973, địch cho 1 chiến đoàn có gần 100 xe tăng và 1 lữ đoàn bộ binh, có máy bay, pháo binh yểm trợ bắn phá rất ác liệt, hòng chiếm lại Cửa Việt, đơn vị đã vượt qua hỏa lực, bám sát địch, vận dụng nhiều cách đánh linh hoạt, liên tục đánh địch từ 28 đến 31 tháng 1 năm 1973, đánh thiệt hại nặng 1 lữ đoàn đặc nhiệm của địch, diệt 1.800 tên; bắt 148 tên, 14 xe tăng; phá hủy 78 xe tăng; bắn rơi 2 máy bay, thu 800 súng các loại, đánh lui đợt phản kích của địch.

Mùa Xuân năm 1975, trung đoàn đã liên tục chiến đấu, diệt 5 tiểu đoàn, làm tan rã 21 tiểu đoàn, diệt 3.700 tên địch, bắt hàng nghìn tên. Trung đoàn đã liên tiếp diệt các vị trí đóng trên điểm cao 310, 312, 140, 162, căn cứ Hương Điền, Phú Bài, Hương Thủy, đánh vào Huế, và nhanh chóng vượt qua đèo Hải Vân diệt địch ở Hòa Vang (Quảng Nam).

Tiếp đó, đơn vị vừa đánh địch, vừa hành quân bằng xe ô tô kết hợp đi bộ hơn 900km trong 15 ngày tiến đánh Phan Rang, Phan Thiết, làm tan rã sở chỉ huy tiền phương của quân đoàn 3 nguy, diệt và bắt hàng nghìn tên địch.

Chiến dịch Hồ Chí Minh, trung đoàn đã đánh nhanh, diệt căn cứ Long Thành (một vị trí có hơn một nghìn tên địch đóng giữ), mở cửa cho sư đoàn phát triển đánh địch được thuận lợi. Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, đơn vị vượt sông Đồng Nai, diệt căn cứ hải quân Cát Lái và đánh địch trong nội thành Sài Gòn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 4 Huân chương Quân công (2 hạng nhì, 2 hạng ba), các tiểu đoàn trong trung đoàn đều được tặng thưởng Huân chương Quân công.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 101 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 24 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 10, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1971 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 24 hoạt động ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, trung đoàn đã vượt qua nhiều khó khăn, càng đánh càng trưởng thành nhanh chóng; đánh địch trong công sự vững chắc, đánh tập kích, đánh vận động, đánh phục kích, đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng trong đội hình lớn đều giỏi, đã diệt gọn 13 tiểu đoàn, 2 chi đoàn địch, đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn, diệt 5.300 tên, bắt 100 tên (có 3 đại tá); phá hủy và bắn rơi 10 máy bay; thu 398 máy bay, 67 khẩu pháo, 2.000 xe quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh khác của địch.

Đặc biệt Xuân 1975, trung đoàn đã đánh nhiều trận xuất sắc, giành thắng lợi lớn, dẫn đầu các trung đoàn trong sư đoàn về thành tích chiến đấu.

Từ ngày 9 đến 17 tháng 3 năm 1975, trung đoàn đã hiệp đồng chặt chẽ với xe tăng và pháo binh ta đánh chiếm hậu cứ sư đoàn 23 ngụy trong thị xã Buôn Ma Thuột. Sau đó, cơ động đánh địch trên đường 21, tiến đánh địch ở Ninh Hòa, Nha Trang và quân cảng Cam Ranh. Là lực lượng chủ yếu diệt lũ đoàn dù số 3 ngụy.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, từ ngày 26 đến ngày 30 tháng 4, trung đoàn làm nhiệm vụ thọc sâu của quân đoàn, đơn vị đã đánh nhanh, đánh mạnh vào sân bay Tân Sơn Nhất, diệt sở chỉ huy sư đoàn 5 không quân, sở chỉ huy sư đoàn dù ngụy, làm chủ hoàn toàn sân bay, quản lý tốt 398 máy bay, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất. Các tiểu đoàn trong trung đoàn đều được tặng thưởng huân chương. Có 1 tiểu đoàn được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 24 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 52 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 320, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1971 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 52 chiến đấu ở Quảng Trị, Khu 5. Đơn vị luôn có quyết tâm cao, vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, càng đánh càng trưởng thành vững chắc, đánh tập kích, đánh địch trong công sự vững chắc, đánh địch trên điểm cao, đánh chốt giữ khu vực, đánh trong thành phố, đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng trong đội hình lớn đều giỏi, đã diệt gọn 4 tiểu đoàn, 13 đại đội, 1 chi khu (có hơn 1 tiểu đoàn địch đóng giữ); đánh thiệt hại nặng 8 tiểu đoàn, hàng chục đại đội khác, góp phần cùng đơn vị bạn diệt và làm tan rã 2 trung đoàn; diệt và bắt hơn 13.000 tên; phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh khác; thu hơn 2.000 súng các loại, 200 xe quân sự.

Tháng 2 năm 1971, trung đoàn tham gia đánh địch ở bắc Quảng Trị, diệt các điểm cao ở nam, bắc đường số 9 (Động Tri, Ba Hồ, Ba Tum, Khe Sóc), diệt gọn 4 đại đội địch, tạo thuận lợi cho sư đoàn phát triển tiến công ở hướng chính chiến dịch được tốt.

Đầu tháng 4 năm 1972, tiến công địch ở điểm cao 1049 (tây Kon Tum) mở màn cho chiến dịch. Địch lợi dụng địa thế có lợi chống trả rất quyết liệt. Đơn vị có tổn thất, nhưng vẫn giữ vững quyết tâm, liên tục tiến công địch, giành thắng lợi, diệt gần hết 2 tiểu đoàn dù nguy, làm chủ trận địa.

Tháng 5 năm 1972, trung đoàn liên tục đánh địch ở các điểm cao xung quanh thị xã Kon Tum, diệt gần 800 tên, diệt gọn 1 tiểu đoàn biệt động ở cứ điểm Kleng.

Xuân 1975, trung đoàn liên tục đánh địch từ ngày 16 đến ngày 23 tháng 3, đã diệt và bắt hơn 5.500 tên, thu 590 súng, 70 xe quân sự, giải phóng huyện Nghĩa Hành, góp phần tích cực cùng đơn vị bạn giải phóng thị xã Quảng Ngãi, Tam Kỳ. Sau đó, trung đoàn lại nhanh chóng cơ động đánh địch ở Bình Định, góp phần giải phóng thị xã Quy Nhơn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Trung đoàn 52 đã tham gia đánh chiếm căn cứ Đồng Dù, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đơn vị đã được tặng thưởng 3 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhất, 2 hạng nhì), 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 52 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 174 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 5, QUÂN KHU 7

Từ năm 1965 đến Xuân 1975, Trung đoàn 174 hoạt động ở chiến trường Lào, Tây Nguyên, Nam Bộ và Đông Bắc Cam-pu-chia, đơn vị đã vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, càng đánh càng trưởng thành vững chắc. Chiến đấu dũng cảm, mưu trí tích cực tiến công địch, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật: đánh vận động, tập kích, đánh điểm cao, đánh địch đổ bộ đường không, đánh địch ở địa hình đồng bằng, ở rừng núi đều giỏi. Trung đoàn đã diệt 1 lữ đoàn, 1 trung đoàn, 10 tiểu đoàn; đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn, 6 tiểu đoàn; loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2 vạn tên địch (có 2.800 Mỹ), phá hủy 450 xe quân sự (có hơn 200 xe tăng, xe bọc thép). Bắn rơi 200 máy bay thu hơn 2 vạn súng.

Tháng 11 năm 1967, vừa tới Tây Nguyên đơn vị đã nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu ngay, diệt 1 tiểu đoàn nguy đóng trên điểm cao 875 (gần

Đắc Tô, Kon Tum) và sau đó liên tục 3 ngày đánh địch phản kích, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, 2 đại đội địch. Trận này đơn vị diệt hơn 2.000 tên.

Xuân 1968, đơn vị nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, luôn sâu vào vùng địch, nổ súng đúng thời gian quy định, đánh chiếm thị trấn Tân Cảnh, diệt 1 tiểu đoàn địch.

Trận Lộc Ninh ngày 20 tháng 4 năm 1972, đơn vị đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu, đã đánh nhanh, đánh mạnh, diệt gần 2 tiểu đoàn địch ở khu vực được phân công, và nhanh chóng, chủ động phát triển sang khu vực khác, góp phần quan trọng vào việc giải phóng thị trấn Lộc Ninh, phá vỡ tuyến phòng thủ kiên cố của địch ở đây.

Năm 1970 và năm 1971, chiến đấu ở Đông Bắc Cam-pu-chia, đơn vị đã diệt 1 lữ đoàn, 1 trung đoàn địch, đánh thiệt hại nặng 1 lữ đoàn thiết giáp địch (loại khỏi vòng chiến đấu hơn 4.000 tên), bắn rơi 50 máy bay, phá hủy hơn 100 xe quân sự.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ diệt 13 đồn bốt địch ở Kiến Tường, cắt đường số 4 từ Tân An đi Sài Gòn và tiến đánh giải phóng thị xã Tân An, diệt hơn 2.000 tên, thu nhiều súng đạn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 3 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 7 Huân chương Chiến công giải phóng (3 hạng nhất, 3 hạng nhì, 1 hạng ba).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 174 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 198 ĐẶC CÔNG QUÂN ĐOÀN 3

Thành lập tháng 8 năm 1974, gồm các tiểu đoàn đặc công đã chiến đấu nhiều năm ở chiến trường Tây Nguyên.

Xuân 1975, đơn vị đã vượt qua nhiều khó khăn, dũng cảm mưu trí, táo bạo, luôn sâu, đánh hiểm, diệt 1.100 tên địch, bắt 723 tên, phá hủy 31 kho xăng, đạn, 67 xe quân sự, 23 máy bay, thu 1.400 súng (có 13 khẩu pháo), 169 xe quân sự, hơn 100 máy thông tin.

Chiến dịch Tây Nguyên, tuy nhận lệnh gấp, đơn vị đã nhanh chóng triển khai đội hình, bí mật vượt qua nhiều đồn bốt địch, đưa lực lượng vào

bố trí sẵn ở các căn cứ trong thị xã Buôn Ma Thuột. Đơn vị đã diệt địch ở khu kho xăng, khu kho Mai Hắc Đế, 2 sân bay ở Buôn Ma Thuột, căn cứ Đắc Song.

Sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, đơn vị đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, hành quân thần tốc đến đánh địch ở Đà Lạt.

Chiến dịch Hồ Chí Minh, trung đoàn vượt qua nhiều vị trí vòng ngoài của địch vào đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng, không cho địch phá cầu, tạo thuận lợi cho quân đoàn cơ động vào đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, thực hiện được yêu cầu của chiến dịch.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng hạng nhì.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 198 đặc công được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 4 CÔNG BINH SƯ ĐOÀN 470, BỘ TƯ LỆNH 559

Từ năm 1966 đến Xuân 1975, Trung đoàn 4 làm nhiệm vụ mở đường dọc Trường Sơn, trong điều kiện khó khăn, gian khổ, ác liệt: đường phải qua nhiều chỗ có đèo dốc hiểm trở, đất đá cứng, thời tiết thay đổi thất thường, việc vận chuyển tiếp tế khó khăn, ăn uống thiếu thốn... đơn vị đã nêu cao quyết tâm bám đường, bám tuyến. Nhiều khi do yêu cầu gấp, đã làm việc 29, 30 ngày liền không nghỉ; nhiều ngày làm việc trên 10 giờ. Trung đoàn đã phát huy nhiều sáng kiến cải tiến dụng cụ, tổ chức lực lượng hợp lý, đưa năng suất đào đất đá, mở đường, bắc cầu ngày càng tăng, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, hoàn thành trước thời gian quy định. Trung đoàn đã làm được 2.200km đường ô tô; khôi phục và mở rộng 759km đường cũ, làm hàng chục ngầm vượt sông, suối lớn, bảo đảm cho các đơn vị xe tăng, pháo binh, bộ binh hành quân, các phương tiện vận tải chuyển hàng hóa vào chiến trường.

Mùa khô năm 1972 đến năm 1973, mặc dù máy bay địch ngày đêm đánh phá tuyến đường đơn vị phụ trách, cán bộ, chiến sĩ đã làm việc rất khẩn trương, chịu khó rút kinh nghiệm, đưa năng suất đào đất đá ngày càng tăng (từ 3,8 m³/công lên 6,5 m³/công), nên đã mở được hơn 400km đường ô tô ở Tây Nguyên, phục vụ tốt cho các đơn vị hành quân vào chiến trường.

Từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1975, đơn vị làm việc rất khẩn trương, thường ngày làm 14, 15 giờ, hàng tháng làm việc 29, 30 ngày, nhanh chóng khôi phục được tuyến đường 19 và 21 dài hơn 600km, làm mới và sửa 7 cầu lớn, xong trước thời gian quy định 4 ngày bảo đảm cho bộ đội hành quân tiến công địch ở Quy Nhơn, Nha Trang, Sài Gòn đúng thời gian quy định của trên.

Đơn vị còn tích cực đánh địch bảo vệ tuyến đường, diệt 350 tên (hầu hết là Mỹ), bắn rơi 2 máy bay.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công hạng ba, 5 Huân chương Chiến công (2 hạng nhất, 1 hạng nhì, 2 hạng ba), được tặng cờ "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" của Bác Hồ.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 4 công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 14 CÔNG BINH BỘ TƯ LỆNH 559

Từ tháng 4 năm 1966 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, đơn vị làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực, bảo đảm giao thông trên tuyến đường 20 (từ Phong Nha đến Lùm Bùm). Máy bay địch đã đánh xuống đây 30.000 lần, ném hàng chục vạn quả bom các loại. Những trọng điểm như: Cua chữ A, ngầm Tà Lê, đèo Phu-la-nhích, trong những năm từ 1968 đến năm 1972, không ngày nào địch không đánh phá; có ngày chúng đánh hàng chục lần, có tháng đánh liên tục cả 30 ngày. Tuyến đường về mùa mưa sụt lở nhiều, rất khó đi. Đơn vị có quyết tâm cao, vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, lập nhiều thành tích xuất sắc.

Lực lượng công binh đã kiên cường bám trụ các trọng điểm địch đánh phá ác liệt, kịp thời sửa chữa đường, lấp hố bom sau mỗi lần địch đánh phá. Trung đoàn đã mở hơn 3.000km đường vòng, đường tránh, đường ra vào kho, tích cực mở rộng và nâng cấp mặt đường, góp phần nâng tốc độ của xe từ 15km/1 giờ lên 20 đến 25km/giờ. Đồng thời đã phá gỡ hàng nghìn quả bom mìn trên dọc tuyến, bảo đảm cho các đơn vị hành quân cơ động được tốt.

Lực lượng pháo cao xạ của trung đoàn tích cực đánh địch đã bắn rơi 59 máy bay.

Các đơn vị giao liên làm hàng nghìn nhà và lán phục vụ ăn, ở, đưa đường cho hàng vạn người đi qua tuyến đường được tốt.

Đơn vị đã được tặng thưởng 3 Huân chương Quân công hạng ba, 2 Huân chương Chiến công hạng nhất. Có 4 tiểu đoàn, 1 đại đội và 4 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 14 công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 531 CÔNG BINH BỘ TƯ LỆNH 559

Từ năm 1965 đến Xuân 1975, Trung đoàn 531 làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực và bảo đảm giao thông trên tuyến đường 12, 128, 129, 9 và đường 14. Máy bay địch đánh phá xuống đoạn đường đơn vị phụ trách 14.000 lần (4.500 lần B-52), ném hàng chục vạn quả bom các loại. Đơn vị đã nêu cao quyết tâm, trong nhiệm vụ vận chuyển, cán bộ, chiến sĩ đã tranh thủ mọi thời gian, có khi vận chuyển cả ngày lẫn đêm, bảo đảm chuyển nhanh, chuyển đủ hàng cho phía trước. Năm nào cũng đạt vượt kế hoạch từ 3% đến 9%.

Lực lượng công binh trung đoàn ngày đêm bám đường, bám tuyến để sửa và nâng cấp mặt đường, bảo đảm giao thông tốt, tạo điều kiện cho các đơn vị vận tải, các đơn vị hành quân vào chiến trường.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, trung đoàn làm nhiệm vụ bảo đảm cầu phà cho bộ đội cơ động trên đường 20 và đường 1 đánh địch ở Đà Lạt, Biên Hòa. Đơn vị đã làm việc liên tục ngày đêm, bảo đảm cho bộ đội cơ động đánh địch được nhanh chóng.

Lực lượng pháo cao xạ, ngày đêm thường trực sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, đã bắn rơi 100 máy bay, bảo vệ cho các đơn vị bạn ít bị thương vong.

Đơn vị đã được tặng thưởng 6 Huân chương Quân công (1 hạng nhì, 5 hạng ba), 2 Huân chương Chiến công hạng nhất. Có 3 tiểu đoàn và 3 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 531 công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 542 CÔNG BINH SƯ ĐOÀN 473, BỘ TƯ LỆNH 559

Từ năm 1966 đến chiến dịch Hồ Chí Minh 1975, Trung đoàn 542 làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí lương thực và mở đường, bảo đảm giao thông trên tuyến đường Trường Sơn. Điều kiện hoạt động có rất nhiều khó khăn: đường xấu, khí hậu khắc nghiệt, quân số ốm sốt rét nhiều, máy bay địch đánh phá ác liệt, ném xuống đoạn đường đơn vị phụ trách hàng chục vạn quả bom. Đơn vị có quyết tâm cao, dù khó khăn ác liệt thế nào cũng kiên quyết vượt qua. Trong nhiệm vụ chuyển vũ khí, lương thực phục vụ cho chiến trường Trị Thiên, trên tuyến đường dài gần 200km, trung đoàn đã tranh thủ chạy cả ngày lẫn đêm. Nhiều lần tuy máy bay địch đánh xe bị cháy, các đồng chí lái xe đã dũng cảm dập tắt lửa, cứu hàng. Năm nào đơn vị cũng đạt vượt mức kế hoạch được giao, năm sau đạt cao hơn năm trước.

Lực lượng công binh mở đường và bảo đảm giao thông của trung đoàn đã ngày đêm bám đường, bám tuyến, tích cực phát huy sáng kiến, hợp lý hóa động tác, đưa năng suất đào đất đá ngày càng tăng, đơn vị đã mở được 324km đường vòng, đường tránh qua nhiều trọng điểm địch đánh phá ác liệt, tích cực mở rộng và nâng cấp mặt đường ngày càng tốt hơn, đã góp phần nâng cao tốc độ của xe từ 15km/1 giờ lên 25km/1 giờ.

Lực lượng cao xạ, bộ binh bảo vệ đường đã tích cực đánh địch, bắn rơi 227 máy bay địch, diệt hàng ngàn tên (có 1.800 Mỹ).

Đơn vị đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công hạng ba, 7 Huân chương Chiến công (5 hạng nhất, 2 hạng nhì).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 542 công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 273 XE TĂNG QUÂN ĐOÀN 3

Trung đoàn 273 được thành lập tháng 1 năm 1973. Năm 1973 và năm 1974, đơn vị tham gia đánh địch bảo vệ vùng giải phóng bắc Kon Tum và tây bắc Plây Cu. Trong các trận diệt cứ điểm Đắc Pét, Chư Nghé (Kon

Tum), đơn vị đã chiến đấu dũng cảm, phát huy sức mạnh đột kích của xe tăng, chi viện đắc lực cho bộ binh đánh thắng.

Xuân 1975, Trung đoàn 273 đã phát huy tốt sức mạnh đột kích của xe tăng, chủ động hiệp đồng chi viện cho bộ binh đánh địch được thuận lợi. Đơn vị đã phá hủy 117 xe quân sự (có 52 xe tăng, xe bọc thép); 80 khẩu pháo, cối; 637 lô cốt và hỏa điểm địch; diệt hơn 1.000 tên, bắt 150 tên (có 1 đại tá), thu 113 xe quân sự (có 86 xe tăng, xe bọc thép).

Ngày 10 và 11 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 273 dẫn đầu bộ binh từ nhiều hướng tiến công mãnh liệt vào trung tâm thị xã Buôn Ma Thuột, đánh chiếm sở chỉ huy sư đoàn 23, trung đoàn 45, 53 ngụy, giải phóng thị xã, mở đầu chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng.

Từ ngày 13 tháng 3 đến ngày 4 tháng 4 năm 1975, trung đoàn phát triển tiến công trên hai hướng: theo trục đường 21 và đường 7, đánh chiếm các thị xã: Cheo Reo, Tuy Hòa, Cam Ranh, Nha Trang; các quận lỵ: Củng Sơn, Phú Túc, Phước An, Chư Cúc, Khánh Dương, Dục Mỹ, Hiếu Xương; căn cứ đèo Phụng Hoàng, sân bay Đông Tác, trường huấn luyện Lam Sơn, cùng bộ binh diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng còn lại của quân đoàn 2 ngụy.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, từ 27 đến 29 tháng 4 năm 1975, một tiểu đoàn của trung đoàn đã vượt qua hỏa lực địch chống cự quyết liệt diệt nhiều hỏa điểm địch, tạo thuận lợi cho bộ binh diệt 1 trung đoàn địch ở căn cứ Đồng Dù. Từ ngày 29 đến ngày 30 tháng 4 một bộ phận của trung đoàn đã liên tục đánh địch trong hành tiến trên đường 22, đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu ngụy, diệt 32 xe quân sự địch, hơn 200 hỏa điểm và lô cốt, hơn 1.000 tên địch.

Đơn vị đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì). Các tiểu đoàn trong trung đoàn đều được tặng thưởng từ 2 huân chương trở lên.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 273 xe tăng được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 230 PHÁO CAO XẠ SƯ ĐOÀN 367, QUÂN CHỨNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN

Từ năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 230 làm nhiệm vụ chiến đấu hiệp đồng binh chủng trong các chiến dịch lớn và cơ động bảo vệ

giao thông vận tải chiến lược, bảo vệ các đơn vị chủ lực hành quân vào chiến trường. Trung đoàn luôn có quyết tâm cao, dù khó khăn, ác liệt thế nào cũng kiên quyết vượt qua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trung đoàn 230 đã bắn rơi 152 máy bay địch, hầu hết là phản lực, phối hợp cùng bộ binh diệt nhiều lô cốt, hỏa điểm địch.

Ngày 15 tháng 8 năm 1965, tại khu vực Ninh Bình, trung đoàn đã bắn rơi tại chỗ 3 máy bay địch, lập công đầu trong phong trào thi đua bắn rơi máy bay địch bay thấp trong toàn quân chủng.

Chiến dịch Quảng Trị (năm 1972) trung đoàn đã chiến đấu dũng cảm, bắn rơi 66 máy bay địch, bảo vệ tốt đội hình tiến công của bộ binh và xe tăng ta trên một hướng chiến dịch.

Chiến dịch Hồ Chí Minh, Trung đoàn 230 đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, đến vị trí đúng thời gian quy định. Quá trình chiến đấu đã hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh, xe tăng, diệt nhiều lô cốt, ụ súng địch từ hướng bắc vào Sài Gòn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 1 Huân chương Chiến công hạng ba, có 1 tiểu đoàn, 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 230 pháo cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 241 PHÁO CAO XẠ SƯ ĐOÀN 367, QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN

Từ năm 1966 đến tháng 4 năm 1975, trung đoàn cơ động chiến đấu hiệp đồng binh chủng với bộ binh, và các binh chủng khác trong nhiều chiến dịch lớn, cơ động bảo vệ giao thông vận tải chiến lược. Trung đoàn luôn có quyết tâm cao, vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, vận dụng nhiều cách đánh linh hoạt; đánh ngày, đánh đêm, đánh trong mọi thời tiết, ở mọi địa hình, đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng đều giỏi. Đơn vị đã bắn rơi 309 máy bay địch, hầu hết là phản lực.

Chiến dịch Khe Sanh (năm 1968), máy bay, pháo binh địch đánh phá ác liệt vào trận địa, đơn vị ngày đêm thường trực sẵn sàng chiến đấu bắn rơi 32 máy bay địch, chi viện đặc lực cho bộ binh chiến đấu và cho các đơn vị vận tải chuyển vũ khí vào chiến trường.

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (năm 1971), trung đoàn đã nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu, bắn rơi 72 máy bay địch, chi viện tốt cho bộ binh, xe tăng, pháo binh ta tiến công địch.

Chiến dịch Quảng Trị (năm 1972), máy bay, pháo binh địch đánh phá rất ác liệt vào trận địa, đơn vị đã nêu cao quyết tâm hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị bạn, bắn rơi 186 máy bay Mỹ.

Chiến dịch Hồ Chí Minh, trung đoàn đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, cơ động nhanh, đến vị trí đúng thời gian quy định. Quá trình chiến đấu đã hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh, vừa bắn máy bay vừa bắn bộ binh địch, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chi viện cho bộ binh tiến công từ hướng bắc vào Sài Gòn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 3 Huân chương Chiến công (1 hạng nhất, 1 hạng nhì, 1 hạng ba), được tặng cờ "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Có 2 tiểu đoàn, 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 241 pháo cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 512 Ô TÔ VẬN TẢI, SƯ ĐOÀN 571, BỘ TƯ LỆNH 559

Trung đoàn 512 được thành lập tháng 8 năm 1973, gồm các tiểu đoàn xe ô tô đã hoạt động ở chiến trường từ năm 1965.

Đơn vị làm nhiệm vụ vận chuyển trên tuyến đường 12, 15, nơi máy bay địch đánh phá ngày đêm rất ác liệt, đã ném xuống hàng vạn quả bom các loại, đã hơn một nghìn lần đánh vào đội hình xe trong hành quân. Nhiều lần xe bị trúng bom bốc cháy, các chiến sĩ lái xe đã nhanh chóng dập tắt lửa, cứu xe, cứu hàng. Dù khó khăn ác liệt thế nào cán bộ, chiến sĩ đơn vị cũng kiên quyết vượt qua, đưa hàng đến đích. Đơn vị bố trí cung độ, đội hình xe vận chuyển hợp lý, đã chuyển được 70.800 tấn vũ khí, hàng quân sự vào chiến trường, hoàn thành vượt mức kế hoạch hàng năm trên giao, phục vụ đắc lực cho các đơn vị chiến đấu.

Đặc biệt từ ngày 1 tháng 12 năm 1974 đến chiến dịch Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 4 năm 1975, đơn vị vận chuyển liên tục 150 ngày, tranh thủ thời gian, tăng chuyến tăng trọng lượng, chuyển vũ khí vào Khu 5; chở bộ đội từ

Trị Thiên vào đánh địch ở Hàm Tân, Nước Trong, Bà Rịa, Biên Hòa, Vũng Tàu và đưa một lực lượng thuộc Quân đoàn 2 đánh vào Sài Gòn kịp thời gian quy định.

Trung đoàn đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba, 8 Huân chương Chiến công các hạng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trung đoàn 512 ô tô vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 537 ĐƯỜNG ống CỤC XĂNG DẦU, BỘ TƯ LỆNH 559

Từ năm 1965 đến năm 1972, trung đoàn làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực và đảm bảo giao thông trên tuyến đường dây 559, chi viện cho chiến trường Tây Nguyên và Nam Bộ. Đơn vị luôn có quyết tâm cao, dũng cảm bám đường, bám tuyến, vận chuyển hàng nhanh, mở đường giỏi, đánh thắng địch cả trên không, dưới đất, giữ vững giao thông suốt.

Trung đoàn đã chuyển 69.970 tấn hàng, đưa 21 vạn bộ đội vào chiến trường và 4 vạn thương binh về hậu phương được chu đáo; mở được 800km đường ô tô, bắn rơi 201 máy bay, diệt hơn 600 tên địch, bắt 42 tên.

Từ năm 1973 đến tháng 4 năm 1975, trung đoàn làm nhiệm vụ xây dựng đường ống xăng dầu từ nam sông Sa Thầy tới Bù Gia Mập (Phước Bình) đường phải qua 7 sông lớn, địch đánh phá ác liệt, đơn vị đã làm việc rất khẩn trương, đã xây dựng xong 3.241km đường ống trước thời gian quy định. Vận chuyển được gần 25 vạn tấn xăng, kịp thời phục vụ các đơn vị vận tải, xe tăng, pháo binh tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh Xuân 1975 thắng lợi. Quá trình làm nhiệm vụ trung đoàn đã phát huy nhiều sáng kiến đưa năng suất xây dựng đường ống mỗi năm một tăng; giảm bớt hư hao xăng dầu tới mức thấp nhất.

Đơn vị đã được tặng thưởng 4 Huân chương Quân công (1 hạng nhì, 3 hạng ba), 4 Huân chương Chiến công (3 hạng nhất, 1 hạng nhì). Các đơn vị trong trung đoàn đã được tặng thưởng 115 Huân chương Quân công và Chiến công, có 2 tiểu đoàn, 1 đại đội, 1 trạm và 1 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Trung đoàn 537 đường ống được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 18 BỘ BINH **SƯ ĐOÀN 325, QUÂN ĐOÀN 2**

Từ năm 1972 đến Xuân 1975, Trung đoàn 18 đã tham gia 3 chiến dịch:

Năm 1972, đơn vị tham gia chiến dịch Quảng Trị, cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm cao, sẵn sàng chiến đấu tốt, đánh lui các đợt phản kích lấn chiếm của địch, diệt hàng nghìn tên, giữ vững vùng giải phóng.

Từ ngày 21 đến ngày 28 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 18 tham gia chiến dịch Trị Thiên Huế - Đà Nẵng, đơn vị hợp đồng chặt chẽ với pháo binh, xe tăng, chiến đấu rất dũng cảm, vừa diệt gọn địch ở các điểm cao 560, 520, 492 (tây nam Huế), vừa chặn đường rút chạy bằng đường bộ của địch, gây cho chúng rối loạn, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị bạn diệt địch ở cửa Thuận An, cửa Tư Hiền. Sau đó đơn vị đánh chiếm các vị trí pháo binh ở Mũi Né, đèo Phú Gia, và quận lỵ Phú Lộc (nam Thừa Thiên). Thừa thắng, đơn vị tiếp tục truy kích địch rút chạy và tiến đánh địch từ ngoại vi vào Đà Nẵng, diệt hơn 3.000 tên địch, gọi hàng và bắt hơn một vạn tên, thu rất nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh.

Từ ngày 16 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 (trong chiến dịch Hồ Chí Minh) đơn vị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh chiếm Phan Rang, Phan Thiết; phá vỡ tuyến phòng thủ Long Thành, cắt đứt đường 15, cô lập địch giữa Vũng Tàu và thị xã Bà Rịa, diệt các căn cứ Nhơn Trạch, Cát Lái, Thành Tuy Hạ (tuyến co cụm vòng ngoài của địch). Tiếp đó, đánh chiếm quận 4, quận 9 (nội thành Sài Gòn), diệt 1 tiểu đoàn thủy quân lục chiến, bắt hàng nghìn tên.

Đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng nhì và Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trung đoàn 18 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 64 BỘ BINH **SƯ ĐOÀN 320, QUÂN ĐOÀN 3**

Từ năm 1968 đến Xuân 1975, Trung đoàn 64 hoạt động ở chiến trường Quảng Trị, Nam Lào, Tây Nguyên, Nam Bộ, đơn vị luôn có quyết tâm chiến

đấu cao, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, đánh độc lập, đánh trong đội hình sư đoàn, đánh theo chiến thuật chốt chặn, đánh vây lấn, đánh vận động đều tốt, đã diệt hơn 14.000 tên địch (có gần 4.000 Mỹ), bắt gần 5.000 tên ngụy (có 2 chuẩn tướng, 2 đại tá, 362 sĩ quan khác), gọi hàng 301 tên. Trong đó diệt 1 lữ dù thiếu, 2 tiểu đoàn, 11 đại đội; đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn, 1 chiến đoàn, 2 liên đoàn, 8 tiểu đoàn. Phá hủy 1.910 xe quân sự, 65 khẩu pháo; bắn rơi 104 máy bay các loại... thu 240 xe quân sự, 31 khẩu pháo, 4.718 súng, hơn 200 máy thông tin...

Trong chiến dịch Tây Nguyên, từ ngày 10 tháng 3 đến ngày 1 tháng 4 năm 1975, đơn vị đã cơ động giỏi, liên tục tiến công địch, đã diệt một lực lượng lớn quân địch thuộc quân đoàn 2 ngụy ở nam Cheo Reo (diệt gần 1.800 tên, bắt 3.261 tên), bắn cháy 675 xe quân sự, bắn rơi 4 máy bay, thu 187 xe quân sự (có 50 xe tăng, xe bọc thép). Góp phần tích cực cùng đơn vị bạn diệt và bắt bộ chỉ huy quân đoàn 2 ngụy (có tên chuẩn tướng quân đoàn phó).

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Trung đoàn 64 đã khắc phục nhiều khó khăn, chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh, tích cực, chủ động tiến công địch tại quận lỵ Hóc Môn, diệt gọn 1 tiểu đoàn, góp phần tích cực cùng đơn vị bạn diệt 1 chiến đoàn xe thiết giáp địch. Kết quả đã diệt 278 tên, bắt 842 tên (có tên chuẩn tướng Lê Trung Trực), gọi hàng 301 tên; bắn cháy 26 xe tăng, xe bọc thép; thu 54 xe quân sự.

Đơn vị đã được tặng thưởng 7 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhất, 2 hạng nhì, 4 hạng ba), 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, có 1 tiểu đoàn và 1 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trung đoàn 64 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 28 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 10, QUÂN ĐOÀN 3

Trung đoàn 28 hoạt động ở chiến trường Tây Nguyên từ năm 1968 đến Xuân 1975, đơn vị đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, ác liệt, liên tục chiến đấu trên nhiều địa bàn, đánh thắng nhiều đối tượng quân địch, lập nhiều chiến công xuất sắc. Trung đoàn đã diệt gần 2 vạn tên địch có 1.000 Mỹ, bắt 1.350 tên ngụy. Trong đó diệt gọn 13 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn, 5 tiểu đoàn. Phá hủy hơn 300 xe quân sự và nhiều phương tiện

chiến tranh khác của địch. Đặc biệt trong năm 1974 và tổng tiến công Xuân 1975, trung đoàn đã có những bước tiến nhảy vọt trong tác chiến hiệp đồng binh chủng, đánh nhiều trận then chốt giành thắng lợi, có tác dụng cổ vũ các đơn vị trong toàn mặt trận.

Ngày 17 tháng 3 năm 1974, trung đoàn bao vây công kích địch ở điểm cao 867 (bắc Kon Tum), diệt gọn 1 tiểu đoàn biệt động (diệt 218 tên, bắt 203 tên).

Ngày 14 tháng 7 năm 1974, trong vòng 1 giờ đồng hồ, trung đoàn đã diệt 1 tiểu đoàn ngụy ở tây bắc Kon Tum. Có tác dụng cổ vũ lớn các đơn vị trong sư đoàn hăng hái đánh địch trong mùa mưa.

Trong chiến dịch Tây Nguyên từ ngày 10 đến ngày 31 tháng 3 năm 1975, sau khi tham gia đánh địch ở Đức Lập, Buôn Ma Thuột, trung đoàn cơ động đánh địch trên trục đường 21, đánh thiệt hại nặng sở chỉ huy sư đoàn 23, trung đoàn 44, trung đoàn 45, 2 tiểu đoàn dù ngụy. Góp phần tích cực giải phóng quận lỵ Đắc Song, Khánh Dương, cảng Cam Ranh.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, từ ngày 26 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, trung đoàn tiến công địch ở trại huấn luyện Quang Trung, góp phần chủ yếu cùng đơn vị bạn diệt và làm tan rã quân địch đóng ở đây. Sau đó thọc sâu vào Sài Gòn cùng đơn vị bạn đánh chiếm bộ tổng tham mưu quân ngụy.

Đơn vị đã được tặng thưởng 4 Huân chương Quân công giải phóng (3 hạng nhì, 1 hạng ba).

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trung đoàn 28 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 271 BỘ BINH SƯ ĐOÀN 3, BỘ CHỈ HUY MIỀN

Từ tháng 4 năm 1972 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 271 chiến đấu ở Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Đơn vị đã vượt qua mọi khó khăn ác liệt, xây dựng tiến bộ nhanh, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, trên nhiều loại địa hình, đã diệt 6 tiểu đoàn và 12 đại đội; đánh thiệt hại nặng 10 tiểu đoàn, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1 vạn tên địch, phá hủy 80 xe quân sự (có 20 xe tăng, xe bọc thép); bắn chìm, bắn cháy 20 tàu, xuống chiến đấu, bắn rơi 16 máy bay, thu hơn 200 súng, tiêu diệt 50 đồn bốt (có 4 chi khu và yếu khu do 1 tiểu đoàn địch đóng giữ).

Tháng 4 năm 1972, vừa tới chiến trường, trung đoàn đã tham gia đánh trận mở màn chiến dịch Nguyễn Huệ, diệt 2 vị trí địch ở Bàu Lùng Tung và Tà Xia (Tây Ninh), tiêu diệt 1 tiểu đoàn ngụy, phá hủy 28 xe quân sự; giải phóng một tuyến dài từ Sa Mát đến Cần Đăng, chọc thủng hệ thống phòng thủ kiên cố của địch ở biên giới, tạo thuận lợi cho chiến dịch phát triển.

Cuối năm 1973, đơn vị tham gia đánh địch lấn chiếm ở Bù Bông, liên tục chiến đấu diệt 1 tiểu đoàn địch ở Tuy Đức, Đắc Song. Chặn đánh quân địch phản kích, giữ vững vùng giải phóng, tạo thuận lợi cho đơn vị bạn tiêu diệt chi khu Kiến Đức.

Mùa khô 1974-1975, đơn vị đánh trận mở màn chiến dịch tiêu diệt chi khu Bù Đăng (Phước Long) tiến công diệt hàng chục đồn bốt khác, giải phóng hơn 7.000 dân thuộc huyện Bù Đăng. Ngày 6 tháng 1 năm 1975, trung đoàn cùng đơn vị bạn tiến công thị xã Phước Long, góp phần giải phóng thị xã. Sau đó hành quân xuống đồng bằng sông Cửu Long, đánh chiếm chi khu Tân Quới (Kiến Tường), đánh địch phản kích, đã đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn ngụy.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, 6 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 trung đoàn tiến công tiêu diệt chi khu Đức Hòa (Long An), diệt và làm tan rã 2 tiểu đoàn địch.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trung đoàn 271 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 20 BỘ BINH QUÂN KHU 9

Từ năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 20 chiến đấu ở chiến trường Khu 5, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Đơn vị luôn xây dựng quyết tâm cao, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, đánh thắng nhiều đối tượng địch, đã diệt 18 tiểu đoàn (có 2 tiểu đoàn Mỹ), 80 đại đội (có 20 đại đội Mỹ), 4 chi đoàn xe cơ giới, 1 sở chỉ huy nhẹ sư đoàn 23 ngụy, 5 chi khu và yếu khu, đánh thiệt hại nặng 16 tiểu đoàn và 29 đại đội;

loại khỏi vòng chiến đấu hàng vạn tên địch (có hàng nghìn Mỹ); phá hủy trên 600 xe quân sự (có gần 400 xe tăng, xe bọc thép); bắn chìm, bắn cháy trên 50 tàu, xuống chiến đấu; bắn rơi trên 400 máy bay; thu hơn 5.000 súng, giải phóng 15 xã.

Từ ngày 1 đến ngày 7 tháng 1 năm 1969, Trung đoàn 20 diệt 1 tiểu đoàn thủy quân lục chiến ngự ở đường Minh Châu (Tây Ninh); tiếp đó tập kích diệt 1 tiểu đoàn hỗn hợp Mỹ ở Suối Giây.

Từ tháng 9 năm 1970 đến tháng 3 năm 1971, đơn vị chiến đấu ở An Giang diệt 2 chi đoàn cơ giới ở Bà Đới, diệt 1 tiểu đoàn ngự ở Tức Dục, giải phóng hoàn toàn 3 xã xung quanh núi Dài, núi Tô (An Giang). Tiêu diệt các chi khu Ba Thê và Kiến Lương (Hà Tiên). Đặc biệt từ tháng 9 năm 1970 đến tháng 3 năm 1971, trung đoàn đã kiên cường đánh địch giữ vững khu vực Bảy Núi, Ba Hòn (An Giang), bẻ gãy cuộc tiến công của sư đoàn 9 ngự có 3 trung đoàn cơ giới và phi pháo yểm trợ. Đơn vị giữ vững địa bàn hoạt động và mở rộng được vùng giải phóng.

Từ tháng 4 năm 1971 đến tháng 4 năm 1975 Trung đoàn 20 chiến đấu ở chiến trường Tây Nam Bộ, đã góp phần cùng các đơn vị bạn đánh bại kế hoạch bình định vùng U Minh của địch, đứng vững trên địa bàn 2 tỉnh: Rạch Giá, Cần Thơ, liên tục chiến đấu diệt nhiều đơn vị địch, hỗ trợ cho quân chúng đấu tranh giành quyền làm chủ ở vùng quan trọng phía bắc thị xã Chương Thiện.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị đánh vào sân bay Trà Nóc (Cần Thơ), khống chế được sân bay, làm cho máy bay địch ở đây không cất cánh được, hỗ trợ cho các đơn vị bạn phát triển chiến đấu.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 9 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trung đoàn 20 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 33 BỘ BINH QUÂN KHU 7

Từ năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 33 liên tục chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ. Đơn vị đã

xây dựng quyết tâm cao, kiên cường đứng vững trên địa bàn được phân công, vượt qua mọi gian khổ ác liệt, liên tục chiến đấu, đánh thắng nhiều đối tượng địch. Vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, đã diệt 14 tiểu đoàn (có 3 tiểu đoàn Mỹ, 1 tiểu đoàn Thái Lan); đánh thiệt hại nặng 25 tiểu đoàn, 75 đại đội (có 4 đại đội Mỹ, 2 đại đội Thái Lan, 3 đại đội Úc). Trung đoàn đã góp phần đánh quy lữ đoàn 3 không vận và lữ đoàn 199 Mỹ, các sư đoàn 5, 18, 23 ngụy, diệt 1 tiểu khu, 5 chi khu, 3 yếu khu và trên 250 đồn, bốt địch; loại khỏi vòng chiến đấu hàng vạn tên địch (có hàng ngàn Mỹ); phá hủy trên 1.500 xe quân sự (có hơn 700 xe tăng, xe bọc thép), trên 100 khẩu pháo; bắn rơi trên 100 máy bay; thu hơn 3.000 súng.

Từ ngày 19 tháng 10 đến ngày 25 tháng 11 năm 1965, Trung đoàn 33 chiến đấu ở Plây Me (Tây Nguyên) làm nhiệm vụ bao vây tiến công diệt đồn Plây Me, kéo địch ra cho đơn vị bạn tiêu diệt. Đơn vị đã nhanh chóng diệt tiền đồn Chư Ho rồi kiên cường đánh quân địch phản kích. Đã cùng đơn vị bạn đánh quy lữ đoàn 3 không vận Mỹ, bẻ gãy cuộc phản kích của sư đoàn 1 Mỹ ở khu vực Plây Me. Riêng đơn vị diệt 1 tiểu đoàn và 2 đại đội Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu 5.000 tên địch (có hàng trăm Mỹ).

Xuân 1968, trung đoàn tiến công thị xã Buôn Ma Thuột; tuy phải cơ động từ xa, thời gian gấp nhưng đơn vị đã nổ súng đúng thời gian quy định, chiến đấu dũng cảm, đánh chiếm đài phát thanh, trường huấn luyện và một phần sở chỉ huy sư đoàn 23, khu thiết giáp... sau đó cùng lực lượng địa phương tiến đánh sân bay Hòa Bình. Đơn vị đứng lại 7 ngày trong thị xã đánh địch phản kích, diệt 3 tiểu đoàn (có 1 tiểu đoàn Mỹ), loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.000 tên địch, phá hủy 60 xe quân sự.

Năm 1970, trung đoàn chiến đấu ở Bình Tuy, Bình Thuận, dù lương thực, đạn dược thiếu, nhưng đơn vị đã khắc phục khó khăn liên tục chiến đấu diệt 2 chi khu Tánh Linh và Hàm Tân; diệt 3 cụm quân Mỹ tương đương 3 tiểu đoàn ở Võ Xu, Quán Hạ, núi Gia (Bà Rịa), loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.000 tên địch, phá hủy 100 xe tăng, xe thiết giáp trên đường số 2. Đơn vị giữ vững địa bàn hoạt động và phối hợp tốt với chiến trường chung.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị tham gia đánh thị xã Xuân Lộc, cùng đơn vị bạn diệt chiến đoàn 52 ngụy. Sau đó cơ động nhanh, đánh chiếm ấp Hồ Nai và diệt các đồn bốt địch trên đường số 1 đến sát sân bay Biên Hòa, cùng các đơn vị bạn mở đường tiến vào Sài Gòn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 7 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhất, 2 hạng nhì, 4 hạng ba), 4 Huân chương Chiến công giải phóng (3 hạng nhất, 1 hạng nhì). Có 1 đại đội và 1 đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trung đoàn 33 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 591 PHÁO CAO XẠ SƯ ĐOÀN 377 BỘ TƯ LỆNH 559

Từ tháng 1 năm 1968 đến Xuân 1975, Trung đoàn 591 cơ động chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn và tham gia chiến đấu trong các chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (1971), Quảng Trị (1972) và Xuân 1975. Hoạt động ở địa bàn máy bay địch đánh phá ác liệt, có nhiều gian khổ, khó khăn, trung đoàn luôn có quyết tâm cao, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, đánh từng tiểu đoàn, đánh tập trung trung đoàn, đánh hiệp đồng binh chủng đều giỏi. Trung đoàn đã bắn rơi 181 máy bay các loại (có gần 100 chiếc rơi tại chỗ), bảo vệ tốt các mục tiêu được giao.

Trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (1971), trung đoàn đã bắn rơi 101 máy bay địch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện cho bộ binh chiến đấu. Nổi bật 2 ngày: 5 và 18 tháng 3 năm 1971 mặc cho máy bay, pháo binh địch đánh phá rất ác liệt vào trận địa, đơn vị đã ngoan cường chiến đấu, bắn rơi tại chỗ 37 máy bay lên thẳng, 1 máy bay AD6. Đã góp phần quan trọng làm thất bại thủ đoạn dùng máy bay đổ quân nhảy cóc của địch.

Trong chiến dịch Quảng Trị (1972), tuy địa hình trống trải, địch đánh phá rất ác liệt, các trận địa đều bị đánh, có trận địa bị đánh 2 - 3 lần trong ngày, có ngày tất cả các trận địa của trung đoàn đều bị B-52 đánh..., nhưng trung đoàn đã dũng cảm, mưu trí phát huy hỏa lực mạnh mẽ, bắn rơi 13 máy bay địch, đã bảo vệ tốt cho hơn 3.000 lượt chiếc xe chở hàng qua lại và nhiều trận địa pháo binh của ta trong chiến dịch.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, đơn vị nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, hành quân cơ động gần 100km đến vị trí đúng thời gian quy định, nhanh chóng triển khai chiến đấu được ngay, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ giao thông vận tải, bảo vệ cơ quan chiến dịch được an toàn.

Trung đoàn đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 4 Huân chương Chiến công (2 hạng nhất, 2 hạng ba). Có 1 tiểu đoàn được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trung đoàn 591 pháo cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 218 PHÁO CAO XẠ SƯ ĐOÀN 377, BỘ TƯ LỆNH 559

Từ năm 1967 đến tháng 4 năm 1975, Trung đoàn 218 cơ động chiến đấu trên nhiều tỉnh ở miền Bắc và đường dây 559. Trung đoàn đã vượt qua nhiều khó khăn, đánh tập trung trung đoàn, đánh hiệp đồng với bộ binh; đánh ngày, đánh đêm đều giỏi, đã bắn rơi 300 máy bay các loại, bắn cháy 1 kho đạn, 1 dàn ra đa, cùng bộ binh diệt gần 200 tên địch khi chúng đánh vào trận địa.

Ngày 10 tháng 12 năm 1967 ở Quảng Bình, đơn vị đã bắn rơi 12 máy bay địch, bảo vệ tốt mục tiêu được giao.

Ngày 4 tháng 2 năm 1968 ở Vĩnh Linh, máy bay địch đánh phá ác liệt vào trận địa, đơn vị đã bình tĩnh, mưu trí bắn rơi 8 chiếc.

Ngày 19 tháng 5 năm 1968 ở Quảng Trị, máy bay địch đến đánh vào đơn vị bạn, trung đoàn đã chủ động tích cực bắn máy bay địch, thu hút hỏa lực về mình, bắn rơi 4 chiếc, bảo vệ đơn vị bạn được tốt.

Trong chiến dịch Quảng Trị, năm 1972, đơn vị đã bắn rơi 50 máy bay địch, chi viện đặc lực cho bộ binh chiến đấu được thuận lợi.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, đơn vị ngày đêm thường trực sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ tuyến đường dây, bảo đảm an toàn cho các đơn vị hành quân chiến đấu, vận chuyển tiếp tế vũ khí cho chiến trường.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 3 Huân chương Chiến công hạng nhất, có 2 tiểu đoàn và 1 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trung đoàn 218 pháo cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TRUNG ĐOÀN 75 TRÌNH SÁT KỸ THUẬT CỤC NGHIÊN CỨU, BỘ TỔNG THAM MƯU

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Trung đoàn 75 làm nhiệm vụ nắm tình hình địch trên các chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia, và nắm những hoạt động của máy bay, tàu chiến địch đánh phá miền Bắc bằng máy thu tin. Địch luôn luôn thay đổi nhiều loại mật mã phức tạp và cách truyền tin. Đơn vị chia làm nhiều bộ phận ở cách xa hàng trăm ki-lô-mét. Có bộ phận ở trên đỉnh núi cao, có bộ phận ở gần nơi máy bay, pháo binh địch đánh phá ác liệt. Đơn vị đã khắc phục nhiều khó khăn, tổ chức ca kíp liên tục theo dõi và ghi được những tín hiệu của địch phát ra; chịu khó nghiên cứu, rút kinh nghiệm, phát hiện được nhiều loại mật mã của địch; nhờ đó nắm được kịp thời nhiều tin tức về các cuộc hành quân của địch ở chiến trường Nam Bộ, Tây Nguyên, Khu 5, Trị Thiên, Lào, Cam-pu-chia. Trong nhiều chiến dịch như Đường 9 - Nam Lào, Quảng Trị... đơn vị nắm được phiên hiệu của từng đơn vị tiểu đoàn, trung đoàn, liên đoàn biệt động, nội dung liên lạc giữa các đơn vị địch với nhau, giúp cho trên xử lý kịp thời, chính xác.

Trong các lần máy bay, tàu chiến địch đánh phá miền Bắc, đơn vị đều nắm được trước hàng giờ, có khi trước một ngày.

Trong 12 ngày đêm từ 18 đến 29 tháng 12 năm 1972, mặc dù địch thường xuyên thay đổi luật mật mã, có ngày thay đổi 10 lần, đơn vị vẫn thu được đầy đủ tín hiệu và biết trước hàng tiếng đồng hồ: nơi cất cánh của máy bay B-52, mục tiêu đánh phá; có khi nắm được quá trình địch liên lạc với nhau khi đánh phá Hà Nội, Hải Phòng. Đơn vị đã báo cáo lên trên và thông báo kịp thời cho các đơn vị chiến đấu.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, đơn vị đã thu thập được nhiều tin tức tình báo về điều động lực lượng, kế hoạch rút quân của địch ở Tây Nguyên, Trị Thiên, Đà Nẵng, phục vụ cho trên chỉ đạo các đơn vị tác chiến thắng lợi.

Trung đoàn đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba, có 3 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trung đoàn 75 trình sát kỹ thuật được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 3 BỘ BINH TRUNG ĐOÀN 270, SƯ ĐOÀN 341, QUÂN ĐOÀN 4

Xuân 1975, Tiểu đoàn 3 tham gia chiến đấu ở Đông Nam Bộ. Vừa đến chiến trường, đơn vị đã khẩn trương chuẩn bị và bước vào chiến đấu ngay. Cán bộ, chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, chốt giữ ngoan cường, tiến công kiên quyết, lập nhiều chiến công xuất sắc.

Tiểu đoàn đã diệt gọn 1 tiểu đoàn, 1 đại đội, loại khỏi vòng chiến đấu gần 500 tên địch, phá hủy 5 xe tăng, 8 khẩu pháo, thu hơn 300 súng các loại. Góp phần cùng trung đoàn diệt gọn 2 tiểu đoàn và nhiều đại đội khác, đánh thiệt hại 1 chiến đoàn địch.

Từ ngày 5 tháng 3 đến ngày 5 tháng 4 năm 1975, tiểu đoàn làm nhiệm vụ đánh địch ở Chơn Thành (Thủ Dầu Một) và chốt chặn trên đường 13: suốt 30 ngày đêm phải chịu đựng bom đạn địch rất ác liệt, đơn vị đã nêu cao tinh thần dũng cảm kiên cường, liên tục tiến công địch, diệt gọn 1 tiểu đoàn địch, loại khỏi vòng chiến đấu gần 300 tên. Góp phần tích cực cùng trung đoàn đánh thiệt hại nặng 1 chiến đoàn xe tăng địch, giải phóng quận lỵ Chơn Thành.

Ngày 27 tháng 3 năm 1975 ở khu vực Trảng Bom (Biên Hòa): Sau 2 giờ chiến đấu, tiểu đoàn đã góp phần tích cực cùng trung đoàn diệt gọn 2 tiểu đoàn địch, làm chủ căn cứ, tạo thuận lợi cho các đơn vị khác trong sư đoàn tiến công địch ở hướng khác giành thắng lợi.

Đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng ba.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Tiểu đoàn 3 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 1 PHÁO BINH LỮ ĐOÀN 164, QUÂN ĐOÀN 2 (Tuyên dương lần thứ hai)

Từ năm 1967 đến tháng 6 năm 1969, chiến đấu ở Quảng Trị, đơn vị đã lập nhiều thành tích xuất sắc, được tuyên dương Anh hùng (năm 1969).

Từ tháng 7 năm 1969 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, đơn vị tham gia 2 chiến dịch lớn: Quảng Trị (năm 1972) và tháng 4 năm 1975,

cán bộ, chiến sĩ luôn phát huy tốt truyền thống đơn vị anh hùng, hiệp đồng chiến đấu chặt chẽ, đánh giỏi bắn trúng chi viện đặc lực cho bộ binh chiến đấu.

Tiểu đoàn đã phá hủy 38 khẩu pháo, 28 xe tăng, xe bọc thép, 5 máy bay, hàng trăm lô cốt, ụ súng, bắn chìm và bắn cháy 16 tàu chiến, diệt hơn 2.200 tên địch.

Từ năm 1969 đến tháng 4 năm 1975, đơn vị đã được tặng thưởng 3 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 5 Huân chương Chiến công giải phóng các hạng.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Tiểu đoàn 1 pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 172 TÊN LỬA SƯ ĐOÀN 367, QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN

Từ tháng 5 năm 1972 đến tháng 4 năm 1975 tiểu đoàn chiến đấu ở Nam Bộ. Tuy mang vác nặng, cơ động nhiều trên nhiều địa hình phức tạp, cán bộ, chiến sĩ luôn có quyết tâm cao, đánh giỏi, bắn trúng.

Tiểu đoàn đã bắn rơi 153 máy bay địch, chi viện đặc lực cho bộ đội chiến đấu.

Đặc biệt, trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, tiểu đoàn chia thành nhiều bộ phận phối thuộc với các sư đoàn bộ binh chiến đấu trên nhiều hướng chiến dịch. Bộ phận nào cũng chiến đấu dũng cảm, bắn rơi nhiều máy bay địch. Nổi bật, ngày 29 tháng 4, bộ phận tham gia chiến đấu ở hướng tây bắc Sài Gòn, đã đánh rất giỏi, bắn rơi 9 chiếc ở khu vực Phú Lâm, Tân Tạo, ngã tư Bảy Hiền.

Tính chung, trong Xuân 1975 tiểu đoàn đã bắn rơi 34 máy bay địch.

Đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất. Các đại đội trong tiểu đoàn đều được tặng thưởng từ 3 Huân chương Chiến công trở lên. Có 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Tiểu đoàn 172 tên lửa được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 2 CÔNG BINH LỮ ĐOÀN 219, QUÂN ĐOÀN 2

Từ năm 1966 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 2 tham gia mở đường phục vụ chiến đấu ở Nam Lào, Quảng Trị, Khu 5. Đơn vị luôn có quyết tâm cao, nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh, khắc phục khó khăn, tích cực cải tiến dụng cụ lao động, phát huy nhiều sáng kiến trong đào đất, phá đá, bắc cầu, v.v. vượt thời gian quy định, đảm bảo kỹ thuật, tiểu đoàn mở được 1.036km đường mới, khôi phục được 107km đường cũ.

Mùa Xuân năm 1975, đơn vị đã tích cực mở đường, bắc cầu, mở bến, phá gỡ bom, mìn đảm bảo cho xe tăng, pháo binh, bộ binh cơ động chiến đấu được thuận lợi. Tiểu đoàn đã khôi phục được 24km đường 72 (tây Huế), mở 15km đường mới, lấp được 3 phà, phá gỡ 50 quả mìn...

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 3 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhất, 1 hạng nhì). Các đại đội trong tiểu đoàn đều được tặng thưởng từ 2 Huân chương Chiến công giải phóng trở lên. Có 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Tiểu đoàn 2 công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 66 XE TĂNG LỮ ĐOÀN 202, QUÂN ĐOÀN 1

Năm 1972 và đầu năm 1973, Tiểu đoàn 66 chiến đấu ở Quảng Trị. Năm 1975, đơn vị tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, trưởng thành nhanh chóng, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, táo bạo, dù khó khăn, ác liệt thế nào cũng kiên quyết xông lên áp đảo xe tăng, bộ binh địch, dẫn đầu bộ binh ta chiến đấu giành thắng lợi. Tiểu đoàn đã diệt hơn 600 tên địch, bắn cháy 40 xe tăng, xe bọc thép, bắt 46 xe quân sự (có 19 xe tăng, xe bọc thép); phá hủy 2 khẩu pháo 175mm; bắn rơi 5 máy bay phản lực...

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Tiểu đoàn 66 cơ động hơn 1.500km đến nơi bước vào chiến đấu ngay. Quá trình chiến đấu cán bộ, chiến sĩ đã phát

huy sức đột kích mạnh mẽ của xe tăng, liên tục tiến công địch trên suốt chặng đường Tân Uyên - Sài Gòn (dài 25km), bắn cháy 6 xe tăng, phá hủy khẩu pháo 175mm, góp phần tích cực cùng bộ binh diệt và gọi hàng 1.900 tên, giải phóng chi khu quân sự Tân Uyên, Lái Thiêu, đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu nguy, khu binh chủng, trường quân cụ của địch.

Đơn vị đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất. Các đại đội trong tiểu đoàn đều được tặng thưởng từ 2 Huân chương Chiến công giải phóng trở lên. Có 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Tiểu đoàn 66 xe tăng được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 18 THÔNG TIN SƯ ĐOÀN 304, QUÂN ĐOÀN 2

Từ năm 1966 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 18 tham gia 7 chiến dịch lớn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phục vụ tốt cho chỉ huy chiến đấu.

Bộ phận thông tin vô tuyến điện của tiểu đoàn đã thu phát hơn 4 vạn bức điện được kịp thời, chính xác, đảm bảo bí mật.

Bộ phận thông tin vận động của đơn vị đã vượt qua nhiều khó khăn, nguy hiểm, chuyển mệnh lệnh, chỉ thị của trên kịp thời, chính xác, đưa đường cho cán bộ an toàn. Trung bình mỗi chiến sĩ trong 1 năm đã đi bộ trên 1.380km.

Trong chiến dịch Trị Thiên Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh Xuân năm 1975, tuy phải cơ động nhiều, trên đoạn đường dài từ Quảng Nam đến Sài Gòn trong điều kiện chiến đấu ác liệt, đơn vị đã rải và thu hàng nghìn ki-lô-mét dây, thu phát hàng nghìn bức điện có độ chính xác cao, vẫn bảo đảm thông tin liên lạc từ sư đoàn lên quân đoàn và tới các trung đoàn được thông suốt.

Đơn vị đã được tặng thưởng 7 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 3 hạng nhì, 3 hạng ba).

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Tiểu đoàn 18 thông tin được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 4 THÔNG TIN VÔ TUYẾN BỘ TƯ LỆNH THÔNG TIN LIÊN LẠC

Từ năm 1962 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 4 làm nhiệm vụ bảo đảm thông tin bằng vô tuyến điện tiếp sức từ Bộ tới các chiến trường. Các đơn vị trong tiểu đoàn phải đóng trên các điểm cao từ 1.000m trở lên (có trạm ở trên điểm cao 2.100m) tiếp tế lương thực, xăng dầu khó khăn, khí hậu khắc nghiệt. Nhiều trạm bị địch đánh phá ác liệt, nhưng do phòng tránh và ngụy trang khéo nên hạn chế được nhiều thiệt hại, đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt.

Mùa Xuân năm 1975, đơn vị đã triển khai 19 đường liên lạc đi cùng với các đoàn quân ở các hướng chiến dịch. Hướng nào các lực lượng của ta cũng luôn cơ động, nhưng đơn vị vẫn bắt liên lạc được kịp thời, chính xác, phục vụ đắc lực cho chỉ huy chiến đấu thắng lợi.

Ngoài nhiệm vụ chủ yếu đã hoàn thành xuất sắc, đơn vị còn thu phát hơn 1.000 bản tin nghiên cứu, hàng trăm bức ảnh truyền, hàng chục cuốn băng ghi âm, phục vụ tốt công tác chính trị.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 4 Huân chương Chiến công (1 hạng nhất, 2 hạng nhì, 1 hạng ba).

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Tiểu đoàn 4 thông tin vô tuyến được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 59 Ô TÔ VẬN TẢI TRUNG ĐOÀN 517, SƯ ĐOÀN 471, BỘ TƯ LỆNH 559

Tiểu đoàn 59 thuộc Trung đoàn 517, Sư đoàn 471 Bộ Tư lệnh 559, thành lập ngày 1 tháng 1 năm 1966, là một trong những tiểu đoàn được giao nhiệm vụ chuyển hàng từ bắc sông Bạc vào Khu 5, Nam Bộ. Hoạt động trên tuyến đường phải qua nhiều trọng điểm, nhiều đèo, dốc cao quanh co hiểm trở trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, lại bị Mỹ - ngụy tập trung đánh phá rất ác liệt. Nhưng suốt từ năm 1966 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, tiểu đoàn luôn quyết tâm cao, tổ chức chỉ huy chặt chẽ, kiên quyết hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn đã dũng cảm, mưu trí tổ chức đội hình lúc phân tán lúc tập trung kết hợp chạy đêm, chạy ngày đưa hàng tới đích an toàn. Gần 8 năm liên tục vận chuyển phục vụ chiến trường, năm nào đơn vị cũng bảo đảm vận chuyển vượt mức kế hoạch từ 10% trở lên. Tiểu đoàn đã vận chuyển được gần 150 nghìn tấn hàng vào chiến trường phục vụ kịp thời các đơn vị chiến đấu và chuyển hàng nghìn thương, bệnh binh, cán bộ từ chiến trường về tuyến sau điều trị an dưỡng, công tác và học tập.

Tiểu đoàn 59 còn tích cực thu hồi được hơn 100 tấn vật tư phụ tùng từ các xe bị địch đánh hỏng về sửa chữa xe cho đơn vị, phục hồi được 47 đầu xe hỏng nặng thành xe hoạt động được. Hệ số kỹ thuật xe tăng từ 75% - 90%.

Tiểu đoàn được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công hạng ba, 6 Huân chương Chiến công (1 hạng nhất, 2 hạng nhì, 3 hạng ba). Các đại đội của tiểu đoàn được tặng thưởng Huân chương Chiến công, có 43 đồng chí là Chiến sĩ quyết thắng, 205 đồng chí là Chiến sĩ thi đua, có 1 đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Tiểu đoàn 59 ô tô vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 1 (QUYẾT THẮNG) MẶT TRẬN SÀI GÒN - GIA ĐỊNH, BỘ CHỈ HUY MIỀN

Từ năm 1963 đến tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 1 bám trụ hoạt động ở vùng ven Sài Gòn, nơi trọng điểm đánh phá của địch, nhất là từ năm 1966 đến đầu năm 1973, địch tập trung lực lượng liên tục đánh phá rất ác liệt, càn quét nhiều lần, dồn dân lập ấp. Đơn vị kiên trì bám đất, bám dân, chiến đấu dũng cảm, tích cực đánh địch bằng nhiều hình thức, lập nhiều chiến công xuất sắc. Tiểu đoàn đã diệt hơn 2 vạn tên địch, bắt 198 tên. Trong đó diệt và đánh thiệt hại nặng 16 tiểu đoàn, 7 chi đoàn cơ giới, 33 đại đội; phá hủy 325 xe quân sự (có 238 xe tăng, xe bọc thép), 50 khẩu pháo; bắn rơi 26 máy bay... thu 960 khẩu súng các loại.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Tiểu đoàn Quyết Thắng đã nhanh chóng đánh chiếm Tân Thới Nhất, phát triển đến ngã tư đường Đại Hàn, chiếm giữ cầu Thảm Lương (tây nam Sài Gòn) tạo thuận lợi cho đơn vị bạn đánh vào trung tâm thành phố.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Thành đồng hạng ba, 8 Huân chương Quân công hạng ba, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Tiểu đoàn 1 (Quyết Thắng) được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 1 BỘ BINH TRUNG ĐOÀN 48, SƯ ĐOÀN 320, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1968 đến Xuân 1975, Tiểu đoàn 1 chiến đấu ở các chiến trường Quảng Trị, Nam Lào, Tây Nguyên, và Nam Bộ. Đơn vị khắc phục mọi khó khăn, chiến đấu dũng cảm, đã diệt trên 2.300 tên địch, bắt 1.060 tên ngụy (trong đó diệt gọn 1 tiểu đoàn, 7 đại đội địch, đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn), bắn cháy 35 xe tăng, xe bọc thép, phá hủy 7 khẩu pháo 155mm.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, Tiểu đoàn 1 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các trận đánh then chốt. Trận Cẩm Ga, đơn vị đảm nhiệm hướng chủ yếu, sau 1 giờ chiến đấu, đã đánh chiếm được sở chỉ huy chi khu quân sự địch, diệt 200 tên, tạo điều kiện cho trung đoàn diệt hoàn toàn vị trí này do 2 tiểu đoàn địch chiếm đóng.

Trận Cheo Reo, đơn vị đã bí mật vượt qua nhiều chốt địch, đánh mạnh vào quân địch ở trung tâm thị xã, tạo điều kiện cho trung đoàn đánh chiếm các mục tiêu, giải phóng hoàn toàn thị xã.

Trận Tuy Hòa (Phú Yên), đơn vị đã nhanh chóng đánh vào hướng Nam, diệt và bắt hơn 300 tên địch ở các mục tiêu đã định, tạo điều kiện cho các đơn vị bạn phát triển nhanh chóng tiến vào giải phóng thị xã Tuy Hòa.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Tiểu đoàn 1 đảm nhiệm đột phá hướng chủ yếu đánh vào căn cứ Đồng Dù (ngày 29 tháng 4). Địch cho xe tăng và bộ binh ra bịt cửa mở, phản kích quyết liệt. Đơn vị đã chiến đấu rất dũng cảm, hiệp đồng chặt chẽ với xe tăng ta đánh mạnh vào đội hình phản kích của địch, nhanh chóng chiếm sở chỉ huy, bắt gọn cơ quan tham mưu của địch tạo thuận lợi cho các đơn vị trong trung đoàn đánh chiếm các mục tiêu khác.

Đơn vị đã được tặng thưởng 3 Huân chương Quân công giải phóng (1 hạng nhì, 2 hạng ba), 3 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhất, 1 hạng nhì), được tặng cờ "Quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược", 2 lần được tặng cờ "đánh giặc diệt gọn".

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Tiểu đoàn 1 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 4 BỘ BINH TRUNG ĐOÀN 24, SƯ ĐOÀN 10, QUÂN ĐOÀN 3

Từ tháng 12 năm 1971 đến tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 4 chiến đấu ở Khu 5 và Nam Bộ. Đơn vị vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật đánh địch trong công sự vững chắc, đánh vận động đều giỏi, diệt gọn 2.000 tên địch, bắt 217 tên (có 1 đại tá). Trong đó diệt gọn 1 tiểu đoàn, 1 sở chỉ huy sư đoàn; đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, phá hủy 41 xe quân sự, 18 khẩu pháo, bắn rơi 4 máy bay, thu 9.760 súng các loại, 70 xe quân sự, 95 máy thông tin.

Tháng 3 năm 1974, Tiểu đoàn 4 làm nhiệm vụ đánh địch ở điểm cao 1000 (đông bắc Kon Tum). Mặc dù địch dựa vào công sự vững chắc chống trả quyết liệt, nhưng đơn vị vẫn tìm mọi cách vượt qua, nhanh chóng chia cắt địch để diệt. Kết quả đã diệt gọn 1 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn khác.

Trong 2 ngày 10 và 11 tháng 3 năm 1975, Tiểu đoàn 4 đảm nhiệm một hướng tiến công địch ở thị xã Buôn Ma Thuột. Đơn vị đã hiệp đồng chặt chẽ cùng xe tăng ta nhanh chóng đánh chiếm khu truyền tin của bộ tham mưu sư đoàn 23 ngụy, làm cho địch không chỉ huy được.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, tiểu đoàn làm nhiệm vụ dẫn đầu mũi thọc sâu tiến công sân bay Tân Sơn Nhất, đơn vị đã chiến đấu rất dũng cảm, táo bạo, nhanh chóng đánh chiếm sở chỉ huy sư đoàn dù ngụy, diệt và bắt hàng nghìn tên địch, tạo thuận lợi cho các đơn vị bạn phát triển đánh chiếm toàn bộ sân bay.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Tiểu đoàn 4 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 174 PHÁO BINH TRUNG ĐOÀN 113 ĐOÀN 2, BỘ CHỈ HUY MIỀN

Từ năm 1965 đến tháng 4 năm 1975 Tiểu đoàn 174 hoạt động ở vùng ven Sài Gòn. Điều kiện hoạt động có nhiều khó khăn, ác liệt phải cơ động trên địa hình nhiều sông lạch, sinh lầy, địch càn quét ác liệt nhưng đơn vị vẫn bám sát địa bàn để đánh địch. Có trận bắn phá sân bay Biên Hòa, diệt hơn 400 tên địch, phá hủy 195 máy bay. Có thời kỳ địch đánh phá, càn quét liên tục, gạo, đạn, thuốc men thiếu thốn, đơn vị vẫn tìm cách đưa pháo vào gần để bắn được chính xác, đã phá hủy trên 100 máy bay.

Từ năm 1972 đến tháng 4 năm 1975, tiểu đoàn làm nhiệm vụ đánh sân bay Biên Hòa; dù địch đánh phá ác liệt, điều kiện chiến đấu rất khó khăn, nhưng đơn vị vẫn đứng vững trên địa bàn được phân công, liên tục chiến đấu diệt trên 1.000 tên địch; phá hủy gần 300 máy bay; 50 xe quân sự.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị khống chế sân bay Biên Hòa, 2 lần pháo kích vào sở chỉ huy sư đoàn 3 không quân, phá hủy nhiều máy bay, diệt nhiều địch đã góp phần chi viện đặc lực cho các đơn vị bạn đánh địch được thuận lợi.

Tính chung, tiểu đoàn đã diệt hơn 3.500 tên địch, phá hủy hơn 800 máy bay, 3 trận địa pháo, 2 dàn ra-đa, 2 khu trung tâm thông tin, 1 kho bom có trên 1 vạn quả, hàng trăm gian nhà lính và nhiều lần bắn hỏng nhiều đoạn đường băng của các sân bay Biên Hòa, Phú Lợi, Phước Vĩnh..., bắn cháy 6 khu kho và 150 bể chứa xăng.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 17 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhất, 4 hạng nhì, 11 hạng ba), 2 lần là "Đơn vị Thành đồng quyết thắng".

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Tiểu đoàn 174 pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 2 PHÁO 130mm
ĐOÀN 75, BỘ CHỈ HUY MIỀN
(Tuyên dương lần thứ hai)

Từ tháng 6 năm 1967 đến tháng 12 năm 1969 Tiểu đoàn 2 tham gia chiến đấu ở Đường 9 - Khe Sanh, lập thành tích xuất sắc. Ngày 3 tháng 2 năm 1970 được tặng danh hiệu Anh hùng.

Từ năm 1970 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, phát huy truyền thống vẻ vang, đơn vị đã chi viện đặc lực cho bộ binh giải phóng Cảnh Đồng Chum (Xiêng Khoảng), đánh tê liệt sân bay Xám Thông trong 7 ngày liền và đánh thiệt hại nặng sở chỉ huy quân đoàn 2 của tên phi Vàng Pao ở Long Chẹng. Cuối năm 1972, tiểu đoàn tham gia bảo vệ bờ biển phía nam Quân khu 4, đơn vị đã bắn cháy 2 tàu khu trục hạm và 1 tuần dương hạm của địch.

Năm 1973, đơn vị vào chiến trường Nam Bộ, đã hành quân vượt Trường Sơn đưa 13 khẩu pháo 130mm tới đích an toàn, đúng thời gian quy định. Đơn vị đã đánh 110 trận, phá hủy 5 sở chỉ huy tiểu khu, 2 sở chỉ huy sư đoàn, 1 sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy, 3 trung tâm thông tin và 1 trận địa pháo.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị đã góp phần quan trọng khống chế và làm tê liệt sân bay Biên Hòa, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng nhì và 16 Huân chương Chiến công giải phóng các hạng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Tiểu đoàn 2 pháo 130mm được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 739 CÔNG BINH
ĐOÀN 25, BỘ CHỈ HUY MIỀN

Từ năm 1967 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 739 làm nhiệm vụ mở đường, đảm bảo giao thông trên các tuyến vận chuyển ở biên giới vùng Đông Nam Bộ, Đông Bắc Cam-pu-chia và làm cầu, mở đường phục vụ các chiến dịch: năm 1972, Xuân 1975.

Đơn vị đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, ác liệt, lao động sáng tạo, phát huy nhiều sáng kiến, mở trên 1.700km đường ô tô, 69km đường xe đạp thồ, bắc gần 700 chiếc cầu lớn nhỏ, có 65 chiếc trọng tải 40 tấn; sửa chữa trên 100 cầu cũ; mở 38 bến sông cho các loại xe, pháo; làm phà bằng tre có sức chở 16 tấn, chống lầy đảm bảo giao thông trên các tuyến, đào trên 50 nghìn mét khối đất, trên 3 nghìn mét khối đá, dựng hơn 100 nhà ở với yêu cầu kỹ thuật cao, trên 200 hầm trú ẩn, làm 200 nhà kho chứa từ 20 đến 30 tấn mỗi kho, bốc dỡ trên 2.000 tấn hàng. Ngoài ra đơn vị còn tham gia chiến đấu 28 trận, diệt 300 tên địch, bắt gần 200 tên, phá hủy 2 xe tăng, 2 khẩu pháo 155mm.

Đơn vị đã được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 2 hạng nhì, 1 hạng ba) có 1 đơn vị được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Tiểu đoàn 739 công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 21 XE TĂNG BỘ CHỈ HUY MIỀN

Từ năm 1961 đến Xuân 1975, Tiểu đoàn 21 tham gia chiến đấu ở chiến trường Trị Thiên, Trung Lào và Đông Nam Bộ. Đơn vị đã nêu cao quyết tâm tích cực tiến công địch, hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh, phát huy được sức mạnh của binh khí kỹ thuật, trận nào cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trận đánh căn cứ Bù Bông (ngày 4 tháng 12 năm 1973), địch chống cự quyết liệt, đơn vị chiến đấu rất dũng cảm, diệt từng ổ đề kháng của địch, chi viện cho bộ binh nhanh chóng đánh chiếm căn cứ. Sau đó được lệnh phát triển chiến đấu, đơn vị đã hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh đánh chiếm vị trí Đắc Song và chi khu Kiến Đức, làm chủ một đoạn dài 60km trên đường số 14.

Xuân 1975, đơn vị đã chi viện cho bộ binh đánh chiếm chi khu Phước Bình, tiểu khu Phước Long, giải phóng thị xã Phước Long, diệt chi khu Định Quán, đánh chiếm thị xã Bảo Lộc, quận lỵ Di Linh.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Tiểu đoàn 21 chi viện cho bộ binh đánh chiếm thị xã Xuân Lộc, đánh sân bay Biên Hòa và căn cứ Hố Nai, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Tiểu đoàn 21 xe tăng được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 8 BỘ BINH TRUNG ĐOÀN 18, SƯ ĐOÀN 325, QUÂN ĐOÀN 2

Tiểu đoàn 8 được thành lập năm 1971, đơn vị đã tham gia 2 chiến dịch lớn: Quảng Trị (năm 1972) và Hồ Chí Minh năm 1975. Tiểu đoàn trưởng thành nhanh chóng, đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng đều giỏi, tiến công kiên quyết, chốt giữ ngoan cường.

Tiểu đoàn đã diệt gọn 7 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn khác, loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.900 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh góp phần tích cực cùng Trung đoàn 18 giữ vững nhiều vùng giải phóng.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 3 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 2 hạng nhì).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 8 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 3 BỘ BINH TRUNG ĐOÀN 174, SƯ ĐOÀN 316, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1967 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 3 tham gia 8 chiến dịch ở Lào, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Đơn vị đã vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, tích cực tiến công địch, càng đánh càng trưởng

thành vững chắc, đánh trong đội hình trung đoàn, đánh độc lập, đánh phục kích, đánh tập kích, đánh trong công sự vững chắc, đánh vận động kết hợp chốt đều giỏi, tiến công kiên quyết, chốt giữ kiên cường.

Tiểu đoàn đã diệt gọn 3 tiểu đoàn, loại khỏi vòng chiến đấu 2.500 tên địch; phá hủy 30 xe quân sự, 14 khẩu pháo, cối; bắn rơi 3 máy bay; thu 30 xe quân sự và gần 200 súng các loại, phối hợp với đơn vị bạn diệt 2 trung đoàn, 6 tiểu đoàn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 3 Huân chương Quân công hạng ba, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất, các đại đội trong tiểu đoàn đều được khen thưởng từ 3 Huân chương Chiến công trở lên. Có 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 3 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 3 BỘ BINH TRUNG ĐOÀN 28, SƯ ĐOÀN 10, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1969 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 3 chiến đấu ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Đơn vị càng đánh càng trưởng thành, đánh độc lập, đánh trong đội hình trung đoàn, đánh tập kích, đánh địch trong công sự vững chắc, đánh vây lấn, đánh giữ chốt kết hợp vận động tiến công đều giỏi. Cán bộ, chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, tiến công kiên quyết, chốt giữ kiên cường, có tác phong đánh nhanh, diệt gọn.

Tiểu đoàn đã diệt 4 tiểu đoàn, 12 đại đội, đánh thiệt hại nặng 6 tiểu đoàn khác, diệt 4.000 tên địch, bắt 255 tên; phá hủy 131 xe quân sự (có 50 xe tăng, xe bọc thép); thu hơn 1.000 súng các loại (có 30 khẩu pháo từ 105 đến 175mm) góp phần cùng trung đoàn diệt gọn 5 tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 2 trung đoàn khác.

Đặc biệt, trong chiến dịch Hồ Chí Minh Tiểu đoàn 3 đã cùng trung đoàn tiến công trại huấn luyện Quang Trung phát triển vào Sài Gòn, và đánh chiếm bộ tổng tham mưu ngụy.

Đơn vị đã được tặng thưởng 3 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 lần là "Đơn vị Thành đồng quyết thắng". Có 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 3 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 6 BỘ BINH TRUNG ĐOÀN 52, SƯ ĐOÀN 320, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1971 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975 Tiểu đoàn 6 hoạt động ở Quảng Trị và Tây Nguyên. Đơn vị luôn có quyết tâm cao, tích cực, chủ động đánh địch bằng nhiều hình thức chiến thuật: đánh địch trong công sự vững chắc, đánh điểm cao, đánh vận động đều giỏi, lập nhiều chiến công xuất sắc.

Tiểu đoàn đã diệt gọn 5 đại đội, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, diệt 2.000 tên, bắt 450 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, bắn rơi 2 máy bay, thu 500 súng các loại (có 8 khẩu pháo, cối).

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 5 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhất, 1 hạng nhì, 2 hạng ba).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 6 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 7 BỘ BINH TRUNG ĐOÀN 16, QUÂN KHU 7

Từ tháng 10 năm 1964 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 7 chiến đấu ở Tây Nguyên và Nam Bộ. Trong các trận đánh, đơn vị thường đảm nhiệm hướng chủ yếu của trung đoàn. Đơn vị luôn có quyết tâm cao, vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, đánh thắng địch trên mọi địa hình: rừng núi, đồng bằng, vùng ven và thành phố. Cán bộ, chiến sĩ có tác phong đánh nhanh, tiến công mãnh liệt, trụ bám ngoan cường.

Tiểu đoàn đã diệt gọn 6 tiểu đoàn, 30 đại đội địch, đánh thiệt hại nặng 7 tiểu đoàn và nhiều đại đội khác diệt hơn 9.500 tên, bắt 500 tên, phá hủy 570 xe quân sự (có 400 xe tăng, xe bọc thép), 41 khẩu pháo; bắn rơi và phá hủy 31 máy bay, bắn chìm 24 tàu xuống chiến đấu, thu 700 súng các loại (có 6 khẩu pháo 105mm).

Tiểu đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 15 Huân chương Chiến công giải phóng (3 hạng nhất, 5 hạng nhì, 7 hạng ba). 4 lần là "Đơn vị Thành đồng quyết thắng". Các đại đội trong tiểu đoàn đều được tặng thưởng từ 5 Huân chương Chiến công giải phóng các hạng trở lên. Có 1 đại đội và 2 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 7 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 4 PHÁO BINH LỮ ĐOÀN 40, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1968 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 4 hoạt động ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Tuy mang vác nặng, cơ động nhiều ở địa hình rừng núi, nhiều lần máy bay, pháo binh địch bắn phá rất ác liệt vào trận địa, cán bộ, chiến sĩ đã khắc phục mọi khó khăn, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, đánh giỏi, bắn trúng, chi viện đặc lực cho bộ binh chiến đấu. Tiểu đoàn đã góp phần cùng bộ binh diệt hàng chục căn cứ lớn của địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

Riêng những trận đánh độc lập, đơn vị đã diệt hơn 1.000 tên địch (có 150 tên Mỹ), bắt hơn 60 tên, phá hủy 110 khẩu pháo, cối, 85 máy bay, 30 xe quân sự (có 18 xe tăng), 75 kho xăng đạn (700 tấn xăng dầu).

Tiểu đoàn đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 8 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhất, 4 hạng nhì, 2 hạng ba), 4 lần là "Đơn vị Thành đồng quyết thắng". Có 1 đại đội được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 4 pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 34 PHÁO BINH LỮ ĐOÀN 24, QUÂN ĐOÀN 4

Từ tháng 4 năm 1972 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 34 chiến đấu ở miền Đông Nam Bộ. Điều kiện hoạt động có nhiều khó khăn ác liệt: phải cơ động nhiều, máy bay, pháo binh địch đánh phá ác liệt. Đơn vị đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng đều giỏi, lập nhiều chiến công xuất sắc.

Tiểu đoàn đã phá hủy 53 khẩu pháo, cối, 49 đại liên, 352 hầm ngầm, lô cốt, 85 xe quân sự (có 55 xe tăng, xe bọc thép), 15 máy bay, diệt 950 tên địch, bắt 264 tên, thu 40 khẩu pháo từ 105 đến 155mm, 9.500 viên đạn pháo, 12 xe quân sự.

Tiểu đoàn đã được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công hạng nhì, các đại đội trong tiểu đoàn đều được tặng thưởng từ 3 Huân chương trở lên.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 34 pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 16 SÚNG MÁY CAO XẠ 12,7mm TRUNG ĐOÀN 54, SƯ ĐOÀN 320, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1965 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 16 cơ động chiến đấu trên nhiều tỉnh ở miền Bắc, ở Quảng Trị, Nam Lào, Khu 5 và Đông Nam Bộ. Tuy mang vác nặng, phải cơ động theo sát bộ binh, nhưng đơn vị luôn có quyết tâm cao, khắc phục mọi khó khăn, tích cực đánh địch, đánh máy bay, đánh bộ binh đều giỏi chi viện đặc lực cho bộ binh chiến đấu thắng lợi.

Tiểu đoàn đã bắn rơi 151 máy bay, diệt hơn 300 tên, bắt 253 tên; bắn cháy 13 xe quân sự (có 3 xe tăng); thu 177 súng các loại.

Tiểu đoàn đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 3 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 16 súng máy cao xạ 12,7mm được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 56 Ô TÔ VẬN TẢI
TRUNG ĐOÀN 36, SƯ ĐOÀN 471, BỘ TƯ LỆNH 559

Từ tháng 7 năm 1967 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 56 làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực phục vụ cho chiến trường Khu 5. Điều kiện hoạt động có rất nhiều khó khăn: đường vận chuyển xấu, địch đánh phá ác liệt xuống đoạn đường đơn vị vận chuyển hơn 84.000 quả bom các loại, và bắn hàng vạn loạt đạn rốc két, đạn 20mm, đạn 40mm, biệt kích, thám báo địch nhiều lần ra gài mìn trên đường vận chuyển... cán bộ, chiến sĩ đã nêu cao quyết tâm, vượt qua mọi khó khăn, tìm mọi cách để chuyển vũ khí, lương thực phục vụ cho chiến trường được tốt, năm nào cũng đạt vượt mức kế hoạch từ 10% đến 60%.

Tiểu đoàn đã được tặng thưởng 6 Huân chương Chiến công (1 hạng nhất, 5 hạng nhì).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 56 ô tô vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 54 Ô TÔ VẬN TẢI
TRUNG ĐOÀN 527, SƯ ĐOÀN 571, BỘ TƯ LỆNH 559

Từ năm 1965 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 54 làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực phục vụ cho các đơn vị chiến đấu ở Trị Thiên. Điều kiện hoạt động có rất nhiều khó khăn, máy bay địch đánh phá rất ác liệt, và nhiều lần bộ binh đánh phá ngăn chặn tuyến đường đơn vị vận chuyển. Nhất là những năm 1968, 1971, 1972, không ngày đêm nào địch không đánh phá, có ngày đánh từ 5 đến 7 lần xuống tuyến đường vận chuyển của đơn vị. Cán bộ, chiến sĩ đã dũng cảm bám đường, bám tuyến, tranh thủ mọi thời gian, nhiều khi chạy cả đêm lẫn ngày. Nhiều đợt vận chuyển cả 30 ngày trong tháng không nghỉ, tổ chức cung độ và đội hình vận chuyển hợp lý, năm nào cũng đạt vượt mức kế hoạch từ 9% đến 26%.

Tiểu đoàn đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 5 Huân chương Chiến công hạng nhất.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 54 ô tô vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 24 QUÂN Y SƯ ĐOÀN 304, QUÂN ĐOÀN 2

Từ năm 1967 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Tiểu đoàn 24 đã tham gia 5 chiến dịch lớn: Khe Sanh (năm 1968), Đường 9 - Nam Lào (năm 1971), Quảng Trị (năm 1972), Thượng Đức (năm 1974), và Xuân 1975. Tuy có nhiều khó khăn: phương tiện trang bị thiếu thốn, tiếp nhận nhiều thương binh, bệnh binh, nhiều lần địch đánh phá ác liệt vào khu vực đóng quân, nhưng đơn vị luôn có quyết tâm cao, vượt qua mọi khó khăn ác liệt, vừa tổ chức điều trị, cấp cứu thương binh ở tuyến sư đoàn, vừa tổ chức tốt các đội phẫu thuật theo sát các đơn vị chiến đấu.

Cán bộ, y bác sĩ đã nêu cao tinh thần tận tình chăm sóc thương binh, bệnh binh. Những lúc thiếu thốn về thuốc men, lương thực, quần áo, chăn màn..., mọi người trong đơn vị đều sẵn sàng nhường cơm, quần áo, chăn màn, hiến máu cho thương binh. Chiến dịch nào cũng tiếp nhận số lượng thương binh gấp 3, 4 lần khả năng điều trị. Đơn vị vẫn sẵn sàng nhận và tìm mọi cách cứu chữa tốt.

Tính chung tiểu đoàn đã điều trị tốt cho hơn 24.700 lượt thương binh, bệnh binh. Trong đó đã mổ và cứu sống 1.560 trường hợp có vết thương và bệnh hiểm nghèo.

Tiểu đoàn đã được tặng thưởng 8 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhất, 2 hạng nhì, 4 hạng ba).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Tiểu đoàn 24 quân y được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 4 PHÁO BINH TIỂU ĐOÀN 2, TRUNG ĐOÀN 40, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1968 đến Xuân 1975, Đại đội 4 chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên. Tuy cơ động nhiều, mang vác nặng, sinh hoạt thiếu thốn, ốm rét nhiều, quân số thường xuyên thiếu, nhiều lần máy bay địch đánh vào trận địa rất ác liệt..., nhưng cán bộ, chiến sĩ luôn có quyết tâm cao, đánh độc lập, đánh trong đội hình tiểu đoàn, đánh hợp đồng cùng bộ binh... đều giỏi. Đại

đội đã phá hủy 94 khẩu pháo, 65 xe quân sự, 53 kho xăng, đạn, 14 máy bay... của địch, cùng bộ binh diệt hơn 4.000 tên địch.

Trong chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Hồ Chí Minh Xuân 1975, đơn vị đã bắn chính xác vào các mục tiêu được phân công ngay từ phút đầu, bắn yểm trợ đặc lực cho bộ binh trong các trận đánh ở sân bay Hòa Bình (Buôn Ma Thuột), Gò Dầu Hạ, Trảng Bàn (Tây Ninh), phá hủy 10 khẩu pháo 105 và 155mm, 13 kho xăng đạn, 4 xe quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Xây dựng đơn vị tiến bộ về mọi mặt, trình độ kỹ thuật, chiến thuật ngày càng được nâng cao, các pháo thủ đều làm được các số trong khẩu đội và sử dụng thành thạo các loại pháo 155, 105, 85, 82, 75mm.

Đơn vị đã được tặng thưởng 9 Huân chương Chiến công giải phóng (5 hạng nhất, 4 hạng nhì), 4 lần được tặng danh hiệu "Đơn vị Thành đồng quyết thắng".

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Đại đội 4 pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 6 THÔNG TIN TIỂU ĐOÀN 2, TRUNG ĐOÀN 29, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1966 đến Xuân 1975, Đại đội 6 làm nhiệm vụ bảo đảm đường dây thông tin liên lạc từ Bộ tư lệnh Mặt trận tới các đơn vị chiến đấu. Đại đội thường đảm nhiệm những hướng liên lạc chủ yếu, đường dây dài, bom đạn ác liệt..., nhưng đơn vị luôn có quyết tâm cao, dũng cảm bám đường dây, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt.

Chiến dịch Xuân 1971, địch đánh phá ác liệt, hơn 1.000 lần đường dây bị đứt. Không kể lúc nào, dây bị đứt, đơn vị nhanh chóng khắc phục ngay, đã phục vụ tốt cho chỉ huy chiến đấu thắng lợi.

Chiến dịch Xuân Hè 1972, đơn vị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo mạng thông tin dài trên 550km với 17 đầu mối đều thông suốt.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, tuy phải cơ động nhiều và luôn thay đổi hướng, đơn vị đã kịp thời triển khai và bảo đảm 810km đường dây, phục vụ đặc lực cho quân đoàn chỉ huy chiến đấu thắng lợi.

Đơn vị đã được tặng thưởng 6 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhì, 4 hạng ba), 6 lần là "Đơn vị Thành đồng quyết thắng", là "Ngọn cờ đầu của các đơn vị thông tin" trên toàn Mặt trận Tây Nguyên.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Đại đội 6 thông tin được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 33 THIẾT GIÁP BỘ CHỈ HUY MIỀN

Là đơn vị thiết giáp đầu tiên của chiến trường Nam Bộ, Đại đội 33 được thành lập tháng 6 năm 1971. Lúc đầu, tự sửa chữa được 31 xe tăng và xe bọc thép của địch để trang bị và tổ chức học tập. Cán bộ, chiến sĩ đã nhanh chóng nắm vững kỹ thuật, sử dụng nhiều loại xe, pháo của địch để bước vào chiến đấu.

Từ năm 1973 đến năm 1974, đại đội đã đánh 6 trận, đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trận đánh căn cứ Xa Mát (Tây Ninh) tháng 4 năm 1972, đơn vị bí mật đưa 4 xe vào vị trí tập kết đúng thời gian quy định. Khi nổ súng xe ta đã liên tiếp bắn sập các lô cốt, diệt nhiều hỏa điểm địch, tạo thuận lợi cho bộ binh đánh chiếm căn cứ Xa Mát, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghi binh của chiến dịch.

Trận tiến công cao điểm 772 ở Bù Bông (Quảng Đức), đơn vị bắn chính xác diệt hơn 10 hỏa điểm, tạo thuận lợi cho bộ binh ta diệt địch, làm chủ trận địa. Đơn vị thu được 4 xe tăng đã sử dụng 3 chiếc, dẫn đầu bộ binh tiến công vào vị trí Đắc Song, diệt nhiều tên khác.

Xuân năm 1975, sau khi phối hợp chặt chẽ với bộ binh đánh chiếm Bến Cầu, Trà Cao (Tây Ninh), đơn vị đã khẩn trương cơ động đến vị trí đúng thời gian, kịp thời tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, đột phá mạnh vào căn cứ Hậu Nghĩa, diệt hết hỏa điểm này đến hỏa điểm khác, yểm trợ đắc lực cho bộ binh diệt và bắt hàng nghìn tên khác.

Đơn vị đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 4 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhì, 3 hạng ba).

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Đại đội 33 thiết giáp được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 4 KHÔNG QUÂN
TRUNG ĐOÀN 923 QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN
(Tuyên dương lần thứ hai)

Từ năm 1966 đến năm 1968, Đại đội 4 đã bắn rơi 42 máy bay Mỹ, được tuyên dương Anh hùng (năm 1969).

Năm 1972, giặc Mỹ đánh phá trở lại miền Bắc, đơn vị đã tham gia chiến đấu nhiều trận, bắn rơi 2 máy bay, đánh cháy 2 khu trục hạm Mỹ. Đặc biệt trận đánh khu trục hạm ở vùng biển Quảng Bình ngày 16 tháng 4 năm 1972, Đại đội 4 đã bay thấp, lợi dụng sơ hở, né tránh các máy bay địch, bắn rất chính xác vào 2 khu trục hạm, làm cả 2 chiếc bốc cháy, đơn vị trở về an toàn. Trận đánh thắng rút được nhiều kinh nghiệm đánh phá mục tiêu trên biển cho Binh chủng Không quân.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 4 đã có cố gắng vượt bậc, nhanh chóng làm chủ loại máy bay A.37 của Mỹ ta vừa thu được. Ngày 28 tháng 4 năm 1975 đại đội xuất kích đánh phá sân bay Tân Sơn Nhất, phá hủy và làm hỏng 25 máy bay, gây cho địch hoang mang dao động mạnh.

Đơn vị còn tham gia chiến đấu cùng hải quân, bộ binh, giải phóng nhiều đảo ở vùng biển phía Nam.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Đại đội 4 không quân được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐỘI 5 ĐẶC CÔNG
TRUNG ĐOÀN 10, BỘ CHỈ HUY MIỀN
(Tuyên dương lần thứ hai)

Hoạt động ở vùng ven Sài Gòn, Đội 5 đặc công đã lập nhiều chiến công xuất sắc, được tặng danh hiệu Anh hùng (năm 1972).

Năm 1973, đội đánh địch ở khu vực Nhà Bè, cán bộ, chiến sĩ ta đã vượt qua nhiều khó khăn, nguy hiểm, đánh chìm 4 tàu vận tải, đốt cháy gần 20 vạn tấn xăng, gây cho địch nhiều thiệt hại lớn.

Trận đánh ngày 11 tháng 11 năm 1973, đơn vị bí mật đưa đội hình vào cảng, cùng một lúc đánh chìm 3 tàu chở dầu (loại tàu trọng tải 8.000 và 12.000 tấn).

Trận đêm ngày 2 tháng 12 năm 1973, mặc dù địch bố trí nhiều lớp rào, có lớp cao 4m và tổ chức canh phòng rất nghiêm ngặt, đơn vị đã nhiều lần ra vào nghiên cứu, tìm sơ hở của địch và đưa gọn đội hình vào khu kho, phá hủy 72 bể chứa xăng, khoảng 20 vạn tấn (lửa cháy suốt 12 ngày đêm), 2 nhà máy lọc dầu và trộn nhớt, 2 trạm bơm dầu, thiêu cháy 1 chiếc tàu chở dầu trọng tải 1 vạn tấn đậu tại bến cảng. Trận đánh thắng có tiếng vang lớn trên toàn chiến trường.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, đơn vị đã tích cực đánh tàu địch ở cảng Nhà Bè, Cát Lái và dọc sông Lòng Tàu, đánh chìm 18 tàu trọng tải từ 6 đến 13 nghìn tấn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng nhì, 7 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhì, 6 hạng ba).

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Đội 5 đặc công được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐỘI 1 ĐẶC CÔNG
ĐOÀN 126, BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN
(Tuyên dương lần thứ ba)

Từ năm 1966 đến năm 1971, Đội 1 đánh chìm đánh hỏng 76 tàu địch ở sông Cửa Việt, diệt hàng nghìn tên. Đã 2 lần được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Từ năm 1972 đến Xuân 1975, đơn vị đã phát huy truyền thống, càng đánh càng trưởng thành vững mạnh, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo nhiều cách đánh, đánh dưới nước, đánh trên bộ... đều giỏi, lập nhiều chiến công xuất sắc, giúp trên chỉ đạo tác chiến, xây dựng lực lượng được tốt.

Trong chiến dịch Quảng Trị năm 1972, đơn vị đã góp phần chủ yếu cùng đơn vị bạn đánh chìm 9 tàu địch, diệt hàng trăm tên, làm tê liệt hoàn toàn giao thông của địch trên sông Cửa Việt.

Xuân năm 1975, Đội 1 làm nhiệm vụ đánh địch ở các đảo xa đất liền, đơn vị đã khắc phục mọi khó khăn, chiến đấu dũng cảm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đặc biệt ngày 14 tháng 4 năm 1975, mặc dầu hải quân địch phong tỏa và bộ binh trên quần đảo Trường Sa chống cự quyết liệt, đơn vị đã nhanh chóng bơi vào đánh chiếm các đảo Song Tử Tây, đảo Sơn Ca, làm cho địch ở các đảo khác rối loạn, tạo điều kiện tốt cho các đơn vị bạn giải phóng hoàn toàn quần đảo Trường Sa.

Đội 1 đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Đội 1 đặc công được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐỘI ĐIỀU TRỊ 3 CỤC HẬU CẦN, QUÂN ĐOÀN 3

Từ tháng 8 năm 1965 đến chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Đội điều trị 3 thường xuyên cơ động, bám sát các đơn vị chiến đấu. Nhiều chiến dịch, đội phân tán làm nhiều bộ phận ra tận trận địa để cấp cứu, băng bó và chuyển thương binh về phía sau. Nhiều khi thương binh đông gấp hai, ba lần khả năng thu dung, đội vẫn tìm mọi cách điều trị tốt, không để xảy ra một trường hợp tử vong nào do thiếu trách nhiệm. Nhiều cán bộ, nhân viên trong đội sẵn sàng hiến máu nhường cơm, sẻ áo cho thương binh, bệnh binh trong những khi thiếu thốn.

Hơn 8 năm, đội đã điều trị tốt cho 22.752 lượt thương binh, bệnh binh. Trong đó có 5.289 trường hợp hiểm nghèo như: vết thương sọ não, vết thương thấu bụng đứt nhiều đoạn ruột, vết thương bị nhiễm trùng, nhiễm độc nặng...

Đặc biệt trong chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Hồ Chí Minh Xuân năm 1975, trong hoàn cảnh cơ động luôn, thương binh đưa đến nhiều quá số giường quy định, đội đã cố gắng, không kể lúc nào, có thương binh đến đều sẵn sàng nhận, tìm cách cứu chữa.

Đội đã được tặng thưởng 7 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì, 5 hạng ba), được tặng danh hiệu "Đơn vị Thành đồng quyết thắng", 4 lần được tuyên dương là "Ngọn cờ đầu" của ngành quân y Tây Nguyên.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Đội điều trị 3 được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TÀU 154 VẬN TẢI ĐOÀN 125 BỘ TƯ LỆNH HẢI QUÂN

Từ năm 1965 đến Xuân năm 1975, Tàu 154 làm nhiệm vụ vận chuyển cho chiến trường Nam Bộ. Tuy mỗi chuyến đi thời gian hàng tháng, phải vượt qua hàng ngàn hải lý, thời tiết mưa bão thất thường, sóng to, gió lớn, địch kiểm soát ngặt nghèo, nhiều lần địch cho máy bay tàu chiến khiêu khích ở hải phận quốc tế, do đó có chuyến tàu phải vòng qua vùng biển Phi-líp-pin, In-dô-nê-xi-a để lừa địch và tìm cách lẩn tránh. Đơn vị luôn có quyết tâm cao khắc phục mọi khó khăn gian khổ ác liệt, đưa được vũ khí, khí tài đến đích an toàn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, tuy phải ngày đêm liên tục đi trên biển Tàu 154 đã nêu cao quyết tâm, phục vụ đắc lực cho việc vận chuyển bộ binh, đặc công tiến đánh giải phóng các đảo ở vùng biển phía Nam và chở hàng ngàn người bị địch giam giữ ở các đảo về đất liền. Ngoài ra tàu còn tham gia đánh trả tàu địch quyết liệt, góp phần bắn chìm 3 khu trục, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tàu đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng nhì.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Tàu 154 vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 3 BỘ BINH TIỂU ĐOÀN 7, TRUNG ĐOÀN 64, SƯ ĐOÀN 320, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1968 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975 Đại đội 3 chiến đấu ở Quảng Trị, Nam Lào, Khu 5 và Đông Nam Bộ. Trong các trận đánh, đơn vị thường đảm nhiệm hướng chủ yếu của tiểu đoàn. Cán bộ chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, đã nổ súng là nhanh chóng đánh chiếm các khu vực được phân công.

Đại đội đã diệt gọn 7 đại đội địch, diệt hơn 1.000 tên (có 500 Mỹ), bắt 1.270 tên (có hơn 100 sĩ quan), phá hủy 88 xe quân sự (có 37 xe tăng, xe bọc thép); bắn rơi 1 máy bay, thu 142 xe quân sự, 30 khẩu pháo, cối, hơn 700 súng khác.

Đơn vị được tặng thưởng 9 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì, 7 hạng ba).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Đại đội 3 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 3 BỘ BINH TIỂU ĐOÀN 1, TRUNG ĐOÀN 48, SƯ ĐOÀN 320, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1968 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975 Đại đội 3 chiến đấu ở Quảng Trị, Nam Lào, Khu 5 và Đông Nam Bộ. Đơn vị càn đánh càn trưởng thành, vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật, lập nhiều chiến công xuất sắc.

Đại đội 3 đã diệt gọn 6 đại đội địch, diệt 2.900 tên, bắt 1.300 tên, phá hủy 20 xe quân sự (có 12 xe tăng, xe bọc thép), thu gần 500 súng các loại.

Đại đội đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 13 Huân chương Chiến công (2 hạng nhất, 2 hạng nhì, 9 hạng ba).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Đại đội 3 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 2 BỘ BINH TIỂU ĐOÀN 4, TRUNG ĐOÀN 148, SƯ ĐOÀN 316, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1965 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 2 chiến đấu ở Lào, Khu 5 và Đông Nam Bộ. Trong các trận đánh đơn vị thường đảm nhiệm hướng chủ yếu của tiểu đoàn. Cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm cao, dù khó khăn, ác liệt thế nào cũng kiên quyết vượt qua, dũng cảm, mưu trí, tích cực đánh địch, giành thắng lợi cho trận đánh.

Đại đội đã diệt gọn 4 đại đội, 7 trung đội, diệt 1.500 tên, bắt 251 tên, phá hủy 38 xe quân sự (có 8 xe tăng, xe bọc thép), thu 300 súng các loại, góp phần cùng tiểu đoàn diệt gọn 3 tiểu đoàn địch.

Đơn vị đã được tặng thưởng 2 Huân chương Quân công hạng ba, 5 Huân chương Chiến công (3 hạng nhất, 2 hạng nhì). Có 1 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Đại đội 2 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 2 CÔNG BINH TIỂU ĐOÀN 25, LỮ ĐOÀN 25, QUÂN ĐOÀN 4

Từ năm 1965 đến chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Đại đội 2 hoạt động ở chiến trường Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ. Đơn vị đã vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, ác liệt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm chiến đấu và chiến đấu.

Đại đội đã diệt 2.100 tên địch (có 100 Mỹ); phá hủy 550 xe quân sự (có 100 xe tăng và xe bọc thép); hơn 100 hầm ngầm, công sự, thu hơn 500 súng các loại, đã mở hơn 200km đường, bảo đảm cho bộ binh, pháo binh, xe tăng của ta cơ động trong các trận đánh được thuận lợi.

Đơn vị đã được tặng thưởng 8 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 2 hạng nhì, 5 hạng ba).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Đại đội 2 công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 15 PHÁO ĐKZ TRUNG ĐOÀN 66, SƯ ĐOÀN 10, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, Đại đội 15 chiến đấu ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Tuy mang vác nặng, cơ động nhiều trên địa hình rừng núi, đơn vị luôn có quyết tâm cao, càng đánh càng trưởng thành, đánh độc lập, đánh hiệp đồng binh chủng đều giỏi.

Đại đội đã phá hủy 33 khẩu pháo, 45 xe quân sự, 15 máy bay, 390 lô cốt, 12 kho xăng, đạn, gần 100 nhà lính; diệt hơn 1.000 tên địch, bắt 23 tên, chi viện đắc lực cho bộ binh chiến đấu thắng lợi.

Đơn vị đã được tặng thưởng 9 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì, 7 hạng ba). 3 lần là "Đơn vị quyết thắng", được tặng danh hiệu "Đơn vị Anh dũng diệt Mỹ".

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Đại đội 15 pháo ĐKZ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 1 PHÁO CAO XẠ TIỂU ĐOÀN 86, LỮ ĐOÀN 71, QUÂN ĐOÀN 4

Từ tháng 8 năm 1964 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 1 tham gia chiến đấu ở nhiều nơi trên miền Bắc và miền Đông Nam Bộ. Cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm cao, chiến đấu dũng cảm, mưu trí.

Đại đội đã bắn rơi 35 máy bay (phần lớn là phản lực Mỹ, có 2 chiếc C.130). Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu được giao và chi viện cho các đơn vị bạn chiến đấu.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 13 Huân chương Chiến công các hạng.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Đại đội 1 pháo cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 18 SÚNG MÁY CAO XẠ 12,8mm TRUNG ĐOÀN 101, QUÂN KHU 9

Từ cuối năm 1966 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 18 tham gia chiến đấu ở Trị Thiên, Tây Nguyên, Đông Bắc Cam-pu-chia và Nam Bộ. Mang vác nặng, phải cơ động nhiều trên các địa hình phức tạp, nhưng cán bộ, chiến sĩ vẫn quyết vượt qua. Nhiều lần máy bay địch đánh

vào trận địa, đơn vị luôn có quyết tâm cao, tích cực đánh địch, chi viện đắc lực cho bộ binh chiến đấu, đánh máy bay, đánh bộ binh đều giỏi, lập nhiều chiến công xuất sắc.

Đại đội đã bắn rơi 135 máy bay, phá hủy 25 xe quân sự, diệt hơn 800 tên.

Đơn vị đã được tặng thưởng 8 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhì, 6 hạng ba).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Đại đội 18 súng máy cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐỘI H67 TÌNH BÁO PHÒNG 22, QUÂN KHU 7

Từ năm 1962 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đội H67 hoạt động ở nội, ngoại thành phố Sài Gòn. Điều kiện hoạt động có nhiều khó khăn, do địch kiểm soát chặt chẽ. Cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm cao, dũng cảm, mưu trí bám sát địch, khi hoạt động bí mật, khi giả trang tìm cách vào nơi địch ở để điều tra nắm tình hình.

Đơn vị đã lấy được nhiều tài liệu quan trọng và nhiều tin tức được chính xác, kịp thời.

Quá trình làm nhiệm vụ đơn vị còn tích cực đánh địch, diệt gần 400 tên (có 150 Mỹ); phá hủy 20 xe tăng, xe bọc thép; bắn rơi 9 máy bay.

Đơn vị đã được tặng thưởng 9 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 3 hạng nhì, 5 hạng ba).

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Đội H67 tình báo được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐỘI AN NINH VŨ TRANG THÀNH PHỐ SÀI GÒN - GIA ĐỊNH

Đơn vị được thành lập năm 1961, quân số 45 người. Ba năm sau đơn vị phát triển thành 2 tiểu đoàn. Nhiệm vụ lúc đầu bảo vệ Khu ủy, về sau trực

tiếp bảo vệ Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, xây dựng căn cứ, xây dựng địa bàn cho Thành ủy ở nội và ngoại thành.

Trong điều kiện vô cùng khó khăn, ác liệt, đơn vị đã bảo vệ các đồng chí cán bộ lãnh đạo Thành ủy nhiều lần di chuyển, dù ở Thủ Đức, Củ Chi hay ở Đức Hòa, Đức Huệ, Bình Chánh, v.v..

Đơn vị đã kết hợp với địa phương xây dựng xã, áp chiến đấu, đẩy mạnh phong trào bảo mật phòng gian, xây dựng cơ sở, trong 14 năm đơn vị đã xây dựng hàng vạn hầm bí mật, 22km địa đạo và nhiều công sự chiến đấu. Đơn vị đã chiến đấu 154 trận, diệt 3.159 địch (có 1.721 tên Mỹ, 400 ác ôn), phá hủy, bắn cháy 82 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 57 máy bay, thu hàng nghìn tấn vũ khí.

Đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương Thành đồng hạng nhất và nhiều Huân chương Chiến công các hạng.

Ngày 6 tháng 6 năm 1976, Đội an ninh vũ trang thành phố Sài Gòn - Gia Định được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 11 BỘ BINH TIỂU ĐOÀN 9, TRUNG ĐOÀN 66, SƯ ĐOÀN 10, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, Đại đội 11 liên tục hoạt động ở Tây Nguyên. Trong các trận đánh đơn vị thường đảm nhiệm hướng chủ yếu của tiểu đoàn. Cán bộ chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, dù khó khăn, ác liệt thế nào cũng kiên quyết vượt qua, giành thắng lợi cho trận đánh. Đại đội đã diệt gần 1.000 tên địch (có 429 Mỹ), bắt 243 tên. Trong đó diệt gọn 3 đại đội (có 2 đại đội Mỹ) đánh thiệt hại nặng 6 đại đội, phá hủy 3 khẩu pháo, cối, 6 xe quân sự, bắn rơi 4 máy bay, thu 300 súng. Góp phần tích cực cùng tiểu đoàn diệt gọn 9 tiểu đoàn, 12 đại đội địch.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh Đại đội 11 đã tiến công vào bộ tổng tham mưu quân nguy Sài Gòn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 6 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhì, 5 hạng ba), được tặng danh hiệu "Đơn vị Anh dũng diệt Mỹ".

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Đại đội 11 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 6 BỘ BINH
TIỂU ĐOÀN 8, TRUNG ĐOÀN 66, SƯ ĐOÀN 10, QUÂN ĐOÀN 3

Từ tháng 8 năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, Đại đội 6 chiến đấu ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Trong các trận đánh, đơn vị thường được giao nhiệm vụ ở hướng chủ yếu của tiểu đoàn. Cán bộ, chiến sĩ luôn có quyết tâm cao, đã nổ súng là xung phong, nhanh chóng thọc sâu, chia cắt địch để diệt.

Đại đội đã diệt gọn 4 đại đội địch (có 3 đại đội Mỹ), đánh thiệt hại nặng 8 đại đội khác; diệt hơn 1.000 tên địch (có 500 Mỹ), bắt 258 tên, bắn rơi 9 máy bay, thu hơn 200 súng. Góp phần tích cực cùng tiểu đoàn diệt gọn 6 tiểu đoàn địch.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh Đại đội 6 tiến công vào bộ tổng tham mưu quân nguy Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đơn vị đã được tặng thưởng 6 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 2 hạng nhì, 3 hạng ba). Được quân khu tặng cờ "Tấn công dũng mãnh, đánh giỏi diệt gọn", 3 lần được tặng danh hiệu "Đơn vị Anh dũng diệt Mỹ".

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Đại đội 6 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 8 BỘ BINH
TIỂU ĐOÀN 5, TRUNG ĐOÀN 165, SƯ ĐOÀN 7, QUÂN ĐOÀN 4

Từ năm 1967 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 8 chiến đấu ở Đông Nam Bộ và Đông Bắc Cam-pu-chia. Đơn vị đã vượt qua nhiều khó khăn, ác liệt, càng đánh càng trưởng thành, đánh độc lập, đánh trong đội hình tiểu đoàn đều giỏi. Cán bộ, chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, có tác phong đánh nhanh, táo bạo thọc sâu, lập nhiều chiến công xuất sắc. Đại đội đã diệt gọn 7 đại đội địch, đánh thiệt hại nặng nhiều đại đội khác. Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.000 tên địch, phá hủy hơn 50 xe quân sự (có 17 xe tăng, xe bọc thép) và nhiều phương tiện chiến tranh khác của địch, thu hơn 400 súng, góp phần cùng tiểu đoàn diệt gọn 3 tiểu đoàn và nhiều đại đội khác.

Đơn vị đã được tặng thưởng 6 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 2 hạng nhì, 3 hạng ba).

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Đại đội 8 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 1 BỘ BINH
BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG QUẬN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ SÀI GÒN - GIA ĐỊNH

Từ năm 1966 đến chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Đại đội 1 hoạt động ở vùng ven Sài Gòn và dọc đường số 4. Điều kiện hoạt động có rất nhiều khó khăn. Đơn vị đã luôn nêu cao quyết tâm, kiên trì bám đất, bám dân, khi hoạt động tập trung, khi phân tán, vận dụng nhiều lối đánh linh hoạt: tập kích, phục kích, nhiều lần bí mật đưa mìn đặt tại nơi làm việc của bọn địch. Nhiều lần ban ngày giả trang vào vị trí địch để đánh, lúc nào và ở đâu có điều kiện là đánh địch.

Kết quả đã diệt 750 tên, bắt 72 tên, trong số này hầu hết là bọn ác ôn, phá hủy 12 xe quân sự; bắn chìm 2 xuồng chiến đấu, thu 192 súng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh địch, bảo vệ căn cứ vùng ven và hỗ trợ đắc lực cho phong trào quần chúng nổi dậy đấu tranh.

Đơn vị đã được tặng thưởng 10 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Đại đội 1 bộ binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 6 PHÁO BINH
TIỂU ĐOÀN 2, LỮ ĐOÀN 45, QUÂN ĐOÀN 1

Từ năm 1968 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 6 tham gia 4 chiến dịch: Khe Sanh (năm 1968), Đường 9 - Nam Lào (năm 1971),

Quảng Trị (năm 1972), Hồ Chí Minh (năm 1975). Đơn vị đã vượt qua nhiều khó khăn, ác liệt đánh giỏi, bắn trúng, chiến dịch nào cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Riêng những trận đánh độc lập, Đại đội 6 đã diệt gần 800 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, chi viện đắc lực cho bộ binh đánh thắng.

Đơn vị đã được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba, 5 Huân chương Chiến công (3 hạng nhất, 2 hạng nhì).

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Đại đội 6 pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

**ĐẠI ĐỘI 6 PHÁO BINH
TIỂU ĐOÀN 11, TRUNG ĐOÀN 54,
SƯ ĐOÀN 320, QUÂN ĐOÀN 3**

Từ năm 1968 đến chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Đại đội 6 chiến đấu ở Quảng Trị, Nam Lào, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Đơn vị đánh độc lập, đánh hiệp đồng với bộ binh đều giỏi. Cán bộ, chiến sĩ chiến đấu dũng cảm, mưu trí, dù khó khăn, ác liệt thế nào cũng kiên quyết vượt qua, chi viện đắc lực cho bộ binh đánh địch. Có trận, ngay từ loạt đạn đầu đã bắn trúng trận địa pháo địch, phá hủy 3 khẩu (trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào năm 1971). Có trận vừa dùng pháo bắn chi viện cho bộ binh vừa ngoan cường chiến đấu với bộ binh địch phản kích vào trận địa, diệt hơn 100 tên (làng Siêu, tây Gia Lai tháng 2 năm 1974). Nhiều trận, máy bay, pháo địch đánh phá rất ác liệt vào trận địa, đơn vị có thương vong, nhưng vẫn động viên nhau, tiếp tục bắn chi viện cho bộ binh.

Tính chung từ năm 1968 đến tháng 4 năm 1975, đại đội đã phá hủy 48 khẩu pháo, 14 xe quân sự, 5 máy bay, 10 kho xăng đạn; diệt hơn 800 tên địch, bắt 109 tên, thu 47 súng các loại.

Đơn vị đã được tặng thưởng 7 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì, 5 hạng ba), 5 lần là "Đơn vị quyết thắng".

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Đại đội 6 pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 9 XE TĂNG TIỂU ĐOÀN 9, LỮ ĐOÀN 273, QUÂN ĐOÀN 3

Năm 1974 và Xuân 1975, Đại đội 9 chiến đấu ở Tây Nguyên và chiến dịch Hồ Chí Minh. Trong các trận đánh, cán bộ, chiến sĩ đã nêu cao tinh thần dũng cảm, phát huy sức mạnh đột kích của xe tăng, chi viện đặc lực cho bộ binh đánh địch. Đại đội đã diệt 13 xe tăng, xe bọc thép, 66 hỏa điểm, 200 tên địch, bắn sập 79 lô cốt, hầm ngầm, phá hủy 3 khẩu pháo, góp phần bắn chìm 1 tàu chiến; thu 17 xe tăng, xe bọc thép.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Đại đội 9 xe tăng được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 18 SÚNG 12,8mm TRUNG ĐOÀN 4, QUÂN KHU 7

Từ tháng 6 năm 1966 đến chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Đại đội 18 hoạt động ở chiến trường miền Đông Nam Bộ. Điều kiện hoạt động có nhiều khó khăn, địa bàn rộng, nhiều sông ngòi, phải cơ động nhiều, địch đánh phá ác liệt... Cán bộ, chiến sĩ có quyết tâm cao, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, đánh bộ binh, đánh máy bay địch đều giỏi. Đại đội đã diệt gần 1.500 tên (có 150 Mỹ, 90 tên Úc), trong đó diệt gọn 2 đại đội địch - có 1 đại đội Mỹ, bắn rơi 142 máy bay, phá hủy 7 xe quân sự.

Đơn vị đã được tặng thưởng 8 Huân chương Chiến công giải phóng (6 hạng nhì, 2 hạng ba).

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Đại đội 18 súng 12,8mm được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 7 Ô TÔ VẬN TẢI TIỂU ĐOÀN 87, CỤC HẬU CẦN, QUÂN KHU 7

Từ năm 1965 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 7 làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí lương thực vào chiến trường trên tuyến

đường dọc Trường Sơn (từ năm 1965 đến năm 1973) và các tuyến đường ở miền Đông Nam Bộ (từ năm 1974 đến năm 1975). Tuy xe cũ, đường xấu, địch đánh phá ác liệt, nhưng cán bộ, chiến sĩ đều nêu cao quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, dũng cảm vượt qua bom đạn địch, tích cực bám đường, vượt chỉ tiêu về thời gian và khối lượng vận chuyển. Năm nào đơn vị cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 12% đến 97%. Đại đội đã vận chuyển được hơn chục vạn tấn vũ khí, lương thực, 4.530 bộ đội vào chiến trường.

Đơn vị đã được tặng thưởng 12 Huân chương Chiến công (2 hạng nhất, 2 hạng nhì, 8 hạng ba), 7 lần là "Đơn vị quyết thắng".

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Đại đội 7 ô tô vận tải được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG HUYỆN CỬ CHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huyện Củ Chi nằm ở cửa ngõ phía bắc Sài Gòn, có 24 xã với trên 10 vạn dân. Trong huyện có nhiều đường giao thông lớn, chạy dọc ngang, là trọng điểm đánh phá của địch. Lực lượng vũ trang Củ Chi đã vượt qua mọi khó khăn ác liệt, kiên quyết bám trụ sáng tạo nhiều cách đánh, liên tục tiến công địch, loại khỏi vòng chiến đấu gần 21 nghìn tên địch (hầu hết là Mỹ và chư hầu), trong đó diệt gọn 1 tiểu đoàn, 5 đại đội, 4 trung đội; diệt, bức rút, bức hàng 273 đồn bốt; phá hủy hơn 5.000 xe quân sự, hàng trăm xe bọc thép; đánh chìm, đánh cháy 2 tàu xuồng chiến đấu, bắn rơi 256 máy bay; phá hủy 160 khẩu pháo, v.v.

Các lực lượng vũ trang Củ Chi đã được tặng thưởng danh hiệu "Đất thép Thành đồng", 2 Huân chương Thành đồng (hạng nhất và hạng nhì). Có 3 đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Lực lượng vũ trang huyện Củ Chi được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 17 TRINH SÁT PHÁO BINH ĐOÀN 75, BỘ CHỈ HUY MIỀN

Từ năm 1961 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 17 hoạt động ở chiến trường Đông Nam Bộ và Đông Bắc Cam-pu-chia. Mặc dù quân số, phương tiện trang bị thiếu, địa bàn hoạt động rộng, địch đánh phá rất ác liệt, nhưng đơn vị đã nêu cao tinh thần dũng cảm, mưu trí, vượt qua nhiều tuyến phòng thủ kiên cố của địch để đo đạc, tính toán cự ly, chuẩn bị tọa độ chính xác, phục vụ đắc lực cho các đơn vị pháo binh của ta bắn được tốt.

Đơn vị đã hàng chục lần phục vụ cho pháo binh của ta bắn vào các sân bay Biên Hòa, Lai Khê, Phú Lợi và vào nhiều cơ quan đầu não của địch ở Sài Gòn..., diệt hàng nghìn tên địch, phá hủy hàng trăm máy bay, nhiều kho tàng, phương tiện chiến tranh, gây cho địch nhiều thiệt hại lớn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 7 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Đại đội 17 trinh sát pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 5 PHÁO BINH TIỂU ĐOÀN 11, TRUNG ĐOÀN 4, SƯ ĐOÀN 10, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1971 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 5 tham gia chiến đấu ở Tây Nguyên và Nam Bộ. Tuy cơ động nhiều trên địa hình rừng núi, mang vác nặng, điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, nhưng đơn vị luôn nêu cao quyết tâm vượt qua khó khăn, ác liệt, đánh giỏi, bắn trúng, chỉ viện đắc lực cho bộ binh ta chiến đấu thắng lợi. Đại đội 5 đã đánh hơn 30 trận, trận nào cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phá hủy 19 khẩu pháo 155 và 105mm, 17 xe quân sự, 23 kho xăng đạn, 15 xe quân sự, 47 lô cốt, diệt hàng nghìn tên địch, chỉ viện đắc lực cho đơn vị bạn chiến đấu.

Đại đội đã được tặng thưởng 7 Huân chương Chiến công giải phóng (4 hạng nhì, 3 hạng ba).

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Đại đội 5 pháo binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 4 CÔNG BINH
TIỂU ĐOÀN 2, TRUNG ĐOÀN 7, QUÂN ĐOÀN 3
(Tuyên dương lần thứ hai)

Từ năm 1964 đến năm 1966 Đại đội 4 làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông ở chiến trường Lào, đơn vị lập nhiều thành tích xuất sắc, được tặng danh hiệu Anh hùng năm 1967.

Từ năm 1967 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 4 làm nhiệm vụ mở đường, đảm bảo giao thông trên nhiều tuyến đường ở Nam Lào, Trị Thiên, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, đơn vị vừa mở đường vừa bảo đảm tốt giao thông. Kết quả đơn vị đã mở được 110km đường ô tô xong trước thời gian quy định, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; bảo đảm 300km đường ô tô được thông suốt. Đơn vị còn tham gia chiến đấu bắn rơi 5 máy bay địch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phục vụ cho các đơn vị hành quân, vận chuyển tiếp tế vũ khí cho chiến trường.

Đơn vị đã được tặng thưởng 7 Huân chương Chiến công (2 hạng nhất, 3 hạng nhì, 2 hạng ba), 6 lần được tặng danh hiệu "Đơn vị quyết thắng".

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Đại đội 4 công binh được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 16 SÚNG MÁY CAO XẠ 12,7mm
TRUNG ĐOÀN 9, SƯ ĐOÀN 304, QUÂN ĐOÀN 2

Từ năm 1966 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975, Đại đội 16 chiến đấu ở Trị Thiên, Khu 5 và Nam Bộ, tuy mang vác nặng, cơ động nhiều trên các địa hình, luôn phải theo sát bộ binh, nhưng đơn vị có

quyết tâm cao, tích cực đánh địch, lập nhiều chiến công xuất sắc. Cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị chiến đấu dũng cảm, dù khó khăn ác liệt thế nào cũng kiên quyết vượt qua, đánh máy bay, đánh bộ binh địch đều giỏi, chi viện tốt cho bộ binh chiến đấu. Đơn vị đã bắn rơi 68 máy bay (có 28 phản lực), diệt hơn 100 tên địch, bắt 3 tên ngụy, bắn cháy 3 xe quân sự. Có trận trong 40 phút đã bắn rơi 3 máy bay (2 phản lực, 1 OV-10). Có trận đơn vị mưu trí, linh hoạt nhử địch bắn vào chỗ không người, bắn rơi cả tốp 4 chiếc F-4. Có trận địch dùng một tiểu đoàn Mỹ đánh vào trận địa, đơn vị đã anh dũng đánh trả, diệt 100 tên Mỹ, đánh lui các đợt tiến công của địch, giữ vững trận địa.

Đặc biệt năm 1972, Đại đội 16 cơ động chiến đấu ở xung quanh thị xã Quảng Trị, đã chiến đấu rất dũng cảm, bắn rơi 25 máy bay (có 18 phản lực) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ cho bộ binh chiến đấu.

Đơn vị đã được tặng thưởng 12 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhất, 3 hạng nhì, 7 hạng ba).

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Đại đội 16 súng máy cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 1 SÚNG MÁY CAO XẠ 12,7mm TIỂU ĐOÀN 14, SƯ ĐOÀN 316, QUÂN ĐOÀN 3

Từ năm 1968 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975 Đại đội 1 tham gia chiến đấu ở chiến trường Lào, Khu 5 và Nam Bộ. Tuy mang vác nặng, cơ động nhiều trên địa hình rừng núi, sinh hoạt thiếu thốn, bom đạn địch ác liệt, nhưng đơn vị luôn có quyết tâm cao, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, bắn rơi 51 máy bay địch (có 8 phản lực), hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện cho bộ binh ta chiến đấu, đơn vị ít bị thương vong.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng ba, 8 Huân chương Chiến công (1 hạng nhất, 1 hạng nhì, 6 hạng ba), 5 lần là "Đơn vị quyết thắng".

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Đại đội 1 súng máy cao xạ được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ĐẠI ĐỘI 5 QUÂN Y QUÂN KHU 7

Từ năm 1962 đến chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4 năm 1975 Đại đội 5 thường xuyên theo sát phục vụ các đơn vị hoạt động ở vùng ven Sài Gòn. Tuy có nhiều khó khăn, gian khổ, quân số ít, phương tiện trang bị thiếu thốn, việc vận chuyển tiếp tế lương thực nhiều khi phải tự đảm nhiệm lấy, địch đánh phá ác liệt..., đại đội đã nêu cao tinh thần hết lòng phục vụ thương binh, bệnh binh.

Trong hoàn cảnh thuốc men, lương thực thiếu thốn, đơn vị đã tận dụng được liệu tại chỗ, pha chế được 4.000 lít và 2 vạn viên thuốc để điều trị cho thương binh, bệnh binh, giải quyết một phần khó khăn về khan hiếm thuốc. Có thời kì đơn vị phải đi đào củ, hái rau rừng về nuôi thương binh, bệnh binh.

Đơn vị đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 10 Huân chương Chiến công giải phóng (2 hạng nhất, 2 hạng nhì, 6 hạng ba), 3 lần là Đơn vị Thành đồng quyết thắng.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Đại đội 5 quân y được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

TIỂU ĐOÀN 1 AN NINH VŨ TRANG MIỀN NAM

Tiểu đoàn 1 được thành lập từ năm 1957 với nhiệm vụ: bảo vệ an toàn, đồng thời phục vụ về ăn, ở, làm việc của các đồng chí trong Trung ương Cục. Cán bộ, chiến sĩ đơn vị luôn luôn mưu trí, dũng cảm, quyết tâm bảo vệ tuyệt đối an toàn Trung ương Cục. Đầu năm 1967, đế quốc Mỹ cho 40.000 quân có xe tăng, máy bay và pháo yểm trợ càn quét vào căn cứ của Trung ương Cục. Đơn vị đã chuẩn bị phương án, kế hoạch bảo vệ, chiến đấu tại căn cứ và địa điểm dự bị. Khi địch xông vào, đơn vị vừa chiến đấu chặn địch vừa bảo vệ các đồng chí lãnh đạo chuyển đến địa điểm dự bị được an toàn.

Năm 1970, hơn 60.000 quân Mỹ càn vào căn cứ, đồng thời cho quân bao vây địa điểm dự bị. Đơn vị đã mưu trí, dũng cảm vừa chiến đấu bảo vệ căn

cứ, vừa tìm đường đưa các đồng chí trong Trung ương Cục sang căn cứ mới an toàn. Trong 15 năm (từ năm 1960 đến chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975), đơn vị đã tiêu diệt 720 tên địch, bắn rơi 7 máy bay lên thẳng của địch.

Trung ương Cục đã di chuyển địa điểm 33 lần, có lần phải hành quân xa hàng trăm ki-lô-mét. Tới đâu đơn vị cũng tích cực xây dựng hầm hào, trận địa chiến đấu, phục vụ Trung ương Cục làm việc.

Đơn vị còn bảo vệ trên 600 lượt các đoàn khách đến căn cứ làm việc. Trên đường công tác hoặc ở căn cứ, mỗi khi gặp địch đánh phá, cán bộ, chiến sĩ dùng thân mình che đạn, bảo vệ cán bộ. Nhiều lần chiến sĩ bị thương vong, nhưng cán bộ lãnh đạo được an toàn.

Đơn vị đã được tặng thưởng 19 Huân chương Chiến công cho tập thể và cá nhân.

Ngày 24 tháng 1 năm 1976, Tiểu đoàn 1 an ninh vũ trang miền Nam được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

II- CÁ NHÂN ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

ANH HÙNG NGUYỄN THỊ BA

Anh hùng Nguyễn Thị Ba sinh năm 1917, dân tộc Kinh, quê ở xã Hậu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, cán bộ giao thông tình báo thuộc Bộ tham mưu Miền.

Từ năm 1940 đến năm 1945, Nguyễn Thị Ba làm giao thông liên lạc cho cơ quan bí mật của Đảng ở Sài Gòn, đồng chí luôn vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Từ năm 1945 đến tháng 4 năm 1975, Nguyễn Thị Ba làm chiến sĩ tình báo, có nhiệm vụ chuyển tài liệu, tin tức tình báo ra vùng căn cứ và truyền đạt chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên cho cán bộ tình báo hoạt động trong thành phố Sài Gòn.

Suốt 30 năm hoạt động, Nguyễn Thị Ba đã mưu trí, dũng cảm một mình khôn khéo che mắt địch đảm bảo liên lạc với hàng chục đầu mối an toàn, đúng thời gian, đúng kế hoạch. Ngoài nhiệm vụ trên, Nguyễn Thị Ba còn làm công tác đưa đón cán bộ ra vào Sài Gòn hoạt động, công việc này đòi hỏi phải thông thạo đường phố, lanh lợi, bình tĩnh mới hoàn thành nhiệm vụ. Những ngày trong chiến dịch Hồ Chí Minh, tuy tuổi già, sức yếu nhưng bà vẫn đảm đương công tác này hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Xa chồng 20 năm, lại vừa nuôi hai con, vừa công tác cách mạng, Nguyễn Thị Ba đã chịu đựng, khắc phục khó khăn, hy sinh hạnh phúc riêng của bản thân, nêu cao phẩm chất, đạo đức cách mạng. Do vậy, bà được nhân dân yêu thương, quý mến, được đồng đội cảm phục, Nguyễn Thị Ba là tấm gương sáng để mọi người học tập, nêu gương.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, được tặng 22 bằng khen, giấy khen.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Nguyễn Thị Ba được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG HỒ THỊ BÒI

Anh hùng Hồ Thị Bôi (tức Tư A) sinh năm 1925, dân tộc Kinh, quê ở xã Hưng Long, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung úy, tổ trưởng tổ giao liên tình báo Đoàn 22, Bộ tham mưu Quân khu 7.

Hai năm 1949, 1950 Hồ Thị Bôi làm tổ trưởng binh vận của Trung đoàn 300, luôn luôn làm tốt công tác vận động binh lính địch; nắm chắc quy luật hoạt động của chúng, góp phần quan trọng tạo cho đơn vị diệt và bắt toàn bộ bọn địch đồn Hưng Long. Từ tháng 7 năm 1954 đến năm 1975, Hồ Thị Bôi là cán bộ tình báo, làm nhiệm vụ chuyển tài liệu, tin tức ra ngoài căn cứ và truyền đạt chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên tới các cơ sở của ta trong thành phố Sài Gòn. Đồng chí đã xây dựng được nhiều cơ sở và mạng giao liên ở ngay nơi địch ngày đêm canh phòng lùng sục, kiểm soát gắt gao. Hồ Thị Bôi đã đi 600 chuyến liên lạc trót lọt, an toàn. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Hồ Thị Bôi là người thực hiện chuyển liên lạc đầu tiên giữa sở chỉ huy với cơ sở tình báo trong Sài Gòn, phục vụ tốt cho việc chiến đấu. Cuối năm 1969 đến năm 1972, một số cơ sở của ta bị lộ, đồng chí kiên trì bám địa bàn, xây dựng được 22 cơ sở tin cậy, tạo thành mạng lưới tình báo quan trọng từ Sài Gòn đi Châu Đốc, Mỹ Tho, Tây Ninh. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, để chuẩn bị cho quân ta đánh vào nội đô, Hồ Thị Bôi xin làm nhiệm vụ chuyển tài liệu, chỉ thị vào Sài Gòn và đồng chí đã lấy được bản đồ thành phố có ghi rõ các khu vực đóng quân của địch chuyển ra ngoài, góp phần vào đại thắng mùa Xuân 1975 của dân tộc.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Hồ Thị Bôi được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG PHẠM VĂN CÁN

Anh hùng Phạm Văn Cán sinh năm 1952, dân tộc Kinh, quê ở xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung sĩ, chiến sĩ lái xe dốt, Đại đội 11, Đoàn 26, Phòng kỹ thuật Bộ tư lệnh Thiết giáp Miền.

Tháng 9 năm 1972, Phạm Văn Cán cùng đơn vị hành quân 2.000km vào chiến trường Đông Nam Bộ, anh không ngại khó khăn, gian khổ, hy sinh, vượt qua bom đạn ác liệt do máy bay địch bắn phá, cứu kéo được 73 lượt chiếc xe tăng, xe thiết giáp sa lầy, đổ hoặc chết máy trên dọc đường. Từ tháng 5 năm 1973 đến tháng 4 năm 1975, Phạm Văn Cán làm nhiệm vụ dốt xe tăng, xe thiết giáp trong chiến đấu. Anh đã tham gia 3 chiến dịch, cứu kéo được 40 chiếc xe về tới nơi an toàn. Trong chiến dịch Bến Cát từ tháng 5 đến tháng 9 năm 1974, trời mưa nhiều, đường lầy lội, địch bắn phá ác liệt, Phạm Văn Cán vẫn bất chấp gian nguy để hoàn thành nhiệm vụ. Có lần, giữa hỏa lực dày đặc của địch, anh vẫn bình tĩnh lái xe vào sát căn cứ địch (100m), cứu kéo được 1 xe tăng ra ngoài. Cả chiến dịch, anh cứu kéo được 18 chiếc xe tăng về sửa chữa, khôi phục lại, tiếp tục chiến đấu. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đánh quận lỵ Chơn Thành phía đông Sài Gòn, có 2 xe tăng của ta bị hỏng nằm sát trận địa địch, nguy cơ sẽ bị chúng cướp xe hoặc phá hủy, Phạm Văn Cán dũng cảm mở nắp xe, nhô người ra ngoài vừa lái vừa quan sát tránh bãi mìn, thà hy sinh chứ không để xe và đồng đội bị thương, anh đã cứu được 2 xe tăng về an toàn, cổ vũ đồng đội xông lên tiêu diệt địch.

Đồng chí đã được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, được tặng 4 bằng khen và giấy khen.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Phạm Văn Cán được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG HOÀNG ĐÌNH CHIẾN

Anh hùng Hoàng Đình Chiến sinh năm 1952, dân tộc Kinh, quê ở xã Tam Kỳ, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Dương. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung sĩ, tiểu đội trưởng ô tô vận tải Đại đội 23 Tiểu đoàn 80, Cục Hậu cần, Quân khu 7.

Hoàng Đình Chiến lái xe vận chuyển trên tuyến đường 559 và Đông Nam Bộ từ năm 1971 đến tháng 4 năm 1975, anh đã chở được 1.364 tấn hàng tới đích an toàn, chuyển được 900 chiến sĩ vào chiến trường và 480 thương binh về tuyến sau, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 1971, trong chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, Hoàng Đình Chiến xung phong đi nhiều chuyến trên tuyến đường địch đánh phá ác liệt này. Có những tháng, cả 30 ngày liền anh chạy trên cung đường dài 100km dẫn đầu đơn vị về năng suất vận chuyển. Mùa khô năm 1972, Hoàng Đình Chiến bền bỉ chạy xe trên quãng đường 120km chở hàng trong 6 tháng, thường xuyên chạy 3 đêm 2 chuyến, vượt chỉ tiêu đề ra, dẫn đầu đơn vị về thành tích vận chuyển cả mùa khô. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Hoàng Đình Chiến vận chuyển hàng phục vụ các đơn vị chiến đấu ở Biên Hòa, anh luôn luôn dẫn đầu về khối lượng đưa vũ khí, đạn dược đến các trận địa cho các đơn vị. Tính từ năm 1973 đến tháng 4 năm 1975, tiểu đội do Hoàng Đình Chiến phụ trách thường xuyên dẫn đầu đại đội về thành tích vận chuyển và tiết kiệm xăng dầu. Bản thân luôn luôn bảo quản, giữ gìn xe tốt, anh đã chạy 78.600km an toàn, tiết kiệm được 2.870 lít xăng trong điều kiện địch thường xuyên đánh phá, đường xấu.

Đồng chí được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 4 lần là Chiến sĩ thi đua, 2 lần là Chiến sĩ quyết thắng và được tặng 17 bằng khen, giấy khen.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Hoàng Đình Chiến được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGỌC VĂN DÒNG

Anh hùng Ngọc Văn Dòng sinh năm 1940, dân tộc Tày, quê ở xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thiếu tá, nguyên tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1 bộ binh thuộc Trung đoàn Đồng Nai.

Từ khi nhập ngũ đến tháng 4 năm 1975, Ngọc Văn Dòng hoạt động ở chiến trường Lào và miền Nam, trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ tiểu đoàn, anh đã tham gia 50 trận đánh, diệt 40 tên địch. Tháng 4 năm 1967, Dòng chỉ huy đại đội đảm nhiệm mũi chủ yếu của tiểu đoàn, trận này đơn vị của anh diệt 1 đại đội địch, thu nhiều vũ khí. Xuân 1968, Ngọc Văn Dòng dẫn đầu bộ đội đánh địch tại thị xã Phú Cường. Địch tăng cường lực lượng, tổ chức phản kích quyết liệt, anh chỉ huy bộ đội kiên cường đánh bật hàng chục lần phản kích của địch, giữ vững trận địa, diệt hơn 40 tên địch. Từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 5 năm 1969, Ngọc Văn Dòng chỉ huy tiểu đoàn hoạt động ở khu vực An Sơn (Lái Thiêu, Sông Bé), Dòng đã chỉ huy bộ đội kiên cường đánh địch, diệt và làm bị thương hơn 1.000 tên địch, diệt gọn 1 tiểu đoàn bình định, bắn rơi 3 máy bay. Năm 1971, tại Bình Mỹ, Ngọc Văn Dòng chỉ huy 1 đại đội, vận động từ xa qua địa hình trống trải diệt gọn 1 đại đội bảo an, thu toàn bộ vũ khí của địch. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Ngọc Văn Dòng được điều về một trung đoàn thuộc Quân đoàn 1, tham gia đánh chiếm Lái Thiêu, mở đường cho Quân đoàn tiến vào giải phóng Sài Gòn.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 2 lần là Chiến sĩ thi đua.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Ngọc Văn Dòng được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG TỔNG VIẾT DƯƠNG

Anh hùng Tống Viết Dương sinh năm 1924, dân tộc Kinh, quê ở xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung tá, trung đoàn trưởng Trung đoàn 367 đặc công Quân khu 7.

Từ tháng 2 năm 1962 đến Xuân 1975, Tống Viết Dương hoạt động tại địa bàn Đông Nam Bộ và Cam-pu-chia. Đầu năm 1965, Tống Viết Dương chỉ huy đơn vị đánh sân bay và trường huấn luyện cảnh sát địch ở Rạch Dừa (Vũng Tàu), diệt và làm bị thương 500 tên địch, phá hủy 37 máy bay. Trận đánh sân bay Pô-chen-tông (Cam-pu-chia) ngày 22 tháng 1 năm 1971, Dương trực tiếp đi nghiên cứu, điều tra, lập phương án tác chiến. Đơn vị của anh đã phá hủy nhiều máy bay, diệt nhiều tên giặc lái và nhân viên kỹ thuật, phá hủy 1.000 tấn bom đạn. Trận đánh sân bay Bát-tam-băng tháng 4 năm 1973, khi sắp nổ súng thì địch phát hiện được, nếu đánh theo chiến thuật đặc công kết hợp bộ binh thì khó thắng, Tống Viết Dương chuyển hướng đánh bằng pháo, kết quả đã phá hủy 18 máy bay và hàng trăm tấn bom đạn. Ngày 26 tháng 6 năm 1974, trong trận đánh căn cứ biệt kích Nước Trong ở Núi Đất, anh chỉ huy tiểu đoàn diệt 200 tên, trong đó có nhiều sĩ quan cấp tá. Đêm 22 tháng 8 năm 1974, Tống Viết Dương đã chỉ huy tiểu đoàn tập kích căn cứ 1 chiến đoàn ngụy diệt 500 tên, phá hủy nhiều xe tăng. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, anh đã chỉ huy đơn vị đặc công đánh vào Sài Gòn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Tống Viết Dương được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN THỊ ĐIỂM

Anh hùng Nguyễn Thị Điểm (tức Nguyễn Thị Thanh Tùng) sinh năm 1941, dân tộc Kinh, quê ở xã Phú Thọ Hòa, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thiếu úy, Đội 69 biệt động Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Điểm hoạt động ở Sài Gòn từ năm 1957 đến năm 1975. Vượt qua nhiều khó khăn, nguy hiểm, chị kiên trì hoạt động, tích cực nắm tình hình địch, xây dựng cơ sở, phát triển tự vệ, vận chuyển vũ khí, đưa đón cán bộ đi lại công tác. Nguyễn Thị Điểm tham gia nhiều trận đánh, diệt được 26 tên địch, thu 25 súng, phá hủy 1 xe quân sự, 1 tàu bo bo. Quá trình công tác, chị xây dựng được 16 đầu mối giao liên, 11 cơ sở nuôi giấu cán bộ, 5 cơ sở cất giấu vũ khí, vận động được 76 thanh niên tham gia biệt động, chuyển được hơn một ngàn ki-lô-gam chất nổ. Tiêu biểu là tháng 11 năm 1960, chị chỉ huy một tổ 3 người, vừa kết hợp đánh địch vừa gọi loa tuyên truyền, vận động được 27 tên ở bốt Trần Văn Châu ra hàng, thu 25 súng. Từ năm 1961 đến năm 1970, Nguyễn Thị Điểm chỉ huy đơn vị đánh nhiều trận trong nội thành Sài Gòn, diệt nhiều tên ác ôn, gây cho địch hoang mang. Ngoài ra, chị còn xây dựng được một số cơ sở tin cậy, tạo điều kiện tốt cho việc đưa đón cán bộ đi lại hoạt động và cất giấu vũ khí. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 1975, tuy địch theo dõi gắt gao nhưng Nguyễn Thị Điểm vẫn tích cực vận động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, bao vây cướp trụ sở quận, kêu gọi quân ngụy đầu hàng.

Đồng chí được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì, 2 hạng ba), 2 lần là Chiến sĩ thi đua.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Nguyễn Thị Điểm được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGÔ QUANG ĐIỀN

Anh hùng Ngô Quang Điền sinh năm 1948, dân tộc Kinh, quê ở xã Trục Thuận, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung úy, chính trị viên Đại đội 10 công binh, thuộc Tiểu đoàn 739, Trung đoàn 25, Quân khu 7.

Từ tháng 12 năm 1966 đến tháng 4 năm 1975, tham gia mở đường phục vụ chiến đấu ở Đông Nam Bộ, Điền là người dẫn đầu trung đoàn về năng suất đào đất, phá đá, chặt cây, bắc cầu. Trong 2 năm 1970-1971, Ngô Quang Điền cùng đơn vị mở đường trên tuyến hành lang vận chuyển phía bắc Đông Nam Bộ. Suốt 2 năm, anh luôn dẫn đầu trung đoàn về năng suất lao động, đào đắp từ 5 mét khối đến 6,3 mét khối 1 công, trung đội của anh là trung đội xuất sắc nhất trung đoàn. Chiến dịch Xuân Hè 1972, trong trận tiến công địch ở Lộc Ninh, sau khi chuẩn bị đường cho xe tăng ta xuất kích, Ngô Quang Điền cầm dù trắng đi trước dẫn đường xe tăng ta tiếp cận vị trí địch được nhanh chóng, an toàn. Hành động này của anh đã cổ vũ chiến sĩ xe tăng hăng hái chiến đấu. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị chỉ còn 18 người, nhưng Ngô Quang Điền vẫn động viên anh em hăng hái làm việc không kể ngày đêm, kết quả chỉ sau 3 ngày đơn vị bắc xong 2 cầu gỗ (mỗi cầu dài 10 mét, trọng tải 10 tấn), kịp thời cho xe tải chở bộ đội vượt qua, tiến công địch từ hướng đông bắc Sài Gòn.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 5 lần là Chiến sĩ thi đua, 9 lần đạt danh hiệu Dũng sĩ mở đường, 23 bằng và giấy khen.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Ngô Quang Điền được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG HÀ QUANG ĐỊNH

Anh hùng Hà Quang Định sinh năm 1946, dân tộc Thái, quê ở xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, đại úy, tham mưu phó Trung đoàn 1 bộ binh, Sư đoàn 324.

Hà Quang Định liên tục chiến đấu ở chiến trường Trị Thiên từ năm 1966 đến tháng 4 năm 1975. Anh đã chỉ huy đơn vị diệt hàng ngàn tên địch, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, diệt 5 đại đội. Riêng Hà Quang Định diệt 30 tên, bắn rơi 1 máy bay. Đặc biệt, có một số trận đánh, anh và đơn vị thu hiệu quả lớn. Cuối năm 1968, anh chỉ huy 1 tổ bám điểm cao 176 (Khe Mễ, Thừa Thiên) để quan sát địa hình. Địch dùng máy bay, pháo binh yểm trợ cho bộ binh đánh chiếm điểm cao. Anh cùng tổ can đảm đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, diệt 50 tên, bắn rơi 2 máy bay, giữ vững trận địa, tự mình diệt 20 tên, bắn rơi 1 máy bay. Năm 1972, Hà Quang Định chỉ huy đơn vị chặn đánh địch ở cầu Nhùng (Quảng Trị) diệt gọn 3 đại đội, phá hủy 10 xe tăng, xe bọc thép của chúng. Năm 1974, anh chỉ huy đơn vị đánh đài quan sát của địch ở điểm cao 300. Địa hình ở đây rất khó khăn cho trận đánh, vả lại giặc chống cự quyết liệt. Anh đã cùng tổ trinh sát bí mật chọc thủng vào sở chỉ huy địch, yểm trợ cho các mũi đánh vào trung tâm, diệt gọn vị trí này, thu 30 súng. Ở các trận đánh khác, với cách đánh táo bạo, sự chỉ huy lanh lợi, anh cùng đơn vị lập nhiều chiến công. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Hà Quang Định chỉ huy 1 tiểu đoàn chiến đấu ở hướng đông bắc Sài Gòn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Hà Quang Định được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN VĂN ĐƯỢC

Anh hùng Nguyễn Văn Được sinh năm 1946, dân tộc Kinh, quê ở xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, đại úy, trung đoàn phó Trung đoàn 141 bộ binh, Sư đoàn 312, Quân đoàn 1.

Từ năm 1961 đến năm 1967, Nguyễn Văn Được là chiến sĩ thuộc Sư đoàn 3 chiến đấu ở chiến trường Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai. Khi làm liên lạc, khi trực tiếp chiến đấu, dù trong tình huống khó khăn, phức tạp thế nào anh cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nguyễn Văn Được cùng với tiểu đội diệt 200 tên địch, bắn sập 30 lô cốt, bắn cháy 6 xe tăng và xe bọc thép. Riêng Được diệt 64 tên, bắt sống 3 tên, bắn cháy 1 xe bọc thép, thu 23 súng các loại. Từ năm 1968 đến năm 1972, Nguyễn Văn Được chiến đấu ở chiến trường Lào và chiến trường Quảng Trị. Từ cán bộ đại đội, rồi cán bộ tiểu đoàn, anh luôn luôn nêu cao tác phong chỉ huy linh hoạt, kiên quyết tiến công địch, giành thắng lợi. Nguyễn Văn Được 5 lần bị thương, 2 lần bị thương nặng, tưởng không qua khỏi, nhưng lần nào anh cũng đứng vững ở vị trí chiến đấu cho đến khi trận đánh kết thúc. Nguyễn Văn Được đã chỉ huy đơn vị diệt 580 tên địch, bắt sống 15 tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh khác. Riêng anh diệt được 22 tên địch. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, với cương vị là trung đoàn phó, Nguyễn Văn Được góp phần chỉ huy đơn vị tiêu diệt căn cứ Phú Lợi mở đường cho quân đoàn đánh chiếm Lái Thiêu. Với đồng đội, anh hết lòng yêu thương, nhiều lần xông pha qua lửa đạn địch công thương binh về phía sau an toàn.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 3 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua, 2 lần là Dũng sĩ, được tặng 20 bằng khen và giấy khen.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Nguyễn Văn Được được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN VI HỢI

Anh hùng Nguyễn Vi Hối sinh năm 1951, dân tộc Kinh, quê ở xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thượng sĩ, trung đội phó, Đại đội 9 bộ binh, Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 64, Sư đoàn 320, Quân đoàn 3.

Từ năm 1972 đến tháng 4 năm 1975, Nguyễn Vi Hối chiến đấu ở Tây Nguyên và Nam Bộ. Anh đã chỉ huy tiểu đội, trung đội đánh 14 trận, diệt 200 địch, bắt gần 300 tên (trong đó có 1 chuẩn tướng ngụy). Riêng Hối diệt 43 tên, bắt 120 tên, bắn cháy 6 xe tăng, xe bọc thép, thu 8 chiếc khác. Ngày 19 và 20 tháng 3 năm 1975, tiểu đội Nguyễn Vi Hối làm nhiệm vụ chốt chặn địch rút chạy ở phía nam Cheo Reo (đường số 7). Ngay từ đầu, Nguyễn Vi Hối đã bắn 2 quả đạn B40, diệt 2 xe tăng địch. Bọn địch hoang mang, hoảng sợ chạy tán loạn, anh tiếp tục chỉ huy tiểu đội vừa chiến đấu, vừa truy lùng, kêu gọi địch đầu hàng. Kết quả trong 2 ngày, tiểu đội của Hối đã diệt 40 tên địch, bắt 46 tên, bắn cháy 9 xe tăng, xe bọc thép. Nguyễn Vi Hối đã diệt 21 tên, bắn cháy 6 xe. Ngày 1 tháng 4 năm 1975, Hối dẫn đầu tiểu đội truy kích địch trên đường số 5, đánh vào sân bay Đông Tác (Phú Yên) bắt được tên tướng Cẩm, phó tư lệnh quân đoàn 2 ngụy và gọi hàng 47 tên trong chiến dịch Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Vi Hối chỉ huy trung đội dũng cảm đánh lui nhiều đợt phản kích ác liệt của địch, bảo vệ chốt Cầu Bông (tây bắc Sài Gòn) góp phần vào thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Nguyễn Vi Hối luôn luôn đoàn kết, giúp đỡ đồng đội, được anh em quý mến.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 4 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Nguyễn Vi Hối được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG ĐOÀN SINH HƯỞNG

Anh hùng Đoàn Sinh Hưởng sinh năm 1949, dân tộc Kinh, quê ở xã Bình Ngọc, huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thiếu úy, đại đội trưởng Đại đội 9 thiết giáp, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 273, Quân đoàn 3.

Từ năm 1968 đến Xuân 1975, Đoàn Sinh Hưởng tham gia nhiều chiến dịch lớn. Trong chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh, anh đã chiến đấu 4 trận, đánh sập 5 lô cốt, phá hủy 1 đại liên, diệt 15 tên Mỹ. Trong trận tiến công cứ điểm Đắc Pét, bắc Tây Nguyên tháng 5 năm 1974, Đoàn Sinh Hưởng chỉ huy đại đội yểm trợ đặc lực cho bộ binh tiêu diệt toàn bộ địch. Bản thân diệt 10 lô cốt, 1 khẩu pháo 105mm, bắt sống 10 tên địch. Trong chiến dịch Tây Nguyên, tại trận đánh thị xã Buôn Ma Thuột, anh dẫn đầu đơn vị thọc sâu, tiến công đánh chiếm sư đoàn bộ sư đoàn 23 ngụy. Riêng Đoàn Sinh Hưởng diệt hàng chục tên, bắn cháy 2 xe M113, 1 xe M41, 5 xe quân sự. Tiếp đó, đơn vị của anh đánh vào thị xã Cheo Reo, riêng Đoàn Sinh Hưởng diệt 10 xe vận tải, 2 xe tăng. Ngày 1 tháng 4 anh chỉ huy đơn vị tiến vào thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, rồi thị trấn Tuy An, sân bay Đông Tác. Bản thân dùng 4 quả pháo đánh tan 1 trận địa pháo 105mm gồm 4 khẩu. Với 5 quả đạn pháo tăng, Đoàn Sinh Hưởng đã bắn cháy 1 tàu chiến và 1 xuồng chiến đấu của địch tại cửa biển Tuy Hòa. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Đoàn Sinh Hưởng chỉ huy đại đội xe tăng, thiết giáp (xe thu được của địch) trong đội hình binh đoàn thọc sâu đánh vào nội thành Sài Gòn. Sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975, khi tiến công về Sài Gòn, Đại đội 9 (xe tăng) do Đoàn Sinh Hưởng chỉ huy đã diệt 12 xe tăng, xe bọc thép của địch, bắt sống 12 xe khác.

Đồng chí đã được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công hạng nhì, 2 Huân chương Chiến công hạng ba, 3 bằng khen, 2 lần là Chiến sĩ thi đua.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Đoàn Sinh Hưởng được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG PHAN TRUNG KIÊN

Anh hùng Phan Trung Kiên sinh năm 1946, dân tộc Kinh, quê ở xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thượng úy, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 bộ binh, thuộc Trung đoàn 4, Quân khu 7.

Năm 10 tuổi Phan Trung Kiên đã đi theo cán bộ địa phương hoạt động. Năm 1965, đồng chí nhập ngũ. Từ khi vào bộ đội đến tháng 6 năm 1974, Phan Trung Kiên được phân công hoạt động ở vùng địch tạm chiếm (đông huyện Hóc Môn), làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động quần chúng xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, đánh địch phá thế kìm kẹp. Phan Trung Kiên khi hoạt động bí mật, lúc hoạt động công khai, nhiều lần giả trang vào đồn địch hoặc thị trấn để diệt bọn ác ôn. Đến xã nào, ấp nào đồng chí cũng xây dựng và củng cố được đội du kích. Ngoài ra, Phan Trung Kiên còn trực tiếp chỉ huy đánh địch, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh. Trong chiến đấu, đồng chí luôn nêu cao tinh thần dũng cảm, táo bạo, chỉ huy linh hoạt bình tĩnh, lập nhiều chiến công xuất sắc. Đơn vị của đồng chí đã diệt và làm bị thương hàng nghìn tên địch. Riêng Phan Trung Kiên diệt 110 tên. Đặc biệt trong chiến dịch Hồ Chí Minh, tiểu đoàn do Phan Trung Kiên chỉ huy đã diệt 3 đồn địch và diệt gọn 1 đại đội biệt động, làm tan rã 1.860 tên địch đang tháo chạy trên hướng tây bắc Gia Định, không cho chúng co cụm về Sài Gòn.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 12 bằng khen và giấy khen, 3 lần là Chiến sĩ thi đua, 2 lần là Dũng sĩ.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Phan Trung Kiên được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN ĐÌNH KIỆP

Nguyễn Đình Kiệp sinh năm 1943, dân tộc Kinh, quê ở xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, nhập ngũ tháng 10 năm 1963. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thiếu tá trung đoàn trưởng Trung đoàn 66 bộ binh, Sư đoàn 10, Quân đoàn 3.

Từ cuối năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, Nguyễn Đình Kiệp chiến đấu ở Tây Nguyên. Trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ trung đoàn, đồng chí luôn luôn thể hiện quyết tâm chiến đấu cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Có trận, bản thân dẫn đầu 1 đại đội (có 23 tay súng) tiến công 1 tiểu đoàn địch, diệt gọn 1 đại đội. 4 trận khác, Nguyễn Đình Kiệp chỉ huy tiểu đoàn diệt 4 tiểu đoàn Mỹ - ngụy, gây khí thế thi đua diệt gọn đơn vị địch trong toàn mặt trận Tây Nguyên. Hai lần bị thương, đồng chí đều ở lại trận địa tiếp tục chỉ huy đơn vị chiến đấu đến khi giành thắng lợi.

Trong chiến dịch Tây Nguyên năm 1975, Nguyễn Đình Kiệp chỉ huy trung đoàn đánh 10 trận đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tính chung, bản thân đã chỉ huy đơn vị diệt 2.000 tên, bắt hơn 400 tên địch.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Đình Kiệp đã chỉ huy trung đoàn đánh chiếm và làm chủ bộ tổng tham mưu quân ngụy Sài Gòn, góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Khi làm cán bộ đại đội, đồng chí góp công sức xây dựng 3 đại đội trở thành Đơn vị anh hùng. Khi làm cán bộ tiểu đoàn rồi trung đoàn, Nguyễn Đình Kiệp cũng là người có nhiều thành tích xây dựng trung đoàn trở thành Đơn vị anh hùng.

Nguyễn Đình Kiệp tích cực học tập để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy.

Đồng chí được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 3 lần là Chiến sĩ thi đua, 4 lần là Dũng sĩ.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Nguyễn Đình Kiệp được Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG TÔN MINH LAI

Anh hùng Tôn Minh Lai sinh năm 1903, dân tộc Kinh, quê ở thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung úy, cán bộ tình báo thuộc Đoàn 22 Bộ tham mưu Quân khu 7.

Từ năm 1948 đến tháng 4 năm 1975 Tôn Minh Lai liên tục làm công tác tình báo. Gần 30 năm hoạt động ở vùng địch kiểm soát gặt gao, ông đã dũng cảm, mưu trí đưa nhiều cán bộ, mang tài liệu và lấy được nhiều tin tức về tình hình địch, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong những năm từ 1955 đến năm 1967, ông vừa làm nghề đập xích lô để sống vừa có điều kiện luồn lách từng góc phố để nắm vững tình hình. Nhiều lần, ông cải trang và khéo léo tìm mọi cách lọt vào nơi địch kiểm soát ngặt nghèo để nắm tin tức chính xác. Từ năm 1968 đến 1975, ông làm nhiệm vụ chuyển tài liệu, tin tức, dẫn cán bộ ra vào Sài Gòn. Công việc khó khăn, có những lần phải vượt qua hàng chục trạm kiểm soát của địch để liên lạc với cơ sở, nhờ sự lanh lẹ và hoạt bát Tôn Minh Lai đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, tuyến giao liên trong thành phố Sài Gòn do Tôn Minh Lai phụ trách hoạt động rất tích cực để chuẩn bị cho quân ta đánh vào nội thành. Mật thám, gián điệp ngày đêm theo dõi, tăng cường lực soát khắp nơi, đồng chí vẫn bình tĩnh đưa đón cán bộ, chuyển công văn, tài liệu đến nơi an toàn.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 3 lần là Chiến sĩ thi đua.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Tôn Minh Lai được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG VÕ HOÀNG LÊ

Anh hùng Võ Hoàng Lê (tức Võ Văn Quân) sinh năm 1935, dân tộc Kinh, quê ở xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thiếu tá, bác sĩ, Viện trưởng Viện Quân y 2, Bộ tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 1961 đến tháng 4 năm 1975, Võ Hoàng Lê là chủ nhiệm quân y đặc khu Sài Gòn - Gia Định, hoạt động ở vùng sâu có nhiều khó khăn gian khổ, địch thường xuyên đánh phá ác liệt, đồng chí luôn nêu cao tinh thần hết lòng phục vụ thương binh. Hàng ngày, Võ Hoàng Lê làm việc hơn 10 tiếng đồng hồ. Nhiều lần Võ Hoàng Lê đi cùng đơn vị chiến đấu ở mặt trận để cứu chữa thương binh. Đồng chí đã cứu sống được nhiều trường hợp có vết thương hiểm nghèo. Trong hoàn cảnh thiếu thốn nhiều về dụng cụ, thuốc men, Võ Hoàng Lê đã nghiên cứu, chế tạo được nhiều dụng cụ y tế từ những vật liệu thông thường, tận dụng dược liệu tại chỗ làm thuốc để chữa cho thương, bệnh binh có hiệu quả. Có lần, địch đánh vào khu vực có thương, bệnh binh, đồng chí đã tổ chức sơ tán thương binh, bệnh binh an toàn, còn mình chỉ huy đơn vị đánh trả quyết liệt. Một lần khác, chỉ có 10 nhân viên, y sĩ, bác sĩ do Võ Hoàng Lê chỉ huy đã đánh lui cuộc càn quét của 1 đại đội địch. Trong các trận đánh đồng chí đã diệt 60 tên (có 30 tên Mỹ), phá hủy 3 xe quân sự. Những khi thiếu vũ khí, trên chưa kịp tiếp tế, Võ Hoàng Lê đã tranh thủ và động viên anh em tự làm mình để đánh địch. Riêng đồng chí làm được hàng trăm quả. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Võ Hoàng Lê đã động viên bác sĩ, y tá, hộ lý làm việc không kể ngày đêm để cứu chữa thương binh, góp phần vào chiến thắng của mùa xuân lịch sử.

Đồng chí đã được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 1 hạng nhì và 1 hạng ba), nhiều bằng khen và giấy khen.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Võ Hoàng Lê được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN XUÂN LIÊM

Anh hùng Nguyễn Xuân Liêm sinh năm 1946, dân tộc Kinh, quê ở xã Thăng Long, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung úy, chính trị viên Đại đội 1 thiết giáp, Tiểu đoàn 21 Bộ chỉ huy Miền.

Nguyễn Xuân Liêm chiến đấu ở chiến trường miền Đông Nam Bộ từ tháng 10 năm 1974 đến tháng 4 năm 1975. Anh cùng đơn vị phát huy được sức mạnh đột kích của xe thiết giáp, diệt nhiều xe tăng và hỏa điểm của địch, tạo điều kiện cho bộ binh xung phong, nhanh chóng giành thắng lợi. Ngày 6 tháng 1 năm 1975, Nguyễn Xuân Liêm tham gia đánh chiếm thị xã Phước Long. Khi quân ta mở cửa mở, địch tập trung hỏa lực ngăn chặn và chống cự quyết liệt. Hai xe thiết giáp của ta bị trúng đạn, chỉ còn 1 xe của anh chiến đấu ở cửa mở, anh bình tĩnh tăng tốc xông lên, đè bẹp các lớp rào và bắn mạnh diệt các hỏa điểm địch, mở được cửa mở cho bộ binh xung phong vào căn cứ. Ba xe tăng từ phía sau chi viện tới, Nguyễn Xuân Liêm dẫn đầu đội hình cùng bộ binh đánh thẳng vào sân bay thị xã, làm cho địch hoang mang rối loạn và thất bại nhanh chóng. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Xuân Liêm chỉ huy 4 xe yểm trợ cho bộ binh đánh vào hướng chủ yếu trong thị xã Xuân Lộc. Địch dùng máy bay và pháo binh ném bom, bắn phá ác liệt, đồng thời cho xe tăng ra phản kích ngăn chặn ta. Anh chỉ huy đơn vị xông thẳng vào đội hình xe tăng địch, bắn cháy 3 chiếc, những chiếc khác phải bỏ chạy, xe tăng ta tiếp tục dẫn dắt và cùng bộ binh đánh chiếm hoàn toàn sở chỉ huy chiến đoàn 52 ngụy.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, được tặng 16 bằng khen và giấy khen.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Nguyễn Xuân Liêm được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG
HOÀNG THỌ MẠC
(Liệt sĩ)

Anh hùng Hoàng Thọ Mạc sinh năm 1947, dân tộc Kinh, quê ở xã Xuân Vinh, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định. Khi hy sinh, đồng chí là đảng viên, thiếu úy, đại đội trưởng Đại đội 3, Tiểu đoàn 66, Lữ đoàn 202 xe tăng, Quân đoàn 1.

Từ năm 1965 đến tháng 5 năm 1967, Hoàng Thọ Mạc tham gia thanh niên xung phong phục vụ tuyến đường Trường Sơn. Tháng 6 năm 1967, Hoàng Thọ Mạc chuyển sang bộ đội, anh đã tham gia 5 chiến dịch, đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Hoàng Thọ Mạc là đại đội trưởng xe tăng, trực tiếp đi với xe đầu, quan sát nắm chắc từng mục tiêu, chỉ cho các xe đi sau bắn chính xác tiêu diệt xe tăng và hỏa điểm của địch. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau khi chỉ huy đánh chiếm Lái Thiêu, đơn vị Hoàng Thọ Mạc thọc sâu vào Sài Gòn. Tới cầu Vĩnh Bình (cách Sài Gòn 5km), quân ta gặp bộ binh địch co cụm đánh trả quyết liệt. Vì quá gần, hỏa lực trên xe tăng không bắn được, Hoàng Thọ Mạc nhanh chóng nhảy xuống xe, dẫn đầu các pháo thủ của 2 xe khác xông lên. Bị thương lần thứ nhất, anh tự băng bó rồi tiếp tục chiến đấu. Lần thứ hai bị thương nặng, Hoàng Thọ Mạc vẫn không rời vị trí, lấy thân mình che cho 1 chiến sĩ bị thương khác và đồng viên đồng đội xông lên. Hành động dũng cảm đó của anh đã kịp thời cổ vũ đơn vị hăng hái tiêu diệt bọn địch co cụm, mở đường cho bộ binh tiến vào đánh chiếm các vị trí quan trọng trong nội thành Sài Gòn. Hoàng Thọ Mạc đã anh dũng hy sinh sau khi làm tròn nhiệm vụ.

Đồng chí được truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng ba.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Hoàng Thọ Mạc được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN VĂN MINH

Anh hùng Nguyễn Văn Minh (tức Ba Sáng) sinh năm 1933, dân tộc Kinh, quê ở Hưng Yên. Trong kháng chiến chống Mỹ đồng chí là cán bộ Tổng cục II, Bộ Quốc phòng.

Năm 1953, Điện viên H3 - Nguyễn Văn Minh tham gia phong trào công nhân hoạt động tại Sài Gòn. Năm 1959, đồng chí được phái vào quân đội ngụy hoạt động, trở thành nhân viên văn thư bảo mật thuộc văn phòng tổng tham mưu trưởng ngụy Cao Văn Viên. Được sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên, Nguyễn Văn Minh đã cung cấp nhiều tài liệu quan trọng, có độ chính xác cao giúp cho cơ quan chỉ đạo chiến lược ta hiểu rõ âm mưu, ý đồ của địch. Trong những giai đoạn quan trọng của cuộc chiến tranh, Nguyễn Văn Minh là một trong những cán bộ cung cấp nhiều tin tức góp phần phục vụ cho cấp trên giải quyết, giải đáp một loạt các vấn đề chiến lược quan trọng trong một thời điểm then chốt. Nhờ có vị trí công tác tốt, với đức tính hiền lành, thông minh, lanh lợi, đồng chí đã tạo cho mình vỏ bọc bảo vệ tốt. Với khối lượng công việc lớn hàng ngày Nguyễn Văn Minh phải đọc gần 300 bản tin đi và đến, chọn lọc cung cấp cho ta những tin quan trọng. Có thời gian, đồng chí thức suốt đêm để sao chép công văn tài liệu tối mật của địch kịp thời cung cấp cho ta. Hơn 20 năm hoạt động bí mật, 16 năm trong quân đội ngụy, trong đó có gần 10 năm trong bộ tổng tham mưu ngụy, dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của cơ quan tình báo chiến lược, Nguyễn Văn Minh đã phát huy hiệu lực cao nhất, an toàn tuyệt đối, cung cấp những tin quan trọng làm cơ sở cho cấp trên hạ quyết tâm chính xác trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng, 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng (hạng nhất, hạng nhì, hạng ba) và nhiều bằng khen, giấy khen.

Ngày 11 tháng 6 năm 1999, Nguyễn Văn Minh được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG PHẠM HUY NGHỆ

Anh hùng Phạm Huy Nghệ sinh năm 1954, dân tộc Kinh, quê ở xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thượng sĩ, y tá Đại đội 1, Tiểu đoàn 19, Trung đoàn 116, Sư đoàn 2, Quân khu 7.

Từ năm 1971 đến tháng 4 năm 1975, Phạm Huy Nghệ chiến đấu ở chiến trường Đông Nam Bộ. Trong chiến đấu, Nghệ luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, băng bó, chăm sóc và đưa thương binh về phía sau an toàn. Anh còn tham gia đánh 11 trận, diệt 25 tên địch, phá hủy 4 khẩu pháo, 15 xe tăng, đánh sập 14 nhà lính. Trận ngày 25 tháng 8 năm 1974, Phạm Huy Nghệ nhanh chóng đánh hết các mục tiêu được phân công, rồi chỉ huy tổ đánh phát triển của mở cho đơn vị rút. Sau đó, anh còn đưa được 1 thương binh ra phía sau an toàn. Trong 1 trận, anh đã hoàn thành xuất sắc 3 nhiệm vụ: cắt rào, đánh bộc phá, băng bó cấp cứu thương binh. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, trận đánh chiếm cầu xa lộ Biên Hòa ngày 28 tháng 4 năm 1975, sau khi Nghệ xung phong cắt rào, dẫn bộ đội tiến công địch ở khu vực đầu cầu thì trời sáng. Địch đưa xe tăng từ Long Bình tới phản kích, anh vác bộc phá lên mặt đường chặn đánh xe tăng địch để đơn vị củng cố trận địa. Suốt 2 ngày 28 và 29 tháng 4, Phạm Huy Nghệ chỉ huy 1 tổ ngoan cường đánh lui nhiều đợt phản kích của địch ở khu vực Lò Gạch, góp phần tích cực cùng đơn vị giữ vững khu đầu cầu, bảo đảm cho các đơn vị qua cầu tiến vào Sài Gòn.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 2 lần là Dũng sĩ, 10 bằng khen và giấy khen.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Phạm Huy Nghệ được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG ĐOÀN NGỌC NHẠC

Anh hùng Đoàn Ngọc Nhạc sinh năm 1924, dân tộc Kinh, quê ở xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nguyên đại tá, Cục trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an). Đồng chí đã từ trần tháng 3 năm 1996.

Là một cán bộ tình báo được cử đi hoạt động ở nhiều địa bàn khác nhau (từ 1964 đến 1970 và từ năm 1973 đến 1977). Trong hơn 10 năm, bằng các biện pháp nghiệp vụ, Đoàn Ngọc Nhạc đã phát hiện, xây dựng được nhiều cơ sở bí mật phục vụ cho công tác thu thập tin tức tình báo, tuyển chọn cài cắm nhiều cơ sở trở về tham gia vào bộ máy chính quyền ngụy Sài Gòn để phục vụ cho công tác đánh địch lâu dài. Thông qua mạng lưới cơ sở rộng khắp, Đoàn Ngọc Nhạc đã báo cáo Bộ để cung cấp cho Trung ương nhiều tin tức có giá trị. Điển hình như: Báo cáo nguồn tin Mỹ chuẩn bị mở chiến dịch Đường 9 - Nam Lào; Mỹ âm mưu sẽ đưa biệt kích nhảy dù xuống Sơn Tây để giải thoát cho phi công Mỹ và nhiều tin tức quan trọng khác phục vụ cuộc đàm phán tại Pa-ri, đặc biệt phục vụ cho việc mở chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng miền Nam. Đồng chí đã có nhiều đóng góp quan trọng vào nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

Đồng chí được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và nhiều phần thưởng khác.

Ngày 22 tháng 7 năm 1998, Đoàn Ngọc Nhạc được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG LÊ THỊ NHIỄM

Anh hùng Lê Thị Nhiễm sinh năm 1902, dân tộc Kinh, quê ở huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Khi được tuyên dương Anh hùng, bà là chiến sĩ giao liên tình báo thuộc Đoàn 22, Cục Tham mưu Bộ tư lệnh Miền.

Suốt thời gian từ năm 1945 đến tháng 4 năm 1975, Lê Thị Nhiễm là chiến sĩ giao liên tình báo và là cơ sở của các đầu mối tình báo quan trọng trong thành phố Sài Gòn. Tuy tuổi già, sức yếu, hoạt động ở nội thành có nhiều khó khăn, nguy hiểm, có lần bị địch bắt, tra tấn dã man nhưng bà vẫn kiên cường chịu đựng và luôn hoàn thành nhiệm vụ. Thoát khỏi nhà tù, bà lại hăng hái hoạt động, đã hàng trăm lần đưa công văn, tài liệu, đón nhiều cán bộ tình báo vào thành phố công tác. Có lần, vào năm 1964, một cán bộ tình báo của ta bị địch bắt giam, bà đã đến các cơ quan ngục quyền từ cấp tỉnh đến trung ương, vừa dùng tiền mua chuộc, vừa thuyết phục đấu tranh, buộc chúng phải thả đồng chí đó ra. Từ tháng 7 năm 1969 đến tháng 2 năm 1970, bà bị địch bắt, chúng tra tấn dã man nhưng bà không chịu khuất phục, vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, nén đau và còn động viên chị em khác trong tù tích cực tham gia các cuộc đấu tranh với địch. Ra tù, bà tiếp tục hoạt động trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Lê Thị Nhiễm vẫn là đầu mối quan trọng trong thành phố Sài Gòn. Lê Thị Nhiễm là một chiến sĩ tình báo trung kiên, một cơ sở phục vụ đắc lực cho cách mạng trong suốt 30 năm liên tục, được cán bộ, chiến sĩ hết lòng tin tưởng.

Bà được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Lê Thị Nhiễm được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG ĐỖ VĂN NINH

Anh hùng Đỗ Văn Ninh sinh năm 1939, dân tộc Kinh, quê ở phường Ninh Xá, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thiếu tá, trung đoàn trưởng Trung đoàn 113 đặc công, Bộ tư lệnh Đặc công.

Đỗ Văn Ninh chiến đấu ở chiến trường miền Đông Nam Bộ từ năm 1967 đến tháng 4 năm 1975, anh chỉ huy đơn vị diệt 3.000 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh quan trọng. Bản thân Đỗ Văn Ninh diệt 80 tên Mỹ, đánh sập 7 nhà lính, 3 nhà kho, nhiều lô cốt, hầm ngầm. Tháng 7 năm 1968, anh vượt qua 7 lớp rào vào trinh sát căn cứ lữ đoàn 3 ngự ở Dầu Tiếng và dẫn đầu 1 mũi mở đường, tạo cửa mở cho đơn vị đánh vào tung thâm, diệt 2 trung đội Mỹ, 16 hầm ngầm và lô cốt, phá 2 nhà tầng, 4 xe. Anh diệt được 5 tên Mỹ, phá hủy 5 hầm ngầm, lô cốt. Đầu năm 1969, Đỗ Văn Ninh chỉ huy đại đội đánh căn cứ Dầu Tiếng lần thứ hai, diệt sở chỉ huy lữ đoàn địch, phá hủy 2 khu thông tin. Tự mình đánh sập 4 lô cốt, hầm ngầm và nhà kho của chúng. Năm 1969, đánh căn cứ Téch-ních (Bình Long), anh đi trinh sát suốt 7 ngày đêm rồi dẫn đơn vị vào đánh. Tiểu đoàn diệt được sở chỉ huy lữ đoàn 1 (gồm 500 tên), phá hủy 13 khẩu pháo, nhiều lô cốt hầm ngầm. Năm 1972, anh cho đạn vào phuy xăng chuyển qua sông đánh sân bay Biên Hòa, phá hủy nhiều máy bay, đường băng. Cùng năm, Đỗ Văn Ninh chỉ huy đánh tiếp tổng kho Long Bình, phá hủy 150 tấn bom, đạn, 12 ngàn tấn xăng dầu, diệt 300 tên. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, anh chỉ huy trung đoàn tiến công căn cứ Hóc Bà Thúc diệt thiết đoàn 15, đánh lui 5 đợt phản kích của địch, tạo điều kiện cho đơn vị bạn đánh vào thị xã Biên Hòa.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 5 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 4 lần là Chiến sĩ thi đua, 4 lần là Dũng sĩ.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Đỗ Văn Ninh được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG ĐỖ TẤN PHONG

Anh hùng Đỗ Tấn Phong (tức Đỗ Văn Trục) sinh năm 1925, dân tộc Kinh, quê ở xã Tân Đông Hiệp, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thiếu tá, cán bộ biệt động Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 1945 đến tháng 12 năm 1952, Đỗ Tấn Phong đã qua các nhiệm vụ: đội trưởng đội trinh sát, chỉ huy phó đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Đặc biệt, anh là người có công lớn trong việc xây dựng 5 đội vũ trang tuyên truyền hoạt động trong nội thành Sài Gòn. Năm 1953, Đỗ Tấn Phong hai lần bị địch bắt. Năm 1954, sau khi được trao trả, anh xin ở lại Sài Gòn để tiếp tục hoạt động. Từ năm 1955 đến tháng 4 năm 1975, Đỗ Tấn Phong liên tục hoạt động ở nội thành Sài Gòn. Đơn vị anh đã đánh hàng trăm trận, diệt hàng nghìn tên, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Cuối năm 1965, Đỗ Tấn Phong chỉ huy biệt động tiến công bọn sĩ quan Mỹ tại nhà hàng Mỹ Cảnh (nội thành Sài Gòn), diệt và làm bị thương hơn 100 tên. Xuân 1968, anh chỉ huy cụm biệt động 679 táo bạo tiến công vào khu vực cổng Phi Long (sân bay Tân Sơn Nhất và bộ tổng tham mưu nguy, đánh địch ở quận 5, quận 6 diệt hàng trăm tên địch, phá hủy đài truyền hình nguy quyền Sài Gòn. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Đỗ Tấn Phong chỉ huy trung đoàn biệt động đánh chiếm quận Phú Nhuận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đồng chí đã được tặng thưởng Huân chương Thành đồng Tổ quốc, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Đỗ Tấn Phong được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN MINH QUANG

Anh hùng Nguyễn Minh Quang (tức Nguyễn Tấn Khoa), sinh năm 1930, dân tộc Kinh, quê ở xã Bình Đức, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung tá, Phó chính ủy trung đoàn, thuộc Sư đoàn 5, Quân khu 7.

Từ năm 1962 đến tháng 4 năm 1975, Nguyễn Minh Quang hoạt động ở vùng Bà Rịa - Long Khánh. Trận đánh vào sân bay Biên Hòa năm 1968, đồng chí chỉ huy tiểu đoàn đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn (có 2 tiểu đoàn Mỹ, 1 tiểu đoàn ngụy), bắn cháy 27 xe tăng. Tháng 3 năm 1975, trong trận đánh căn cứ ngã ba Ông Đồn, địch chống cự quyết liệt, Nguyễn Minh Quang đã đi sát bộ đội, chỉ huy tiêu diệt căn cứ này. Tiếp đó, đồng chí chỉ huy đánh địch trên đường số 1, đường số 3, tạo điều kiện cho đơn vị bạn phát triển thuận lợi. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Minh Quang chỉ huy trung đoàn đánh chiếm ngã ba Dầu Dây, diệt 1 đại đội và 2 khẩu pháo 105mm của địch chốt giữ ở đây, tạo điều kiện cho đơn vị bạn đánh thị xã Xuân Lộc. Đơn vị đã sử dụng 2 khẩu pháo thu được của địch bắn diệt một số mục tiêu xung quanh. Địch cho chiến đoàn 52 và 1 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn cơ giới phản kích chiếm lại chốt, anh chỉ huy đơn vị chiến đấu 1 ngày, 1 đêm và đã đánh bại mọi sự cố gắng của chúng. Nguyễn Minh Quang sống gương mẫu, khiêm tốn, giản dị, luôn chú trọng xây dựng trung đoàn Đồng Nai trở thành Đơn vị anh hùng.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, và nhiều bằng khen, giấy khen.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Nguyễn Minh Quang được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG HOÀNG VĂN QUYẾT

Anh hùng Hoàng Văn Quyết sinh năm 1952, dân tộc Tày, quê ở xã Y Tịch, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, chuẩn úy, trung đội trưởng thuộc Đại đội 3 tên lửa, Tiểu đoàn 172, Sư đoàn 367, Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân.

Hoàng Văn Quyết tham gia chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ từ năm 1972 đến tháng 4 năm 1975, anh đã bắn rơi 14 máy bay địch, gồm 9 kiểu loại khác nhau, trong đó có 12 chiếc rơi tại chỗ - là người bắn rơi nhiều máy bay nhất trong quân chủng bằng tên lửa mang vác. Ngày 19 tháng 9 năm 1972, trung đội Hoàng Văn Quyết nhận nhiệm vụ phối thuộc với bộ đội chốt chặn trên đường số 13 (đoạn Lai Khê) tất cả anh em bị ốm, bị sốt rét, còn một mình anh vẫn đi đánh. Địch cho 2 máy bay AD6 đánh phá trận địa chốt, Quyết lập tức bắn rơi tại chỗ 1 chiếc. Ngày 25 tháng 10 năm 1972, sau 7 ngày đêm hành quân mang vác nặng, đến khu vực Hà Đông (Củ Chi) Hoàng Văn Quyết cho triển khai chiến đấu ngay. Trận này anh bắn rơi 2 máy bay địch (1 L19, 1 AD6), chi viện đắc lực cho bộ binh chiến đấu. Đầu tháng 12 năm 1973, đánh địch lấn chiếm Bù Bông, Hoàng Văn Quyết chọn đúng thời cơ, bắn 2 quả đạn, hạ tại chỗ 2 máy bay (1 C130, 1 C123). Trong 2 ngày 29 và 30 tháng 3 năm 1974 Hoàng Văn Quyết chiến đấu ở khu vực Đức Huệ (Long An), bắn rơi 2 máy bay địch (1 L19, 1 AD6). Ngày 13 tháng 1 năm 1975, Quyết bắn hạ tại chỗ 1 chiếc A37 khi chúng đến bắn phá đội hình bộ binh của ta và thả quả cầu lửa để chống đạn tên lửa. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ngày 28 tháng 4 năm 1975, Hoàng Văn Quyết phóng 1 quả đạn hạ tại chỗ 1 chiếc F5.

Đồng chí được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 2 lần là Chiến sĩ thi đua, 13 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ, được tặng 3 bằng khen và giấy khen.

Ngày 20 tháng 10 năm 1976, Hoàng Văn Quyết được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

**ANH HÙNG
NGUYỄN THỊ RÀNH**

Anh hùng Nguyễn Thị Rành sinh năm 1900, dân tộc Kinh, quê ở xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi được tuyên dương Anh hùng, bà là dân quân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 1960 đến tháng 4 năm 1975, bà Nguyễn Thị Rành phục vụ dân quân du kích xã chiến đấu. Địch đánh phá địa phương rất ác liệt, mở nhiều cuộc càn quét, dồn dân lập ấp, đốt phá nhà cửa, bà vẫn kiên trì bám đất, bám dân, tích cực đấu tranh với giặc. Có lần, chúng bắt và tra tấn bà dã man nhưng bà kiên gan chịu đựng, luôn luôn trung thành với cách mạng, không chịu khuất phục. Sau mỗi lần Mỹ - ngụy đốt nhà, bà lại làm nhà và tiếp tục đào hầm bí mật, nuôi giấu cán bộ, cất giấu vũ khí tiếp tế cho du kích và bảo vệ an toàn cho hàng trăm người trong những trường hợp địch càn quét, lùng sục ở địa phương. Ngoài ra, bà còn tích cực động viên con cháu đi bộ đội, vào du kích đánh giặc, sẵn sàng chịu đựng và hy sinh lợi ích cá nhân để phục vụ lợi ích cách mạng. Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, 8 người con trai yêu dấu của bà lần lượt đi bộ đội, vào du kích chiến đấu và tất cả đã anh dũng hy sinh. Nén nỗi thương đau mất mát vào lòng, bà lại tiếp tục động viên 3 người cháu đi bộ đội giết giặc, cứu nước, bảo vệ quê hương. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, mặc dù tuổi cao nhưng bà Nguyễn Thị Rành tiếp tục động viên con cháu tiếp tế cho cách mạng. Tấm gương tiêu biểu về tinh thần triệt để cách mạng của bà Nguyễn Thị Rành có tác dụng động viên, lôi cuốn nhân dân đất thép Củ Chi hăng hái tham gia cách mạng.

Bà được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, bà Nguyễn Thị Rành được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG HỒ VĂN SINH

Anh hùng Hồ Văn Sinh sinh năm 1949, dân tộc Kinh, quê ở xã Quỳnh Phương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, chuẩn úy, đại đội phó Đại đội 53 đặc công, Trung đoàn 113, Đoàn 2 Bộ chỉ huy Miền.

Đầu năm 1972 đến tháng 4 năm 1975, Hồ Văn Sinh chiến đấu ở khu vực Biên Hòa. Được giao nhiệm vụ trinh sát, anh trực tiếp đi điều tra hàng chục mục tiêu quan trọng, phục vụ đơn vị đánh thắng nhiều trận. Hồ Văn Sinh đánh 9 trận, phá hủy 34 xe quân sự, 2 máy bay, 4 kho xăng và 2 kho đạn chứa hơn 20 vạn tấn. Tháng 8 năm 1973, ta chuẩn bị tiến công sân bay Biên Hòa, Hồ Văn Sinh chỉ huy 1 tổ kiên trì bám sát mục tiêu trong 10 ngày đêm, có ngày phải nằm lại trong hàng rào cản cứ để theo dõi hoạt động của địch được chính xác hơn. Khi đánh, anh dẫn đầu tổ đột nhập phá hủy 5 máy bay F5 của địch (riêng Sinh phá hủy 2 chiếc máy bay). Trận đánh kho bom Bình Y nằm sát sân bay Biên Hòa, xung quanh có nhiều lớp rào và vật chướng ngại, hàng ngày địch canh phòng rất cẩn mật. Nhiều lần đơn vị cử người đi điều tra nghiên cứu cách đánh nhưng không có kết quả, anh xung phong đi tiếp. Sau 4 ngày đêm nghiên cứu, nắm chắc tình hình quy luật của địch, Hồ Văn Sinh mạnh dạn táo bạo đề xuất phương án tác chiến. Đó là hướng đột kích bất ngờ chọc thẳng qua sân bay, vào đánh kho. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Hồ Văn Sinh trực tiếp chỉ huy chiến đấu phá hủy 50 vạn tấn bom, đạn. Riêng Hồ Văn Sinh phá 2 kho lớn chứa 20 vạn tấn.

Đồng chí đã được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 4 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Hồ Văn Sinh được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG HỒ VĂN TẮNG

Anh hùng Hồ Văn Tấn sinh năm 1933, dân tộc Kinh, quê ở xã Tân Thành Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đội trưởng đội an ninh vũ trang đơn vị bảo vệ Thành ủy Sài Gòn - Gia Định.

Gia đình Hồ Văn Tấn có 5 anh em trai đã anh dũng hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, bản thân tham gia hoạt động cách mạng từ khi 15 tuổi và đã trải qua nhiều lĩnh vực công tác khác nhau. Dù ở lĩnh vực nào đồng chí cũng khắc phục khó khăn, gian khổ, khôn khéo, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Thời kỳ 1954-1960, địch lê máy chém khắp miền Nam, gây nhiều tội ác dã man với cán bộ và nhân dân ta, Hồ Văn Tấn đã cùng đồng đội xây dựng được hàng chục căn cứ, làm hàng trăm hầm bí mật để có nơi ăn, nghỉ cho lãnh đạo và cán bộ. Riêng đồng chí xây dựng được hàng trăm cơ sở có tác dụng tốt, khi đóng giả làm người đi chăn vịt, khi đóng giả làm người đánh cá để chuyển giao tài liệu cho đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và đưa lãnh đạo Khu ủy đi công tác an toàn. Năm 1962, nhận nhiệm vụ xây dựng bệnh xá, Hồ Văn Tấn đã chọn và đào tạo được 10 y tá, hộ lý, xây dựng bệnh xá 50 giường bệnh bảo đảm chữa trị cho cán bộ, chiến sĩ bị bệnh ở cơ quan Trung ương Cục. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Bí thư Đảng ủy đơn vị bảo vệ Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, Hồ Văn Tấn đã bảo vệ an toàn và phục vụ tốt đồng chí Võ Văn Kiệt trong điều kiện khó khăn ác liệt. Đơn vị bảo vệ Thành ủy do đồng chí phụ trách được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng năm 1976.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Quyết thắng hạng nhất, 1 Huân chương chống Mỹ, cứu nước hạng nhất.

Ngày 28 tháng 8 năm 1981, Hồ Văn Tấn được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG ĐÌNH QUYẾT TÂM

Anh hùng Đình Quyết Tâm (tức Đình Văn Nhẫn) sinh năm 1948, dân tộc Kinh, quê ở xã Tân Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, chuẩn úy, đại đội phó thông tin thuộc Đại đội 2, Tiểu đoàn 40, Trung đoàn 23, Quân khu 7.

Từ năm 1964 đến tháng 4 năm 1975, Đình Quyết Tâm hoạt động ở chiến trường miền Đông Nam Bộ, trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ đại đội, anh đã phục vụ hàng trăm trận đánh, góp phần tích cực cùng đơn vị bảo đảm thông tin thông suốt. Cuối năm 1967, địch mở cuộc càn lớn vào căn cứ của ta, cắt đứt đường liên lạc giữa Bộ chỉ huy cơ bản của Miền và Bộ chỉ huy Tiền phương. Đình Quyết Tâm được giao nhiệm vụ tiếp tục mở đường, nối thông liên lạc và đưa đường cho Bộ chỉ huy Tiền phương trở về được an toàn, đúng thời gian quy định. Đầu năm 1970, địch mở cuộc càn đánh phá ác liệt vào căn cứ. Có lần nhận chuyển công văn hỏa tốc hẹn giờ, Đình Quyết Tâm phụ trách tổ 5 người, trên đường đi vướng mìn địch, 3 đồng chí bị thương, 1 đồng chí hy sinh. Tâm khẩn trương băng rừng đưa công văn đến nơi đúng hẹn, lúc quay về, anh đã tìm đưa 3 đồng chí bị thương đến trạm phẫu thuật kịp thời và chôn cất đồng chí hy sinh chu đáo. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Đình Quyết Tâm đã làm các nhiệm vụ bảo đảm thông tin trong các trận đánh núi Bà Đen, Bến Cầu, Rừng Dầu, Trà Cao, Đức Huệ... anh đã phụ trách tổ máy thông tin từ Sư đoàn 5 đến Trung đoàn 232, trực tiếp phục vụ cho một bộ phận ở một hướng chiến dịch.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 5 lần là Chiến sĩ thi đua.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Đình Quyết Tâm được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG HUỲNH CÔNG THÂN

Anh hùng Huỳnh Công Thân (tức Huỳnh Công Mến) sinh năm 1923, dân tộc Kinh, quê ở xã Hựu Thành, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là phường 4, thị xã Tân An, tỉnh Long An). Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, Thiếu tướng chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Long An.

Năm 1946, Huỳnh Công Thân hoạt động ở huyện Cần Giuộc, được cử vào Thường vụ huyện ủy. Năm 1954, Huỳnh Công Thân là cán bộ quân sự, được cử là Thường vụ huyện ủy huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Năm 1955-1957, đồng chí tham gia tổ chức, chỉ huy lực lượng vũ trang ở các huyện Đức Hòa, Bến Lức. Từ năm 1961-1963, Huỳnh Công Thân chỉ huy trực tiếp lực lượng vũ trang, đánh chiếm các căn cứ lớn của địch. Tiêu biểu là trận đánh ngày 23 tháng 11 năm 1963 vào căn cứ biệt kích Mỹ ở Hiệp Hòa, diệt và làm bị thương 500 tên, thu trên 500 súng các loại. Tết Mậu Thân 1968, Huỳnh Công Thân là Tư lệnh Phân khu 3 chỉ huy 9 tiểu đoàn đánh vào quận 7, 8 và 6 mở đường đánh chiếm tổng nha cảnh sát ngụy. Tháng 5 năm 1968, đồng chí chỉ huy lực lượng vũ trang Long An đánh vào Sài Gòn đợt 2, diệt 10 đồn quận 8 và 1 tiểu đoàn Mỹ. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Huỳnh Công Thân chỉ huy cánh quân vào hướng Tây Nam Sài Gòn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đồng chí được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến công hạng nhì, 3 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc của Nhà nước Cam-pu-chia.

Ngày 31 tháng 7 năm 1998, Huỳnh Công Thân được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN HỒNG THẾ

Anh hùng Nguyễn Hồng Thế sinh năm 1953, dân tộc Kinh, quê ở xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thượng sĩ, đại đội phó Đại đội 5 đặc công, Trung đoàn 10, Đoàn 2, Bộ chỉ huy Miền.

Trong hai năm 1972, 1973 Nguyễn Hồng Thế làm nhiệm vụ trinh sát, cùng đơn vị đánh các kho xăng Rạch Dừa, Nhà Bè. Anh đã khắc phục khó khăn, nguy hiểm, kiên trì bám sát, nắm chắc cách bố trí khu kho và sự cảnh giới của địch; nhiều khi ngâm mình dưới nước 3, 4 giờ liền trong mưa to, sóng lớn hoặc táo bạo nằm sát hàng rào căn cứ địch giữa ban ngày để điều tra được chính xác. Đặc biệt, 6 tháng cuối năm 1973, Nguyễn Hồng Thế đã 14 lần ra vào vị trí kho Nhà Bè, giúp đơn vị hạ quyết tâm và sử dụng lực lượng chính xác. Ngày 2 tháng 12 năm 1973, trong trận đánh kho xăng Nhà Bè, anh bí mật gỡ nhiều lớp rào, đưa đơn vị lọt vào vị trí, sau đó một mình nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ đánh 6 mục tiêu và rút cuối cùng khi đồng đội đã trở về an toàn. Trận này, bằng gan dạ và sự mưu trí, lanh lợi, Nguyễn Hồng Thế góp phần tích cực cùng đơn vị đốt cháy gần 20 vạn tấn xăng, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh khác của địch. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Hồng Thế chỉ huy đơn vị chốt chặn địch trên đường số 15, đánh địch ở cảng hải quân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng ba và 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Ngày 12 tháng 9 năm 1975, Nguyễn Hồng Thế được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG DƯƠNG VĂN THÌ

Anh hùng Dương Văn Thì sinh năm 1936, dân tộc Kinh, quê ở xã Phú Hữu, huyện Nhân Trạch, tỉnh Đồng Nai. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung úy, đại đội trưởng bộ binh, bộ đội địa phương huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 1959 đến năm 1965 Dương Văn Thì tham gia du kích, ngày nằm hầm, đêm bám địch, đưa đón cán bộ về hoạt động. Từ tháng 4 năm 1966 đến Xuân 1975, anh đã chiến đấu hơn 100 trận, chỉ huy tiểu đội, trung đội diệt và làm bị thương gần 600 tên địch, bắn rơi và phá hủy 3 máy bay lên thẳng, bắn chìm 2 tàu chiến, phá hủy 5 xe quân sự. Riêng anh diệt 68 tên (có 25 tên Mỹ, 2 ác ôn), phá hủy 1 xe tăng, 1 xe ủi. Tháng 4 năm 1970, Dương Văn Thì dùng mìn phá hủy 1 xe bọc thép, 1 xe ủi, ngăn chặn âm mưu địch cày ủi ruộng vườn. Tháng 5 năm 1970, anh chỉ huy tổ đánh tan một đại đội địch đi càn ở Tây Hòa. Ngày 6 tháng 3 năm 1971, Dương Văn Thì chỉ huy tổ táo bạo mang mìn vào giữa cụm quân địch diệt 12 tên, làm bị thương một số tên khác. Bọn địch ở bốt Bà Mung hoảng hốt rút chạy. Ngày 25 tháng 4 năm 1971, địch đi càn, anh đặt mìn phục kích, diệt 13 tên. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 1975, Dương Văn Thì chỉ huy đại đội đánh chiếm cầu Tân Cảng, sau đó trụ lại đánh địch phản kích, diệt và bắt nhiều tên, tạo điều kiện cho các đơn vị bạn tiến đánh Sài Gòn theo đường từ Thủ Đức được thuận lợi.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 1 lần là Chiến sĩ thi đua, 3 lần là Dũng sĩ, 10 bằng và giấy khen.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Dương Văn Thì được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG TRẦN XUÂN THIỆN

Anh hùng Trần Xuân Thiện sinh năm 1954, dân tộc Kinh, quê ở xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thượng sĩ, trung đội trưởng bộ binh, thuộc Đại đội 3, Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 64, Sư đoàn 320 Quân đoàn 3.

Từ tháng 1 năm 1973 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, Trần Xuân Thiện chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên, trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ trung đội, anh đã diệt và bắt 85 tên địch (có 5 sĩ quan), bắn cháy 2 xe bọc thép, bắt sống 2 xe tăng, thu 40 súng, 3 máy thông tin. Xuân 1975, anh đã đánh 5 trận lập thành tích xuất sắc. Trận Buôn Hồ (12-3-1975), Trần Xuân Thiện dẫn đầu tiểu đội đánh chiếm các mục tiêu được giao, tạo thuận lợi cho đơn vị diệt toàn bộ quân địch trong quận lỵ, giải phóng hơn 4 vạn dân. Trận đánh đường số 7 Cheo Reo ngày 19 tháng 3 năm 1975, thấy đoàn xe bọc thép địch tháo chạy qua chốt, anh lấy súng B40 bắn 2 quả đạn, phá hủy 2 xe bọc thép, rồi trèo lên xe dùng súng máy của địch bắn xối xả vào các xe khác. Anh cùng 6 đồng chí trong tiểu đội bắt toàn bộ địch và thu 25 xe còn lại. Đơn vị giữ vững trận địa chốt. Trận này anh diệt 15 tên, bắt 30 tên, thu 36 súng. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, trận đánh ở quận lỵ Hóc Môn, Trần Xuân Thiện chỉ huy trung đội diệt gọn 5 mục tiêu, tạo điều kiện cho đại đội và tiểu đoàn hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm thị trấn và quận lỵ Hóc Môn, góp phần mở cửa phía tây bắc Sài Gòn cho đại quân ta tiến vào nội thành.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, được tặng danh hiệu Dũng sĩ cấp ưu tú và Chiến sĩ thi đua năm 1975.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Trần Xuân Thiện được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG TRẦN MINH THIẾT

Anh hùng Trần Minh Thiết (tức Trần Quang Diệu) sinh năm 1946, dân tộc Kinh, quê ở xã Hòa Quý, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thượng úy, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 8 bộ binh, Trung đoàn 18, Sư đoàn 325, Quân đoàn 2.

Trần Minh Thiết chiến đấu ở chiến trường Trị - Thiên, Khu 5 và Đông Nam Bộ từ năm 1965 đến tháng 4 năm 1975, anh đã chỉ huy 64 trận đánh, diệt gọn 7 tiểu đoàn và nhiều đại đội địch, loại khỏi vòng chiến đấu 2.500 tên. Riêng Thiết diệt 86 tên, bắn cháy 1 xe tăng. Trận Đồi Tranh (Quảng Ngãi) ngày 5 tháng 2 năm 1967, dù hỏa lực địch bắn chặn ác liệt, Trần Minh Thiết vẫn dẫn đầu trung đội vượt qua cửa mở, đánh chiếm lô cốt đầu cầu và sở chỉ huy địch, tạo thuận lợi cho đơn vị xông lên đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn lính Nam Triều Tiên. Ngày 30 tháng 10 năm 1972, địch phản kích bắn hàng nghìn quả đạn pháo và dùng 5 lần chiếc máy bay B52 ném bom xuống khu vực Ái Tử (Quảng Trị) Trần Minh Thiết bình tĩnh chỉ huy đại đội chiến đấu diệt 1 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, giữ vững khu vực chốt. Trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng Xuân 1975, Trần Minh Thiết chỉ huy tiểu đoàn đánh chiếm quận lỵ Phú Lộc (Thừa Thiên), diệt địch ở đèo Hải Vân, đánh chiếm quân cảng Đà Nẵng và bán đảo Sơn Trà, tiêu diệt 3 tiểu đoàn địch. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, trong điều kiện rất khẩn trương, Trần Minh Thiết đã kiên quyết chỉ huy tiểu đoàn đánh căn cứ Bình Sơn diệt 1 tiểu đoàn địch, tạo thế cho trung đoàn tiến công vào hướng Sài Gòn.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 2 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua, 2 lần là Dũng sĩ, được tặng 12 bằng khen, giấy khen.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Trần Minh Thiết được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG LÊ THỤY

Anh hùng Lê Thụy sinh năm 1926, dân tộc Kinh, quê ở huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, đại tá.

Lê Thụy sinh ra và lớn lên trên quê hương giàu truyền thống cách mạng, xuất thân trong một gia đình nho giáo, hiếu học nên đã sớm giác ngộ cách mạng. Suốt 50 năm hoạt động trong những điều kiện vô cùng khó khăn, nguy hiểm và ác liệt, đồng chí chấp nhận sự hy sinh không hề tính toán. Lê Thụy luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân trên lợi ích cá nhân, giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng, bất kể tình huống nào, đồng chí cũng chủ động tiến công địch, nhiệm vụ nào cũng xung phong và hoàn thành tốt, lập nhiều chiến công xuất sắc. Lê Thụy có nhiều công lao xây dựng đội ngũ cán bộ trong đơn vị, đáp ứng mọi yêu cầu, nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh Lê Thụy có công lớn cung cấp thông tin cho cấp trên hạ quyết tâm mở chiến dịch cuối cùng. Đồng chí sống trong sạch, giản dị, khiêm tốn, chiến đấu và chỉ huy chiến đấu bình tĩnh, mưu trí, linh hoạt, dũng cảm, được đồng đội tin yêu mến phục, được cấp trên tin cậy, được nhân dân che chở đùm bọc, giúp đỡ.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng nhất, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 1 Huân chương Chiến công hạng nhì.

Ngày 29 tháng 1 năm 1996, Lê Thụy được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN THIỆN TỈNH

Anh hùng Nguyễn Thiện Tỉnh sinh năm 1949, dân tộc Kinh, quê ở xã Phù Vân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thiếu úy, chính trị viên phó Đại đội 6 bộ binh, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 9, Sư đoàn 304, Quân đoàn 2.

Từ năm 1969 đến năm 1972, Nguyễn Thiện Tỉnh chiến đấu ở chiến trường Trị - Thiên. Anh luôn luôn dũng cảm chiến đấu, dẫn đầu đơn vị xông lên giành thắng lợi cho trận đánh. Cùng đơn vị, Nguyễn Thiện Tỉnh diệt gọn 2 đại đội địch. Riêng anh, diệt được 29 tên, bắn cháy 1 xe tăng của chúng. Ngày 20 tháng 8 năm 1970, anh cùng khẩu đội chốt giữ điểm cao 680 (tây Đá Bàn - Quảng Trị). Địch phản kích vào gân trận địa ta, Nguyễn Thiện Tỉnh bị thương nhưng vẫn ôm nòng súng cối (không lắp bàn đế) bắn 20 quả đạn vào đội hình địch, diệt hơn 30 tên, góp phần bẻ gãy mũi tiến công của 1 đại đội Mỹ - ngụy, giữ vững trận địa. Trận đánh ở An Đôn (tây nam Quảng Trị) ngày 24 tháng 4 năm 1972, địch ngoan cố chống cự quyết liệt, Nguyễn Thiện Tỉnh đã thay thế cán bộ đại đội hy sinh, nhanh chóng củng cố lại đội hình, dẫn đầu đơn vị, đánh vào giữa vị trí địch. Trận này đơn vị diệt gọn 1 đại đội Mỹ - ngụy, bắn cháy 1 xe tăng. Riêng anh diệt được 15 tên. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, ngày 29 và 30 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Thiện Tỉnh phụ trách 1 mũi đánh địch ở khu rừng cao su Biên Hòa và đường số 15, diệt gần 100 tên địch, phá hủy 5 xe tăng. Riêng anh diệt 7 tên, phá hủy 1 xe tăng. Nhiều lần Nguyễn Thiện Tỉnh cống thương binh, tử sĩ vượt qua bom đạn địch về phía sau an toàn.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 2 lần được bầu là Chiến sĩ quyết thắng, Chiến sĩ thi đua, 3 lần là Dũng sĩ.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Nguyễn Thiện Tỉnh được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN ĐỨC TOÀN

Anh hùng Nguyễn Đức Toàn sinh năm 1949, dân tộc Kinh, quê ở xã Vân Hội, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thượng sĩ, tiểu đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 71 ô tô vận tải, Trung đoàn 536, Sư đoàn 471, Đoàn 559.

Từ năm 1969 đến tháng 4 năm 1975, Nguyễn Đức Toàn lái xe vận chuyển hàng trên tuyến đường 559. Máy bay địch đánh phá ác liệt nhưng anh luôn luôn bám xe, mưu trí vượt qua bom đạn của chúng, kiên quyết đưa hàng tới đích. 35 lần máy bay đánh trúng đội hình xe của đơn vị, lần nào Nguyễn Đức Toàn cũng xông vào lửa cứu đồng đội bị thương, cứu xe, cứu hàng. Anh đã chở được 1.680 tấn hàng vào chiến trường an toàn. Tháng 2 năm 1969, xe của đơn vị anh đang chạy trên đường 128 thì máy bay địch tới đánh phá trúng vào đội hình. Anh nhanh chóng giấu xe, rồi cứu các xe khác bị trúng bom, lần lượt công được 4 thương binh và 1 liệt sĩ đưa về nơi an toàn. Một đêm tháng 4 năm 1969, đơn vị đưa hàng vào kho ở gần sông Bạc, 1 xe chở đạn bị địch bắn cháy, Nguyễn Đức Toàn cùng anh em lấy đất dập lửa cứu được xe, đạn không bị nổ, bảo vệ cho cả đoàn xe 200 chiếc, giữ được bí mật khu vực kho. Năm 1973 và 1974 Nguyễn Đức Toàn liên tục lái xe trên cung đường dài 250km, trung bình mỗi tháng chạy được 22 chuyến, có tháng 28 chuyến, dẫn đầu sư đoàn về số chuyến trên cung đường này. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, năm 1975, Nguyễn Đức Toàn liên tục 20 ngày đêm chở bộ đội triển khai chiến đấu ở hướng tây bắc Sài Gòn, anh luôn gương mẫu, nhường xe tốt cho bạn, giữ gìn bảo quản xe tốt, lái xe hơn 20 vạn ki-lô-mét an toàn.

Đồng chí được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 5 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua, 3 lần là Chiến sĩ quyết thắng, được tặng 22 bằng khen và giấy khen.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Nguyễn Đức Toàn được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN THỊ THU TRANG

Anh hùng Nguyễn Thị Thu Trang sinh năm 1951, dân tộc Kinh, quê ở xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thượng sĩ, chiến sĩ Đội 4 biệt động Thành đội Sài Gòn.

Nguyễn Thị Thu Trang hoạt động ở thị trấn Trảng Bàng, 2 năm 1968 và 1969, chị xây dựng được 4 cơ sở cách mạng. Năm 1970 và 1971, Nguyễn Thị Thu Trang hoạt động ở Sài Gòn, chị chỉ huy tổ đánh 8 trận, trận nào cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Riêng Thu Trang diệt 150 tên địch, hầu hết là Mỹ và sĩ quan ngụy. Ngày 8 tháng 4 năm 1971, chị tổ chức đánh khách sạn Mỹ Phụng (đường Bạch Đằng), địch cảnh giới chặt chẽ, Thu Trang cùng một người khác phải cải trang vào khách sạn, đặt mìn xong, để đồng đội rút trước, chị rút ra sau, nếu lộ, sẵn sàng hy sinh để cho mìn nổ ngay. Kết quả, 40 tên Mỹ bị tiêu diệt và Thu Trang rút về đơn vị an toàn. Ngày 16 tháng 8 năm 1971 Thu Trang lại cải trang vào nhà cảnh sát ngụy Sài Gòn đặt mìn, diệt 11 tên. Ngày 15 tháng 9 năm 1971, lợi dụng lúc địch đang tổ chức bầu cử tổng thống, chị táo bạo lọt vào khách sạn Tự Do, diệt 90 tên Mỹ. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Thu Trang công tác tại cơ quan chính trị thuộc Bộ tư lệnh thành phố Sài Gòn, chị luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được đồng đội tin yêu, mến phục.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba, 3 lần là Dũng sĩ và được tặng 3 bằng khen.

Ngày 3 tháng 6 năm 1976, Nguyễn Thị Thu Trang được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG PHẠM VĂN TRỌNG

Anh hùng Phạm Văn Trọng (tức Trân) sinh năm 1944, dân tộc Kinh, quê ở xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, thượng úy, bác sĩ Viện quân y 2 thuộc Bộ tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 1962 đến tháng 4 năm 1975, Phạm Văn Trọng phục vụ chiến đấu ở ven thành phố Sài Gòn. Trưởng thành từ y tá lên bác sĩ, khi ở đội phẫu thuật, khi làm quân y sĩ tiểu đoàn, đội trưởng đội phẫu thuật, đại đội trưởng quân y sư đoàn, anh đã góp phần cùng đơn vị cứu sống hơn 1.000 trường hợp thương, bệnh binh nặng, có hàng trăm trường hợp vết thương hiểm nghèo. Từ năm 1969 đến năm 1972, Phạm Văn Trọng làm quân y sĩ phụ trách đội phẫu Trung đoàn 268, bám trụ ở Củ Chi, đã tiếp nhận kịp thời, cứu chữa chu đáo cho thương binh. Nhiều trường hợp vết thương thủng 4 đoạn ruột, vỡ thành bụng... vượt quá khả năng, nhưng vì không chuyển được lên tuyến trên, anh đã cùng đồng đội phẫu thuật thành công, cứu sống thương binh. Hàng chục lần trong lúc đang mổ cho thương binh thì địch cho xe tăng càn tới, Phạm Văn Trọng động viên mọi người vừa quyết tâm đánh địch, vừa tiếp tục mổ, rồi đưa thương binh vượt qua vòng vây an toàn. Ngoài nhiệm vụ chuyên môn, anh còn chỉ huy đơn vị tích cực đánh địch, kiên quyết bảo vệ thương binh an toàn. Đơn vị của Phạm Văn Trọng đã diệt 30 tên địch, phá hủy 16 xe tăng, xe bọc thép. Riêng anh diệt 2 xe tăng. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Phạm Văn Trọng cùng y bác sĩ tham gia cứu chữa thương binh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 2 lần là Chiến sĩ thi đua, 8 lần được tặng danh hiệu Dũng sĩ, 22 bằng và giấy khen.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Phạm Văn Trọng được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG TRẦN VĂN TRUNG

Anh hùng Trần Văn Trung sinh năm 1927, dân tộc Kinh, quê ở thị xã Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung tá, cán bộ tình báo thuộc Bộ Tham mưu Miền.

Từ năm 1952 đến tháng 4 năm 1975, do yêu cầu nhiệm vụ tình báo, suốt 23 năm cùng ăn, ở, làm việc với địch, phải thường xuyên tiếp xúc với bọn đầu sỏ gian ác nhất, công tác của đồng chí đòi hỏi che mắt địch mọi nơi, mọi lúc, phải bám chắc địa bàn để dễ dàng hoạt động mà không bị lộ. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Trần Văn Trung đã cung cấp kịp thời nhiều tài liệu nguyên bản của địch có giá trị lớn cho cách mạng, lập nhiều thành tích xuất sắc. Anh luôn giữ nếp sống giản dị, trong sạch, có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Sống và làm việc với địch, Trần Văn Trung vẫn luôn luôn giữ vững lòng trung thành với Đảng, kiên định tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, tin tưởng vào tương lai ngày mai của đất nước.

Đồng chí được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công giải phóng (1 hạng nhất, 2 hạng nhì, 1 hạng ba), 6 lần được bầu là Chiến sĩ thi đua.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trần Văn Trung được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN THANH TÙNG

Anh hùng Nguyễn Thanh Tùng sinh năm 1933, dân tộc Kinh, quê ở xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, trung tá, chỉ huy phó Đoàn đặc công 429, Quân khu 7.

Từ năm 1961 đến tháng 4 năm 1975, Nguyễn Thanh Tùng liên tục chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ. Đồng chí đã chỉ huy đơn vị diệt hàng ngàn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh khác. Đặc biệt, đêm 15 tháng 5 năm 1969, Nguyễn Thanh Tùng trực tiếp chỉ huy 1 tiểu đoàn đặc công tiến công mãnh liệt căn cứ Téch-ních, diệt và làm bị thương 800 tên Mỹ, 2 sở chỉ huy lữ đoàn, phá hủy, phá hỏng 22 khẩu pháo, 96 xe quân sự (có 43 xe tăng), 8 kho vũ khí, quân trang, quân dụng. Chưa đầy một tháng sau đó, Nguyễn Thanh Tùng lại chỉ huy đơn vị đánh căn cứ Téch-ních lần thứ hai, diệt và làm bị thương 500 tên Mỹ, phá hủy 10 máy bay, 6 khẩu pháo, 41 xe quân sự (có 21 xe tăng), 35 lô cốt, 92 nhà lính, hơn 100 hầm ngầm, 3 kho đạn. Tháng 11 năm 1971, đồng chí chỉ huy 2 tiểu đoàn đặc công đánh thiệt hại nặng căn cứ Trảng Lớn do 1 trung đoàn địch đóng giữ. Năm 1972, Nguyễn Thanh Tùng chỉ huy đơn vị đánh 3 trận xuất sắc, thu nhiều hiệu quả: diệt 240 tên địch, phá hủy 6 khu thông tin tại trận đánh căn cứ Bà Đơn; trận đánh tổng kho Long Bình, đốt cháy và phá hủy 15.000 tấn bom, đạn; trận đánh sân bay Biên Hòa, phá hủy 90 máy bay. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh Nguyễn Thanh Tùng chỉ huy đơn vị đánh chiếm căn cứ ra-đa Phú Lâm và chi khu Tân Trào hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đồng chí được tặng thưởng 5 Huân chương Chiến công giải phóng, 3 lần là Dũng sĩ.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Nguyễn Thanh Tùng được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG TRẦN HÙNG VÁCH

Anh hùng Trần Hùng Vách sinh năm 1949, dân tộc Kinh, quê ở xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, chuẩn úy, trung đội trưởng Đại đội 6, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 273 thiết giáp, Quân đoàn 3.

Từ năm 1967 đến năm 1971, Trần Hùng Vách là vệ binh thành đội Huế. Anh đã tham gia chiến đấu 6 trận, diệt được 8 tên Mỹ. Sau khi tốt nghiệp Trường sĩ quan Thiết giáp (1971), Trần Hùng Vách chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên và Nam Bộ. Anh chỉ huy trung đội tăng đánh 5 trận, trận nào cũng thu được hiệu quả lớn, có trận khá gay go, quyết liệt, đòi hỏi người chỉ huy phải cương quyết và mưu trí, Trần Hùng Vách đã chỉ huy đơn vị hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Riêng anh diệt và làm bị thương 75 tên địch, bắn cháy 2 xe quân sự, phá hủy 10 súng đại liên, 2 súng M72 và 6 lô cốt của chúng. Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, ngày 10 tháng 3 đơn vị Trần Hùng Vách tham gia đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột, sau đó truy kích tập đoàn rút chạy của quân đoàn 2 ngụy ở đường 7, rồi phát triển xuống đồng bằng ven biển giải phóng thị xã Tuy Hòa. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Trần Hùng Vách cùng anh em chiến đấu với tinh thần quả cảm, 3 lần bị thương, anh nén đau tiếp tục chỉ huy trung đội tăng dũng mãnh xông lên ở ngã ba Bà Quẹo, ngã tư Bảy Hiền cùng bộ binh đánh chiếm bộ tổng tham mưu quân ngụy Sài Gòn, góp phần vào thắng lợi chung của Quân đoàn.

Đồng chí được tặng thưởng 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.

Ngày 15 tháng 1 năm 1976, Trần Hùng Vách được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ANH HÙNG NGUYỄN THÀNH TRUNG

Anh hùng Nguyễn Thành Trung (tức Đinh Khắc Chung) sinh năm 1947, dân tộc Kinh, quê ở xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Khi được tuyên dương Anh hùng, đồng chí là đảng viên, đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam đã chuyển ngành.

Năm 1969, Nguyễn Thành Trung chuyển về công tác ở ban binh vận Trung ương Cục, được phân công làm cơ sở nội tuyến trong không quân ngụy. Ngày 8 tháng 4 năm 1975, từ căn cứ không quân địch, Nguyễn Thành Trung chủ động tìm cách xuất kích bằng máy bay F5E ném bom bắn phá dinh Độc Lập. Lần đầu bom không trúng, anh kiên quyết bay trở lại cất bom lần thứ hai, lần này trúng đích. Khi hết bom, Nguyễn Thành Trung dùng súng 20mm bắn vào kho xăng Nhà Bè. Ngày 16 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Thành Trung nhận nhiệm vụ mới, cùng anh em gấp rút sửa chữa, phục hồi 5 chiếc máy bay A37 lấy được của địch, tập huấn cho anh em phi công ta lái máy bay Mỹ. Nguyễn Thành Trung điều khiển phi đội A37 bay từ Phan Rang vào Sài Gòn ném bom bắn phá sân bay Tân Sơn Nhất rồi bay về căn cứ an toàn. Nguyễn Thành Trung nhận nhiệm vụ xây dựng lực lượng không quân bằng những máy bay và vũ khí ta thu được. Anh đã cùng cán bộ kỹ thuật ngày đêm sửa chữa, phục hồi số máy bay A37, máy bay F5, trực tiếp lái thử từng chiếc để xác định chất lượng; luyện cho anh em phi công. Nguyễn Thành Trung đã có nhiều công lao đóng góp trong việc thành lập trung đoàn cường kích A37 và trung đoàn tiêm kích F5 - trung đoàn duy nhất của Không quân Việt Nam sử dụng máy bay Mỹ.

Ngày 20 tháng 12 năm 1994, Nguyễn Thành Trung được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

PHẦN THỨ TƯ
PHỤ LỤC

Bản sao lưu trữ

**KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC,
THIÊN ANH HÙNG CA VĨ ĐẠI NHẤT
CỦA CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

CUỘC ĐỤNG ĐẦU LỊCH SỬ

Cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược là cuộc đụng đầu lịch sử lớn nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, giữa một bên là các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam là đội xung kích, với một bên là đế quốc Mỹ, tên đế quốc xâm lược tàn bạo nhất, ngoan cố nhất, có tiềm lực kinh tế và quân sự hùng mạnh nhất trong thế giới tư bản.

Đế quốc Mỹ đã tiến hành chiến tranh bằng tất cả sức mạnh của chúng, huy động mọi lực lượng có thể huy động được, phát huy đến mức tối đa sức mạnh của lục quân, không quân, hải quân, sử dụng những phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, với chất lượng cao nhất (trừ vũ khí hạt nhân), tiêu phí những số tiền khổng lồ lớn hơn cả chi phí trong chiến tranh thế giới thứ hai, thực hành những chiến lược phản cách mạng hiểm độc nhất. Nhưng cuối cùng chúng đành phải nhận phần thất bại cay đắng ở Việt Nam.

Dưới đây là một vài tư liệu về những cố gắng chiến tranh, tội ác và thất bại của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

**LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ VÀ CHI PHÍ CHIẾN TRANH CỦA MỸ
TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM**

(So sánh với chiến tranh thế giới thứ hai và chiến tranh Triều Tiên)

	<i>Chiến tranh thế giới thứ hai</i>	<i>Chiến tranh xâm lược Triều Tiên</i>	<i>Chiến tranh xâm lược Việt Nam</i>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
Thời gian	3 năm 8 tháng (12-1941 - 8-1945)	3 năm (6-1950 - 6-1953)	11 năm 1 tháng (12-1961 - 1-1973)
Số quân Mỹ huy động lúc cao nhất		327.000 (30-6-1953)	549.500 (a) (4-1969)

1	2	3	4
Số quân Mỹ chết và bị thương	405.399	134.951	359.684 (b)
Số bom đạn và thuốc nổ Mỹ đã dùng (tấn)	5.000.000	2.600.000	14.300.000 (1961-1972)
Số máy bay Mỹ sử dụng lúc cao nhất	Riêng chiến trường Thái Bình Dương 539 (năm 1941)	1.500	6.431 (c) (năm 1969)
Số phi vụ	Riêng chiến trường Thái Bình Dương 669.235	425.000	1.651.122
Tổn thất về máy bay của Mỹ	27.000	3.000	35.081
Chi phí chiến tranh (tỷ đô-la)	341	20	676 (d)

(a) Không kể 25.000 quân Mỹ ở Thái Lan, Đài Loan, Phi-líp-pin, Nhật Bản, Gu-am, hàng ngày phục vụ các hoạt động quân sự của Mỹ ở Việt Nam.

(b) Số liệu chính thức do Mỹ đưa ra, thấp hơn nhiều so với thực tế. Một con số khác do tạp chí *Lục quân* Mỹ đưa ra là 407.683 quân Mỹ chết, bị thương, bị bắt và mất tích. Trong đó:

Chết: 100.101. Bị thương: 303.584. Bị bắt và mất tích: 3.998.

Thật ra theo thống kê chưa đầy đủ, số lượng thương vong của quân Mỹ và quân chư hầu ở Việt Nam là 905.457 tên.

(c) Theo tài liệu của Trung tâm nghiên cứu quốc tế trường đại học Coóc-nen (Mỹ); chỉ tính máy bay chiến thuật và máy bay lên thẳng.

(d) Theo Tôm Rít-đen ở trường đại học Búc-neo. Con số do bộ thương mại Mỹ công bố năm 1972 là 352 tỷ đô-la. Còn theo tính toán của giáo sư Mỹ Xti-ven thì tổng chi phí của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam lên tới gần 900 tỷ.

**QUÂN MỸ, NGỤY VÀ CÁC NƯỚC ĐỒNG MINH CỦA MỸ
TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM QUA CÁC NĂM
(1961-1971)**

	<i>Quân Mỹ</i>	<i>Quân ngụy</i>	<i>Quân chư hầu</i> (a)	<i>Tổng số</i>
1961	3.200	260.000		263.200
1962	11.300	290.000		301.300
1963	16.300	460.000		476.300

1964	23.300	540.000		563.300
1965	184.300	600.000	20.000	804.300
1966	385.300	671.000	53.000	1.109.300
1967	485.600	799.000	59.000	1.343.600
1968	536.100	998.000	66.000	1.600.100
1969	475.200	1.148.000	69.000	1.692.200
1970	334.600	1.200.000	68.000	1.602.600
1971	157.000	1.200.000	67.000	1.424.000

a) Quân chư hầu đánh thuê cho Mỹ ở Việt Nam gồm có:

	12-1966	7-1971
Quân Nam Triều Tiên	45.000	48.500
Quân Úc	4.500	6.700
Quân Phi-líp-pin	2.000	80
Quân Tân Tây Lan	200	400
Quân Thái Lan	192	11.070

**4 LẦN THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC, 5 ĐỜI TỔNG THỐNG,
8 LẦN THAY "TOÀN QUYỀN", 4 LẦN ĐỔI TỔNG TƯ LỆNH QUÂN VIỄN CHINH
TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC CỦA MỸ Ở VIỆT NAM**

THỜI GIAN	CHIẾN LƯỢC CỦA MỸ Ở VIỆT NAM	TỔNG THỐNG MỸ	ĐẠI SỨ MỸ Ở MIỀN NAM VIỆT NAM	TỔNG TƯ LỆNH QUÂN VIỄN CHINH MỸ
1955-1960	"Chiến tranh đơn phương"	Ai-xen-hao (... - 1960)	- Cô-lin (1954-1957) - Đốc-brô (1957-1961)	
1961-1964	"Chiến tranh đặc biệt"	Ken-nơ-đi (1961-1963)	- Nâu-tinh (1961-1963) - Ca-bốt Lốt-giơ (1963-1964)	Ha-kin (1962-1964)
1965-1968	"Chiến tranh cục bộ"	Giôn-xơn (1963-1968)	- Tay-lo (1964-1965) - Ca-bốt Lốt-giơ (1965-1967)	Oét-mo-len (1964-1968)
1969-1975	"Việt Nam hóa chiến tranh"	- Ních-xơn (1969-1974) - Pho (1974-...)	- Bân-cơ (1967-1973) - Ma-tin (1973-1975)	- A-bram (1968-1971) - Uây-en (1971-1973)

MỘT SỐ ĐƠN VỊ QUÂN MỸ THAM CHIẾN VÀ THẤT BẠI Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

Sư đoàn bộ binh số 1 "Anh cả đỏ", được thành lập sớm nhất trong lục quân Mỹ, đã tham gia chiến tranh thế giới thứ nhất trên chiến trường châu Âu.

Tháng 7 năm 1965 vào miền Nam, đóng ở Bắc Sài Gòn. Thất bại nặng ở Phước Vĩnh, Bầu Bàng, Củ Chi, Nhà Đỏ - Bông Trang, Tây Ninh, v.v. Từ năm 1965 đến năm 1968, có 31 lần tiểu đoàn bị diệt.

Sư đoàn bộ binh số 25 "Tia chớp nhiệt đới", đã tham gia chiến tranh xâm lược Triều Tiên, là lực lượng dự bị của Mỹ ở Viễn Đông và Thái Bình Dương.

Tháng 12 năm 1965 vào miền Nam, đóng ở Đông Nam Bộ. Thất bại nặng ở Đồng Dù, Trảng Bàng, Củ Chi, v.v.

Sư đoàn kỵ binh bay số 1, sư đoàn cơ động bằng máy bay lên thẳng đầu tiên của Mỹ.

Tháng 9 năm 1965 vào miền Nam đóng ở An Khê. Thất bại nặng ở Tây Nguyên, Bình Định, Trị Thiên, Bình Long, Tây Ninh, v.v.

Sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3, thuộc lực lượng cơ động tuyển 1 của Mỹ ở Thái Bình Dương.

Tháng 3 năm 1965 vào miền Nam, đóng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bắc Quảng Trị. Lần đầu tiên bị tiêu diệt 1 đại đội ở Núi Thành (27-5-1965) và nhiều lần thua nặng ở đường số 9, Khe Sanh, v.v.

Sư đoàn lính thủy đánh bộ số 1, thuộc lực lượng bảo vệ nước Mỹ.

Tháng 3 năm 1965 vào miền Nam, đóng ở Đà Nẵng, Chu Lai, Quảng Ngãi. Bị đánh thiệt hại nặng ở Quảng Nam, Vạn Tường, Trị Thiên...

Sư đoàn bộ binh số 4.

Tháng 8 năm 1966 vào miền Nam, chốt giữ ở Tây Nguyên. Ném nhiều đòn đau ở Plây Gi-răng, sông Sa Thầy, Chư Nghé...

Sư đoàn bộ binh số 9.

Năm 1967 vào miền Nam, đóng ở Mỹ Tho. Từ năm 1967 đến năm 1969, có gần 40.000 tên bị tiêu diệt.

Sư đoàn A-mê-ri-cơn.

Năm 1967 thành lập ở miền Nam, đóng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi. Từ năm 1967 đến năm 1970, có trên 28.000 tên chết và bị thương.

Sư đoàn nhảy dù số 101.

Tháng 7 năm 1965 vào miền Nam. Bị đánh thua nặng ở Biên Hòa, Tây Ninh, Phú Yên, Thừa Thiên, Công Tum, v.v.

Lữ đoàn nhảy dù số 173.

Tháng 7 năm 1965 vào miền Nam. Thất bại nặng ở Củ Chi, Bến Cát, Tây Ninh, Bình Định, Đắc Tô, v.v.

Trung đoàn thiết giáp số 11.

Tháng 9 năm 1966 vào miền Nam, đóng ở Nam Bộ. Từ năm 1966 đến năm 1969, có trên 1.200 xe bị phá hủy, hàng nghìn tên chết và bị thương.

Ngày 28 tháng 4 năm 1975 Quốc hội Mỹ công bố thiệt hại của Mỹ ở Việt Nam:

- 56.245 lính Mỹ bị chết
- 303.640 lính Mỹ bị thương
- 1.350 lính Mỹ mất tích
- 15% quân số Mỹ ở Việt Nam nghiện ma túy
- 250.000 thanh niên không chịu đăng ký nghĩa vụ quân sự, xé thẻ quân dịch hoặc đi ra nước ngoài.

- 30.000 lính Mỹ đào ngũ từ Việt Nam và cả từ nước Mỹ.

20 tướng Mỹ chết và bị thương trên chiến trường Việt Nam

Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, có 1 tướng Mỹ chết. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, có 28 tướng và 3 đô đốc Mỹ chết. Trong chiến tranh xâm lược Triều Tiên, có 3 tướng Mỹ chết.

Còn trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, có 20 tướng Mỹ chết và bị thương.

12 TƯỚNG MỸ BỎ XÁC

Cơ-rơ-m, tướng 3 sao, chết ngày 6 tháng 7 năm 1967 khi chiếc máy bay B52 của hắn đâm nhào vào một B52 khác.

Hốc-mút, tướng 3 sao, tư lệnh sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3, bị bắn chết ở Thừa Thiên ngày 14 tháng 11 năm 1967.

U-ô-li, tướng 3 sao, quyền tư lệnh tập đoàn không quân số 7, chết trong một chiếc máy bay trinh sát RF4C bị bắn rơi ngày 23 tháng 7 năm 1968.

Kết U-oa, tướng 3 sao, tư lệnh sư đoàn bộ binh số 1, bị bắn chết ngày 12 tháng 9 năm 1968 khi đang ngồi trên máy bay lên thẳng đi quan sát mặt trận Lộc Ninh.

Uy-liêm Bon, tướng 2 sao, tư lệnh lữ đoàn 199, bị bắn chết ở Bình Tuy ngày 2 tháng 4 năm 1970.

Giôn Đin-la, tướng 3 sao, tư lệnh công binh Mỹ ở Việt Nam, chết trong chiếc máy bay lên thẳng UH1 bị bắn rơi ở Gia Lai ngày 12 tháng 5 năm 1970.

A-dam, tướng 2 sao, chết cùng với Giôn Đin-la ngày 12 tháng 5 năm 1970.

Kê-xi, tướng 3 sao, tư lệnh sư đoàn kỵ binh bay số 1, chết trong chiếc máy bay lên thẳng UH1 bị bắn rơi ở Lâm Đồng ngày 7 tháng 7 năm 1970.

Rô-bin-xơn, chuẩn đô đốc, chết ngày 9 tháng 5 năm 1972 vì máy bay rơi khi hắn đang chỉ huy thả mìn và bắn phá vùng ven biển miền Bắc nước ta.

Giôn Pôn-van, tương đương tướng 3 sao, trưởng đoàn cố vấn Mỹ ở quân khu 2 ngụy, tên chỉ huy sừng sỏ đứng hàng thứ ba trong số quan chức cao cấp Mỹ ở miền Nam Việt Nam, chết ngày 9 tháng 6 năm 1972 trong chiếc máy bay lên thẳng bị bắn rơi ở Tây Nguyên.

Ri-sốt Tôn-men, tướng 2 sao, trúng đạn chết tại An Lộc ngày 9 tháng 7 năm 1972.

Rô-nan Pho-phin, tướng 1 sao, phó trưởng đoàn cố vấn Mỹ ở quân khu 3, trúng đạn chết tại Thủ Dầu Một ngày 7 tháng 10 năm 1972.

8 TƯỚNG MỸ BỊ THƯƠNG

Xtin-oen, tướng 2 sao, phụ trách bộ tư lệnh yểm trợ hành quân của lực lượng Mỹ ở miền Nam Việt Nam, bị thương vào cổ ở Tân An - Chợ Lớn ngày 31 tháng 12 năm 1963.

Pho-rô-in, tướng 2 sao, chỉ huy lữ đoàn 196, bị bắn gãy chân ở Củ Chi tháng 11 năm 1966.

Tốc-xơn, tướng 2 sao, bị thương vào mặt khi máy bay lên thẳng của hắn bị du kích Tây Nguyên bắn trúng tháng 10 năm 1967.

Đê-vít, tướng 2 sao, tư lệnh lữ đoàn 199, bị thương nặng trên sông Sài Gòn ngày 7 tháng 8 năm 1968.

Uy-liêm Chíp, tướng 2 sao, phó tư lệnh sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3, bị bắn gãy xương sống khi ngồi trên máy bay lên thẳng tại Đông Hà ngày 17 tháng 9 năm 1968.

Uy-liêm Giôn, tướng 2 sao, tư lệnh sư đoàn lính thủy đánh bộ số 3, bị du kích bắn gãy tay gần Đông Hà ngày 6 tháng 7 năm 1969.

Mê-di-xơn, tướng 2 sao, tư lệnh lữ đoàn 3, sư đoàn dù 101, bị thương nặng ở vùng A Bia (Thừa Thiên) ngày 13 tháng 7 năm 1969.

Uy-lơ, tướng 2 sao, tư lệnh sư đoàn lính thủy đánh bộ số 1, bị gãy chân khi máy bay lên thẳng của hắn bị bắn rơi gần Đà Nẵng ngày 19 tháng 4 năm 1970.

THẤT BẠI CỦA CUỘC CHIẾN TRANH KHÔNG QUÂN LỚN NHẤT VÀ TÀN BẠO NHẤT TRONG LỊCH SỬ

- Ở khu vực Thái Bình Dương, Mỹ có ba tập đoàn không quân chiến thuật và một tập đoàn không quân chiến lược thì đều phải đưa vào tham gia chiến tranh xâm lược Việt Nam. Lúc cao nhất, Mỹ sử dụng 6.431 máy bay chiến

thuật và máy bay lên thẳng (1969) gấp 4,3 lần số dùng trong chiến tranh Triều Tiên, gấp 11 lần số dùng ở chiến trường Thái Bình Dương trong chiến tranh thế giới thứ hai. Về không quân chiến lược, Mỹ huy động lúc cao nhất tất cả số máy bay B-52 có ở Đông Nam Á, gồm 197 chiếc, bằng 46% tổng số máy bay B-52 của cả nước Mỹ. 15 trong tổng số 18 tàu chở máy bay được điều động đến tham chiến ở Việt Nam.

- Ở Việt Nam, Mỹ đã sử dụng 8 loại máy bay gồm 60 kiểu khác nhau (theo cách phân loại của bộ quốc phòng Mỹ):

+ Máy bay chiến đấu ném bom: F4, F105, F100, F5, F111...

+ Máy bay tiến công: A1, A4, A6, A7, A37, A3, A27, T28...

+ Máy bay quan sát: O1, O2, OV10...

+ Tàu đại bác (gunship): AC47, AC54, AC113, AC130, UH1, AH1G...

+ Máy bay tiến hành chiến tranh điện tử: EC47, EC119, EC121, EC130, EB57, EB66...

+ Máy bay trinh sát: RF4C, RA5C, SR71...

+ Máy bay ném bom chiến lược: B52, B57...

+ Máy bay yểm trợ: C47, C54, C7, C130, U3, T39...

- Theo số liệu của bộ quốc phòng Mỹ, trong 8 năm (1965-1972) Mỹ đã ném xuống chiến trường Đông Dương 7.850.800 tấn bom (trong đó có 3.225.818 tấn ném dưới thời Giôn-xơn, còn 4.324.982 tấn ném dưới thời Ních-xơn), gấp 3,8 lần số bom Mỹ ném xuống tất cả các chiến trường trong chiến tranh thế giới thứ hai (2.056.244 tấn). Riêng máy bay B52 đã ném 2.600.000 tấn, gấp 4 lần số bom Mỹ ném xuống Triều Tiên (635.000 tấn). Tính trung bình chúng ném xuống Việt Nam mỗi ngày 4.622 tấn bom, mỗi giờ 192 tấn, mỗi phút 32 tạ, mỗi giây trên 0,5 tạ.

- Trong chiến tranh phá hoại của Giôn-xơn (1964-1968), máy bay Mỹ xuất kích 303.000 lần chiếc (có 2.374 lần chiếc B52), trung bình mỗi ngày 300 - 350 lần chiếc. Trong chiến tranh phá hoại của Ních-xơn (1972), ở miền Bắc và Trị Thiên địch sử dụng 166.828 lần chiếc, có 14.827 lần chiếc B52 (riêng ở miền Bắc: 4.726 lần chiếc B52, trung bình mỗi ngày 30 - 35 lần chiếc, ngày cao nhất 105 lần chiếc).

Diễn hình về cường độ đánh phá và quy mô sử dụng lực lượng là cuộc tập kích bằng không quân chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác trên miền Bắc cuối tháng 12 năm 1972. Trong 12 ngày đêm ấy, Mỹ đã sử dụng trung bình mỗi ngày 300 - 400 lần chiếc máy bay cường kích chiến thuật và 70 - 80 lần chiếc B52, ném 10 vạn tấn bom, có sức nổ tương đương 5 quả bom nguyên tử loại ném xuống Hi-rô-si-ma (Nhật Bản) trong chiến tranh thế giới thứ hai.

- Không quân Mỹ đã mang ra sử dụng ở Việt Nam đủ loại máy bay hiện đại với những cải tiến mới nhất (như B52D-G, F111E, F4E-J-G, A7E, F105G, EA7A, EKA3B, v.v.), những vũ khí, bom đạn tối tân nhất: tên lửa các loại, bom từ trường, bom vô tuyến truyền hình, bom dẫn bằng tia la-de, v.v.

- Nhưng cuối cùng cuộc chiến tranh không quân lớn nhất, hiện đại nhất và tàn bạo nhất của đế quốc Mỹ ở Việt Nam vẫn thất bại thảm hại với con số tổn thất khổng lồ: hơn 3 vạn rưỡi máy bay Mỹ (trong đó có 68 "siêu pháo đài bay" B52 và 13 "cánh cụp cánh xòe" F111) bị bắn rơi và phá hủy.

MỘT SỐ KIỂU, LOẠI MÁY BAY MỸ BỊ BẮN RƠI TRÊN MIỀN BẮC

Loại máy bay	Kiểu	Ngày chiếc đầu tiên bị bắn rơi	Địa phương bắn rơi
1	2	3	4
1. <i>Ném bom chiến lược</i>	B52	17-9-1967	Vĩnh Linh
2. <i>Ném bom (không quân)</i>	B57	4-4-1965	Vĩnh Linh
3. <i>Cường kích phản lực:</i>			
+ Hải quân	A3B (A3D.2)	19-4-1965	Quảng Bình
	A6A	21-6-1965	Thanh Hóa
	A4C	5-8-1964	Quảng Ninh
	A4E	3-4-1965	Quảng Bình
	AJ2	23-12-1965	Cồn Cỏ
	A7A	22-12-1967	Hải Phòng
+ Không quân	F100D	2-3-1965	Quảng Bình
	F100F	20-12-1965	Lạng Sơn
	F105D	2-3-1965	Quảng Bình
	F105F	23-7-1966	Hà Nội
	F4C (F110A)	20-6-1965	Sơn La
	F4D	23-8-1967	Hà Bắc
	F111A	28-3-1968	Hà Tĩnh
4. <i>Cường kích cánh quạt:</i>			
+ Hải quân	AD6 (A1H)	5-8-1964	Thanh Hóa
+ Không quân	AD5 (A1E)	6-11-1965	Ninh Bình

1	2	3	4
	AD7 (A1J)	31-1-1966	Quảng Bình
	T28	18-8-1964	Quảng Bình
<i>5. Tiêm kích phản lực:</i>			
+ Hải quân	F8D	11-2-1965	Quảng Bình
	F4B	26-3-1965	Bạch Long Vĩ
	F8E	5-11-1965	Hải Hưng
	F3B	4-5-1965	Vĩnh Linh
+ Không quân	F102	8-8-1965	Nghệ An
	F104	21-6-1965	Quảng Bình
<i>6. Trinh sát phản lực:</i>			
+ Hải quân	RF8A	13-8-1965	Ninh Bình
	RA5C	20-9-1965	Hà Tĩnh
	EA1E	2-6-1965	Thanh Hóa
	EF10B	20-10-1965	Thanh Hóa
	EA3B		
	(A3D2P)	14-6-1966	Hà Tĩnh
+ Không quân	RF101	18-11-1964	Quảng Bình
	RF105	22-10-1965	Hà Bắc
	RF4C	20-8-1966	Quảng Bình
<i>7. Trinh sát cánh quạt</i> (không quân)	L19	28-4-1965	Vĩnh Linh
	OV10A	3-11-1967	Vĩnh Linh
<i>8. Trinh sát điện tử</i> (không quân)	RB66	25-2-1966	Nghệ An
<i>9. Trinh sát không người lái</i> (không quân)	Q2C	21-6-1965	Thanh Hóa
	147J	15-4-1966	Hà Nội
<i>10. Tuần tiêu</i> (hải quân)	P2E (P2V5)	22-1-1966	Bạch Long Vĩ
<i>11. Điện tử cảnh giới</i> (hải quân)	EC121	1-2-1966	Cồn Cỏ
<i>12. Chống ngầm</i> (hải quân)	S2B (S2F2)	21-1-1966	Bạch Long Vĩ
<i>13. Đập trên nước</i> (hải quân)	HU16	14-3-1966	Thanh Hóa
<i>14. Lên thẳng</i> (không quân)	H43	20-9-1965	Hà Tĩnh
	CH3	6-11-1965	Hòa Bình

1	2	3	4
15. Vận tải (không quân)	C130	31-5-1966	Thanh Hóa
	C47	29-7-1966	Hòa Bình
16. Lên thẳng chống ngầm không người lái (hải quân)	QH50A	16-2-1967	Quảng Bình

NHỮNG TỘI ÁC TỆ CÙNG CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở VIỆT NAM

Tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, đế quốc Mỹ đã gây ra những tội ác vô cùng nghiêm trọng và chồng chất, trời đất không thể dung, người người đều căm giận.

Dưới đây là một số trong muôn vàn tội ác của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, với những số liệu chắc chắn chưa đầy đủ.

- Trong vòng 11 năm (1961-1972), đế quốc Mỹ đã trút xuống Việt Nam gần 14 triệu rưỡi tấn bom đạn với sức nổ tương đương 725 quả bom nguyên tử loại ném xuống Hi-rô-si-ma (Nhật) trong chiến tranh thế giới thứ hai. Tính bình quân mỗi người dân Việt Nam từ cụ già đến trẻ sơ sinh phải chịu đựng trên dưới nửa tấn bom đạn Mỹ. Khối lượng bom na-pan Mỹ ném xuống Việt Nam gấp 25 lần khối lượng ném xuống các chiến trường trong chiến tranh thế giới thứ hai, gấp 10 lần khối lượng ném xuống Triều Tiên.

- Ở Việt Nam, Mỹ đã tiến hành chiến tranh hủy diệt, với 84.000 phi vụ ném bom "rải thảm" của máy bay B52; theo tài liệu nước ngoài, mỗi chuyến B52 có thể mang tới 8 tấn bom. Chúng sử dụng rộng rãi những vũ khí giết người hàng loạt như bom bi các loại, bom mảnh nhỏ sắc cạnh, bom lân tinh, bom "siêu na-pan" và bom tét-mít với sức đốt nóng 2.000-3.000°C, bom 7 tấn... Chúng đánh phá có tính chất hủy diệt những thành phố và vùng dân cư rộng lớn, như vụ tàn phá thành phố Huế (1968), san bằng thị xã Quảng Trị, dùng B52 đánh phá Hà Nội, Hải Phòng (1972). Riêng ở Khâm Thiên (Hà Nội) ngày 26 tháng 12 năm 1972, giặc Mỹ đã ném bom tàn sát 283 người, làm bị thương 266 người, phần lớn là phụ nữ và trẻ em, phá hủy và làm hỏng nặng 1.734 ngôi nhà. Trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, chúng đã tàn phá nặng 3 thành phố, phá hủy hoàn toàn 9 thị xã, 53 thị trấn, 150 xã; đánh phá có hệ thống các cơ sở giáo dục, y tế, phá hủy 3.000 trường học, 350 bệnh viện, 1.500 bệnh xá.

- Ở miền Nam, Mỹ - ngụy điên cuồng tàn sát, khủng bố nhân dân bằng bom đạn và các hình thức kìm kẹp dã man. Chỉ tính từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 3 năm 1965, chúng đã:

- + Mở trên 100.000 cuộc càn quét;
- + Giết chết 170.000 người;

- + Làm bị thương và tra tấn gây thương tật cho 800.000 người;
- + Giam cầm trên 400.000 người;
- + Mổ bụng, moi gan, khoét mắt, chôn sống... trên 5.000 người;
- + Hãm hiếp gần 20.000 phụ nữ;
- + Lùa trên 5 triệu đồng bào ta vào các "khu trù mật", "ấp chiến lược", thực chất là những trại tập trung trá hình.

- Đế quốc Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh hóa học có tính chất diệt chủng, rải xuống miền Nam nước ta hơn 75 triệu lít chất độc hóa học các loại, có tác dụng giết người và gia súc, hủy hoại cây cối, mùa màng, làm 1.293.000 người bị nhiễm độc, có hàng nghìn người chết, phá hủy 13.000km² cây lương thực và cây ăn quả (43% diện tích trồng trọt toàn miền Nam), 25.000km² rừng (44% diện tích rừng toàn miền Nam), hủy hoại 45 triệu m³ gỗ, giết hại hàng chục vạn trâu bò, hàng chục triệu lợn. Theo đánh giá của nhiều nhà khoa học trên thế giới, nhiều loại thuốc độc Mỹ đã dùng ở Việt Nam như 2,4D; 2,4, 5T... có thể gây quái thai và những biến đổi nội tạng tác hại về mặt di truyền.

- Mỹ - ngụy đã gây ra những vụ tàn sát đẫm máu khiến nhân dân ta sôi sục căm thù, dư luận thế giới bất bình, căm phẫn. Một số vụ điển hình là:

+ Duy Xuyên (Quảng Nam): ngày 21 tháng 1 năm 1955, Mỹ - ngụy mổ bụng, khoét mắt, thiêu sống 47 người ở đập Vĩnh Trinh.

+ Chợ Được (Quảng Nam): ngày 28 tháng 11 năm 1955, Mỹ - ngụy bắt bố hàng trăm người, đem 21 người đi chôn sống.

+ Hướng Điền (Quảng Trị): tháng 7 năm 1955, Mỹ - ngụy tàn sát 92 người, trong đó có 27 phụ nữ, 31 trẻ em, triệt hạ hoàn toàn 2 thôn Tân Lập và Tân Hiệp.

+ Phú Lợi (Thủ Dầu Một): ngày 1 tháng 12 năm 1958, Mỹ - ngụy đầu độc 6.000 người yêu nước ở trại tập trung Phú Lợi, làm hơn 1.000 người chết.

+ Sơn Mỹ (Quảng Ngãi): ngày 16 tháng 3 năm 1968, giặc Mỹ giết hại một lúc trên 500 người, trong đó có 66 cụ già trên 80 tuổi, 182 phụ nữ, 263 trẻ em (172 em dưới 10 tuổi).

+ Ba Làng An (Quảng Ngãi): tháng 1 năm 1969, giặc Mỹ tàn sát 300 người bằng đạn rốc-két và mìn định hướng; tháng 4 năm 1969 chúng lại giết hại 1.200 người, vớt xác xuống biển.

- Mỹ - ngụy lập ra hàng trăm nhà tù và trại giam, trong đó có 5 nhà tù lớn do ngụy quyền trung ương quản lý, 44 nhà tù tỉnh, 176 nhà tù quận, thường xuyên giam cầm ít nhất trên 20 vạn người yêu nước. Đó là những địa ngục trần gian với những hình thức đầy ải và tra tấn, cùm kẹp man rợ nhất.

- Bằng chiến tranh hủy diệt, bằng những thủ đoạn thống trị tàn bạo, bằng nền văn hóa nô dịch, đồi trụy, Mỹ - ngụy đã làm băng hoại xã hội miền Nam và để lại những di sản hết sức nặng nề:

+ 10 triệu trong tổng số 18 triệu nhân dân miền Nam (1972) là nạn nhân chiến tranh của Mỹ - ngụy.

+ 50 vạn phụ nữ bị xô đẩy vào nghề mãi dâm.

+ 50 vạn người nghiện ma túy.

+ 50 vạn con lai; 37 vạn trẻ mồ côi.

+ Gần 4 triệu người mù chữ.

+ 1 triệu người mắc bệnh lao; 3 triệu người mắc bệnh hoa liễu.

+ 3 triệu người thất nghiệp.

NHÂN DÂN VIỆT NAM LIÊN TIẾP ĐÁNH BẠI CÁC CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, BẢO VỆ MIỀN BẮC

ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐƠN PHƯƠNG" CỦA AI-XEN-HAO (1954-1960)

Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương năm 1954 ký chưa ráo mực, đế quốc Mỹ đã ra sức phá hoại. Chúng cưỡng ép gần 90 vạn nhân dân miền Bắc di cư vào Nam. Chúng nhanh chóng hất cẳng Pháp, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, thành một bộ phận trong vành đai 950 căn cứ quân sự Mỹ ở nước ngoài. Chúng xây dựng chính quyền bù nhìn tay sai, tăng cường quân ngụy. Từ năm 1955 đến năm 1960, chúng viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn 1.407 triệu đô-la, trong đó 70% là viện trợ quân sự; trang bị cho quân ngụy 250 máy bay, gần 100 tàu chiến, 600 xe thiết giáp, 300 khẩu pháo. Chúng mở rộng các căn cứ quân sự và hệ thống đường chiến lược, xây dựng 46 sân bay quân sự, 11 quân cảng. Chúng lập nhiều phái đoàn quân sự ở Sài Gòn để trực tiếp nắm tổ chức, huấn luyện và chỉ huy quân ngụy.

Theo lệnh chủ Mỹ, bè lũ Ngô Đình Diệm đã tiến hành cuộc chiến tranh đơn phương hết sức tàn bạo chống lại nhân dân miền Nam. Chúng thi hành cái gọi là "quốc sách tố cộng, diệt cộng", lập hàng trăm nhà tù, trại giam để đầy ải những người yêu nước; dồn dân vào các "khu trù mật", "khu dinh điền", thực chất là những trại tập trung trá hình, hòng khống chế phong trào cách mạng của quần chúng. Với đạo luật khát máu 10-59, chúng lê máy chém đi khắp miền Nam, điên cuồng tàn sát nhân dân và cho quân đội mở những cuộc càn quét lớn ở nhiều nơi.

Nhân dân miền Nam sôi sục căm thù đã đấu tranh quyết liệt chống lại bạo lực phản cách mạng của quân thù. Năm 1959, nhân dân ở nhiều nơi

thuộc miền núi Khu 5 nổi dậy đánh trả các cuộc càn quét của địch, phá "khu trừ mật", lập chính quyền nhân dân tự quản, xây dựng làng chiến đấu. Năm 1960, từ tỉnh Bến Tre, ngọn lửa "đồng khởi" đã bùng lên và lan nhanh ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số tỉnh miền Trung Trung Bộ. Đến cuối năm 1960, 2 phần 3 chính quyền của địch ở cơ sở bị tan rã. Trên 60% số thôn ấp ở Nam Bộ, trên 70% số dân ở Tây Nguyên được giải phóng; 80% số dân thoát khỏi ách kìm kẹp của địch trong các "khu trừ mật"; 30 vạn héc-ta ruộng đất bị bọn Mỹ - Diệm cướp đoạt được lấy lại và chia cho nông dân. Trong năm 1960, bằng chiến tranh du kích, nhân dân ta ở miền Nam đã tiêu diệt, bắt sống và làm bị thương trên 12.000 lính ngụy, thu trên 5.000 súng các loại.

Ngày 20 tháng 12 năm 1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Ngày 15 tháng 2 năm 1961, các tổ chức vũ trang thành lập trong phong trào đồng khởi được thống nhất lại thành Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Với phong trào đồng khởi, nhân dân ta đã đánh bại chiến lược "chiến tranh đơn phương" của Ai-xen-hao. Cách mạng miền Nam có một bước ngoặt cơ bản: chuyển sang thế tiến công.

ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA KEN-NƠ-ĐI (1961-1964)

Trước nguy cơ thất bại, Ken-nơ-đi lên cầm quyền vội triển khai chiến lược "chiến tranh đặc biệt", dùng lực lượng quân ngụy cộng với vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ để tiếp tục thực hiện âm mưu xâm lược.

Chúng đề ra kế hoạch Xta-lây - Tay-lo đầy tham vọng nhằm "bình định miền Nam Việt Nam trong 18 tháng"; thành lập bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn, đưa số cố vấn và nhân viên quân sự Mỹ từ 3.200 tên năm 1961 lên 23.300 tên năm 1964; đưa một số đơn vị không quân và pháo binh Mỹ vào làm nhiệm vụ trực tiếp yểm trợ cho quân ngụy; thành lập "lực lượng đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Chúng ráo riết tăng cường quân ngụy, đưa tổng số quân từ 26 vạn năm 1961 lên 54 vạn năm 1964, với 11 phi đoàn gồm 373 máy bay (có 118 chiếc của Mỹ), 700 xe tăng, xe bọc thép, 800 tàu, xuồng chiến đấu, hơn 700 khẩu pháo... Chúng gom hàng triệu nông dân vào các "ấp chiến lược", tăng cường các hoạt động tình báo, chiến tranh tâm lý hòng tách rời quần chúng với cách mạng. Từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1964, chúng đã mở gần 10 vạn cuộc càn quét, dùng các chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận"... nhằm đàn áp nhân dân và tiêu diệt lực lượng vũ trang giải phóng.

Nhân dân miền Nam đấu tranh kiên cường, đã đánh bại kế hoạch Xta-lây - Tay-lo của địch. Từ cuối năm 1963, đế quốc Mỹ phải thay thế bằng kế hoạch

Giôn-xơn - Mắc Na-ma-ra, nhưng vẫn không tránh khỏi thất bại. Từ năm 1961 đến giữa năm 1965, có trên 100 triệu lượt người đấu tranh chính trị chống địch, phá dứt điểm 6.000 trong tổng số 8.000 "ấp chiến lược" của chúng. Phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên và đồng bào phật tử ở các thành thị cũng sôi nổi, quyết liệt. Quân và dân miền Nam anh dũng đánh trả các cuộc càn quét của địch, diệt nhiều đồn bót của chúng, lập nên những chiến thắng vang dội, điển hình là các trận Ấp Bắc (2-1-1963), Bình Giả (4-12-1964 - 3-1-1965), Ba Gia (29 - 31-5-1965), đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Quân và dân ta còn đánh sâu vào tận sào huyệt của bọn Mỹ xâm lược, như trận đánh chìm chiếc tàu sân bay Ca-đơ trọng tải 15.000 tấn (2-5-1964), trận đánh nhà đại sứ Mỹ (10-3-1965), trận đánh khách sạn Brinh-cơ (24-12-1964) ở Sài Gòn, v.v. Từ năm 1961 đến giữa năm 1965, quân và dân ta ở miền Nam đã tiêu diệt 305.106 tên địch, trong đó có 3.257 tên Mỹ và chư hầu, phá hủy 1.433 máy bay, 273 xe tăng và xe bọc thép, 522 tàu, xuồng chiến đấu.

ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA GIÔN-XƠN (1965-1968)

Bị thua đau, Giôn-xơn liều lĩnh leo thang chiến tranh, chuyển cuộc "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam thành "chiến tranh cục bộ", đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại ác liệt đối với miền Bắc.

Từ tháng 2 năm 1965, chúng đưa quân Mỹ và quân chư hầu ồ ạt vào miền Nam, tăng nhanh số quân nguy, hòng tạo nên một bước nhảy vọt về so sánh lực lượng có lợi cho chúng. So với năm 1964, số quân Mỹ ở miền Nam cuối năm 1965 gấp 6 lần, lúc cao nhất (4-1969) gấp 18 lần. Tổng số quân Mỹ - nguy và chư hầu năm 1969 lên ngót 1,7 triệu tên, tính trung bình cứ 10 người dân thì có 1 lính địch, mỗi km² có 10 tên. Số phương tiện chiến tranh cũng tăng rất nhanh. Năm 1966 so với năm 1965, máy bay tăng gấp 2 lần, xe thiết giáp tăng gấp 4 lần, pháo tăng gấp 2 lần.

Với lực lượng ấy, chúng mở cuộc phản công chiến lược thứ nhất mùa khô 1965-1966, huy động 20 vạn quân, 2.200 máy bay, 1.400 xe tăng, xe bọc thép, 1.200 khẩu pháo, 50 tàu chiến, thực hiện kế hoạch "5 mũi tên" tập trung vào 3 khu vực chính: Tây Nguyên, đồng bằng Khu 5, Đông Nam Bộ và ngoại vi Sài Gòn, hòng "đánh gãy xương sống Việt cộng" (!). Bị thất bại, chúng lại liều lĩnh mở cuộc phản công chiến lược thứ hai mùa khô 1966-1967, với trên 44 vạn quân, 4.300 máy bay, 3.300 xe tăng, xe bọc thép, 2.300 khẩu pháo, 230 tàu chiến, dùng kế hoạch "2 gọng kìm" tìm diệt và bình định, nhằm vào miền Đông Nam Bộ, trọng điểm là Tây Ninh và đồng bằng sông Cửu Long. Riêng ở vùng Tây Ninh, Thủ Dầu Một, chúng đã phải liên tục mở mấy chiến dịch lớn: Ất-tơn-bo-rơ, Xi-đa Phôn, Gian-xơn Xi-ti.

Đi đôi với việc đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, ngày 5 tháng 8 năm 1964 đế quốc Mỹ bày đặt ra "sự kiện vịnh Bắc Bộ" để lấy cớ đánh phá miền Bắc. Từ ngày 7 tháng 2 năm 1965, chúng bắt đầu cuộc chiến tranh phá hoại với quy mô và địa bàn ngày càng mở rộng.

Nhân dân cả nước ta kiên quyết đánh trả bước leo thang chiến tranh mới của đế quốc Mỹ, làm thất bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của chúng.

Quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, ngay khi quân Mỹ mới đặt chân vào miền Nam, quân và dân ta đã giáng cho chúng những đòn phủ đầu choáng váng ở Núi Thành (Quảng Nam 27-5-1965), Vạn Tường (Quảng Ngãi 18-8-1965). Mùa khô 1965-1966, quân và dân ta phát triển chiến tranh du kích rộng khắp, đánh thắng nhiều trận lớn ở Plây Me (Gia Lai), Bầu Bàng, Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), A Sầu (Thừa Thiên), v.v. tập kích các căn cứ đầu não, sân bay và cơ sở hậu cần của địch, loại ra ngoài vòng chiến đấu 114.000 tên (có 4.300 tên Mỹ và chư hầu) bắn rơi và phá hủy 1.440 máy bay, diệt trên 1.300 xe tăng và xe cơ giới, bắn chìm 27 tàu, xuống chiến đấu. Mùa khô 1966-1967, quân và dân ta lại đập tan cuộc phản công chiến lược thứ hai của địch, tiêu diệt 175.000 tên (có 70.000 quân Mỹ và 15.000 quân chư hầu), bắn rơi và phá hủy 1.800 máy bay, diệt 4.000 xe tăng và xe cơ giới, 340 khẩu pháo, 100 tàu xuống chiến đấu.

Quân và dân miền Bắc đánh thắng oanh liệt, ngay từ trận đầu thủ lửa đã bắn rơi máy bay phản lực hiện đại của giặc Mỹ, tiếp đó lần lượt đập tan những bước leo thang của chúng; trong hơn 4 năm (8-1964 - 10-1968) bắn rơi 3.243 máy bay Mỹ các loại, tiêu diệt và bắt sống hàng nghìn giặc Mỹ lái máy bay, 143 lần bắn chìm, bắn cháy tàu chiến và tàu biệt kích Mỹ - ngụy.

Sau khi đánh bại hai cuộc phản công chiến lược của địch, đầu năm 1968, quân và dân ta ở miền Nam đã mở cuộc tập kích chiến lược vĩ đại Xuân Mậu Thân, tiến công và nổi dậy đồng loạt ở 64 thành phố, thị xã, thị trấn, trong đó có Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, và nhiều vùng nông thôn miền Nam, đưa chiến tranh vào tận hậu phương địch, đánh trúng các cơ quan đầu não và sào huyệt của địch, tiến công 45 sân bay và hàng loạt căn cứ quân sự quan trọng. Trong chiến cuộc Xuân 1968, quân và dân ta đã diệt và bắt sống hơn 200.000 tên địch (có 70.000 Mỹ và chư hầu) làm tan rã 210.000 quân ngụy, bắn rơi và phá hủy 3.400 máy bay, diệt 5.000 xe tăng và xe cơ giới, 490 khẩu pháo, 330 tàu, xuống chiến đấu, giải phóng hơn 1.000 thôn ấp với 1.600.000 dân.

Quân và dân ta đã đánh bại "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đẩy lùi một bước ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải quay về chiến lược phòng ngự toàn diện trên chiến trường miền Nam và xuống thang ở miền Bắc. Ngày 31 tháng 3 năm 1968, Giôn-xơn

phải tuyên bố ném bom hạn chế từ vĩ tuyến 20 trở vào; ngày 1 tháng 11 năm 1968 phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc và sau đó họp hội nghị bốn bên về Việt Nam.

ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" CỦA NÍCH-XƠN (1969-1972)

Bước vào Nhà trắng trong tình thế thất bại, Ních-xơn nặn ra một "học thuyết" mới mang tên hấn. Đây là một chiến lược phản cách mạng rất thâm độc, xảo quyệt, nhưng nó là sản phẩm của sự suy yếu của đế quốc Mỹ. Vận dụng "học thuyết" của hấn vào Việt Nam, Ních-xơn đề ra chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", tăng cường và hiện đại hóa quân ngụy để thay thế lực lượng quân Mỹ rút dần về nước, nhằm "thay đổi màu da xác chết", dùng người Việt đánh người Việt bằng đô-la và bom đạn của Mỹ.

Cuối năm 1969, Mỹ tổ chức và chỉ đạo cuộc hành quân lớn đánh chiếm vùng giải phóng Lào. Tháng 3 năm 1970, chúng tổ chức đảo chính ở Nông Pênh lật đổ chính phủ của Quốc trưởng Nô-rô-đôm Xi-ha-núc, cho quân Mỹ và ngụy Sài Gòn xâm lược Cam-pu-chia, mở rộng chiến tranh ra khắp Đông Dương. Tháng 1 năm 1971, chúng huy động hơn 45.000 quân (có hơn 10.000 quân Mỹ), hơn 1.500 máy bay chiến đấu, trên 800 máy bay lên thẳng, gần 600 xe tăng, xe bọc thép, 300 khẩu pháo, mở cuộc hành quân lớn mang tên "Lam Sơn 719" ra đường số 9 - Nam Lào hùng cứ đứt đường chi viện của ta từ hậu phương ra tiền tuyến, đồng thời rèn luyện khả năng chiến đấu của quân ngụy để thay thế quân Mỹ. Nhưng mọi mưu đồ của chúng đều thất bại thảm hại.

Từ sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, quân và dân ta ở miền Nam tiếp tục giữ vững và phát huy quyền chủ động tiến công địch trên cả 3 mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao. Tháng 6 năm 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập. Tháng 4 năm 1970, với thành công của Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương, khối liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia càng được củng cố vững chắc.

Cùng với quân và dân Lào anh em, quân và dân ta ở miền Nam đã bẻ gãy hoàn toàn cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của địch, sau 43 ngày chiến đấu liên tục, loại khỏi vòng chiến đấu 15.400 tên địch (có 200 tên Mỹ) bắt sống trên 1.000 tên, diệt và đánh thiệt hại nặng 6 lữ đoàn, trung đoàn bộ binh, 1 liên đoàn quân biệt động, 1 lữ đoàn thiết giáp, 13 tiểu đoàn pháo binh, bắn rơi và phá hủy 496 máy bay, phá hủy và thu 586 xe quân sự (có 318 xe tăng, xe bọc thép), 141 khẩu pháo. Chiến thắng Đường số 9 - Nam Lào đã giáng đòn rất mạnh vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Ních-xơn.

Trên đà chiến thắng, ngày 30 tháng 3 năm 1972, quân và dân ta mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam, đập tan 3 tuyến phòng thủ kiên cố nhất của Mỹ - ngụy ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực tinh nhuệ của chúng, trong 5 tháng tiêu diệt và bắt sống 280.000 tên địch, diệt và đánh thiệt hại nặng 7 sư đoàn, 33 lữ đoàn, trung đoàn, 205 tiểu đoàn bộ binh, 11 trung đoàn xe bọc thép, 22 tiểu đoàn pháo binh, tiêu diệt và làm tan rã 60 tiểu đoàn, 450 đại đội và 1.500 trung đội bảo an, dân vệ, thu và phá hủy 5.800 xe quân sự (có 2.000 xe tăng, xe bọc thép), 1.300 khẩu pháo, bắn rơi và phá hủy 1.850 máy bay, đánh chìm 330 tàu, xuống chiến đấu. Hệ thống kim kẹp của địch bị phá vỡ từng mảng, nhiều vùng rộng lớn với hàng triệu đồng bào được giải phóng.

Để cứu vãn quân ngụy Sài Gòn và chương trình "Việt Nam hóa" khởi sụp đổ, từ giữa tháng 4 năm 1972, Ních-xơn vội vã "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh, ồ ạt huy động không quân và hải quân bắn phá ác liệt ở miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc. Chúng sử dụng những lực lượng rất lớn gồm 1.400 máy bay chiến thuật thuộc những kiểu hiện đại đã được cải tiến (F111, F4, A6, A7...), 197 máy bay ném bom chiến lược B52, 6 tàu chở máy bay và hơn 60 tàu chiến cùng những loại vũ khí, trang bị kỹ thuật tối tân nhất (bom vô tuyến truyền hình, bom dẫn bằng tia la-de...), ném bom có tính chất hủy diệt nhiều thành phố, thị xã, cơ sở kinh tế, v.v. Chúng thả hơn 20.000 quả mìn và thủy lôi để phong tỏa các hải cảng và bờ biển nước ta. Đặc biệt nghiêm trọng là cuối tháng 12 năm 1972, chúng đã mở cuộc tập kích bằng không quân chiến lược vào thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và nhiều nơi khác trên miền Bắc với quy mô lớn và mức độ hủy diệt chưa từng thấy.

Quân và dân miền Bắc anh hùng chiến đấu rất dũng cảm, sáng tạo, đập tan mọi thủ đoạn xảo quyệt và tàn bạo của địch, trong hơn 9 tháng (từ ngày 6 tháng 4 năm 1972 đến ngày 17 tháng 1 năm 1973) bắn rơi 754 máy bay Mỹ (có 61 B52 và 10 F111). Riêng trong 12 ngày đêm đọ sức quyết liệt với không quân và hải quân Mỹ (từ ngày 18 đến 29 tháng 12 năm 1972) bắn rơi 81 máy bay (có 34 B52, 5 F111), tiêu diệt và bắt sống hàng trăm giặc lái, bắn cháy 9 tàu chiến Mỹ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không" vô cùng oanh liệt.

Thua đau ở miền Nam và thất bại nặng nề trong trận tập kích bằng không quân chiến lược vào miền Bắc, bị cô lập về chính trị trên thế giới và trong nước Mỹ, tập đoàn Ních-xơn buộc phải ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam ngày 27 tháng 1 năm 1973, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, chấm dứt sự dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, tôn trọng

những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam. Tiếp theo đó, ngày 27 tháng 2 năm 1973, Hội nghị quốc tế về Việt Nam đã ký Định ước trịnh trọng ghi nhận Hiệp định Pa-ri, công nhận và triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Ngày 29 tháng 3 năm 1973, đội quân viễn chinh Mỹ phải âm thầm, cay đắng cuốn cờ về nước.

ĐÁNH BẠI HOÀN TOÀN CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VÀ ÁCH THỐNG TRỊ THỰC DÂN MỚI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1975)

Tuy phải ký Hiệp định Pa-ri nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố tiếp tục thi hành chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhằm duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, chia cắt lâu dài nước ta. Để thực hiện dã tâm ấy, chúng đưa thêm vào miền Nam hàng trăm máy bay, hàng triệu tấn vũ khí, trang bị; chúng giật dây và tiếp sức cho tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu phá hoại Hiệp định Pa-ri, tiếp tục chiến tranh xâm lược bằng kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ" và những cuộc hành quân "bình định" lấn chiếm vùng giải phóng.

Trừng trị những tội ác chiến tranh của bè lũ Mỹ - Thiệu, quân và dân ta ở miền Nam đã giáng trả chúng những đòn địch đáng, không những ở các nơi chúng lấn chiếm mà còn ở tất cả các căn cứ xuất phát của chúng. Ngày 6 tháng 1 năm 1975, quân và dân Phước Long tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, tiêu diệt địch, giải phóng toàn tỉnh. Chiến thắng Phước Long chứng minh sự thay đổi căn bản về so sánh lực lượng giữa ta và địch từ sau Hiệp định Pa-ri, sự lớn mạnh về thế và lực của quân và dân ta, sự suy yếu và những khó khăn rất lớn của Mỹ - ngụy.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 bắt đầu bằng trận đánh táo bạo, bất ngờ vào thị xã Buôn Ma Thuột, một vị trí then chốt, hiểm yếu trong hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên. Đòn đánh trúng huyết mạch làm rung động cả Tây Nguyên và mở đầu quá trình sụp đổ không gì cứu vãn nổi của ngụy quân và ngụy quyền Sài Gòn. Sau khi những cố gắng phản kích chiếm lại Buôn Ma Thuột của chúng bị đập tan, quân địch ở Công Tum, Plây Cu tháo chạy hỗn loạn, bị quân và dân ta truy kích, chặn đánh, tiêu diệt và làm tan rã gần hết. Đến ngày 24 tháng 3, cả vùng chiến lược Tây Nguyên rộng lớn hoàn toàn giải phóng.

Tiếp đó, như một vụ nổ dây chuyền, cơn bão táp tiến công và nổi dậy dâng lên mạnh mẽ khắp các tỉnh ven biển Trung Trung Bộ. Ngày 26 tháng 3, quân ta tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên - Huế, giải phóng cố đô Huế. Ngày 24 tháng 3, ta giải phóng thị xã Tam Kỳ, cô lập hoàn toàn Đà Nẵng. Ngày 29 tháng 3, bằng một cuộc tiến công táo bạo, thần tốc, kết

hợp với cuộc nổi dậy quy mô lớn của quần chúng, quân và dân ta giải phóng Đà Nẵng, một trong hai căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của địch ở miền Nam, trong vòng 32 giờ tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn trên 10 vạn quân địch, quét sạch hệ thống phòng thủ chiến lược mới của địch ở miền Trung, xóa sổ quân khu 1 nguy. Tiếp đó là sự sụp đổ dồn dập của hệ thống phòng thủ còn lại của địch ở Bình Định, Phú Yên (1-4), Lâm Đồng (2-4), Khánh Hòa, Cam Ranh (3-4), Tuyên Đức (4-4). Địch vội vàng sáp nhập 2 tỉnh cực nam của quân khu 2 là Ninh Thuận và Bình Thuận vào quân khu 3 nhằm tăng cường phòng thủ Sài Gòn. Toàn bộ quân khu 2 địch đã bị xóa sổ. Phối hợp với chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng, quân và dân Nam Bộ tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, chiếm thị xã An Lộc, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Long An, Long Khánh, Bình Tuy...

Mỹ vội phái tướng Uây-en sang đốc thúc quân nguy xây dựng hệ thống phòng thủ mới từ Phan Rang đến Cần Thơ, với tuyến phòng ngự chủ yếu bao quanh Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng của chúng.

Một cục diện mới đã mở ra, thời cơ lớn đã tới. Vào giữa hạ tuần tháng 3, Bộ Chính trị Trung ương Đảng hạ quyết tâm mở chiến dịch lịch sử có ý nghĩa quyết định mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng đập tan lực lượng quân sự và bộ máy thống trị còn lại của địch, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ngày 9 tháng 4, quân ta hoạt động mạnh trên hướng đông, đánh vào Xuân Lộc. Ngày 16 tháng 4, quân ta giải phóng Phan Rang, tiếp đó hiệp đồng với lực lượng quần chúng nổi dậy lần lượt giải phóng các tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy. Ngày 21 tháng 4, quân địch ở Xuân Lộc buộc phải rút chạy. Nguyễn Văn Thiệu, tên tay sai đắc lực vào bậc nhất của Mỹ phải từ chức và chuồn ra nước ngoài.

Ngày 26 tháng 4, quân ta mở cuộc tiến công lớn trên hướng đông và hướng tây nam Sài Gòn, tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng địch trên tuyến phòng thủ vòng ngoài, xiết chặt vòng vây xung quanh Sài Gòn.

Trong những ngày cuối cùng, đế quốc Mỹ xoay sở cuống cuống hòng giảm nhẹ thất bại, nhưng trước tình thế đã tuyệt vọng, cuối cùng chúng phải bỏ cuộc. Hàng vạn nhân viên quân sự, dân sự Mỹ và bọn tay sai đầu sỏ tháo chạy hoảng loạn khỏi miền Nam.

Đúng 0 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975, các binh đoàn chủ lực hùng mạnh của ta từ nhiều hướng tiến vào Sài Gòn, phối hợp với lực lượng tại chỗ và quần chúng nổi dậy đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu ở ngoại vi thành phố. Sáng 30 tháng 4, một mũi thọc sâu của ta đánh thẳng vào trung tâm thành phố, nhanh chóng chiếm phủ tổng thống nguy. Nguy quyền trung

ương ở Sài Gòn phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ tổng thống ngụy.

Thừa thắng, từ ngày 30 tháng 4, quân và dân ta ở các tỉnh Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long đồng loạt tiến công và nổi dậy, buộc toàn bộ lực lượng quân sự còn lại của địch hạ vũ khí đầu hàng. Ngày 1 tháng 5 năm 1975, toàn bộ lãnh thổ trên đất liền miền Nam nước ta được giải phóng. Ngày 2 tháng 5, các đảo Côn Sơn và Phú Quốc được giải phóng. Trước đó, trong tháng 4 năm 1975, quân ta đã giải phóng các đảo dọc bờ biển Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và các đảo nằm trong quần đảo Trường Sa do quân ngụy chiếm giữ.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy long trời lở đất mùa Xuân 1975 đã toàn thắng. Miền Nam nước ta hoàn toàn giải phóng. Trong 55 ngày đêm chiến đấu vô cùng anh dũng và tài giỏi, quân và dân ta đã đập tan đội quân ngụy đông 1.351.000 tên, gồm 4 quân đoàn chủ lực được đế quốc Mỹ trang bị rất đầy đủ và hiện đại với ngót 2.000 máy bay, trên 1.500 khẩu pháo, trên 2.000 xe tăng, xe bọc thép, trên 1.600 tàu, xuồng chiến đấu; xóa bỏ bộ máy thống trị thực dân mới điển hình mà đế quốc Mỹ dốc sức xây dựng và nuôi dưỡng hơn 20 năm nay.

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến lâu dài nhất, khó khăn nhất và vĩ đại nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị 117 năm của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta.

**THÀNH TÍCH CHIẾN ĐẤU TỔNG HỢP CỦA QUÂN VÀ DÂN TA
ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC THỰC DÂN MỚI CỦA MỸ Ở MIỀN NAM**

Đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ	Năm	Tiêu diệt và làm tan rã							Thu và phá hủy				
		Quân địch			Đơn vị địch				Máy bay	Đại bác	Xe bọc thép	Tàu, xuồng chiến đấu	
		Mỹ và chư hầu	Ngụy	Cộng	Sư đoàn	Trung đoàn (a)	Tiểu đoàn	Đại đội					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
Đánh bại "chiến tranh đơn phương"	1959		4.000	4.000									
	1960		12.000	12.000									
	Cộng		16.000	16.000									
Đánh bại "chiến tranh đặc biệt"	1961	8	34.321	34.329					1		13	17	
	1962	256	49.102	49.358					200		34	72	
	1963	993	92.303	93.296				1	690		85	141	
	1964	2.000	126.123	128.123				8	71	542	141	292	
	Cộng	2.357	301.849	305.106				9	71	1.433		273	522
Đánh bại "chiến tranh cục bộ"	1965	19.200	148.300	167.500			52	227	1.337		426	166	
	1966	118.000	150.200	268.200		1	47	306	2.130		1.200	97	
	1967	170.000	195.000	365.000			73	378	3.200	750	4.000	200	
	1968	230.000	400.000	630.000		8	205	750	6.000	1.100	7.000	1.000	
	Cộng	537.200	893.500	1.430.700		9	377	1.661	12.667	1.850	12.626	1.463	
Đánh bại "chiến tranh Việt Nam hóa"	1969	235.000	410.000	645.000		6	122	900	6.400	2.500	10.000	1.700	
	1970	110.000	310.000	420.000					5.900	1.850	7.400	680	
	1971	20.000	230.000	250.000		5	68	550	1.800	650	2.500	700	
Đánh bại "chiến tranh Việt Nam hóa"	1972	(b)	500.000	500.000	8	35	327	750	2.500	1.500	2.850	400	
	Cộng	365.000	1.450.000	1.815.000	8	46	517	2.200	16.600	7.500	22.750	3.480	
Đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược thực dân mới	1974		255.000	255.000			43	415	518	2.143	1.112	416	
	1975		1.351.000	1.351.000	13 (c)	33	447	170	1.850	1.660	2.074	1.611	

(a) Kể cả các lữ đoàn, chiến đoàn, liên đoàn.

(b) Không có số liệu.

(c) Không tính các sư đoàn không quân.

**THÀNH TÍCH CHIẾN ĐẤU TỔNG HỢP CỦA NHÂN DÂN TA
ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA MỸ Ở MIỀN BẮC**

Từ ngày 5 tháng 8 năm 1964 đến ngày 17 tháng 1 năm 1973, quân và dân ta ở miền Bắc đã đánh bại hai cuộc chiến tranh phá hoại của không quân và hải quân Mỹ:

- + Bán rơi 4.181 máy bay (có 68 B52, 13 F111).
- + Tiêu diệt hàng nghìn giặc lái, bắt sống hàng trăm tên.
- + 271 lần bắn chìm, bắn cháy tàu chiến và tàu biệt kích.
- + Trừng trị pháo binh địch ở Cồn Tiên, Dốc Miếu, diệt 1.370 tên, phá hủy 28 khẩu pháo, 7 máy bay lên thẳng, 72 xe quân sự.
- + Diệt và bắt gọn hàng chục toán gián điệp biệt kích.

**THÀNH TÍCH BẮN RƠI MÁY BAY, BẮN CHÌM, BẮN CHÁY TÀU CHIẾN
QUA CÁC NĂM**

Thời gian	BẮN RƠI MÁY BAY				Bắn chìm, bắn cháy tàu chiến
	B52	F111	Các loại khác	Cộng	
1964			12	12	1
1965			834	834	15
1966			773	773	22
1967	5		1.062	1.067	69
1968	1	3	567	571	36
1969-1971	1		169	170	3
1972	54	10	670	734	118
1973 (đến ngày 17-1)	7		13	20	7
<i>Tổng cộng:</i>	68	13	4.100	4.118	271

BẢNG VÀNG LẬP CÔNG CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRÊN MIỀN BẮC

	SỐ MÁY BAY BẮN RƠI			Riêng dân quân tự vệ bắn rơi	Số lần bắn chìm bắn cháy tàu chiến
	Tổng số	Riêng B52	Riêng F111		
Quảng Bình	704	3	3	110	86
Nghệ An	553	12	1	46	36
Thanh Hóa	376	3		32	57
Hà Nội	358	23	2	3	
Hải Phòng	317	5	1	11	8

	SỐ MÁY BAY BẮN RƠI			Riêng dân quân tự vệ bắn rơi	Số lần bắn chìm bắn cháy tàu chiến
	Tổng số	Riêng B52	Riêng F111		
Vĩnh Linh	283	15		16	45
Hà Tĩnh	267	1	1	40	34
Quảng Ninh	199			6	
Hà Bắc	162		1	5	
Nam Hà	120			11	3
Vĩnh Phú	120	2	1	1	
Yên Bái	98		1	2	
Ninh Bình	90			6	
Lạng Sơn	85				
Hải Hưng	85			7	
Hà Tây	83	1	2	1	
Bắc Thái	69	2			
Sơn La	68			6	
Hòa Bình	47	1		5	
Thái Bình	44			12	2
Tuyên Quang	21				
Nghĩa Lộ	16			4	
Lai Châu	14			2	
Lao Cai	2				
Cộng:	4.181	68	13	326	271

QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ THẤT BẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở VIỆT NAM
(*Qua lời thú nhận của các giới cầm quyền Mỹ và dư luận báo chí phương Tây*)

THAM VỌNG

Uy-li-am Li-hai, đại sứ Mỹ: Phải nói không úp mở rằng nếu Nhật Bản thắng, chúng tôi sẽ chiếm xứ đó (19-7-1941).

Thời báo Niu I-ôóc: Đông Dương là một miếng mồi đáng cho chúng ta đánh một canh bạc to (12-2-1950).

Ai-xen-hao: Chúng ta hãy tưởng tượng rằng chúng ta mất Đông Dương... Thiếc, von-phram là những thứ quý giá sẽ không còn từ vùng này đến nữa (8-1953).

Báo tin tức Mỹ và thế giới: Một trong những vùng giàu có nhất thế giới được mở ra cho kẻ nào chiếm được Đông Dương. Thiếc, cao su, gạo, nhiều nguyên liệu chiến lược: đó là ý nghĩa thực sự của cuộc chiến tranh (4-4-1954).

CAM KẾT

Ai-xen-hao: Đặt miền Nam dưới sự bảo hộ (của khối xâm lược Đông Nam Á) là nhằm ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở vĩ tuyến 17 (9-1954).

Ken-nơ-di: Ai-xen-hao đã phải chịu những hậu quả chính trị của Điện Biên Phủ và việc tống cổ những người phương Tây ra khỏi Việt Nam năm 1954. Ngày nay tôi không thể cho phép (!) có một thất bại như năm 1954 nữa (1961).

Giôn-xơn: Tôi sẽ làm những gì cần phải làm để bảo vệ lợi ích của Mỹ ở Việt Nam (1964).

Ních-xơn: Mỹ đang mắc kẹt trong chiến tranh Việt Nam... Nhưng chúng ta sẽ giữ vững mục tiêu cam kết. Phải duy trì một lập trường sức mạnh (3-1969).

Pho: Lợi ích quốc tế của Mỹ và sự nghiệp ổn định tình hình trên thế giới đòi hỏi chúng ta phải cung cấp viện trợ quân sự cho chính quyền Thiệu (15-4-1975).

HUNG HẰNG

Giôn-xơn: Sức mạnh ở mặt đất và sức mạnh ở trên không, sức mạnh bất cứ khi nào cần thiết (7-1965).

Côt-tốt Li-mai, tướng không quân Mỹ: Không quân là quyết định, không quân là công cụ chiến thắng. Bằng không quân, chúng ta có thể đạt được bất cứ mục tiêu nào trên thế giới này. Bắc Việt Nam hãy sờ lên gáy, nếu không chúng ta sẽ ném bom tàn phá tan hoang, đẩy lùi Bắc Việt Nam về

thời đại đồ đá. Dưới bom đạn Mỹ, Bắc Việt Nam không chịu nổi vài tuần (11-1965).

Oét-mo-len: Chúng ta sẽ tiếp tục làm cho họ phải đổ máu tới mức hàng mấy thế hệ phải chịu thảm họa dân tộc (1966).

Mác Cơn-oen, tham mưu trưởng không quân Mỹ: Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng ta có thể phá hoại Bắc Việt Nam thực sự một sớm một chiều (9-1967).

Ních-xơn: Hãy làm cho không ai còn nghi ngờ rằng chúng ta sẽ dùng sức mạnh tới mức độ cần thiết (2-1970).

Kít-xinh-giơ: Tôi đã muốn ném bom Hà Nội cho tối tăm trời đất lại (2-1974).

BẾ TẮC

Ken-nơ-di: Ở Việt Nam, chúng ta đang ở trong một đường hầm mà chưa thấy lối ra (1963).

Tay-lo: Sức mạnh không quân là một sự yểm trợ, nhưng nó không thể quyết định việc chặn đứng những con người kiên quyết chiến đấu trên mặt đất... Chúng tôi đã không đánh giá đúng tinh thần cực kỳ kiên quyết và đức tính hy sinh vì sự nghiệp của người Việt Nam.

Giôn-xơn: Kết thúc năm 1968, sau nhiều năm điều hành cuộc chiến tranh gay gắt nhất ở Việt Nam, tôi thực sự không tin mình có thể sống sót nếu ở lại Nhà trắng thêm một nhiệm kỳ nữa. Vì tình hình đen tối của chúng ta ở Việt Nam đã làm cho tôi phải căng thẳng suốt 1.886 đêm, ít khi được ngủ trước 2 giờ sáng.

Ních-xơn: Những năm tham gia chiến tranh Việt Nam là một thời kỳ tự lụi và tự cô lập của Mỹ, thời kỳ đưa đến sự đình đốn ở trong nước và khuyến khích những nguy cơ mới ở nước ngoài (1973).

CAY ĐÁNG

Pho: Mỹ đã thất bại nghiêm trọng ở Đông Dương. Tình hình Nam Việt Nam là một thảm họa với những mức độ không thể tưởng tượng được (3-4-1975).

Sle-xinh-giơ: Đây là một bước thụt lùi hết sức nghiêm trọng đối với Mỹ, một thất bại có tầm lịch sử và bi đát (7-4-1975).

Tay-lo: Tôi không thể giải thích nổi cuộc thảm bại của chúng ta. Đây là một trận Oa-téc-lô của Mỹ (9-4-1975).

... Tất cả chúng ta đều có phần của mình trong thất bại của Mỹ ở Việt Nam và chẳng có gì là tốt đẹp cả. Chúng ta không hề có một anh hùng nào

trong cuộc chiến tranh này mà chỉ toàn là một lũ ngu xuẩn. Chính tôi cũng nằm trong số đó (14-5-1975).

Kít-xinh-giơ: Cuộc rút lui lịch sử khỏi Việt Nam của một đại cường quốc không thể không đặt ra một số câu hỏi gây ảnh hưởng có hại cho địa vị của Mỹ trên thế giới (19-5-1975).

Đin Ra-xơ, cựu ngoại trưởng Mỹ: Chúng ta vẫn chưa biết cái giá phải trả cho cuộc chiến tranh này. Phải đợi hàng chục năm nữa mới biết được (5-1975).

Oét-mo-len: Nước Mỹ sẽ rút ra từ kinh nghiệm đau thương, bất hạnh, bi thảm này một bài học có giá trị cho tương lai (5-1975).

Gioóc-giơ Bôn, cựu thứ trưởng bộ ngoại giao Mỹ: Chiến tranh ở Việt Nam đánh dấu một thất bại thảm hại đối với Mỹ, là một đòn giáng vào uy tín chính trị, ảnh hưởng tinh thần của Mỹ ở nước ngoài, vào sự thống nhất trong nước, Mỹ đã dùng những biện pháp dã man không tả xiết để thực hiện những mục tiêu đáng hoài nghi đối với một nước nhỏ (3-1973).

Hao-dơ, đại tướng Mỹ: Chính sách ngăn chặn của chúng ta đã phải hứng chịu một đòn rất nặng nề tại Việt Nam. Dù bè bạn an ủi chúng ta thế nào, dù chúng ta viện những nguyên nhân gì để bào chữa cho thất bại, dù tổng thống khuyên chúng ta nên quên cuộc chiến tranh này đi và nhìn về tương lai, Việt Nam vẫn là một cố gắng to lớn của nước Mỹ đã thất bại và thất bại hoàn toàn (5-1975).

Báo Mỹ Sao và vạch: Các sĩ quan Mỹ đang cố nuốt niềm cay đắng và tìm cách tránh không nhắc đến chiến tranh Việt Nam, một cuộc chiến tranh còn tiếp tục in sâu vào tâm trí họ như là một chuỗi dài thất bại đau thương (5-1975).

Báo Tin tức Mỹ và thế giới: Mỹ đã thất bại nhục nhã và đây là thất bại nhục nhã nhất của Mỹ trong suốt 200 năm nay (5-1975).

CẢ THẾ GIỚI MỪNG VIỆT NAM TOÀN THẮNG

Thắng lợi tuyệt diệu ở miền Nam Việt Nam mở ra một giai đoạn quan trọng mới để nhân dân Việt Nam tiến tới mục tiêu lịch sử của mình là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, hòa bình, thống nhất và giàu mạnh.

L. BRÊ-GIƠ-NÉP, Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô.

Thắng lợi của các đồng chí đã mở ra thời đại mới của Việt Nam đã được giải phóng, có ý nghĩa lịch sử và ý nghĩa quốc tế trọng đại. Thắng lợi của các đồng chí đã cổ vũ hết sức mạnh mẽ tất cả các dân tộc và nhân dân bị áp bức đang đấu tranh, nêu tấm gương sáng chói cho sự nghiệp cách mạng chống đế quốc Mỹ của nhân dân toàn thế giới.

MAO TRẠCH ĐÔNG, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc,

CHU ĐỨC, Ủy viên trưởng Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc,

CHU AN LAI, Thủ tướng quốc vụ viện nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Với cuộc chiến tranh thần thánh của mình, nhân dân Việt Nam đã trở thành tấm gương của chủ nghĩa anh hùng cao cả, của sự hy sinh và quên mình, là nguồn cổ vũ vô tận cho các dân tộc đang chiến đấu chống lại chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ, chủ nghĩa thực dân mới và bọn phản động, là tượng trưng cho tự do và độc lập.

EN-VE HỐT-GIA, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động An-ba-ni,

HÁT-GI LÊ-SI, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Quốc hội,

MÉT-MÉT SÊ-HU, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa nhân dân An-ba-ni.

Chúng tôi đón chào những sự kiện lịch sử trọng đại gần đây ở Đông Dương như là những thắng lợi mới vĩ đại của các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới, mở ra những điều kiện cần thiết mới cho việc mở rộng và củng cố hòa bình và hợp tác giữa các dân tộc.

E. GHI-RÉCH, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Công nhân thống nhất Ba Lan,

M. I-A-BLÔN-XKI, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước,

P. I-A-XÔ-XÊ-VÍCH, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước Cộng hòa nhân dân Ba Lan.

Thắng lợi hoàn toàn của các bạn cũng là thắng lợi to lớn của các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình và dân chủ trên thế giới. Thắng lợi đó chứng minh hùng hồn rằng khi một dân tộc đã đứng lên đấu tranh cho tự do và quyền làm chủ vận mệnh của mình thì không một lực lượng nào có thể khuất phục được.

*TÔ-ĐO GÍP-CỐP, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Cộng sản Bun-ga-ri, Chủ tịch Hội
đồng Nhà nước Cộng hòa nhân dân Bun-ga-ri.*

Việt Nam là tấm gương của tình đoàn kết, là tấm gương của chủ nghĩa anh hùng vô song của một dân tộc. Chúng ta nói rằng thắng lợi của nhân dân Việt Nam là một trong những chiến công oanh liệt, vĩ đại nhất của loài người và một thất bại to lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc.

*PHI-ĐEN CA-XTƠ-RÔ RU-ĐƠ, Bí thư thứ nhất Ban
Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Cu-ba, Thủ
tướng Chính phủ cách mạng Cu-ba.*

Thắng lợi lịch sử của nhân dân Việt Nam là biểu hiện của sự so sánh lực lượng quốc tế đã thay đổi có lợi cho các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi đó chứng minh rằng mọi mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc dùng bạo lực buộc các dân tộc khác phải theo ý mình đều thất bại không gì cứu vãn nổi.

*Ê-RÍCH HÔ-NẾCH-CƠ, Bí thư thứ nhất Ban Chấp
hành trung ương Đảng Xã hội thống nhất Đức,
VIN-LI-XTÓP, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước,
HOÓC-XTƠ PIN-ĐÉC-MAN, Chủ tịch Hội đồng bộ
trưởng nước Cộng hòa dân chủ Đức.*

Thắng lợi lịch sử của nhân dân Việt Nam chống chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai là sự kiện có ý nghĩa nhất trong đời sống quốc tế hiện nay.

*Ban Chấp hành trung ương Đảng công nhân xã hội
chủ nghĩa Hung-ga-ri.*

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam chứng minh rõ ràng rằng thời kỳ làm mưa làm gió của bọn đế quốc đã qua rồi; bất cứ những âm mưu nào của chúng nhằm kéo dài chế độ thực dân, củng cố chế độ phản động thối nát bằng lưỡi lê và súng đạn bên ngoài, nhất định sẽ không tránh khỏi thất bại.

*I-U XÊ-ĐEN-BAN, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành
trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Mông Cổ,
G. BÁT-MÔN-KHƠ, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nước
Cộng hòa nhân dân Mông Cổ.*

Những sự kiện ở Việt Nam sẽ đem lại một sự thúc đẩy mạnh mẽ đối với cuộc đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc, cuộc đấu tranh vì một trật tự chính trị và kinh tế quốc tế mới, vì sự bình đẳng và tôn trọng nền độc lập của tất cả các dân tộc trên thế giới.

N. XÊ-AU-XÊ-XCU, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Ru-ma-ni, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Ru-ma-ni.

Chiến thắng của nhân dân Việt Nam xác định một sự thật lịch sử là một dân tộc đấu tranh vì tự do và độc lập của mình và dựa vào sự ủng hộ, giúp đỡ mạnh mẽ, có hiệu lực của các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng chống đế quốc, tiến bộ và hòa bình khác, là một dân tộc vô địch.

G. HU-XÁC, Tổng Bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Tiệp Khắc,

L. XTƠ-RU-GAN, Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc

Việc giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam là thắng lợi vĩ đại mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước anh hùng và lâu dài, và là một thất bại nhục nhã của đế quốc Mỹ ở châu Á, là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, là thắng lợi chung của tất cả nhân dân cách mạng trên thế giới, đã góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chống đế quốc, giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức.

KIM NHẬT THÀNH, Tổng bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng Lao động Triều Tiên, Chủ tịch nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên,

KIM IN, Thủ tướng Chính vụ viện nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Chiến thắng hết sức vẻ vang này là đỉnh cao của một cuộc đấu tranh mẫu mực tiến hành từ nhiều năm nay với tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cao cả nhất chống tên đế quốc giàu mạnh nhất, hung ác nhất, hiếu chiến nhất, ngoan cố nhất, xảo quyệt nhất trong tất cả các thời đại và bọn tay sai của chúng.

Quốc trưởng NÔ-RÔ-ĐÔM XI-HA-NÚC, Chủ tịch Mặt trận thống nhất dân tộc Cam-pu-chia.

Thấm nhuần di chúc thiêng liêng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và kính yêu, nhân dân Việt Nam anh hùng đã mở ra một trang sử mới, trang sử Tổ quốc Việt Nam được hoàn toàn giải

phóng, trang sử của một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất và độc lập, nguyện vọng tha thiết của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Hoàng thân XU-PHA-NU-VÔNG, Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Lào yêu nước.

Trong lịch sử của dân tộc Việt Nam, đây là thắng lợi có ý nghĩa thời đại. Thắng lợi này có ý nghĩa lịch sử thế giới trọng đại trong cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ, hòa bình, chống đế quốc trên toàn thế giới, vì hòa bình, dân chủ và cải cách dân chủ xã hội.

Trung ương Đảng Cộng sản Nhật Bản.

Cùng với toàn thể nhân loại, nhân dân chúng tôi hết sức vui mừng và vô cùng khâm phục thắng lợi đầy vinh quang và không bao giờ phai mờ được của các đồng chí sau một quá trình đấu tranh lâu dài nhất, anh hùng nhất, gian khổ hy sinh nhất mà loài người được chứng kiến.

Đảng Cộng sản Nam Phi.

Nhờ thắng lợi này của nhân dân Việt Nam, từ nay một kỷ nguyên mới đã mở ra cho phong trào của các lực lượng giải phóng dân tộc trên thế giới, mở ra triển vọng giành nhiều thắng lợi mới cho tự do, độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội, hòa bình và chủ nghĩa xã hội.

Trung ương Đảng Cộng sản Rê-uy-ni-ông.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam là một trong những trang sử rực rỡ và anh hùng nhất của loài người.

Đảng Cộng sản En Xan-va-đo.

Trong toàn bộ lịch sử, không có một tấm gương nào như vậy về tinh thần dũng cảm và dẻo dai của một dân tộc, sau cuộc ném bom kéo dài của một siêu cường quốc mà vẫn tồn tại và chiến thắng cuộc chiến tranh. Nếu ở châu Phi, chúng tôi có thể làm chỉ một phần trăm những việc mà nhân dân Việt Nam đã làm thì tất cả châu Phi sẽ được tự do.

GIU-LI-ÚT K. NI-Ê-RÊ-RÊ Tổng thống Tan-da-ni-a.

Tình hình thế giới nói chung và ở Trung Đông nói riêng rất lạc quan vì kẻ thù số một của thế giới đã bị đánh gục ở Việt Nam. Nhân dân Xi-ri sẽ học tập kinh nghiệm Việt Nam, tiến hành cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ để bảo vệ chân lý, bảo vệ quyền lợi cơ bản của mình.

HA-PHÂY EN ÁT-SÁT Tổng thống Xi-ri.

Thắng lợi của Việt Nam là thắng lợi vĩ đại nhất mà các dân tộc đấu tranh cho độc lập và tự do đã giành được trong suốt thế kỷ này. Không có lời lẽ nào

có thể diễn tả hết ý nghĩa chiến thắng của nhân dân Việt Nam. Chúng tôi coi đó như thắng lợi của chính mình.

HOÓC-HÊ-ĐEN PHA-ĐÔ Tổng bí thư Đảng Cộng sản
Pê-ru.

Việt Nam đã ghi những dòng chữ vàng bất tử vào danh mục những dân tộc anh hùng trên trái đất này, những dân tộc có những cống hiến đặc biệt cho sự tiến bộ của loài người.

VÊC-NƠ LĂM-BÊC-XƠ, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Xã
hội thống nhất Đức.

Tôi sẽ không cường điệu nếu nói rằng cuộc chiến tranh Việt Nam sẽ có ảnh hưởng sâu sắc tới lịch sử hiện đại. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chứng minh rằng không thế lực nào có thể thắng nổi nguyện vọng của một dân tộc vươn tới tự do và độc lập.

K. VÍCH-MAN, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Thụy Điển.

Chiến tranh ở Việt Nam là một cuộc chiến tranh chưa từng có trong lịch sử, cuộc chiến tranh đó không có tên gọi bằng tiếng nước nào, nhưng là tấm gương cho chúng ta về chủ nghĩa anh hùng, tinh thần kiên trì và dũng cảm vô song.

KÔ-MÉT SAN-ĐRE, Tổng thư ký Hội đồng Hòa bình
thế giới.

Nhân dân Việt Nam đã đấu tranh cho cả loài người tiến bộ... Thắng lợi của Việt Nam là thắng lợi của lý tưởng cao đẹp nhất của thời đại ngày nay.

KÔN-ĐƠ, nguyên Phó thủ tướng Úc.

Thắng lợi kỳ diệu của nhân dân Việt Nam làm trong sáng thêm lương tâm của các dân tộc.

XA-RA LÍP-MAN, nữ nhà văn Thụy Điển.

Không một ai trên trái đất này, dù chính kiến hay màu da của họ như thế nào đi nữa, lại không kính trọng và tự hào về dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã giương cao ngọn cờ chiến thắng trên phần đất cuối cùng của Tổ quốc mình vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, sau 30 năm trường chiến đấu. 30 năm chiến đấu liên tục, không một phút nghỉ ngơi, dân tộc ấy đã đánh bại ba tên đế quốc lớn mạnh nhất thế giới là Nhật, Pháp và Mỹ, và cuối cùng bằng máu và lửa, đã chứng minh cho cả loài người thấy rằng, những dân tộc đã chiến đấu thì không bao giờ chịu khuất phục và ý chí của họ là vô địch. Họ đã để lại trong lịch sử loài người một bài học không thể nào quên được.

Báo Tin tức (Ai Cập), ngày 7-5-1975.

Sau 30 năm chiến đấu - những cuộc chiến đấu lạ lùng! - từ mùa Xuân này hòa bình đã trở lại trên toàn nước Việt Nam. Hòa bình trong độc lập. Chắc chắn đây là thắng lợi trọn vẹn nhất mà một dân tộc có thể giành được đối với một đế quốc hùng cường vào bậc nhất. Phải hàng năm, có lẽ hàng chục năm nữa mới có thể lường được hết tầm quan trọng của thắng lợi này.

GIẤC MA-ĐÔN, tạp chí Châu Âu (Pháp), tháng 10-1975.

Bí quyết thắng lợi của nhân dân Việt Nam không phải là những máy bay Mích, không phải là những vũ khí tự động, không phải là những tàu chiến, mà trước hết là nhân dân, là sức mạnh đoàn kết chiến đấu của nhân dân...

Nhân dân Việt Nam như một ngọn hải đăng xua tan bóng đêm cho những dân tộc đang đấu tranh.

*RÔ-GIÊ-RI-Ô LÔ-BA-TÔ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
kiêm Tổng tư lệnh Quân giải phóng Đông Ti-mo.*

VÀI NÉT VỀ TIỀM LỰC QUÂN SỰ CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

- *Số dân*: 215.810.000 người.
- *Tổng thu nhập quốc dân*: 1.397,4 tỷ đô-la (1974).
- *Tổng số quân*: 2.130.000 tên.
- *Ngân sách quốc phòng*: 92,8 tỷ đô-la (tài khóa 1975-1976).
- *Lực lượng quân sự*:

Lực lượng hạt nhân chiến lược:

- + Hải quân: 41 tàu ngầm (có 25 tàu ngầm nguyên tử) mang 656 tên lửa.
- + Không quân: 463 máy bay ném bom chiến lược.
- + Tên lửa vượt đại châu: 1.054.
- + Lực lượng phòng thủ chiến lược: 100 tên lửa chống tên lửa và 374 máy bay tiêm kích.

Lục quân: 785.000 tên.

+ Đóng ở châu Âu: 198.000 tên.

+ Đóng ở Thái Bình Dương: 40.000 tên.

Hải quân: 536.000 tên.

+ 15 tàu chở máy bay, 179 tàu nổi cỡ lớn, 75 tàu ngầm tiến công (có 64 tàu ngầm nguyên tử).

+ Khoảng 1.900 máy bay.

Không quân: 612.000 tên.

+ Khoảng 5.000 máy bay chiến đấu.

(Theo cuốn *Cán cân quân sự 1975-1976* của Viện quốc tế nghiên cứu chiến lược, Anh)

- 6 triệu lượt người Mỹ đã bị đưa sang tham gia chiến tranh xâm lược Việt Nam, trong đó có 4.649.000 người dưới 30 tuổi.

- Mỹ đã huy động 70% lục quân, 60% không quân, 40% hải quân, 60% lực lượng lính thủy đánh bộ toàn nước Mỹ vào chiến tranh xâm lược Việt Nam. Số quân Mỹ huy động lúc cao nhất bằng tổng số lục quân của 5 nước: Anh, Bỉ, Úc, Ca-na-đa và Tây Ban Nha cộng lại.

- Mỹ đã huy động 40% các nhà vật lý, 260 trường đại học, 22.000 xí nghiệp lớn với 5 triệu rưỡi công nhân vào việc nghiên cứu và sản xuất vũ khí, đồ dùng quân sự phục vụ chiến tranh xâm lược Việt Nam.

- Năm 1968, mỗi ngày Mỹ chi phí cho chiến tranh xâm lược Việt Nam 100 triệu đô-la, gấp 10 lần chi phí cho cuộc "chiến tranh chống nghèo đói" ở Mỹ, gấp 4 lần chi phí cho chương trình vũ trụ của Mỹ, bằng một nửa số tiền Mỹ viện trợ cho nước ngoài trong 20 năm 1941-1960.

TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM, TÊN LÍNH MỸ ĐẦU TIÊN BỎ XÁC...

Đó là Giêm Tô-mát Đê-vít, chuyên viên bậc 4, quê ở Li-vinh-xton, bang Ten-nét-xi, chết trên chiến trường miền Nam Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 1961.

... VÀ NHỮNG TÊN LÍNH MỸ CUỐI CÙNG TOI MẠNG

Đó là Đác-uyn Giốt, hạ sĩ lính thủy đánh bộ, quê ở Mác-xan, bang Ai-ô-a và Sác-li Mác Ma-hơn, binh nhì lính thủy đánh bộ, quê ở Uơ-bơn, bang Ma-xa-chu-xét, chết ngày 29 tháng 4 năm 1975 ở sân bay Tân Sơn Nhất trong cuộc rút chạy hoảng loạn của Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam.

MỘT CUỘC CHIẾN TRANH VÔ CÙNG TỔN KÉM

- Trong chiến tranh thế giới thứ hai, một máy bay chiến đấu cánh quạt kiểu P51 giá khoảng 55.000 đô-la; trong chiến tranh Triều Tiên, một máy bay chiến đấu phản lực kiểu F86D giá 340.000 đô-la. Còn trong chiến tranh Việt Nam, một chiếc F105 giá 1,5 triệu đô-la, một chiếc A6A giá 3 triệu, một chiếc F4C giá 3,2 triệu, một chiếc B57 giá 4,5 triệu, một chiếc RB66 giá 6 triệu, một chiếc B52 giá 9,5 triệu, một chiếc F111 giá 11,5 triệu. Chỉ tính riêng số máy bay bị bắn rơi trên miền Bắc (4.181 chiếc) đế quốc Mỹ cũng đã tổn kém trên dưới 8 tỷ đô-la.

- Chi phí cho một phi xuất của máy bay lên thẳng là 1.000 đô-la, của máy bay chiến thuật là 11.600 đô-la, của máy bay chiến lược B52 là 44.200 đô-la. Theo tính toán của Trung tâm nghiên cứu quốc tế trường đại học Coóc-nen (Mỹ), riêng khoản chi phí cho 1.869.526 phi xuất máy bay chiến thuật, 84.000 phi xuất B52 và 17.500.000 phi xuất máy bay lên thẳng trong chiến tranh Việt Nam đã ngốn mất 42,9 tỷ đô-la trong ngân sách Mỹ.

- Để cứu vãn uy thế của "không lực Huê Kỳ" đã thất bại thảm hại trong chiến tranh Việt Nam, Mỹ đang xúc tiến việc sản xuất và đưa vào sử dụng những loại máy bay mới còn đắt tiền hơn nhiều. Một máy bay chiến thuật kiểu F15 giá 14,6 triệu đô-la, một máy bay ném bom chiến lược kiểu B1 giá 76 triệu, còn giá một máy bay cảnh giới và chỉ huy trên không bằng ra-đa AWACS thì ngót nghét 110 triệu đô-la.

Xem thế đủ biết cuộc chiến tranh không quân của Mỹ tổn kém biết chừng nào. Mỹ vẫn khoe giàu, khoe mạnh nhưng cuối cùng cũng không sao chịu đựng nổi những tổn thất quá lớn về máy bay ở Việt Nam.

NHỮNG CON "ÁT CHỦ BÀI" CỦA KHÔNG QUÂN MỸ BỊ QUÂN VÀ DÂN MIỀN BẮC TÓM CỔ

5-8-1964: An-va-rít-dơ, trung úy, giặc lái Mỹ đầu tiên bị bắt trên miền Bắc tại Quảng Ninh.

11-2-1965: Su-méch-cơ, thiếu tá, "phi công vũ trụ" Mỹ bị bắt tại Quảng Bình.

8-8-1966: Giêm Cát-lơ, thiếu tá, "anh hùng không quân" Mỹ, bị bắt tại Yên Bái.

12-5-1967: No-man Ga-di-xơ, đại tá, nguyên giáo sư học viện hàng không Mỹ, bị bắt tại Hà Nội.

2-8-1967: Oa-lát Hai-dơ, đại tá, bị bắt tại Hà Tĩnh.

20-10-1967: Pi-tơ Phơ-lin, đại tá, bị bắt tại Hà Nội.

26-10-1967: Giôn Xít-ni Mắc Kên, thiếu tá, con tên đồ đốc tư lệnh hải quân Mỹ ở châu Âu, bị bắt tại Hà Nội.

18-11-1967: Bơ-đét Ết-du-át, đại tá, liên đội trưởng, bị bắt tại Hà Tây.

18-12-1972: Ri-sốt Giôn-xơn, thiếu tá, đã có 6.000 giờ bay trên B52, bị bắt tại Vĩnh Phú.

22-12-1972: Giôn Ha-ri Y-u-in, trung tá, đã vượt mốc "5.000 giờ bay", lái 15 kiểu máy bay khác nhau, huấn luyện viên B52, bị bắt tại Hải Hưng.

CUỘC ĐÀM PHÁN VỀ HÒA BÌNH KÉO DÀI NHẤT, GAY GO, PHỨC TẠP NHẤT TRONG THẾ KỶ XX

Đó là cuộc đấu tranh ngoại giao của nhân dân ta với đế quốc Mỹ ở Pa-ri bắt đầu ngày 13 tháng 5 năm 1968 và kết thúc ngày 27 tháng 1 năm 1973, kéo dài 4 năm 8 tháng 14 ngày với 202 phiên họp công khai và 24 đợt gặp riêng.

- Sau khi Giôn-xơn tuyên bố ném bom hạn chế (31-3-1968), ta đồng ý ngồi ngồi chuyện với Mỹ ở Pa-ri từ ngày 13 tháng 5 năm 1968. Do sức đấu tranh của ta, Mỹ buộc phải ngồi nói chuyện chính thức với Mặt trận dân tộc giải phóng (từ tháng 6 năm 1969 là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam). Hội nghị bốn bên bắt đầu ngày 18 tháng 1 năm 1969.

- Trong quá trình đàm phán, ta đưa ra nhiều đề nghị hợp lý như giải pháp toàn bộ 10 điểm ngày 8 tháng 5 năm 1969, 8 điểm nói rõ thêm ngày 17 tháng 9 năm 1970, giải pháp 7 điểm ngày 1 tháng 7 năm 1971, 2 điểm then chốt nói rõ thêm ngày 2 tháng 2 năm 1972, v.v. Nhưng tập đoàn Ních-xơn cố tình bưng tai, bịt mắt để tiếp tục chính sách ngoại giao dựa trên sức mạnh.

Ngày 4 tháng 5 năm 1972, chúng đơn phương tuyên bố hoãn không thời hạn Hội nghị Pa-ri, nhưng đến ngày 13 tháng 7 năm 1972 phải nhận hợp lại.

- Ngày 8 tháng 10 năm 1972, ta chủ động đưa ra bản dự thảo "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam". Đến ngày 22 tháng 10 năm 1972 ta và Mỹ đã hoàn thành văn bản hiệp định, nhưng ngay ngày hôm sau Mỹ lại tìm cách tráo trở.

- Ngày 26 tháng 10 năm 1972, Chính phủ ta ra tuyên bố vạch trần thái độ lật lọng, ngoan cố của Ních-xơn. Đầu tháng 12 năm 1972, khi nối lại các cuộc họp, Mỹ đòi sửa đổi nhiều điểm quan trọng trong nội dung Hiệp định, đồng thời tính toán bước leo thang chiến tranh mới.

- Sau thất bại của Mỹ trong đợt tập kích bằng không quân chiến lược, ngày 8 tháng 1 năm 1973, cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao đã ngã ngũ, phần thắng nghiêng về phía nhân dân ta. Mỹ phải bỏ thái độ "thương lượng trên thế mạnh". Ngày 23 tháng 1 năm 1973, văn bản Hiệp định được ký tắt giữa ta và Mỹ; ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định được ký chính thức.

- Trong 4 cuộc tập kích đường không nhằm vào hạm đội Ban-tích của Liên Xô đậu ở cửa sông Nê-va (tháng 4 năm 1942), phát xít Đức đã sử dụng 400 máy bay. Còn trong cuộc tập kích bằng không quân chiến lược vào miền Bắc nước ta, riêng đêm 18 và ngày 19 tháng 12 năm 1972, đế quốc Mỹ sử dụng 413 lần chiếc, trong đó có 90 lần chiếc B52.

- Trong các cuộc tập kích chiến lược vào thành phố Đre-xden (Đức) từ ngày 13 đến 15 tháng 2 năm 1945, không quân Anh - Mỹ đã ném 4.210 tấn bom, giết 135.000 dân thường. Trong 10 trận oanh tạc chiến lược vào đất Nhật năm 1945, không quân Mỹ dùng 1.600 máy bay, ném 9.400 tấn bom xuống Tô-ki-ô và 3 thành phố lớn khác. Còn trong cuộc tập kích chiến lược vào miền Bắc nước ta (12-1972) chỉ riêng tại Hà Nội, không quân Mỹ đã ném khoảng 60.000 tấn bom.

- Để đánh phá miền Bắc nước ta, không quân Mỹ tiến hành một cuộc chiến tranh điện tử quy mô lớn và rất hiện đại. Trong chiến tranh phá hoại của Giôn-xơn, trung bình 1 máy bay có 0,5 máy gây nhiễu; đến cuộc chiến tranh phá hoại của Ních-xơn, trung bình 1 máy bay có 2 máy gây nhiễu. Riêng máy bay B52 mỗi chiếc được trang bị tới 15 chiếc máy gây nhiễu các loại. Ngoài ra chúng còn tạo những đám mây nhiễu tiêu cực dài 40 - 50km, dày 10 - 20km.

Nhưng tất cả những thủ đoạn tàn bạo và xảo quyệt nói trên đã không cứu nổi đế quốc Mỹ ra khỏi thất bại trong trận quyết chiến không đối đất và đất đối không có ý nghĩa lịch sử này.

MŨI NỔ DẬY CỦA NHÂN DÂN SÀI GÒN - GIA ĐỊNH TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

- Ngày 29 tháng 4 năm 1975, khi quân ta nổ súng tiêu diệt địch ở vòng ngoài, nhân dân Tân Phú mở màn nổi dậy. Cả khu vực Ngã tư Bảy Hiền, cửa ngõ phía tây bắc thành phố, náo nức không khí khởi nghĩa. Đêm 29 tháng 4, công nhân và thanh niên cầm cờ cách mạng trên trụ sở địch, chiếm lĩnh cư xá Hỏa xa, hăng nước ngọt BGI. Sáng 30 tháng 4, thanh niên quận 2 tay không cướp bóc cảnh sát; các quận 10, 11, 6, 5, 7 nhất tề khởi nghĩa giành chính quyền trước khi bộ đội ta tiến vào thành phố. Quân ngụy bị kẹp giữa quả đấm thép của chủ lực ta phía trước và rừng cờ nổi dậy của nhân dân ở phía sau, chỉ còn cách quăng súng chạy trốn hoặc đầu hàng.

- Ở hướng bắc, 8 giờ sáng 30 tháng 4, lực lượng khởi nghĩa của phường 6 xã Thạnh Mỹ Tây treo lá cờ cách mạng đầu tiên lên đỉnh cột đèn cao 10m gần chùa Phước Viên. Tiếp đó nhân dân ở 8 phường đồng loạt nổi dậy, chiếm trụ sở hội đồng của ngụy quyền xã. Đơn vị xe tăng đầu tiên của ta vào thành phố đã mang theo lá cờ khởi nghĩa của nhân dân Thạnh Mỹ Tây và cắm trên nóc phủ tổng thống ngụy.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần thứ nhất: CON ĐƯỜNG DẪN TỚI CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH</i>	7
I. Cách mạng miền Nam từ thế đấu tranh chính trị tiến lên khởi nghĩa vũ trang từng phần, mở đầu bằng phong trào "Đồng Khởi"	9
II. Cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần tiến lên đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ	51
III. Động viên lực lượng cả nước, thực hiện quyết tâm đánh bại "Chiến tranh cục bộ", buộc đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh	84
IV. Đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ, giành thắng lợi quyết định	123
V. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	171
<i>Phần thứ hai: CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC</i>	197
<i>Phần thứ ba: ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH</i>	301
I. Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân được tuyên dương trong chiến dịch Hồ Chí Minh	303
II. Cá nhân Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	403
<i>Phần thứ tư: PHỤ LỤC</i>	447

**CHIẾN DỊCH
HỒ CHÍ MINH**

GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Chịu trách nhiệm xuất bản: **PHẠM QUANG ĐỊNH**
Biên tập: **LÊ HẢI TRIỀU**
Trình bày: **TỔ VI TÍNH**
Bìa: **MAI THƠ**
Sửa bản in: **MINH NGUYỆT - THÚY HỒNG**

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

23 Lý Nam Đế, Hà Nội - ĐT: 8455766, 7470780

Fax: (04) 7471106

CHIẾN DỊCH
HỒ CHÍ MINH
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Giá: 280.000đ